

Chiến Quốc Sách



GIẢN CHI - NGUYỄN HIẾN LÊ
(Chú dịch và giới thiệu)



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

CHIẾN QUỐC SÁCH

GIẢN CHI & NGUYỄN HIẾN LÊ

Chiến Quốc sách

Giới thiệu, trích dịch và chú thích

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

2001

PHẦN I

Giới thiệu

Trong phần này chúng tôi sẽ:

- Đặt chiến Quốc Sách vào thời đại của nó về phương diện lịch sử và phương diện văn học;
- Tìm hiểu nguồn gốc của nó: tác giả, nhan đề, và các bản hiệu đính;
- Nhận định giá trị của nó về phương diện tài liệu (lịch sử xã hội);
- Trình bày ít lời phê bình của một số độc giả từ đời Hán đến nay;
- Sau cùng phân tích giá trị của tác phẩm về phương diện văn học.

Thời Chiến Quốc

Đời Chu chia làm hai thời kỳ: thời kỳ thứ nhất đóng ở đất Phong, đất Cảo (miền Thiểm Tây bây giờ), nên gọi là Tây Chu (1134-770); đến thời Chu Bình Vương, bị rợ Hiểm Doãn và rợ Khuyển Nhung uy hiếp, nhà Chu phải dời đô qua Lạc Dương (Hà Nam) ở phía đông, từ đó bắt đầu thời kỳ thứ nhì gọi là Đông Chu (770-221).

Các sử gia chia thời Đông Chu này làm hai thời kỳ nữa: thời Xuân Thu (722-479) và thời Chiến Quốc (479-221).

Sự phân chia đó chỉ dựa trên một bộ sử biên niên của Khổng Tử, bộ Xuân Thu. Bộ này chép sử nước Lỗ từ năm thứ nhất đời Lỗ Ẩn Công (722) đến năm thứ mười bốn đời Lỗ Ai Công (481), gồm 242 năm; năm 479 là năm Khổng Tử mất. Chữ Xuân Thu mới đầu trở một năm (người ta lấy mùa xuân và mùa thu để tượng trưng một năm), rồi trở những bộ sử chép việc từng năm (vì vậy ngoài bộ xuân thu của Khổng Tử, còn nhiều bộ sử khác như của Công Dương, Cốc Lương, Tả Khâu Minh...cũng gọi là Xuân Thu).

Nhiều nhà đã thấy năm 722 và năm 481 (hoặc năm 479) không đánh dấu một chuyển biến lớn nào trong lịch sử, nên đã chia lại như sau: thời Xuân Thu: 770-403 từ đời Chu Bình Vương tới cuối đời Chu Uy Liệt Vương; thời Chiến quốc: 403-221, từ đời Chu An Vương đến khi Tần diệt Tề và thống nhất Trung Quốc.

Lối phân chia này hợp lý hơn (lấp được chỗ trống từ 770 tới 722) nhưng cũng vẫn là ép vì suốt đời Đông Chu, lịch sử và xã hội Trung Hoa biến chuyển liên tục, không bị gián đoạn, từ chế độ phong kiến cho tới chế độ quân chủ chuyên chế, từ tình trạng phân tán tới tình trạng thống nhất; mà năm 403 cũng không có biến cố nào quan trọng đủ để mở đầu một thời đại.

Từ khi đời đô qua phía đông, nhà Chu suy nhược lần lần: đất đai thì phải chia cắt để phong cho các Vương Hầu Công Khanh, nên mỗi ngày một thu hẹp lại, chỉ còn trông vào sự cống hiến của các chư hầu mà chư hầu thì như nước Lỗ, trong 242 năm chỉ triều cống có ba lần; không những vậy, vì cái danh nghĩa thiên tử đôi khi còn phải giúp lương thực cho chư hầu những năm họ mất mùa hoặc chiến tranh.

Nhà Chu tuy suy, nhưng các nước chư hầu chưa dám bỏ, vì chưa nước nào đủ mạnh để dẹp tất cả các nước khác. Họ lộng quyền, tranh giành, đánh nhau không ngớt, lại mượn danh nghĩa tôn Chu để sát phạt nhau nữa.

Số chư hầu trước kia trên một ngàn, tới đầu đời Đông Chu chỉ còn lại trên một trăm, vì nhiều nước nhỏ đã bị các nước lớn thôn tính. Nhưng trong số trên trăm nước đó, thời Xuân Thu chỉ có mười lăm nước là đáng kể: Tấn, Tần, Tề, Ngô, Sở, Việt,

Lỗ, Vệ, Yên, Tào, Tống, Trần, Thái, Trịnh, Trâu. Trong số mười lăm nước đó lại chỉ cho năm nước là hùng cường, kế tiếp nhau làm minh chủ, tức là ngũ bá: Tề (Hoàn Công), Tấn (Văn Công), Tống (Tương Công), Sở (Trang Công), Tần (Mục Công).

Qua thời Chiến quốc, số chư hầu giảm xuống còn trên một chục; Tề, Tần, Sở, Triệu, Ngụy, Hàn (ba nước này xưa là nước Tấn). Tống, Lỗ, Tần, Đằng, Yên, Trung Sơn...; nhưng chỉ có bảy nước lớn tranh hùng với nhau (thất hùng), tức: Tần, Tề, Sở, Hàn, Ngụy, Triệu, Yên. Trong số thất hùng, mạnh nhất là Tần, Sở, Tề vì đất đai đã rộng (rộng nhất là Sở) mà tài nguyên lại nhiều.

Các nước đó tổ chức những liên minh để đánh lẫn nhau. Có hai kế hoạch liên minh lớn nhất là kế hoạch “hợp tung” của Tô Tần và kế hoạch “liên hoành” của Trương Nghi. Tung có nghĩa là đường dọc, mà hoành có nghĩa là đường ngang. Các nước từ Bắc tới Nam, tức từ Yên đến Sở liên hợp với nhau thành một cái trục dọc để chống lại Tần, cho nên gọi là hợp tung. Để chống lại thế đó, Trương Nghi thuyết phục một số nước phía đông Tần cắt đất cầu hoà với Tần thành một trục ngang để đánh các nước kia, cho nên gọi là liên hoành. Tới cuối thời Chiến Quốc, rốt cuộc các mâu thuẫn lần lần tập trung lại thành mâu thuẫn giữa Tần và sáu nước: Hàn, Ngụy, Triệu, Yên, Tề, Sở.

Càng gần tới mãn cục thì chiến tranh càng khốc liệt mà tình cảnh càng bi đát: có nước bắt lính tới một phần năm dân số, ông già bảy chục tuổi cũng phải tòng quân, có nước thu thuế của dân tới hai phần ba huê lợi mới đủ nuôi quân đội. Trong

khi đó các chính khách, các nhà du thuyết bốn tấu không ngớt từ nước này qua nước khác, tấp nập trên đường, xe ngựa nối nhau, tàn lọng chạm nhau, vàng bạc châu báu tuôn ra để mua chuộc nhau, li tán nhau, phản gián nhau.

Thời đó là thời “đánh nhau để tranh đất, giết người đầy đồng; đánh nhau để tranh thành, giết người đầy thành”⁽¹⁾ thời “không có bậc thánh Vương nào ra đời, các vua chư hầu thì phóng túng, bọn xử sĩ thì bàn ngang luận càn”, thời “không dùng thế lực thì không thi hành được chính trị”.

Sở dĩ có cảnh loạn lạc đó, là vì xã hội Trung Hoa đương biến chuyển mạnh về phương diện chính trị, văn hoá, kinh tế.

Cái thế ở đầu thời Chu (trong nước có cả ngàn chư hầu) chỉ tạm vững khi nhà Chu còn mạnh. Khi nhà Chu bắt đầu suy, đời đô qua phía đông thì các nước chư hầu tất tranh giành nhau, vua Chu can thiệp, ngăn cản không được, do đó có nước thì mạnh lên, có nước thì suy đi. Một nước mà suy thì tất có một bọn quý tộc mất địa vị. Muốn phục hồi địa vị, họ phải dùng những người tài giỏi về chính trị, quân sự, kinh tế, trong mọi giới, cả trong giới bình dân. Nhờ vậy mà bọn giai cấp sĩ phu, lần lần tranh được quyền hành của bọn quý tộc.

Đầu thời Chu, chỉ hạng quý tộc mới được cầm quyền, mới được học. Khi họ sa sút mà thành bình dân thì trong giới bình dân bắt đầu có người học rộng. Khổng Tử là hạng người đó; ông đã mở phong trào tư nhân dạy học, bất kỳ

(1) Tương Tán là Bạch Khởi một đêm giết tới 400.000 quân Triệu đã đầu hàng.

giới nào xin vô học ông cũng nhận, và ông có công lớn trong sự khai hoá quần chúng. Đời sau, Mạc Tử, một triết gia trong giới bình dân, tiếp tục công việc đó mà sự giảng học phát triển rất mạnh. Nhờ vậy, trong giai cấp bình dân, có nhiều người tài giỏi như Tô Tần, Trương Nghi, Cam Mậu, Phạm Tuy, Ngô Khởi, Bạch Khởi... Chính bọn này đã đóng vai trò quan trọng trong cái thế chiến quốc.

Lại thêm kinh tế mở mang cũng là một nguyên nhân thúc đẩy sự chuyển biến về chính trị nữa.

- Dân số tăng lên (tổng số nhân khẩu thất quốc đời Đông Chu đã tới hai chục triệu), chế độ công điền, “thực ấp” hồi trước không còn hợp thời và nông dân oán trách bọn chủ nhân là “không cày không cấy mà lúa đầy vựa”. Thương Ưởng một phần vì hiểu rõ sự thế tự nhiên của thời đại, một phần vì muốn khuếch trương kinh tế cho Tần được mạnh, cho dân tự do khai khẩn (nông bản chủ nghĩa: coi thương Quân Thư, thiên Nông chiến và thiên Khẩu lệnh) do đó có một số bình dân thành phú gia, mà một khi địa vị đã cao thì quyền lợi cũng phải thay đổi, gây thêm mâu thuẫn nữa trong xã hội.

Phương pháp canh tác cũng tấn bộ: thời Xuân Thu người ta đã biết dùng bò kéo cày, thời Chiến Quốc người ta đã chế tạo dụng cụ bằng sắt⁽²⁾, nhờ vậy mà cày sâu hơn, nhanh hơn; người ta lại biết bỏ phân, làm hai mùa, đào kinh dẫn nước, tháo nước. Sự khẩn hoang (đặc biệt là Tần) phát triển mạnh, và để

(2) Năm 513, Tần đã dùng sắt để đúc những đinh ghi hình luật

khuếch trương công việc thuỷ lợi, bọn chủ điền muốn thống nhất đất đai, nhất là thống nhất những nước nhỏ cùng nằm trên một dòng sông⁽³⁾.

Chính sách thực sản của Quản Trọng ở nước Tề (khai mở đúc tiền, nấu nước làm bể muối, phát triển công nghệ, lập kho lẫm...) có kết quả rất tốt, ảnh hưởng tới nhiều nước khác và làm cho nền kinh tế chung tiến thêm một bước nữa.

Thương mại cũng có những hiện tượng mới: những nơi như Hàm Dương ở Tần, Lâm Tri ở Tề, Hàm Đan ở Triệu, Đại Lương ở Ngụy đều là những thành phố phát đạt về thương mại, dân chúng các nơi di cư lại thành một hạng thị dân. Bọn phú thương rất có thế lực, mua quan tước và bắt đầu tham gia chính trị, muốn phá bỏ biên giới ở các nước chư hầu để cho sự giao thông và thương mại khỏi bị trở ngại. Sử còn chép những thương gia danh tiếng như Y Đốn (người nước Lỗ, thời Xuân Thu), Bạch Khuê (người nước Ngụy, thời Chiến Quốc), Phạm Lãi, Đoan Mộc Tứ (Tử Cống)... Họ chẳng những buôn hàng hoá mà có khi còn muốn buôn cả vua nữa, như Lã Bất Vi.

Sau cùng còn tâm lý chung này nữa: làm dân một nước nhỏ thì phải chịu nhiều gánh nặng, nhiều nỗi điều đứng khốn khổ

(3) Đời Chu Tương Vương (Thế kỷ thứ 7 trước Tây Lịch), Tề Hoàn Công một lần triệu tập chư hầu ở Qùi Khâu, thay mặt vua Chu mà tuyên đọc năm điều cấm của nhà Chu, mà hai điều quan trọng nhất là:

Không được lấp dòng nước chảy.

Không được cấm đong thóc.

Coi truyện "Tây Chu tháo nước cho Đông Chu" (1 phần trích dịch - Đông Chu 4) ta thấy vấn đề nước để trồng lúa quan trọng ra sao.

trong thời loạn, cho nên ai cũng muốn làm dân một nước lớn, được thấy Trung Quốc thống nhất.

Trước cảnh loạn lạc ấy, làm sao vẫn hồi được trật tự ? Điều làm cho các triết gia Trung Hoa đời Chu thắc mắc. Đại loại có hai chủ trương:

Một chủ trương muốn giữ lại chế độ cũ, chế độ phong kiến, tăng uy quyền cho thiên tử, bắt các chư hầu phải phục tòng.

Một chủ trương muốn đập đổ chế độ cũ vì biết rằng nó không thể tồn tại được lâu nữa, mà lập một chế độ mới.

Theo chủ trương thứ nhất có Nho gia và Mặc gia. Mới đầu Khổng Tử muốn cứu vãn nhà Chu. Rồi sau, Mặc Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử thấy nhà Chu suy quá, bất lực quá, không thể cứu được, mong có một vị minh quân thay nhà Chu để thống nhất Trung Quốc mà thi hành chế độ cũ sau khi sửa đổi ít nhiều. Rõ nhất là chủ trương của Mạnh Tử. Một lần Lương Tương Vương hỏi ông: “Khi nào thiên hạ yên định được?”. Ông đáp: “Khi nào thống nhất thiên hạ thì yên định được... và ai không thích giết người thì thống nhất được... Hiện nay trong thiên hạ chẳng có một bậc chán dân nào mà chẳng ham giết người. Nếu có một vị vua có lòng nhân chẳng ham giết người hại chúng thì mọi người trong thiên hạ sẽ quay đầu ngóng cổ về vị ấy” (Lương Huệ Vương). Nghĩa là ông không tin gì nhà Chu nữa, muốn gặp bất kỳ một nhân quân nào biết theo đạo của ông để ông phò tá mà thống nhất thiên hạ.

Theo chủ trương thứ nhì có Đạo gia và Phát gia. Đạo gia muốn dùng chính sách phóng nhiệm, giảm thiểu chính quyền, cứ theo tự nhiên như thời sơ khai; họ tin rằng khi không còn giai cấp thì sẽ hết loạn, chẳng thống nhất mà cũng như thống

nhất. Như vậy phái này đã đảo một cái cựa (chế độ phong kiến) để trở về một cái cựa hơn (chế độ bộ lạc).

Pháp gia trái lại, không muốn trở về cái cựa mà muốn tiến tới một chế độ mới: họ muốn dùng chính sách độc tài, dùng vũ lực lật đổ chế độ phong kiến mà lập chế độ quân chủ chuyên chế. Họ cho đạo “vô vi”⁽⁴⁾; họ lại cho “vương đạo” của Khổng Mạnh chỉ làm quốc gia thêm loạn⁽⁵⁾, nên họ chủ trương “bá đạo”.

Chỉ xét sự biến chuyển về ý nghĩa của hai tiếng *vương, bá*, ta cũng thấy được đại cương của sự biến chuyển về tư tưởng chính trị trong đời Đông Chu.

Suốt đời Xuân Thu, tiếng vương trở vua Chu, tiếng bá trở vị đứng đầu chư hầu, nghĩa là chỉ có sự phân biệt địa vị chứ tuyệt nhiên không có ý nghĩa gì về chính sách trị dân, về tư cách ông vua.

Qua thời Chiến Quốc, Mạnh Tử là người đầu tiên dùng hai tiếng đó làm danh từ chính trị: Vương là chính sách dùng nhân nghĩa, bá là chính sách dùng sức mạnh mà trị dân. Trong thiên Công Tôn Sửu ông viết: “Người dùng sức mạnh mà mượn tiếng làm điều nhân là bá ; người làm bá phải có nước lớn. Người lấy đức làm điều nhân là vương; người làm vương không đời có nước lớn”.

⁽⁴⁾ Hàn Phi cũng dùng tiếng “vô vi” nhưng theo một nghĩa khác hẳn; vua cứ theo chính sách độc tài về chính trị, tự do về kinh tế thì chẳng cần làm gì cả (vô vi) mà nước sẽ trị.

⁽⁵⁾ Coi bài Tấn 1, 2 đoạn Tô Tấn thuyết Tấn Huệ Vương và bài Trung Sơn 7.

Đời sau Tuân Tử cũng theo nghĩa của Mạnh Tử, chỉ khác một điều là Mạnh Tử trọng vương mà rất ghét bá, cho vương và bá là hai chính sách trái ngược nhau, còn Tuân Tử thì không ghét hẳn bá, mặc dầu vẫn trọng vương.

Tới Hàn Phi, môn đệ của Tuân Tử, thì nghĩa của vương, bá đổi hẳn: ông vua nào giỏi dùng pháp, thuật mà có cái thế mạnh thì là vương, ông vua nào cũng dùng pháp thuật mà thế không mạnh thì là bá chính sách vương hay bá chỉ là một.

Hết thấy các nước đời Chiến Quốc đều theo chủ trương của Pháp gia.

Như trên, chúng tôi đã nói, trong số thất hùng, chỉ có Tần và Sở là mạnh nhất, rồi tới Tề.

Tần nhờ địa thế hiểm trở (cửa Hàm Cốc khi mà đóng lại thì không đội binh nào qua được), nhờ đất đai rộng (Tần đã chiếm thêm được miền Ba, Thục), nhờ dùng “biến pháp” của phái Pháp gia (Thương Ưởng, Lý Tư), nhờ tài cầm quân của Bạch Khởi, mà lần lần chiếm ưu thế về chính trị, kinh tế, quân sự, thôn tính các nước Hàn, Triệu, Ngụy, rồi uy hiếp Sở. Sở đáng lý phải thay đổi chính sách trị nước, liên hiệp với Tề chống Tần, phải ủng hộ chính sách hợp tung mà phản đối chính sách liên hoành; nhưng từ vua tới quan, đều mờ ám, không nghĩ tới dân, tới nước, chỉ cầu an nhất thời, nếu không phải là mưu tư lợi, - Khuất Nguyên rất đau đớn về tình trạng đó - thành thử Tần diệt. Tướng Tần là Bạch Khởi, sau khi chiếm Sở, phân tích nguyên nhân thất bại của Sở như sau: “Vua (Sở) thì mê muội cậy nước lớn, không để ý đến chính trị suy đồi; quần thần thì tranh quyền đoạt lợi, xu nịnh vua, hãm hại người trung,

không sửa thành quách, không lo phòng thủ”.

Sở đã bị diệt rồi thì tới phiên Tề, và lúc đó, ở Sơn Đông mọi người đều kinh khủng, lo cho thân phận của mình. Người ta nghĩ tới lời của Lỗ Trọng Liên (coi bài Triệu III 12), thấy cái nguy cơ sắp phải chịu cảnh lưỡi gươm Tần kề cổ, hốt hoảng hô hào một lần chót sự đoàn kết để chống Tần (coi bài Yên II 11), và tiếng kêu của thái tử nước Yên vang lên ai oán vô cùng (coi bài Yên III 5). Nhưng đã quá trễ. Vua Yên phải nhẫn tâm giết thái tử là Đan dâng thủ cấp cho Tần Thủy Hoàng mà Tần Thủy Hoàng cũng không tha, san phẳng kinh đô Yên để kết thúc thời Chiến Quốc mà hoàn thành công việc thống nhất Trung Quốc. Thế là “lục vương tất, tứ hải nhất”⁽¹⁾.

*

NGUỒN GỐC CHIẾN QUỐC SÁCH

Thời đại đó là thời đại quan trọng nhất trong lịch sử Trung Hoa, nên được nhiều sử gia ghi lại: nhưng những bộ sử căn bản làm nguồn tài liệu cho đời sau thì rất ít.

- Về đời Xuân Thu, ngoài bộ Xuân Thu của Khổng Tử, có những bộ:

Tả truyện, còn gọi là Tả Thị Xuân Thu, một bộ sử biên niên chép tình hình ngoại giao, quân sự, chính trị các nước từ năm 722 (đầu đời Lỗ Ẩn Công) đến năm 478 trước Tây lịch (đời Lỗ Ai Công).

⁽¹⁾ *Đỗ Mục - A phòng cung phi. Nghĩa là: sáu vua bị diệt, bốn bể thống nhất.*

Quốc ngữ chép lịch sử tám nước: Chu, Lỗ, Tề, Tấn, Trịnh, Sở, Ngô, Việt từ năm 990 (đời tây Chu Mục Vương) đến năm 453 trước Tây lịch, (đời Đông Chu Định Vương).

- Về đời Chiến Quốc chỉ có một mỗi bộ Chiến Quốc Sách - thực ra chưa đáng gọi là sử - chép việc của mười một nước: Chu, Tấn, Tề, Sở, Triệu, Ngụy, Hàn, Yên, Tống, Vệ, Trung Sơn từ năm 453 (đời Đông Chu Định Vương) tới năm 221 trước Tây lịch (tức năm 16 đời Tần Thủy Hoàng, năm mà Tần diệt xong lục quốc và thống nhất Trung Hoa).

Một học giả gần đây của Trung Hoa, La Căn Trạch, căn cứ vào câu này trong Sử Ký của Tư Mã Thiên: "Khoái Thông⁽²⁾ giỏi về trường đoản thuyết⁽³⁾, có tám mươi một bài luận về thuật quyền biến thời chiến Quốc" mà khẳng định rằng Khoái Thông là tác giả Chiến Quốc sách. Nhưng thuyết đó chưa được nhiều người chấp nhận và hiện nay các sách viết về văn học sử Trung Quốc đều theo thuyết cổ: Chiến Quốc sách do nhiều người viết và Lưu Hưởng thu thập, chỉnh lý lại, trễ lắm là năm 8 trước Tây lịch.

Lưu Hưởng (79-8), tự là Tử Chính, người đất Bái, là tôn thất nhà Hán, khoảng hai mươi tuổi làm chức Gián đại phu, dưới triều Tuyên Đế. Tính tình giản dị, không có uy nghi, ít giao du, chỉ thích sách vở, đúng là một học giả, Ông có tài văn chương (dâng mấy chục bài phú, tụng, được Tuyên Đế rất khen), giỏi

(2) Một người đầu đời Hán.

(3) Coi đoạn: "Thuật thuyết phục trong Chiến Quốc sách" ở dưới.

về ngũ kinh, lại thích cả thiên văn, phương thuật, có lần dâng cách luyện kim, xuýt bị tội là gạt vua. Thời Nguyên Đế, ông ghét bọn ngoại thích chuyên quyền, tính can vua, nhưng bị chúng hãm hại, bị truất làm dân thường trong mười năm. Thời Thành Đế, ông lại được bổ dụng, mới đổi tên cũ là Cảnh Sinh ra tên mới là Hươg, làm tới chức Quang lộc đại phu, lãnh việc hiệu đính là ngũ kinh bí thư. Nhưng bọn ngoại thích họ Vương lại chuyên quyền, ông dâng thư can vua, vua hiểu lòng ông, muốn dùng ông làm chức cửu khanh, mà bị họ Vương ngăn cản. Ông mất được mười ba năm thì Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán.

Các sách (Từ Hải, Từ Nguyên, Trung Quốc văn học gia liệt truyện - Quang Hoa thư điểm) chỉ chép rằng ông lưu lại những tác phẩm: Hồng phạm ngũ hành truyện luận, Liệt nữ truyện, Liệt tiên truyện, Tân tự, Thuyết uyển, và ba mươi ba bài phú mà bài Cửu thán nổi danh nhất; không nhắc đến việc ông thu thập, chỉnh lý Chiến Quốc Sách, có lẽ cho rằng công đó không đáng ghi chãng?

Nhưng ngày nay, còn lưu lại bài tựa Chiến Quốc Sách của ông, trong đó đại ý nói rằng khi thu thập các tài liệu, ông tìm được nhiều quyển sắp đặt lộn xộn, lại thấy tám thiên chép riêng về các nước, nhưng không đủ, ông bèn theo từng nước và theo thứ tự thời gian sắp đặt lại thành ba mươi ba thiên, hiệu chỉnh lại nhiều chữ sai lầm. Các bản ông dùng có nhiều tên khác nhau: Quốc sách, Quốc sự, Đoản Trường, Sự Ngũ, Trường Thư hoặc Tu Thư; ông nghĩ rằng sách chép những mưu mô của bọn du sĩ thời Chiến Quốc, nên đặt tên là *Chiến Quốc Sách*

Theo bài tựa đó thì Chiến Quốc sách không phải của một

người viết. Đọc qua một lượt, ai cũng nhận ra rằng tác phẩm không thuần nhất, tất cả là công trình của nhiều tác giả.

Vì cùng một việc mà mỗi chỗ chép một khác.

Chẳng hạn truyện Tần tấn công Nghi Dương (đất của Hàn). Bài Tần II 7, chép rằng Phùng Chương khuyên vua Tần mua lòng Sở, đem Hán Trung tặng Sở, để Sở Hàn đừng liên kết với nhau; còn bài Tần II 10 chép rằng Sở phản Tần mà liên kết với Hàn, vua Tần sợ, Cam Mậu bảo vua Tần không có gì đáng lo. Hai bài đó chỉ cách nhau có một trang, cùng chép việc xảy ra trước khi Tần chiếm được Nghi Dương, mà chép việc đã khác nhau như vậy. Còn một bài thứ ba nữa, bài Đông Chu 2 thì không chép gì về việc Sở liên kết với Hàn cả, mà Cảnh Thúc, tướng Sở, đi nước đôi để được cả thành của Tần lẫn bảo vật của Hàn. Những tài liệu đó không hẳn là mâu thuẫn nhau, nhưng nếu do một người viết thì tất cả gom lại để có sự nhất quán.

Lại thêm tên một vài người cũng không được nhất trí, chẳng hạn bài Đông Chu 21, chép là Xương Tha; bài Tây Chu 14, chép là Cung Tha; Giang Ất có chỗ chép là Giang Nhất hoặc Giang Doãn; Chu Tối có chỗ chép là Chu Tụ.

Bút pháp cũng không đều, điểm này chúng tôi sẽ xét riêng trong đoạn “Giá trị Chiến Quốc Sách về phương diện văn học” ở dưới.

Vậy chiến Quốc Sách do nhiều người viết, điều đó đã hiển nhiên. Nhưng những người đó ở thời nào? Hồi xưa người ta cho rằng Chiến Quốc Sách là tài liệu của sử quan các nước thời Chiến Quốc. Ngày nay đa số học giả nghi ngờ thuyết đó vì hai lẽ:

Năm 213 trước Tây lịch, Tần Thủy Hoàng ra lệnh đốt các sách thời Tiên Tần để thống nhất tư tưởng, diệt tinh thần địa phương; mặc dù sử chép rằng mỗi cuốn còn lưu lại một bản ở Góc Thạch Cừ (thư viện triều đình) nhưng những tài liệu về sử, nhất là những tài liệu có hại cho Tần, không chắc gì Tần chịu giữ lại.

Vả lại, xét nội dung Chiến Quốc Sách thì phần lớn không phải tài liệu đáng tin về sử, mà có lẽ chỉ là những luận thuyết biện thuyết dựa vào lịch sử mà viết; điểm này chúng tôi sẽ xét thêm ở một đoạn sau.

Vì vậy, hiện nay người ta tạm cho rằng Chiến Quốc Sách do các chính khách hoặc các nhà văn học viết trước đời Tần và do Lưu Hưởng thu thập, xếp đặt lại⁽⁴⁾.

Nhưng chính bản của Lưu Hưởng thì chúng tôi không thấy ai nhắc tới nữa, mà chỉ thấy nhắc tới những bản do người đời sau hiệu đính lại.

Trong bài tựa cuốn Bạch thoại dịch giải Chiến Quốc Sách độc bản của Diệp Ngọc Lân (Quảng Ích thư cục - 1947) có chép:

⁽⁴⁾ Chúng tôi nhận thấy một số truyện trong chiến Quốc Sách gần y hệt (chỉ sai vài chữ) một số truyện trong hai thiên Thuyết lâm thượng và Thuyết lâm hạ của bộ Hàn Phi Tử.

Như các truyện:

- Tri Bá sách địa ư Ngụy Hoàn tử (Ngụy sách)
 - Ó nhân chi Chu (Đông Chu sách)
 - Hữu biến bất tử chi được (Sở sách)
 - Nhạc Dương vì Ngụy tướng (Ngụy sách) đều chép trong Thuyết lâm thượng.
- Và truyện
- Tinh Quách Quân tương thành Tiết (Tế sách) chép trong Thuyết lâm hạ.

Vì vậy chúng tôi ngờ rằng người biên tập Chiến Quốc Sách đã chép cả một số bài của Hàn Phi, nói cách khác Hàn Phi cũng là một trong những tác giả của Chiến Quốc Sách.

“Những nhà hiệu đính Chiến Quốc Sách thì Tăng và Diêu là đúng hơn cả; những nhà chú thích Chiến Quốc Sách thì Bão và Ngô là minh bạch hơn cả”.

Tăng là Tăng Cung (1019-1073), một văn sĩ đời Tống, đồng thời với Vương An Thạch, Tô Thức, và cùng với hai nhà này, nổi tiếng về cổ văn đứng vào hàng “bát đại gia” của Trung Quốc.

Diêu là Diêu Bá Thanh là một người đời Tống, đồng thời với Nhạc Phi.

Bão là Bão Mưu (chưa rõ ở đời nào).

Ngô là Ngô Sư Đạo, người đời Nguyên, thế kỷ 14.

Nhưng chính trong bài Tựa, Tăng Cung có nói Cao Dụ đã chú thích trước ông. Cao Dụ là người đời Đông Hán, ngoài bộ Chiến Quốc Sách còn chú thích Hiếu Kinh, Lã Thị Xuân Thu, Hoài Nam Tử.

Ngoài ra còn rất nhiều người hiệu đính và chú thích nữa, theo bài tựa bản Quảng Ích thư cục in gần đây thì bản Chiến Quốc Sách chú của Vu Hương Thảo là công phu nhất, không bản nào hơn.

Những bản mà hiện nay người ta thường dùng là:

Chiến Quốc Sách hiệu chú trong Tử bộ tùng san

- Thương vụ ấn thư quán - 1920-1922.

Trùng khắc Diệm Xuyên Diêu thị bản Chiến Sách - Sĩ Lễ Cư tùng thư.

Bách thoại dịch giải Chiến Quốc Sách của Diệp Ngọc Lân,

in lại ở Hương Cảng sau năm 1960, không rõ năm nào. Bản này có ít nhiều lỗi.

Chiến Quốc Sách bố chú của Vương Tăng Kỳ và Chu Nguyên Thiện - Thương vụ ấn thư quán - 1922.

Chiến Quốc Sách tường chú của Quách Hi Phần - Vương Mậu xuất bản 1931.

Chiến Quốc Sách tuyển giảng - Lưu Đức Huyền⁽⁵⁾ xuất bản năm 1958. Nhiều chú giải thiên kiến.

Các học giả Nhật Bản cũng nghiên cứu Chiến Quốc Sách như: Hoàn Điền Duy Hiếu (Yokota Iko) có cuốn *Chiến Quốc Sách chính giải* in lần đầu năm 1829.

Hộ Kỳ Đạm Viên (Tosaki Tan'en) có *Chiến Quốc Sách khảo thông tin* in năm 1776.

Quan Quân Trường (Saki Kuncho) có *Chiến Quốc Sách Cao chú bố chính* in năm 1796.

Trung Tỉnh Lý Hiên (Nakai Riken) có *Chiến Quốc Sách chính giải* ⁽⁶⁾.

⁽⁵⁾ Chỗ này Từ Hải và Khang Hy tự điển đều không có, chúng tôi biết đọc ra sao.

⁽⁶⁾ Tài liệu đoạn này rút trong cuốn *Intrigues* của J.I. Crump, Jr (The University of Michigan Press - 1964).

GIÁ TRỊ TÀI LIỆU LỊCH SỬ

Các sách văn học sử của Trung Hoa đều sắp Chiến Quốc Sách vào loại tản văn lịch sử đời Tiên Tần, nhưng nhiều học giả cho rằng nên sắp nó vào loại luận thuyết, đúng hơn vào loại biện thuyết vì giá trị về tài liệu lịch sử của bộ đó rất kém.

Dưới đây chúng tôi xin tóm tắt ý kiến những học giả đó do Crump thu thập trong cuốn *Intrigues*.

Từ thế kỷ mười hai, đời Tống, Triệu Công Vũ, trong cuốn *Quận Trai* độc thư chí đã cho rằng Chiến Quốc Sách không chứa những thực lục (nghĩa là không biên chép các sự thực xảy ra trong triều đình, trong nước) nên không thể coi bộ đó là sử, mà chỉ coi là tác phẩm của bọn người theo phái tung hoành.

Phái tung hoành tức là bọn mưu sĩ đời Chiến Quốc như Tô Tần, Trương Nghi... Nhân vật quan trọng nhất trong Chiến Quốc Sách là Tô Tần. Mà ngay nhân vật đó, một số học giả cũng cho là vị tất đã có thật, có lẽ chỉ là một nhân vật tiểu thuyết.

Đầu thế kỷ mười chín, Mã Quốc Hàn (1794-1857), đã thu thập tất cả các đoạn, bài trong Chiến Quốc Sách và *Sử Ký* (của Tư Mã Thiên) viết về Tô Tần, xếp đặt theo thứ tự để viết lại một cuốn đã thất truyền nhan đề là *Tô Tử* mà trả tiểu sử Tô Tần về khu vực văn chương, nếu không phải là khu vực tiểu thuyết.

Lương Ngọc Thành, cũng ở thế kỷ trước còn trách Tư Mã Thiên là đã tạo nên tính tình và tư cách của Tô Tần.

Tề Tư Hoà phân tích các lời biện thuyết của Tô Tần, Trương Nghi và thấy nhiều chỗ sai niên đại, rồi cho rằng những lời đó không thể do Tô, Trương thốt ra, viết ra được, mà tất do những tung hoành gia đời sau chép.

Và gần đây, (1955) Dương Khoan bảo có nhân vật Tô Tần thật, nhưng những biện thuyết của Tô thì đều là của bọn tung hoành gia đời sau.

Có điều này đáng để ý là Truyện Tô Tần tự biện hộ (Yên I 5), chép lại gần đúng trong truyện Tô Đại thuyết vua Yên (Yên 1 13)⁽¹⁾. Dưới đây chúng tôi xin trích trong mỗi truyện một đoạn để đọc giả so sánh”.

Truyện Yên I 5 chép:

“Hàng xóm của tôi có một người đi làm quan ở xa, người vợ cả ở nhà tư thông với kẻ khác. Khi người chồng sắp về, tình nhân của người vợ tỏ vẻ lo lắng, người vợ bảo: “Anh đừng lo, em đã chế một thứ rượu độc để sẵn cho hấn rồi”. Hai ngày sau người chồng về, người vợ cả sai người vợ bé bưng chén rượu dâng chồng. Người vợ bé biết là rượu có thuốc độc, dâng chồng thì giết chồng mà nếu cho chồng hay thì người vợ cả sẽ bị đuổi, bèn làm bộ té, rượu đổ hết. Người chồng cả giận, lấy roi quất người vợ bé”.

Truyện Yên 1 13 chép:

⁽¹⁾ Cũng nên so sánh hai truyện tế III 3 và Triệu I 8: Tô Đại và Tô Tần đều dẫn truyện tương đất và tượng gỗ để tiếp kiến.

“Xưa (...) có người chồng đi làm quan ở xa ba năm không về nhà, người vợ cả có tình nhân. Người tình nhân này bảo: “Chồng của em đi về thì làm sao bây giờ?” Đáp: “Anh đừng lo, em đã chế một thứ rượu độc để sẵn cho hấn rồi”. Quả nhiên người chồng về, người vợ cả bèn sai vợ bé đem rượu độc, dâng chồng. Người vợ bé biết là rượu độc, đương đi ngừng lại suy nghĩ: “Nếu đưa cho chồng ta uống thì là giết chồng; nếu cho chồng hay sự thực thì chị cả bị đuổi, sao bằng làm bộ vấp cho rượu đổ hết đi”. Rồi làm bộ té, đổ rượu. Người vợ cả bảo chồng. “Anh ở xa mới về nên chế thứ rượu ngon để dâng anh mà dì ấy té đánh đổ mất rồi”. Người chồng không biết đầu đuôi, trối người vợ bé mà quát”.

Vì có những chỗ trùng nhau như vậy, cho nên có người nghi rằng cả ba anh em họ Tô - Tần, Lệ, Đại - đều không có thực.

Nhưng đại chúng từ Tây Hán về trước cứ cho Tô Tần là có thực vì họ muốn tin là có thực. Họ muốn tin rằng có một nhân vật liên kết Lục quốc để chống nhà Tần mà họ ghét là độc tài, tàn nhẫn, không văn minh, lại có dã tâm xâm chiếm Trung nguyên. Nhất là khi Tư Mã Thiên đem Tô Tần vô *Sử Ký* đề cao tư cách Tô Tần bằng giọng văn cảm khái, hùng hồn thì người đời sau chịu ảnh hưởng của ông, càng cho Tô Tần là có thật, *Chiến Quốc Sách* là tín sử.

Ngoài ra, còn nhiều đoạn chép về những nhân vật khác cũng không đúng nữa. Theo Ngô Sư Đạo thì truyện Trâu Kị khuyên vua nghe lời can (Tể 1 12) là sai: không phải là Trâu Kị mà có lẽ là Điền Ba, người nước Tể. Trong *Chiến Quốc Sách dật văn khảo* của Chư Tổ Cảnh có chép một truyện giống truyện đó rút trong bộ *Tân tự* mà nhân vật đẹp trai là Điền Ba. *Lã Thị*.

Xuân Thu cũng chép một truyện đời Tề Mẫn Vương, ý nghĩa như vậy mà nhân vật Liệt Tinh Tử Cao.

Theo Phương Niên thì truyện Tần III 11 cũng sai vì khi Tần vây thành Hình, Trương Nghi đã chết rồi.

Những truyện chép về Lỗ Trọng Liên, một nhân vật lý tưởng trong Chiến Quốc Sách cũng không đáng tin. Bài Mạnh Thường Quân không biết trọng kẻ sĩ (Tề IV 3) chứa một ý thường lặp đi lặp lại: phải thực sự tôn trọng kẻ sĩ thì kẻ sĩ mới hy sinh cho mình. Tác giả bài đó cho Lỗ Trọng Liên trách Mạnh Thường Quân là chưa thực trọng kẻ sĩ thì rõ là có giọng khắc nghiệt quá, e không đúng vì trong lịch sử Trung Quốc, Mạnh Thường Quân là nhân vật đáng khen nhất về đức chiêu hiền và đãi sĩ.

Tiền Mục là người tố cáo mạnh nhất tính cách không xác thực về sử liệu của Chiến Quốc Sách. Ông rón kiếm trong Sử ký có một đoạn, đoạn Nhạc Nghị trả lời vua Yên⁽²⁾ lại dẫn lời Trương Văn Hổ (1808-85) để chứng minh rằng thời Chiến Quốc, danh từ hợp tung không nhất định có nghĩa liên kết để chống Tần, mà chỉ có nghĩa là liên kết thôi, liên kết để chống Tề cũng gọi là hợp tung.

Chung phương Niên trong *Quốc Sách khám nghiên* (Bắc kinh - 1936) cũng chủ trương rằng tự ý liên hợp vì cái lợi chung

(2) Đoạn đó như sau, do Crump trích dẫn trong *Itrigues* trang 91:

... Và Yên Chiêu Vương hỏi (Nhạc Nghị) về việc đánh Tề Nhạc Nghị đáp:

"Tề là một nước đời trước đã làm bá, đất rộng, dân đông không dễ gì một mình đánh Tề được. Nếu đại vương muốn đánh Tề thì nên hợp lực với Triệu, Sở, Ngụy...".

Các nước chư hầu đều bất bình về thái độ ngạo mạn của Tề Mẫn Vương, và họ hăng hái hợp tung với Yên để đánh Tề.

thì gọi là *tung*, ép buộc người ta theo mình là *hoành*. *Tung* do chữ *Tòng* mà ra, có nghĩa là dọc, là thuận, theo; *hoành* có nghĩa là ngang, trái, nghịch với phép thường.

Khi các học giả Trung Hoa dẫn sách cổ để tranh luận với nhau về ý nghĩa các danh từ thì chúng ta chỉ thêm phân vân và cuộc tranh luận kéo dài hàng năm. Không bên nào thuyết phục được bên nào.

Các học giả phương Tây cũng góp ý kiến vào vấn đề.

Maspéro trong bài *Le roman de Sou Ts'in, Etudes Asiatiques 2* (1925), và trong *Le roman historique dans la littérature chinoise de l'antiquité* (1929), *Mélanges posthumes 3* (1950) chứng minh rằng phần lớn Chiến Quốc Sách là tưởng tượng, tiểu thuyết; rằng nhân vật Tô Tần được hoan nghênh, nên tác giả tạo thêm hai nhân vật tưởng tượng Tô Lệ, Tô Đại cũng giỏi biện thuyết như Tô Tần; rằng cứ đối chiếu các niên đại về cái mà người ta gọi là chính sách hợp tung của Hàn, Ngụy, Triệu, Tề, Yên để chống Tần với niên đại những việc xảy ra (theo Chiến Quốc Sách) trong khi có chính sách hợp tung đó, thì các trục hợp tung phải tan rã một năm trước khi nó thành lập ! *Intrigues - 29*)

Crump nhận rằng Chiến Quốc Sách quả có chép những việc thực xảy ra như việc Lương Huệ Vương chiếm Hàm Đan, Tần đánh Nghi Dương, Yên đánh Tề, Tần đánh Hàm Đan nhưng người chép truyện chỉ dựa vào một chút lịch sử rồi tưởng tượng thêm.

Chẳng hạn truyện Lương Huệ Vương chiếm Hàm Đan (coi bài Tề 16) ông bảo nếu là thực lục thì không có hình thức như

vậy. Có lý nào vua Tề là Điền Hầu muốn cứu Triệu mà lại đem quân đóng ở thành Hàm Đan trong khi Hàm Đan (kinh đô Triệu) bị Lương (tức Ngụy) bao vây. Lại thêm thái độ của Đoàn Can Luân cũng lạ lùng: để vua Tề ra lệnh cho quân đóng ở ngoài thành Hàm Đan rồi sau mới bảo như vậy không có lợi, phải đem quân đánh Tương Lăng cho Lương mệt mỏi. Chẳng qua người viết muốn vạch rõ sự ngu muội của vua Tề mà bịa ra như vậy. Vả lại theo Crump, trong sử không chép tên Đoàn Can Luân, nhưng có chép hai người ở khác Đoàn Can - có lẽ là một châu thành của Lương - có liên lạc với triều đình Lương và một trong hai người đó có liên lạc với triều đình Tề.

Vậy tác giả đó có dựa trên một sự kiện lịch sử và tạo thêm nhân vật Đoàn Can Luân để có vẻ đúng sự thật phần nào, dùng tên Đoàn Can để tỏ rằng mình biết chuyện chứ không phải nói mò.

Truyện đánh Nghi Dương (ba bài này Crump đánh số 66, 10-66, 11-66, 12, chúng tôi đều bỏ) chép rất lộn xộn, khó hiểu; mà truyện Cam Mậu tấn công Nghi Dương (Tần II 6) nhân vật Hướng Thọ rõ là thừa.

Về việc Yên đánh Tề, ông cũng nghĩ như Ngô Sư Đạo rằng bài Lỗ Trọng Liên thuyết tướng Yên (Tề IV 2) và cả bài Đỗ Trọng Liên không chịu tôn Tần (Triệu III 12) nhất định không phải là sử liệu, chỉ là những bài văn luận thuyết hoặc biện thuyết. Trong *Sử Ký Tư Mã Thiên* chép trọn hai truyện đó. Ngoài ra không nói gì thêm về Lỗ Trọng Liên. Nhân vật đó hiện ra như để đại diện cho Nho gia ở cuối thời chiến Quốc, không có vẻ là một nhân vật lịch sử, một nhân vật thật.

Rồi Crump kết luận rằng *Chiến Quốc Sách* không phải là một bộ sử mà chỉ là bộ luận thuyết.

Tóm lại, các học giả đều đồng ý với Triệu Công Vũ rằng *Chiến Quốc Sách* không phải là thực lục, những truyện trong đó có dựa vào ít tài liệu lịch sử, nhưng không nên coi bộ đó là một bộ sử. Người ta chỉ còn phân vân ở điểm này, những nhân vật Tô Tần, Trương Nghi có thực hay không. Một nhóm - số ít - cho là không có thực, như vậy *Chiến Quốc Sách* gần như có vẻ tiểu thuyết và những bộ chép về thời đó phải chép lại vì không có Tô Tần, Trương Nghi thì không có cả chính sách hợp tung và liên hoành; một nhóm khác - số đông - cho rằng tài liệu trong *Chiến Quốc Sách* tuy không đáng tin hẳn, nhưng Tô Tần, Trương Nghi có thực, chính sách hợp tung và liên hoành có thực. Hai nhà đó là thủy tổ của phái tung hoành gia, tức bọn ngoại giao mưu sĩ; phái này sau khi Tần bị diệt, vẫn còn, tức như Khoái Thông, tác giả 81 bài luận về quyền biến mà Tư Mã Thiên đã chép trong *Sử ký*. Tuy nhiên những lời biện thuyết của Tô và Trương, phần nhiều do người đời sau thêm bớt, tưởng tượng.

Vậy chúng ta đừng nên coi *Chiến Quốc Sách* là sản phẩm của sử - phái đời Tiên Tần⁽³⁾ mà nên coi nó là tác phẩm của luận - phái đời Tiên Tần hoặc đời Tây Hán: mà đọc *Chiến Quốc Sách* chúng ta đừng nên tìm tài liệu trong đó, chỉ nên tìm hiểu xã hội Trung Hoa, tư tưởng và chính sách của bọn chính khách mưu sĩ thời *Chiến Quốc*, nhất là thưởng thức giá trị nghệ thuật tự sự, luận thuyết, tức là giá trị về văn học của bộ đó thôi.

⁽³⁾ Trong cuốn *Cổ văn Trung Quốc* chúng tôi đã sắp như vậy, là lầm - Nguyễn Hiến Lê.

Trước khi xét những giá trị đó, chúng tôi muốn nêu qua điểm thắc mắc này mà chúng tôi chưa thấy học giả nào bàn tới.

Tư Mã Thiên sanh năm 145 trước Tây lịch (trước Lưu Hươg), mất năm nào chưa rõ; bộ Sử ký của ông, đến đời Hán Tuyên Đế (73-49) được một người cháu ngoại tuyên bố.

Lưu Hươg thu thập Chiến Quốc Sách hồi ông giữ chức quang lộc đại phu, dưới triều Thành Đế; nghĩa là trong khoảng 32-8 TL. Như vậy Lưu Hươg có biết bộ Sử Ký không? Chắc là không vì bài tựa Chiến Quốc Sách không thấy ông nhắc tới.

Mà Sử Ký và Chiến Quốc Sách chép nhiều truyện giống nhau, chẳng hạn những truyện.

Vẽ rắn thêm chân (Tề II 4)

Đàm thập tử khuyên Mạnh Thường Quân (Tề IV 4)

Tô Tần (Tần 12)

Tô Tần tự biện hộ (Yên I 5); hai bài chỉ khác nhau có ít chữ.

Lỗ Trọng Yên thuyết tướng Yên (Tề IV 2)

Lỗ Trọng Liên không chịu tôn Tần (Triệu III 12)

Diễn Đan và kinh Kha (Yên III 5)

.....

Như vậy tất hai bộ phải cùng chung một nguồn; nguồn đó là nguồn nào?

*

XÃ HỘI TRUNG HOA TRONG CHIẾN QUỐC SÁCH

Tài liệu lịch sử trong Chiến Quốc Sách tuy không đáng tin nhưng cũng cho ta hiểu được tình trạng xã hội Trung Hoa thời Đông Chu vì dù tác giả của bộ đó có tưởng tượng mưu mô, các lời biện thuyết của bọn biện sĩ thì ít nhất cũng dựa vào một phần nào vào sự thực để không trái ngược với cảnh huống xã hội.

Thời Chiến Quốc là một thời đại loạn, mà trong thời loạn nào cũng có sự đảo lộn về địa vị một vài hạng người và một số giá trị tinh thần.

Sự đảo lộn về địa vị trong xã hội thời Chiến Quốc.

Đầu đời Xuân Thu, Trung Hoa có ba giai cấp: giai cấp quý tộc nắm hết quyền trị dân, chỉ họ mới được học và có phương tiện để học; nếu họ có tội thì không bị hình phạt như những giai cấp dưới; - giai cấp thường dân, hầu hết là nông dân mà tình cảnh cũng giống tình cảnh của nông nô ở Châu Âu thời trung cổ; - sau cùng giai cấp nô lệ gồm những thường dân bị hình phạt nặng và tù binh, dân chúng các nước bại trận ⁽¹⁾.

Tới đời Chiến Quốc đã có nhiều sự thay đổi trong hai giai cấp trên. Trong giai cấp quý tộc, có những kẻ mạnh lên và cũng có kẻ suy vi, lần lần tụt xuống hàng thứ dân, thành thứ

⁽¹⁾ Có lẽ nên kể thêm hạng quan nhân, giúp việc cho bọn quý tộc (nhạc công, lễ quan và võ quan) sau này, khi thất thế, hợp với bọn thứ dân có học, thành giai cấp sĩ và hiệp sĩ.

trong giai cấp thứ dân có được một hạng người có học. (Khổng Tử sinh trong một quý tộc suy tàn). Nhất là từ khi Khổng Tử, Mặc Tử, Mạnh Tử gây phong trào giáo dục bình dân thì trong giới bình dân, có một hạng sĩ mà địa vị mỗi ngày mỗi lớn như đoạn dưới chúng tôi sẽ xét.

Qua thế kỷ thứ 4 trước T.L. theo chính sách trung ương tập quyền. Thương Ưởng đã đánh những đòn mạnh nhất vào giai cấp quý tộc, tước lẫn quyền của họ. Ông lập chính sách khẩn hoang, cho dân chúng quyền làm chủ những đất mới họ có công khai thác, do đó thêm một bọn phú nông xuất hiện, bọn này với bọn phú thương sẽ tranh quyền với bọn quý tộc. Ông lại cả gan bãi bỏ cái tục quý tộc không bị hình phạt như thứ dân: thái tử Tần phạm phép nước, ông bảo: Mọi người chẳng kể sang hèn đều bình đẳng về pháp luật, nhưng thái tử sẽ kế ngôi vua, không thể bắt thái tử chịu tội, thì bắt hai viên sư phó dạy thái tử phải chịu tội thay. Rồi ông thích chữ lên má hai viên này, và cắt mũi họ.

Đọc Chiến Quốc Sách, chúng ta thấy tác giả ít nhắc đến địa vị của hạng phú thương, không nhắc tới địa vị bọn nô lệ, mà nhắc nhiều nhất tới địa vị của bọn vua chúa và kẻ sĩ.

Trong bọn *vua chúa*, có một sự đảo lộn về địa vị: Vua Chu tuy vẫn còn cái danh là thiên tử, tuy vẫn xưng vương nhưng đã mất hết quyền hành và thường bị chư hầu lấn hiếp.

Lưu Hưởng đặt nhà Chu lên đầu sách (sau tới Tần, Tề, Sở; ba chư hầu mạnh nhất, cuối cùng là những chư hầu yếu nhất: Tống, Vệ, Trung Sơn) nhưng số bài về Chu rất ít, chỉ bằng một phần ba của Tần.

Coi trên bản đồ ở đầu sách, ta thấy đất Chu rất hẹp; đã vậy lại chia làm hai: Đông Chu và Tây Chu, mà hai nước Chu đó lại

có khi hục hặc với nhau (coi bài Đông Chu giữ Tây Chu chiến - Đông Chu 3 - chúng tôi không dịch), làm sao mà không bị chư hầu coi rẻ được.

Cho nên ở đầu sách, chúng ta đã thấy ngay Tần muốn phế Chu Hiến Vương để lên ngôi thiên tử (bài Tần đòi chín cái đỉnh của Chu - Đông Chu 1), rồi Triệu muốn lấy tế điền của Chu (Đông Chu 17). Đã nghèo mà Chu phải tiếp tế cho Hàn, tiếp tế rồi lại sợ Sở giận (Đông Chu 7); một lần khác vì chứa một kẻ muốn ám sát tế tướng Hàn, sợ Hàn giận, vua Chu phải xin lỗi: “Nước nhỏ đâu dám chứa kẻ thích khách...” (Đông Chu 23).

Đọc bài Vua nước nghèo nên lựa bề tôi ra sao (Đông Chu 18), thấy tình cảnh Chu thật đáng thương: vì nghèo vua Chu muốn “thờ” các chư hầu cũng không được thậm chí muốn dùng kẻ sĩ có danh vọng cũng không được, họ khinh mà không thềm nhận chức tước của Chu, đành phải dùng những kẻ sĩ cùng khốn vậy. Và ta thấy bọn mưu sĩ tài giỏi như Tô Tần, Trương Nghi, Phạm Tuy, Cam Mậu...chỉ bôn ba qua Tần, Tề, Sở... chứ có bao giờ tìm tới Chu⁽²⁾.

Đời Xuân Thu, chỉ vua Chu mới được gọi là vương, còn các chư hầu dù mạnh, dù làm minh chủ, cũng chỉ gọi là bá, là công: Tề Hoàn Công, Tần Mục Công, Sở Trang Công...; qua đời chiến Quốc, vua nước chư hầu nào cũng là vương cả: Tần Huệ vương, Tề Tuyên vương, Sở Hoài vương, Yên Chiêu vương...có lẽ như vậy mới thực là danh chính ngôn thuận, vì vua Chu đã biết thân phận, phải xử nhũn với các chư hầu, gọi nước mình là một ấp nhỏ (tê ấp), thì gọi là bá, nghe sao được.

⁽²⁾ Ngay Khổng Tử và Mạnh Tử thời trước, bôn ba khắp các nước mà cũng không bao giờ tìm tới Chu.

Đời Xuân Thu, đôi khi những vị bá còn mượn danh thiên tử nhà Chu tập hợp chư hầu để mưu tính một việc gì có lợi riêng cho mình hoặc có lợi chung cho chư hầu (như tể hoàn công chín lần tập hợp chư hầu hoặc để tôn Chu, hoặc để phạt Lỗ...); qua đời Chiến Quốc, họ không thêm mượn danh thiên tử nữa, cơ hồ như không biết có vua Chu nữa mà vua Chu cũng cầu họ để yên cho mình giữ chín cái đỉnh thêm được năm nào hay năm ấy. Thậm chí tới các nhà trí thức, các triết gia (như Hàn Phi), các bậc quân tử (như Lỗ Trọng Liên, Nhan Súc) cũng quên hẳn nhà Chu không một ai lên tiếng nhắc nhở thiên hạ trong nhà Chu cả.

Về phương diện xã hội, một sự đảo lộn địa vị nữa cũng không kém quan trọng là sự *thăng tiến của hạng sĩ*, và *Chiến Quốc Sách* là bộ sách duy nhất đặc biệt chú ý tới hạng đó.

Đời Xuân Thu, đã có một ít người tài giỏi trong giai cấp bình dân nhảy lên những địa vị cao, như Bách Lý Hề, Quán Trọng, Ninh Thích... nhưng thời Chiến Quốc mới thực sự là hoàng kim thời đại của kẻ sĩ. Thời thế mỗi lúc một cấp bách, các vua chư hầu muốn tồn tại được thì phải dùng những người tài giỏi về chính trị, ngoại giao, kinh tế, võ bị... bất kỳ trong giai cấp nào: ngay trong các quý tộc như Mạnh Thường Quân, muốn giữ địa vị của mình cũng cần có những kẻ sĩ làm quân sư, hoặc làm hậu thuẫn để cho nhà vua phải kính nể mình: vì vậy người ta đua nhau chiêu hiền đãi sĩ và như Crump đã nói trong *Intrigues*, “tiếng kêu bất tuyệt trong thời Chiến Quốc là phải biết dùng người”.

Ở đây chúng ta cần định nghĩa rõ thế nào là kẻ sĩ.

Thời Chiến Quốc, chữ *sĩ* trở bốn hạng người:

1. - Học sĩ như các nhà theo Nho, Mặc, Lão.

2. - Sách sĩ - cũng gọi là biện sĩ - tức các nhà giỏi biện luận, du thuyết bọn cầm quyền, thường là theo phái danh gia, pháp gia, như Tô Tần, Trương Nghi, Phạm Tuy...

3. - Phương sĩ hoặc thuật sĩ gồm những thiên văn gia, y gia, nông gia (ngày nay người ta gọi là kỹ thuật gia), và những nhà chuyên về bói toán, nghiên cứu về âm dương, cách tu tiên, luyện đan.

4. - Bọn thực khách rất đông và rất tạp của các quý tộc như Mạnh Thường Quân, Bình Nguyên Quân. Bọn này gồm các hiệp sĩ, cả những kẻ thích khách, tội phạm, sống bám vào chủ, chờ lúc nào chủ nhờ cậy việc gì thì làm, nhưng được coi như khách trong nhà (cho nên gọi là thực khách) chứ không thuộc hạng tôi tớ.

Trong cả bộ *Chiến Quốc Sách* gồm bốn năm trăm truyện dài hoặc ngắn, chỉ có năm sáu truyện chép về hạng sĩ thứ nhất, hạng học sĩ, như truyện về Lỗ Trọng Liên (Tê IV 3, Tê VI2, Triệu III 12), về Mặc Tử (Tống 2)...; vài ba truyện về phương sĩ như truyện Biển Thước (Tần II, 5), nếu kể thêm những nhà quân sự đại tài như Bạch Khởi (Trung Sơn 10), Triệu Xa (Triệu III 1) thì cũng được bảy tám truyện; một số nhiều hơn (một, hai chục) chép truyện các hiệp sĩ như Dự Nhược (Triệu I, 4), Nhiếp Chính (Hàn II 19)...; còn bao nhiêu toàn là chép mưu mô của bọn sách sĩ, bọn dùng ba tác lược mà lần lần chiếm địa vị của giai cấp quý tộc trong các triều đình, gây thành một giai cấp quan lại ở đời Tần và Hán sau này.

Bọn sách sĩ đó hầu hết sinh trong giai cấp bình dân, hồi nhỏ sống trong chốn hang cùng ngõ hẻm, nhưng thông minh, có chí, quyết lập nên sự nghiệp.

Tô Tần là nhân vật điển hình của bọn họ. Tô Tần có thể là do óc tưởng tượng của tác giả tạo ra, nhưng cái tâm sự cùng những nỗi long đong từ thuở hàn vi, cảnh vinh hiển khi đắc chí kể trong truyện thì tất đúng sự thực.

Thuyết vua Tần mà thất bại, Tô Tần lủi thủi về nhà, “đùi quăn xà cạp, chân đi dép cỏ, đội sách, đeo đũa, hình dung tiêu tụy, mặt mày xanh xám, có vẻ xấu hổ”. Bị cả nhà hất hủi, phẫn chí, ngay đêm đó Tô lấy sách ra học, khi buồn ngủ thì tự cầm dùi đâm vào vế, máu chảy tới bàn chân, bảo: “có lẽ nào du thuyết bọn vua chúa mà không làm cho họ đem vàng ngọc, gấm vóc tặng mình, đem chức khanh tướng tôn quý phong mình không?” (Tần 12). Có sách chép bọn biện sĩ học những cuốn binh pháp của Lã Vọng hoặc của Quỷ Cốc ; chúng tôi ngờ rằng dù có học những sách đó chẳng nữa thì họ cũng coi thêm những học thuyết của bọn danh gia, pháp gia, và công tự học của họ mới là quan trọng ; họ phải nghiên cứu tình thế các nước, suy nghĩ về nghệ thuật thuyết phục bọn cầm quyền, tìm ra những mưu mô khác người, như vậy mới mong thành công được.

Khi tự xét là đủ sức làm cho bọn vua chúa phải đem vàng bạc gấm vóc tặng mình, chức tước sang trọng phong mình rồi, họ mới lựa một nước nào mạnh để “thờ”.

Quan niệm quốc gia ở Trung Hoa thời đó rất phức tạp. Tuy

có mười mấy nước, nhưng nước nào cũng trên danh nghĩa cũng là bề tôi nhà Chu cả, dân nước nào cũng là dân Trung Hoa cả. Tất nhiên, giữa trung nguyên như Chu, Hàn, Ngụy, và những nước ở xa trung nguyên như Tần, Sở, cũng có một sự cách biệt về ngôn ngữ, phong tục ... và người Chu. Tề có thể coi người Sở là dã man; nhưng cả những khi Tề đánh nhau với Sở chẳng hạn thì người Tề cũng không căm người Sở như trong thế chiến vừa rồi người Pháp căm người Đức. Số người ái quốc như Khuất Nguyên (thâm oán Tần, kẻ thù của nước mình) thực là hiếm, còn đại đa số, nhất là bọn biện sĩ thì có quan niệm "tứ hải" hơn; không phục vụ được ở nước mình thì phục vụ cho nước khác (trường hợp Thương Ưởng bỏ Vệ mà giúp Tần. Hàn Phi bỏ Hàn mà giúp Tần để sau Tần diệt luôn cả Hàn); phục vụ nước khác mà không được tin dùng như ý muốn thì lại kiếm nước khác nữa để phục vụ. Mà chính Khổng Tử, Mạnh Tử chẳng vậy ư?

Vậy bọn biện sĩ đó phải tìm hiểu kỹ tình hình mỗi nước, và phải bôn tẩu khắp các nước. Con đường công danh ở cái thời bọn quý tộc vẫn còn nắm mọi đặc ân đó, tuy thênh thang nhưng đâu phải là dễ dàng.

Bọn vua chúa tuy chiêu hiền đãi sĩ thật đấy, nhưng dù có là một "mũi nhọn" như Mao Toại, thì cũng phải được vào trong một cái dĩa rồi mới ló đầu nhọn ra được. Mà làm cách nào để vào được một cái dĩa đây?

Phải có người giới thiệu. Người đó phải trọng tài của mình mà không ghen với mình, lại rất tin mình, vì nếu mình làm bậy họ có thể bị tội lây; tóm lại là phải gần như Quản Di Ngô

với Bảo Thúc Nha, mà trường hợp này thời nào cũng rất hiếm. Cho nên hầu hết các biện sĩ phải dùng phương pháp đút lót, phải ăn dầm nằm dề ở một quán trọ một kinh đô nào đó cả tháng có khi cả năm, vung tiền ra để mua chuộc những kẻ hầu cận nhà vua để xin được tiếp kiến. Khó tới nỗi Tô Tần phải trách vua Sở:

“Thức ăn ở Sở đắt như ngọc, củi đất như quế, kẻ thông báo của nhà vua khó được thấy mặt như quỉ, mà nhà vua khó được yết kiến như Thượng Đế”. (Sở III 2).

Vì vậy mà lần đầu, Tô Tần lại yết kiến vua Tần, phải châu chực đến nỗi rách chiếc áo cừu và tiêu hết trăm nén vàng⁽³⁾.

Được yết kiến chưa chắc là đã được thấu dụng (Tô Tần dâng thư mười lần mà không có kết quả). Được thấu dụng chưa chắc là đã được trọng dụng.

Vì ngay từ thời đó cũng đã mật ít ruồi nhiều. Có một Mạnh Thường Quân mà có mất ngàn thực khách! Cho nên bọn sĩ có khi phải dùng thuật để được chủ để ý tới mình, cả những thuật trâng tráo như thuật Phùng Huyền gõ vào kiếm mà hát để xin được ăn thịt, xin được ngồi xe. (Tề IV 1).

Được bọn quý tộc để ý rồi mới có thể trình bày kế hoạch của mình ra, và muốn có kế hoạch của mình được dùng thì phải đánh át ảnh hưởng của bọn “phụ huynh” nhà vua. Bọn quý tộc cầm quyền ở triều đình, họ là bọn “cha anh” của vua, ảnh hưởng lớn tới chính sách của vua. Họ phần nhiều là bảo thủ,

⁽³⁾ Nguyên văn giật là 24 lượng. Vậy là 2.400 lượng!

ghét những chính sách mới mẻ, lại muốn bám lấy quyền lợi, nên nghi kị bọn biện sĩ. Cho nên Phạm Tuy mới dùng thuật làm thính, vua Tần Chiêu Vương hỏi gì cũng chỉ “dạ, dạ”, bắt vua phải năn nỉ mình rồi mới thưa: “Nay thần là người lạ tới đây, đối với đại vương còn là sơ tình, mà những điều thần muốn bày tỏ đều là để cư chính sự tình của vua tôi, xen vào tình cốt nhục của người ; thần nguyện tỏ tấm lòng trung thành ngu muội mà chưa biết rõ lòng đại vương, vì vậy đại vương hỏi ba lần mà thần không dám đáp. Không phải là thần sợ mà không dám nói, thần biết rằng hôm nay nói thì ngày mai sẽ bị giết, biết vậy nhưng thần không sợ chết (...); thần sợ là sợ sau khi thần chết rồi, thiên hạ thấy thần tận trung mà thần bị giết, ai cũng cảm miệng chùng chân, không dám tới giúp Tần nữa”.

Rồi Phạm Tuy thuyết một hồi cho vua Tần thấy cái nguy của bọn “cốt nhục” nhà vua tức bọn “phụ huynh”, bọn quý tộc cầm quyền, mà cương quyết truất phế thái hậu, đuổi Nhương Hầu, đày Cao Lăng, Kinh Dương (Tần III 9); lúc đó Phạm Tuy mới dám lãnh chức tướng quốc.

Trong Chiến Quốc Sách ta thấy bọn biện sĩ sợ thế lực của bọn “phụ huynh” đó nhất. Tính mạng họ ở trong tay bọn này; ngày nào mà vua không dùng họ, nghe lời bọn phụ huynh thì họ phải trốn đi nước khác nếu không thì chết, có khi trốn mà không thoát, rốt cuộc cũng bị phân thân (trường hợp Thương Ưởng - Tần I 1). Cho nên họ luôn luôn nhắc vua chúa phải trọng kẻ sĩ, tức trọng họ (coi truyện Vương Đẩu yết kiến Tề Tuyên Vương, Tề IV 6; truyện Nhan Xúc thuyết Tề Tuyên Vương IV 5; truyện Yên Chiêu, Vương chiêu hiền, Yên 11...); nhắc vua chúa về cách dùng

người theo tài năng, như bài Tiến hiền là việc khó nhất, (Sở III 1), bài coi quốc gia không bằng thước lụa, (Triệu II 15); - bài Lụa ngựa và lụa tương quốc, (Triệu IV 13), bài Vương Đẩu trách Tề Tuyên Vương coi quốc gia không bằng thước sa mỏng, (Tề IV 6), đặc biệt là bài Biển Thước mắng vua Tần (Tần II 5).

Crump cho rằng bài Biển Thước mắng vua Tần không đáng tin vì Biển Thước là một y sư đời Hiên Viên, chết trước thời Chiến Quốc đã mấy ngàn năm, làm sao mà nói chuyện với Tần Vũ Vương được, nhưng có người cho rằng đời Tần Vũ Vương có một y sư tên là Việt Nhân, rất có tài nên người đương thời gọi là Biển Thước. Ta không biết thực hư ra sao nhưng tâm lí trong truyện thì rất đúng. Vũ Vương đau, Biển Thước xin trị, kẻ tả hữu can vua đừng nghe lời Biển Thước, Biển Thước giận, mắng vua Tần.

“Đại vương vấn kế bực trí giả mà lại nghe lời kẻ ngu để hỏng việc. Điều đó đủ cho tôi thấy chính trị của nước Tần; chỉ vì một hành động của đại vương mà mất nước”.

Rõ ràng là cảnh cáo vua chúa phải dùng người tài năng chứ đừng hòng dùng bọn quý tộc ngu dốt.

Bọn vua chúa thời nào cũng thường đa nghi : bọn biện sĩ mồm mép quá, làm sao mà tin được? Huống hồ đa số chỉ vì danh vì lợi, chứ chẳng có lý tưởng gì cả, nên có dùng họ cũng phải thận trọng. Vì vậy bọn biện sĩ lại phải thuyết phục vua chúa giữ chữ tín với bề tôi (truyện Cam Mậu sợ Tần Vũ Vương nghe lời gièm pha, Tần II 6); và ta thấy truyện Tăng Sâm giết người được nhắc đi nhắc lại để răn vua đừng nghe những lời gièm pha. (Nghe riết rồi thì tin. Ngụy II 17; - Diêu Cổ đáp vua Tần, Tần V8).

Đã phải đối phó với bọn quý tộc, các biện sĩ còn phải đối phó với chính bọn họ với nhau nữa vì chính họ với nhau cũng thường gièm pha, lừa gạt nhau, kèn cựa nhau, xô đẩy nhau, như Cam Mậu và Công Tôn Diễn (bài vua Tần đuổi Công Tôn Diễn), Tần II 13), Công Tôn Hãn và Điền Kị (bài Công Tôn Hãn hại Điền Kị, Tề I 8)... Phạm Tuy may mắn lắm mới gặp một địch thủ tuy bầy mình mà còn cho mình biết trước; thái độ của Thái Trạch (cho Phạm Tuy hay rằng nên lui đi, nhường chỗ cho mình, kéo họa tới thân) tuy chẳng đẹp gì nhưng cũng là hiếm thấy trong giới biện sĩ thời đó (bài Thái Trạch thuyết Phạm Tuy, Tần III 17) ; vì tư cách đa số đời Chiến Quốc - cũng như mọi thời loạn khác - rất bỉ ổi đến nỗi tác giả bài "Các kẻ sĩ trong thiên hạ tranh nhau", (Tần III 13), đã coi họ như một bầy chó tranh ăn.

"Tể tướng Tần là Ứng Hầu bảo vua Tần:

"Đại vương đừng lo, thần xin giải tán họ (tức bọn sĩ theo chính sách hợp tung mà chống Tần). Kẻ sĩ trong thiên hạ không có gì oán Tần họ hợp nhau mà đánh Tần là mong được phú quý đấy thôi. Đại vương thấy bầy chó của đại vương không? Nằm thì cùng nằm, dậy thì cùng dậy, đi thì cùng đi, ngừng thì cùng ngừng, không cắn nhau. Nhưng ném cho chúng một khúc xương thì chúng vùng dậy mà nhe răng ra cắn nhau.

Tại sao vậy ? Tại tranh ăn".

Vì sống trong một không khí xảo trá, phản phúc như vậy, nên người ta càng thấy tình tri kỷ là quý và người ta đề cao những hiệp sĩ như Dự Nhượng (Triệu I 4), Nhiếp Chính (Hàn II 19), Tề Mạo Biện (bài Tề Mạo Biện cứu tri kỷ, Tề I 5).

Dự Nhượng, Nhiếp Chính chỉ đáng là những hiệp sĩ, bọn Lỗ Trọng Liên, Nhạc Nghị, Nhan Xúc, Vương Đẩu⁽⁴⁾ mới đáng là quân tử. Và Chiến Quốc Sách được hậu Nho cho là lành mạnh, có tính cách rắn đời, một phần cũng nhờ chép những truyện của những kẻ sĩ quân tử đó.

Bọn biện sĩ khi lên thì như điều: một bước nhảy lên ghế tướng quốc như Tô Tần, Trương Nghi, Phạm Tuy... nhưng vì những lẽ trên - họ có nhiều kẻ thù trong bọn quý tộc và cả trong bọn họ, họ bị vua chúa nghi ngờ, họ không có lý tưởng, chỉ mưu danh và lợi - nên ít kẻ giữ được địa vị cho tới khi chết. Thương Ưởng bị phanh thây ở Tần, ngay đến Tô Tần cũng bị xé thây ở Tề, và Phạm Tuy đáng gọi là thức thời, biết rút lui đúng lúc mà được toàn mệnh.

Về phương diện đó, một số biện sĩ thất bại, nhưng về phương diện khác họ đã thành công: họ đã tự gây được một uy thế hiển hách, bắt giai cấp quý tộc phải nhận rõ giá trị của họ, phải chia xẻ quyền bính với họ, tuân lời họ.

Tô Tần và Trương Nghi du thuyết nước nào thì vua nước đó cũng ngoan ngoãn, khúm núm đáp:

“Quả nhân vụng tính, nay ông đem lời của vua Triệu ban bảo cho, quả nhân xin đem xã tắc để theo kế hoạch hợp tung (Tề tuyên Vương đáp Tô Tần - Tề I 16) hoặc:

“Tề là nước hẻo lánh thô lậu ở trên bờ Đông Hải, chưa được nghe cái lợi lâu dài cho xã tắc. Nay quý khách vui lòng lại chỉ

⁽⁴⁾ Thái độ tự trọng, đến mức khinh bọn vua chúa, của Nhan Xúc (Tề IV 5) và của Vương Đẩu (Tề IV 6) sao mà giống nhau thế, từ ý nghĩa tới ngôn ngữ.

bảo cho, xin đem xā tắc để thờ Tần” (Tề Mẫn Vương đáp Trương Nghi - Tề I, 17).

Vua Sở, vua Triệu, vua Yên... đều có cái giọng đó cả, “quả nhân xin kính cẩn...” “nước quả nhân ở nơi hẻo lánh...” (Sở) “quả nhân tuổi nhỏ...” “quả nhân xin cát đất để tạ tội cũ...” (Triệu)... Y như một điệp khúc ở cuối mỗi bài chép truyện Tô, Trương đi du thuyết chư hầu.

Có thể rằng người viết đã đề cao bọn biện sĩ mà tưởng tượng ra những lời đó, nhưng quả thực là kiến thức bọn vua chúa thường kém xa bọn biện sĩ, mà có vài kẻ rất đỗi xuẩn ngốc nữa. Kẻ thì tin có thuốc bất tử (Sở IV 8), kẻ thì bị Trương Nghi gạt tới hai lần liên tiếp (mới đầu Trương Nghi chối phăng rằng chỉ hứa cát cho Sở Hoài Vương sáu dặm chứ không phải sáu trăm dặm - Tần II 1; Hoài Vương giận, đòi vua Tần phải nộp Trương Nghi, Trương ngang nhiên qua Sở, Hoài Vương đã bắt giam rồi mà sau lại thả, thả rồi thì lại tiếc - Sở II 4); có kẻ trách bễ tôi, bễ tôi cãi lại, gần như mắng lại mà chịu im (Tần I 12); ngu nhất là vua Yên tên Khoái, ham cái danh thánh hiền, nhường ngôi cho một kẻ bất tài để nước phải mất, thân phải chết (Yên I 9)... Họ ngu như vậy thì trách chi chẳng thành cục đất sét trong tay biện sĩ mà bảo sao nghe vậy.

Bọn biện sĩ không phải là môn đệ của Khổng giáo, chính sách của họ ngược hẳn với nguyên tắc nhân trị (đấng nhân chủ dùng đức nhân mà trị dân) của Khổng giáo, họ dùng quyền thuật mà trị dân, nhưng chính họ lại mở đường cho giai cấp quan lại từ Tần, Hán trở đi, giúp cho chủ trương “tuyển hiền dũ năng” của Khổng giáo sớm thực hiện ở Trung Quốc, làm cho xã hội Trung Quốc bớt sự bất bình đẳng, tiến sớm hơn xã hội Âu Tây hai ngàn năm: ở Pháp, mãi đến năm 1848, người ta mới dùng thi cử để tuyển nhân tài (trước đó các chức vụ trong chính

quyền đều do quý tộc nắm trọn), ở Trung Hoa thì từ thời Chiến Quốc, bọn bình dân có tài đã được giao cho những địa vị then chốt trong chính quyền, tới đời Hán lại có lệ dân đề cử người hiền tài (như chức hiếu liêm) lên triều đình, rồi từ đời Tùy trở đi, triều đình đặt ra các kỳ thi để tuyển quan lại, làm cho các học giả, triết gia Âu Tây ở thế kỷ 18 phải thán phục, nhận thấy rằng Trung Quốc tiến trước họ rất xa.

Chiến Quốc Sách chỉ chép hoạt động của kẻ sĩ mà ít chú ý tới hạng bình dân không có học, hạng nông dân. Nhưng đọc bài Triệu Uy Hậu hỏi thăm về nước Tề (Tề IV 7) và truyện Quán Châu khuyên Tề Tuyên Vương (Tề VI, 3), ta cũng thấy rằng một số nhà cầm quyền thời đó cũng biết trọng dân: Triệu Uy Hậu hỏi thăm sứ giả của Tề về tình cảnh dân chúng Tề, rồi mới hỏi thăm về vua Tề, tức là theo chủ trương “dân vi quý, quân vi khinh” của Mạnh Tử ; Tề Tuyên Vương nghe theo ý kiến của Quán Châu (có sách cho Quán Châu là một thương dân ở chân núi, có sách lại bảo là một kẻ xỏ hạt châu ở dưới hiên chỗ vua ngồi - dù theo thuyết nào thì cũng là một người bình dân ít học) mà khéo cư xử với Điền Đan, như vậy là nhận rằng trong hạng thường dân cũng có những người sáng suốt.

Nhưng bên cạnh hai truyện đó còn những truyện coi dân như cỏ rác, vua chúa chỉ tranh giành cướp đất của nhau, chẳng kể gì đến sinh mạng của dân cả. Đó là một chứng cứ rằng có sự đảo lộn về giá trị tinh thần mà chúng tôi sẽ xét dưới đây.

Sự đảo lộn về giá trị tinh thần ở thời Chiến Quốc.

Xét sự đảo lộn về giá trị tinh thần ở thời Chiến Quốc tức là xét hành động, chính sách của bọn người làm mưa làm gió

trên chính trường thời đó: bọn biện sĩ. Nhưng bọn này có thực chủ trương đường lối, chính sách nào nhất định không?

Không kể những triết gia theo thuyết “vô vi”, “tuyệt thánh khí tri”, hoặc khuyên nhà cầm quyền trở về chế độ tự nhiên thời nguyên thủy, đừng can thiệp gì về việc dân cả, như Lão tử; hoặc tiêu cực hơn nữa như Trang Tử, không chịu dự vào việc đời, không muốn nghe nhắc tới việc đời, cứ tiêu dao ở cõi lục hợp (trời, đất, bốn phương), coi tử sinh như nhau, thịnh suy như nhau; trừ hạng “siêu quần độc thiện” đó ra, còn thì cuối đời Xuân Thu và đầu đời Chiến Quốc, các triết gia, chính khách đều tôn trọng một bảng giá trị gồm nhân, nghĩa, lễ, tín, đều đặt vương đạo trên bá đạo.

Mạnh Tử bênh vực những giá trị đó một cách hăng hái nhất. Ông cũng là một biện sĩ, có lẽ là biện sĩ nhiệt tâm, hùng hồn nhất đầu đời Chiến Quốc, nhưng ông không cầu danh lợi, chỉ cầu thực hiện được đạo của Khổng Tử, nên khác hẳn những biện sĩ đời sau và không ai gọi ông là một biện sĩ cả.

Ông rất ghét người ta nói tới tiếng lợi, cho nên lần đầu yết kiến Lương Huệ Vương, nghe Huệ Vương hỏi: “Ông có điều gì làm lợi cho nước tôi không?”, ông gạt ngay: “Nhà vua hà tất phải nói lợi. Chỉ có nhân nghĩa mà thôi”.

Ông rất quả quyết, không chịu một sự thoả hiệp nào cả - nguyên tắc là nguyên tắc - như khi Đái Doanh Chi nước Tống, nghe ông thuyết phục, xin hãy tạm giảm thuế cho dân rồi sau sẽ bỏ hẳn, ông mắng ngay vào mặt, đại ý bảo rằng: có kẻ ăn cắp gà hàng xóm, biết vậy là trái, xin ăn cắp bớt đi, mỗi

tháng một con thoi, rồi năm sau sẽ chữa hẳn, thì nghe có được hay không.

Mặc Tử khác Mạnh Tử ở điểm rất hay giảng về lợi, nhưng cái lợi của ông là cái lợi chung cho xã hội, chứ không phải cái tư lợi, rốt cuộc chủ trương của ông không khác Mạnh là mấy: lấy nhân, nghĩa mà trị dân (đạo nhân của ông tức đạo kiêm ái).

Cả hai đều ghét chiến tranh. Mạnh Tử bảo:

“Đánh nhau để tranh đất, giết người đầy đồng; đánh nhau để tranh thành, giết người đầy thành, như thế gọi là đem đất ăn thịt người, đem xử tử còn chưa hết tội”.

Còn Mặc Tử thì nói:

“Giết một người thì bảo là bất nghĩa, phải chịu một tử tội. Cứ theo đó mà suy, giết mười người thì bất nghĩa gấp mười, giết trăm người thì bất nghĩa gấp trăm, tất phải chịu trăm tử tội”.

Ý nghĩa hai lời nói như nhau.

Càng gần tới cuối đời Chiến Quốc những giá trị đó càng khinh rẻ. Bọn biện sĩ chỉ xét cái lợi trước mặt, cái lợi cá nhân, cái lợi của họ và ông vua họ thờ. Ba phần tư bộ Chiến Quốc Sách, hoặc hơn nữa, chép toàn những mưu mô của bọn của biện sĩ để tìm lợi. Những truyện đó nhiều quá không sao dẫn hết ra được. Ở trên chúng tôi đã kể một truyện kẻ sĩ trong thiên hạ tranh nhau vì lợi; (Tần III 13); Lã Bất Vi buôn vua vì lợi; các vua chư hầu liên kết với nhau rồi phản nhau vì lợi, người ta đề

cử tướng quốc cũng vì lợi (Sở I 15, Sở II 1), vua tính giết bề tôi để cầu lợi (trường hợp vua Ngụy Phạm Toàn - Triệu IV 6); ngay đến hai biện sĩ nổi danh, đa tài nhất tức Tô Tần và Trương Nghi cũng chỉ ham danh lợi: Tô Tần dùng cái sở học chỉ để được tặng vàng ngọc, gấm vóc, chức tước, bổng lộc, còn Trương Nghi gạt vua Sở Hoài Vương hiếu sắc để kiếm một số vàng. (Sở III 4).

Họ muốn vua chúa tin dùng họ mà chính họ lại khuyên vua chúa đừng giữ chữ tín trong việc ngoại giao: Trương Nghi hứa cắt cho vua Sở sáu trăm dặm đất, rồi sau nuốt lời, bảo vua Sở nghe lầm sáu dặm thành sáu trăm dặm (Tần II 1); Phùng Chương cũng dùng thuật xảo trá đó với vua Sở (Tần II 7); Sở Tương Vương cũng nghe lời mưu sĩ mà nuốt lời hứa với Tề một cách quỷ quyệt (Sở II 7). Và còn nhiều truyện thất tín khác nữa, như truyện Chu Hân can vua Ngụy đừng vô Tần (Ngụy III 4), truyện Tôn Thần can Ngụy đừng cắt đất cho Tấn (Ngụy III 5)...

Nếu bọn biện sĩ có một chính sách thì chỉ là chính sách đầu cơ: không như nghĩa gì ráo, nước nào mạnh thì theo, theo để hễ nước đó chiếm được một nước khác thì kể công mà xin chia đất của nước bị diệt; nếu rủi mà thờ một nước yếu thì ăn hối lộ của nước mạnh mà khuyên vua cắt đất thờ nước mạnh.

Tôn Tần phần uất về bọn đó lắm, mấy lần lớn tiếng mắng ở Sở:

“Cậy cái uy lực của Tần ở ngoài mà ở trong hiếp đáp vua mình để đòi vua cắt đất cho Tần, đại nghịch bất trung đến vậy là cùng cực” (Sở I 16).

Rồi ở Triệu:

“Họ cầu hoà với Tần thì có thể xây cất đài cao, sửa sang cung đẹp (...) rồi khi có cái hoạ vì Tần thì bỏ mặc vua” (Triệu II 1).

ở Ngụy:

“Làm bề tôi cắt đất cho vua để kết giao với nước ngoài, lấy trộm được cái công một ngày mà không nghĩ đến sau này ra sao, phá hoại của công mà làm của riêng, ở ngoài thì dựa vào uy thế của cường Tần để áp bách vua ở trong”, “rồi tới khi thành linh nước gặp tai hoạ thì họ chẳng chịu tội vạ gì cả” (Ngụy I 9).

Nhưng chính Tô Tần muốn dụ vua các nước đó theo kế hoạch hợp tung cũng hứa dâng họ những sản phẩm, bảo vật cùng gái đẹp của nước mà Tô đương phụng sự. Cho nên thời đó đường cái nườm nượp xe ngựa của các vị sứ thần mà xe nào cũng chở đầy nhóc vàng bạc gấm vóc...Càng đọc Chiến Quốc Sách, chúng ta càng thấy truyện ngày xưa mà y hệt truyện ngày nay!

Tần Huệ Vương hiểu rõ tâm lí vị lợi, vị kỷ đó của thời đại, cho nên bảo Hàn Tuyên Tử:

“Chư hầu không thể hợp nhất được. Kế đó (kế hợp tung của Tô Tần) chỉ như cật chân gà với nhau bắt chúng đậu một chỗ”.

Vì làm sao có thể đoàn kết với nhau khi người ta không có một lí tưởng, và ai nấy tìm cái lợi riêng của mình, cái lợi nhất thời? Cho nên khi Tần tỏ ra mạnh nhất trong số chư hầu, có cơ dựng được nghiệp đế thì có người đề nghị mau mau sớm thờ Tần để hưởng công đầu (Hàn III 5).

“Là nước đầu tiên giúp cường quốc, ta được cái lợi nếu là cường quốc lập được vương nghiệp thì ta tất sẽ làm bá”.

Nhưng khi Tần dựng lên nghiệp đế thì chẳng có nước nào được làm bá cả, vì chư hầu đã bị diệt hết, còn cần gì đến ngôi bá nữa.

*

Nhưng đứng về một phương diện khác, ta phải nhận rằng bọn sĩ có tư tưởng tiến bộ.

Họ không tin hoặc tin rất ít ở thần quyền mà chỉ trọng nhân sự. Hạnh phúc con người là do con người tạo nên chứ không do trời đất, quỷ thần gì cả.

Trong toàn bộ Chiến Quốc Sách, chỉ chép mỗi một truyện về đồng dao, truyện tại sao Điền Đan không thắng được rợ Địch (Tê VI 5) mà lại không có tính cách mê tín. Đọc truyện đó, ai cũng thấy ngay rằng bài hát của đứa trẻ (đồng dao) nước Tê đó do một người lớn - biết đâu chừng chẳng phải là Lỗ Trọng Liên - đặt ra cho nó để tới tai Điền Đan mà Điền Đan phải lo sợ, quyết tâm hy sinh đánh rợ Địch.

Cũng chỉ có mỗi một truyện chép sự cảnh cáo của Trời, và có tính cách dị đoan, truyện Tê Mãn Vương vì tàn bạo mà bị giết (Tê VI 1), nhưng người ta chép truyện không cho sự cảnh cáo đó là ý chính của truyện, vì kẻ việ sự cảnh cáo của Trời mà giết Mãn Vương, sau khi dân Tê dâm chết để trả thù cho Mãn Vương.

Ngoài ra còn có vài truyện về ma quỷ, truyện Tô Đại can Mạnh Thường Quân (Tê III 3), truyện Tô Tần thuyết Lý Đoái (Triệu I 8) nhưng nhân vật trong truyện đó Tô Đại và Tô Tần

giống nhau ở chỗ cùng nhắc tới thần đất và thần cây để đạt được mục đích tiếp kiến mà trình bày ý kiến của mình. Vậy thì hai nhân vật đó kể chuyện ma quỷ không phải là tin ma quỷ mà chỉ là dùng một thuật trong phép biện quyết. Vả lại Tô Tần và Tô Đại là hai anh em, chắc chắn là người này đã bắt chước người kia thành thử tuy là hai truyện, mà chỉ nên coi là một.

Ngay đến khoa bói, các biện sĩ cũng không tin; hơn nữa còn lợi dụng nó để thuyết phục, hoặc để hại người.

Trong truyện Triệu lấy tế điền của Chu (Đông Chu 17), Trịnh Triệu đút lót cho một viên thái bốc nước Triệu để dùng môn bói gạt vua Triệu cho vua Triệu sợ bị quỷ thần phạt mà trả lại tế điền cho Chu. Còn trong truyện Công Tôn Hãn mưu hại Điền Kị (Tề I 8) thì thầy bói là một tên điếm chỉ, báo người bất kể coi bói, kẻ này do Công Tôn Hãn sai đi để ngầm hại Điền Kị.

*

Không tin thần quyền, chỉ tin ở nhân sự, nhưng các biện sĩ cũng nhận rằng nhân sự không thể luôn luôn có kết quả được, rằng có thịnh thì có suy, biết rút lui khi thịnh tới tột bực mà sắp suy mới là người khôn.

Ở trên chúng tôi đã dẫn truyện Thái Trạch đem thuyết thịnh suy hữu thời ra thuyết phục Phạm Tuy nhường chức tể tướng lại cho mình.

Truyện vẽ rắn thêm chân (Tề II 4) cũng rất thú: Trần Chấn nhờ thuyết đó mà làm cho tướng nước Sở là Chiêu Dương lui binh, do đó cứu được Ngụy. Hai truyện nữa cũng có ý nghĩa gần truyện đó là truyện Tần tấn công Nghi Dương (Đông Chu 2) và

truyện Tô Lệ bày kế khuyên Bạch Khởi đừng đánh Hàn (Tây Chu 6). Trong truyện Trung Sơn 10, Bạch Khởi cũng biết cái lý không thể thắng trận hoài được nên khuyên Tần Chiêu Vương đừng đánh Triệu. Nội một việc sáng suốt, hiểu thời đó cũng đủ cho Bạch Khởi là một danh tướng thời Chiến Quốc rồi.

Ngoài ra còn ba bốn truyện nữa mà bọn biện sĩ dùng thuyết thịnh suy hữu thời để thuyết phục kẻ đối thoại; truyện lý thú nhất có lẽ là truyện Đàn Thập Tử khuyên Mạnh Thường Quân đừng oán những kẻ đã phản mình (Tề IV 4), vì ai cũng có lúc thịnh lúc suy, khi thịnh thì người ta bu lại, lúc suy thì người ta lảng ra, đó là thường tình; người ta chẳng yêu chẳng ghét gì mình đâu, chỉ theo lợi người ta thôi, cũng như chẳng ai yêu ghét gì chợ, chỉ vì nhu cầu mua bán mà chợ sáng thì đông, chiều thì vắng. Mạnh Thường Quân hiểu được lời khuyên đó, đem chẻ những bản tre khắc tên năm trăm người mà ông oán. Thuyết thịnh suy có thời không có tính cách dị đoan. Do sự nhận xét thiên nhiên và xã hội mà nhân loại bất kỳ nơi nào, thời nào, cũng rút ra được luật đó. Đạo Lão và kinh Dịch đều nhắc tới nó và nhắc tới thường.

Vậy ta có thể nói rằng các biện sĩ đời Chiến Quốc rất có tinh thần tự cường và không tin dị đoan, như nhiều thời đại sau, chẳng hạn đời Tần và Hán.

*

GIÁ TRỊ CHIẾN QUỐC SÁCH VỀ PHƯƠNG DIỆN VĂN HỌC

Có tới chín phần mười truyện trong Chiến Quốc Sách chép những mưu mô xảo trá của bọn biện sĩ, tức môn đệ của phái danh gia, và một số pháp gia cực đoan, bọn chủ trương bá đạo - không, không được là bá đạo nữa, chỉ là vong quốc chi đạo, theo quan niệm của Tuân Tử - hoàn toàn ngược với vương đạo của Khổng, Mạnh, vậy mà các nho gia từ Hán trở đi, bắt đầu là Lưu Hưởng, rồi tới Tăng Cung, Vương Giác... đều coi trọng bộ đó, sưu tập, chú giải, hiệu đính, đề tựa, là tại sao?

Nhiều nhà nho đã đưa ra lý do, đại loại như sau:

Chiến Quốc Sách là một bộ sử, thì người viết tất phải chép lại đủ những điều hay dở chứ không thể lựa được (Bão Bưu).

Hành động, chính sách của bọn biện sĩ không đẹp nhưng muốn cho đời sau lấy đó mà răn mình thì trước hết phải chép lại đã, đập bỏ tấm gương thì lấy đâu mà soi? (Tăng Cung - Lý Cách Phi - Ngô Gia Đạo).

Hướng hồ Chiến Quốc Sách còn cả truyện của những nhân vật đáng gọi là kiệt sĩ như Lỗ Trọng Liên, Nhan Xúc, Vương Đẩu, Dự Nhượng.

Vả lại bọn biện sĩ dù sao cũng là có tài cao, mưu kỳ, chuyển nguy thành an, truyện của họ vui, rất đáng đọc; (Lưu Hưởng); mà những thuật thuyết phục, biện luận của họ cũng rất điêu luyện, đáng làm kiểu mẫu (Vương Giác).

Xét những lời phê bình đó, ta thấy Lưu Hưởng có tinh thần

khoảng đạt hơn nhiều nhà nho đời sau, nhận rằng Chiến Quốc Sách có giá trị về văn học. Chính giá trị về văn học đó được các nhà khảo cứu ngày nay chú ý tới hơn cả. Họ đều bỏ phương diện luân lý, phương diện răn đời mà chỉ xét phương diện nghệ thuật, và đều nhận Chiến Quốc Sách là một tác phẩm bất hủ, đáng trọng ngang với Tả truyện.

Trịnh Chấn Đạc trong *Sáp đồ bản Trung Quốc văn học học sử* (Văn học cổ tịch sa hành xã - Bắc Kinh 1959) viết:

“Thời đại của Quốc Sách là thời đại mới, mà thời đại cũ đã hoàn toàn bị lật đổ, bị huỷ diệt rồi, (cho nên) ngôn luận (trong Quốc Sách) đặc sắc, trực tiếp, gồm những mưu cơ cảnh ngộ và những hùng biện lý thú. Những hành động (trong truyện) đều là dũng cảm, không có cái thói thủ cựu... nhờ vậy mà Chiến Quốc Sách có một nội dung đặc sắc, không khác gì những bộ truyền kỳ của Châu Âu thời trung cổ.”

Trung Quốc văn học sử của viện Đại học Bắc kinh (1959) khen:

“Mỗi đoạn trong Chiến Quốc Sách là một cố sự hoàn chỉnh. Tình tiết, kết cấu, nhân vật chạm trổ rất linh động, tuy chỉ là phiến đoạn nhưng hoàn chỉnh, có cái phong vị tiểu thuyết”.

Chúng tôi chưa hiểu vì lẽ gì mà thanh niên Trung Hoa trong khoảng 1920-1930 bỗng ham đọc bộ đó ⁽¹⁾.

(1) Trong Trung Nhật chiến tranh 1938-1945 có một phái theo Nhật, gọi là phái Chiến Quốc Sách. Ở nước ta, trong mấy năm gần đây (tức những năm Sáu Mươi ở miền Nam Việt Nam - B.T), báo hàng ngày cũng thường trích dịch Chiến Quốc Sách và phê bình các nhân vật, như có ý cảnh cáo nhà cầm quyền.

Các học giả phương Tây như Margouliès, Crump đều nhận rằng Chiến Quốc Sách có nhiều truyện nghệ thuật rất cao, mặc dầu tác phẩm không đều, không nhất trí.

Nhưng theo cổ văn uyên giám, thì người mê Chiến Quốc Sách nhất là Tôn Tuân (1009-1066), cha của Tô Đông Pha. Tương truyền Tuân đi đâu cũng mang theo bộ đó, đọc đi đọc lại tới thuộc lòng, nhờ vậy mà ông có một giọng văn nghị luận mạnh mẽ, cổ kính tinh luyện khiến cho Tăng Củng và Vương An Thạch phải phục.

Các nhà nho đề tựa Chiến Quốc Sách mà chúng tôi đã nêu tên ở trên chắc cũng phải nhận rằng giá trị bộ đó ở chính phương diện nghệ thuật, nhưng có lẽ vì chủ trương văn dĩ tải đạo, nên không nói ra, hoặc có nói chỉ nói phơn phớt như Lưu Hướng. Dù họ không nói ra thì các nhà trích truyện cổ văn Trung Hoa cũng ngầm nói thay họ rồi.

Từ Cổ văn tích nghĩa, của Lâm Văn Minh (Lâm Tây Trọng) thế kỷ 17, tới Cổ văn từ loại toàn, thế kỷ 19, Cổ văn uyên giám, Cổ văn quan chỉ, cổ văn bình chú⁽²⁾...bộ nào cũng tuyển trên dưới hai chục bài trong Chiến Quốc Sách.

Ở Pháp, Margouliès trích dịch non hai chục bài trong Anthologie raisonnée de la littérature chinoise (1948) và trong Le Kou Wen Chinois (1926).

Ở Mỹ, B. Watson, trích dịch ba bài trong Early Chinese

⁽²⁾ Chỉ hai bộ này thường bán ở Chợ Lớn.

Literature và J.I.Crump, Jr trong *Intrigues* cũng dịch trên năm chục bài⁽³⁾.

Có điều đáng chú ý là hai bài

Tư Mã Thác bàn lễ đánh Thục (Tần I 7).

Nhạc Nghị đáp Yên Chiêu Vương (Yên II 10).

được mọi học giả Trung Hoa khen là hay.

*

Thuật miêu tả và tự sự.

Do tính chất của nội dung (chép mưu mô của bọn biện sĩ). Chiến Quốc Sách thiên về tự sự hơn là miêu tả. Tuy nhiên trong tự sự, tác giả cũng thường xen những đoạn miêu tả cho câu chuyện thêm linh động, mà sự phân biệt tự sự và miêu tả cũng khó định được.

Thuật miêu tả cao nhất trong truyện Tô Tần (Tần I 2) và truyện Thái tử Đan và Kinh Kha (Yên III 5).

Truyện Tô Tần bố cục rất chặt chẽ, có hai phần dài gần ngang nhau và đối xứng với nhau.

Phần trên chép sự thất bại của Tô Tần khi đem kế liên hoành ra thuyết Tần Huệ Vương. Lý luận cũng đã chặt chẽ (vạch những ưu điểm của Tần cho vua Tần tin ở sự thành công, rồi dẫn những truyện đời trước để thuyết vua Tần dùng võ lực),

⁽³⁾ Crump không lựa bài nào hay nhất mà chỉ lựa những bài nào làm sáng tỏ nghị luận của ông thôi.

nhưng Huệ Vương không có chí lớn, gặt đi, rớt cuộc Tô Tần mười lần dâng thư mà thất bại cả mười, tới nỗi:

“Áo cừ đen đã rách, trăm nén vàng tiêu đã hết, thiếu tiền chi dụng, phải bỏ nước Tần mà về quê nhà, đùi quán xà cạp, chân đi dép cỏ, đeo dây, hình dung tiêu tụy, mặt mày xanh xám, có vẻ xấu hổ. Về tới nhà, vợ thân nhiên không rời khung cửi, chị không nấu cơm cho ăn, cha mẹ không hỏi han tới”.

Phần dưới chép sự thành công rực rỡ của Tô Tần. Tủi thân, kích phần. Tô Tần học thêm mấy năm nữa, rồi đi du thuyết các chư hầu, lần này đem kế hợp tung ra thuyết, được vua Triệu tán thành liền, phong làm tướng quốc, ngồi xe cưỡi ngựa theo hầu vua Triệu mà liên kết lục quốc. Khi đi du thuyết Sở, ngang qua nhà ở Lạc Dương, thì:

“Cha mẹ Tô Tần hay tin, cọ nhà quét sân, bày nhạc đặt tiệc ra ngoài bốn chục dặm để đón rước, vợ chỉ dám liếc trộm nghe trộm, còn chị thì bò như rắn, lạy bốn tay, quì xuống tạ tội”.

Mỗi chi tiết trong phần dưới đều tương phản với một chi tiết trong phần trên. Tô Tần tuy mưu mô, ham phú quý công danh, nhưng tương đối đứng đắn, đàng hoàng, không xảo trá, phản phúc, nghề ngang như Trương Nghi.

Trương Nghi nuốt lời, gặt vua Sở, hứa cắt cho Sở sáu trăm dặm, rồi lại chối, nói là chỉ hứa có sáu dặm; lúc nghèo túng thì dám xoay tiền cả Hoàng hậu và ái phi của vua Sở mà vua Sở đành ngậm miệng (Sở III 4); lúc đắc thế, thay mặt vua Tần đi thuyết lục quốc thì dùng cái giọng dọa nạt, cơ hồ như bảo nếu không nghe tôi thì bị diệt đấy, đừng có trách là không báo trước (Triệu

II 3, Yên I 6...) Tâm lí đó rất hợp với một vị tướng quốc của một nước mạnh; và nếu Tô Tần, Trương Nghi là những nhân vật tướng tượng thì tác giả thực là khéo cho họ những tính tình, tâm lí khác nhau đó, vừa hợp với vai trò của họ, lại vừa gây cho ta mối thiện cảm với phe hợp tung và các mối ác cảm với phe liên hoành.

Nhân vật Lỗ Trọng Liên chỉ xuất hiện ba bốn lần, nhưng để lại cho ta một ấn tượng sâu và đẹp. Khi Lỗ Trọng Liên can đảm vạch sự tàn bạo của Tần, nói khích Tân Viên Diễn, tướng của Ngụy, khiến Tân Viên Diễn phải bỏ ý thờ Tần đi - nhờ vậy Tần không dám đánh Triệu nữa - Bình Nguyên Quân muốn phong Lỗ Trọng Liên, Lỗ ba lần từ chối:

“Kẻ sĩ sở dĩ đáng quý trong thiên hạ là vì giải trừ được hoạn nạn, cởi bỏ được mối rối loạn mà không nhận được một chút báo đáp nào cả. Nếu nhận sự báo đáp thì thành con buôn rồi, Lỗ Trọng Liên tôi không nỡ làm như vậy”.

Rồi từ biệt Bình Nguyên Quân, tới chết không còn ai được thấy ông nữa” (Triệu III 12).

Ta có cảm tưởng được ngắm một ngôi sao chổi hiện lên rực rỡ trên nền trời rồi biến mất⁽⁴⁾.

Những truyện Đường Thư không nhục sứ mạng (Ngụy IV 25), Phùng Huyền làm thực khách nhà Mạnh Thường Quân (Tê IV 1), Nhan Xúc thuyết Tê Tuyên Vương (Tê IV 5), Dự Nhượng (Triệu I 4), Nhiếp Chính (Hàn II 19)... cũng đều đạt tới

⁽⁴⁾ Đời sau Lý Bạch vịnh Lỗ Trọng Liên: “Minh nguyệt xuất hải để, nhất triều khai quang diệu (...) Ý khinh thiên kim tặng, cố hướng Bình Nguyên tiếu”.

một mức rất cao về nghệ thuật kể chuyện và miêu tả tính tình nhân vật, đều được chép lại gần đúng chi tiết, không sửa đổi thêm bớt bao nhiêu, trong những tác phẩm đời sau, chẳng hạn trong bộ Đông Chu liệt quốc.

Cảm động nhất là truyện Điền Đan và Kinh Kha (Yên III 5) đã được người sau viết lại thành tiểu thuyết hoặc dựng lại thành kịch⁽⁵⁾. Trong toàn bộ, truyện dài nhất. Tần lúc đó đã diệt được Hàn, Ngụy, đương tiến vào Triệu và sắp tới Yên. Đọc đoạn đầu ta thấy rõ nỗi lo lắng bồn chồn của thái tử Yên là Điền Đan; mấy lần xin quan thái phó tìm cho một kế nào để cứu nước;

“Mưu kế của thái phó mất nhiều thời giờ lắm, lòng tôi lo lắng, rối loạn, sợ không đợi được khoảnh khắc nữa (...) Gấp quá rồi, vận mệnh Đan tôi quyết định lúc này đây, xin thái phó tính lại cho”.

Khi tìm được một hiệp sĩ là Kinh Kha và Kinh Kha nhận qua uy hiếp Tần, uy hiếp không được thì giết, Điền Đan đối đãi với Kinh Kha còn hơn là bề tôi đối với chúa: đích thân ngày ngày tới vấn an, cung cấp mọi vật trân kì, xe ngựa cùng mỹ nữ, và nóng lòng mong Kinh Kha qua Tần.

Cảnh Phàn Ô Kỳ chịu hy sinh, tự vẫn để Kinh Kha chặt đầu mình đem dâng Tần Thủy Hoàng đã là cảm động, mà cảnh dũng sĩ qua sông Dịch mới thê thảm làm sao:

⁽⁵⁾ Ở nước ta thời tiền chiến, Trần Huyền Trân đã viết lại thành truyện dài, nhà Tân Dân xuất bản, chúng tôi quên mất nhan đề. Và thi sĩ Vũ Hoàng Chương cũng đã viết lại thành kịch thơ.

“Thái tử (Diễn Đan) cùng với khách khứa (...) đều trích khăn tang, bện đồ tang để tiễn đưa (Kinh Kha). Tới bờ sông Dịch, tế thần Đường sá rồi, Cao Tiệm Li gảy cây đàn trúc⁽⁶⁾, Kinh Kha ca để hoạ nhạc, thanh âm thâm thúy, ai nghe cũng nhỏ lệ, sụt sùi. Rồi lại tiến lên phía trước mà ca rằng:

Gió hiu hắt hê, sông Dịch lạnh tê,

Tráng sĩ một đi hê, không trở về.

Lại ca một điệu khảng khái bi tráng, ai nấy đều trợn mắt, tóc dựng đứng, dâm lên mào, rồi mới lên xe đi, không hề ngoái cổ lại”.

Kinh Kha như đã đoán trước là thất bại, sẽ chết mà sẽ vẫn khảng khái ra đi để tạ lòng tri kỷ là Diễn Đan. Và cái chết của Kinh Kha mới hiên ngang làm sao:

“... Kha bị hết thầy tám nhát (kiếm) tự biết là việc không thành, dựa cột mà cười, ngồi xoạc chân ra mà mắng vua Tần”.

Kết cục câu chuyện này gây một mối hận muôn đời: vua Yên phải giết con là Diễn Đan để mong Tần tha tội cho mình, mà Tần cũng không tha. “Về sau bạn của Kinh Kha là Cao Tiệm Li, gảy cây đàn trúc vào yết kiến Tần Hoàng Đế, lấy cây đàn đập Tần Hoàng Đế để báo thù cho Yên, đập không trúng, bị giết”.

Con người thời đó quả coi thường cái chết.

⁽⁶⁾ Một thứ đàn cổ có nhiều dây.

Tác giả chỉ khách quan nói như vậy, không phê bình gì cả, vì có khéo phê bình tới đâu thì cũng chỉ làm cái việc vẽ rắn thêm chân, mà dứt mất cái cảm xúc triền miên của người đọc.

Trong các truyện khác, tác giả cũng giữ bút pháp đó: kể chuyện thôi chứ không phê bình, đây cũng là một ưu điểm nữa của *Chiến Quốc Sách*; trừ mười truyện như truyện Xúc Chiệp thuyết Triệu thái hậu (Triệu IV 18), tác giả chép thêm cảm tưởng của người đương thời, truyện Khéo ton hót (Ngụy IV 23), truyện Lỗ Trọng Liên thuyết tướng Yên (Tề VI 2) tác giả đưa thêm ý kiến của mình, điểm này có thể chứng tỏ rằng *Chiến Quốc Sách* do nhiều người viết⁽⁷⁾.

Một vài nhà phê bình gần đây trách rằng các hiệp sĩ trong *Chiến Quốc Sách* như Dư Nhượng, Nhiếp Chính, Kinh Kha... nặng tình tri kỉ hơn là tình quốc gia, họ chết cho tri kỉ chứ không cho tổ quốc. Chúng tôi nghĩ chính điểm đó làm cho *Chiến Quốc Sách* có một cái hương vị thời xưa, khác hẳn những truyện đời sau. Như chúng tôi đã nói, ở Trung Hoa thời Chiến Quốc tinh thần quốc gia khác hẳn tinh thần quốc gia chúng ta ngày nay, không nên đem quan niệm của ta mà xét quan niệm người xưa. Mà cái tình vị tri kỉ của cố nhân nay đã không còn nữa, thì ta nên quý người xưa ở chỗ khác ta hay ở chỗ giống ta?

Về phương diện *thể văn*, có tác giả như Arthur Waley, nhận rằng văn *Chiến Quốc Sách* giống văn các bài *phú*, và Hellmut Wilhem còn nhận thấy một sự liên quan giữa những bài biện

(7) Nên kể thêm các truyện Tề I 5, Tề IV 2, Tề IV 5, Sở I 9, Ngụy II 6.

thuyết trong Chiến Quốc Sách và các bài phú đời Hán: phú đời Hán là kỹ thuật biện thuyết tiến lên thành nghệ thuật⁽⁸⁾.

Quả thật là văn *Chiến Quốc Sách* đã điêu luyện lắm, bài nào cũng có nhiều vế cân xứng nhau, du dương, gần như đối nhau, chẳng hạn:

“Đại vương chi quốc, tây hữu Ba Thục, Hán Trung chi lợi, bắc hữu Hồ lạc, Đại mã chi dụng, nam hữu Vu Sơn, Kiểm trung chi hạn, đông hữu Hào, Hàm chi cố..”

hoặc:

“Quả nhân văn chi; mao vũ bất phong mãn giả, bất khả dĩ cao phi; văn chương bất thành giả, bất khả dĩ tru phạt, đạo đức bất hậu giả, bất khả dĩ sử dân; chính giáo bất thuận giả bất khả dĩ phiên đại thân.

hoặc:

“Bất phí đầu lương, vị phiên nhất binh, vị chiến nhất sĩ, vị tuyệt nhất huyền, vị chiết nhất thủ, chư hầu tương thân, hiền ư huynh đệ. Phù hiền nhân nhiệm nhi thiên hạ phục, nhất nhân dung nhi thiên hạ tòng”.

(đều trích trong Truyện Tô Tần Tần I 2) chỉ sửa vài chữ là thành lối văn biền ngẫu của các bài phú đời sau. Nhưng bảo rằng có sự liên quan nào đó giữa những bài biện thuyết trong *Chiến Quốc Sách* và các bài phú thì không chắc đã đúng. Từ trước tới nay các học giả đều nhận rằng *phú* gốc ở Sở Từ, nội

⁽⁸⁾ Do Crump dẫn trong *Intrigues* trang 76.

dung là “trực trần kỳ sự”, có khác với nội dung ký sự và luận thuyết trong Chiến Quốc Sách. Phú để tả tình, tả cảnh, để làm cảm lòng người, chứ không biện luận để thuyết phục.

*

Thuật thuyết phục trong Chiến Quốc Sách.

Hàn Phi viết thiên thuế nan⁽⁹⁾, để chỉ cách thuyết phục bọn cầm quyền, nhưng ông chỉ đứng riêng về phương diện tâm lí của người nghe, tức người ta muốn thuyết phục, mà nhắc ta những điều nên tránh. Muốn tìm hiểu kỹ thuật thuyết phục của người xưa về phương diện tâm lí vừa về phương diện lập luận, trình bày, thì phải đọc Mạnh Tử, và Chiến Quốc Sách.

Ai cũng nhận Mạnh Tử là nhà hùng biện bậc nhất thời đầu Chiến Quốc, nhưng ông không phải là một biện sĩ, tư cách ông cao hơn tư cách bọn biện sĩ rất nhiều mà mục đích ông cũng khác hẳn.

Ông là một triết gia, một nhà đạo đức, cũng bôn tẩu các nước chư hầu tìm một minh quân để giúp xã hội, nhưng ông tuyệt nhiên không cầu danh cầu lợi, chỉ mong thực hiện được đạo của mình, Ông trọng chức vị của bọn vua chúa đương thời, mà khinh tư cách của họ, cho nên ông dám lớn tiếng mạt sát họ là đáng tội chết, vì “cho đất đai ăn thịt người” (Ly Lâu thượng); hơn nữa ông còn khuyến khích các quan khanh trong hàng tôn thất lật đổ vua nếu vua vô đạo (Vạn Chương-hạ). Ông là một chiến sĩ, một nhà truyền giáo có cái “hạo nhiên chi khí”, cái tư cách của bậc “đại trượng phu”, bọn Tô Tần, Trương Nghi

⁽⁹⁾ Coi cuốn cổ văn Trung Quốc của Nguyễn Hiến Lê.

không thể ví như ông được. Cho nên lối biện thuyết của ông khác bọn biện sĩ: ông muốn cho người nghe phải tỉnh ngộ, nếu không tỉnh ngộ thì phải thẹn, phải cầm miệng lại, chứ không thèm lấy lòng họ, không thèm dùng mưu mô, mách khoé của bọn chính khách ngoại giao, mặc dầu về kỹ thuật thuyết phục thì ông và các biện sĩ nhiều khi cũng dùng những cách giống nhau.

● Một cách dễ thuyết phục nhất là *đặt câu hỏi* để người đối thoại của mình tìm những câu đáp rồi lần lần tự nhiên phải chấp nhận kết luận mà mình muốn đưa ra. Ở Hy Lạp thời xưa Socrate chuyên dùng cách đó mà nổi danh. Mạnh Tử cũng có lúc dùng nó, chẳng hạn trong đoạn ông bác thuyết của Hứa Hành (Hứa Hành chủ trương rằng mọi người từ vua tới dân đều cày ruộng lấy mà ăn thì xã hội hết loạn) trong Chương Đằng Văn Công - thượng.

Trong Chiến Quốc Sách, chúng tôi chỉ thấy hai ba bài áp dụng thuật đó. Đáng coi làm mẫu mực là bài (Ngụy IV 3)⁽¹⁰⁾. Vua Ngụy muốn đánh Hàn, Trương Mao hỏi:

“- Hàn sẽ ngồi đó mà đợi đến lúc bị diệt chăng? Hay là sẽ cắt đất mà theo nước khác?

Vua Ngụy đáp:

- Sẽ cắt đất mà theo nước khác.
- Hàn oán Ngụy hay oán Tần?
- Oán Ngụy.

⁽¹⁰⁾ Coi thêm bài Ngụy IV 10, Triệu VI 13.

- Hàn cho Tần là mạnh hay Ngụy là mạnh?

- Cho Tần là mạnh.

- Hàn sẽ cắt đất mà theo nước mạnh mà mình không oán hay là cắt đất mà theo nước không mạnh mà mình oán?"

Chỉ đặt bốn câu hỏi như trên mà Trương Mao làm cho vua Ngụy bỏ cái ý đánh Hàn.

● Một cách nữa, cũng có công hiệu mạnh là lối song đề (dilemme), chỉ cho đối thoại thấy hai trường hợp, giải pháp, một có lợi một có hại, một có lý một vô lý để họ tự lựa lấy. Truyện thuốc bất tử (Sở IV 8) viết thực tài tình. Thời Chiến Quốc và thời Tần, một môn phái đạo Lão bỏ phần triết lý mà thiên về phép luyện đan để được thành tiên; bọn vua chúa tin thuật đó lắm, như Sở Khoảnh Tương Vương và Tần Thủy Hoàng.

Một kẻ dâng thuốc bất tử cho Khoảnh Tương Vương. Một người lính thị vệ muốn can, biết rằng biện luận gì cũng không đánh đổ nổi lòng tin của vua, nghĩ ra một kế, giắt lấy thuốc mà uống. Vua Sở nổi giận, sai người đem chém, như vậy là mắc mưu rồi. Đã là thuốc bất tử, uống vào thì còn làm sao chết được nữa. Đã ra lệnh chém, tức thị là ngờ công hiệu của thuốc. Ngờ mà còn dùng, thái độ đó vô lý. Và vua Sở đã nhận ngay ra được rằng kẻ dùng thuốc chỉ là lừa gạt, mà tha cho người thị vệ.

Các biện sĩ thường dùng phép song đề đó để thuyết phục người đối thoại.

Tề, Sở đánh nhau, Tống muốn trung lập, nhưng bị Tề ép

buộc, nên phải hứa giúp Tề. Tự Tượng, sứ giả của Sở, thuyết vua Tấn: Tề áp bức Tống mà Tống theo Tề, đánh Sở. Một là Tề và Tống thắng thì Tề sẽ quen mui, lần sau lại áp bức Tống nữa, như vậy có lợi gì cho Tống không? Hai là nếu Tề và Tống mà thua Sở thì Sở tất trả thù Tống. Càng có hại cho Tống.

Vậy thì trong hai giải pháp: Tống giúp Tề với Tống trung lập, giải pháp nào hơn? (Sở I 1)⁽¹¹⁾

Hai bài Trung Sơn 5 và 6 đều chép về nàng Âm Giản, ý nghĩa như nhau nhưng bài 6 dài hơn, nhiều tình tiết hơn, có nghệ thuật hơn.

Nàng Âm Giản, một sủng phi của vua Trung Sơn, ghét tướng quốc Tư Mã Hi, Điền Giản bày kế cho Tư Mã Hi:

Đẩy nàng Âm Giản đi, nếu không được thì giúp nàng khuyên vua Trung Sơn lập nàng làm chánh cung.

Tư Mã Hi tìm cách cho vua Triệu biết rằng nàng Âm Giản rất đẹp. Vua Triệu bèn ngỏ ý với vua Trung Sơn để xin nàng. Vua Trung Sơn rất khó nghĩ: cho thì nhục, không cho thì Nguy vì Triệu mạnh hơn Trung Sơn.

Tư Mã Hi bèn khuyên vua Trung Sơn lập nàng Âm Giản làm chánh phi, vua Triệu không còn lí lẽ gì để xin nàng Âm Giản nữa, và nàng mang ơn Tư Mã Hi từ đó.

Còn nhiều bài khác nữa như Tần III 11, Sở I 5... Ngay cả trong những bài Tô Tần, Trương Nghi thuyết các vua chư hầu theo hợp tung hay liên hoành, họ cũng đưa giải pháp - tung hay

⁽¹¹⁾ Thực ra trong bài đó, tác giả áp dụng phép song để tới hai từng.

hoành - và theo một giải pháp nào thì có lợi ra sao, không theo thì có hại ra sao... Như vậy là đối chiếu hai giải pháp, hai hoàn cảnh, người nghe dễ nhận thấy chính đề và phản đề, dễ bị thuyết phục.

Một số học giả cho rằng chính vì Chiến Quốc Sách thường dùng thuật đó nên còn có tên là Trường đoán.

Ở trên chúng tôi đã nói trong bài tựa *Chiến Quốc Sách*, Lưu Hướng bảo những tài liệu ông thu thập được mang nhiều tên, mà trong những tên đó có nhan đề Trường đoán.

Sử ký cũng có đoạn chép rằng Khoái Thông giỏi về Trường đoán thuyết và viết 81 bài luận về quyền biến, La Căn Trạch căn cứ vào đoạn đó mà bảo tác giả *Chiến Quốc Sách* chính là Khoái Thông.

Hai chữ Trường đoán đó làm cho nhiều học giả thắc mắc và một số cho rằng Trường đoán vốn có nghĩa là dài, ngắn sau dùng để trở cái tốt, cái xấu (sở trường, sở đoản của một người, một giải pháp...) và Chiến Quốc Sách chép những biện thuyết tức những bài vạch những cái tốt cái xấu của mưu mô, giải pháp, nên có tên là Trường đoán. Có học giả lại bảo Trường trở chính sách hợp tung vì nó tốt, (chống kẻ tàn bạo là Tần), đoán trở chính sách liên hoành vì nó xấu (về phe kẻ tàn bạo). Từ những nghĩa đó, Trường đoán chuyển qua nghĩa thuật biện thuyết (coi trong *In-trigues*, chương IX). Những lối giải thích đó đều gò ép ít nhiều. Có thể rằng "trường đoán" chỉ biểu thị ý nghĩ đối lập, tương phản, như khi bàn về Dịch, người ta vẫn dùng trường đoản (hay đại tiểu) để thay âm dương, cương nhu.

● Dùng ngụ ngôn. Mạnh Tử đã dùng cách này, như khi ông kể chuyện người Tống nhóm mạ lên cho mau lớn và truyện người nước Tề có hai vợ. Có tài nhất là Trang Tử. Sức tưởng tượng của ông phong phú lạ lùng và bộ Nam Hoa kinh đầy những truyện ngụ ngôn lý thú, như truyện Bào Đình mổ bò, hoặc quái đản mà cực sâu sắc như truyện hai “quốc gia” sinh vật cực nhỏ sống trên hai sừng con ốc sên, đánh nhau cả nửa tháng, thấy chết hàng vạn...

Chiến Quốc Sách nghệ thuật không bằng *Nam Hoa kinh*, nhưng cũng chứa nhiều ngụ ngôn bất hủ như truyện Trai cò găng nhau, ngư ông thủ lợi (Yên II 13) truyện vẽ rắn thêm chân (Tề II, 4), truyện cáo mượn oai cạp (Sở I 3)...

Có hai truyện ngụ ngôn nữa ý nghĩa như truyện Trai cò găng nhau tức chuyện chó đuổi thỏ (Tề III 11) và truyện Trần Chấn thuyết vua Tần: hai cạp tranh nhau một người (Tần II 2), đều là khuyên để hai nước đánh nhau, mình đứng ngoài mà thủ lợi.

Có khi tác giả không dùng ngụ ngôn mà dùng một tỉ dụ có tác dụng như ngụ ngôn. Truyện nghe riết rồi tin (Ngụy II 17), Bàng Thông bảo vua Ngụy đại ý rằng: Ở chợ không có hổ, lẽ đó hiển nhiên, nhưng nếu một người bảo, rồi hai người, rồi ba người bảo thấy hổ ở chợ, thì tự nhiên lòng tin của ta phải lung lay.

Muốn cho vua chúa tin dùng mình, các biện sĩ thường phải dẫn tâm lý chung đó ra để ngăn họ đừng nghe lời gièm pha. Lần đó Bàng Thông kể chuyện cạp ở chợ; lần khác Cam Mậu

nhắc lại cố sự Tăng Sâm giết người: Tăng Sâm vốn là một người hiền hậu, học trò của Khổng Tử, mẹ Tăng Sâm lại rất tin con, vậy mà khi có một người, rồi hai, rồi ba người chạy tới báo Tăng Sâm giết người, bà cụ đâm hoảng, tin thật, trèo tường mà trốn (Tần II 6).

Ngụ ngôn người nước Sở gheo hai người đàn bà, một người thuận, một người mắng lại, rồi sao hỏi cưới người đàn bà trước kia đã mắng lại mình. (Trần Chấn lại đáp vua Tần - Tần I 12) cũng thường được dùng để thuyết phục nhà cầm quyền tin mình.

Nhiều khi lời biện thuyết có giọng ai oán. Tận trung mà vẫn bị nghi ngờ, Trần Chấn phải dẫn truyện Hiếu Kỷ hết lòng thờ cha mà bị cha đuổi đi (vì nghe lời vợ kế) rồi chết ở xa nhà, Ngũ Tử Tư hết lòng thờ vua Ngô mà bị vua Ngô đem bêu đầu (Tần I 11). Còn Diêu Cổ lập công với vua Tần mà bị kẻ gièm pha, bị vua Tần nghi ngờ, cũng phải dẫn truyện Tăng Sâm và Ngũ Tử Tư để giải bày lòng mình (Tần V 8).

Vậy thì cái đạo “thờ người” cũng khó thật. Trách chi chẳng có người thích con rùa lê đuôi trong bùn của Trang Chu.

Một ngụ ngôn cảm động là truyện Bá Nhạc và con ngựa kí (Sở IV 11) tả nỗi khát khao gặp tri kỉ của những kẻ có tài mà không được ai biết tới.

“Khi con ngựa kí tới tuổi già, người ta bắt nó kéo xe muối lên núi Thái Hàng, móng nó duỗi ra, đầu gối nó khuyu lại, đuôi nó, chân nó mồ hôi đầm đìa, rỏ giọt xuống đất, trộn với mồ hôi trắng. Giữa dốc nó thụt lùi (rán) đội càng xe lên nhưng không leo lên được nữa. Bá Nhạc gặp nó, xuống xe, vịn (ôm) đầu nó

mà khóc, cởi áo mà phủ cho nó, nó cúi đầu xuống mà phì hơi ra, ngừng cổ lên mà hí, tiếng hí động tới trời, trong trẻo như tiếng kim tiếng thạch”.

Truyện đó nhắc ta nhớ tới truyện mua xác ngựa (Yên 11). Cũng đem loài ngựa giỏi ra làm tỉ dụ, mà hai truyện ý nghĩa ngược nhau: gặp người giỏi mà không biết dùng, với muốn có người giỏi mà phải đi tìm khắp nơi.

Cũng có khi các biện sĩ không cùng ngụ ngôn, không dùng cố sự hay tỉ dụ mà lấy ngay truyện mình để can vua, như bài Trâu Kị khuyên vua nghe lời can (Tề I 12).

Bài Trang Tân khuyên Sở Tương Vương (Sở IV 4) chứa một ngụ ngôn có cái giọng của Trang Tử. Con chuồn chuồn, con se se, con học vàng trong truyện đó làm ta liên tưởng tới truyện con ve, con bọ ngựa, con chim khách của Trang. Một bên vì mãi vui mà quên thân, một bên vì lợi mà quên thân. Ý nghĩa thì sâu sắc mà kỹ thuật cũng giống nhau: đều dùng loài vật với người, đều theo phép tiệm tiến, từ những vật nhỏ tới những vật lớn, sau cùng tới bản thân kẻ đối thoại.

Chúng tôi chỉ mới kể ít ngụ ngôn chính còn nhiều nữa như Ngụy IV 16, Yên I 5...Xét chung thì về mặt dùng ngụ ngôn. Chiến Quốc Sách tuy kém Nam Hoa kinh⁽¹²⁾ nhưng hẳn Mạnh Tử.

Có một truyện mà chúng tôi hơi lấy làm lạ, vì nó lẻ loi và lạc lõng trong Chiến Quốc Sách, truyện Mặc Tử khuyên vua Sở

(12) Kém cả Liệt Tử nữa. Bộ Liệt Tử do Nguyễn Hiến Lê soạn và Lê Bối in

dùng đánh Tống (Tống 2). Mặc Tử sanh trước Mạnh Tử, chép cố sự của Mặc Tử thì sao không chép cố sự của Mạnh Tử, mà sao trong bao nhiêu lần biện thuyết của Mặc Tử lại chép chỉ có lần đó ? Phải chăng vì tác giả thích tỉ dụ Mặc Tử dùng trong truyện đó chăng? Đại ý Mặc Tử bảo vua Sở:

Nước Sở đã giàu mạnh hơn Tống, mà lại còn muốn chiếm đất của Tống, thì cũng không khác chi một người không thích chiếc xe đẹp của mình mà muốn lấy trộm chiếc xe tồi của hàng xóm.

Vua Sở nhận rằng mình trái, thôi không đánh Tống nữa. Trong Chiến Quốc Sách chỉ có vài ba truyện chống chiến tranh nhưng không chống một cách triệt để như bài trên mà chỉ chống trong một giai đoạn vì cái lợi của quốc gia (chẳng hạn bài Tề V 1).

*

● Muốn thuyết phục thì phải hiểu *tâm lý* người *đối thoại*, dựa theo họ mà dắt dẫn họ lần lần theo ý mình; qui tắc đó còn quan trọng hơn tất cả những thuật kể trên, và Hàn Phi trong bài *thuế nan* đã đặt nó lên hàng đầu. Ông viết:

“Du thuyết khó nhưng không khó ở chỗ trí thức của ta đủ thuyết phục được vua chúa hay không, cũng không khó ở chỗ khẩu tài của ta phát biểu được rõ ý của ta hay không, cũng không khó ở chỗ ta có dám tung hoành phóng dật diễn hết ý của ta hay không, mà khó ở chỗ hiểu tâm lý đối phương để cho lời của ta hợp với tình lý của họ”.

Xúc Chiệp không phải là một biện sĩ, chỉ là một lão thần của Triệu hiểu rõ tâm lý đàn bà mà thuyết phục được Triệu

Thái Hậu cho con là Trường An Quân qua Tề làm con tin (Triệu IV 18). Cả triều đình Triệu cũng đã rón khuyên Triệu Thái Hậu mà đều thất bại chỉ vì không nghĩ đến tấm lòng cứng con của một bà già, chỉ đem cái lợi của quốc gia ra mà nói, làm cho Thái Hậu nổi đóa lên, bảo: “ai mà còn nói đến chuyện đưa Trường An Quân đi làm con tin thì gái này tất nhổ vào mặt”.

Chính lúc Thái Hậu còn hằm hằm như vậy mà Xúc Chiệp vô yết kiến.

Ông chẳng nói gì đến chuyện Trường An Quân cả, mà toàn nói những chuyện băng quơ: hỏi thăm sức khỏe của Thái Hậu. Kể lễ bịnh tật của mình, lại xin ơn huệ cho một đứa con của mình để Thái Hậu nguôi giận, quên hẳn chuyện bực mình kia đi, rồi mới nói khích rằng đàn bà không cứng con bằng đàn ông. Thái hậu cãi lại, ông không đáp, tình tình chuyển qua tình Thái hậu yêu con gái là Yên hậu, để so sánh với tình Thái hậu yêu Trường An Quân, rốt cuộc làm cho Thái hậu phải nhận rằng yêu con thì phải lo đến tương lai cho con, và bằng lòng cho Trường An Quân qua Tề để có cơ hội “lập công với nước”.

Bài văn toàn bích, có mở, có kết, mạch lạc sáng sủa, không một chi tiết nào thừa, không một chi tiết nào thiếu, sự kiện biến chuyển một cách tự nhiên, tuy đột ngột mà vẫn tuần tự, tài tình đến nỗi chính ta là độc giả, người ngoài cuộc mà vẫn bị tác giả lôi kéo tới mục đích của tác giả mà không ngờ.

Một bài khác (Yên II 7) chép một truyện tình tiết gần giống truyện trên (cũng là một bà Thái hậu - nước Yên - không chịu cho con qua làm con tin ở Tề) nhưng nghệ thuật kém xa.

Một cái thú nữa là khi đọc Chiến Quốc Sách là được nghe những chuyện ứng đối mẫn tiệp, chuyển nguy thành an như

Công sư Tà khỏi bị cách chức (Đông Chu 9).

Người đất Ôn khéo đối đáp (Đông Chu 10)

Du Đẳng biện hộ cho vua Chu (Tây chu 3).

Cam La thuyết Trường Đường (Tần V 6). Có khi lại được mỉm cười vì sự ngốc nghếch của bọn cầm quyền như truyện Đông Chu 1, Tần I 12.

Vua Tề ham chín cái đỉnh của Chu mà bị Nhan Suất gạt, phàn nàn:

- Thế ra ông tới đây mấy lần cũng như không, ta chẳng được gì ư?

Mặt vua Tần lúc đó chắc phải ngẩn ra như một em bé mất kẹo.

Vậy mà Nhan Suất vẫn nghiêm trang thưa:

- Thần đâu dám gạt đại quốc, xin đại vương gấp quyết định chỗ đỉnh theo đường nào, tề ấp sẽ dời đỉnh để đợi lệnh.

Vua Tần nghe lời gièm pha của Trương Nghi, hỏi Trần Chấn muốn đi đâu, nếu không được dùng ở Tần nữa, định bụng rằng Trần Chấn mà xin qua Sở thì sẽ mắng cho một trận, chưa biết chừng sẽ giết nữa (vì Tần với Sở nghịch nhau).

Trần Chấn thản nhiên xin qua Sở, rồi thuyết một hồi, làm vua Tần cứng họng, đã không còn trách Trần Chấn vào đâu được mà lại trọng đãi Chấn hơn trước.

Thời Chiến Quốc quả là thời tung hoành của bọn tung hoành gia, chỉ vì bọn vua chúa thường ngu dại mà bọn biện sĩ thì quá thông minh, quỉ quyết.

*

Sau cùng chúng tôi xin giới thiệu một bài mà kỹ thuật rất đặc biệt, chúng tôi chưa từng thấy trong văn học Trung Quốc, bài mưu mô Tô Tần (Tề III 1).

Bài đó không phải là một bài biện thuyết, chỉ là một bài tự sự mà có pha chút phê bình. Tác giả chép lại mưu mô của Tô Tần: vua Sở Hoài Vương mất, trong khi thái tử tên là Hoàn làm con tin ở Tề; Tô Tần khuyên Tiết Công (vua Tề) không cho thái tử Hoàn về Sở để “khai thác” biến cố đó.

Rồi tác giả liệt kê ra tới mười hậu quả của việc giữ thái tử Sở lại, cả mười hậu quả đều do mưu mô Tô Tần gây ra, có hậu quả lợi cho Tô Tần, có hậu quả cho Tề hại Sở, cho thái tử Sở, lại có hậu quả tưởng như hại cho Tô Tần nữa.

Đó là đoạn đầu trong bài, dài khoảng nửa trang qua đoạn sau, dài ba trang, tác giả dẫn chứng về mười hậu quả mới kể trên, chép lại những hành động kế tiếp của Tô Tần trong vụ ấy. Ta có cảm tưởng là được coi một ván cờ trong đó xảo thủ Tô Tần tính trước được mười nước đi.

Nhưng đây mới là chỗ đặc biệt của bài văn. Tác giả kê ra mười hậu quả (trong bản dịch chúng tôi đã làm thêm công việc đánh số 1 đến 10 để đọc giả dễ nhận ra); mà khi dẫn việc để chứng minh, tác giả theo đúng thứ tự từ 1 đến 9, rồi ngưng lại, làm cho ta phải tự hỏi: Tác giả đã sơ ý bỏ dở hay đã cố ý bỏ lửng.

Xét lối trình bày cả bài ta thấy tác giả đã sắp đặt, bố cục rất kỹ lưỡng, đã chứng minh một cách rành rọt gần như bài toán Hình học (cứ sau mỗi đoạn ở phần sau, tác giả lại kết một câu:

Vì vậy mà bảo rằng: "... (nhắc lại đúng hậu quả đã kê ở phần trên)... ", y như những chữ C.Q.F.D. mà hồi xưa người ta thường ghi sau những bài toán Hình học); xét như vậy thì chúng tôi không tin tác giả đã sơ ý bỏ dỡ, không chứng minh điểm thứ 10. Chắc tác giả đã cố ý bỏ lửng, để chúng ta tự chứng minh nốt, tự đoán ra những lời Tô Tần tự biện hộ với Tiết Công. Và thuật đó làm cho ta ngạc nhiên một cách thích thú.

Bài đó không phải là bài hay nhất trong bộ, nhưng quả là có một kỹ thuật mới mẻ; nhưng phải đọc kỹ mới nhận ra được sự dụng công của người viết.

*

Chiến Quốc Sách có nhiều khuyết điểm: thiếu tính cách nhất trí, mà nghệ thuật cũng không đều.

- Thiếu tính cách nhất trí vì cùng một việc mà mỗi chỗ chép một khác, cùng một người mà mỗi chỗ gọi tên một khác (coi trang 25, 26), và ngoài cái việc chép lại hết những mưu mô của người thời đó (chính khách có, triết gia có, bình dân có, trẻ em cũng có nữa), ta không thấy tác phẩm có một chủ đề nào cả, không thấy tác giả có một chủ kiến nào cả. Tác phẩm do nhiều người viết - điều đó mọi học giả đều nhận rồi - nhưng người thu thập các bài văn cơ hồ cũng không nhằm một mục đích nào, chỉ cốt gom góp cho đủ.

- Một phần vì lẽ đó mà nghệ thuật các bài cũng không đều.

Có những bài nghệ thuật rất cao mà trên chúng tôi đã giới thiệu, thì lại có những bài viết rất kém.

Chẳng hạn bài Phùng Chương gạt vua Sở (Tần II 7), chỉ chép một hành động gian trá chứ không xảo trá, không đáng gọi là nghệ thuật gạt người, chứ đừng nói là thuật biện thuyết. Vua Tần sai Phùng Chương hứa cắt đất Hán Trung cho Sở để Sở về phe mình. Khi vua Sở nhắc lại lời hứa, thì vua Tần làm bộ đuổi Phùng Chương đi rồi trả lời vua Sở rằng mình có hứa gì đâu. Thật là con nít ! Vua chúa gì mà như vậy.

Còn nhiều bài nữa mà chúng tôi bỏ đi không dịch.

Có những bài thuật kể chuyện không phải là kém, nhưng thiếu tính cách nhất trí, đoạn trên và đoạn dưới không ăn khớp với nhau cơ hồ như tác giả tham lam chi tiết, muốn chép lại cho nhiều, hoặc vội vàng đáng lẽ tách bài ra làm hai thì lại gom lại làm một, như bài Tề Mẫn Vương tàn bạo mà bị giết (Tề VI 1). Mẫn Vương tàn bạo tới nỗi dân chúng, bách quan và cả tôn thất nữa đều ghét. Náo Xỉ giết là phải rồi. Sao đoạn cuối tác giả còn chép thêm việc Vương Tôn Giả trả thù cho Mẫn Vương làm chi. Ít nhất tác giả cũng phải giảng giải gì thêm (Chẳng hạn Vương Tôn Giả được Mẫn Vương đặc biệt tín nhiệm, yêu quý) thì ta mới hiểu được hành động của Giả. Trong Intrigues, Crump dịch mà cắt bỏ đoạn cuối đó đi là có lý.

Truyện Tô Tần thuyết Lý Đoài (Triệu I 8) cũng rời rạc, và cần phải đưa thêm nhiều chi tiết nữa để chứng thực lời này của Tô Tần: “Hôm qua lời bàn của tôi thô bạo mà chúa công của ông động lòng”.

Nhiều bài trung nghĩa, rất giống nhau.

Chẳng hạn bài Tần III 9 Phạm Tuy thuyết vua Tần Chiêu Vương mà gièm pha Nhương hầu là chuyên quyền, vua Tần đã

nghe lời, đuổi Nhược Hô đi. Rồi sau bài (Tân III 10), nửa dưới gần như lập lại đúng những ý trong những bài trên, cũng lại cho Phạm Tuy gièm pha Nhược Hô nữa, cho nên Chung Phụng Niên ngờ rằng hai bài đó do hai người viết.

Ngụ ngôn tượng thần bằng đất và tượng thần bằng gỗ nhắc đi nhắc lại nhiều lần, truyện hiếu từ Tăng Sâm và trung thần Tử Tư cũng vậy. Và như chúng tôi đã thưa, truyện Xúc Chiệp thuyết Triệu Thái Hậu và truyện Trần Thuý thuyết Yên Thái Hậu gần y hệt nhau: truyện Yên I 5 (Tô Tần tự biện hộ) và truyện Yên I 13 (đều chép ngụ ngôn - hay cố sự) người vợ bé muốn cứu chồng mà bị chồng đánh nhưng trong truyện trên là lời của Tô Tần, trong truyện dưới là lời của Tô Đại.

Mặc dù có những khuyết điểm đó, Chiến Quốc Sách vẫn là một tác phẩm bất hủ. Tuy về phương diện chép truyện nhiều chỗ kém *Sử Ký* của Tư Mã Thiên, về phương diện dùng ngụ ngôn, cố sự thường kém *Nam Hoa kinh* của Trang Tử, nhưng bốn năm trăm bài dài ngắn khác nhau đó, chúng ta có thể lựa được vài chục bài hoặc tự sự hoặc biện thuyết đáng coi là những viên ngọc quý nhất của cổ văn Trung Quốc, đến *Sử ký* và *Nam Hoa kinh* cũng không hơn được. Người đời sau thường nêu cuốn đó là mẫu mực về cổ văn cũng là phải.

PHẦN II

Trích dịch

Lời dẫn

Như phần trên chúng tôi đã nói, có rất nhiều bản Chiến Quốc Sách, nhưng chúng tôi chỉ kiểm được ba bản:

1. - Bản **Chiến Quốc Sách** do Cao Dụ chú, trong loại Quốc học cơ bản từng thư của nhà *Thương Vụ ấn thư quán* in năm 1958 ở Thượng Hải. (chúng tôi gọi tắt là Cao Dụ).

Bản này in kỹ, không có lỗi, có ghi cả những lời hiệu đính của Tăng Cung, Bão Bưu... lại có chú thích in ngay trong bài, nhưng không được kỹ, nhân danh, địa danh không làm dấu, thành thử những người mới học đọc hơi khó khăn.

Cứ chép một bài rồi xuống hàng, không đánh dấu số bài, cũng không đặt nhan đề cho bài.

2. - Bản *Chiến Quốc Sách* do *Hứa Khiếu Thiên* chú của nhà *Tân Lục thư cục*, in năm 1962 ở Đài Bắc. (Chúng tôi gọi tắt là Hứa Khiếu Thiên).

Bản này in vội, mắc nhiều lỗi, chú giải tuy tương đối kỹ, nhưng có nhiều chỗ rườm hoặc sai, trái lại có nhiều chỗ đáng

giảng thì lại không giảng. Sự trình bày không tiện, không hợp lý: những lời chú giải đặt ở cuối mỗi bài không đánh số, cho nên kiếm hơi mệt; lại thêm soạn giả phân biệt những điều chú giải ra hai loại: khảo và chú, chỉ thêm mất công người đọc, vì có chữ đáng cho vào chú thì lại cho vào khảo, và ngược lại.

Nhưng bản này có chỗ tiện hơn bản trên là nhân danh, địa danh có làm dấu (nhiều chỗ sai), và có đánh số mỗi bài, nhưng không cho nhan đề.

Cách đánh số của Hứa đôi chỗ không hợp lý: có bài nên tách ra thì soạn giả gom lại: Ví dụ bài Tần I 3, bản Cao Dụ tách ra làm hai là phải, Hứa Khiếu Thiên gom lại là sai. (Trong bản dịch chúng tôi bỏ lại phần dưới: Tần I 4). Bài Tống 6 cũng vậy, tách ra làm hai như Cao Dụ thì hợp lý hơn.

Lại có bài như bài Vệ 14 Hứa tách ra làm hai Vệ 12 và Vệ 13, Cao Dụ gom lại làm một.

Nhưng chính bản Cao Dụ nhiều khi cũng vô lý: như bài Tần II 12 và 13, không nên gom lại, Hứa Khiếu Thiên tách ra là phải; bài Chu 5 và 6 cũng vậy⁽¹⁾.

Như vậy toàn bộ Chiến Quốc Sách bản Cao Dụ, gồm:

Quyển I. Đông Chu 23 bài. Q.2 Tây Chu 17 bài. Q. 3. Tần I

⁽¹⁾ Chúng tôi lại tách thêm những bài này nữa: Tần IV 5 (thành 5 và 6) Hứa gom: Tế III 11 (thành 11 và 12) Cao Dụ gom; Hàn II 8 (thành 8 và 9) Hứa gom; Hàn III 11 (thành 11, 12, 13) Hứa gom; Trung Sơn 7 (thành 7 và 8) Cao Dụ gom riêng bài Hàn III 5 và 6 mà Diệp gom thì chúng tôi tách, nhưng theo một cách khác, Không giống Cao Dụ và Hứa.

12 bài. Q. 4. Tần II 16 bài. Q. 5. Tần III 17 bài. Q. 6. Tần IV 9 bài. Q.7. Tần V 8 bài. Q.8. Tề I 17 bài. Q. 9. Tề II 8 bài. Q.10. Tề III 12 bài. Q.11. Tề IV 10 bài. Q. 12. Tề V 1 bài. Q. 13. Tề VI 8 bài. Q. 14. Sở I 19 bài. Q.15. Sở II 8 bài. Q. 16. Sở III 10 bài. Q. 17. Sở IV 13 bài. Q. 18. Triệu I 17 bài. Q. 19. Triệu II 7 bài Q.20. Triệu III 21 bài. Q.21. Triệu IV 19 bài. Q. 22. Ngụy I 26 bài. Q.23. Ngụy II 18 bài. Q. 24. Ngụy III 10 bài. Q.25. Ngụy IV 25 bài. Q.26. Hàn I 24 bài. Q. 27. Hàn II 19 bài. Q. 28. Hàn III 22 bài. Q. 29. Yên I 14 bài. Q.30. Yên II 14 bài. Q.31. Yên III 5 bài. Q. 32. Tống, Vệ 14 bài. Q.33. Trung Sơn 10 bài. Cộng là 473 bài.

3. - Bản Bạch Thoại **Chiến Quốc Sách** độc bản do Cao Dụ chú *Diệp Ngọc Lân* dịch ra bạch thoại, gồm hai quyển, của nhà Quảng Ích thư cục in năm 1947 ở Thượng Hải. (Chúng tôi gọi tắt là *Diệp Ngọc Lân*).

Bản này khác hẳn hai bản trên, không in hết những bài trong **Chiến Quốc Sách** mà chỉ lựa độ một nửa, chú thích của Cao Dụ in ngay ở trong bài, cuối bài lại dịch ra bạch thoại, nhân danh địa danh đều làm dấu, nên rất tiện cho những người mới học. In khá kỹ, ít lỗi, nhưng khi dịch thì có đôi chỗ sai.

Không đánh số bài, nhưng mỗi bài dùng ngay mấy chữ đầu hoặc tóm tắt câu đầu mà làm nhan đề (Chẳng hạn bài đầu bộ, câu đầu là: “Tần hưng sư lâm Chu nhi cầu cứu đỉnh” thì lấy mấy chữ này: “Tần cầu cứu đỉnh” làm nhan đề.

Đầu bộ có mục lục các bài (hai bản trên có mục lục ấy, vì không có nhan đề cho mỗi bài), nên công việc tìm kiếm cũng dễ được một phần nào.

Chúng tôi dùng cả ba bản kể trên và mỗi khi thấy có điểm gì đáng nghi ngờ trong hai bản Hứa Khiêm Thiên và Diệp Ngọc Lân thì dùng bản Cao Dụ mà quyết nghi.

Ngoài ra chúng tôi còn tham khảo thêm.

4. *Cuốn Intrigues - Studies of the Chan - Kuo Ts'e của J.i. Crump, Jr. do The University of Michigan in năm 1964 (chúng tôi gọi tắt là Crump).*

Tác giả là một giáo sư dạy Hoa ngữ ở một trường Đại học Michigan (Huê kỳ) có công nghiên cứu về Chiến Quốc Sách và đăng bài trên tạp chí thông báo (T'oung - Pao) số 48 năm 1960, mà các thư viện ở Saigon đều không có, nên chúng tôi không được đọc.

Cuốn *Intrigues* biên khảo về phương diện sử liệu và văn học trong Chiến Quốc Sách, chứ không phải là một bản dịch toàn bộ Chiến Quốc Sách; vì vậy tác giả dịch khoảng năm chục bài để dẫn chứng thôi, mà những bài đó không nhất định là những bài hay nhất. Mặc dù vậy cuốn đó đã giúp chúng tôi nhiều vì viết ra công phu và chứa nhiều nhận xét mới mẻ. Sự thực thì từ trước tới nay chúng tôi cũng chỉ mới thấy một tác phẩm đó là nghiên cứu về Chiến Quốc Sách.

Những bài trích dịch, Crump đều đánh số, nhưng những số của ông khác hẳn những số trong bản Hứa Khiếu Thiên.

5. *Cuốn Anthologie raisonnée de la littérature chinoise của Margouliès do nhà Payot xuất bản năm 1948. (Chúng tôi gọi tắt là Margouliès).* Cuốn này dịch 13 bài trong Chiến Quốc Sách, nhưng dịch không sát và có chỗ sai, nên không giúp chúng tôi được bao nhiêu.

Margouliè còn cuốn *Le Kou - Wen Chinois* (Payot 1926) trong đó có dịch thêm sáu bài Chiến Quốc Sách nữa, nhưng sách đã tuyệt bản, chúng tôi kiếm không ra; và cuốn *Histoire de la littérature chinoise (Prose)* cũng do Payot xuất bản, năm 1949, trong đó ông chỉ giới thiệu qua loa Chiến Quốc Sách thôi.

*

Công việc của chúng tôi ở phần II này nhằm chung một mục đích với công việc của Diệp Ngọc Lân. Chúng tôi cũng lựa khoảng nửa số bài trong Chiến Quốc Sách để giới thiệu với độc giả, nhưng những bài chúng tôi lựa không nhất thiết là những bài họ Diệp lựa. Tất nhiên chúng tôi dịch hết những bài có giá trị về nghệ thuật, chúng tôi lại dịch thêm những bài để dẫn chứng cho phần I (phần giới thiệu), và một số bài khác với tính cách vui vui nữa. Chủ ý của chúng tôi là giúp độc giả có thể vừa tiến khá sâu vào văn học Trung Quốc, vừa tìm trong tập này những kinh nghiệm của cổ nhân về tâm lí, hành động của bọn chính khách trong một thời hạn, như trong mấy năm gần đây một số ký giả đã làm trên các báo.

Số bài khá nhiều. Muốn cho độc giả dễ tìm kiếm, chúng tôi đã đánh số mỗi bài (chúng tôi đánh số lại chứ không theo những số của Hứa Khiếu Thiên vì những lẽ đã trình bày ở trên); chúng tôi lại đặt hai nhan đề cho mỗi bài: một nhan đề tóm lại đại ý trong bài và một nhan đề dùng ngay mấy chữ đầu trong bài như Diệp Ngọc Lân đã làm. Như vậy độc giả nào nhớ mang máng một truyện có thể coi mục lục mà kiếm ra được ở trang nào, rồi có muốn đối chiếu với một bản chữ Hán, không ghi số bài thì cứ theo nhan đề chữ Hán mà dò tất sẽ thấy.

Chúng tôi đã cố dịch cho sát và chú thích cho gọn; gặp chỗ nào chưa tra ra được thì tồn nghi. Chúng tôi chỉ chú thích nhân danh địa danh nào quan trọng hoặc thường gặp trong bộ, còn thì bỏ bớt đi cho khỏi rườm. Gặp một tên, một chữ đã chú thích ở một bài trên rồi, chúng tôi không chú thích lại nữa, nhưng ở cuối sách chúng tôi lập một bản nhân danh, địa danh quan trọng trong sách và ghi số trang có chú thích để độc giả khỏi kiếm.

Trong bảng Mục lục, gặp bài nào Crump và Margouliès đã dịch rồi thì chúng tôi ghi lại để độc giả có thể tìm mà đối chiếu. Crump đánh số mỗi bài mà Margouliès không, cho nên bài của Margouliès chúng tôi phải ghi số trang trong cuốn *Anthologie raisonnée de la littérature chinoise*.

Sau cùng trong phần phụ lục chúng tôi theo bảng niên biểu ở cuối bộ Từ Hải mà ghi lại những việc quan trọng trong thời Chiến Quốc.

Chúng tôi biết rằng công việc của chúng tôi còn nhiều chỗ sơ sót, dám mong được độc giả chỉ bảo.

Saigon, ngày 15-11-1966

CHƯƠNG I

Chu sách

Đông Chu: có hai nghĩa. Một nghĩa trở triều đại như: Đông Chu liệt quốc. Đời Chu chia làm hai thời kỳ: thời kỳ thứ nhất đóng đô ở đất phong Cảo (miền Thiểm Tây bây giờ), gọi là Tây Chu (1134-770); đến đời U Vương sợ rợ Tây Nhung, phải dời đô qua Lạc Dương (Hà Nam) để tránh, từ đó gọi là Đông Chu (770-221). Cũng có sách chép rằng U Vương bị Tây Nhung giết rồi Bình Vương bị uy hiếp mới thiên đô.

Một nghĩa nữa, tức nghĩa dùng trong cuốn này, trở tên nước, thời Xuân Thu, vua nước Chu là Thiên tử, phong các nước Tần, Sở, Triệu, Ngụy, Hàn, Yên, Tống, Vệ, Trung Sơn... làm chư hầu. Chư hầu mỗi ngày một mạnh, xâm chiếm đất đai của Chu, đến thời Chiến Quốc, Chu chỉ còn một khu nhỏ.

Khi Chu khảo Vương (440-424) mới lên ngôi, phong cho một người em tên là Yết ở Hà Nam, gọi là Hà Nam Hoàn Công; Hoàn Công truyền ngôi cho Uy Công, Uy Công truyền ngôi cho Huệ Công, Huệ Công lại phong cho một người con tên là Ban làm vua ở đất Cửng, gọi là Đông Chu. Từ đó trở đi, có hai nước Chu: Đông Chu và Tây Chu. Trong cuốn này, gọi là vua Chu thì có khi trở vua Đông Chu, có khi trở vua Tây Chu.

Đông Chu

1

TẦN ĐÒI CHÍN CÁI ĐỈNH CỦA CHU

(Tần cầu Chu cứu đỉnh)

Tần đem quân đánh Chu để đòi chín cái đỉnh⁽¹⁾. Vua Chu (Hiển Vương) lo lắng, bàn với một vị đại thần là Nhan Suất. Nhan Suất tâu:

- Đại vương đừng lo, thần xin qua phía đông cầu cứu với Tề.

Nhan Suất tới Tề, tâu với vua Tề (Tuyên Vương):

⁽¹⁾ Chín đỉnh: vua Vũ Vương (2205-2196) đời Hạ thu phục được chín châu rồi, gom góp số đồng trong nước mà đúc chín cái đỉnh rất lớn, bày trong hoàng cung để tượng trưng cho chín châu. Sau chín đỉnh đó thành bảo vật để truyền ngôi thiên tử; ai được chín đỉnh đó thì thành thiên tử. Tới đời Chu Hiến Vương, nhà Chu đã suy, Tần muốn lấy chín đỉnh, tức muốn tiếm ngôi thiên tử.

- Tần là kẻ vô đạo, muốn đem quân đánh Chu để đòi chín cái đỉnh. Vua Chu nước tôi bàn tính với nhau, thà tặng đại quốc chín cái đỉnh còn hơn là để cho Tần lấy mất. Đã được tiếng tốt là cứu một nước lâm nguy mà lại được bảo vật là chín cái đỉnh, xin Đại Vương suy tính cho.

Vua Tề mừng lắm, sai Trần Thần Tư⁽²⁾ đem năm vạn quân cứu Chu; Tần phải rút quân về. Tề sửa soạn đòi chín cái đỉnh. Vua Chu lại lo, Nhan Suất tâu:

- Xin Đại vương đừng lo, thần xin qua phía đông dàn xếp.

Nhan Suất tới Tề, tâu với vua Tề:

- Nhờ nghĩa cử của đại quốc mà vua tôi, cha con nước tôi bảo toàn được lẫn nhau. Vậy nước tôi xin dâng chín cái đỉnh. Không rõ đại quốc sẽ do con đường nào chở nó về Tề?

Vua Tề đáp:

- Quả nhân tính mượn đường của nước Lương.

Nhan Suất thưa.

- Không nên. Đã từ lâu, vua tôi nước Lương muốn được chín cái đỉnh để bày ở phía dưới Huy Đài, phía trên Thiểu Hải⁽³⁾; vậy đỉnh mà vô Lương đâu còn ra được nữa.

⁽²⁾ Việc kể ra trong bài này xảy ra ở đời Chu Hiến Vương năm 23 (346 trước Tây lịch).

Trần Thần Tư: cũng có sách gọi là Diển Thần Tư, vì hai họ Diển và Trần đều là công hầu của Tề. Lại có chỗ gọi là Diển Kỳ Tư.

(3) Huy Đài không biết ở đâu. Thiểu Hải cũng gọi là Sa Hải, nay ở phía bắc huyện khai phong, tỉnh Hà Nam.

Vua Tề bảo:

- Vậy thì quả nhân mượn đường của Sở.

Đáp:

- Không nên, đã từ lâu, vua tôi nước Sở đều muốn được chín cái đỉnh để bày trong Diệp Đình⁽⁴⁾; nếu đỉnh mà vô Sở, tất không còn ra được nữa.

Vua Tề hỏi:

- Vậy thì rốt cuộc quả nhân phải dùng con đường nào mà đưa nó về Tề?

Nhan Suất đáp:

- Việc đó tề ấp⁽⁵⁾ vốn lo giùm Đại Vương. Đỉnh không phải như vò dấm, hủ tương mà có thể ôm cắp, mang xách nó tới Tề được; nó cũng không phải như con chim con quạ, con thỏ, con ngựa mà có thể vụt bay, vụt chạy tới Tề rồi ngừng. Xưa nhà Chu đánh nhà Ân mà được chín cái đỉnh⁽⁶⁾, cứ mỗi cái đỉnh thì phải có chín vạn người kéo, chín nhân với chín, thành tám mươi mốt vạn người; phải đủ quân lính, khí giới, đồ dùng cho xứng với công việc đó. Nay ví phỏng như Đại Vương có đủ số người thì theo con đường nào mà chở đỉnh ra cho được? Thần

⁽⁴⁾ Diệp Đình không biết ở đâu.

⁽⁵⁾ Tề ấp: lời nói nhũn, không xưng là tề quốc, mà xưng là tề ấp, tự cho Chu chỉ nhỏ như một ấp của Tề.

⁽⁶⁾ Được chín cái đỉnh: vua Trụ nhà Ân (tức nhà Thương) bạo ngược, vua Chu Vũ Vương diệt Trụ, lên Thiên tử mà làm chủ chín cái đỉnh.

trộm lo giùm Đại Vương về việc đó!

Vua Tề bảo:

- Thế ra ông tới đây mấy lần cũng như không, ta chẳng được gì ư?

Nhan Suất thưa:

-Thần đâu dám gạt đại quốc, xin Đại Vương gấp quyết định chỗ đình theo đường nào, tề ấp sẽ dời chín đình để chờ đợi lệnh.

Vua Tề bèn bỏ việc đòi đình.

2

TẦN TẤN CÔNG NGHI DƯƠNG (Tần công Nghi Dương)

Tần tấn công Nghi Dương⁽¹⁾. Vua Chu hỏi (bề tôi là) Triệu Lũy:

- Ông cho việc đó sẽ ra sao?

Triệu Lũy đáp:

- Nghi Dương tất mất.

- Thành Nghi Dương tám dặm, binh giỏi có tới mười vạn,

⁽¹⁾ Nghi Dương: tên đất ở nước Hàn, ngày nay ở phía đông huyện Nghi Dương tỉnh Hà Nam. Việc này xảy năm thứ 7 đời Chu Noãn Vương, tức năm 306 trước Tây lịch.

lúa đủ ăn vài năm; quân của Công Trọng⁽²⁾ có tới vài chục vạn, Cảnh Thuý⁽³⁾ đem quân lính đông đúc của Sở, tới núi mà cứu Hàn, như vậy Tần tất không thắng đâu.

- Cam Mậu⁽⁴⁾ làm lữ khách nước Tần, đánh Nghi Dương mà thắng thì công ngang với Chu Công Đán⁽⁵⁾; nếu không thắng thì phải bỏ Tần mà đi⁽⁶⁾. Vua Tần không nghe lời khuyên của bề tôi và bậc cha anh⁽⁷⁾ mà đánh Nghi Dương; Nghi Dương không chiếm được thì vua Tần sẽ lấy làm nhục. Vì vậy thần bảo rằng Nghi Dương tất mất.

Nhà vua hỏi:

-Ông mưu tính giùm quả nhân, nên làm sao bây giờ?

Đáp:

- Đại Vương nên bảo Cảnh Thuý rằng: “Tước của ông vào hạng được cầm ngọc khuê⁽⁸⁾, chức của ông vào hàng trụ quốc⁽⁹⁾; đánh (Nghi Dương) mà thắng thì cũng không được

(2) Công Trọng: tể tướng nước Hàn, có nhiều binh mã.

(3) Cảnh Thuý: tướng nước Sở. Lúc đó Sở và Hàn liên minh với nhau. Tần đánh Hàn thì Sở sai Cảnh Thuý cứu Hàn.

(4) Cam Mậu: người ở đất Cảnh Thái, qua làm tướng quân ở Tần, cầm quân đánh Nghi Dương.

(5) Chu Công Đán: em vua Chu Võ Vương và chú vua Thành Vương. Tên ông là Đán, Thành Vương lên ngôi khi còn nhỏ tuổi, Chu Công nhiếp chính. Em ông là Quản Thúc làm loạn, ông dẹp được, trước sau trung thành với Thành Vương, có công rất lớn với nhà Chu.

(6) Nguyên văn: tước tịch. Có sách giảng là bị tước mất chức tước, tên hiệu; có sách là: không còn lưu lại dấu chân.

(7) Cam Mậu đánh Nghi Dương, luôn 5 tháng không hạ được, trong triều nhiều người khuyên, vua Tần không nghe, còn đem hết quân trong nước để tiếp Cam Mậu. Cha anh: trở những người trong tôn thất có quyền binh ở triều đình.

(8) Ngọc Khuê: ngọc trên nhọn dưới vuông, thiên tử phong vua chư hầu thì ban cho ngọc đó.

thêm chức tước nữa, mà thua thì bị tử tội. Không bằng ngóng ở phía sau quân Tần, (làm bộ) cứu viện Nghi Dương ⁽¹⁰⁾. Ông mà tiến quân thì Tần sợ ông thừa lúc họ mệt mỏi mà đánh họ tất đem châu báu dâng ông; mà Công Trọng kính mộ ông đánh Tần để cứu mình, có bao nhiêu châu báu sẽ dâng ông hết”.

Tần lấy được Nghi Dương. Cảnh Thúy quả nhiên tiến binh; Tần sợ vội dâng Sở đất Chủ Tảo, nước Hàn cũng dâng nhiều bảo vật. Thành thủ Cảnh Thúy được thành của Tần, bảo vật của Hàn mà lại được Đông Chu mang ơn nữa ⁽¹¹⁾.

⁽⁹⁾ Trạ quốc: một chức đại thần của Sở.

⁽¹⁰⁾ Nguyên văn: “bất như bối Tần viện Nghi Dương”, nghĩa rất tốt. Diệp Ngọc Lân và Hứa Khiếu Thiên đều không chú thích. Crump dịch là “quay lưng lại” (to turn his back on Ch'in). Nhưng sao lại “viện”, cứu viện Nghi Dương? vì câu trên Triệu Lũy mới tỏ ý khuyên Cảnh Thúy đừng dự vào trận Nghi Dương.

Theo Crump, trang 151, thì Ngô Sư Đạo, cho rằng phải sửa như vậy: “bất như bội Tần. Tấn bạt Nghi Dương” (phải thêm một chữ Tấn và đổi chữ viện ra chữ bạt và câu đó có nghĩa là: “không bằng quay lưng lại Tấn. Khi Tấn hạ Nghi Dương rồi, thì ông sẽ tiến quân... Nghĩa vẫn chưa xuôi: không cứu Nghi Dương để Tấn chiếm Nghi Dương rồi, sẽ mạnh hơn, còn sợ gì Cảnh Thúy nữa?

Một nhà hiệu chú Nhật, Yên tỉnh Tiểu Thái Lang (Yasui Kotaro) lại bảo: phải hiểu là: “quay lưng lại chiến trường (Nghi Dương), đừng đánh Tấn; rồi khi Tấn chiếm Nghi Dương rồi mới cứu Nghi Dương”. Giải nghĩa như vậy thì Crump không hiểu nổi mà chúng tôi cũng không hiểu nổi.

Chúng tôi tạm theo chú thích trong Quốc Sách tinh hoa (Thế giới thư cục) mà dịch như trên.

⁽¹¹⁾ Vì Đông Chu ở sát Hàn; Tấn mà thắng Hàn thì Đông Chu cũng lâm nguy.

* Những số thiếu là những bài chúng tôi bỏ. Sau cũng vậy.

4

TÔ TỬ THUYẾT VUA TÂY CHU THÁO
NƯỚC CHO ĐÔNG CHU TRỒNG LÚA NẾP

(Đông Chu dục vi đạo)

Đông Chu muốn trồng lúa nếp, Tây Chu không muốn tháo nước⁽¹⁾, Đông Chu đâm lo. Tô Tử⁽²⁾ tâu với vua Đông Chu.

- Thân xin đi thuyết cho Tây Chu tháo nước Đại Vương nghĩ sao?

Rồi qua yết kiến vua Tây Chu, tâu:

-Đại Vương tính lắm rồi. Đại Vương không tháo nước là làm giàu cho Đông Chu đấy. Dân Đông Chu đều trồng lúa mì, ngoài ra không trồng gì khác; Đại Vương như muốn hại Đông Chu thì không gì bằng tháo nước cho lúa mì hư hết. Tháo nước rồi, Đông Chu tất trồng lại lúa nếp; họ trồng lúa nếp rồi lại ngăn

(1) Đông Chu và Tây Chu đều ở trên bờ hai con sông Hà và Lạc, Tây Chu ở về phía thượng lưu, Đông Chu ở về phía hạ lưu. Ở thượng lưu mà đắp đập ngăn nước thì ở hạ lưu không có nước để trồng lúa nếp, lúa nếp sẽ chết. Trái lại, lúa mì không cần nước, nếu tháo nước ở trên, thì ở dưới lúa mì ngập nước sẽ chết.

(2) Tô Tử có lẽ là Tô Tấn, một biện sĩ nổi danh thời Chiến Quốc chủ trương hợp tung. Xem Truyện Tô Tấn (Tấn I 2).

nước lại, như vậy thì dân Đông Chu tất ngóng cả về Tây Chu mà chịu mệnh lệnh của Đại Vương.

Vua Tây Chu khen:

- kế đó hay.

Rồi ra lệnh cho tháo nước.

Mà Tô Tử cũng nhận được tiền của hai nước.

5

TÔ LỆ NÓI GIÙM CHO TƯỚNG QUỐC CHU

(Chiêu Hiến tại Dương Địch)

Chiêu Hiến ⁽¹⁾ đương ở Dương Địch. Vua Chu tính sai tướng quốc tới yết kiến Chiêu Hiến, tướng quốc không muốn đi. Tô Lệ ⁽²⁾ tâu giúp tướng quốc với vua Chu:

- Xưa vua Sở và vua Ngụy hội họp, thì Đại Vương sai Trần Phong qua Sở, sai Hương Công qua Ngụy. Sở và Hàn họp thì Đại Vương sai Hứa Công qua Sở, sai Hương Công qua Hàn ⁽³⁾. Nay Chiêu Hiến không phải là bực vua chúa, mà Đại Vương sai tướng quốc tới yết kiến. Nếu là vua Sở, Sở Vương Địch thì Đại Vương sẽ sai ai tới yết kiến?

⁽¹⁾ Chiêu Hiến là tể tướng nước Sở, tức Chiêu Hề Tuất. Trong bộ sử ký sách ẩn ký, còn gọi là Chiêu Ngự.

⁽²⁾ Tô Lệ là người đất Lạc Dương là em Tô Tấn, học được tài thuyết khách của anh.

⁽³⁾ Trần Phong, Hương Công, Hứa Công đều là bề tôi nhà Chu.

Vua Chu khen:

- Phải

Rồi không sai tướng quốc đi nữa.

6

TẦN MƯỢN ĐƯỜNG CỦA CHU ĐỂ ĐÁNH HÀN

(Tần giả đạo ư Chu dĩ phạt Hàn)

Tần hỏi mượn đường của Chu để đánh Hàn; Chu sợ cho mượn thì Hàn oán mà không cho mượn thì Tần oán. Sử Yểm tâu với vua Chu⁽¹⁾.

Sao Đại Vương không sai người bảo Hàn Công Thúc (đại thần của Hàn) rằng: “Tần dám vượt ải mà đánh Hàn là tin ở Đông Chu. Sao ông không cắt đất cho Chu? Rồi sai một vị đại sứ đi Sở, như vậy Tần tất nghi; Tần không tin Chu nữa thì tất sẽ không đánh Hàn”. Rồi lại bảo vua Tần: “Hàn chịu khuất, cắt đất cho Chu là muốn cho Tần nghi Chu. Vì vậy quả nhân không dám nhận”.

Tần tất không có lẽ gì mà bảo Chu đừng nhận. Như vậy là được đất của Hàn mà vẫn tuân lệnh của Tần.

⁽¹⁾ *Sử Yểm, cũng gọi là Sử Yểm, là bề tôi của vua Chu.*

7

SỞ GIẬN CHU
(Sở công Ung Thị)

Sở đánh Ung Thị ⁽¹⁾. Chu đem lúa gạo tiếp tế Tần và Hàn. Vua Sở giận Chu, vua Chu lo lắng. Có kẻ vì Chu mà bảo Sở (Hoài Vương):

- Đại Vương hùng cường mà giận Chu, Chu sợ, tất liên hợp với những nước mà Chu đã tiếp tế lúa gạo, như vậy là làm cho địch thủ của Đại Vương mạnh thêm. Đại Vương nên mau mau giải nổi sợ cho Chu. Chu trước kia mang tội, nay được tha, tất hết lòng thờ Đại Vương.

9

KHỎI BỊ CÁCH CHỨC
(Chu tướng Lữ Thương kiến khách ư Chu quân)

Tướng quốc nước Chu là Lữ Thương dẫn khách đến yết kiến vua Chu (Văn Quân). Tướng quốc trước của Chu là Công Sư Tạ sợ người khách đó nói xấu mình, mới sai người tâu với vua Chu rằng: "Người khách đó là biện sĩ, nhưng không nên dùng vì hay huỷ báng kẻ khác".

Chu Văn Quân cách chức Công Sư Tạ mà dùng Lữ Thương làm tướng quốc, người trong nước không vui, nhà vua sinh lo. Khách của Lữ Thương tâu với Chu Văn Quân:

⁽¹⁾ Ung Thị: tên một nơi trên đất Hàn, nay ở tỉnh Hà Nam.

- Trong nước thế nào cũng có lời khen lời chê. Bề tôi trung thì làm sao cho dân có chê thì chê mình, còn khen thì khen vua. Vua Tống bắt dân bỏ việc ruộng nương mà xây đài cho mình ⁽¹⁾ bị dân chê là vì không có bề tôi trung che giấu lỗi cho vua; Tử Hãn xin từ chức tướng quốc mà nhận chức tư không, dân chê Tử Hãn mà khen vua ⁽²⁾. Tề Hoàn Công dựng bảy dãy phố trong cung, mở bảy trăm nhà chứa điếm ⁽³⁾, bị quốc dân chê, Quản Trọng bèn dựng đài tam qui ⁽⁴⁾ để giấu lỗi cho Hoàn Công chứ đâu có muốn cho dân ghét mình ⁽⁵⁾. Sách Xuân Thu chép cả trăm truyện bề tôi giết vua mà trong các truyện đó, các vị đại thần nếu được tiếng khen, như vậy không phải điều hay cho quốc gia. Cho nên “Đông người thì hoá mạnh, nhiều gò thì thành núi”.

Vua Chu bèn không cách chức nữa ⁽⁶⁾.

(1) Năm thứ 17 đời Chu Tương Công, vua Tống sai quan thái tể xây đài. Tử Hãn khuyên đợi hết mùa làm ruộng của dân rồi hãy khởi công, quan thái tể không nghe.

(2) Tử Hãn xin từ chức tướng quốc mà nhận chức tư không (một chức hình quan), tâu với vua Tống: “Chức tướng quốc là chức thường công, giao quyền cho người, xin Đại Vương tự đảm nhiệm lấy; còn chức tư không là chức xử tội người, bị người oán, thần xin đảm nhận”. Dân chê Tử Hãn là nghiêm khắc mà khen vua là khoan hồng.

(3) Tề Hoàn Công cho cất bảy dãy phố buôn bán trong cung; Quản Trọng tướng quốc của Hoàn Công, hiệu là Di Ngô, lập những nhà nuôi gái điếm để đánh thuế, làm lợi cho ngân quỹ quốc gia. Lần đó là lần đầu tiên ở Trung Hoa có một tổ chức như vậy.

(4) Có thuyết tam qui là một người đàn bà có ba người chồng: đàn bà xuất giá, về nhà chồng, gọi là qui. Chúng tôi theo thuyết: xây đài tam qui. Quản Trọng cho xây đài đó, ngụ ý rằng ba hạng người qui phục mình: dân qui phục, chư hầu qui phục, các rợ qui phục.

(5) Ý nói: Quản Trọng dựng đài tam qui để cho dân ghét mình là xa xỉ, kiêu căng, mà quên lỗi của Tề Hoàn Công đi.

(6) Nguyên văn chép: “Chu Quân toại bất miễn”. Diệp Ngọc Lân dịch là: Vua Chu bèn không cách chức Lữ Thương. Có thể hiểu rằng không cách chức Lữ Thương mà dùng cả Công Sư Tạ (vào một chức khác): như vậy hợp với nghĩa câu: “Đông người thì hoá mạnh” ở hàng trên.

10

NGƯỜI ĐẤT ÔN KHÉO ĐỐI ĐÁP MÀ KHỎI BỊ GIAM (Ô nhân chi Chu)

Một người đất Ôn (thuộc nước Ngụy), qua nước Chu, nước Chu đuổi đi, không cho ở. Người đó bảo: “Tôi là người ở đây mà!”. Hỏi: “(Nếu chú ở đây thì phải biết tên đường này là đường gì?”. Người đó không biết nên bị bắt giam. Vua Chu sai người hỏi:

- Chú không phải là người nước Chu mà sao lại tự xưng là người Chu?

Người đó đáp:

- Thần hồi nhỏ đọc Kinh Thi. Kinh Thi ⁽¹⁾ có câu: “Khắp gầm trời, không đâu không phải đất của nhà vua; khắp mặt đất bên nước, không người nào không phải là bề tôi của vua”. Nay nhà Chu làm vua thiên hạ thì tôi tức là bề tôi của thiên tử, chứ sao lại là người lạ được? Cho nên tôi bảo tôi là người Chu.

Vua Chu bèn ra lệnh thả người đó ⁽²⁾.

(1) Trong thiên Bắc Sơn, tạp Tiểu Nhã.

(2) Bài này có chép trong thiên Thuyết lâm thượng, bộ Hàn Phi Tử.

17

TRIỆU LẤY TẾ ĐIỀN CỦA CHU

(Triệu thú Chu chi tế địa)

Triệu lấy tế điền ⁽¹⁾ của Chu, vua Chu lo, bàn với Trịnh Triều, Trịnh Triều tâu:

- Xin Đại Vương đừng lo. Thần xin đem ba chục nén vàng thu hồi lại đất đó.

Vua Chu giao số vàng. Trịnh Triều dâng số vàng cho viên thái bốc ⁽²⁾ nước Triệu, nhờ thu xếp giùm việc tế điền. Đến khi vua Triệu đau, sai viên thái bốc bói quẻ. Viên thái bốc trách vua: “Lấy Tế điền của Chu, nên bị quỷ thần ếm đấy”. Vua Triệu bèn trả tế điền cho Chu.

18

VUA NƯỚC NGHÈO NÊN LỰA BÊ TÔI

RA SAO?

(Đỗ Hách dự trọng Cảnh Thuý ư Chu)

Đỗ Hách ⁽¹⁾ muốn cho vua Chu trọng Cảnh Thuý, tâu với vua Chu:

⁽¹⁾ Tế điền: ruộng mà hoa lợi để cung cấp vào việc tế tự (nguyên văn là tế địa).

⁽²⁾ Thái bốc: viên coi việc bói cho vua.

- Nước nhà vua thì nhỏ, đem hết cả vàng ngọc châu báu ra thờ ⁽²⁾ chư hầu cũng không được, điều đó không thể không xét kỹ. Thí dụ như giăng lưới, giăng ở chỗ không có chim thì suốt ngày cũng không bắt được chim; giăng ở chỗ nhiều chim thì làm cho chim sợ; cho nên phải giăng ở cái khoảng có chim và không có chim, rồi sau mới bắt được nhiều chim. Nay nhà vua thi ân cho bậc đại nhân ⁽³⁾ thì họ khinh nhà vua, không thềm nhận; thi ân cho bọn tiểu nhân ⁽⁴⁾ thì không giúp được gì mà lại phí tiền của; cho nên nhà vua phải thi ân cho hạng cùng sĩ ⁽⁵⁾ có mặt ở đây, không cần họ phải là bậc đại nhân, như vậy mới được như ý.

20

TƯỚNG QUỐC CHU KHÔNG MUỐN QUA TẦN

(Tam quốc ả Tần)

Ba nước (Hàn, Triệu, Ngụy) chặn nghẹt Tần. Chu sai tướng quốc qua Tần, tướng quốc sợ rằng Tần khinh mình, nán lại không đi. Có người bảo tướng quốc Chu:

(1) Đỗ Hách: một người ở triều đình Chu.

(2) Tiếng thờ này tỏ rằng vua Chu lúc đó không có uy quyền gì cả, kém xa các bá vương.

(3) Thi ân ở đây là thu dùng. Đại nhân trở những người có danh vọng cao, chức tước lớn.

(4) Tiểu nhân: trở bọn nghèo hèn, không có tài năng, tiếng tăm.

(5) Cùng sĩ: kẻ có tài, đức mà chưa hiển đạt.

- Tần khinh hay trọng ông, điều đó chưa chắc biết được. Tần muốn biết tình hình ba nước. Sao bằng ông qua yết kiến vua Tần bảo: "Tôi xin Đại Vương mà qua xét tình ba nước phương Đông" ⁽¹⁾. Như vậy Tần tất trọng ông, (mà sẽ trọng nhà Chu) và ông (có công) làm cho Tần trọng Chu, mà Chu sẽ thu phục được Tần. Chu Tụ ⁽²⁾ liên lạc với Tề, khiến cho Chu được Tề trọng. Nay ông có liên lạc với Tần thì Tần mới trọng Chu mà Chu mới thường giữ được mối giao tình với các cường quốc.

21

XƯƠNG THA BỊ GIẾT (Xương Tha vong Tây Chu)

Xương Tha ⁽¹⁾ bỏ Tây Chu mà qua Đông Chu, đem tình hình Tây Chu kể hết với Đông Chu; Đông Chu rất mừng, Tây Chu rất giận. Phùng Đán ⁽²⁾ tâu với vua Tây Chu:

- Thần có cách giết hấn được.

Vua Tây Chu cho Phùng Đán ba chục cân vàng. Phùng Đán sai người đem vàng và một bức thư viết cho Xương Tha hay mà

(1) Phương Đông trở các nước Hàn, Triệu, Ngụy đều ở phía đông của Tấn

(2) Tức Chu TỐI, hồi xưa chữ Tụ và chữ TỐI dùng thay nhau. Chu TỐI vốn là công tử nước Chu, có hồi làm quan ở Tề, làm đại thần ở Tấn.

1. Xương Tha: bề tôi của Tây Chu. Có chỗ chép Cung Tha.

2. Phùng Đán cũng có tên là Phùng Tuy, cũng là bề tôi của Tây Chu.

qua Đông Chu. Thư rằng: “Cho Xương Tha hay: việc mà thành được thì rán làm cho thành đi; không thể thành được thì gấp bỏ về đi. Nếu để lâu mà tiết lộ thì thân nguy đấy”. Rồi một mặt lại sai người báo với viên chức Đông Chu tiếp đón khách ngoại quốc: “Đêm nay có kẻ gian tính vô đấy”. Viên chức đó bắt được thư dâng lên vua Đông Chu; vua Đông Chu lập tức sai giết Xương Tha.

23

CHU SỢ HÀN GIẬN VỀ VỤ NGHIÊM THỊ (Nghiêm Thị vi tặc)

Nghiêm Thị ⁽¹⁾ muốn ám sát tướng quốc nước Hàn, sau Dương Thụ ⁽²⁾ giúp kẻ thích khách. Dương Thụ qua Chu, vua Chu lưu lại mười bốn ngày, rồi cho xe bốn ngựa đưa đi. Hàn sai người trách Chu, vua Chu lo. Có người khách ⁽³⁾ tâu với vua Chu:

- Nhà vua nói thẳng rằng: “Quả nhân biết rằng Nghiêm Thị muốn ám sát nước Hàn mà sai Dương Thụ giúp kẻ thích khách, cho nên lưu Dương Thụ lại mười bốn ngày để đợi lệnh vua Hàn. Nước nhỏ đâu có dám chứa kẻ thích khách, mà sứ của vua Hàn lại không tới, cho nên phải cho xe đưa hấn đi”.

⁽¹⁾ *Nghiêm Thị: tức Nghiêm Trọng Tử, tên là Toại, nhờ Nhiếp Chính ám sát tể tướng nước Hàn tên là Hiệp Luy.*

⁽²⁾ *Dương Thụ cũng có tên là Dương Kiên là người giúp Nhiếp Chính trong việc ám sát đó. (Coi truyện hiệp sĩ Nhiếp Chính - Hàn II 18).*

⁽³⁾ *Khách: người nước khác mà chưa nhận được chức tước nào cả.*

Tây chu

1

HÀN KHÁCH THUYẾT TIẾT CÔNG

(Tiết Công dĩ Tề vị Hàn Công Sở)

Tiết Công lấy lẽ rằng Tề đã vì Hàn, Ngụy mà đánh lại Sở, lại cùng với Hàn. Ngụy đánh Tần ⁽¹⁾ nên xin Tây Chu giúp quân lính, lương thực. Hàn Khánh ⁽²⁾ vì vua Tây Chu nói với Tiết Công:

- Ông cho rằng Tề vì Hàn, Ngụy đánh Sở, chín năm mà chiếm được những đất ở phía bắc Uyển, Diệp ⁽³⁾, làm cho Hàn, Ngụy mạnh lên; nay lại đánh Tần cho Hàn, Ngụy mạnh thêm

⁽¹⁾ Tiết Công tức là Diên Anh, cha Mạnh Thường Quân, được phong ở đất tiết (thuộc Tế), nên gọi như vậy.

Triều Chu Noãn Vương năm 17, Tế, Hàn, Ngụy nhân Sở vi bội điều hợp tung nên đánh Sở. Cũng năm đó, Tiết Công từ Tấn trốn về Tế, oán Tấn, nên ước hội với Hàn, Ngụy đánh Tấn.

⁽²⁾ Hàn Khánh là bề tôi Tây Chu.

⁽³⁾ Uyển, Diệp là hai tên đất, nay ở Hà Nam.

nữa. Hàn, Ngụy phía nam không lo Sở, phía tây không lo Tần, thì đất càng mở rộng mà càng được tôn trọng, Tề tất bị khinh thường. Góc nhọn thay phiên nhau thịnh, đây vơi có thời, tôi trộm vì ông mà lấy làm lo. Tôi nghĩ ông nên khuyên tề ấp ⁽⁴⁾ kết hợp ngầm với Tần mà đừng đánh Tần, cũng đừng xin (Tây Chu) giúp quân lính lương thực. Ông chiếm Hàm Cốc ⁽⁵⁾ mà không đánh, rồi nhờ tề ấp vì tình của ông mà nói với vua Tần (Chiêu Vương) rằng: “Tiết Công tất không Tần cho Hàn, Ngụy mạnh lên đâu. Sở dĩ tiến binh là để nhà vua (trở Tần) bảo Sở cắt đất ở phía đông ⁽⁶⁾ cho Tề đấy”. Vua Tần sẽ cho vua Sở về nước để giảng hoà với Tề ⁽⁷⁾. Thế là ông giúp cho Tề quốc nhờ đó mà trung với Tần; Tần nhờ Sở cắt đất ở phía đông rồi mà khỏi bị Tề đánh, nhất định là bằng lòng. Vua Sở được về nước. Tất mang ơn Tề, Tề được đất ở phía đông mà càng mạnh, mà đất Tiết đời đời khỏi lo gì cả. Tần không bị suy nhiều mà ở phía tây Tam Tấn ⁽⁸⁾ thì Tam Tấn tất trọng Tề ⁽⁹⁾.

Tiết Công đáp: “Phải”, rồi một mặt sai Hàn Khánh qua Tần, bảo ba nước (Tề, Hàn, Ngụy) đừng đánh Tần, một mặt ra lệnh không mượn binh lính, lương thực của Tây Chu.

(4) Lời nói nhũn, trở Tây Chu.

(5) Hàm Cốc là một cửa ải hiểm trở ở phía đông nước Tấn, nó như cửa ngõ của Tấn.

(6) Nguyên văn: đông quốc = nước phía đông, ở đây trở miền của Sở ở gần biển, giáp biên giới phía nam của Tề.

(7) Lúc đó Sở Hoài Vương bị giữ ở Tấn.

(8) Tam Tấn: đời Chu, nước Tấn có ba vị đại thần, một vị họ Hàn, một vị họ Ngụy, một vị họ Triệu. Quyển hành của họ mỗi ngày một lớn, sau họ chia Tấn làm ba phần, mỗi nhà chiếm một, lập riêng làm một nước (Hàn, Ngụy, Triệu) gọi là Tam Tấn.

(9) Tấn hãy còn mạnh hơn Hàn, Ngụy, Triệu, nên ba nước này phải dựa vào Tề.

3

DU ĐĂNG BIỆN HỘ CHO VUA CHU

(Tần linh Xư Lý Tật nhập Chu)

Tần sai Xư Lý Tật ⁽¹⁾ đem trăm cỗ xe vô Chu, vua Chu đem trăm quân ra đón, vẻ rất kính trọng. Vua Sở (Hoài Vương) giận, trách Chu là trọng khách Tần. Du Đăng ⁽²⁾ bảo vua Sở:

- Xưa Trí Bá ⁽³⁾ muốn đánh Cừ Do ⁽⁴⁾, tặng vua Cừ Do một chiếc chuông lớn chở trong một chiếc xe rộng, rồi theo xe mà đem binh vô Cừ Do, Cừ Do không phòng bị mà mất. Vua Hoàn Công ⁽⁵⁾ muốn đánh úp Thái ⁽⁶⁾ mà tuyên bố rằng đánh Sở. Nay Tần là nước sài lang, có cái ý thôn tính Chu, sai Xư Lý Tật đem trăm cỗ xe vô Chu, vua Chu sợ, coi cái gương Thái và Cừ Do mà phòng bị, cho nên dàn binh mạnh ở phía trước, nõ cứng ở phía sau, nói là để hộ vệ Tật mà thực sự là giam lỏng hẳn. Vua Chu lẽ nào lại không yêu nước? Tôi sợ Chu không đề phòng như vậy, lỡ mà nước mất thì thêm lo cho Đại Vương.

Vua Sở đẹp lòng.

(1) Xư Lý Tật là em Tần Huệ Vương, tên thật là Tật, gần nhà có trồng cây xư (một loại cây to, gỗ xấu), nên gọi là Xư Lý Tử. Rất thông minh, lưu lược, nên người ta gọi ông là trí nang (túi khôn).

(2) Du Đăng: bề tôi của nhà Chu. Cũng gọi là Du Thắng

(3) Trí Bá: một vị quan nước Tấn, họ Tuân, tên là Dao, khi mất được tặng tện thụy là Tương Tử.

(4) Cừ Do là tên đất, nay ở tỉnh Sơn Tây, sách Hàn Phi Tử chép: "Trí Bá đem binh đánh Cừ Do, bị chặn ở giữa đường, mới sai đúc một chiếc chuông lớn tặng vua Cừ Do, Vua Cừ Do mừng, không chặn đường nữa, mời Trí Bá vô, vì vậy mà Cừ Do mất".

(5) Hoàn Công: tức là Tế Hoàn Công, tên là Tiểu Bạch.

(6) Đánh Thái: Thái cũng đọc là Sái, tên nước. Nàng Thái Cơ, một phi tần của Tế Hoàn Công, nhiều lần vô lễ, Hoàn Công đuổi về nước, Thái đem Thái Cơ gả cho người khác, Hoàn Công giận, đem quân đánh.

4

TÔ ĐẠI THUYẾT CÔNG TRỌNG
(Ung Thị chí dịch)

Đất Ung Thị lại bị Sở đánh, Hàn đòi Chu giúp binh lính và lương thực. Vua Chu lo, bàn với Tô Đại ⁽¹⁾. Tô Đại bảo:

- Có gì mà lo? Đại tôi xin vì Đại Vương mà khiến cho Hàn không đòi giúp binh lính và lương thực nữa, lại có thể làm cho Đại Vương được đất Cao Đô ⁽²⁾ (của Hàn).

Vua Chu mừng rỡ, bảo:

- Nếu quả được như vậy thì quả nhân xin đem việc nước theo lời ông.

Tô Đại bèn qua yết kiến tướng quốc nước Hàn là Công Trọng, bảo:

- Ông không rõ mưu của Sở ư? Chiêu Ứng bảo vua Sở ⁽³⁾: “Hàn bái binh, kho lẫm rỗng, không có gì để giữ thành; ta để cho họ đói rồi chiếm, không quá một tháng là chiếm được”. Nay vậy Ung Thị đã năm tháng mà không hạ được, thế là Sở yếu rồi, mà vua Sở đã không tin kế của Chiêu Ứng nữa. Nay ông bắt Chu giúp quân lính lương thực, khác gì tố cáo tình hình suy yếu của mình với Sở; Chiêu Ứng

(1) Tô Đại theo sử ký, là em Tô Tấn, có sách lại bảo là anh Tô Tấn.

(2) Cao Đô là tên đất ở Hàn, cũng gọi là cáo () Đô, nay ở tỉnh Hà Nam.

(3) Chiêu Ứng là tướng võ nước Sở. Vua Sở đây là Sở Hoài Vương.

thấy vậy tất khuyên vua Sở tăng cường binh lính để đánh Ung Thị, Ung Thị tất mất.

Công Trọng bảo;

- Phải. Nhưng tôi đã sai sứ giả đi rồi!

Đại hởi:

- Sao ông không đem đất Cao Đô mà cho Chu?

Công Trọng nổi giận, bảo:

- Tôi không bắt Chu giúp binh lính, lương thực, cũng đã là quá rồi! Tại sao lại cho Chu thêm đất Cao Đô?

Đại đáp:

- Cho đất Cao Đô thì Chu tất phục mà liên kết với Hàn, Tần nghe tin đó chắc giận lắm, đốt ấn tín ⁽⁴⁾ của Chu, không thông sứ với Chu nữa. Thế là ông đem cái đất Cao Đô nghèo xấu mà đổi trọn đất Chu ⁽⁵⁾. Lợi như vậy sao mà không cho?

Công Trọng đáp:

- Hay.

Rồi không bắt Chu giúp binh lính, lương thực lại cho Chu thêm đất Cao Đô. Quân Sở không hạ được Ung Thị mà bỏ về.

(4) Nguyên văn là tiết, tức phù tiết, cái ấn tín của vua giao cho người đi sứ để làm tin.

(5) Được trọn đất Chu vì Chu liên kết với Hàn, mà Hàn mạnh, Chu yếu thì Hàn bảo gì Chu cũng nghe: nhất là Tần lại oán Chu, Chu càng cần có Hàn che chở.

6

TÔ LỆ BÀY KẾ CHO VUA CHU KHUYÊN BẠCH KHỞI ĐỪNG ĐÁNH HÀN

(Tô Lệ vị Chu quân)

Tô Lệ bảo vua Chu:

- “Đánh bại Hàn, Ngụy ⁽¹⁾ giết Tê Vũ, đánh Triệu chiếm Lạn, Li Thạch, Kì ⁽²⁾ đều là Bạch Khởi cả; nhờ khéo dùng binh mà lại gặp vận trời. Nay hấn đánh Lương ⁽³⁾, Lương tất tan, Lương tan thì Chu nguy. Đại Vương nên ngăn hấn lại.

Bảo Bạch Khởi: ⁽⁴⁾

- Sở có Dương Do Cơ giỏi bắn, đứng cách xa một trăm bước, bắn một chiếc lá liễu, trăm phát trăm trúng. Kẻ tả hữu khen: “Giỏi!”. Có người đi qua bảo: “Giỏi đấy, ta có thể dạy cho người này phép bắn được!”. Dương Do Cơ thách: “Ai cũng khen tôi bắn giỏi mà riêng ông lại bảo có thể dạy cho tôi được; cung đây sao không bắn thử coi?”.

“Khách đáp:

(1) Năm thứ 22 đời Chu Noãn Vương, tướng Tấn là Bạch Khởi thắng quân Hàn, Ngụy và Y khuyết.

(2) Lạn, Li Thạch, Kì là tên ba nơi đều ở Triệu, nay thuộc về tỉnh Sơn Tây. Việc đó xảy vào năm 33 đời Chu Noãn Vương.

(3) Lương là kinh đô của Hàn, nay là Hà Nam.

(4) Đây chắc là ý của Tô Lệ mà lời của vua Chu. Crump dịch là: “Bệ hạ nên ngăn hấn lại và bảo hấn như vậy”.

- Tôi không thể dạy ông cách duỗi tay trái co tay phải (cách giương cung). Nhưng ông bắn lá liễu trăm phát trăm trúng mà không nghĩ ngơi đi thì rồi chẳng bao lâu, khí lực suy, cung lật ngược, hoặc mũi tên cong, một phát cũng không trúng, công lao trước kia tiêu tan hết”.

“Nay ông (trở Bạch Khởi) đánh bại Hàn, Ngụy, giết Tề Vũ mà phía bắc đánh Triệu, chiếm Lạn, Li Thạch, Kỳ, đó là công của ông; công quá nhiều rồi, nay ông lại đem quân Tần vượt ải, đi ngang qua hai nước Chu, xéo Hàn mà đánh Lương. Đánh mà không thắng thì bao nhiêu công lao trước đây tiêu tan hết; ông nên cáo bệnh mà đừng ra quân thì hơn”.

10

TẦN VỜI VUA CHU QUA ĐỂ ĐÁNH NGỤY (Tần chiêu Chu quân)

Tần vờ vua Chu qua. Vua Chu ngại không dám đi. Có kẻ vì vua Chu bảo Ngụy ⁽¹⁾:

- Tần vờ vua Chu qua, là muốn bảo vua Chu đánh đất Nam Dương ⁽²⁾ của Ngụy. Sao đại vương không đem quân đánh Hà Nam? ⁽³⁾ Vua Chu nghe tin đó, (tin Ngụy đánh Hà Nam), sẽ có để từ chối không qua Tần, Tần tất không dám qua sông mà đánh Nam Dương.

(1) Sử ký của Tư Mã Thiên chép là Hàn.

(2) Nam Dương là đất của Ngụy, nay thuộc tỉnh Hà Nam.

(3) Hà Nam là đó thành Tây Chu, nay thuộc tỉnh Hà Nam, huyện Lạc Dương.

11

CƠ MẪU KHÔI THUYẾT VUA NGỤY

(Tê Vū bại ự Y Khuyết)

Tướng Tần thắng Tê Vū ⁽¹⁾ ở Y Khuyết (rồi tấn công Chu), vua Chu qua Ngụy cầu cứu, vua Ngụy lấy lẽ tình hình Thượng Đẳng ⁽²⁾ cấp bách mà từ chối. Vua Chu quay về, thấy vườn hoa nước Lương đẹp mà thích cảnh. Cơ Mẫu Khôi bảo vua Chu: “Vườn đất Ôn (1) không kém những vườn này mà lại gần, thần xin vì đại vương mà chiếm lấy”.

Rồi trở lại yết kiến vua Ngụy. Vua Ngụy hỏi:

- Vua Chu oán quả nhân không?

Đáp:

- Không oán đại vương thì oán ai? Tôi vì đại vương mà lo giùm. Vua Chu (vì là thiên tử nên) đứng ra lo liệu việc này, tính vì đại vương đem nước ra cản Tần, mà đại vương không chịu cản Tần cho Chu. Tôi nghĩ vua Chu tất đem nước mà thờ Tần, Tần sẽ đem hết binh ở ngoài biên giới cộng với nhân dân của Chu mà đánh Nam Dương và hai đất Thượng Đẳng sẽ mất.

Vua Ngụy hỏi:

- Thế thì phải làm sao bây giờ?

(1) Tê Vū là tướng Ngụy, thua tướng Tần là Bạch Khởi.

(2) Thượng Đẳng, tên đất ở Ngụy, nay ở tỉnh Sơn Tây, Hàn cũng có một nơi tên là Thượng Đẳng, nay cũng ở Sơn Tây.

Cơ Mẫu Khôi đáp:

- Xét cái thế của vua Chu, thì thờ Tần không có lợi, nhưng vua Chu lại ham tiểu lợi, nay đại vương hứa giúp vua Chu ba vạn binh lính để phòng thủ, lại tặng vườn đất Ôn thì vua Chu có cơ để tuyên bố với cha anh, trăm họ, mà lại được vườn Ôn để du lãm, tất không liên hợp với Tần. Tôi từng nghe nói huê lợi vườn Ôn mỗi năm tám chục nén vàng, vua Chu mà được vườn đó để thờ nhà vua thì mỗi năm sẽ đóng góp trăm hai chục nén, như vậy đất Thượng Đảng đã không mất mà nhà vua lại lợi bốn chục nén vàng.

Vua Ngụy sai sứ là Mạnh Mão giao đất Ôn cho vua Chu và hứa giúp lính để phòng thủ Chu.

14

CUNG THA KHUYÊN CHU ĐỀ PHÒNG TẦN (Cung Tha vị Chu quân)

Cung Tha ⁽¹⁾ bảo vua Chu:

- Nước Uyển cậy có Tần mà khinh Tấn, Tần mất mùa mà Uyển mất nước; ⁽²⁾ nước Trịnh cậy có Ngụy mà khinh Hàn, Ngụy đánh Thái mà Trịnh mất nước. Chu và Cử ⁽³⁾ bị Tế diệt, Trần và Thái ⁽⁴⁾ bị Sở diệt, đều do cậy có nước cứu viện mình mà khinh kẻ địch ở gần. Nay đại vương cậy có Hàn, Ngụy mà khinh Tần, tôi e rằng nước nguy mất. Đại Vương nên sai Chu Tối ngầm liên hợp với Triệu để đề phòng Tần, thì mới không mất nước.

(1) Ở đây thì các sách đều chép là cung tha. (coi chú thích 3 trong 138).

(2) Uyển: một nước nhỏ thời Xuân Thu quy thuận Tấn, không biết ở đâu. Gặp năm Tấn mất mùa, loạn, không bảo vệ được Uyển, Tấn bèn chiếm Uyển.

(3) Chu ở đây không phải là Đông Chu, Tây Chu, mà là một nước có từ đời Xuân Thu, tới thời Chiến Quốc đổi tên là Trâu (nay thuộc tỉnh Sơn Đông), bị Sở diệt, chứ không phải bị Tế diệt như nói trong bài.

Cử, tên nước (nay thuộc tỉnh Sơn Đông), đời Chu Hiếu Vương năm 10 bị Sở diệt, sau mới quy về Tế.

(4) Trần: (nay thuộc tỉnh Hà Nam), đời Chu Kinh Vương, năm 41, bị Sở diệt.

Thái (nay thuộc tỉnh Hà Nam), đời Chu Định Vương, năm 22, bị Sở diệt.

CHƯƠNG II

Tần sách

Tổ tiên nhà Tần họ Doanh, tới đời Chu được phong tước Bá, từ Bá Ế truyền được mười đời, tới Phi Tử, Chu Hiến Vương (909-894) phong cho Phi Tử một nước phụ thuộc ở đất Tần (nay thuộc Thiểm Tây, huyện Thanh Thủy).

Tới Tần Tương Công, vì có võ công với nhà Chu, được phong làm chư hầu, lúc đó mới lấy tên là nước Tần. Mới đầu lập kinh đô ở đất Khiên, sau dời đổi mấy lần, tới đời Tần Hiếu Công thì dựng đô ở Hàm Dương (nay gần huyện Hàm Dương).

Thời Chiến Quốc, Tần là một trong thất hùng, mỗi ngày một mạnh, sau cùng diệt được các nước khác mà thống nhất Trung Quốc.

1

TRUYỆN VỆ ỬƠNG
(Vệ Ửơng vong Ngụy nhập Tần)

Vệ Ửơng bỏ Ngụy mà qua Tần. Tần Hiếu Công dùng làm tướng quốc, phong cho ở đất Thương, nên gọi là Thương Quân⁽¹⁾. Thương Quân cai trị Tần, phép lệnh rất công bình, vô tư: phạt thì không kiên kẻ có uy quyền lớn, thưởng thì không vì tư tình. Hình pháp thi hành lên cả thái tử, thích chữ vào má và cắt mũi quan sư phó⁽²⁾. Một năm sau, trên đường có cửa rơi không ai dám lượm, dân không dám lấy bậy của người khác, quân lính rất mạnh, chư hầu đều sợ. Nhưng phép nghiêm quá mà ít thi ân, thành thử người ta chỉ miễn cưỡng mà phục.

Hiếu Công thi hành phép của Thương Ửơng được tám năm⁽³⁾ tới khi đau nặng muốn truyền ngôi cho, Thương Quân không nhận⁽⁴⁾.

(1) Vệ Ửơng là công tử nước Vệ, họ Tôn, làm thủ hạ của tể tướng nước Ngụy tên là Công Thúc Toa, Công Thúc Toa đau nặng, tiến cử Vệ Ửơng với Ngụy Huệ Vương và dặn: "Nếu đại vương không dùng hần thì giết hần đi, đừng cho hần ra khỏi nước Ngụy". Công Thúc Toa chết, vua Vệ không dùng mà cũng không giết Vệ Ửơng. Sau Tần Hiếu Công hạ lệnh cầu hiền, Vệ Ửơng qua Tần được phong ở đất Thương (tỉnh Thiểm Tây ngày nay) nên cũng gọi là Thương Ửơng.

(2) Thái tử sau lên ngôi; tức Huệ Văn Vương; trong bài này gọi là Huệ Vương.

Thái tử phạm phép nước, Vệ Ửơng nghĩ rằng thái tử nối ngôi, không thể gia hình được, nên bắt sư phó (thầy dạy thái tử) chịu tội thay vì không biết dạy thái tử.

(3) Có sách chép là mười tám năm.

(4) Có sách giảng dạy Thương Ửơng không nhận vì giữ đúng chủ trương của pháp gia: bề tôi giữ phận bề tôi.

Hiếu Công mất rồi, Huệ Vương lên thay, trị vì được một thời gian thì Thương Quân xin về Ngụy. Có người bảo Huệ Vương:

- Đại thần mà quyền lớn quá thì nước nguy. Kẻ hữu mà thân cận quá thì bản thân nguy. Nay ở Tần, đàn bà trẻ con đều nói: pháp lệnh của Thương Quân chứ không nói: Pháp lệnh của đại vương, thế thì ngược lại chính Thương Quân mới là vua mà đại vương hoá thành bề tôi. Vả chẳng, Thương Quân vốn là kẻ thù của đại vương ⁽⁵⁾ xin đại vương xét kỹ.

Thương Quân trở về Tần ⁽⁶⁾, Huệ Vương cho xe ngựa xé thây⁽⁷⁾, mà người nước Tần không ai thương xót.

(5) Vì trước đã xử tội thầy học của Huệ Vương, làm nhục Huệ Vương.

(6) Thương Ưởng biết Tần khó dung mình, trốn đi tới một lữ điếm, chủ lữ điếm không dám chứa, bảo: "Theo lệnh của Thương Quân, khách tới trọ, phải có "bằng cứ". Tức cũng như thẻ căn cước ngày nay - thì mới được phép chứa. Ông không có "bằng cứ", chứa ông thì tôi bị tội". Thương Ưởng không có chỗ trú, phải trốn qua Ngụy, người Ngụy bắt giao lại cho Tần. Có sách chép rằng Thương Ưởng tự trở về Tần, dùng binh lực để chống lại vua nhưng thất bại.

(7) Xé thây là tội rất nặng: người ta cột đầu và tứ chi vào năm con ngựa, đánh cho ngựa chạy về năm phía, để xé thây làm năm đoạn. Chắc hẳn đó cột phạm nhân vào xe ngựa, nên mới gọi là "xa liệt" (xe xé thây).

* Trong các sách cổ văn quan chỉ, Cổ văn bình chú, dùng nhan đề: Tô Tần đem kế liên hoành thuyết vua Tần, nhưng xét ra nhan đề đó chỉ đúng với nửa trên của bài này thôi.

2

TRUYỆN TÔ TÂN (*)

(Tô Tân Thủy tương liên hoành)

Tô Tân ⁽¹⁾ mới đầu đem kế liên hoành ⁽²⁾ Thuyết Tấn Huệ Vương ⁽³⁾ rằng:

- Nước của đại vương phía Tây có những nguồn lợi của Ba, Thục ⁽⁴⁾ Hán Trung ⁽⁵⁾, phía bắc có những sản vật như lạc đà đất Hồ, ngựa đất Đại ⁽⁶⁾; phía nam có Vu Sơn và Kiếm Trung ⁽⁷⁾ hiểm trở, phía đông có Hào Sơn và Hàm Cốc ⁽⁸⁾ kiên cố. Ruộng thì phì nhiêu, dân thì phong phú, chiến xa có vạn cỗ, quân lính hăng hái

(1) Truyện này xảy ra ở cuối thời Chiến Quốc, vào khoảng tiền bán thế kỷ thứ IV trước tây lịch. Các nước nhỏ đã bị các nước lớn thôn tính lán lán, rốt cuộc chỉ còn có thất hùng: Tề, Hàn, Ngụy, Triệu, Tấn, Sở, Yên, Tấn thịnh hơn cả. Tô Tấn người ở Lạc Dương, nước Triệu hiểu rõ tình thế thiên hạ, dâng Tấn kế liên hoành.

(2) Liên hoành: hoành nghĩa là ngang, từ tây qua đông; liên là liền. Kế liên hoành là kế làm cho các nước suốt từ tây qua đông liên hợp với nhau mà thờ Tấn.

(3) Tấn Huệ Vương là con Tấn Hiếu Công, lên ngôi năm 338, tự xưng vương năm 325, giữ ngôi tới năm 239.

(4) Ba, Thục là quận Ba, và quận Thục (nay ở Tứ Xuyên), sau gộp với nhau, gọi chung là đất Ba, Thục.

(5) Hán Trung nay ở Thiểm Tây và Hồ Bắc, vốn là đất của nước Sở.

(6) Hồ là tên gọi chung các rợ ở phương Bắc, nơi đó có loài lạc đà.

Đại là một châu thời cổ, nay ở Sơn Tây và Hà Bắc, sản xuất nhiều ngựa.

(7) Vu Sơn: núi ở Tứ Xuyên, phía đông ở Vu Sơn.

Kiếm Trung vốn là đất của Sở, nay thuộc Hồ Bắc và Quý Châu.

(8) Hào Sơn: núi ở Hà Nam, địa thế hiểm trở.

Cửa Hàm Cốc cũng ở Hà Nam, là một nơi rất hiểm trở, hễ đóng cửa quan đó lại thì thời xưa không quân đội nào có thể vượt qua được.

có trăm vạn, cánh đồng mầu mỡ rộng ngàn dặm, lương thảo súc tích nhiều, địa thế tiện lợi (cho việc công và thú). Như vậy gọi là kho của trời, quả là một nước mạnh trong thiên hạ. Đại vương thì hiền minh, dân chúng thì đông đúc, chiến xa và ngựa thì tốt, sĩ tốt thuần thực về binh pháp, nhờ những điểm đó có thể kiêm tính được chư hầu, nuốt được thiên hạ, xưng đế mà thống trị. Xin đại vương lưu ý một chút cho thần bày tỏ mưu kết công hiệu.

Vua Tần đáp:

- Quả nhân nghe rằng lông, cánh chưa đủ thì chưa thể bay cao được; pháp lệnh ⁽⁹⁾ chưa thành thì chưa thể dùng hình phạt được; đạo đức chưa dày thì chưa thể sai dân được; chính giáo chưa thuận thì chưa thể làm phiền nhọc đại thân được. Nay tiên sinh không ngại đường xa ngàn dặm, nghiêm chỉnh đến tận nơi chỉ giáo quả nhân, nhưng xin hẹn một ngày khác.

Tô Tần thưa:

- Thần vốn ngờ rằng đại vương không dùng kế của thần. Xưa vua Thần Nông đánh Bồ Toại ⁽¹⁰⁾, vua Hoàng đế đánh miền Trác Lộc, cầm tù Xi Vưu ⁽¹¹⁾, vua Nghiêu đánh Hoan Mâu ⁽¹²⁾, vua Thuấn đánh Tam Miêu ⁽¹³⁾, vua Võ đánh Cung

(9) Nguyên văn là vấn chương, có sách chú thích là lẽ khác.

(10) Thần Nông theo truyền thuyết là một vị vua thời Thượng cổ, dạy dân cày cấy. Bồ Toại là tên một nước thời cổ.

(11) Hoàng đế cũng là một vị vua thời Thượng cổ. Trác Lộc là tên núi, nay ở Hà Bắc, Xi Vưu là một chư hầu thời Hoàng Đế, bạo ngược vô đạo, bị Hoàng Đế đem quân các chư hầu lại trừng trị, cầm tù rồi giết.

(12) Hoan Mâu, một người đời vua Nghiêu, nổi tiếng là ác, bị vua Nghiêu trị.

(13) Tam Miêu, cũng gọi là Hữu Miêu, tên nước thời xưa, bị vua Thuấn đem quân diệt.

Công⁽¹⁴⁾, vua Thang đánh Hữu Hạ⁽¹⁵⁾, vua Văn Vương đánh Sùng Hầu Hồ⁽¹⁶⁾, vua Vũ Vương đánh Trụ⁽¹⁷⁾, vua Tề Hoàn dùng chiến tranh mà làm bá chủ thiên hạ⁽¹⁸⁾. Do đó mà xét thì có ông vua nào mà không dùng chiến tranh. Hồi xưa rong ruổi chiến xa mà đánh nhau, dùng lời mà kết ước với nhau, mà thiên hạ thống nhất. Sau hợp tung liên hoành với nhau, và việc binh đao không lúc nào nghỉ. Rồi bọn văn sĩ khéo tô điểm lời nói, chư hầu bị mê hoặc; vạn sự do đó phát ra, không thể dùng đạo lý mà sửa lại được. Pháp lệnh đã đầy đủ mà dân càng có thái độ hư ngụy, thư tịch nhiều mà tạp loạn, trăm họ vẫn không đủ ăn, trên oán dưới, dưới oán trên, trăm họ không biết trồng cây vào đâu; càng giảng rõ và bày tỏ đạo lý thì chiến tranh càng nổi; kẻ khéo nói thì được chức cao áo đẹp mà chiến tranh không bao giờ ngừng. Văn từ càng phồn thịnh thì thiên hạ càng loạn. Mỗi miệng điếc tai mà chẳng kết quả gì. Làm điều nhân nghĩa, giữ đức tín, mà thiên hạ cũng không thân với nhau. Như vậy mới bỏ văn mà dùng võ, hậu đãi bọn chiến sĩ cảm tử, may áo giáp, mài binh khí, quyết thắng trên chiến trường. Ở không mà mong được lợi, ngồi yên mà mong đất đai được mở rộng thì các bậc Ngũ Đế, Tam Vương, Ngũ Bá⁽¹⁹⁾,

(14) Cung Công cũng là một họ tàn bạo thời vua Thuấn, vua Thuấn sai vua Võ đánh.

(15) Hữu Hạ tức vua Kiệt, một bạo chúa thời cổ.

(16) Sùng Hầu Hồ là một quan khanh của vua Trụ, giúp vua Trụ làm điều tàn bạo, nên vua Văn Vương đem quân đánh.

(17) Trụ là một bạo chúa thời cổ.

(18) Tề Hoàn Công: một vua chư hầu thời Xuân Thu, nhờ Quản Trọng tổ chức lại chính trị, kinh tế và quân sự mà mạnh, Tề thành bá chủ các chư hầu.

(19) Ngũ Đế: năm đời vua đời thượng cổ: Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn.

Tam Vương: ba đời vua thượng cổ: Hạ Vũ, Thương Thang, Chu Văn Vương và Võ Vương.

Ngũ Bá: năm trước chư hầu mạnh thời Xuân Thu: Tề Hoàn Công, Tống Tương Công, Tấn Văn Công, Tần Mạo Công, Sở Trang Công.

minh chủ hiền quân thời xưa đều muốn như vậy cả, nhưng cái thế không thể được nên phải dùng đến chiến tranh. Cách xa nhau thì dùng xe mà tấn công, sát lại gần nhau thì dùng gậy kích mà đâm, có vậy mới lập được sự nghiệp lớn. Thế cho nên binh mà thắng ở ngoài thì nhân nghĩa mới mạnh ở trong, uy vọng vững ở trên, thì dân mới phục tùng ở dưới. Nay muốn thôn tính thiên hạ, xâm chiếm nước có vạn cỗ xe, khuất phục địch quốc, thống trị hải nội, khiến con dân phải ngoan ngoãn⁽²⁰⁾ chư hầu phải thần phục thì tất phải dùng binh. Các bậc vua chúa nối nghiệp ngày nay bỏ cái đạo dùng binh đó mà điều loạn về chính giáo, mê hoặc về ngôn ngữ, chìm đắm vào biện luận⁽²¹⁾. Lấy đó mà xét⁽²²⁾ thì đại vương vốn không thể thực hành việc bá chủ được.

Tô Tần mười lần dâng thư thuyết vua Tần mà không có kết quả. Áo cừ đen đã rách, trăm cân vàng tiêu đã hết, thiếu tiền chi dụng, phải bỏ nước Tần về quê nhà, đùi quấn xà cạp, chân đi dép cỏ, đội sách, đeo đũa, hình dung tiểu tụy, mặt mày xanh xám, có vẻ xấu hổ.

Về tới nhà, vợ thản nhiên không rời khung cửi, chị không nấu cơm cho ăn, cha mẹ không hỏi han tới. Tô Tần bùi ngùi than rằng: “Vợ không coi ta là chồng, chị

(20) Nguyên văn: “tử nguyên nguyên”, có nghĩa là thần ái trăm họ. Chúng tôi dịch như vậy cho hợp với ý trong đoạn.

(21) Ý nói: chỉ bàn suông về nhân nghĩa, tranh nhau về lý thuyết đạo lý mà không chú trọng vào những cách thực tế làm cho binh mạnh nước giàu).

(22) (Crump dịch là: cứ xét là lời bàn của đại vương).

không coi ta là em, cha mẹ không coi ta là con, đều đó là lỗi của Tần này cả” (23).

Đêm đó lấy trong tráp cũ ra mấy chục bộ sách, tìm được bộ binh pháp Âm phù của Khương Thái Công (24), gục đầu trên án mà đọc, lựa chọn mà luyện cho thật nhuần, suy xét vào thời thế mà tìm cách ứng dụng. Đọc sách mệt mà buồn ngủ thì tự cầm dùi đâm vào vế, máu chảy tới bàn chân, bảo: “Có lẽ nào du thuyết bọn vua chúa mà không làm cho họ đem vàng ngọc gấm vóc tặng mình, đem chức khanh tướng tôn quý phong mình không?”

Được một năm, công tinh luyện đã thành, Tô Tần tự nhủ: “Bây giờ thì thực là có thể du thuyết các vua chúa đương thời được”. Nghĩ vậy rồi qua miền Yên Ô, Tập Quyết (25), yết kiến Triệu Vương, thuyết Triệu Vương, thuyết Triệu Vương trong một ngôi nhà lộng lẫy (26) vỗ tay mà đàm luận.

Triệu Vương rất mừng, phong cho Tô Tần chức Vũ An Quân, giao cho tướng ấn, cấp cho binh xa một trăm cỗ, gấm vóc ngàn tấm, ngọc bích trắng một trăm đôi, hoàng kim một vạn nén (27)

(23) Crump dịch là: lỗi tại nước Tần cả. (Tô Tần trách vua Tần chứ không tự trách mình).

(24) Khương Thái Công tức Lã Vọng, thủy tổ của Tế, có sách cho Âm phù là cuốn sách chép binh pháp của Lã Vọng, có sách lại cho sách chép binh pháp của Quỷ Cốc truyền lại.

(25) Yên Ô, Tập Quyết là tên đất, không rõ nay ở đâu.

(26) Nguyên văn: Hoa ốc, Crump cho là tên ngôi nhà. Có sách Hoa là núi Hoa Sơn, Hoa Ốc có nghĩa là nhà cao như núi Hoa Sơn: ép.

(27) Nguyên văn giạt là 24 lượng.

mà theo hầu nhà vua để lập ước hợp tung ⁽²⁸⁾, li tán phe liên hoành và ức chế cường Tần. Vì vậy, Tô Tần làm tể tướng ở Triệu mà cửa quan Hàm Cốc không thông với Tần nữa.

Đương thời đó, những nước lớn trong thiên hạ, những đám dân đông tới hàng vạn, những bậc vương hầu uy thế, những mưu thần có quyền hành đều muốn theo chính sách Tô Tần. Không phí một đấu lương, chưa làm mệt một tên lính, chưa dùng tới một tướng sĩ, chưa làm đứt một sợi dây cung, chưa làm gãy một mũi tên mà chư hầu thân ái nhau hơn như là anh em một nhà. Một bậc hiền nhân được giao trách nhiệm ⁽²⁹⁾ mà thiên hạ quy phục: một người được trọng dụng mà thiên hạ đều theo. Cho nên có câu rằng: “Mưu đồ vương bá, phải dùng chính trị chứ không dùng vũ dũng, phải dùng trong triều đình chứ không dùng ngoài cõi”.

Đương thời thịnh của Tô Tần ⁽³⁰⁾, có vạn nén vàng để chi dùng, ngựa xe nối tiếp nhau rục rờ trên đường mà các nước ở phía đông núi Hào ⁽³¹⁾ đều qui phục Triệu như thuận theo chiều

(28) Tung chính giữa là dọc, trái với hoành là ngang. Tô Tần trước kia đem thuyết liên hoành thuyết Tần Huệ Vương, Huệ Vương không nghe; nay dùng kế liên hợp các nước dọc từ phương Bắc tới phương Nam, từ Yên tới Sở để chống với Tần ở phương Tây, vì vậy gọi là kế hợp tung. Theo sử thì mới đầu Tô Tần yết kiến Văn Hầu nước Yên, bàn kế hợp tung. Văn Hầu nghe, nhờ đi thuyết phục Triệu, Hàn, Ngụy, Tế, Sở. Ông thành công, được mang tướng ấn của sáu nước. Và Triệu làm tung trưởng (đứng đầu trong trục Nam - Bắc đó).

Kế đó làm cho Tấn Ngụy vì sáu nước đó hợp nhất thì đất rộng gấp năm Tấn, binh lực gấp mười Tấn. Nhưng luôn luôn có những mâu thuẫn trong việc kết liên như vậy, và rốt cuộc chính sách của Tô Tần chỉ thi hành được có ba năm rồi sự kết liên tan rã. Lúc đó Tấn dùng lại chính sách liên hoành mà lần này Trương Nghi đề nghị, rồi nhờ tài cầm quân của Bạch Khởi mà lần lần tiêu diệt được sáu nước kia.

(29) Trở Tô Tấn

(30) Crump dịch là: của nước Tấn, nhưng thú thật không hiểu rõ nghĩa ra sao. Chúng tôi theo Diệp Ngọc Lân và Cổ văn quan chỉ.

(31) Nguyên văn: “ở phía đông núi”, núi đó là Hào Sơn. Các nước đó là lục quốc.

gió khiến cho Triệu rất được coi trọng.

Tôn Tần vốn là kẻ sĩ ở trong hang cùng, cửa khoét ở trong tường, nhà bằng gỗ dâu mà then cửa cong queo ⁽³²⁾ mà được ngồi xe, cưỡi ngựa, du lịch khắp thiên hạ, đến triều đình các vua chư hầu để thuyết phục bịt được miệng kẻ tả hữu của họ, thiên hạ không ai kháng cự nổi.

Khi Tô Tần đi du thuyết vua Sở, đường qua Lạc Dương, cha mẹ hay tin, cọ nhà quét sân, bày nhạc đặc tiệc, ra ngoài ba chục dặm để đón rước, vợ chỉ liếc trộm, nghe trộm ⁽³³⁾ còn chị thì bò như rắn, lạy bốn lạy, từ quỳ xuống tạ tội. Tô Tần hỏi:

- Nay chị! Sao trước ngạo mạn thế mà nay cung kính thế !

Người chị đáp:

- Vì Quý tử ⁽³⁴⁾ chức trọng mà tiền nhiều.

Tô Tần than:

- Ôi! nghèo khốn thì bố mẹ không nhận là con, giàu sang thì thân thích sợ sệt. Người sinh ở đời, thế lực, chức vị và tiền của có thể coi thường được đâu!

(32) Tả cảnh nhà cửa tối tăm của Tô Tần.

(33) Nguyên văn: liếc mắt mà nhìn, nghiêng tai mà nghe, tỏ ý sợ sệt, không dám đối diện.

(34) Có sách bảo Quý tử là tên tự Tô Tần. Có sách bảo "Quý tử" chỉ có nghĩa là "ông út"; người chị gọi Tô Tần như vậy.

3

TÂN HUỆ VƯƠNG MUỐN PHÁ KẾ HỢP
TUNG CỦA TÔ TẤN

(Tân Huệ Vương vị Hàn Tuyên Tử)

Tân Huệ Vương bảo Hàn Tuyên Tử ⁽¹⁾;

- Tô Tấn khinh quả nhân muốn dùng cái trí của hắn lừa gạt các vua Sơn Đông ⁽²⁾, dùng kế hợp tung khinh Tân. Triệu vốn cậy đông nên bày mưu cấp vàng lụa cho Tô Tấn để kết ước các chư hầu. Chư hầu không thể hợp nhất được, kế đó chỉ như cật chân gà với nhau bắt chúng cùng phải đậu một chỗ, điều ấy đã rõ. Quả nhân phần uất, nén giận đã lâu, nay vốn muốn sai Vũ An Hầu ⁽³⁾ đi giảng giải cho chư hầu.

Hàn Tuyên Tử khuyên:

- Không nên, phá thành bặt áp thì xin dùng Vũ An Tử; tuyên truyền cho quốc gia, đi sứ chư hầu thì xin dùng khách khanh là Trương Nghi ⁽⁴⁾.

Tân Huệ Vương đáp:

- Xin vâng lời chỉ giáo.

(1) Hàn Tuyên Tử là một vị ẩn sĩ học rất rộng của Tấn.

(2) Sơn Đông đây trở sáu nước: Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở đều ở phía đông Hào Sơn của Tấn.

(3) Vũ An Hầu tức Bạch Khởi.

(4) Trương Nghi là người nước Ngụy, một thuyết khách có tài ngang Tô Tấn. Ông đem kế liên hoành giúp Tấn Huệ Vương, được dùng làm khách khanh, (nghĩa là một chức khanh phong cho người nước khác tới giúp Tấn).

5

TRƯƠNG NGHI THUYẾT TẦN HUỆ VƯƠNG (Trương Nghi thuyết Tần Huệ vương)

Trương Nghi bảo vua Tần (Huệ Vương):

- Thần nghe nói: không biết mà nói thì là bất trí, biết mà không nói thì là bất trung. Làm bề tôi mà bất trung thì đáng chết. Tuy nhiên, thần xin đem hết kiến văn ra bày tỏ, xin tuyền lượng đại vương định tội. Thần nghe nói thiên hạ, từ Yên ở phương Bắc tới Ngụy ở phương Nam liên hợp với kinh (tức Sở), cố kết với Tề, thu phục thêm nước Hàn mà thành thế hợp tung, tính sẽ hướng về phía Tây Nam để làm khó cho Tần. Thần trộm cười kể đó. “Đời có ba lẽ bại vong mà thiên hạ đều mắc cả”. Lời đó đúng với bọn họ chăng?

Thần nghe nói: “Loạn mà đánh thì bại vong, tà mà đánh chính thì bại vong, nghịch mà đánh thuận thì bại vong”. Nay kho tiền bạc, binh khí của thiên hạ ⁽¹⁾ không đầy, lấm lúa rỗng không, đem hết cả dân chúng ra, dàn cả mấy triệu quân, phía trước là dao, phía sau là búa mà đều bỏ chạy, không biết chiến đấu tới chết. Không phải là dân chúng không biết chiến đấu tới chết, tại bề trên của họ không biết trị đấy ⁽²⁾.

Hứa thưởng mà không thưởng, đe phạt mà không phạt,

(1) Thiên hạ ở đây trở lỵc quốck.

(2) Nguyên văn: bất năng sát (không biết giết). Diệp Ngọc Lân là bất hành, không làm, không thi hành. Chúng tôi theo nghĩa câu sau mà dịch như vậy.

thưởng phạt không thi hành cho nên dân không chịu chiến đấu tới chết.

Nay Tần ban hiệu lệnh rồi thi hành thưởng phạt, có công hay không có công thì cứ theo đúng sự thực mà xét. Từ khi lọt lòng mẹ cho tới khi lớn không từng thấy giặc, mà khi nghe có chiến tranh thì đứng dừng lại, phanh ngực ra, tay không mà sẵn tới đao nhọn, giẫm lên than hồng, quyết chết như vậy đó. Quyết chết và quyết sống khác nhau xa ⁽³⁾ mà dân dám quyết chết là vì thích ganh đua với nhau, một có thể thắng mười, mười có thể thắng trăm, trăm có thể thắng ngàn, ngàn có thể thắng vạn, vạn có thể thắng cả thiên hạ.

Nay địa hình của Tần, cắt chỗ dài bổ vào chỗ ngắn thì vuông vức được mấy ngàn dặm, lính giỏi có cả trăm vạn. Hiệu lệnh, thưởng phạt của Tần, địa thế lợi hại của Tần, trong thiên hạ không nước nào bằng. Lấy sở trường đó mà tranh đấu với thiên hạ thì thiên hạ không đủ cho Tần thôn tính. Vì vậy mà hiểu tại sao Tần hễ chiến là thắng, hễ đánh là chiếm được, hễ tấn công là phá được. Mở đất được mấy ngàn dặm, đó là công lớn; nhưng quân đội mệt mỏi, nhân dân khốn khổ, của cải suy giảm, ruộng đất bỏ hoang, kho lẫm trống rỗng, chư hầu bốn bên không phục, không làm bá vương được; nguyên do có gì lạ đâu, chỉ tại bọn mưu thần không tận trung đầy thôi.

Thần xin nhắc lại chuyện xưa. Xưa Tề ở phương Nam phá

(3) Ý nói: quyết chết là việc rất khó.

được Kinh ⁽⁴⁾, ở trung ương phá được Tống, ở phương Tây qui phục được Tần, ở phương Bắc dẹp được Yên, ở trung ương sai khiến được vua Hàn, vua Ngụy: đất rộng mà binh mạnh, hễ chiến thì thắng, đánh đâu chiếm đấy mà ra lệnh cho thiên hạ. Con sông Tế trong, con sông Hà đục ⁽⁵⁾, hai con sông đó đủ làm chướng ngại; Trường thành ⁽⁶⁾ lũy lớn đủ làm quan tái, Tế là nước năm lần đánh thắng, chỉ có một lần thua mà Tế bị tiêu diệt ⁽⁷⁾. Do đó mà xét chiến tranh là lẽ tổn vong của nước vạn thặng.

Vả thần lại nghe nói: “Đẻo gốc, đào rễ, đừng ở gần cái hoạ thì hoạ sẽ mất”. Tần đánh nhau với Kinh, đại phá Kinh, đánh úp đất Dĩnh ⁽⁸⁾ chiếm Động Đình,

Ngũ Chử ⁽⁹⁾, Giang Nam; vua Kinh ⁽¹⁰⁾ thua chạy, qua đông trốn ở Tần. Đương lúc đó, đuổi đánh quân Kinh, thì có thể chiếm được Kinh mà dân Kinh, đất Kinh sẽ làm lợi cho mình. Phía đông thắng Tế, Yên, giữa chiếm lấy Tam Hán, như vậy chỉ một lần ra quân mà danh thành bá vương, chư hầu bốn bề

(4) Kinh tức Sở.

(5) Sông Tế, sông Hà là hai con sông ở phía Tây Bắc nước Tế. Sông Tế chảy qua Sơn Đông, rồi ra biển, quanh năm nước trong; sông Hà tức sông Hoàng Hà, quanh năm nước đục.

(6) Tức một khúc của Vạn lý trường thành sau này. Vua Tế xây khúc đó để chống với rợ hung nô phương Bắc; sau Tần thống nhất Trung Hoa, xây tiếp cho ra tới biển.

(7) Việc đó xảy ra ở đời Chu Noãn Vương, năm thứ 31; Yên liên hiệp với Tần, Ngụy, Hàn, Triệu đánh Tế, vua Tế thua chạy ra nước ngoài mà mất nước.

(8) Dĩnh là kinh đô của Sở.

(9) Động Đình tức Động Đình Hồ, nay ở huyện Lạc Dương tỉnh Hồ Nam.

Ngũ chử tức là năm cái hổ, đều ở nước Sở.

(10) Vua Kinh: tức Sở hạng Tương Vương.

triều phục. Nhưng bọn mưu thần không dùng kế đó, rút quân về, giảng hòa với Kinh, để cho Kinh thu lại được đất đã mất (12), gom lại được dân đã tan, lập được ngôi vua, dựng nước tôn miếu, thống suất thiên hạ mà hướng về phía Tây làm khó cho Tần ở phía Tây. Đó là lần thứ nhất thiếu chính sách dựng nghiệp bá.

Những kẻ đồng chí (13) trong thiên hạ đem quân lại phía dưới Hoa Dương (14), đại vương dùng mưu phá được; binh tới ngoài thành Lương, vây quanh Lương vài tuần (15) thì có thể diệt Lương được. Lương tan rồi thì Ngụy có thể chiếm được, Ngụy chiếm rồi thì Kinh, Triệu không còn chí chiến đấu nữa, Kinh, Triệu hết chí chiến đấu thì Triệu nguy. Triệu nguy thì Kinh hoá cô lập; rồi phía đông sẽ thắng được Tề, Yên, phía trung ương sẽ xâm chiếm Tam Tấn. Như vậy chỉ một lần ra quân mà lập được cái danh bá vương, chư hầu bốn bề phải triều phục. Nhưng bọn mưu thần không dùng kế đó, rút quân về, giảng hoà với Ngụy, để cho Ngụy thu lại được đất đã mất, gom lại được dân đã tan, lập được ngôi vua, dựng được nhiều tôn miếu. Đó là lần thứ nhì thiếu chính sách dựng nghiệp bá.

Trước kia Nhượng Hầu (16) làm tể tướng nước Tần, dùng

(12) Việc xảy ra đời Chu Noãn Vương, năm 39. Sở Tương Vương thu được đất phía đông, rồi lại đoạt được đất ở phía Tây, đánh Tấn, bốn năm sau giảng hoà với Tấn.

(13) Trỏ những nước theo chính sách hợp tung.

(14) Hoa Dương nay thuộc tỉnh Hà Nam.

(15) Mỗi tuần là mười ngày.

(16) Nhượng Hầu tên là Ngụy Nhiễm, là em của mẹ Tấn Chiêu Vương, được phong cho đất Nhượng, nên gọi là Nhượng Hầu, Đất Nhượng trước của Hàn sau bị Tấn Chiếm, nay ở Hà Nam.

binh một nước mà muốn lập công cho hai nước ⁽¹⁷⁾, cho nên quân lính suốt đời phải phơi sương dãi nắng ở ngoài, dân chúng ốm yếu bệnh hoạn ở trong mà danh bá vương không thành. Đó là lần thứ ba thiếu chính sách dựng nghiệp bá.

Triệu là nước ở trung ương ⁽¹⁸⁾, chỗ mà dân cư hỗn tạp; dân nông nổi mà khó dùng, hiệu lệnh không nghiêm, thưởng phạt không giữ đúng, địa thế bất lợi, người trên không dùng hết sức của dân. Nước đó vốn có cái địa thế vong quốc, mà lại không lo cho dân chúng, đem hết dân chúng quân sĩ giàn ra phía dưới Trường Bình⁽¹⁹⁾ để tranh đất Thượng Đẳng của Hàn ⁽²⁰⁾ đại vương dùng mưu phá được mà giết được Vũ An Quân (là Triệu Quát). Đương lúc đó, nước Triệu vua tôi ghét nhau, kẻ sang người hèn⁽²¹⁾ không tin nhau, vậy mà không chiếm Hàm Đan⁽²²⁾. Nếu hạ Hàm Đan, làm chủ Hà Gian ⁽²³⁾, rồi dẫn quân đi, phía

(17) Ý nói: Nhượng Hầu làm tể tướng nước Tấn, mà vừa lo giúp Tấn mà vừa ngầm lập riêng thành trì cho Ngụy.

(18) Triệu ở phía nam nước Yên, phía tây nước Tề, phía bắc nước Ngụy, phía đông nước Tấn, vì ở trung ương, dân các nước bốn lại thường lại cư trú, nên dân hoá hỗn hợp.

(19) Trường Bình nay thuộc tỉnh Sơn Tây.

(20) Tướng Tấn là Bạch Khởi đem quân đánh Hàn, chiếm Dã Vương, cắt đường tới Thượng Đẳng, Thượng Đẳng lâm nguy, đầu hàng Triệu, Tấn đánh phá Thượng Đẳng, dân chúng Thượng Đẳng chạy qua Triệu, tướng Triệu là Liêm Pha đem quân tới Trường Bình để cứu Thượng Đẳng. Sau Triệu lại sai tướng là Triệu Quát thay thế Liêm Pha, Tấn sai Bạch Khởi thay thế Vương Hột, Bạch Khởi giết được Triệu Quát.

(21) Sang trở các quan khanh, hèn trở các kẻ sĩ

(22) Hàm Đan là kinh đô Triệu, nay ở tỉnh Trực Lệ.

(23) Hà Gian theo Hứa Khiếu Thiên là nơi biên giới chung của ba nước Yên, Triệu, Tề, nay ở tỉnh Trực Lệ, ở hai bờ con sông Chương Hà, nên gọi là Hà Gian. Crump đoán là ở phía tây nước Ngụy nhưng còn hồ nghi.

tây đánh Tu Vũ ⁽²⁴⁾, vượt Dương Trường ⁽²⁵⁾, bắt Đại, Thượng Đảng phải hàng, Đại có ba mươi sáu huyện, Thượng Đảng có mười bảy huyện; không dùng một chiếc mũ trụ, một chiếc áo giáp, không làm khổ một người dân, mà Tần chiếm được hết; không đánh Đại và Thượng Đảng mà đất đó về Tần. Đông Dương ⁽²⁶⁾ Hà Ngoại ⁽²⁷⁾ không đánh mà đánh mà trở lại Tề; từ Trung Sơn, Hồ Trì ⁽²⁸⁾ trở lên phía bắc, không đánh mà về Yên. Nhưng lúc đó chiếm Triệu thì Hàn tất mất, Hàn mất thì Kinh, Ngụy không đứng một mình được; Kinh, Ngụy không đứng một mình được thì chỉ ra quân một lần là làm cho Hàn sụp, Ngụy suy; kẹp nước Kinh rồi qua phía đông để làm cho Tề, Yên yếu, khai thông vàm sông Bạch Mã ⁽²⁹⁾ để làm ngập nước Ngụy; một lần ra quân mà Tam Tấn mất, những nước hợp tung đều thua, đại vương chấp tay (ngồi không) mà đợi, thiên hạ qui phục mình, danh thành bá vương. Nhưng mưu thần không dùng kế đó mà rút quân về, giảng hoà với Triệu. Đại vương sáng suốt mà binh Tần lại mạnh, sự nghiệp bá vương đã không thành mà lại bị các vong quốc kia lừa, đều do sự vụng về của bọn mưu thần. Vả lại Triệu đáng mất mà không mất, Tần đáng làm bá mà không làm bá, thì thiên hạ biết mưu thần của Tần ra sao rồi: đó là một.

(24) Tu Vũ cũng có tên là Ninh Ấp, nay ở Hà Nam.

(25) Dương Trường có nghĩa là ruột dê, là một cửa ải hiểm yếu của Triệu. Chỗ đó đường hẹp mà quanh co, dài ba dặm nên có tên ấy. Nay thuộc tỉnh Sơn Tây, phía nam huyện Hồ Quan.

(26) Đông Dương là đất của Triệu, nay ở Sơn Đông.

(27) Hà Ngoại là một miền ở ngoài Thanh Hà, thuộc nước Tề, và ở biên giới Triệu, nay ở tỉnh Trực Lệ.

(28) Trung Sơn, Hồ Trì: Hồ Trì là tên sông; Trung Sơn thuộc Triệu, phía bắc Hồ Trì, sau bị Yên cướp.

(29) Bạch Mã nay ở tỉnh Hà Nam.

Lại đem hết quân lính đánh Hàm Đan mà không hạ được, liệng cả binh giáp, sợ sệt bỏ chạy, thì thiên hạ lượng cái sức Tần ra sao rồi: đó là hai. Kéo quân về, họp ở Lý Hạ ⁽³⁰⁾, đại vương lại gom quân để chiến đấu, không đại thắng được, lại thua chạy nữa, thì thiên hạ lượng cái sức Tần ra sao rồi: đó là ba. Họ biết rõ mưu thần của ta ở trong triều, binh lực của ta ở ngoài cõi. Do đó mà xét, thần cho rằng kế hợp tung của thiên hạ há chẳng khó cho ta ư? Ở trong thì quân đội của ta mệt mỏi, dân chúng khốn đốn, của cải suy giảm, đồng ruộng bỏ hoang, kho lẫm trống rỗng; ở ngoài thì thiên hạ đồng lòng cố kết với nhau, xin đại vương lo lắng về việc đó cho.

Tục ngữ có câu: "Đau đầu lo lắng, cẩn thận từng ngày". Nếu cẩn thận theo đạo thì chiếm được thiên hạ. Sao thần lại biết như vậy? Xưa, vua Trụ làm thiên tử, thống suất cả triệu quân lính trong thiên hạ, bên trái uống nước sông ở Kỳ Cốc, bên phải uống nước sông Viên Thủy ⁽³¹⁾.

Nước sông Kỳ cạn mà nước Viên Thủy không chảy (vậy mà còn) lo đánh ông Vũ nhà Chu. Vũ Vương đem ba ngàn quân binh khí thô lậu đánh vua Trụ vào ngày Giáp Tí, đại phá quân Trụ, cầm tù vua Trụ, chiếm đất, chiếm dân, thiên hạ không buồn râu gì cả. Trí Bá thống suất quân ba nước ⁽³²⁾, đánh Triệu Tương Tử ở Tấn Dương, khơi sông cho nước chảy vào Tấn Dương, ba năm, thành bị hạ. Tương Chủ dùng mu

(30) Lý Hạ là tên một thành trì nay ở Hà Nam.

(31) Kỳ Cốc: tên đất, nay thuộc tỉnh Hà Nam, ở đó có con sông Kỳ chảy qua.

Viên Thủy là sông viên hai nơi đó ở gần kinh đô vua Trụ

(32) Ba nước chỉ nước Hàn, nước Ngụy và nước của Trí Bá.

rùa cỏ thì coi quẻ đoán cát hung, xem nên hàng nước nào. Rồi sai Trương Mạnh Đàm⁽³³⁾ đi sứ, Trương Mạnh Đàm lên đi, phản bội lời ước với Trí Bá, nhờ được thêm quân của hai nước Hàn, Ngụy tấn công nước của Trí Bá, cầm tù Trí Bá mà lập được sự nghiệp cho Tương Tử.

Nay đất Tần, cắt chỗ dài bổ vào chỗ ngắn thì vuông vức được mấy ngàn dặm, lính giỏi có tới cả trăm vạn. Hiệu lệnh, thưởng của Tần, địa thế lợi hại của Tần, trong thiên hạ không nước nào bằng. Lấy đó mà tấn công thiên hạ thì có thể thôn tính được thiên hạ. Thần không sợ chết, xin yết kiến đại vương, bàn cái kế công phá chính sách hợp tung của thiên hạ. Thắng Triệu, diệt Hàn, bắt Kinh, Ngụy phải thần phục, bắt Tề, Yên phải thần với Tần, để thành danh bá vương, thần phục chư hầu bốn bên. Xin đại vương thử nghe thuyết của thần, một lần ra quân mà quân trong thiên hạ không bị phá, Triệu không thua, Hàn không mất, Kinh, Ngụy không thần phục, Tề, Yên không kết thân với Tần, danh bá vương không thành, chư hầu bốn bên không triều phục, thì xin đại vương chém đầu thần đi để cho người trong nước biết rằng thần mưu tính mà không trung thành với chúa.

(33) Trương Mạnh Đàm dồng dõi công hầu nước Tấn, làm bề tôi Triệu Tương Tử.

7

TƯ MÃ THÁC BÀN VỀ LỄ NÊN ĐÁNH THỤC
(Tư Mã Thác thỉnh phạt Thục)

Tư Mã Thác ⁽¹⁾ tranh luận với Trương Nghi ở trước mặt Tần Huệ Vương. Tư Mã Thác muốn đánh Thục, Trương Nghi bảo đánh Thục không bằng đánh Hàn.

Vua Tần bảo:

- Xin cho biết gì lẽ gì.

Trương Nghi đáp:

- Kết thân với Ngụy, Sở, đem quân xuống Tam Xuyên ⁽²⁾ bít những cửa của Hoạn Viên, Câu Thi, chặn đường Đồn Lưu, lúc đó quân Ngụy dẹp được Nam Dương, quân Sở chiếm được Nam Trịnh, binh Tần đánh Tân Thành, Nghi Dương thẳng tiến tới ngoài thành của hai nước Chu, thảo tội vua Chu, rồi chiếm luôn Ngụy, Sở, Chu tự biết không có cách nào thoát khỏi được, tất phải dâng bảo vật là chín cái đỉnh cho Tần.

Làm chủ chín cái đỉnh rồi, cứ theo bản đồ hộ tịch, mượn danh nghĩa thiên tử mà ra lệnh cho thiên hạ, thiên hạ ai dám không nghe, như vậy tất dựng được nghiệp vương ⁽³⁾. Còn như Thục là nước hẻo lánh ở phía tây, làm lãnh tụ các rợ Nhung, Địch, đem quân đánh thì binh lính mỗi mệt, dân chúng lao khổ

(1) Tư Mã Thác là người nước Tấn, Tư Mã nguyên là một chức quan, sau thành tên họ.

(2) Tam Xuyên tức sông Hà, sông Lạc, sông Y, Ba con sông đó bao Đông Chu và Tây Chu.

(3) Dựng được nghiệp vương nghĩa là làm thiên tử như nhà Chu.

mà không thành danh ⁽⁴⁾, dù chiếm được đất thì cũng không lợi. Thần nghe nói: “Tranh danh thì ở chốn triều đình, tranh lợi thì ở chốn thị tứ”. Nay đất Tam Xuyên và nhà Chu là chỗ triều đình, thị tứ của thiên hạ, mà đại vương không tranh chỗ đó, lại đi tranh đất mọi rợ, thế là bỏ cái nghiệp vương xa quá ⁽⁵⁾.

Tư Mã Thác bảo:

- Không phải vậy. Thần nghe nói: “Muốn cho nước giàu thì trước phải làm cho nước rộng; muốn cho binh mạnh thì trước phải làm cho dân giàu, muốn dựng nghiệp vương thì trước phải rộng thi hành nhân đức; ba cái đó mà đủ rồi thì tự nhiên được nghiệp vương trong thiên hạ”. Nay đất của đại vương còn hẹp, dân còn nghèo, cho nên thần xin tính cái việc dễ đã. Đất Thục kia là nước hẻo lánh phía Tây, làm lãnh tụ các rợ Nhung, Địch, mà lại có cái loạn Kiệt, Trụ⁽⁶⁾, nước Tần mình đem quân đánh thì có khác gì dùng chó sói đuổi đàn dê. Chiếm đất của Thục thì đủ làm rộng đất của Tần, chiếm được tài nguyên của Thục thì đủ làm giàu dân Tần. Chỉ cần chinh lý quân bị, không phải làm khó nhọc dân chúng mà Thục vội phải hàng phục ngay. Như vậy diệt được một nước mà thiên hạ không cho mình là bạo ngược, chiếm hết vật quý trong bốn bể⁽⁷⁾

(4) Không thành danh nghĩa là không được làm thiên tử.

(5) Bỏ cái nghiệp vương xa quá nghĩa là đánh Thục thì làm sao mà dựng được nghiệp vương.

(6) Ý nói nước Thục có vua dâm loạn.

(7) Bốn bể: đây có nghĩa là tứ di, bốn rợ.

Do câu này trong Nhĩ Nhã thích: “Cửu di, bát địch, thất nhung, lục man, vị trí tứ hải” nghĩa là “chín rợ di, tám rợ địch, bảy rợ nhung, sáu rợ man, gọi là tứ hải.

Có sách chép là Tây hải và giải thích là: biển có nhiều sản vật, nơi nào có nhiều sản vật cũng gọi là “be”. Thục ở phương Tây, mà lại có nhiều sản vật, nên gọi là Tây hải.

mà chư hầu không cho mình là tham lam, thế là ta chỉ nhất cử mà danh lợi đủ hai, lại được tiếng tốt là trừ kẻ bạo, dẹp cảnh loạn. Nay đánh Hàn mà uy hiếp thiên tử thì mang tiếng xấu mà vị tất đã có lợi; mà lại mang tiếng bất nghĩa, vì đánh nước Chu là việc thiên hạ không ưa, như vậy tất nguy!

Thần xin bày tỏ lý do: Chu là tôn thất ⁽⁸⁾ của thiên hạ; Hàn là nước thân thiện với Chu, Chu tự biết rằng sẽ mất chín cái đỉnh, Hàn tự biết là sẽ mất đất Tam Xuyên, thì hai nước đó tất hiệp lực với nhau mà mưu tính việc chống đỡ, rồi liên hợp với Tề, Triệu mà xin Sở, Ngụy giải cứu, đem chín cái đỉnh tặng Sở, cắt đất tặng Ngụy, Đại Vương làm sao ngăn được; vì vậy mà thần cho là nguy, không bằng đánh Thục là ổn hơn.

Huệ Vương khen:

- Phải. Quả nhân nghe lời ông.

Rồi đem binh đánh Thục, mười tháng chiếm được, bình định xong. Vua Thục xưng là hầu, dùng Trần Trang ⁽⁹⁾ làm tướng Thục. Thục đã qui phục rồi, Tần càng cường thịnh, phong phú, mà coi rẻ chư hầu.

(8) Ý nói: Chu được các nước chư hầu tôn trọng vì là thiên tử.

(9) Trần Trang là người nước Tấn.

10

TẦN GIÚP NGỰ ĐỂ NUỐT NGỰ

(Sở công Ngự)

Sở đánh Ngự. Trương Nghi tâu với vua Tần (Huệ Vương).

- Nên giúp Ngự cho Ngự mạnh, Ngự mà thắng Sở thì sẽ nghe lời Tần, mà miền ở ngoài Tây Hà ⁽¹⁾ sẽ về Tần; nếu không thắng thì suy, không giữ nước được, Đại Vương sẽ chiếm lấy.

Vua Tần dùng kế Trương Nghi, đem vạn quân ở đất Bì Thị ⁽²⁾, trăm cỗ xe để giúp Ngự. Tề thủ thắng Sở Uy Vương ⁽³⁾, quân Ngự xong trận đó thì mệt mỏi, sợ Tần quả nhiên miền ở ngoài Tây Hà cho Tần.

11

TRẦN CHẨN ĐÁP VUA TẦN

(Điền Tân chi vị Trần Chấn thuế Tần Huệ Vương)

Điền Tân vì Trần Chấn ⁽¹⁾ mà tâu với Tần Huệ Vương:

(1) Tức phía tây sông Hà, nay ở Thiểm Tây, Đại Lệ, Nghi Xuyên.

(2) Bì Thị là tên đất của Ngự, nay thuộc tỉnh Sơn Tây.

(3) Tề Thủ chỉ Công Tôn, tên là Diễn, người nước Ngự, Tề Thủ chính là một chức quan, Công Tôn Diễn làm chức đó.

Việc này xảy vào năm 39 đời Chu Hiến Vương.

(1) Trần Chấn làm quan ở Tần, rồi sau qua Sở.

- Thần e rằng Đại Vương cũng như vua nước Quách⁽²⁾ mất. Tấn Hiến Công muốn đánh nước Quách mà ngại Chu Chi Kiều⁽³⁾ còn ở Triều. Tuân Túc⁽⁴⁾ bảo: Chu Thư⁽⁵⁾ có câu: “Mỹ nhân làm cản trở lời can gián”. Rồi Tấn tặng vua Quách một đội nữ nhạc để làm loạn triều chính, Chu Chi Kiều can mà vua không nghe, bỏ đi, lúc đó Tần mới đánh Quách, Quách thua. Rồi lại muốn đánh nước Ngu mà ngại Cung Chi Kỳ⁽⁶⁾ còn ở triều. Tuân Túc bảo: Chu thư có câu: “Trai trẻ mỹ miều làm mê được ông già”. Rồi Tấn tặng vua Ngu những trai trẻ mỹ miều, chỉ cho họ cách hại Cung Chi Kỳ: Cung Chi Kỳ can mà vua không nghe, mà vua bỏ đi. Lúc đó Tấn mới đánh Ngu mà chiếm được.

Nay Tần tự xưng vương. Có thể làm hại Tần là Sở, Sở biết Hoàn Môn Quân⁽⁷⁾ khéo dùng binh, Trần Chấn là bậc minh trí cho nên trọng dụng Trương Nghi, cho coi việc năm nước mà sau này tất hãm hại hai người kia⁽⁸⁾.

Xin Đại Vương đừng nghe.

Trương Nghi quả nhiên lại từ biệt vua Tần rồi nhân đó nói về Chấn. Vua Tần giận, không nghe Trương Nghi lại nói xấu Trần Chấn với vua Tần: “Chấn rong ruổi⁽⁹⁾ ở khoảng Sở và

(2) Quách, cũng gọi là Quắc, nay ở Thiểm Tây; Khi nhà Chu dời đô qua phía đông (thời Đông Chu) thì nước Quắc dời qua Hà Nam ngày nay, sau bị Tấn diệt.

(3) Chu Chi Kiều là đại phu nước Quách.

(4) Tuân Túc là đại phu nước Tấn.

(5) Chu Thư một phần trong năm Thượng Thư, tức Kinh Thư.

(6) Cung Chi Kỳ là đại phu nước Ngu, nước Ngu thuộc tỉnh Sơn Tây, sau bị Tấn diệt.

(7) Hoàn Môn Quân là tướng quân của Tần.

(8) Chỉ Hoàn Môn Quân và Trần Chấn.

(9) Rong ruổi đây nghĩa là qua lại để giao thiệp với Sở.

Tần, nay Sở không thân thiện với Tần mà thân thiện với Chấn, thế là Chấn vì mình chứ không vì nước. Và lại Chấn muốn bỏ Tần mà qua Sở, Đại Vương không hay ư?

Vua Tần bảo Trần Chấn:

- Ta nghe người ta nói ông muốn bỏ Tần qua Sở có thực vậy không?

- Trần Chấn đáp:

- Dạ có.

Vua Tần bảo:

- Lời của Nghi quả là đáng tin.

Đáp:

- Chẳng phải chỉ riêng Nghi biết điều đó, kẻ đi đường, ai cũng biết cả ⁽¹⁰⁾. Hiếu kỳ ⁽¹¹⁾ kính yêu cha mẹ, thiên hạ ai cũng muốn có con là Hiếu Kỳ, Tử Tư ⁽¹²⁾ trung với vua, trong thiên hạ vua nào cũng muốn có bề tôi là Tử Tư.

Nô bọc tì thiếp mà bán ở trong làng trong xóm được thì nô bọc tì thiếp tốt ⁽¹³⁾; thiếu nữ mà gã trong làng trong xóm là

(10) Trong các bản đều có chữ viết (nói rằng) ở đây; Crump bỏ, chúng tôi cũng bỏ.

(11) Hiếu Kỳ, người đời Ân, mỗi đêm dậy năm lần để hầu hạ cha mẹ; mẹ mất sớm, cha nghe lời vợ kế mà đuổi ông, ông chết ở xa nhà.

(12) Tử Tư tức Ngũ Viên, người nước Sở, làm quan nước Ngô, vua giận, muốn giết, ông tự tử, vua đem bêu đầu.

(13) Vì nô bọc tì thiếp mà tốt thì ra khỏi nhà có người mua liền, không phải đem bán nơi xa.

Bài này 11 và bài sau 12 chúng tôi, theo bản của Thương Vụ ấn thư quán và của Tân lục thư cục. Bản dịch của Crump (trang 85-87) mà ông đánh số là 14; 11 và 14, 12, gom cả hai bài làm một, sau khi đảo lên đảo xuống một vài đoạn, như vậy có thứ tự hơn, mạch lạc hơn.

Đoạn chúng tôi cho in nghiêng trong bài thứ 11, Khoảng giữa đoạn đó, câu: Hiếu kỳ kính yêu cha mẹ, thiên hạ ai cũng muốn có con là Hiếu Kỳ, Crump đưa xuống dưới câu: Tử Tư trung với vua, trong thiên hạ vua nào cũng muốn có bề tôi là Tử Tư; như vậy cho hợp với thứ tự của hai ý đó trong đoạn cuối bài 12, chỗ in nghiêng (đoạn vua Tần nhắc lại lời Trần Chấn cho Trương Nghi nghe).

thiếu nữ ngoan. Tôi mà không trung với Đại Vương thì Sở làm sao tin được là Chấn tôi sẽ trung với Sở. Trung với đại vương mà còn bị Đại Vương bỏ, bây giờ tôi không qua Sở thì qua đâu?

Vua Tần bảo:

- Đúng.

Rồi bỏ việc đó đi.

12

TRẦN CHẤN LẠI ĐÁP VUA TẦN (Trần Chấn khú Sở chi Tần)

Trần Chấn ở Sở về Tần. Trương Nghi tâu với vua Tần:

- Trần Chấn là bề tôi của Đại Vương mà đem tình hình trong nước bày tỏ với Sở. Nghi tôi không thể cộng sự với hấn được, xin Đại Vương đuổi hấn đi. Đuổi hấn mà hấn lại qua Sở thì xin Đại Vương giết hấn đi.

Vua Tần đáp:

- Đuổi hấn thì làm sao hấn dám qua Sở nữa?

Rồi gọi Trần Chấn vào, bảo:

- Tôi có thể chiêu ý ông ⁽¹⁾. Ông muốn đi đâu? cho sửa soạn xe đưa ông.

1. Các bản chữ Hán chúng tôi dùng đều chép: Ngô năng thỉnh tử ngôn. Crump dịch là: Ta không dùng lời khuyên của ông được. Cơ hồ như Crump cho rằng có thêm chữ bất trước chữ năng. Ông bạn Trương Cam Khải cho mượn cuốn Quốc Sách tinh hoa (Thế giới thư cục) của Tấn Đồng Bối chủ dịch, tăng định thi đúng là: Ngô năng thỉnh tử ngôn. Crump sai.

Trần Chấn đáp:

- Thần xin qua Sở.

Vua Tần bảo:

- Trương Nghi cho rằng ông sẽ qua Sở. Tôi cũng tự biết rằng ông sẽ qua Sở thì còn đi đâu nữa.

Chấn đáp:

Thần mà đi ra khỏi nước Tần thì tất là đi qua Sở để cho hợp với sự mưu tính của Đại Vương và của Nghi và làm cho thiên hạ thấy rõ rằng thần qua Sở có phải để giúp Sở không. Nước Sở có một người nọ có hai vợ. Có kẻ gheo người vợ lớn tuổi, bị người này mắng cho; rồi gheo người vợ nhỏ tuổi, người này tỏ ý thuận. Không bao lâu người chồng có hai vợ đó mất. Có người bạn hỏi gheo vợ người ta đó: “Anh cưới cô lớn tuổi hay nhỏ tuổi?” Đáp: “Cưới cô lớn tuổi”. Hỏi: “Cô lớn tuổi đã mắng anh, còn cô nhỏ tuổi đã thuận anh. Thì vì sao lại cưới cô lớn tuổi?” Đáp: “Trước kia gheo người ta thì muốn người ta thuận mình; nay muốn cưới làm vợ thì muốn được người ta trung thành với mình mà mắng lại những kẻ sàm sỡ”.

Nay Sở Hoài Vương là bậc minh quân, mà Chiêu Vương là bậc tướng quốc hiền tài. Chấn là bề tôi Tần mà nếu thường đem tình hình của Tần bày tỏ cho Sở biết thì tất vua Sở không dùng tôi mà Chiêu Vương tất không cộng sự với tôi. Như vậy sẽ đuổi tôi đi mà thiên hạ sẽ thấy rõ rằng tôi qua Sở không phải để giúp Sở.

* Chấn ra, Trương Nghi vào, hỏi vua Tần:

- Trần Chấn sẽ đi đâu?

Vua Tần đáp:

- Cái ông Chấn đó, quả là bậc biện sĩ trong thiên hạ. Ông ta chăm chăm nhìn quả nhân mà bảo: “Chấn tôi tất sẽ qua Sở”. Quả nhân không biết nói sao nữa. Rồi quả nhân hỏi: “Ông mà tất qua Sở thì lời của Nghi đáng tin quá”. Chấn đáp: “Không phải chỉ riêng có Nghi nói như vậy, kẻ đi đường ai cũng nói như vậy. Xưa kia Tử Tư trung thành với vua, trong thiên hạ vua nào cũng muốn có Tử Tư là bề tôi; Hiếu kỳ có hiếu với cha mẹ, ai cũng muốn có con là Hiếu kỳ. Cho nên nô bộc tì thiếp mà bán ở trong làng trong xóm được thì nô bộc tì thiếp tốt, thiếu nữ mà gả trong làng trong xóm là thiếu nữ ngoan. Tôi mà không trung với Đại Vương thì Sở làm sao tin được rằng Chấn tôi sẽ trung với Sở. Trung với Đại Vương mà còn bị Đại Vương bỏ, bây giờ Chấn tôi không qua Sở thì qua đâu?”

Vua Tần cho lời đó là phải nên trọng đãi Chấn.

Tần II

1

SỞ MẮC MÙU TRƯỜNG NGHI (Tề trợ Sở công Tần)

Tề giúp Sở đánh Tần, chiếm Khúc Ốc (1). Sau Tần muốn đánh Tề (để phục thù) nhưng Tề, Sở thân thiện với nhau, nên (Tần) Huệ Vương khó nghĩ, hỏi Trương Nghi:

- Ta muốn đánh Tề mà Tề, Sở hoà hảo với nhau, ta lấy làm khó hiểu, làm sao bây giờ?

Trương Nghi đáp:

- Xin Đại Vương cho sửa soạn xe cùng tiền bạc, thần xin đi thử xem.

1. Khúc Ốc: vốn của Ngụy, lúc này Tần đã chiếm được. Nay tỉnh Hà Nam.

Việc này xảy ra thời Khuất Nguyên và Khuất Nguyên rất đau lòng cho tổ quốc (Sở).

Trương Nghi xuống phương Nam, yết kiến vua Sở (Hoài Vương), tâu:

- Người mà vua tộ ấp chúng tôi quý nhất, không ai hơn Đại Vương, người mà Trương Nghi tôi rất mong được thờ nhất cũng không ai hơn Đại Vương. Người mà vua tộ ấp chúng tôi ghét nhất không ai hơn vua Tề (Mẫn Vương), người mà Trương Nghi tôi ghét nhất cũng không ai hơn vua Tề. Nay tội vua Tề đối với vua tộ ấp chúng tôi rất lớn, chúng tôi muốn đánh Tề mà đại quốc thân thiện với Tề, thành thử vua tộ ấp chúng tôi không làm bề tôi Đại Vương được. Nếu Đại Vương có thể đóng cửa ải, tuyệt giao với Tề thì tôi xin tâu với vua Tần dâng Đại Vương đất Thương Ô vuông sáu trăm dặm, như vậy Tề (không được Sở làm hậu viện) tất yếu, yếu thì tất bị Đại Vương sai khiến. Thế là phía bắc làm cho Tề yếu, phía tây được ân huệ của Tần, mà được cái lợi làm chủ đất Thương Ô, một việc mà được ba cái lợi.

Vua Sở rất mừng, tuyên bố ở triều đình:

- Quả nhân được đất Thương Ô vuông sáu trăm dặm.

Quần thần có mặt đều mừng vua Sở. Duy có Trần Chấn vô yết kiến sau là không mừng. Vua Sở bảo: Quả nhân không làm nhục một tên lính, không làm hại một người dân nào mà được đất Thương Ô vuông sáu trăm dặm, quả nhân tự cho là khôn, các quan sĩ đại phu đều mừng quả nhân, duy chỉ có ông là không mừng tại sao vậy?

Trần Chấn đáp:

- Thần cho rằng đã không thể làm chủ được đất Thương Ô mà còn thêm tai vạ nữa, cho nên không dám mừng càn.

Sở Vương hỏi:

- Sao vậy ? Đáp

- Tần sở dĩ kính nể Đại Vương vì Đại Vương thân với Tề. Nay đất Thương Ô chưa có thể làm chủ được mà Tề đã tuyệt giao với mình trước rồi, thì Sở hoá cô lập, Tần còn kính nể gì một nước cô lập ? Vả lại mình đòi được đất trước rồi mới tuyệt giao với Tề thì Tần tất không chịu; mình tuyệt giao với Tề trước rồi mới đòi đất thì tất bị Trương Nghi gạt; bị Trương Nghi gạt, Đại Vương tất hối hận, như vậy là phía tây thêm lo vì Tần, phía bắc tuyệt giao với Tề, hai nước đó tất đem quân đánh mình.

Vua Sở không nghe, bảo:

- Việc ta làm là phải rồi ! Ông đừng nói nữa, đợi rồi sẽ biết.

Vua Sở sai người đi sứ tuyệt giao với Tề. Sứ giả chưa về, lại sai một người nữa đi. Trương Nghi trở về Tần, sai người đi qua Tề ngầm kết giao với Tề. Sở sai một vị tướng lại nhận đất Thương Ô của Tần. Trương Nghi về tới Tần rồi, cáo bệnh không vô triều. Vua Sở bảo:

- Ông Trương cho rằng quả nhân không tuyệt giao với Tề ư? Rồi sai dũng sĩ qua cự nự vua Tề. Trương Nghi biết rằng đã tuyệt giao với Tề rồi, mới ra tiếp sứ giả, bảo:

- Xin ông nhận đất từ đó tới đó, bề ngang rộng sáu dặm.

Sứ giả đáp:

- Tôi nghe nói sáu trăm dặm, chứ không nghe nói sáu dặm.

Nghi bảo:

- Nghi tôi vốn nghèo, làm sao có được sáu trăm dặm ?

Sứ giả về tâu với vua Sở. Vua Sở rất căm, muốn đem quân đánh Tần. Trần Chấn nói:

- Thần được phép nói chẳng ?

Vua Sở đáp:

- Được, ông nói đi.

Chấn tâu:

- Đánh Tần, kế ấy hỏng, Đại Vương nhân việc này mà hối lộ cho Tần một đô ấp lớn, để Tần giúp mình đánh Tề; thế là mình mất đất cho Tần mà được đất của Tề để bù lại mà nước Sở mới bảo toàn được. Nay Đại Vương đã tuyệt giao với Tề, mà lại trách Tần là gạt Đại Vương, thế là làm cho Tề và Tần liên hợp với nhau, Sở tất nguy to.

Vua Sở không nghe, đem quân đánh Tần, Tần liên hợp với Tề, Hàn cũng theo sau giúp (Tần và Tề), quân Sở đại bại ở Đỗ Lăng. Đất đai dân chúng nước Sở đâu phải là yếu đuối, suy nhược, mà suýt nguy vong vì không nghe lời Trần Chấn mà quá nghe lời Trương Nghi.

2

TRẦN CHẨN THUYẾT VUA TẦN
(Sở tuyệt Tần)

Sở tuyệt giao với Tề, Tề đem quân đánh Sở, Trần Chấn bảo vua Sở:

- Đại Vương nên cắt đất để phía đông giảng hoà với Tề, phía tây giảng hoà với Tần.

Vua Sở sai Trần Chấn qua Tần, vua Tần bảo:

Ông là người Tần, quả nhân với ông có tình cố cựu ⁽¹⁾. Quả nhân bất tài, không thể coi việc nước được, cho nên ông bỏ quả nhân mà qua thờ vua Sở. Nay Tề, Sở đánh nhau, có người bàn nên cứu, có người bàn nên không cứu. Ông có thể nào lấy lòng trung mưu tính cho chúa công của ông rồi, còn dư tài thì tính giúp quả nhân được không?

Trần Chấn đáp:

(1) Vì trước Trần Chấn làm quan ở Tần.

- Đại Vương có nghe câu chuyện người nước Ngô qua chơi nước Sở không? Vua Sở rất mến người đó, người đó đau, nên sai người lại thăm.

Vua Sở hỏi: “Ông ta thực đau không? Hay là nhớ cố quốc đấy?” kẻ tả hữu đáp: “Thần không rõ ông ta có nhớ cố quốc không. Nếu nhớ thì tất hát những bài ca nước Ngô”.

Nay Chấn tôi xin vì Đại Vương mà hát bài ca nước Ngô. Đại Vương có nghe câu chuyện Quán Dữ ⁽²⁾ không? Có hai con hổ tranh nhau một người mà vô nhau. Quán Tranh Tử muốn đâm hai con hổ đó. Quán Dữ can:

- Hổ là loài thú dữ, thích thịt người, cho thịt người là ngon.

Nay hai con hổ tranh nhau một người mà vô nhau, con nhỏ chết, con lớn tất bị thương. Ông đợi lúc đó đâm con bị thương thì một lần mà được cả hai con, không mệt sức phải chiến đấu với một con (còn mạnh) mà được tiếng là đâm cả hai con.

Nay Tề, Sở đánh nhau, thì Tề tất thua, lúc đó Đại Vương đem quân cứu Tề, được cái lợi là cứu Tề mà không có cái hại đánh Sở. Tôi bày mưu như vậy với Đại Vương, còn nghe hay không, biết trước sau hay không là tùy Đại Vương. Mưu tính là gốc của việc làm, nghe điều phải hay không là then chốt của sự tồn vong. Mưu tính sai mà nghe thì khó giữ nước được lắm. Cho nên có câu: “Mưu kế nào mà người ta đã cân nhắc kỹ lưỡng thì khó có thể lắm; nghe mà hiểu được đầu đuôi thì không mê loạn”.

(2) Quán Dữ, cũng gọi là Biện Dữ. Trong sử ký gọi là Quán Thụ Tử.

5

BIỂN THƯỚC MẮNG VUA TẦN
(Y Biển Thước kiến Tần Vương)

Y sư Biển Thước ⁽¹⁾ yết kiến Tần Vũ Vương. Tần Vũ Vương là con Tần Huệ Vương. Vũ Vương kể bệnh, Biển Thước xin trị. Kể tả hữu can:

-Đại Vương đau ở phía trước tai, phía dưới mắt. Trị thì chưa chắc hết mà tai lại hoá điếc, mắt lại hoá mờ mất.

Vũ Vương đem lời đó mà nói với Biển Thước, Biển Thước giận, liệng cục đá ⁽²⁾ xuống, bảo:

-Đại Vương vấn kế bực trí giả mà lại nghe lời kẻ ngu để hỏng việc. Điều đó cho thấy chính trị của nước Tần; chỉ vì một hành động của Đại Vương mà mất nước.

1. Biển Thước là một y sư danh tiếng đời vua Hiên Viên. Thời Chiến Quốc, đời Triệu Giản Tử có một vị y sư họ Tấn, tên là Việt Nhân, nhà ở đất Lỗ cũng rất có tài, nên được người đời gọi là Biển Thước.

2. Cục đá này dùng để trị bệnh.

6

CAM MẬU SỢ TẦN VŨ VƯƠNG
NGHE LỜI GIỀM PHA

(Tần Vũ Vương vị Cam Mậu)

Tần Vũ Vương bảo Cam Mậu:

- Quả nhân muốn đem chiến xa vào đất Tam Xuyên ⁽¹⁾ để cướp ngôi nhà Chu, như vậy quả nhân chết rồi danh sẽ bất hủ.

Cam Mậu đáp:

- Thần xin qua Ngụy dụ Ngụy đánh Hàn.

Vũ Vương sai Hướng Thọ đi theo để phụ tá. Cam Mậu tới Ngụy, bảo Hướng Thọ: “Ông về cáo với vua Tần: “Vua Ngụy nghe mưu kế của tôi, nhưng xin Đại Vương đừng đánh Hàn vội”. Như vậy việc mà thành thì công về cả ông”.

Hướng Thọ trở về, báo với vua Tần. Vua Tần thân đi đón Cam Mậu ở Tức Nhuỡng. Khi Cam Mậu tới, vua Tần hỏi nguyên do tại sao không đánh Hàn, Cam Mậu đáp:

- Nghi Dương là một huyện lớn; Thượng Đẳng, Nam Dương là những nơi của cải súc tích đã lâu đời, tuy gọi là huyện mà thực ra là quận. Nay Đại Vương vượt nhiều nơi hiểm trở, xông pha cả ngàn dặm để đánh, thần e khó được. Thần nghe nói Trương Nghi phía tây thôn tính đất Ba Thục, phía bắc chiếm

(1) Miền Tam Xuyên lúc đó thuộc Hàn, Hàn ở sát Chu. Đánh Hàn tức là hiếp Chu.

miền ở ngoài Tây Hà, phía nam lấy được Thượng Dung; thiên hạ không khen Trương Nghi mà ca tụng tiên vương ⁽²⁾ là hiền, Ngụy Văn Hầu sai tướng là Nhạc Dương đánh Trùng Sơn ba năm mà chiếm được, Nhạc Dương về kể công, Văn Hầu đưa cho ông ta coi một tráp chứa đầy những thư nói xấu ông ta. Nhạc Dương cúi đầu sát đất, lạy hai lạy, tâu: “Đó không phải là công của thần mà là nhờ uy lực của bệ hạ”. Nay thần là kẻ bề tôi ở xa; khi Xư lý Tật, Công Tôn Diễn giúp Hàn mà thuyết phục Đại Vương, Đại Vương tất nghe hai ông ấy. Như vậy là Đại Vương gạt nước Ngụy mà thần bị Công Trọng Xí ⁽³⁾ oán.

Xưa kia, Tăng Tử ⁽⁴⁾ ở đất Bí. Đất Bí có một kẻ sát nhân trùng tên, họ với Tăng Tử. Người ta báo tin cho bà mẹ Tăng Tử: “Tăng Sâm đã giết người!” Bà mẹ Tăng Tử bảo: “Con tôi không khi nào giết người!” rồi lại thản nhiên ngồi dệt. Được một lát, có người lại nói: “Tăng Sâm giết người!” Bà mẹ Tăng Tử vẫn thản nhiên ngồi dệt. Được một lát, lại có người nói “Tăng Sâm giết người!” Lần này, bà mẹ Tăng Tử sợ, liệng thoi, leo tường mà trốn. Tăng Sâm hiền như vậy, bà mẹ ông ta tin ông ta như vậy mà có tới ba người nghi thì bà mẹ đó cũng không tin con được nữa. Nay thần không có đức bằng Tăng Sâm, mà Đại Vương tin thần lại không bằng bà mẹ Tăng Tử tin con. Thần e rằng số người nghi thần không phải chỉ có ba, vậy Đại Vương phải vì thần liệng thoi mất.

(2) *Chỉ Huệ Vương, cha của Vũ Vương.*

(3) *Công Trọng Xí là một bề tôi nước Hàn.*

(4) *Tăng Tử, tức Tăng Sâm, môn đệ của Khổng Tử, hiệu là Tử Dư.*

Vua Tần bảo:

- Quả nhân không nghe họ đâu, xin thể với ông.

Và hai bên thể với nhau ở Tức Nhuỡng. Rồi mạnh Xứ Lý Tật, Công Tôn Diễn đều can vua, vua muốn nghe, vời Cam Mậu vào cho hay, Cam Mậu đáp:

- Tức Nhuỡng còn đó ⁽⁵⁾

Vua Tần bảo:

- Phải.

Rồi dùng hết binh lực, lại sai Cam Mậu tấn công nữa và hạ được Nghi Dương.

7

PHÙNG CHƯƠNG GẠT VUA SỞ (Nghi Chương chi dịch)

Trong trận Nghi Dương, Phùng Chương bảo vua Tần:

- Không hạ được Nghi Dương thì Hàn, Sở thừa lúc ta suy nhược mà đánh, nước ta sẽ nguy. Vậy nên hứa cho Sở đất Hán Trung để Sở đẹp lòng. Sở đẹp lòng mà không tiến quân thì Hàn tất lẽ loi, không làm gì được Tần.

Vua Tần đáp:

(5) Ý muốn nhắc lại lời thể với nhau hồi trước.

- Phải.

Rồi sai Phùng Chương đem Hán Trung hứa với Sở. Hạ được Nghi Dương. Vua Sở nhắc lời hứa đòi Phùng Chương phải nộp đất Hán Trung.

Phùng Chương tâu với vua Tần:

- Đại Vương đuổi thân đi.

Rồi, vua Tần đáp vua Sở:

- Quả nhân có hứa gì đâu ?

8

Cam Mậu đánh Nghi Dương, ba lần thúc trống mà quân không tiến tới được. Hữu tướng của Tần có một viên úy thừa với Cam Mậu:

- Ông không lượng sức, tất nguy to.

Cam Mậu bảo:

- Ta là người xa lạ mà được làm tể tướng ở Tần là nhờ đem việc Nghi Dương ra dẫn dụ vua. Nay đánh Nghi Dương mà không chiếm được, ở trong thì bị Công Tôn Diễn, Xư Lý Tật lật, ở ngoài thì bị Công Trọng (xỉ) đem việc nước Hàn làm khốn, thế là không có ngày lập công được nữa ⁽¹⁾. Ngày mai thúc trống lần nữa mà không hạ được thì đất Nghi Dương này là nơi chôn ta!

(1) Nguyên văn: thị vô phạt chi nhật dã. Crump dịch là: ở đâu thì ngày ra trận cũng là ngày cuối cùng của ta. Chúng tôi đoán Cam Mậu muốn nói: đảng nào thì cũng chết.

Rồi ông xuất tiền riêng ra để tăng tiền thưởng cho quân lính, hạ được Nghi Dương.

9

CAM MẬU ĐÁNH NGHI DƯƠNG

(Nghi Dương vị đắc)

Nghi Dương chưa chiếm được mà quân Tần bị thương đã nhiều, Cam Mậu muốn ngưng binh. Tả Thành bảo Cam Mậu:

- Ông ở trong thì bị, Xư Lý Tật, Công Tôn Diễn công kích, ở ngoài thì bị Hàn Xí ⁽¹⁾ oán, nay ông dụng binh mà không lập được công thì ông tất nguy. Ông nên tiến binh đánh Nghi Dương, hạ được Nghi Dương thì công ông lớn lắm. Xư Lý Tật, Công Tôn Diễn không có cơ công kích ông nữa, mà quân Tần chết nhiều, sẽ thâm oán hai ông đó (là những người đã bày mưu đánh Nghi Dương).

10

HÀN SỞ ĐỀ PHÒNG NHAU

(Nghi Dương chi dịch)

Trong trận Nghi Dương, Sở phản Tần mà liên hợp với Hàn. Vua Tần lo, Cam Mậu tâu:

Hàn Xí, tức Công Trọng, làm tể tướng nước Hàn.

- Sở tuy liên hợp với Hàn nhưng không vì Hàn mà khai chiến với Tần đâu. Hàn cũng sợ nếu đánh nhau với Tần thì Sở sẽ gây rối ở phía sau, vậy Hàn, Sở tất để phòng nhau Sở nói rằng thân thiết với Hàn mà không nhắc lại oán cũ với Tần, vì vậy mà thần biết rằng Sở phải để phòng Hàn.

11

CAM MẬU KHUYÊN VUA TẦN (Tần Vương vị Cam Mậu)

Vua Tần bảo Cam Mậu:

-Người Sở đi sứ qua nước mình, có nhiều người giỏi, tranh biện với quả nhân, nhiều lần quả nhân đuối lý. Làm sao bây giờ?

Cam Mậu đáp:

-Xin Đại Vương đừng lo. Người giỏi mà đi sứ thì Đại Vương đừng nghe họ biện thuyết, người dở mà đi sứ thì Đại Vương hãy nghe. Như vậy thì (vua Sở) sẽ dùng kẻ dở mà không dùng kẻ giỏi, mà Đại Vương áp đảo được.

12

TÔ ĐẠI GIÚP CAM MẬU (Cam Mậu vong Tần)

Cam Mậu bỏ Tần ⁽¹⁾, định trốn qua Tề, ra khỏi cửa ải (Hàm Cốc), gặp Tô Tử ⁽²⁾ hỏi:

- Ông nghe chuyện người con gái chưa chồng trên bờ sông không ?

Tô Tử đáp:

- Chưa.

Cam Mậu kể:

- Trên bờ sông nọ, có một người con gái chưa chồng, nhà nghèo, không có đèn đóm. Các người con gái chưa chồng chung quanh bàn với nhau muốn đuổi nàng đi ⁽³⁾.

Người con gái nhà nghèo không có đèn đóm đó, khi sắp đi, bảo các người con gái chưa chồng kia: "Tôi vì nhà không có đèn đóm, nên thường tới quét nhà, trải chiếu cho các chị. Các chị tiếc chi chút ánh sáng thừa chiếu vào bốn bức vách? Xin các chị gia ân cho tôi, tôi có làm hại gì các chị đâu. Tôi tự cho là giúp ích được cho các chị, sao lại đuổi tôi đi?" Các người con gái chưa chồng kia cho rằng lời đó đúng, nên giữ lại.

(1) Lúc đó Cam Mậu bị Hường Thọ, Công Tôn Diễn gièm pha, phải bỏ trốn đi.

(2) Tô Tử tức Tô Đại, lúc đó đi sứ cho Tề và qua Tần nên gặp Cam Mậu.

(3) Vì ngại đêm hôm nàng lên lút làm bậy mà mang tiếng cho cả xóm.

Nay tôi là kẻ bất hiếu, vua Tần đuổi mà ra khỏi cửa ải, xin quét nhà và trải chiếu cho các hạ, tức hạ đừng đuổi tôi đi.

Tô Tử bảo:

- Được. Tôi xin giúp cho ông được trọng dụng ở Tề.

Rồi qua phía tây thuyết vua Tần (Chiêu Tương Vương):

- Cam Mậu là người hiền, không phải là kẻ sĩ tầm thường, ở Tần đã được trọng dụng mấy đời. Từ Hào Tái, Khê Cốc⁽⁴⁾ địa thế chỗ nào hiểm trở đều biết rõ. Nếu để ông ta giúp Tề kết thân với Hàn, Ngụy và mưu tính chống Tần thì không lợi cho Tần.

Vua Tần hỏi:

- Vậy thì phải làm sao ?

Tô Đại đáp:

-Nên đem nhiều đồ lễ và bổng lộc mà đón ông ấy về: ông ấy về thì an trí ông ấy ở Hoè Cốc, suốt đời không cho ra khỏi chỗ đó, như vậy thiên hạ làm sao mà mưu tính hại Tần được.

Vua Tần bảo:

- Phải.

Rồi phong cho chức thượng khanh, giao cho tướng ấn, đón Cam Mậu ở Tề, Cam Mậu không tới. Tô Đại dối trá bảo Tề Mẫn Vương:

(4) Hào Tái có lẽ là biên giới ở núi Hào Sơn.

Khe Cốc, trong sử ký, gọi là Quỷ Cốc, nay ở Thiểm Tây.

- Cam Mậu là người hiền. Nay Tần đem chức thượng khanh và tướng ấn để đón. Mậu mang ơn Đại Vương nên không đi, chỉ xin được làm bề tôi Đại Vương. Đại Vương tính lấy lễ gì đãi ông ta? Nếu Đại Vương không giữ ông ta lại, ông ta tất không mang ơn Đại Vương. Họ được Cam Mậu là bậc hiền tài giúp sức mà chuyên dùng dân của cường Tần, thì ta khó mà thắng được.

Vua Tề bảo:

- Phải.

Rồi phong cho Cam Mậu chức thượng khanh và hậu đãi ông ta.

13

VUA TẦN ĐUỐI CÔNG TÔN DIỄN

(Cam Mậu tướng Tần)

Cam Mậu làm tể tướng nước Tần. Vua Tần (Vũ Vương) yêu Công Tôn Diễn, hứa có cơ hội sẽ phong chức cao cho, vì vậy bảo Công Tôn Diễn:

- Quả nhân sắp phong ông làm tể tướng.

- Một kẻ lại của Cam Mậu giữa đường vô tình nghe được, cho Cam Mậu hay. Cam Mậu bèn vào yết kiến vua:

- Đại Vương lựa chọn tể tướng giỏi, xin lạy mừng Đại Vương.

Vua hỏi:

- Quả nhân giao việc nước cho ông, sao lại còn được tể tướng nào giỏi nữa ?

Đáp:

Đại Vương sắp phong tể thủ ⁽¹⁾ làm tể tướng mà

Vua hỏi:

- Ông nghe ai nói vậy ?

Đáp:

- Tể thủ cho thần hay.

Vua Tần giận tể thủ bép xép, đuổi tể thủ đi.

16

TUYÊN THÁI HẬU BẮT NGỤY XÚ PHU CHẾT THEO MÌNH

(Tần Tuyên Thái Hậu ái Ngụy xú phu)

Tuyên Thái hậu nước Tần yêu Ngụy xú phu.

Thái hậu đau nặng gần chết, ra lệnh “Chôn ta thì phải chôn sống Ngụy Tử theo ta”. Ngụy Tử lo.

Dung Nhuế hỏi Thái hậu:

- Thái hậu cho rằng chết rồi còn biết không?

(1) Túc Công Tôn Diễn (tể thủ là một chức quan).

Thái hậu đáp:

- Không

Bảo:

- Thần linh như Thái hậu, biết rõ rằng chết rồi thì không còn biết nữa. Vậy sao bắt người mà hỏi sống mình yêu phải chết theo rồi chôn ở bên cạnh xác chết vô tri của mình, như vậy ích đâu ? Còn bảo như chết rồi thì không còn biết thì tiên vương uất giận đã lâu, thái hậu lo cứu lỗi của mình còn không xong, đâu có rảnh mà tư tình với Ngụy Xú phu nữa ?

Thái hậu đáp:

- Phải.

Rồi bỏ việc đó.

Tần III

2

KHUYÊN YÊN ĐÁNH TÊ

(Tần khách khanh tạt thuế Nhương Hầu)

Khách khanh của Tần tên là Tào bảo Nhương Hầu:

- Tần phong ông đất Đào ⁽¹⁾, ông nhờ thế lực của Tần mà phục chế các nước khác được vài năm. việc đánh Tê mà thành, Đào (được đất của Tê) mà thành nước vạn cỗ xe, đứng đầu các nước nhỏ mà châu thiên tử, thiên hạ tất nghe, sự nghiệp như Ngũ Bá ⁽²⁾. Đánh Tê mà không thành, Đào sẽ bị các nước láng giềng ghét mà không chống cự nổi. Cho nên đánh Tê là cái lẽ tồn vong của Đào. Ông muốn thành công, sao không sai người qua bảo tướng quốc nước Yên như vậy: “Thánh

(1) Đào: nay ở tỉnh Sơn Tây. Trước Ngụy Nhiễm được phong ở đất Nhương, nên gọi là Nhương Hầu.

(2) Ngũ Bá: năm chư hầu mạnh đời Xuân Thu: Tề Hoàn Công, Tống Tương Công, Tấn Văn Công, Tấn Mục Công, Sở Trang Công.

nhân không tạo được thời thế, nhưng thời thế tới thì không bỏ lỡ. Vua Thuấn tuy hiền, nếu không gặp vua Nghiêu thì không được làm thiên tử ⁽³⁾; vua Thang, vua Vũ tuy hiền, nếu không gặp Kiệt, Trụ thì không lập được nghiệp vương ⁽⁴⁾, cho nên hiền như Thuấn, Thang, Vũ mà không gặp thời thì cũng không thành đế, vương. Nay đánh Tề, là thời cơ lớn của ông đấy. Nhân sức của thiên hạ mà đánh nước thù địch là Tề, rửa cái nhục của Huệ Vương, lập cái công của Chiêu Vương ⁽⁵⁾, trừ được cái hại cho vạn đời; đó là cái lợi lâu dài của Yên và cái danh lớn của ông kinh thư có câu: “Trồng đức không gì bằng tưới bón nó; trừ hại không gì bằng trừ cho hết”. Ngô không diệt Việt thì Việt tất diệt Ngô ⁽⁶⁾; Tề không diệt Yên thì Yên tất diệt Tề ⁽⁷⁾. Tề bị Yên diệt, Ngô bị Việt diệt, đó là do trừ hại mà không trừ hại cho ông, nếu Tần bỗng vì việc khác xảy ra mà về phía Tề, Tề với Triệu liên hiệp, thì Tề thù ông tất sâu. Mang mối thù ông, họ sẽ đánh Yên, sau ông có hối cũng không kịp. Ông nên dốc hết binh của Yên mà đánh gấp Tề đi, thiên hạ sẽ theo ông; như cùng nhau báo cái thù cha con. Nếu diệt

(3) Vì vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn.

(4) Vì vua Thành Thang diệt vua Kiệt để dựng nhà Thương; vua Vũ vương diệt vua Trụ để dựng nhà Chu.

(5) Thời vua Chiêu Vương phong Nhạc Nghị làm tướng đánh Tề, phá được 70 thành; khi vua Chiêu Vương mất, con là Huệ Vương nghi Nhạc Nghị làm phản, Nhạc Nghị phải trốn qua Triệu; Diên Đan nước Tề phá Yên chiếm lại được những đất đã mất về Tề; vì vậy nói là rửa cái nhục cho Huệ Vương, lập được cái công của Chiêu Vương. (Coi bài Yên II 10).

(6) Đời Chu Kinh Vương năm 26, Ngô Vương là Phù Sai thắng Việt Vương là Câu Tiễn, rồi cho Câu Tiễn cầu hoà; tới đời Chu Nguyên Vương năm thứ ba, Việt Vương mạnh lên, diệt lại được Ngô.

(7) Đời Chu Noãn Vương năm đầu, Tề đánh Yên, chiếm được Yên. Dân nước Yên đưa Chiêu Vương lên ngôi, ba mươi năm sau, Yên đánh lại Tề, Tề thua.

được Tề, ông sẽ phong đất ở Hà Nam, thành nước lớn, tiếp thông với Trung Quốc ⁽⁸⁾, phía nam liên kết với nước lân cận là Đào, đời đời khỏi lo. Xin ông chuyên tâm vào việc đánh Tề mà đừng lo gì khác nữa.

8

PHẠM TUY DÂNG THƯ LÊN TÂN CHIÊU VƯƠNG

(Phạm Tử nhân Vương Kê nhập Tân)

Phạm Tử ⁽¹⁾ theo Vương Kê ⁽²⁾ vô Tân, dâng lên Tân Chiêu Vương:

-Thần nghe rằng bậc minh chủ trị nước, kẻ có công thì được thưởng, có tài thì được dùng, kẻ khó nhọc nhiều thì được bổng hậu, kẻ có công nhiều thì được tước cao, giỏi trị dân thì được chức lớn, cho nên kẻ vô tài thì không dám nhận chức mà kẻ có tài không dám lẫn trốn. Nếu Đại Vương cho lời nói của thần là phải thì xin thi hành cho thêm lợi; không thi hành thì giữ thần lại ở lâu không ích gì.

Tục ngữ có câu: “Bực dung chủ ⁽³⁾ thương kẻ mình yêu mà

(8) Tiếng Trung quốc thời đó trở miền trung ương của Tàu, tức miền ở Chu, Hàn, Ngụy, hai bên bờ sông Hoàng Hà.

(1) Phạm Tử, tức Phạm Tuy, tên hiệu là Thúc, người nước Ngụy, cũng có chỗ gọi là Phạm Thu

(2) Vương Kê là người vua Tân Chiêu Vương sai đi qua các nước chư hầu, lúc đó ở Ngụy về Tấn, Phạm Tuy theo mà vô Tấn.

(3) Dung Chủ: bực vua tấm thường tối tăm, trái với minh chủ.

phạt kẻ mình ghét”. Bực mình chủ thì không vậy, thưởng thì tất thưởng kẻ có công, trị thì tất trị kẻ có tội. Nay bụng của Thần không chịu nổi dao dùi, lưng của thần không chịu nổi búa rìu ⁽⁴⁾ thần đâu dám đem việc còn khả nghi mà trình bày để thử thách Đại Vương. Đại Vương tuy cho thần là hèn mọn mà khinh bỉ làm nhục thần, không trọng dụng thần, nhưng người đã đảm bảo cho thần ở trước mặt Đại Vương có thể nào phản phúc, trước sau bất nhất được không?

Thần nghe nước Chu có ngọc Chi-ách, nước Tống có ngọc kết-duyên, nước Lương có Ngọc Huyền-lê, nước Sở có Hoà-Phát⁽⁵⁾ bốn bảo vật đó, đều có danh trong thiên hạ mà bọn thợ thì không biết là quý. Vậy thì cái mà bậc thánh vương bỏ đi, không đủ để làm cho quốc gia ư? ⁽⁶⁾.

Thần nghe nói muốn làm lợi cho nhà thì cướp của nước, muốn khéo làm lợi cho nước thì cướp chư hầu. Trong thiên hạ có bực mình chủ thì chư hầu không dám chuyên làm lợi cho mình. Tại sao vậy? Là do lẽ khinh trọng vậy ⁽⁷⁾. Bậc lương y biết rõ được sự thành bại, lợi thì làm, hại thì bỏ, còn ngờ thì cứ thử qua, tuy Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang tái sinh cũng không sửa được chính sách của bậc đó. Những lời cực thâm thúy thì thần không dám chép lại trong thư này, còn những lời thô thiển thì không

(4) Ý nói: tôi đâu có chịu được hình phạt, đâu có dám nói càn để bị tội.

(5) Bốn thứ đó đều là ngọc quý.

(6) Ý nói: tôi là kẻ tầm thường, nhưng cũng có thể giúp nước Tấn được.

(7) Ý nói: lợi riêng cho nước mình là nhỏ (khinh), lợi cho thiên hạ mới là lợi lớn (trọng).

dáng Đại Vương đọc, Hay thần ngu mà lời không hợp với Đại Vương chẳng, hay là người giới thiệu hèn mọn, không đáng nghe chẳng? Nếu không phải vậy thì cái chí của thần xin Đại Vương du lãm còn dư thì giờ gia ân cho thần được ra mắt Đại Vương.

Thư dâng lên, vua Tần mừng, cảm tạ Vương Kê rồi sai người đánh xe đón Phạm Tử.

9

PHẠM TUY THUYẾT VUA TẦN

(Phạm Tuy chí)

Phạm Tuy tới, vua Tần Chiêu Vương xuống thêm mà đón, kính cẩn dùng lễ tân chủ mà tiếp, Phạm Tuy từ tạ, khiêm nhượng. Hôm đó tiếp kiến Phạm Tuy, các bề tôi ở triều đình đều kinh dị biến sắc. Vua Tần đuổi hết kẻ tả hữu ra ngoài, trong cung không còn ai.

Vua Tần quỳ xuống hỏi:

- Tiên sinh có điều gì dạy bảo quả nhân không?

Phạm Tuy đáp: Dạ, dạ.

Một lát vua Tần lại hỏi, Phạm Tuy lại đáp: Dạ, dạ như vậy ba lần. Vua Tần quỳ mọp xuống hỏi:

- Tiên sinh không muốn dạy bảo quả nhân chẳng?

Phạm Tuy tạ tội:

- Đâu dám vậy. Thần nghe xưa Lữ Thượng ⁽¹⁾ lúc gặp vua Văn Vương chỉ là một lão đánh cá, câu bên bờ phía bắc sông Vị, như vậy giao tình còn sơ lắm. Nhưng khi Lữ Thượng bàn bạc xong thì Văn Vương phong ngay làm thái sư mà mời ngồi chung xe về triều, là vì lời của Lữ Thượng thâm thiết. Sau quả nhiên Văn Vương nhờ Lữ Thượng mà thành công, gồm thâu thiên hạ, lên ngôi đế vương. Giá trước kia Văn Vương sợ Lữ Thượng mà không nghe lời thâm thiết của ông thì nhà Chu không có cái đức làm thiên tử mà vua Văn, vua Võ không dựng vương nghiệp được.

Nay thần là người lạ tới đây, đối với Đại Vương còn là sơ tình, mà những điều thần muốn bày tỏ đều là để củ chính sự tình của vua tôi, xen vào tình cốt nhục của người; thần nguyện tỏ tấm lòng trung thành ngu muội mà chưa biết rõ lòng Đại Vương, vì vậy Đại Vương hỏi ba lần mà thần không đáp. Không phải là thần sợ mà không dám nói, thần biết rằng, hôm nay thì ngày mai sẽ bị giết, biết vậy nhưng thần không hề sợ chết. Đại Vương tin mà thi hành lời của thần, thì chết thần đâu có sợ, bị trục xuất thần đâu có lo, phải sơn mình thành thằg cùi, xoa tóc thằg điên, thần đâu có lấy làm nhục. Thánh như Ngũ Đế ⁽²⁾ mà còn chết, nhân như Tam Vương ⁽³⁾ mà còn chết, hiền

(1) Lữ Thượng tức Lữ Vọng, họ Khương, tên Thượng, tổ tiên được phong ở đất Lữ nên gọi là Lữ Thượng.

(2) Ngũ Đế là năm đời vua thời thượng cổ: Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn.

(3) Tam Vương là ba đời vua: Hạ Vũ, Thương Thang, và Chu Văn Vương với Võ Vương.

như Ngũ Bá ⁽⁴⁾ mà còn chết, mạnh như Ô Hoạch ⁽⁵⁾ mà còn chết, đông như Mạnh Bôn, Hạ Dục ⁽⁶⁾ mà còn chết, ai mà thoát khỏi chết đâu; chịu cái thế tất nhiên để giúp Tần được chút nào chẳng, đó là cái ước nguyện lớn của thần, có gì mà lo?

Ngũ Tử Tư trốn trong đẫy mà qua thoát cửa Chiêu Quan ⁽⁷⁾, đem đi, ngày núp ở Lăng Phù ⁽⁸⁾, không có gì để bỏ vô miệng, bò lét đi không nổi, vỗ bụng làm trống thổi ống tiêu mà xin ăn ở chợ nước Ngô mà sau phục hưng được nước Ngô, giúp Hạp Lư ⁽⁹⁾ làm được nghiệp bá. Nếu thần được dâng mưu như Ngũ Tử Tư rồi có bị đày trong ngục tối suốt đời, không được gặp lại Đại Vương nữa, thì là mưu kế của thần được thi hành rồi, có gì mà buồn?

Ki Tử, Tiếp Dư ⁽¹⁰⁾ mình sơn như cùi, tóc xoã như điên mà không ích gì cho vua Ân, nước Sở. Nay nếu thần được có cái hành vi của Ki Tử, Tiếp Dư, có thể giúp cho bực quân chủ hiền minh, thì đó là cái vinh lớn của thần, có gì mà nhục?

Thần sợ là chỉ sợ sau khi thần chết rồi, thiên hạ thấy thần tận trung mà thần bị giết, ai cũng cảm miệng chùn chân, không dám tới giúp Tần nữa.

(4) Ngũ bá là năm đời bá đời Xuân Thu: Tế Hoàn Công, Tống Tương Công, Tấn Văn Công, Tấn Mục Công, Sở Trang Công.

(5) Ô Hoạch là lực sĩ đời xưa.

(6) Mạnh Bôn, Hạ Dục đều là dũng sĩ của nước Vệ.

(7) Ngũ Tử Tư là người nước Sở đời Đông Chu. Cha và anh bị vua Sở giết ông trốn qua Ngô, giúp cho Ngô mạnh lên rồi đem binh mà diệt Sở để trả thù nhà.

(8) Lăng Phù là tên sông, ở Giang Tô, cũng gọi là Lật Thủy Vĩnh Dương Giang.

(9) Hạp Lư là vua nước Ngô.

(10) Ki Tử là chú của vua nhà Ân, làm chức thái sư, vì can vua Trụ mà bị bỏ ngục, giả làm người điên. Tiếp Dư là người nước Sở thời Xuân Thu. Cũng giả làm người điên để trốn đời.

Bệ hạ trên là sợ uy Thái hậu ⁽¹¹⁾, dưới thì bị kẻ gian thần mê hoặc, ở trong chốn thâm cung, không rời khỏi tay thái bảo, thái phó ⁽¹²⁾, suốt đời mê hoặc, không phân biệt được đâu là gian trá; hoạ mà lớn thì tôn miếu sụp đổ, nhỏ thì bản thân hoá cô lập mà lâm nguy, đó là điều thần sợ vậy. Còn như cái cảnh thần bị khốn cùng, nhục nhã, tử vong, thì thần đâu có sợ. Thần chết mà nước Tần được thịnh trị thì chết mà hơn sống.

Vua Tần quỳ xuống, nói:

- Sao tiên sinh lại nói thế ! Nước Tần ở chỗ hẻo lánh, quả nhân ngu muội, tiên sinh hạ cố mà tới đây, đó là Trời vì quả nhân mà làm rầy tiên sinh để bảo tồn tôn miếu của tiên vương. Quả nhân được tiên sinh dạy bảo, thế là Trời quý tiên sinh mà không bỏ kẻ cô độc này vậy ! sao tiên sinh lại nói thế ! bất kỳ việc lớn việc nhỏ, trên từ Thái hậu, dưới tới đại thần, có điều gì xin tiên sinh cứ dạy hết cho chứ đừng nghi ngờ quả nhân.

Phạm Tuy lạy hai lạy, vua Tần cũng lạy hai lạy.

Phạm Tuy nói:

- Nước của Đại Vương phía bắc có Cam Tuyền, Cốc Khẩu, phía nam có sông kinh, sông Vị, phía hữu có Lũng, Thục, phía tả có Quan Bản⁽¹³⁾, chiến xa có ngàn cỗ, quân lính hăng hái có trăm vạn.

(11) Lúc đó mẹ Tấn Chiêu Vương chuyên quyền.

(12) Thái bảo người nuôi nấng thái tử. - Thái phó là người dạy dỗ Thái tử

(13) Núi Cam Tuyền nay ở phía Tây.

Cốc khẩu là tên cửa ải.

Lũng nay ở Thiểm Tây. Thục tức tỉnh Tứ xuyên, địa thế hiểm trở Quan bản cũng ở Thiểm Tây.

Dùng số quân lính dũng cảm, số xe và ngựa chiến đông đảo của Tần mà đánh chư hầu thì không khác gì xua chó nước Hàn⁽¹⁴⁾ mà sẵn bày thỏ què, có thể dựng nghiệp bá vương được. Nay trái lại, Tần đóng cửa ải mà không dám đem binh ra Sơn Đông⁽¹⁵⁾, đó là tại Nhượng Hầu mưu tính việc nước mà không trung, mà kế của Đại Vương hỏng rồi.

Vua Tần nói:

- Xin được nghe kế nào hỏng.

Tuy đáp:

- Đại Vương vượt qua Hàn, Ngụy để đánh nước Tề mạnh, kế đó hỏng. Nếu ra quân ít thì không đủ mạnh để đánh bại Tề, nếu ra quân nhiều thì có hại cho Tần. Thần đoán ý Đại Vương là muốn ra quân ít, mà dùng hết quân của Hàn, Ngụy, như vậy là bất nghĩa. (Lại thêm) ngay những nước liên hiệp với mình cũng không thể thân được, vậy thì vượt qua nước người ta để đánh nước khác là điều có nên không? như vậy là mưu tính không kỹ.

Xưa Tề thắng Sở, quân Sở tan, tướng Sở chết, mở rộng cả ngàn dặm, nhưng kết quả là chút đất nhỏ hẹp ở lớp ngoài cũng không được: có phải là Tề không muốn được đất đâu, vì hình thế mà không thể chiếm được đấy. Chư hầu thấy Tề tỏ vẻ mệt mỏi, vua tôi không thân với nhau, mới đem binh đánh,

(14) Nước Hàn có loài chó rất khôn, gọi là con lư.

(15) Sơn Đông trở lục quốc vì sáu nước đều ở phía đông cửa Hàm Cốc, núi Hào Sơn.

vua nhục mà quân tan, thiên hạ cười cho; sở dĩ vậy là vì đánh Sở để cho Hàn, Ngụy béo bở. Thế là đưa dao cho giặc, cấp lương cho trộm vậy.

Tốt hơn là Đại Vương liên kết với nước ở xa mà đánh nước ở gần, được tấc đất nào thì tấc đất ấy là của Đại Vương, được thước đất nào thì thước đất ấy cũng của Đại Vương. Nay không dùng chính sách đó mà đi đánh nước ở xa, chẳng phải là lầm ư?

Vả lại, xưa kia, đất Trung Sơn rộng năm trăm dặm, Triệu riêng chiếm cứ, công thành danh toại, lại thêm lợi, thiên hạ không nước nào hại Triệu được. Nay Hàn, Ngụy là những nơi ở khoảng giữa, là cái chốt của thiên hạ; nếu Đại Vương muốn dựng nghiệp bá, thì phải thân thiện với miền trung gian, coi đó là cái chốt của thiên hạ, để uy hiếp Triệu Sở. Triệu mà đánh mạnh thì Sở dựa Triệu; Sở, Triệu dựa vào nhau thì Tần rất sợ; sợ thì tất nhún lờ và tặng Tần nhiều tiền của để thờ Tần. Tần mà dựa vào Tần thì Hàn, Ngụy có thể diệt được.

Vua Tần bảo:

- Quả nhân muốn thân với Ngụy, nhưng Ngụy là nước đa trá, quả nhân không thân với được. Xin hỏi muốn thân với Ngụy thì phải làm sao ?

Phạm Tuy đáp:

- Nhún lờ và tặng nhiều tiền của để thờ; không được thì cắt đất mà dâng, không được nữa thì đem binh đánh.

(Vua Tần sau đem binh đánh đất Hình Khâu, hạ được Hình Khâu và Ngụy xin quy phục).

Phạm Tuy bảo:

- Địa thế của Tần, Hàn xen lẫn nhau như bức thêu, Tần mà có đất của Hàn như gỗ mà có sâu mọt, người mà có bệnh ở tim, bụng. Thiên hạ có biến, thì làm hại cho Tần không gì bằng Hàn. Đại Vương thu phục Hàn là hơn cả.

Vua Tần hỏi:

- Quả nhân muốn thu phục Hàn, Hàn không nghe thì phải làm sao ?

Đem binh đánh Huỳnh Dương ⁽¹⁶⁾ thì đường Thành Dịch bị nghẽn, phía bắc cắt đường Thái Hàng ⁽¹⁷⁾ thì binh Thượng Đảng không xuống được, một lần đánh Huỳnh Dương mà nước đó bị cắt làm ba, Hàn thấy nước mình tắt mất, sao lại không nghe ? Hàn chịu quy phục thì nghiệp bá thành được.

Vua Tần khen phải.

Phạm Tuy bảo:

- Thần ở Sơn Đông, chỉ nghe nói Tề có Điền Đan chứ không nghe nói có vua; chỉ nghe nói Tần có Thái hậu, Nhương Hầu, Kinh Dương, Hoa Dương chứ không nghe nói có vua. Thống trị trong nước thì gọi là vua, có uy quyền cho sống hay bắt chết thì gọi là vua. Nay Thái hậu chuyên quyền không đoái gì tới Đại Vương, Nhương Hầu đi sứ ra ngoài mà không báo cho Đại Vương hay, Kinh Dương, Hoa Dương, dùng hình phạt mà không

(16) Huỳnh Dương là tên thành nay ở Hà Nam.

(17) Thái Hàng là tên núi, cũng gọi là Ngũ Hành Sơn, chạy từ Hà Nam tới Sơn Tây

kiêng kị gì cả. Có đủ bốn vị quý nhân đó mà nước không nguy thì là việc chưa từng thấy. Vua ở dưới bốn vị đó, cho nên bảo là không có vua; như vậy thì quyền làm sao không nghiêng mà lệnh làm sao xuất phát từ vua được? Thần nghe nói người khéo trị nước, ở trong thì củng cố cái uy, ở ngoài thì làm cho quyền mình được tôn trọng. Nhưng Hầu tự ý đi sứ, thế là nắm cái tôn nghiêm của Đại Vương mà chia sẻ chư hầu, cắt hợp thiên hạ, đánh dẹp các nước, không ai dám không nghe. Đánh mà thắng, tấn công mà chiếm được thì lợi về đất Đào; mà Tần sẽ mệt mỏi, bị chư hầu chế phục. Đánh mà thua, thì gây oán với trăm họ mà họa quy về xã tắc. Kinh thi có câu: “Trái mà sai quá thì cành tất gãy toác ra, cành gãy toác ra thì ruột cây bị thương; kinh đô mà lớn quá thì nguy cho nước, bề tôi mà uy quyền quá thì vua bị khinh rẻ”. Náo Xỉ nắm quyền của Tề, rút gân của Mẫn Vương, treo lên cái rường nhà tôn miếu, rồi Mẫn Vương chết; Lý Đoái chuyên quyền với Triệu, bắt vua ăn bột đi, trăm ngày rồi chết vì đói. Nay Thái hậu, Ngụy Hầu chuyên quyền, Cao Lăng (18), Kinh Dương phụ lực, rốt cuộc rồi không còn vua Tần nữa; như vậy có khác gì hạng Náo Xỉ, Lý Đoái? Nay thần thấy Đại Vương lẻ loi ở triều miếu - và thần lo rằng đời sau, người làm vua nước Tần, không phải là con cháu Đại Vương đâu!

Vua Tần sợ, bèn truất phế Thái hậu, đuổi Ngụy Hầu, đày Cao Lăng, Kinh Dương ra ngoài cửa ải.

(18) Trên nói Hoa Dương, sau đây nói Cao Lăng?

Chiêu bảo Phạm Tuy:

- Xưa vua Tề được Quản Trọng, gọi là Quản Trọng là Trọng Phủ ⁽¹⁹⁾, nay tôi được tiên sinh, cũng xin gọi là Phủ.

10

BỀ TÔI MẠNH QUÁ THÌ NGUY CHO VUA

Ứng Hầu hỏi Tần Chiêu Vương:

- Đại Vương có nghe chuyện thần bụi cây (ở Hằng Tư) không? Ở Hằng Tư có một thiếu niên bạo gan, rử bụi cây đánh bạc, bảo: "Ta mà thắng bụi cây thì bụi cây phải cho ta mượn thần bụi cây trong ba ngày; nếu ta thua thì bụi cây muốn làm gì ta, tùy ý". Nói rồi, tay trái nó gieo con thò lò thay bụi cây, tay phải nó gieo cho nó, nó thắng bụi cây, bụi cây cho nó mượn thần bụi cây trong ba ngày. Khi hết hạn, bụi cây lại đòi thì nó không trả. Năm ngày sau bụi cây khô; bảy ngày sau, bụi cây chết.

Nước Tần là bụi cây của Đại Vương, quyền thế là thần của Đại Vương ⁽¹⁾, cho người khác mượn cái thần đó, có thể không nguy được không? Thần chưa từng thấy ngón tay mà lớn hơn

(19) Trọng phủ: phủ là tiếng tỏ vẻ kính trọng, dùng với đàn ông lớn tuổi. Tề Hoàn Công gọi là Quản Trọng là Trọng phủ, tức như ông Trọng. Nhưng có sách bảo phải đọc là Trọng Phủ, tiếng để gọi một người, mà mình coi như cha chú.

(1) Chúng tôi dịch theo bản chữ Hán. Theo mạch văn thì phải hiểu là: quyền thế là thần của nước (quốc gia). Và Crump đã dịch ra như vậy.

cánh tay, cánh tay mà lớn hơn bắp vế; nếu có như vậy thì bệnh tất nặng lắm. Một trăm người kiệu cái bầu mà chạy nhảy ⁽²⁾ không bằng một người bung nó mà đi; nếu một trăm người kiệu một cái bầu thì cái bầu tất tan tành. Nay nước Tần, Hoa Dương dùng, Nhương Hầu dùng, Thái hậu dùng, Đại Vương cũng dùng nữa; nó không phải là một đồ dùng như cái bầu (ai cũng uống được) thì phải thôi đi ⁽³⁾; nếu nó là một đồ dùng như cái bầu ai cũng uống được, thì thế nào nó cũng tan tành.

Thần nghe nói rằng trái mà sai quá thì cành tất gãy toác ra, cành gãy toác ra thì ruột cây bị thương; kinh đô mà lớn quá thì nguy cho nước; bề tôi mà mạnh quá thì nguy cho vua. Nay trong ấp của Đại Vương, từ kẻ lương được một đấu trở lên ⁽⁴⁾, cho đến quan úy, quan nội sử ⁽⁵⁾ có người nào không phải là người của quan tướng quốc không? Nước mà bình yên thì thôi ⁽⁶⁾, nước mà loạn lạc thì thần tất mong được thấy Đại Vương độc lập ở triều đình. Thần trộm lo thay Đại Vương, sợ rồi vạn đời sau, người làm chủ nước Tần này không phải là con cháu Đại Vương đâu.

(2) Nguyên văn: Bách nhân dư biểu nhi xô. Hứa Khiếu Thiên chú thích: đội, đeo trên mình gọi là dư, chạy nhảy gọi là xô. Nhưng có một cái bầu thì sao trăm người đội, đeo trên mình được. Crump: cho dư là cái xe, (cart), xô là xô lẩn (scramble); "một trăm người xô lẩn để chở (kéo) một cái bầu bằng xe", (A hundred men scranibling to fetch a gourd by cart). Chúng tôi nghĩ chữ dư theo Tử Hải còn có nghĩa là kiên dư, tức là kiên dư, tức là cái kiệu, nên tạm dịch như vậy, chứ không chắc là đúng.

(3) Chúng tôi theo ý của Crump mà dịch như vậy, chứ dịch đúng từng chữ thì là: không coi cái bầu là một đồ dùng thì thôi (bất xứng biểu vì khí tác dĩ).

(4) Trò những viên chức thấp nhất, lương ít nhất.

(5) Úy là một chức quan võ; nội sử là một chức quan chuyên coi việc cai trị kinh thành.

(6) Nguyên văn: Quốc vô sự tác dĩ, Crump dịch là ngay cả khi nước bình yên cũng không nên để xảy ra như vậy.

Thần nghe rằng người xưa khéo trị nước, có quyền uy ở trong thì kiểm soát kẻ phụ tá, ở ngoài thì ban bố hiệu lệnh ra bốn cõi ⁽⁷⁾; chính trị không loạn không nghịch, sứ giả cứ theo đường thẳng mà đi, không dám làm khác ⁽⁸⁾ nay sứ giả của Thái hậu ⁽⁹⁾ làm chia rẽ các chư hầu, mà con dấu làm tin do Nhượng Hầu phát ra, thiên hạ đều công nhận; ông ta thao túng cái uy thế của một đại quốc, ép buộc trưng binh để đánh chư hầu khi chiến thắng, chiếm được đâu thì bao nhiêu cái lợi thu về đất Đào của ông ta cả. Tiền bạc tư lự vô hết trong kho Thái hậu, còn lợi trong nước thì chạy vào Hoa Dương cả. Cái mà cổ nhân gọi là cái đạo hại vua diệt nước, tất phải bắt đầu như vậy.

Ba vị quý nhân đó làm khánh kiệt quốc gia để tự củng cố cho mình thì mệnh lệnh làm sao còn do Đại Vương xuất phát được nữa? làm sao quyền không bị phân tán? Thế là quả thực Đại Vương chỉ giữ được một phần ba thôi! ⁽¹⁰⁾.

(7) Nguyên văn: kỳ uy nội phụ ngoại bố nhi trị. Nhiều nhà hiệu chính đã sửa chữ nhi thành chữ tử và bản thương vụ ấn thư quân cùng in là tử và chấm câu ở sau chữ phụ, chữ bố; còn Crump theo Huang Plei-lieh không rõ chữ Hán viết ra sao) chấm câu ở sau chữ phụ và chữ trị. Chúng tôi theo Crump.

1. Ý muốn nói rằng: sứ giả, vua sai đi đâu thì đi đó, không dám tự tiện, tự chuyên.
2. Theo nguyên văn: Kim Thái hậu sứ giả... Crump đổi là sứ giả của Nhượng Hầu và như vậy hợp với đoạn dưới hơn; nhưng ông cũng nhận rằng Thái hậu có thể có sứ riêng của bà được.
3. Nguyên văn: Thị vương quả xử tam phân chi nhất dã. Chữ "tam phân chi nhất" dùng e không được xác đáng.

11

ĐỪNG TẤN CÔNG ĐẤT MÀ NÊN TẤN CÔNG NGƯỜI (Tấn công Hàn)

Tần đánh Hàn, vây thành Hình⁽¹⁾. Phạm Tuy bảo Tần Chiêu Vương:

- Có kẻ tấn công người, có kẻ tấn công đất đai. Nhưng Hầu mười lần đánh Ngụy mà không làm hại được Ngụy, không phải là vì Tần yếu mà Ngụy mạnh chỉ vì Nhưng Hầu tấn công đất đai mà đất đai là cái mà bậc vua chúa rất quý. Nhân thân là kẻ vui vẻ chết vì vua chúa. Tấn công cái bậc vua chúa rất quý (tức đất đai), thì phải chiến đấu với những kẻ vui vẻ chết vì vua chúa, vì vậy mà mười lần đánh vẫn không thắng được.

Nay Đại Vương đánh Hàn, vây thành Hình, thân xin Đại Vương đừng riêng tấn công đất mà tấn công người của Hàn. Đại Vương đánh Hàn, vây thành Hình, xin cứ nói là tấn công Trương Nghi. Nếu quyền lực của Trương Nghi lớn, hẳn sẽ (thuyết vua Hàn) cắt đất để chuộc tội với Đại Vương: mấy lần cắt đất thì Hàn làm sao còn tồn tại được? Nếu quyền lực của Trương

(1) Hình là tên đất, nay ở tỉnh Sơn Tây.

- Truyện này nhiều người nghĩ là không đúng. Chúng Phương Niên bảo: "Bào Bưu đặt truyện này vào năm thứ 23 đời Tần Chiêu Vương và nhận xét rằng Trương Nghi đã chết 44 năm trước khi phạm Tuy làm tướng quốc, như vậy truyện tất sai rồi". Sử Ký Tư Mã Thiên cũng không bảo không phải Trương Nghi mà là một người khác.

Hứa Khiếu Thiên bảo Trương Nghi không hề làm tướng quốc nước Hàn.

Nghi yếu thì vua Hàn sẽ đuổi Trương Nghi đi mà dùng một kẻ không bằng Trương Nghi để thương thuyết với ta; như vậy Đại Vương đòi Hàn cái gì cũng được hết.

13

CÁC KẺ SĨ TRONG THIÊN HẠ TRANH NHAU ĂN

(Thiên hạ chi sĩ hợp tung)

Các kẻ sĩ trong thiên hạ theo chính sách hợp tung, hợp nhau ở Triệu, muốn đánh Tần. Tế tướng Tần là Ứng Hâu (tức Phạm Tuy), bảo vua Tần:

-Đại Vương đừng lo thần xin giải tán họ. Kẻ sĩ trong thiên hạ không có gì oán Tần, họ hợp nhau mà muốn đánh Tần là muốn phú quý đấy thôi. Đại Vương thấy bấy chớ của Đại Vương không ? Nằm thì cùng nằm, dậy thì cùng dậy, đi thì cùng đi, ngừng thì cùng ngừng, không cắn nhau. Nhưng ném cho chúng một khúc xương thì chúng vùng dậy và nhe nanh ra cắn nhau. Tại sao vậy ? Tại tranh ăn.

Vua Tần bèn sai Đường Tuy đem theo đội âm nhạc với năm ngàn nén vàng, lại đất Vũ An bày tiệc ăn uống. Bảo người Hàm Đan: Ai muốn vàng thì lại mà lấy, những mưu sĩ hợp tung tuy không phải ai cũng được tặng vàng, nhưng kẻ nào được tặng thì thân với Tần như thể anh em.

Phạm Tuy bảo Đường Tuy: “Ông muốn lập công cho Tần

thì đừng kể tới tiền nong, tiêu tiền cho hết thì công ông càng nhiều. Nay sai người lại đem năm ngàn nén vàng giao cho ông nữa”.

Đường Tuy bèn ra đi, tới Vũ An, tiêu hết tiền ba ngàn nén mà kẻ sĩ mưu hợp tung trong thiên hạ đã tranh nhau rồi.

17

THÁI TRẠCH THUYẾT PHẠM TUY (Thái Trạch kiến trực ư Triệu)

Thái Trạch ⁽¹⁾ bị đuổi ở Triệu, và Hàn, Ngụy, đi đường bị kẻ giật mất nồi bát.

Nghe tin Ứng Hầu, tể tướng nước Tần, dương thẹn thùng gì hai người, Ứng Hầu tiến cử, Trịnh An Bình và Vương Kê, đều bị trọng tội ⁽²⁾; bèn đi qua phía Tây, vô Tần. Trước khi yết kiến Chiêu Vương. Thái Trạch muốn chọc giận Ứng Hầu, sai người phao tin rằng: “Khách nước Yên là Thái Trạch là kẻ sĩ tuấn kiệt hùng biện, ông ấy mà yết kiến vua Tần thì thế nào vua Tần cũng dùng làm tể tướng, Phạm Tuy sẽ mất chức”.

(1) Thái Trạch là người nước Thái, lấy tên nước làm tên họ, sau qua nước Yên thành người nước Yên.

(2) Trịnh An Bình là người nước Trịnh, cùng tới Tần với Phạm Tuy, Vương Kê là quan của Tần. Lúc đó Trịnh An Bình đem quân đánh Triệu, thua tướng Ngụy là Vô Kỵ, rồi đem hai vạn quân đầu hàng Triệu; Vương Kê làm thái thú Hà Đông, tư thông với chư hầu, bị tội. Hai người đó đều do Phạm Tuy tiến cử. Theo pháp luật của Tần, người được tiến cử mà bị tội thì người tiến cử cũng bị chung tội.

Ứng Hầu nghe vậy, sai người vời Thái Trạch. Thái Trạch vô vái Ứng Hầu, Ứng Hầu vốn đã không vui, khi yết kiến Ứng Hầu, Thái Trạch lại có vẻ ngạo mạn. Ứng Hầu trách:

- Ông thường tuyên bố rằng sẽ thay tôi làm tể tướng nước Tần, phải vậy chăng ?

- Phải.

Ứng Hầu nói:

- Xin cho nghe vì lẽ gì.

Thái Trạch đáp:

- Ôi ! Sao ngài hiểu chậm thế! Bốn mùa thay phiên nhau, thành công rồi thì đi. Sống ở đời, chân tay khoẻ mạnh, tai mắt sáng suốt, thánh trí, có phải là sở nguyện của kẻ sĩ không ?

- Phải.

- Giữ vững nhân nghĩa, hành đạo, ban đức trong thiên hạ, thiên hạ vui vẻ kính yêu, mong được một bậc quân vương như vậy, đó chẳng phải là nguyện vọng của những biện sĩ thông minh ư ?

- Phải.

Thái Trạch nói tiếp:

- Phú quý hiển vinh, sử trị vạn vật, vạn vật đều mãn nguyện; được sống hết tuổi trời, không phải chết yếu. Thiên hạ nối giềng mối của mình, giữ sự nghiệp cho mình mà truyền hoài cho mãi đời sau. Danh tiếng hoàn toàn tốt đẹp, ơn huệ lưu đến ngàn đời, tiếng ca tụng không bao giờ tuyệt, khi nào thiên hạ

dứt thì mới dứt. Như vậy chẳng phải là cái biểu trưng của đạo, mà thánh nhân gọi là điềm lành, việc tốt đấy ư?

Ứng Hầu đáp:

- Phải:

- Còn như Thương Quân ở Tần, Ngô Khởi ⁽³⁾ ở Sở, đại phu Chung ⁽⁴⁾ ở Việt, chết đi như họ có nên không? Ứng Hầu biết rằng Thái Trạch muốn thuyết cho mình bí, nên hỏi vặn:

- Có gì là không nên? Công Tôn Ưởng thờ Hiếu Công, tận tâm không ai hơn, chỉ lo nhân nghĩa chứ không lo tư lợi, thưởng phạt theo đúng phép mà nước rất yên ổn, đem hết tài năng, tỏ hết tình trong trắng mà chịu lời oán trách, là lừa gạt bạn cũ để bắt sống Công Tử Cung của Ngụy ⁽⁵⁾; vì Tần mà bãi tướng, phá quân của địch, cướp đất ngàn dặm. Ngô Khởi thờ Điều Vương, không để việc riêng làm hại việc công, lời gièm pha không che lấp được lòng trung, ngôn hạnh nghiêm trang, không cầu hợp, làm việc nghĩa thì chẳng kể lời khen chê, nhất định làm cho Sở thành một nước bá chủ hùng cường, không từ tai họa. Quan Đại phu Chung thờ Việt Vương, vua gặp cảnh khốn nhục ⁽⁶⁾ mà vẫn giữ lòng trung, vua tuy mất nước mà hết lòng thờ chứ

(3) Ngô khởi là người nước Ngụy, bỏ Ngụy qua Sở, làm tướng quốc ở Sở, sau khi Điều Vương mất, các đại thần làm phản; bán chết Ngô Khởi.

(4) Đại phu Chung, họ Văn, tên Chung, tự là Tử Cẩm, làm đại phu thờ Việt Vương Câu Tiễn.

(5) Công tử Cung là con của Ngụy Huệ Vương, Tấn sai Thương Ưởng đánh Ngụy, Ngụy sai Công Tử Cung chống cự, cung vốn là bạn thân của Ưởng. Ưởng giết thư gạt Cung rồi bắt Cung.

(6) Crump dịch là tuy bị vua làm nhục. Các bản đều chép: chủ li khổ nhục. Nhà hiệu Nhật Bản Hoàng Điện Duy Hiếu bảo chữ li phải sửa là tuy.

không bỏ; công nhiều mà không khoe, giàu sang mà không kiêu ngạo sơ suất, ba ông đó điều là tận trung, tận nghĩa. Bậc quân tử sát thân thành danh, cứ theo đúng điều nghĩa dù có chết cũng không ân hận, như vậy có gì là không nên ?

Thái Trạch đáp:

- Vua mà thánh, bề tôi mà hiền là cái phúc của thiên hạ; vua mà sáng suốt, bề tôi mà trung thì là cái phúc của nước; cha mà từ, con mà hiếu, chồng mà trí, vợ mà trinh, thì là cái phúc của nhà. Tỉ can⁽⁷⁾ trung mà không bảo tồn được nhà Ân, Tử Tư⁽⁸⁾ trí mà không bảo tồn được nhà Ngô; Thân Sinh⁽⁹⁾ hiếu mà nước Tần loạn; như vậy có trung thần hiếu tử mà quốc gia bị diệt, loạn. Tại sao vậy? Tại không có bậc minh quân hiền phụ nghe lời những người đó, cho nên thiên hạ thương cho bọn bề tôi và con bị vua cha giết hoặc làm nhục đó. Còn đợi tới lúc chết rồi mới hiếu được lòng trung mà để danh ở đời (thì là vụng), cho nên Vi Tử⁽¹⁰⁾ không đáng gọi là nhân, Khổng Tử không đáng gọi là thánh mà Quán Trọng không đáng gọi là tài.

Ứng Hầu khen là phải. Được một lát, Thái Trạch lại hỏi:

- Người ta có thể nguyện làm được như Thương Quân, Ngô Khởi, quan đại phu Chung, làm bề tôi hết lòng, tận lực, nhưng Hoành Yêu⁽¹¹⁾ thờ Văn Vương, Chu Công giúp Thành Vương,

(7) Tỉ Can là chú vua Trụ, làm chức thiếu sư, can vua Trụ, vua Trụ giận sai mổ bụng.

(8) Tử Tư tức Ngũ Viên.

(9) Thân Sinh là con hoang của Hiến Công nước Tấn và nàng Tế Khương, sau bị nàng Li Cơ gièm pha với Hiến Công, bắt Thân Sinh phải tự tử.

(10) Vi Tử tên là Khải, là anh vua Trụ.

(11) Hoành Yêu được Chu Văn Vương coi là một trong bốn bạn thân của mình.

chẳng phải là trung ư? Lấy cái lẽ vua tôi mà bàn thì Thương Quân, Ngô Khởi, đại phu Chung với Hoàn Yên, Chu Công nên như người nào?

Ứng Hầu đáp:

- Thương Quân, Ngô Khởi, đại phu Chung không bằng hai ông kia.

- Vậy thì chúa công của ngài nhân từ và thân với trung thần, không gạt bạn cũ, so với Tần Hiếu Công, Sở Điệu Công, Việt Vương ai hơn ?

- Chưa biết được.

- Chúa công của ngài thân với trung thần không bằng Tần Hiếu Công, Sở Điệu Vương, Việt Vương; ngài vì chúa công của ngài mà trị loạn, trừ hoạn nạn, mở rộng đất để trồng trọt, làm cho quốc gia giàu có, chúa mạnh, uy quyền trùm hải nội, công lao tỏ rõ ra ngoài vạn dặm, nhưng không hơn được Thương Quân, Ngô Khởi, quan đại phu Chung. Mà tước vị bổng lộc của ngài cao, nhà riêng của ngài giàu hơn ba ông kia. Như vậy mà ngài chưa lui về, tôi trộm lo rằng nguy cho ngài đấy. Ngạn ngữ có câu: "Mặt trời tới đỉnh đầu rồi xế, mặt trăng tròn rồi thì khuyết". Vật thịnh rồi suy, đó là lẽ thường trong thiên hạ. Tiến thoái với đây, biến hoá đó là lẽ thường của thánh nhân.

Xưa kia Tề Hoàn Công chín lần hợp chư hầu, thu phục thiên hạ, tới khi hợp ở Qui Khâu ⁽¹²⁾, có vẻ kiêu căng, chín nước bèn

(12) Qui Khâu ở nước Tống nay thuộc tỉnh Hà Nam, nơi đó có dựng một cái đài để các chư hầu hội họp mà thế với nhau.

làm phản không phối hội. Ngô Vương là Phù Sai ⁽¹³⁾ vô địch trong thiên hạ, khinh chư hầu, xâm lấn Tề, Tấn mà rồi thân chết nước tan; Hạ Dục; Thái Sử Khải ⁽¹⁴⁾ la hét làm cho tam quân phải sợ mà thân chết vì kẻ thất phu. Những người đó đều là không biết đạo rút lui khi đã cực thịnh ⁽¹⁵⁾.

Thương Quân vì Hiếu Công chinh đốn cán cân quả cân, sửa lại độ lượng điều lý nặng nhẹ, chia sẻ đất ruộng bằng bờ thiên bờ mạch ⁽¹⁶⁾, dạy dân cấy cày, tập trận; cho nên dấy binh thì đất mở rộng thêm, hưu binh thì nước giàu thêm, mà Tần hoá ra vô địch trong thiên hạ, chư hầu phải sợ uy. Nhưng công thành mà bị xe ngựa phân thây.

Nước Sở, quân lính cầm kích có tới trăm vạn, Bạch Khởi đem vài vạn quân đánh nhau với Sở, một trận lấy được Yên, Dĩnh, một trận nữa đốt Di Lăng ⁽¹⁷⁾, Phía nam thôn tính Thục, Hán, lại vượt qua Hàn, Ngụy mà đánh nước Triệu hùng cường, phía bắc chôn sống Mã Phục, giết trên bốn chục vạn dân, máu chảy thành sông, tiếng nổi như sấm, giúp Tần dựng được nghiệp đế. Từ đó về sau, Triệu, Sở khiếp sợ, qui phục, không dám đánh Tần, là nhờ thế mạnh của Bạch Khởi. Một mình ông ta hạ được hơn bảy chục thành rồi mà phải tự đâm cổ ở Đỗ Bưu ⁽¹⁸⁾.

(13) Phù Sai là con vua Hạp Lư nước Ngô.

Hạ Dục không rõ là ai

(14) Thái Sử Khải là một dũng sĩ thời cổ. Có bản chép là Thái Sử Khiếu.

(15) Nguyên văn: thử giai thừa chí thịnh, bất cập đạo lí dã. Có sách bảo phải đổi chữ cập ra chữ phần hoặc chữ cận.

(16) Đường ruộng từ đông qua tây gọi là đường mạch, từ nam qua bắc gọi là đường thiên.

(17) Di Lăng là một nơi có lăng tẩm vua Sở, nay thuộc tỉnh Hồ Bắc.

(18) Đỗ Bưu nay ở Thiểm Tây.

Ngô Khởi giúp Sở Điệu Vương, truất kẻ vô tài, phế kẻ vô dụng, rút bớt những quan chức không cần thiết, bịt những lời xin xỏ ở nhà riêng, thống nhất phong tục nước Sở, phía nam đánh Dương Việt ⁽¹⁹⁾ Phía bắc thôn tính Trần, Thái, phá tan thế tung và thế hoành, khiến cho bọn biện sĩ không còn mở miệng được nữa; công thành rồi mà bị phân thân.

Đại phu Chung giúp Việt Vương khẩn hoang lập ấp, vỡ đất trồng lúa, đem sức quân tướng bốn phương đánh nước Ngô hùng cường mà lập nghiệp bá cho Việt, sau bị Câu Tiễn đập chết ⁽²⁰⁾.

Bốn ông đó công thành rồi mà không lui về nên mới bị như vậy, đó đúng như lời: “Duỗi mà không biết co, tiến mà không biết lui”. Phạm Lãi ⁽²¹⁾ biết lẽ đó, nên siêu nhiên tị thế, làm cho ông Chu ở huyện Đào mà được sống lâu.

Ngài có xem người ta đánh bạc không? Hoặc muốn đánh một canh bạc lớn, hoặc muốn chia làm nhiều canh bạc nhỏ, lẽ đó ngài đã biết rõ. Nay ngài làm tể tướng nước Tần, tính ngôi hoà không đời chiếu, từ chỗ lang miếu mà ức chế chư hầu, khai thác cái lợi đất Tam Xuyên để làm đầy kho ở Nghi Dương, thông đường hiểm trở Dương Trường, chặn cửa Thái Hàng, lại cắt đường của hai họ Phạm, Trung Hàng, mở đường sạn đạo⁽²²⁾ ngàn dặm, thông tới

(19) Dương Việt nay là miền Quảng Đông, Quảng Tây.

(20) Nguyên văn là phẩu (lấy gậy đập); có sách bảo nên đổi là kiệt (kep) hoặc bội (phản lại).

(21) Phạm Lãi vốn là người nước Sở, qua nước Việt, hết lòng giúp Việt Vương, Câu Tiễn để báo thù Ngô Vương Phù Sai; khi thành công, ông viết thư từ biệt vua Việt, tới huyện Đào đổi tên là Chu Công, buôn bán, làm ruộng, thành đại phú.

(22) Sạn đạo: nơi núi non hiểm trở, Phải bắc những cầu bằng cây gỗ để đi qua, đường đó gọi là sạn đạo.

đất Thục, Hán, khiến cho thiên hạ đều sợ Tần. Nhưng Tần đã được thoả mãn rồi, công của ngài đã tới cực điểm, nay là lúc Tần muốn chơi canh bạc nhỏ đây, như vậy mà ngài không lui về, thì sẽ như Thương Quân, Bạch khởi, Ngô Khởi đại phu Chung đấy.

Sao lúc này ngài không giao lại tướng ấn cho bậc hiền giả nhận lấy? Nên có đức liêm của Bá Di⁽²³⁾, được giữ hoài chức Ứng Hầu, đời đời xưng (cô)⁽²⁴⁾ mà thọ như Kiều, Tùng⁽²⁵⁾ ai mà hại người được? Sao, ngài lựa đường nào?

Ứng Hầu đáp: “phải” rồi mời Thái Trạch lên ngôi, đãi làm thượng khách. Ít ngày sau Ứng Hầu vô triều, tâu với Tần Chiêu Vương:

- Có người khách mới ở Sơn Đông qua, tên là Thái Trạch, vào bậc biện sĩ. Thần đã thấy rất nhiều người, không ai bằng ông ta, thần cũng không bằng.

Vua Tần vời Thái Trạch vô cung bàn luận, rất mừng phong làm khách khanh. Ứng Hầu cáo bệnh, xin trả tướng ấn. Chiêu Vương rán lưu lại, Ứng Hầu viện lẽ bệnh nặng, được từ chức.

(23) Bá Di là con vua nước Cô Trúc. Khi Văn Vương phạt Trụ Bá Di và Trúc Tế ra cản đầu ngựa, can: “Cha mới chết mà dấy binh thì không phải là hiếu; làm bé tôi mà đánh vua (tức Trụ) thì không phải là trung”. Vua Văn Vương không nghe, Bá Di, Trúc Tế, từ khi Văn Vương diệt Trụ rồi, không ăn thóc nhà Chu (tức thóc của Văn Vương), mà ở ẩn trong núi Thú Dương hái rau vi mà ăn.

(24) Phạm Tuy được phong chức hầu, nên được xưng là “cô”. Cô là tiếng nhũn, nghĩa như: “Kẻ ít đức này” mà bọn vương hầu thường dùng để tự xưng.

(25) Kiều, Tùng là hai sơn nhân thời cổ, tức Vương Tử Kiều thích thổi ống tiêu và Xích Tùng Tử, tiên ở núi Côn Lôn thời Thần Nông.

Chiêu Vương lại thích kế hoạch của Thái Trạch ⁽²⁶⁾, phong ông ta làm tể tướng. Khi Tần thu phục được nhà Chu ở phía đông, Thái Trạch còn làm tể tướng. Vài tháng sau, có người ghét ông ta, ông ta sợ bị vua giết cáo bệnh, trả lại tướng ấn được phong là Cương Thành quân, ở nước Tần trên mười năm, thờ Chiêu Vương, Hiếu Văn Vương, Trang Tương Vương, sau cùng thờ Thủy Hoàng Đế, vì Tần mà đi sứ qua Yên ba năm và Yên sai thái tử Đan qua làm con tin ở Tần.

(26) Vì trước đã thích kế hoạch của Phạm Tuy, nên đây dùng chữ lại.

Tần IV

VUA TẦN QUYẾT ĐỊNH CẮT ĐẤT

(Tam Quốc công Tần)

Ba nước (Tề, Hàn, Ngụy) đánh Tần, tới cửa Hàm Cốc. Vua Tần hỏi Lâu Hoãn ⁽¹⁾:

- Quân ba nước vô sâu quá rồi. Quả nhân muốn cắt đất Hà Đông ⁽²⁾ để giảng hoà.

Đáp:

- Cắt đất Hà Đông là điều thiệt thòi lớn, mà tránh được cái nạn của ba nước là điều lợi lớn. Đó là trách nhiệm của bậc cha anh ⁽³⁾ trong nước. Đại Vương sao không vời công tử Trì ⁽⁴⁾ mà hỏi ý kiến?

(1) Lâu Hoãn là người nước Triệu, làm tể tướng nước Tần. Vua Tần đây là Tần Chiêu Tương Vương.

(2) Hà Đông là tên đất, mới đầu thuộc Ngụy, sau về Tần nay ở tỉnh Sơn Tây.

(3) Ý nói: Việc đó phải do họ nhà vua quyết định.

(4) Công tử Trì tức là công tử Tha, sách Hán phi Tử gọi là công tử Tí (ba chữ trì, tha, tì hơi giống nhau).

Vua Tần vời công tử Trì lại hỏi, công tử Trì đáp:

- Giảng hoà cũng ân hận mà không giảng hoà cũng ân hận.
- Sao vậy?

Đại Vương cắt đất Hà Đông mà giảng hoà, quân ba nước lui rồi, Đại Vương tất bảo: “Tiếc quá! Quân ba nước lui rồi mà ta phải đem đất ba thành ⁽⁵⁾ tặng họ!”. Đó là giảng hoà mà ân hận. Còn như Đại Vương không giảng hoà, quân ba nước vào Hàm Cốc, Hàm Vương tất nguy, Đại Vương lại bảo: “Tiếc quá! mình quý đất ba thành mà không giảng hoà!” Đó là không giảng hoà mà cũng ân hận.

Vua Tần bảo:

- Đem hai cái ân hận mà so sánh, thà mất ba thành mà ân hận còn hơn là để cho Hàm Dương lâm nguy mà ân hận. Quả nhân quyết chí giảng hoà.

Rồi sai công tử Trì cắt ba thành để giảng hoà và ba nước lui binh.

(5) Ba thành là ba huyện của đất Hà Đông.

7

ĐỐN NHƯỢC THUYẾT VUA TẦN
(Tần Vương dụ kiến Đốn Nhược)

Vua Tần, muốn gặp Đốn Nhược ⁽¹⁾. Đốn Nhược nhắn: “Theo cái nghĩa tôi không chịu lạy, nếu nhà vua cho tôi khỏi lạy thì tôi vô ý kiến, nếu không thì thôi”. Vua Tần bằng lòng.

Như vậy, Đốn Nhược vô ý kiến, bảo:

- Trong thiên hạ có người có đủ thực và danh, có người có danh mà không có thực, lại có người danh thực đều không, Đại Vương hay điều đó không?

Vua Tần đáp:

- Không.

Đốn Tử nói:

- Có thực mà không có danh, tức như bọn con buôn không cước, không bữa mà có lúa chất đống, đó là có thực mà không có danh. Không có thực mà có danh tức như nông phu: tuyết mới tan mà phải cày, phơi lưng ra mà bữa, mà không có lúa chất đống, đó là có danh mà không có thực. Còn không danh không thực thì tức như Đại Vương. Làm vua một nước vạn thặng, mà không có “danh” là hiếu, cắt đất ngàn dặm để nuôi mẹ mà không có cái “thực” là hiếu.

(1) Vua Tần, đây sau khi cắt đất Trung Hoa rồi lên ngôi hiệu là Thủy Hoàng Đế - Đốn Nhược là người nước Tấn.

Vua Tần phật ý, nổi giận. Đốn Nhược bảo:

- Có sáu nước địch ở Sơn Đông, uy không bị khuất ở Sơn Đông mà bị khuất vì mẹ ⁽²⁾, tôi trộm nghĩ rằng Đại Vương không chịu vậy.

Vua Tần bảo:

- Có thể thôn tính các chư hầu Sơn Đông không ?

Đốn Tử đáp:

- Hàn là cái cuống họng của thiên hạ, Ngụy là cái bụng của thiên hạ. Đại Vương cho tôi vạn nén vàng đi chu du, tôi sẽ thuyết cho Hàn, Ngụy sáp nhập vào Tần mà thần phục Tần, như vậy là Hàn, Ngụy theo ta thì có thể lấy được thiên hạ.

Vua Tần bảo:

- Nước quả nhân nghèo, sợ không đủ để cấp số vàng đó.

Đốn Tử bảo:

- Thiên hạ không lúc nào là không biến, nếu không theo chính sách hợp tung thì theo chính sách liên hoành. Kế liên hoành mà thành thì nước Tần làm chủ thiên hạ, kế hợp tung mà thành thì Sở làm chủ thiên hạ. Tần làm chủ thiên hạ thì thiên hạ phải cung dưỡng, Sở làm chủ thiên hạ thì Đại Vương tuy có vạn nén vàng cũng không giữ làm của riêng được.

Vua Tần khen: Phải.

(2) Mẹ Tần Thủy Hoàng là nàng Hạ Cơ là vợ bé của Lữ Bất Vi; khi có mang với Lữ Bất Vi rồi về làm vợ Di Nhân, tức là bố Tần Thủy Hoàng. Sau mẹ Tần Thủy Hoàng vẫn tư thông với Lữ Bất Vi và một người khác nữa (Coi truyện Tần V 5).

Rồi cấp cho vạn giạt vàng, sai người đi qua phía đông du thuyết Hàn, Ngụy, Thục được tướng quốc và tướng lãnh của họ, phía bắc du thuyết Yên, Triệu mà giết Lý Mục ⁽³⁾. Vua Tề phải qua Tần triều phục, bốn nước kia không thi hành kế hợp tung nữa. Như vậy là nhờ công du thuyết của Đốn Tử.

8

HOÀNG YẾT THUYẾT VUA TẦN THÂN THIỆN VỚI SỞ

(Khoảnh Tương Vương nhị thập niên)

Đời Khoảnh Tương Vương ⁽¹⁾ năm thứ hai mươi, tướng Tần là Bạch Khởi hạ Tây Lăng ⁽²⁾ của Sở, một đội quân khác hạ Yên, Dĩnh, Di Lăng, đốt mộ các tiên vương, vua Sở phải dời lên đông bắc ở Trần Thành ⁽³⁾, Sở hoá ra suy nhược, bị Tần khinh. Lúc đó Bạch Khởi lại đem quân đánh. Nước Sở có người tên là Hoàng Yết ⁽⁴⁾, du học rộng hiểu nhiều, vua Tương Vương dùng làm biện sĩ, sai đi sứ ở Tần, thuyết Chiêu Vương như sau:

(3) Lý Mục là một danh tướng nước Triệu.

(1) Khoảnh Tương Vương, có sách chép là Dĩnh Tương Vương con Hoài Vương.

(2) Tây Lăng nay thuộc tỉnh Hồ Bắc.

(3) Trần Thành nay thuộc tỉnh Hà Nam.

(4) Hoàng Yết là hậu duệ của vua nước Hoàng, làm tướng quốc ở Sở, được phong Xuân Thân Quán.

- Trong thiên hạ không nước nào mạnh bằng Tấn với Sở. Nay nghe nói Đại Vương muốn đánh Sở, như vậy khác nào hai con cọp tranh nhau để cho loài chó ngựa ở ngoài hưởng lợi; tốt hơn là Đại Vương nên thân thiện với Sở, Thần xin giảng tại sao.

Thần nghe nói thịnh cực thì suy như hết hạ sang đông, chất cao quá thì đổ như chông quân cờ.

Nay đất của quý quốc gồm nửa thiên hạ, từ đông qua tây, từ khi có loài người đến nay, chưa có nước vạn thặng nào được như vậy. Luôn ba đời, đời các tiên đế Văn Vương, Trang Vương và đời Đại Vương chưa khuếch trương đất đai Tề để bẻ gãy cái lưng của các nước hợp tung ⁽⁵⁾, nay Đại Vương ba lần sai Thịnh Kiều giúp việc ở Hán, Thịnh Kiều ⁽⁶⁾ khiến cho Yên triều phục Tấn, thế là Đại Vương không dùng quân, không ra uy mà chiếm được đất trăm dặm. Đại Vương gọi là có tài. Đại Vương lại cử binh đánh Ngụy, chẹn cửa Đại Lương; chiếm Hà Nội, hạ đất Toan Tảo ⁽⁷⁾ của Yên, diệt hết dân đất Đào. Quân Sở, Yên, chạy hết, không dám đọ sức, công của Đại Vương quả là nhiều vậy.

Đại Vương nghỉ chinh chiến hai năm rồi lại đánh, lại chiếm Bồ, Diễn ⁽⁸⁾, Thủ Viên ⁽⁹⁾, để xâm lăng Nhân, Bình, Tiểu Hoàng,

(5) Hán, Ngụy về địa thế, ở vào khoảng sáu nước, cho nên gọi là cái lưng của các nước hợp tung.

(6) Thịnh Kiều là người nước Tấn.

(7) Toan Tảo tên đất, nay ở phía bắc huyện Diên Tân.

(8) Thành Bồ nay ở Trực Lệ - Thành Diễn nay ở Hà Nam.

(9) Thủ Viên, sau đổi là Trường Viên, nay ở Trực Lệ.

Tế Dương ⁽¹⁰⁾, Anh Thành ⁽¹¹⁾, mà Ngụy phải thần phục, Đại Vương lại cắt phía bắc Bộc, Ma ⁽¹²⁾ mà cho Yên, cắt cái lưng của Tề, Tần, cái xương sống của Sở, Ngụy; năm lần sáu nước họp binh mà không dám cứu nhau, cái uy của Đại Vương cũng đáng sợ thật. Nếu Đại Vương biết giữ cái công, cái uy đó, bớt cái lòng hiếu chiến đi mà nuôi cái lòng nhân nghĩa, để khỏi có hậu hoạn thì trong sử sách nào chỉ có tam vương với ngũ bá mà thôi đâu. Còn nếu như Đại Vương cậy dân chúng nhiều, binh giáp mạnh, đã huỷ cái uy của Ngụy rồi lại muốn dùng sức bắt bặc chúa trong thiên hạ phải thần phục mình thì thần lo rằng sẽ có hậu hoạn đấy.

Kinh Thi có câu: “Việc nào cũng có lúc khởi đầu mà ít việc chung cục mỹ mãn ⁽¹³⁾. Kinh Dịch nói: “Con hổ qua sông ướm cái đuôi” ⁽¹⁴⁾ đều là nói bước đầu thì dễ, lúc cuối thì khó. Sao biết được vậy? Họ Trí ngày xưa thấy cái lợi đánh Triệu mà không thấy cái hoạ Du Thứ ⁽¹⁵⁾; Ngô thấy cái lợi đánh Tề mà không thấy cái hại thua ở Can Trụ ⁽¹⁶⁾. Hai nước đó không phải là không lập công lớn, nhưng chỉ nghĩ đến cái thắng lợi buổi đầu mà chuốc lấy cái

(10) Nhân cũng gọi là Nhâm nay ở Sơn Đông. Tiểu Hoàng nay ở Hà Nam.

Bình nay ở huyện Trường Viên, Tế Dương nay ở Hà Nam.

(11) Anh Thành là tên đất, không rõ ở đâu.

(12) Bộc là sông Bộc, Ma là tên đất ở gần sông Bộc.

(13) Câu đó ở trong bài Đãng Chi, Thiên Đại Nhã.

(14) Câu đó trong quẻ Vị tế, ý nói con hổ không muốn cho ướm đuôi, cho nên khi chạy qua chỗ có nước thì vểnh đuôi lên, chỉ lúc nào không tránh được mới chịu ướm.

(15) Du Thứ là tên đất nay ở Sơn Tây, có thuyết nói Trí Bá thua ở đó, có thuyết nói Trí Bá chết ở đó.

(16) Can Trụ nay ở tỉnh Giang Tô, là nơi Ngô Vương tên là Phù Sai đâm cổ tự tử.

hoạ ở bước sau. Ngô tin Việt, bỏ Việt mà đánh Tề (17), đã thắng Tề ở Ngải Lăng, rồi sau bị Việt Vương bắt giết ở bến Tam Giang (18); họ Trí tin Hàn, Ngụy liên hợp với Hàn, Ngụy mà đánh Triệu, công hãm thành Tấn Dương, thấy được ngày thắng rồi mà Hàn, Ngụy phản bội, giết Trí Bá Dao ở trên Tạc Đài (19).

Nay Đại Vương ghét rằng Sở chưa bị diệt mà quên rằng Sở mà bị diệt thì Ngụy mạnh lên, thần vì Đại Vương lo tính, cho rằng không nên vậy. Kinh Thi nói: “Đại đội binh mã mà không mệt nhọc qua núi qua sông mà tới nơi xa”. Do câu đó mà xét thì nước Sở ở xa là nước giúp cho Tần mà lân bang của Tần mới là kẻ thù của Tần. Kinh Thi nói: “Lòng người khác giáo hoạt ra sao ta đoán được, như con thỏ nhảy qua nhảy lại, có lúc bị chó vồ” (20).

Nay Đại Vương giữa đường tin rằng Hàn, Ngụy thân thiện với Đại Vương, chính như Ngô tin Việt vậy. Thần nghe nói kẻ thù không thể khinh thị, thời không nên bỏ lỡ; thần lo rằng Hàn, Ngụy nhún lời, lo sợ mà thực là gạt đại quốc đây. Tại sao vậy? Là vì Đại Vương không có ơn mấy đời cho Hàn Ngụy mà cái oán nhiều đối với họ. Cha con anh em Hàn, Ngụy nối gót nhau mà chết ở Tần đã nhiều đời rồi. Quốc gia suy tàn, xã tắc huỷ hoại, tôn miếu đổ nát, bụng bị mổ, mép bị rạch, đầu thân

(17) Trỏ Ngô Vương Phù Sai và Việt Vương Câu Tiễn.

(18) Ngải Lăng tức Ngải Lăng Đình, nay ở tỉnh Sơn Đông. Tam Giang là ba con sông: Lâu, Tùng, Đông.

(19) Tạc Đài nay ở huyện Du Thứ, tỉnh Sơn Tây. Nơi đó, hồi xưa, người ta đào đất thành sông rồi lấy bùn đắp thành đài, nên có tên đó.

(20) Câu đó ở trong bài xảo ngôn, thiên tiểu Nhã.

chia lìa. Xương phơi trong bụi chằm, đầu cổ cứng đơ, ngó nhau trong cũi⁽²¹⁾, cha con già trẻ bị trói làm nô lệ, theo nhau trên đường. Quỷ thần không ai cúng kiếng, trăm họ không chỗ nương dựa để sống, họ hàng li tán, lưu vong làm thần, thiếp người ta khắp thiên hạ. Hàn - Ngụy mà không mất thì làm mối lo cho xã tắc nhà Tần. Nay Đại Vương đánh Sở, chẳng là thất sách ư?

Vả lại ngày Đại Vương đem quân đánh Sở thì xuất binh đường nào? Đại Vương mượn đường của các nước thù địch là Hàn, Ngụy chẳng? Nếu vậy thì ngày xuất binh là ngày Đại Vương lo rằng binh sẽ không trở về, tức đem binh mà tặng kẻ thù là Hàn - Ngụy vậy. Còn như Đại Vương không mượn đường của kẻ thù là Hàn, Ngụy thì tất phải đánh Tuỳ Dương, Hữu Nhương⁽²²⁾; Tuỳ Dương, Hữu Nhương là đất sông rộng, nước sâu, rừng núi, hang vực, không sản xuất được gì, dù có chiếm được cũng như không. Vậy là Đại Vương được cái danh là phá Sở mà không được cái thực là được đất.

Lại thêm, ngày mà Đại Vương đánh Sở, bốn nước⁽²³⁾ tất nổi cả lên đánh Đại Vương; Tần, Sở gặp binh họa không ngớt thì Ngụy xuất binh mà đánh đất Lưu, Phương Dư, Trất, Hồ Lăng, Năng, Tiêu, Tương⁽²⁴⁾ mà Tống tất mất nước. Tề đem quân

(21) Nguyên văn: tương vong ư cảnh, Diệp Ngọc Lân dịch là trong nước chỗ nào cũng thấy cảnh đó.

(22) Tuỳ Dương cũng gọi là Tỳ thủy, nay ở Hồ Bắc.

(23) Tức: Tề, Triệu, Hàn, Ngụy.

(24) Lưu nay là Giang Tô Phương Dư nay ở Sơn Đông, Hồ Lăng nay là Giang Tô. Trất nay ở Giang Huy. Năng nay ở Giang Tô, Tương nay ở An Huy. Tiêu nay ở Giang Tô. Những đất đó đều thuộc Tống.

xuống phương nam mà phía bắc sông Tứ ⁽²⁵⁾ tất bị chiếm. Đó đều là những đất bình nguyên màu mỡ, thông với bốn phía, mà Đại Vương nhường cho Tề, Ngụy tự ý chiếm lấy.

Thế là Đại Vương phá Sở để làm béo bở Hàn, Ngụy mà làm cho Tề mạnh lên. Hàn, Ngụy mạnh lên có thể đương sức với Tần được. Tề, phía nam chiếm được đất Tứ, phía đông nhờ có biển che chở, phía bắc nhờ vào sông Hoàng Hà mà không lo gì về sau nữa và trong thiên hạ không có nước nào mạnh hơn Tề, Tề Ngụy được đất phì nhiêu, mà khéo dùng quan lại thì chỉ một năm sau là dựng được nghiệp đế, nếu chưa được thì cũng có dư sức để ngăn chặn Đại Vương xưng đế.

Đất của Đại Vương rộng, dân của Đại Vương đông, binh giáp của Đại Vương mà xuất quân thì kết oán với Sở; hạ lệnh thì Hàn, Ngụy không nghe, bị họ khuất phục vì đem ngôi đế tặng cho Tề, thế là Đại Vương tính lầm rồi. Thần vì Đại Vương mưu tính thì không gì bằng thân thiện với Sở, Tần, Sở hợp làm một đánh Hàn thì Hàn tất phải phục tùng. Nước Đại Vương, chỗ vạt áo thì có Sơn Đông hiểm trở, chỗ đai lưng thì có Hoàng Hà uốn khúc, che chở; Hàn tất vì Tần mà dò xét tình hình chư hầu, như vậy Đại Vương đem mười vạn binh đóng ở Trịnh. Lương tất phải sợ. Các đất Hứa, Yên Lăng, Anh Thành, Thượng Thái⁽²⁶⁾. Triệu Lãng không qua lại với Ngụy được nữa. Như vậy thì Ngụy thành chư hầu của Tần.

(25) Sông Tứ, nay ở Sơn Đông. Phía bắc sông Tứ chỉ là nước Lỗ. Phía bắc sông Tứ tất dấy lên: nghĩa là Tề tất thôn tính nước Lỗ.

(26) Hứa Thành, Yên Lăng Thành, Thượng Thái đều là ở Hà Nam ngày nay.

Đại Vương mà thân thiện với Sở, hai nước vạn thặng ở trong cửa quan đều hàng phục ⁽²⁷⁾, biên giới của Tần và Tề tiếp nhau thì đất phía mặt của Tề ⁽²⁸⁾ có thể ngồi không mà có. Như vậy đất của Đại Vương thông hai biển ⁽²⁹⁾ từ đông qua tây cắt ngang thiên hạ. Thế là Yên, Triệu không có Tề, Sở; Tề, Sở không có Yên, Triệu; sau này Đại Vương có thể đem lễ nguy hại ra giảng cho Yên, Triệu phải sợ mà nắm được Tề, Sở. Bốn nước đó chẳng đợi bị đánh mà cũng qui phục Tần ⁽³⁰⁾.

(27) Câu này tối nghĩa, Nguyên văn: nhi quan nội nhị vạn thặng chi chủ. Chúng tôi dịch theo Diệp Ngọc Lân; như vậy thì hai nước vạn thặng đó chỉ có thể là Hàn, Ngụy nhưng Hàn, Ngụy ở ngoài, chứ sao lại ở trong cửa Hàm Cốc? Chúng tôi ngờ rằng có thể hiểu như vậy nữa: vua hai nước vạn thặng ở trong cửa Hàm Cốc tức là Tần và Sở, biên giới tiếp với Tề (vì Sở tiếp với Tề), thì đất phía tay mặt của Tề có thể ngồi không mà có.

(28) Đất phía tay mặt của Tề tức đất Bình Lục, nay ở Sơn Đông.

(29) Hai biển tức Đông Hải và Tây Hải. Tây Hải tức Thanh Hải.

(30) Bản Hứa Khiếu Thiên còn thêm hai hàng nữa mà các bản khác không có. Chúng tôi bỏ.

Tần V

5

LỮ BẤT VI BUÔN VUA (Bộc Dương nhân Lữ Bất Vi)

Người đất Bộc Dương tên là Lữ Bất Vi, buôn bán ở Hàm Đan, gặp công tử Tần là Dị Nhân ⁽¹⁾ làm con tin ở Triệu, về nhà hỏi cha:

- Làm ruộng thì lời gấp mấy?
- Gấp mười.
- Buôn bán châu ngọc thì lời gấp mấy ?
- Gấp trăm.
- Buôn vua để lập quốc thì lời gấp mấy ?
- Vô kể.

(1) Dị nhân sau lên ngôi Tần, hiệu là Trang Tương Vương.

- Nay tận lực lao khổ làm ruộng mà không được no cơm ấm áo; còn như lập vua dựng nước thì ơn huệ có thể lưu lại đời đời. Con xin đi làm việc đó.

Con vua Tần là Dị Nhân làm con tin ở Triệu, ở tại Liêu Thành, Lữ Bất Vi bèn tới đó, thuyết phục Dị Nhân:

- Tử Huệ ⁽²⁾ có địa vị nối ngôi, lại có mẹ được vua yêu: còn ông không có mẹ được vua yêu mà lại đem gởi ở một nước ngoài không biết lòng dạ ra sao. Ngày nào mà có sự bội ước giữa Tần và Triệu thì thân ông rẻ như đất bùn. Tôi khuyên ông nên xin về nước để sau này được ngôi Tần. Tôi xin vì ông mà vận động. Tần tất cho người đón ông về.

Rồi Lữ thuyết với em hoàng hậu nước Tần là Dương Tuyền Quân:

-Tội của ông đáng chết ! Ông hay không? kẻ môn hạ của ông thì không ai là không ở chức vị cao, còn kẻ môn hạ của thái tử thì không có người giàu sang; phủ của ông chứa châu bảo ngọc, tuấn mã của ông đầy chuồng ở phía ngoài, mỹ nữ của ông chật nhà ở phía sau. Tuổi của vua đã cao, ngày nào mà vua băng, thái tử lên ngôi, thì ông nguy như trứng để đầu đẩu ⁽³⁾ không thọ hơn loài hoa bông bụt ⁽⁴⁾ đâu. Tôi có một kế khiến cho ông giàu sang ngàn vạn năm, vững như núi Thái Sơn có bốn ngọn núi châu bốn bên, tuyệt nhiên không còn lo nguy vong nữa.

(2) Tử Huệ là anh cùng cha khác mẹ của Dị Nhân, mẹ Tử Huệ được vua Tần yêu.

(3) Nguyên văn là chúng chất cao.

(4) Nguyên văn là triều sinh, Tử Hải giải nghĩa là loài "mộc cần", tức loài bông bụt, nhưng cũng có người cho là một loại nấm rất mau tàn.

Dương Tuyền Quân đương ngôi trên chiếu, tụt xuống, hỏi kế đó ra sau, Bát Vi đáp:

- Tuổi vua năm nay đã cao ! Hoàng hậu không có con. Tử Huệ có địa vị nối ngôi, Sĩ Sương lại phụ tá; ngày nào vua băng, Tử Huệ lên ngôi, Sĩ Sương cầm quyền, thì cửa cung hoàng hậu tất ngập cỏ bông cỏ cáo. Công tử Dị Nhân là người hiền tài, bị bỏ ở nước Triệu, không còn mẹ ở trong nước, ngóng cổ nhìn về phương tây, chỉ mong được dịp về. Nếu hoàng hậu có xin vua mà lập làm thái tử thì công tử Dị Nhân không có nước mà hoá có nước, hoàng hậu không con mà hoá có con.

Dương Tuyền Quân bảo:

- Phải.

Rồi vô nói với hoàng hậu, Hoàng Hậu xin vua Triệu cho đón Dị Nhân về. Vua Triệu chưa cho đi.

Bát Vi tâu với vua Triệu:

- Công tử Dị Nhân là con cưng của vua Tần, không còn mẹ ở trong nước, nhưng hoàng hậu Tần muốn dựng làm con. Nếu Tần muốn diệt Triệu, không vì Đại Vương có công tử Dị Nhân mà diên trì kế hoạch, thì Đại Vương chỉ là ôm đứa con tin vô ích; nếu Triệu cho công tử Dị Nhân về nước để được lên ngôi, lại sai người long trọng đưa về thì công tử Dị Nhân không dám vong ơn bội hiếu với Tần. Vua Tần già rồi, một ngày kia mà mất, thì lúc đó dù Đại Vương có giữ Dị Nhân cũng không đủ để buộc mối tình của Tần.

Vua Triệu bèn cho Dị Nhân về nước.

Dị Nhân tới nơi, Bất Vi bảo ông ta bận y phục nước Sở mà yết kiến Thái hậu, Thái hậu thấy vậy rất vui lòng, khen là khôn ngoan, bảo: “Ta là người nước Sở”.

Và coi Dị Nhân là con, đổi tên là Sở.

Vua Tần bảo Dị Nhân đọc sách, Dị Nhân đáp:

- Thân từ nhỏ bị bỏ ở nước ngoài, không có quan sư phó dạy bảo, không được tập đọc.

Vua Tần thôi không bắt đọc nữa, nhưng giữ lại. Một lát sau, Dị Nhân tâu:

- Đại Vương đã từng dừng xe ở Triệu ⁽⁵⁾, kẻ hào kiệt ở Triệu biết rành Đại Vương không phải là ít. Nay Đại Vương trở về nước, họ đều hướng về phía Tây ⁽⁶⁾, ngóng Đại Vương. Đại Vương không sai một sứ giả tới uỷ lạo họ, thần sợ họ tất có lòng oán. Nên ra lệnh cho cửa ải ở biên giới đóng sớm mà mở trễ.

Vua Tần cho đó là phải, khen kế đó là lạ. Hoàng hậu khuyên vua lập Dị Nhân làm thái tử. Vua bèn vời tể tướng vô, ra lệnh rằng: “Con quả nhân không ai bằng Sở, ta lập nó làm thái tử”.

Công tử Sở lên ngôi rồi, dùng Lã Bất Vi làm tể tướng, gọi là Văn Tín Hầu, thực ấp được mười hai huyện Lam Điền. Hoàng Hậu được phong Hoa Dương thái hậu. Các nước chư hầu đều đem đất dâng Tần.

(5) Ý nói: Vua Tần đã có hối đã phải ở Triệu để làm con tin.

(6) Chỉ Tần.

6

CAM LA THUYẾT TRƯƠNG ĐƯỜNG VÀ VUA TRIỆU

(Văn Tín Hầu dục công Triệu)

Văn Tín hầu muốn đánh Triệu để mở rộng đất Hà gian ⁽¹⁾, sai Cương Thành quân Thái Trạch qua thờ vua Yên. Ba năm sau, thái tử Yên ⁽²⁾ qua làm con tin ở Tần, Văn Tín hầu nhân đó xin cho Trương Đường ⁽³⁾ làm tể tướng nước Yên, có ý muốn dụ Yên cùng với Tần đánh Triệu để mở rộng đất Hà Gian. Trương Đường từ chối đáp:

- Muốn qua Yên thì phải đi qua Triệu; người nước Triệu treo giải ai mà bắt được Đường tôi thì sẽ được thưởng trăm dặm đất ⁽⁴⁾.

Văn Tín hầu bỏ ra về, vẻ mặt không vui. Thiếu thứ tử ⁽⁵⁾ là Cam La hỏi.

- Sao quân hầu có vẻ không vui như vậy?

Văn Tín hầu đáp:

- Ta sai Cương Thành quân Thái Trạch qua thờ vua Yên ba năm, thái tử Yên đã vô Tần để làm con tin, nay tự ta tới xin Trương Khanh qua Yên làm tể tướng mà ông ta không chịu đi.

(1) Lúc đó Tần đã chiếm từ phía đông Thái hàng sơn tới sông Hoàng Hà. Hà gian đây chỉ miền ở sông Hoàng hà. Văn Tín hầu tức Lữ Bất Vi.

(2) Tức thái tử Đan.

(3) Trương Đường là người nước Tần.

(4) Trước Trương Đường do Tần Chiêu Vương sai qua đánh Triệu, bị Triệu oán, có ra bố cáo ai bắt được Trương Đường thì được thưởng trăm dặm đất.

(5) Một chức quan.

Cam La bảo:

- Thần xin đi thuyết ông ta.

Văn Tín quân mắng:

- Ta đích thân mời mà không được, người mời làm sao được?

Cam La đáp:

- Xưa Hạng Thác ⁽⁶⁾ mới bảy tuổi mà làm thầy Khổng Tử; nay tôi đã được mười hai tuổi rồi. Xin ông cứ thử cho tôi đi, chứ sao vội mắng tôi như vậy ?

Cam La yết kiến Trương Đường, hỏi:

- Công của ông với Vũ An Quân, ai hơn ?

Đường đáp:

- Vũ An Quân chiến thắng không biết bao nhiêu trận, phá thành chiếm ấp không biết bao nhiêu chỗ. Công của tôi không bằng công Vũ An Quân.

Cam La hỏi:

- Vậy là ông biết rõ rằng công ông không bằng công Vũ An Quân ư?

- Biết rõ.

Cam La lại hỏi:

- Ứng hầu với Văn Tín hầu, là tể tướng ở Tần, ai được khuyên dùng?

- Ứng hầu không được khuyên dùng bằng Văn tín Quân.

(6) Hạng Thác rất thông minh, bảy tuổi mà Khổng Tử phải phục là giỏi hơn mình. Cam La là cháu nội Cam Mậu.

- Vậy là ông biết rõ rằng Ứng hầu không được chuyên dùng bằng Văn Tín hầu ư?

Cam La lại hỏi:

- Ứng hầu muốn đánh Triệu, Vũ An quân không chịu (7) ra khỏi Hàm Dương bảy dặm (8), Ứng hầu bóp cổ Vũ An Quân cho chết. Nay Văn Tín hầu đích thân mời ông làm tể tướng nước Yên mà không chịu đi, tôi không biết ông sẽ chết ở nơi nào đây?

Đường đáp:

- Xin nghe lời em nhỏ này mà đi.

Ra lệnh cho lấy xe trong kho, lấy ngựa trong chuồng vàng lụa trong phủ. Ngày đi đã định (9), Cam La bảo Văn Tín hầu:

- Xin cho tôi mượn năm chiếc xe, tôi vì Trương Đường mà qua báo trước vua Triệu.

Cam La qua yết kiến vua Triệu, vua Triệu ra đón ở ngoài thành. Tâu với vua Triệu:

- Đại Vương nghe tin thái tử Đan ở nước Yên vô Tần làm con tin không ?

- Có.

- Nghe Trương Đường qua làm tướng quốc nước Yên không?

- Có.

(7) Tần Chiêu Vương đánh Sở không thắng, sai Vũ An Quân đi, Vũ An Quân không chịu, sau Tần Chiêu Vương lại sai Ứng Hầu dụ Vũ An Quân, Vũ An quân kháng kháng không chịu.

(8) Theo sử kí thì là mười dặm.

(9) Crump cho câu này là nói của Trương Đường và dịch là: "Bảo sửa soạn xe ngựa và tiền bạc ngày mai tôi đi".

- Thái tử Yên vô Tần, là Yên không gạt Tần; Trương Đường qua làm tướng quốc Yên là Tần không gạt Yên. Tần và Yên không gạt nhau mà đánh Triệu, Triệu tất nguy, Tần, Yên không gạt nhau, chỉ là muốn đánh Triệu để mở rộng đất Hà Gian chứ không có lẽ gì khác. Nay Đại Vương tặng thần năm thành để mở rộng đất Hà Gian thì thần xin Tần trả thái tử Yên về nước, khiến cho Tần giúp cho cường quốc là Triệu tấn công nhược quốc là Yên.

Vua Triệu lập tức cắt năm thành để mở rộng đất Hà Gian và Tần trả thái tử Yên về nước. Rồi Triệu đánh Yên, được ba mươi sáu huyện Thương Cốc, cắt mười một thành tặng Tần ⁽¹⁰⁾.

8

DIÊU CỐ ĐÁP VUA TẦN

(Tử quốc vi nhất)

Bốn nước (Yên, Triệu, Ngô, Sở) liên kết với nhau để tính đánh Tần. Vua Tần ⁽¹⁾ vời quần thần tân khách gồm sáu chục người để hỏi:

- Bốn nước liên kết với nhau để tính chiếm Tần, quả

(10) Crump dịch là "tặng một phần mười". Nguyên văn: "dữ Tần thập nhất". Theo sử kí thì là mười một thành.

(1) Tức Tần Thủy Hoàng sau này.

nhân bị áp bức trong triều mà trăm họ chia rẽ ở ngoài nước, làm sao bây giờ?

Quần thần làm thỉnh. Diêu Cố ⁽²⁾ đáp:

- Cố tôi xin đi sứ bốn nước để phá mưu của bọn họ mà dẹp được việc binh đao. Vua Tần bèn cho Diêu Cố trăm chiếc xe, ngàn cân vàng, lại ban mũ, áo và cây kiếm để đeo. Diêu Cố cáo từ, đi sứ, phá được mưu bốn nước, dẹp được việc binh đao, thân thiện với bốn nước, báo tin cho vua Tần hay, Vua Tần rất mừng. Cố được phong làm thiên hộ hầu, chức là thượng khanh.

Hàn phi ⁽³⁾ hay tin đó, tâu với vua Tần:

- Cố đem châu báu, phía nam đi sứ Kinh, Ngô, phía bắc đi sứ ở vùng Yên, Đại. Sau ba năm, tình giao thiệp với các nước vị tất đã thân mà châu báu ở trong nước thì không còn gì. Như vậy là Cố dùng quyền của Đại Vương, bảo vật của quốc gia mà tự kết giao với chư hầu, xin Đại Vương xét lại. Vả lại tên lính giữ cửa của nước Lương đó đã ăn cướp ở Lương; lại có lần làm bề tôi ở Triệu mà bị đuổi ⁽⁴⁾, rồi phải làm tên lính giữ cửa. Quân cướp lớn ở Lương, kẻ bề tôi bị đuổi ở Triệu mà đem bàn việc xã tắc với hán thì còn đâu cái phép nghiêm khắc đối với quần thần.

Vua Tần bèn vời Diêu Cố vô, hỏi:

(2) Diêu Cố là người nước Ngụy.

(3) Hàn Phi là công tử của nước Hàn, giỏi về chính trị, lúc đó quan giúp nước Tần.

(4) Diêu Cố hồi trước làm lính giữ cửa ở Lương, ăn cướp ở Lương rồi làm quan ở Triệu, sau bị đuổi, qua Tần.

- Ta nghe ông lấy tiền bạc của quả nhân mà kết giao với chư hầu, có vậy không?

- Có.

- Thế thì còn mặt mũi nào nhìn mặt quả nhân nữa?

- Tăng Sâm có hiếu với cha mẹ, thiên hạ ai cũng muốn có con là Tăng Sâm, Tử Tư trung với vua, vua trong thiên hạ ai cũng muốn có bề tôi là Tử Tư; con gái mà trinh tiết, khéo léo thì thiên hạ ai cũng muốn cưới về làm vợ. Nay Cổ tôi trung với Đại Vương mà Đại Vương không biết, bây giờ Cổ tôi không về thờ bốn nước kia thì còn đi đâu? Nếu Cổ tôi không trung với Đại Vương thì vua bốn nước kia còn dùng cái thân của Cổ này làm gì? Vua Kiệt nghe lời gièm pha mà giết lương tướng ⁽⁵⁾, Vua Trụ nghe lời gièm pha mà giết trung thần ⁽⁶⁾, rồi đến nỗi thân chết, nước mất nay Đại Vương nghe lời gièm pha thì không có bề tôi trung đâu”.

Vua Tần bảo:

- Ông đã làm tên lính coi cửa, làm tên cướp lớn ở Lương, làm bề tôi của Triệu mà bị đuổi.

Diêu Cổ đáp:

- Thái Công Vọng bị vợ đuổi ở Tề, làm tên đồ tể bỏ đi Triều Ca⁽⁷⁾, là kẻ bề tôi bị đuổi ở Tử Lương, người đất Cức Tân ghét không thêm mướn, nhưng vua Văn Vương tin dùng mà dựng nên nghiệp Vương; Quán Trọng là con buôn tham bĩ, là con người u uất bất đắc chí ở Nam Dương, làm tù nhân của Lỗ rồi được thả, vua Tề

(5) Vua Kiệt giết tướng giỏi là Quan Long Phùng.

(6) vua Trụ giết tôi trung là Tí Can.

(7) Thái Công Vọng, tức Lữ Thuỵ, là người nước Tề, nhà nghèo, bị vợ đuổi đi, có lúc bán thịt ở Triều Ca (Kinh đô của vua Trụ, nay ở Hà Nam).

Hoàn công tin dùng mà dựng được nghiệp bá ⁽⁸⁾; Bách Lí Hề là tên ăn xin ở đất Ngưu, Mậu công đem năm bộ da dê chuộc về, vua Tần Mục Công dùng làm tể tướng mà thống chế Tây Nhung ⁽⁹⁾; vua Tấn Văn Công dùng tên cướp ở Trung Sơn mà thắng ở thành Bộc ⁽¹⁰⁾; bốn kẻ sĩ đó đều xấu xa đê tiện, bị thiên hạ phỉ báng, mà bực mình chúa tin dùng là vì biết rằng có thể giúp mình lập công được. Còn như hạng Biện Thuỳ, Vụ Quang, Thân Đồ Dịch ⁽¹¹⁾, thì bực nhân chủ có dùng được họ không? cho nên bậc minh chủ dùng người thì không nệ người đó dơ bẩn, không quan tâm tới chỗ xấu của người đó, chỉ xét người đó có giúp được cho mình không, nhờ vậy mà bảo tồn được xã tắc. (Bọn có tài ấy) tuy người ngoài có kẻ phỉ báng thì cũng không nghe; còn kẻ có tiếng tăm là cao khiết, mà không có lấy một chút xiu công lao thì cũng không thưởng. Vì vậy mà quần thần không dám dùng cái danh hảo mà mong được vua thưởng.

Vua Tấn Khen:

- Phải

Rồi lại dùng Diêu Cổ mà giết Hàn Phi.

(8) Quản Trọng hồi nghèo đi buôn dầu với Bào Thúc, khi chia tiền thưởng ăn gian của bạn, sau qua nước Lỗ thờ công tử Cù, chống với công tử Tiểu Bạch của Tế; công tử Cù chết, vua Lỗ bắt giam Quản Trọng, nạp cho Tiểu Bạch, Tiểu Bạch tha tội cho Quản Trọng, tin dùng mà lập được nghiệp bá.

(9) Bách Lí Hề là người nước Ngưu, sau ăn xin ở Tế. Khi Tần diệt Ngưu, trốn nã Bách Lí Hề, Bách Lí Hề trốn qua đất Uyển, bị người nước Sở bắt được, Tần Mậu Công đem năm bộ da dê đổi, Tây Nhung là rợ phương bắc Trung Hoa.

(10) Tên cướp ở Trung Sơn... không rõ là ai.

Bộc thành nay ở tỉnh Sơn Đông.

(11) Biện Thuỳ, Vụ Quang, là hai người hiền đời vua Thang mà không chịu làm quan, Vua Thang giết vua Kiệt rồi, nhường ngôi cho hai ông đó, họ không chịu, trốn đi.

Thân Đồ Dịch là người đời Ân hay Chu, cũng rất thanh cao, chán nhân tình thế thái, gieo mình xuống dòng suối ở dưới chân núi.

CHƯƠNG III

Tề sách

Chu Vũ Vương (1134-1115) phong Thái công Vọng ở đất Tề, (đô ở Doanh Khâu nay thuộc tỉnh Sơn Đông, huyện Lâm Tri).

Thời Chiến Quốc, một bề tôi của Tề họ Điền chiếm ngôi vua.

Sau Tề thành một trong thất hùng.

Đất của Tề nay nằm một phần trên tỉnh Sơn Đông, một phần trên tỉnh Hà Bắc, phía Đông Nam giáp biển.

Cuối đời Chiến Quốc Tề bị Tần diệt.

Tề 1

3

NUỚC VỚI CÁ

(Tĩnh Quách quân tương thành tiết)

Tĩnh Quách quân ⁽¹⁾ muốn xây thành Tiết, trong số khách có nhiều người can ngăn. Tĩnh Quách quân ra lệnh cho người hầu hễ có khách nào muốn can ngăn thì đừng cho vô. Có người nước Tề xin rằng: “Cho tôi được nói ba tiếng thôi. Nếu tôi nói thêm một tiếng thì xin cứ lược tôi đi”.

Tĩnh Quách quân bèn cho vô. Ông khách tiến tới, nói:

- Biển cá lớn.

Rồi quay lưng chạy.

(1) Tĩnh Quách quân tức Diên Anh, được phong ở đất Tiết, muốn xây thành Tiết cho thật kiên cố. Tiết là một miền của Tề. Tại đó có tôn miếu của các vua Tề. Diên Anh chỉ nghĩ cách củng cố địa vị của mình mà không nghĩ đến nước Tề.

Bài này có chép trong thiên thuyết lâm hạ, bộ Hàn Phi Tử.

Tĩnh Quách quân gọi lại:

- Mời khách ở lại.

Khách đáp:

- Kẻ thô bỉ này không dám đùa với cái chết.

Tĩnh Quách quân bảo:

- Không sao. Cứ nói tiếp đi.

Đáp:

- Ngài không nghe nói loài cá lớn chẳng ? Lưới không bủa được nó, câu không kéo được nó, nhưng nếu nó xông xáo mà sa vào chỗ cạn thì con dế, con kiến có thể bu lại hành hạ nó. Nước Tề nay đối với ngài cũng như nước đối với con cá lớn đấy. Ngài còn nước Tề thì đất Tiết này có kể chi, nếu mất Tề thì dù có cất thành Tiết cao tới đặng trời cũng vô ích.

Tĩnh Quách quân khen:

- Phải.

Rồi dẹp việc xây thành Tiết.

5

TỀ MẠO BIỆN CỨU TRI KỈ

(Tĩnh Quách quân thiện Tề Mạo Biện)

Tĩnh Quách quân rất tương đắc với Tề Mạo Biện. Tề Mạo Biện có nhiều tật, người trong nhà Tĩnh Quách quân thấy vậy

không vui. Sĩ Úy vạch rõ những tội ấy, Tĩnh Quách quân không nghe, Sĩ Úy bèn cáo từ mà bỏ ra đi. Mạnh Thường quân ⁽¹⁾ cũng lựa lời cản ngăn, Tĩnh Quách quân nổi giận:

- Các người chết đi, đừng phá nhà ta. Nếu có thể ân hận vì Tề Mạo Biện thì ta cũng làm, chứ không từ.

Rồi cho Tề Mạo Biện ở phòng tốt nhất, sai con trưởng là Ngự sáng chiều hầu hạ cơm nước.

Được vài năm, Uy vương mất, Tuyên vương lên ngôi, Tĩnh Quách quân rất không được lòng Tuyên vương, từ chức mà lại về đất Tiết, cùng ở với Tề Mạo Biện. Không được bao lâu, Tề Mạo Biện từ tạ, xin đi để yết kiến Tuyên vương. Tĩnh Quách quân bảo:

- Nhà vua ghét anh này lắm, ông đi thì chắc chết đấy.

Tề Mạo Biện đáp:

- Tôi vốn không mong sống, xin cứ cho tôi đi.

Tĩnh Quách quân ngăn không được.

Tề Mạo Biện tới Tề, Tuyên Vương hay tin, nén giận mà đợi. Tề Mạo Biện vô yết kiến. Vua Tề hỏi:

- Ông là người của Tĩnh Quách quân yêu quý, nói gì cũng nghe, phải không ?

Tề Mạo Biện đáp:

- Yêu thì có mà nghe thì không. Hối Đại Vương còn là thái

(1) Mạnh Thường quân, tên là Điền Văn, con của Điền Anh, tức Tĩnh Quách quân.

tử, Biện tôi có bảo Tĩnh Quách quân rằng: “Thái tử có tướng bất nhân, má phị mà mắt húp như mắt heo, tướng đó là tướng phản bội, nên phế thái tử mà lập con bà Vệ Cơ, tên là Giao Sư”⁽²⁾. Tĩnh Quách quân khóc mà đáp: “Không nên, tôi không nhẫn tâm được”. Nếu nghe lời Biện tôi mà làm thì đâu có cái lo ngày nay? Đó là một chuyện, đến đất Tiết, Chiêu Vương ⁽³⁾ xin đem đất rộng gấp mấy lần đất Tiết để đổi lấy đất Tiết. Biện tôi lại khuyên: “Nên đổi đi”. Tĩnh Quách quân đáp: “Đất Tiết do tiên vương phong cho, bây giờ tuy bị hậu vương ⁽⁴⁾ ghét, chết đi (xuống âm phủ) tôi biết trả lời tiên vương ra sao? Vả lại miếu của tiên vương ở đất Tiết, tôi lẽ nào lại đem miếu của tiên vương mà giao cho Sở?” Lại không nghe Biện tôi nữa. Thế là hai chuyện.

Tuyên vương cảm động hiện ra nét mặt, bảo:

- Tĩnh Quách quân đối với quả nhân một lòng như vậy ư? Quả nhân nhỏ tuổi không được hay chuyện đó. Ông có thể vì quả nhân mà với Tĩnh Quách quân về triều không?

Tề Mạo Biện đáp:

- Xin vâng.

Tĩnh Quách quân bận áo của Uy Vương ban cho, đeo kiếm cũng của Uy vương ban: Tuyên vương thân hành ra đón ở ngoài

(2) Vệ Cơ là vợ thứ của Uy Vương.

Giao Sư là con Vệ Cơ, em của Tuyên Vương.

(3) Chiêu Vương là một vị tướng của Sở.

(4) Tiên Vương chỉ Uy Vương.

Hậu Vương chỉ Tuyên Vương, con của Uy Vương.

thành, trông thấy mà khóc. Tĩnh Quách quân tới, vua mời ông làm tướng quốc, Tĩnh Quách quân từ chức không được, phải nhận; được bảy ngày cáo bệnh, hết sức từ chức không được, ba ngày sau đành phải vâng lời vua. Lúc đó Tĩnh Quách quân đáng gọi là biết xét người. Biết xét người cho nên vì người bị chê bai mà vẫn không đổi ý. Còn Tề Mạo Biện kia tuy là thấp hèn mà vui vẻ sẵn sàng cứu được hoạn nạn cho người.

6

TỀ CỨU TRIỆU MÀ HẠI CẢ TRIỆU LẦN NGỤY (Hàm Đan chi nạn)

Khi Hàm Đan của (Triệu) bị (Ngụy) vây, Triệu cầu cứu với Tề. Điền Hẫu ⁽¹⁾ với các quan đại thần vô hỏi:

- Nên cứu hay không nên cứu Triệu ?

Trâu Tử ⁽²⁾ đáp:

- Đừng cứu là hơn. Đoàn Can Luân đáp:

- Không cứu thì không có lợi cho ta.

Điền Hẫu hỏi:

- Sao vậy?

- Nếu Ngụy chiếm Hàm Đan thì có lợi gì cho ta không?

(1) Điền hẫu tức Tế Uy vương.

(2) Tức Trâu Kị. Sử kí chép là Sô Kị.

- Phải.

Rồi Điền hầu ra lệnh cho quân đóng ở ngoài thành Hàm Đan.

Đoàn Can Luân bảo:

- Thần bàn về lợi và không lợi, nghĩa không phải vậy. Cứu Hàm Đan mà đóng quân ở ngoài thành như thế thì Triệu không mất mà Ngụy không bị thiệt chút gì. Cho nên không bằng đem quân xuống phía Nam tấn công Tương Lăng để cho Ngụy quân mệt mỏi. Hàm Đan bị chiếm mà quân Ngụy mệt mỏi, thì Triệu mất nước mà Ngụy suy yếu.

Điền hầu khen phải, rồi đem quân xuống phía Nam tấn công Tương Lăng. Bảy tháng sau Hàm Đan mất, Tề nhân Ngụy mệt mỏi đại phá quân Ngụy ở Quế Lăng.

8

CÔNG TÔN HÃN MÙA HẠI ĐIỀN KỊ

(Thành hầu Trâu Kị vi tể tướng)

Thành hầu là Trâu Kị làm tể tướng nước Tề, Điền Kị⁽¹⁾ làm tướng quân, hai người không vừa ý nhau, Công Tôn Hãn bảo Trâu Kị:

- Sao ông không bàn với vua đem quân đánh Ngụy? Thắng

(1) Điền Kị là tướng của Tề, có thuyết cho rằng Điền Kị chính là Trần Thần Tư.

thì do mưu kế của ông mà ông có thể được thưởng công; Không thắng thì là Điền Kị không chịu mạnh tiến mà tử chiến, như vậy là phạm quân pháp tất bị giết.

Trâu Kị cho là phải, thuyết với vua sai Điền Kị đánh Ngụy. Điền Kị ba lần đánh ba lần thắng, Trâu Kị cho Công Tôn Hãn hay. Công Tôn Hãn sai người cầm mười nén vàng ra chợ bói một quẻ, nói với thầy bói: “Tôi là người của ông Điền Kị đây. Chủ tôi ba lần đánh Ngụy, ba lần thắng, danh tiếng chấn động thiên hạ, nay muốn mưu đại sự, thầy bói cho một quẻ xem có tốt không?”

Thầy bói đi báo người đi coi bói. Họ khai hết trước mặt vua. Điền Kị phải bỏ nước trốn đi.

12

TRÂU KỊ KHUYÊN VUA TÊ NGHE LỜI CAN GIÁN (Trâu Kị tu bát xích)

Trâu Kị thân cao trên tám thước, dong mạo đẹp đẽ. Một buổi sáng bận áo đội mũ ngắm trong gương rồi hỏi vợ:

- Tôi với Từ Công ở phía bắc thành, ai đẹp hơn ai ?

Vợ đáp:

- Mình đẹp lắm, Từ Công sau bằng mình được !

Từ Công ở phía bắc thành là người nổi tiếng đẹp trai của nước Tê.

Kị không tin, lại hỏi người thiếp:

- Tôi với Từ Công, ai đẹp hơn ai ?

Người thiếp đáp:

- Từ Công làm sao đẹp bằng ông được !

Hôm sau có khách tới chơi, cùng ngồi đàm đạo. Kị hỏi khách:

- Tôi với Từ Công ai đẹp hơn ai ?

Khách đáp:

- Từ Công không đẹp bằng ông.

Hôm sau nữa, Từ Công tới chơi, Kị ngắm kỹ ông ta, tự cho mình không đẹp bằng, liếc ngó dung mạo mình trong gương lại càng thấy mình kém xa.

Đêm nằm suy nghĩ:

- Vợ lớn khen ta đẹp là tư vị với ta; vợ nhỏ khen ta đẹp là vì sợ ta; khách khen ta đẹp là vì muốn cầu cạnh ta.

Hôm sau vô triều, yết kiến Uy vương, tâu:

-Thần biết chắc không đẹp bằng Từ Công. Vợ lớn của thần tư vị thần, vợ nhỏ của thần sợ thần, khách của thần muốn cầu cạnh thần, cho nên đều khen thần là đẹp hơn Từ Công. Nay nước Tề vuông ngàn dặm, có tới một trăm hai chục thành, cung nữ và kẻ tả hữu trong cung có ai là không tư vị với Đại Vương, bề tôi ở triều đình có ai là không sợ Đại Vương; người trong bốn cõi có ai là không cầu cạnh Đại Vương. Xét vậy thì biết Đại Vương bị che lấp quá lắm rồi!

Uy vương đáp:

- Đúng.

Rồi hạ lệnh: “Quan lại và dân chúng ai chỉ trích thẳng vào mặt quả nhân một lỗi nào thì sẽ được thưởng hạng nhất; ai mà dâng thư can gián quả nhân thì được thưởng hạng nhì; ai mà chê bai, quả nhân ở chợ hoặc ở triều đình, mà đến tai quả nhân thì được thưởng hạng ba”.

Lệnh mới ban, quần thần tới can gián, cửa cung náo nhiệt như cảnh chợ; ít tháng sau, lời can gián giảm bớt, một năm sau, dù có muốn nói cũng không có gì để can gián.

Yên, Triệu, Hàn, Ngụy hay tin, đều lại triều kiến vua Tề. Như vậy là “chiến thắng ngay tại triều”.

16

TÔ TẦN THUYẾT VUA TỀ THEO HỢP TUNG (Tô Tần vị Triệu hợp tung)

Tô Tần thay vua Triệu, thuyết Tề Tuyên vương theo kế hoạch hợp tung

-Tề, phía nam có núi Thái Sơn, phía đông có núi Lang Nha, phía tây có sông Thành Hà, phía bắc có biển Bột Hải ⁽¹⁾, như vậy là một “nước có bốn bề hiểm trở”. Đất Tề rộng hai ngàn

(1) Lang Nha tên núi, nay ở tỉnh Sơn Đông.

Thành Hà ở phía Tây nước Tề, nước sâu và trong, nên có tên đó.

Bột Hải là một cái biển ở Sơn Đông.

dặm, binh lính được vài chục vạn, lúa chất như gò núi, chiến xa của Tề tốt, cùng với binh năm trước kia ⁽²⁾, tiến nhanh như tên, tấn công mạnh như sấm chớp, ào tới như mưa gió, như có chiến tranh thì cũng vọt vượt được núi Thái Sơn, cắt đứt được sông Thanh Hà, qua được biển Bột Hải. Bảy vạn nhà ở Lâm Tri, thần đón phủng chừng mỗi nhà ít nhất có đến ba người trai trẻ, vậy là cả thảy có ba bảy hai mươi mốt vạn. Không cần bắt lính ở các huyện xa, nội Lâm Tri cũng được hai mốt vạn rồi. Lâm Tri rất giàu và súc tích đầy đủ, không người dân nào là không thổi ống vu, gảy đàn sắt, đàn cầm, đàn trúc, chọi gà, đua chó, chơi trò lục kì ⁽³⁾, đá cầu. Đường Lâm Tri náo nhiệt, bánh xe qua lại sát nhau, người chen vai nhau, vạt áo tiếp nhau thành như bức màn, tay áo đưa lên thành bức rèm, mồ hôi vẩy ra thành mưa, nhà nào cũng đôn hậu, giàu có, người nào cũng có chí khí hiên ngang. Nhờ đức hiển minh của Đại Vương với sự cường thịnh của nước Tề nên không nước nào chống nổi Tề. Nay Tề quay về phía tây ⁽⁴⁾ mà thờ Tần, thần trộm vì Đại Vương mà lấy làm nhục.

Vả lại, Hàn, Ngụy sợ dĩ sợ Tần là vì biên giới tiếp với Tần, xuất binh mà đánh nhau thì chỉ trong mười ngày là cái cơ thắng bại, tồn vong quyết định được rồi. Hàn, Ngụy đánh mà thắng Tần thì binh cũng mất một nửa mà không giữ được biên

(2) Tức những nước: Triệu, Hàn, Ngụy, Yên, Sở.

(3) Một trò đánh cờ, mỗi bên dùng sáu quân cờ, một bên trắng, một bên đen.

(4) Vì Tần ở phía tây của Tề.

giới bốn bề; đánh mà không thắng thì tất là mất nước. Cho nên Hàn, Ngụy sợ việc chiến tranh với Tần mà đành thần phục Tần.

Tần mà đánh Tề, thì sự thế khác hẳn: phía sau có Hàn, Ngụy quấy rối, lại phải qua miền Dương Tấn ⁽⁵⁾ của Vệ, và miền Cang Phụ hiểm trở ⁽⁶⁾, đường hẹp, xe không tránh nhau được, ngựa không chạy hàng hai được, một trăm người giữ chỗ hiểm yếu thì ngàn người không qua được. Tần muốn vào sâu thì phải lấm lét như chó sói, coi chừng Hàn, Ngụy tập hậu. Vì vậy chỉ làm bộ giậm dọa, mà không dám tiến, và Tần không hại Tề được, lẽ đó minh bạch rồi.

Không xét kỹ cái thế của Tần không làm gì được Tề mà muốn quay về hướng tây thờ Tần, thế là quần thần nước Tề tính sai rồi. Nay, (kế hoạch của thần là làm cho) Tề không mang tiếng thờ Tần mà có cái thực lực của một cường quốc, thần xin Đại Vương thử lưu ý tới.

Vua Tề đáp:

- Quả nhân vụng tính, nay ông đem lời của vua Triệu ban bảo cho, quả nhân xin kính đem xã tắc để theo kế hoạch hợp tung.

(5) Dương Tấn vốn là đất của Vệ, nay ở tỉnh Sơn Đông.

(6) Cang Phụ là đất của Tề, nay cũng ở Sơn Đông.

TRƯƠNG NGHI THUYẾT VUA TÊ THEO LIÊN HOÀNH

(Trương Nghi vị Tần liên hoành)

Trương Nghi thay vua Tần thuyết vua Tề Mẫn vương theo kế hoạch liên hoành:

- Cường quốc trong thiên hạ, không nước nào hơn Tề; bậc đại thần, bậc cha anh đông đúc giàu có, vui vẻ, không nước nào hơn Tề. Nhưng Đại Vương đã tính sai, chỉ nghĩ đến việc nhất thời, không lo tới cái lợi vạn đại. Bọn theo kế hoạch hợp tung tất bảo Đại Vương rằng nước Tề, phía tây có nước Triệu hùng cường, phía nam có Hàn, Ngụy lại là một nước dựa vào bể. Đất rộng, dân đông, binh lính mạnh mẽ, dũng cảm, tuy có trăm nước Tần cũng không làm gì được Tề. Đại Vương nghe lời đó mà không xét cái thực tại. Bọn hợp tung liên kết với nhau thì không ai không cho hợp tung là nên. Nhưng thần nghe nói: Tề với Lỗ ba lần đánh nhau, Lỗ ba lần thắng, mà sau đó Lỗ hoá ra nguy vong, là vì tuy có cái danh là thắng mà thực tế thì là mất. Tại sao vậy? Là vì Tề lớn mà Lỗ nhỏ.

Nay Triệu so với Tần, thì cũng không khác gì Lỗ so với Tề. Tần, Triệu đánh nhau ở phía trên Hà Chương ⁽¹⁾, đánh hai lần, thắng Tần hai lần, đánh ở phía dưới Phiên Ngộ ⁽²⁾, đánh hai

(1) Hà Chương là tên con sông bắt nguồn từ Sơn Tây, chảy qua Hà Nam, Trực Lệ rồi rót vào Bột Hải.

(2) Phiên Ngộ thuộc về Triệu, nay ở Trực Lệ.

lần, thắng Tần hai lần. Nhưng sau bốn lần chiến thắng đó, Triệu mất vài chục vạn quân, chỉ còn giữ được đất Hàm Đan, thành thử tuy có cái danh là thắng Tần mà sự thực là nước bị tàn phá. Tại sao vậy? Là vì Tần mạnh mà Triệu yếu.

Nay Tần và Sở thông hôn với nhau ⁽³⁾ thành hai nước anh em. Hàn dâng đất Nghi Dương, Ngụy dâng đất Hà Ngoại ⁽⁴⁾. Triệu tới Mạnh Trì ⁽⁵⁾ để triều kiến vua Tần, lại cắt đất Hà Gian để thờ Tần. Nếu Đại Vương không thờ Tần, Tần sẽ xua Hàn, Ngụy đánh miền nam của Tề, thống suất hết binh mã của Triệu, qua Hà Quan mà tiến về Bác Quan ⁽⁶⁾: Lâm Trì, Tức Mặc ⁽⁷⁾ sẽ không còn là đất của Đại Vương nữa khi mà quý quốc bị công phá thì dù có muốn thờ Tần cũng không được nữa. Cho nên thần xin Đại Vương nghĩ kỹ lại.

Vua Tề đáp:

- Tề là nước hẻo lánh, thô lậu ở trên bờ Đông Hải, chưa được nghe cái lợi lâu dài cho xã tắc. Nay quý khách vui lòng lại chỉ bảo cho, xin đem xã tắc để thờ Tần.

Rồi đem một miền ba trăm dặm có nhiều lợi cá và muối mà dâng Tần.

(3) Trương Nghi có nói với Sở Hoài Vương nếu liên kết với Tần thì sẽ tâu với vua Tần gả con gái cho Sở Hoài vương.

(4) Hà Ngoại chỉ miền phía nam sông Hoàng Hà.

(5) Mạnh Trì là tên thành, nay ở Hà Nam.

(6) Hà Quan là miền Thanh Hà. Bác Quan nay ở Sơn Đông. Có sách chép là Doãn Quan.

(7) Tức Mặc là đất của Tề, nay ở Sơn Đông.

Tê II

2

TRƯƠNG NGHI LẬP MÙI ĐỂ ĐƯỢC VŨ VƯƠNG TIN DÙNG

(Trương Nghi sự Tần Huệ vương)

Trương Nghi thờ Tần Huệ vương. Huệ vương mất. Vũ vương lên ngôi. Kẻ tả hữu của Vũ vương ghét Trương Nghi, tâu với Vũ vương:

- Nghi thờ tiên vương mà không trung...

Nói chưa hết câu thì sứ giả của Tê cũng vừa tới để trách Vũ vương sao dùng Trương Nghi làm tể tướng. Trương Nghi nghe được, bảo Vũ vương:

- Nghi tôi có một kế ngu, xin dâng Đại Vương.

- Vũ vương hỏi:

- Kế ra sao ?

Đáp:

- *Tính việc xã tắc, thì có gây đại biến ở phía đông* ⁽¹⁾, Đại Vương mới có cơ hội cắt được nhiều đất. Nay vua Tề (Mẫn Vương) rất ghét Nghi tôi, Nghi tôi ở đâu thì tất đem binh đánh đó, cho nên Nghi tôi xin đem cái thân bất tài này qua Lương ⁽²⁾, như vậy Tề tất đem quân đánh Lương. Quân Tề và quân Lương cầm chân nhau ở dưới thành, Đại Vương thừa lúc đó đánh Hàn, vô đất Tam Xuyên, đem binh ra khỏi ải Hàm Cốc, chẳng cần đánh cũng chiếm được Chu, chở hết đồ tế tự, bắt được thiên tử, lấy bản đồ cùng sổ sách, thế là thành nghiệp đế vương.

Vua Tấn khen hay. Rồi sửa soạn cho ba chục binh xa để Trương Nghi qua Lương.

Tề quả nhiên đem binh đánh Lương, vua Lương lo sợ. Trương Nghi bảo:

- Xin Đại Vương đừng lo, tôi có kế làm cho Tề phải lui binh.

Rồi sai một người tay chân tên là Phùng Hỉ qua Sở, rồi từ Sở qua Tề. Xong công việc Tề, Sở rồi, Phùng Hỉ nhân cơ hội, báo vua Tề:

- Đại Vương rất ghét Nghi, nhưng (chính) Đại Vương đã uỷ thác Nghi cho vua Tấn một cách thực là trọng hậu.

(1) *Phía đông chỉ lục quốc, đều ở phía đông Hào Sơn của Tấn.*

(2) *Lương (hoặc Đại Lương) là kinh đô của Ngụy; vì vậy cũng có chỗ Lương chỉ Ngụy.*

Vua Tề hỏi:

- Quả nhân rất ghét Nghi, Nghi ở đâu thì quả nhân đem quân đánh đó, vậy thì sao lại bảo là quả nhân uỷ thác Nghi cho vua Tần.

Đáp:

- Chính vậy là uỷ thác Nghi đấy. Khi Nghi ra khỏi Tần, có hứa với vua Tần rằng: “Mưu tính giúp Đại Vương thì có gây biến ở phía đông, Đại Vương mới có cơ hội cắt được nhiều đất. Vua Tề rất ghét Nghi tôi, Nghi tôi ở đâu thì tất đem quân đánh đó; cho nên Nghi tôi xin đem cái thân bất tài này qua Lương, như vậy Tề tất đem quân đánh Lương. Quân Tề và quân Lương cầm chân nhau ở dưới thành, không dám nghỉ ngơi, Đại Vương thừa lúc đó đánh Hàn, vô đất Tam Xuyên, đem quân ra khỏi Hàm Cốc, chẳng cần đánh cũng chiếm được Chu, chở hết đồ tế tự, bắt được thiên tử, lấy bản đồ cùng sổ sách, thế là thành nghiệp đế vương. Vua Tần cho kế đó là phải, sửa soạn cho ba chục binh xa để Nghi qua Lương, quả nhiên Tề đánh Lương. Thế là Đại Vương ở trong tự làm cho mình suy nhược mà đánh nước liên kết với mình, mở rộng đất của nước giáp ranh với mình để tự hại mình, mà làm cho Nghi được vua Tần càng tin. Vì vậy thần bảo rằng Đại Vương uỷ thác Nghi cho vua Tần.

Vua Tề bảo: Phải.

Rồi thôi không đánh Lương nữa.

4

VẼ RẮN THÊM CHÂN

(Chiêu Dương vị Sở phạt Ngụy)

Chiêu Dương ⁽¹⁾ vì Sở mà đánh Ngụy, phá quân giết tướng, chiếm được tám thành, rồi chuyển quân qua đánh Tề. Trần Chấn do vua Tề (Mẫn Vương) sai qua yết kiến Chiêu Dương, lạy Chiêu Dương hai lạy, mừng Chiêu Dương đã chiến thắng Ngụy, rồi đứng dậy hỏi về pháp lệ của Sở.

- Phá quân giết tướng thì được chức tước gì?

Chiêu Dương đáp:

- Chức thì là Thượng trụ quốc, tước thì là Thượng chấp khuê⁽²⁾.

- Cao sang hơn chức đó là chức gì ?

- Chỉ có chức Lệnh doãn ⁽³⁾ mà thôi:

Trần Chấn bảo :

- Chức lệnh doãn sang thật, nhưng vua Sở không đặt hai chức lệnh doãn. Tôi xin trộm đưa tỉ dụ này để ông hiểu. Ở Sở có người cúng giỗ xong rồi cho bọn người nhà một chai rượu. Bọn người nhà bảo nhau: "Mấy người uống thì không đủ, một người uống thì dư. Bây giờ đây, chúng ta vẽ một con rắn trên

(1) Chiêu Dương là tướng tin cậy của Sở Hoài Vương.

(2) Thượng chấp khuê: Thời xưa những quan lớn vô triều, tay cầm một phiến ngọc trên nhọn dưới vuông, gọi là ngọc khuê.

(3) Lệnh doãn là chức thượng khanh của Sở.

đất, ai vẽ xong trước thì được uống”. Một người vẽ xong trước, lấy rượu uống, tay trái cầm chén, tay phải vẽ thêm vào hình con rắn, bảo: “Tôi có thể vẽ thêm chân cho nó”. Vẽ chưa xong thì một người khác đã vẽ xong rắn, giật lấy chén rượu, bảo: “Rắn vốn không có chân, sao anh lại vẽ chân cho nó ? “Rồi uống hết chén rượu, thế là người vẽ rắn thêm chân kia mất uống. Nay ông giúp Sở mà đánh Ngụy, phá quân, giết tướng, được tám thành mà quân lính không suy nhược; ông lại muốn đánh Tề, Tề sợ ông lắm, vì vậy danh ông vang lừng, như vậy là đủ rồi, còn chức không thể cao hơn được nữa. Ông cầm quân lần nào cũng thắng mà không biết ngừng lại, tới khi thân chết rồi, tức về người sau, thì có khác gì vẽ rắn thêm chân không?

Chiêu Dương cho là phải lui binh về.

7

TÔ TÂN THUYẾT VUA TỀ GIÚP TRIỆU

(Tấn công Triệu Trường Bình)

Tân đánh Triệu ở Trường Bình. Tề, Sở cứu Triệu. Vua Tân nghĩ: “Tề, Sở cứu Triệu, nếu họ đoàn kết với nhau thì mình lui binh, không thì mình đánh”.

Triệu thiếu lương thực, xin Tề giúp lúa, Tề không chịu, Tô Tân bảo vua Tề:

- Nên giúp đi để lui binh của Tân, không giúp thì binh Tân không lui. Như vậy là Tân mưu tính đúng, mà Tề, Yên mưu

tính sai. Vả lại Triệu đối với Yên, Tề, được hai nước đó che cho như răng có môi, môi hở thì răng lạnh. Hôm nay mà mất Triệu thì ngày mai tới phiên Tề, Sở. Lại thêm cái việc cứu Triệu phải cẩn thận như việc bưng cái vò nứt, tưới cái nồi nóng. Cứu Triệu là một việc nghĩa cao thượng, lui được binh Tần là có tiếng tăm rõ ràng. Được cái ân nghĩa là cứu Triệu khỏi mất nước, và cái uy danh là lui được binh Tần, không lo việc đó mà chỉ nghĩ tiếc lúa thì là tính sai việc nước.

Tê III

1

MÙU MÔ TÔ TẦN

(Sở vương tử)

Vua Sở (Hoài vương) mất, thái tử (Hoành) làm con tin ở Tê. Tô Tần bảo Tiết công:

- Sao ông không giữ thái tử lại để chiếm lấy phía đông của Sở?

Tiết công đáp:

- Không nên. Ta mà giữ thái tử lại, đất Dĩnh Trung ⁽¹⁾ lập vua khác thì ta có con tin cũng như không, mà lại mang tiếng làm điều bất nghĩa trong thiên hạ.

Tô Tần ⁽²⁾ bảo:

- Không phải vậy. Đất Dĩnh Trung mà lập vua khác thì ông sẽ bảo vua mới: "Tặng tôi miền phía đông, tôi sẽ vì Đại Vương

(1) Tức nước Sở.

(2) Chắc lắm, Tô Tần lúc này đã mất rồi. Nghi là Tô Đại, tức em Tô Tấn, hoặc Tô Lệ.

mà giết thái tử; nếu không thì tôi sẽ đem binh ba nước ⁽³⁾ qua Sở mà cùng lập thái tử lên ngôi". Như vậy, Sở tất nghe mà ta chiếm được phía đông của Sở (miền giáp giới Tề).

Mưu đó của Tô Tần: 1 - có thể giúp Tô Tần xin (Tiết công) đi được; 2 - có thể khiến cho vua Sở phải vội vàng đem tặng (Tề) miền phía đông; 3 - có thể giúp Tề cắt thêm đất của Sở; 4 - có thể làm thái tử trung với Tề mà khiến Sở cắt thêm đất cho Tề; 5 - có thể vì vua Sở đuổi gấp thái tử; 6 - có thể làm cho thái tử trung thành và phải trốn đi gấp; 7 - có thể làm cho người nói xấu Tô Tần với Tiết công; 8 - có thể làm cho Tô Tần được phong ở Sở; 9 - có thể khiến người thuyết Tiết công nên thân thiện với Tô Tần; 10 - lại có thể khiến cho Tô Tần tự biện hộ với Tiết công ^(*) (Là vì như sau):

1. - Tô Tần bảo Tiết công:

- Tôi nghe nói mưu mà tiết lậu thì việc tất hỏng, tính toán rồi mà không quyết thì hành thì danh không thành. Nay ông giữ thái tử lại để bắt chẹt Sở phải tặng phía đông của Sở nếu Sở không gấp tặng phía đông thì là Sở tính thay đổi kế hoạch; thay đổi kế hoạch thì ông tuy giữ con tin cũng như không, mà lại mang tiếng với thiên hạ.

- Phải. Vậy làm cách nào bây giờ ?

- Tôi xin vì ông mà qua Sở. Khiến Sở phải vội đem dâng đất các nước phía đông. Sở mà chịu tặng thì mưu kế của ông không thể nào thất bại được.

(3) Tức Tấn, Hàn, Ngụy.

(*) Đoạn này chúng tôi đánh số thêm, chữ trong nguyên văn không đánh số.

- Phải

Rồi sau Tô Tần qua Sở.

Vì vậy mà bảo rằng: “Mưu mô Tô Tần giúp cho Tô Tần có thể xin Tiết công đi được”.

2. - Tới Sở, Tô Tần bảo vua Sở ⁽⁴⁾:

-Tề muốn suy tôn thái tử mà lập làm vua Sở. Tôi xét ra thì Tiết công giữ thái tử lại là để bắt Sở phải tặng Tề miền phía đông. Nay Đại Vương không gấp tặng Tề miền phía đông thì thái tử sẽ tặng Tề một số đất gấp bội đất Đại Vương tặng để Tề suy tôn mình lên làm vua Sở.

Vì vậy mà bảo rằng: “Mưu của Tô Tần khiến cho vua Sở phải vội đem tặng miền phía đông”.

3. - Tô Tần về Tề, bảo Tiết công:

- Sở ở vào cái thế phải cắt nhiều đất cho ta.

Tiết công hỏi:

- Sao vậy ?

- Xin ông cho thái tử hay đầu đuôi mọi sự, khiến cho thái tử thưa với vua để tỏ lòng trung ⁽⁵⁾ với ông. Rồi cho Sở hay việc đó, thế là Sở phải cắt thêm đất cho Tề.

Vì vậy mà bảo rằng: “Mưu của Tô Tần có thể giúp cho Tề cắt thêm đất của Sở”.

(4) Vua Sở đã chết mà chưa lập vua mới thì vua nào đây ?

(5) Crump dịch là: bảo thái tử rằng ông muốn thêm đất và bắt thái tử thưa với vua rằng thái tử muốn vậy để tỏ lòng trung...

- Tề ủng hộ thái tử mà muốn lập thái tử làm vua, vua Sở xin cắt đất để giữ thái tử; Tề chê cắt đất ít, thái tử sao không cắt đất gấp bội để tặng Tề ? Như vậy Tề tất ủng hộ thái tử.

Thái tử đáp: Phải. Rồi cắt gấp bội đất Sở để cho Tề rộng thêm (6).

Vua Sở nghe tin, dâm lo, lại cắt thêm đất để dâng Tề, mà vẫn còn sợ việc không thành.

Vì vậy mà bảo rằng: “Mưu của Tô Tần khiến cho Sở tặng thêm đất cho Tề”.

5. - Rồi Tô Tần lại bảo Sở:

- Tề sở dĩ dám đòi cắt nhiều đất như vậy là vì nắm được thái tử; nay Tề đã được đất rồi mà vẫn không ngừng là vì dùng thái tử để mặc cả với Đại Vương. Tôi có thể làm cho thái tử phải đi. Thái tử mà đi thì Tề không còn nói gì được nữa, tất không còn đòi Đại Vương cắt thêm đất nữa. Sau đó, Đại Vương nên qua đất Tề mà kết giao, Tề tất chịu, như vậy là Đại Vương đuổi được kẻ thù mà kết thân được với Tề.

Vua Sở rất mừng, đáp: xin đem nước mà theo kế ông. Vì vậy mà bảo rằng: Mưu của Tô Tần có thể vì vua Sở đuổi gấp thái tử”.

6. - Rồi Tô Tần lại bảo thái tử:

- (Hiện nay) người có quyền tài chế Sở là vua Sở. Còn thái tử chỉ có cái danh mà không có thực, Tề dùng để bắt chẹt Sở

(6) Crump dịch thêm: và vẫn ở lại Tề.

thôi. Tề chưa chắc là tin lời thái tử mà Sở tặng Tề gì thì cái đó thấy rõ. Sở mà kết giao với Tề được thì thái tử tất nguy ! Xin thái tử tính đi.

Thái tử đáp:

Xin nhận lệnh ông.

Rồi cho đánh xe, đi ngay tối hôm đó.

Vì vậy mà bảo rằng: “Mưu của Tô Tần có thể làm cho thái tử trốn đi gấp”.

7. - Tô Tần sai người nói với Tiết công:

- Người khuyên ông giữ thái tử lại là Tô Tần. Tô Tần không thành tâm vì ông đâu, mà làm lợi cho Sở đấy. Tô Tần sợ ông hay điều đó, cho nên bắt Sở cắt nhiều đất để xoá hết dấu vết đi (để ông khỏi nghi). Nay khuyên thái tử đi, cũng lại là Tô Tần nữa mà ông không hay. Tôi trộm vì ông mà lấy làm ngờ.

Tiết công rất giận Tô Tần.

Vì vậy mà bảo rằng : “Mưu của Tô Tần có thể làm cho có người nói xấu Tô Tần với Tiết công”.

8. - Tô Tần lại sai người nói với vua Sở:

- Người khiến cho Tiết công giữ thái tử lại là Tô Tần, ủng hộ Đại Vương lên thay thái tử ở Sở cũng lại là Tô Tần; bày mưu cắt đất để chặt Sở với Tề, cũng lại là Tô Tần, trung với Đại Vương mà làm cho thái tử phải ra đi, cũng lại là Tô Tần. Nay người ta nói xấu Tô Tần với Tiết công, trách Tô Tần là bạc bẽo với Tề mà đôn hậu với Sở. Xin tâu Đại Vương hay điều đó.

Vua Sở đáp:

- Xin nhận lệnh ông.

Rồi phong cho Tô Tần làm Vũ Trinh quân ⁽⁷⁾.

Vì vậy mà bảo rằng: “mưu của Tô Tần làm cho Tô Tần được phong ở Sở”.

9. - Tô Tần lại sai Cảnh Lí ⁽⁸⁾ nói với Tiết công:

- Ông sở dĩ được kính trọng trong thiên hạ, là nhờ thu phục được nhiều kẻ sĩ trong thiên hạ mà có quyền lớn ở Tề. Nay Tô Tần là bậc biện sĩ trong thiên hạ, ít có người tài như ông ta. Ông không trọng Tô Tần thì là bao vây, ngăn lấp kẻ sĩ trong thiên hạ, không có lợi cho con đường tiến ngôn của kẻ sĩ. Như vậy có kẻ không phục ông mà suy tôn Tô Tần, và thế của ông nguy mất. Nay Tô Tần được vua Sở trọng mà ông không sớm thân với Tô Tần thì ông thành kẻ thù của Sở. Cho nên ông nên thân với Tô Tần, quý trọng ông ta, như vậy là được nước Sở. Nhờ vậy mà tiết công lại quý trọng Tô Tần.

Vì vậy mà bảo rằng: “Mưu của Tô Tần có thể làm cho Tô Tần thuyết phục Tiết công để Tiết công trọng Tô Tần”.

(Và 10 - Như vậy ta đoán được Tô Tần tự biện hộ với Tiết công ra sao) ⁽⁹⁾.

(7) Vũ Trinh là tên đất, thuộc nước Sở. Đất đó đem phong cho Tô Tần.

(8) Cảnh Lí là tướng quốc của Sở Hoài vương.

(9) Hai hàng này chúng tôi thêm vào.

2

ĐOÁN TÂM LÍ VUA

(Tề vương phu nhân tử)

Vợ vua Tề (Uy vương) mất, có tới bảy mỹ nữ đều được vua yêu. Tiết công muốn biết vua sẽ lựa người nào, dâng vua bảy đôi hoa tai, riêng một đôi đẹp hơn cả. Hôm sau, thấy đôi bông đó được ai đeo thì khuyên vua lựa người đó.

3

TÔ ĐẠI CAN MẠNH THƯỜNG QUÂN

(Mạnh Thường quân nhập Tần)

Mạnh Thường quân muốn vô nước Tần, có cả ngàn người can mà ông không nghe. Tô Đại ⁽²⁾ muốn ngăn, Thường quân bảo: “Về nhân sự, tôi đã được nghe hết rồi; chỉ còn chưa được nghe quỷ sự ⁽¹⁾ thôi”.

Tô Đại đáp:

- Tôi tới chủ ý là không dám nói về nhân sự mà chỉ nói về quỷ sự vậy.

(1) Quỷ sự là nghĩa là việc của quỷ thần. Tấn Chiêu vương nghe tiếng Mạnh Thường quân là người hiền, mời Mạnh Thường quân qua Tấn chơi để được gặp mặt.

(2) Theo Sử kí là Tô Tấn.

Mạnh Thường quân bèn tiếp. Tô Đại bảo:

- Hôm nay, khi lại đây, tôi có đi ngang qua miền Tri Thượng⁽³⁾, được nghe một tượng nặn bằng đất và một tượng đẽo bằng sành đào nói chuyện với nhau. Tượng bằng sành đào bảo tượng bằng đất: “Anh vốn là đất ở bờ phía tây, được nặn thành hình người; tới tháng tám, mưa xuống, nước sông Tri dâng lên thì anh sẽ rã rời, tan nát”. Tượng bằng đất đáp: “Không phải vậy. Tôi là đất ở bờ phía tây, tôi rã rời, tan nát thì lại thành đất bờ phía tây. Còn anh là sành đào ở biển đông⁽⁴⁾. Người đã đẽo trở anh thành hình người, mưa xuống, nước sông Tri dâng lên, cuốn anh mà chảy đi, anh sẽ phiêu bạt, chưa biết ra sao đâu!”.

Nay Tần là nước bốn bề đều có những chỗ hiểm yếu, khác gì miệng cọp, ông mà vô đó thì tôi không biết ông sẽ ra ngã nào!

Mạnh Thường quân bèn thôi, không qua Tần nữa.

10

THUẦN VU KHÔN VỚI KẺ SĨ

(Thần Vu Khôn nhất nhật nhi kiến thất sĩ)

Thuần Vu Khôn một ngày mà dất bảy kẻ sĩ vô yết kiến Tề Tuyên vương. Tề Tuyên vương bảo Thuần Vu Khôn:

(3) Tri là một con sông, Miền Tri Thượng là miền ở hai bờ con sông Tri.

(4) Theo truyền thuyết, biển đông có một ngọn núi tên là Sóc Sơn, trên núi có một cây đào cổ thụ, cành cong queo, tán rộng ba ngàn dặm, ma quỷ thường tụ ở đó. Ở đây, tượng bằng sành đào ám chỉ Mạnh Thường quân.

- Ông lại đây ! Quả nhân nghe nói rằng ngàn dặm mà có một kẻ sĩ thì cũng như là kẻ sĩ đứng kề với nhau rồi; trăm đời mà có một vị thánh thì cũng như là các vị thánh nối gót nhau rồi ⁽¹⁾. Nay chỉ trong một buổi sáng mà dất bảy kẻ sĩ vô đây, như vậy kẻ sĩ chẳng phải là nhiều ư ?

Thuần Vu Khôn đáp:

- Không phải vậy. Loài chim cùng cánh với nhau thì đậu chung với nhau; loài thú cùng chân với nhau ⁽²⁾ thì cùng chạy với nhau. Tìm sài hồ và cát cánh ⁽³⁾ ở nơi đất thấp ẩm thấp ngập nước thì mấy đời cũng không được một cây; nếu tìm ở phía bắc núi Dịch Thử, núi Lương Phủ ⁽⁴⁾ thì đem xe tới mà chở cũng không hết Vật nào cũng có đồng loại. Khôn tôi là đồng loại của bậc hiền giả. Nhà vua mà nhờ Khôn tôi cầu kẻ sĩ thì cũng như vốc nước ở sông, lấy lửa ở đồ đánh lửa ⁽⁵⁾. Rồi đây. Khôn tôi còn gặp nhiều kẻ sĩ nữa, chứ nào chỉ có bảy kẻ sĩ mà thôi!

(1) Kề vai nhau, nối gót nhau: đều có nghĩa là đông lắm nhiều lắm.

(2) Cùng cánh, cùng chân: ý nói là cùng loài.

(3) Sài hồ, cát cánh là hai loại cây dùng làm thuốc, chỉ mọc ở những chỗ đất cao, khô ráo.

(4) Núi Dịch Thử không biết ở đâu. Núi Lương Phủ nay thuộc tỉnh Sơn Đông.

(5) Thời cổ có hai thứ đồ đánh lửa; một thứ để lấy lửa ở mặt trời, gọi là kim toại, một thứ để lấy lửa ở cây, gọi là mộc toại.

11

CHÓ ĐUỐI THỎ; NÔNG PHU BẮT ĐƯỢC CẢ HAI (Tề dục phạt Ngụy)

Tề muốn đánh Ngụy, Thuần Vũ Khôn bảo Tề Tuyên vương:

- Con lư ở nước Hàn là loài chó chạy nhanh trong thiên hạ; con thuần ở Đông Quách là loài thỏ nhanh nhẹn trong hải nội. Con lư nước Hàn đuổi con thỏ Đông Quách, ba lần chạy, vòng quanh núi, năm lần leo núi; thỏ phía trước đã khốn đốn mà chó phía sau cũng mệt đừ, cả chó lẫn thỏ đều kiệt sức, đều lăn ra chết. Lão nông phu trông thấy chẳng phí một chút sức mà bắt được cả hai. Nay Tề, Ngụy cầm cự nhau lâu làm cho binh sĩ khốn đốn, dân chúng khổ sở; tôi e rằng nước Tần và nước Sở hùng cường kia đứng ở phía sau sẽ thừa cơ mà thành công như lão nông phu mất.

Vua Tề sợ, lui binh, cho tướng sĩ nghỉ ngơi.

Tề IV

1

PHÙNG HUYÊN LÀM THỰC KHÁCH NHÀ MẠNH THƯỜNG QUÂN.

(Tề nhân hữu Phùng Huyền)

Nước Tề có một người tên là Phùng Huyền nghèo khổ thiếu thốn, không thể tự mưu sinh được, cậy người lại xin Mạnh Thường quân cho được ăn nhờ ⁽¹⁾ trong nhà. Mạnh Thường quân hỏi: “Ông khách thích cái gì?” ⁽²⁾. Đáp: “Khách không có sở thích nào cả.” Hỏi: “Khách có tài năng gì không.” Đáp: “Khách không có tài năng gì cả”. Mạnh Thường Quân cười rồi nhận cho: “Được”.

1. Mạnh Thường quân, họ Điền, tên Văn, người nước Tề đời chiến Quốc, nổi tiếng hào hiệp, biết kết nạp kẻ sĩ, trong nhà luôn luôn có ba ngàn thực khách, tức những kẻ sĩ được ông nuôi và đãi như khách, lâu lâu mới có việc nhờ cậy, ai giúp được ông việc gì thì giúp. Thực khách chia làm ba hạng, tùy tài đức mà được trọng hay không: có hạng ăn rau, có hạng ăn thịt cá, cao nhất là hạng được cung cấp xe để đi ra ngoài. Xét chung thì tài đức của họ rất tầm thường, hạng người giỏi đâu chịu ăn bám như vậy. Phùng Huyền cũng có chỗ chép là: (cũng đọc là Huyền), hoặc: Phùng Hoan.

(2) Ý muốn nói có tài đức gì không.

Kẻ tả hữu trong nhà Mạnh Thường quân thấy chủ mình khinh rẻ người khách đó, nên cho khách ăn rau cỏ. Ở được ít lâu, Phùng Huyền dựa cột, gõ nhịp vào thanh kiếm mà hát: “Kiếm ⁽³⁾ dài ơi, về đi thôi ! Ăn không có cá”. Kẻ tả hữu thưa với Mạnh Thường quân. Mạnh Thường quân bảo: “Dọn cá cho ông ấy”. Từ đó đãi Phùng Huyền vào hàng khách ở trong nhà.

Được ít sau, lại gõ nhịp vào thanh kiếm mà hát: “Kiếm dài ơi, về đi thôi ! Đi không có xe”. Kẻ tả hữu đều cười, rồi thưa với Mạnh Thường quân. Mạnh Thường quân bảo: “Đánh xe cho ông ấy”. Từ đó đãi Phùng Huyền vào hàng môn khách có xe⁽⁴⁾. Vậy là Phùng Huyền ngồi lên xe, giơ cao thanh kiếm, lại chơi bạn bè, bảo: “Ông Mạnh Thường quân đãi tôi vào bậc khách”.

Được ít lâu lại gõ nhịp vào thanh kiếm mà hát: “Kiếm dài ơi, về đi thôi! Không có gì gửi về nhà”. Kẻ tả hữu đều ghét là tham lam, không biết thế nào là đủ. Mạnh Thường quân hỏi: “Ông Phùng còn người thân không ?” Đáp: “Còn mẹ già”. Mạnh Thường quân sai người chu cấp thực dụng, không để thiếu thốn. Từ đó Phùng Huyền không hát nữa.

Sau, Mạnh Thường quân giở sổ ra, hỏi các môn khách: “Vị nào quen việc kế toán, có thể vì Văn ⁽⁵⁾ đi thu tiền nợ ở đất Tiết ⁽⁶⁾ không?” Phùng Huyền viết tên mình vào sổ, đáp: “Tôi

(3) Nguyên văn: giáp: là chuỗi gươm.

(4) Coi chú thích (1) trang trên.

(5) Tên húy Mạnh Thường quân, Mạnh Thường quân là tên hiệu.

(6) Tiết là một nước nhỏ, bị Tế diệt. Vua Tế tặng Mạnh Thường quân làm phong ấp (ấp của những vị được phong tước) nay ở Sơn Đông.

đi được”. Mạnh Thường quân lấy làm lạ hỏi: “Vị này là ai vậy?” kẻ tả hữu đáp: Là người hát: “Kiếm dài ơi về đi thôi” đó. Mạnh Thường quân cười bảo: “Ông khách quả có tài năng, tôi đã phụ ông ta, không thường hội diện. Xin mời lại gặp mặt và tạ lỗi: “Vấn tôi mệt mỏi về việc quan, lo lắng quá nên tâm thần mê loạn, tính lại vốn nhu nhược, mê muội, chìm đắm vào việc quốc gia, đến nỗi đắc tội với tiên sinh, tiên sinh chẳng lấy làm nhục, lại có ý thay tôi qua đất Tiết thu nợ giùm chăng?” Phùng Huyền đáp: “Tôi xin đi”. Như vậy rồi sửa sang xe ngựa, hành trang, chở theo những trái khoán, kế ước. Khi từ biệt, hỏi: “Nợ thu hết rồi, tôi mua gì mang đem về?”. Mạnh Thường quân đáp: “Tiên sinh coi nhà này thiếu thứ gì thì mua thứ đó”.

Phùng Huyền dong ngựa tới đất Tiết, sai một viên thư lại gọi dân tới, ai thiếu nợ thì đối chiếu với tờ khoán. Đối chiếu xong cả rồi, Phùng Huyền đứng dậy, thác lời Mạnh Thường quân, cho hết số nợ, rồi đốt tờ khoán đi. Dân đều hô vạn tuế.

Lại dong ngựa vội về Tề, sáng sớm xin vô yết kiến Mạnh Thường quân. Mạnh Thường quân lấy làm lạ sao mà đi mau như vậy, mặc áo đội mũ ra tiếp, hỏi: “Nợ thu được hết không? Sao mà về nhanh thế?” Đáp: “Thu hết rồi”. Hỏi: “Mua gì về?” Phùng Huyền đáp: “Ngài bảo: “Coi nhà này thiếu thứ gì thì mua thứ đó”. Thần nghĩ trong cung của ngài chứa đầy châu báu, ngoài chuồng đầy cả ngựa, chó, hậu đình ⁽⁷⁾ chật cả mĩ nữ, nhà ngài có thiếu chỉ là thiếu “nghĩa” thôi, nên thần đã trộm

(7) Nguyên văn: hạ trấn: nghĩa là sấp hàng ở phía dưới. Do câu: “Sung hạ trấn ư hạn đình”: được sung vào hạng người sấp hàng ở phía dưới tại sân sau. (Bài phú Tự điều của Ban Tiệp Du).

phép mua “nghĩa” về. Mạnh Thường quân hỏi: “Mua” nghĩa” là làm sao ?” Đáp: “Nay ngài có đất Tiết nhỏ hẹp đó, đã không vờ về yêu dân mà lại đi cướp cái lợi của dân, nên thần thác rằng ngài ra lệnh cho dân hết số nợ, rồi đốt các tờ khoán, dân hoan hô ngài vạn tuế. Thần mua “nghĩa” về cho ngài là thế”. Mạnh Thường quân không vui, bảo: “Được ! Thôi tiên sinh về nghỉ !”.

Khoảng một năm sau, Tề vương ⁽⁸⁾ bảo Mạnh Thường quân: “Quả nhân không dám dùng bễ tôi của Tiên vương làm bễ tôi cho mình”. Mạnh Thường quân về đất Tiết, chưa tới, còn cách trăm dặm, dân đất Tiết dắt già bông trẻ đi đón rước đầy đường suốt ngày. Mạnh Thường quân quay lại bảo Phùng Huyền: “Tiên sinh mua “nghĩa” cho Văn này, đến hôm nay tôi mới được thấy”. Phùng Huyền đáp: “Thỏ khôn phải có ba hang mới có thể thoát chết được. Nay chỉ mới có một hang, chưa thể gói cao mà ngủ yên, tôi xin vì ngài đào thêm hai hang nữa”.

Mạnh Thường quân cấp cho Phùng Huyền năm chục cỗ xe, năm trăm cân vàng, qua phía tây du thuyết ở nước Lương. Phùng Huyền tâu vua Lương: “Vua Tề đuổi bậc đại thần là Mạnh Thường quân; nước chư hầu nào đón trước được ông ấy thì sẽ giàu có mà binh mạnh”. Như vậy vua Lương mới bỏ trống chức vị cao nhất ⁽⁹⁾, đem vị đương thời tướng quốc xuống làm thượng tướng quân, sai sứ mang ngàn cân vàng, trăm cỗ xe lại đón Mạnh Thường quân, Phùng Huyền dong ngựa về

(8) Tức Tề Tuyên vương.

(9) Tức chức tướng quốc (để đợi Mạnh Thường quân). Lương Vương là Tương Huệ vương. Nước Lương tức Ngụy là một trong thất hùng thời đó.

trước, khuyên Mạnh Thường quân: “Ngàn cân vàng là vật trọng, trăm cỗ xe là chức cao. Tề tất hay tin này”. Viên sứ nước Lương ba lần về không, vì Mạnh Thường quân cố từ chối không chịu đi.

Tề hay tin, vua tôi đều sợ hãi, sai quan thái phó đem ngàn cân vàng, hai cỗ xe đẹp bốn ngựa, một thanh gươm của vua đeo và một phong thư lại tạ lỗi với Mạnh Thường quân. Thư rằng: “Quả nhân gặp vận bất tường, quý thần tôn miếu giáng hoạ, nên bị bọn nịnh thần mê hoặc, đắc tội với ông. Quả nhân vô dụng, xin ông đoái nghĩ đến tôn miếu của Tiên vương, tạm trở về nước mà thống trị vạn dân, được chăng?”. Phùng Huyền khuyên Mạnh Thường quân: “Ngài nên xin những đồ tế tự Tiên Vương rồi lập tôn miếu ở đất Tề”. Tôn miếu cất rồi, Phùng Huyền về báo cáo với Mạnh Thường Quân: “Ba hang đã đào xong, ngài tạm có thể gói cao mà sống vui”.

Mạnh Thường quân làm tướng quốc mấy chục năm, không gặp một cái hoạ nhỏ nhất nào cả, là nhờ mưu của Phùng Huyền vậy.

2

CÔNG TÔN HOÀNG ĐI SỨ TẦN

(Mạnh Thường quân vi tung)

Mạnh Thường quân mưu tính hợp tung, (người nước Tề là) Công Tôn Hoàng bảo Mạnh Thường quân:

- Sao ông không sai người quan sát vua Tần (Chiêu vương) trước đã. Nếu vua Tần là hạng quân chủ có đức đế vương thì

ông chỉ lo rằng không được làm bề tôi ông ta, đâu có rảnh mà nghĩ đến chuyện hợp tung để làm khó ông ta; còn như nếu vua Tần là hạng quân chủ bất tiểu thì lúc đó ông tính chuyện hợp tung để làm khó ông ta, cũng không trễ.

Mạnh Thường quân đáp:

- Phải. Vậy xin nhờ ông đi giùm cho việc đó.

Công Tôn Hoằng vâng lời, dùng mười chiếc xe, qua Tần. Chiêu Vương nghe tin, muốn dùng lời lẽ làm nhục Công Tôn Hoằng.

Công Tôn Hoằng vào yết kiến, Chiêu Vương hỏi:

- Đất của Tiết công được bao nhiêu ?

Công Tôn Hoằng đáp:

- Trăm dặm.

Chiêu vương cười, bảo:

- Đất của quả nhân rộng ngàn dặm, mà quả nhân chưa dám gây khó với ai. Nay đất của Mạnh Thường quân chỉ có một trăm dặm mà muốn gây khó với quả nhân, có thể nào được không?

- Mạnh Thường quân biết trọng người, Đại Vương không biết trọng người.

- Mạnh Thường quân trọng người ra sao?

Công Tôn Hoằng đáp:

- Hạng người giữ chính nghĩa, không làm bề tôi các vị thiên tử (không có đức), đặc chí thì làm nhâ. chủ mà không then,

không đặc chí thì không chịu làm bề tôi, hạng người đó, (Mạnh Thường quân) có được ba vị; hạng người về việc trị nước có thể làm thầy Quản Trọng, Thương Uyển, bàn bạc về nghĩa lí, nghe điều phải rồi thi hành, hạng người được như vậy, (Mạnh Thường quân) có tới năm vị; hạng người đi sứ tới triều một vua uy nghiêm của một nước vạn thặng, bị vua đó làm nhục mà lui ra tự sát để lấy máu mình vấy vào áo vua đó, như tôi đây, hạng người đó (Mạnh Thường quân) có được mười người.

Chiêu vương cười, xin lỗi:

- Sao khách lại có thái độ như vậy ? Quả nhân chỉ là đàm đạo với khách thôi mà. Quả nhân quý Mạnh Thường quân, muốn được tiếp đãi ông ấy, xin khách bày tỏ giùm ý muốn của quả nhân với ông ấy.

Công Tôn Hoàng đáp:

- Xin vâng.

Có thể bảo là Công Tôn Hoàng chịu nhục. Chiêu vương là vua một nước lớn, Mạnh Thường quân chỉ là vua một nước nhỏ có một ngàn cỗ xe. Dựng được cái danh nghĩa cho một nước nhỏ mà làm cho nước lớn không thể xúc phạm được, như vậy là làm hết trách nhiệm của một vị sứ giả.

3

MẠNH THƯỜNG QUÂN CHƯA BIẾT
TRỌNG KẺ SĨ

(Lỗ Trọng Liên vị Mạnh Thường quân)

Lỗ Trọng Liên bảo Mạnh Thường quân:

- Ông chưa thực trọng kẻ sĩ. (Ông thử nghĩ) Ung Môn Tử nuôi Tiêu Diệc, Dương Đắc Tử nuôi... ⁽¹⁾ chia cơm sẻ áo với nhau nên người nào cũng có kẻ sĩ chết vì mình. Nay nhà ông giàu hơn hai ông đó, mà ông chưa có một kẻ sĩ nào hết lòng hy sinh cho ông cả.

Mạnh Thường quân đáp:

- Chỉ vì Văn tôi chưa gặp được bậc sĩ đó, nếu gặp thì sao các bậc đó lại không hết lòng hy sinh cho tôi ?

Lỗ Trọng Liên bảo:

- Trăm con ngựa trong chuồng của ông đều bận áo thêu và ăn lúa ngon, có con nào cũng là loài kì lân, lục nhĩ cả đâu ⁽²⁾. Mười nàng phi trong hậu cung của ông đều bận gấm lụa, ăn gạo quý thịt ngon, có phải người nào cũng là Mao Tường, Tây Thi cả đâu? ⁽³⁾

(1) Nguyên văn: "Ung Môn dưỡng Tiêu Diệc Dương Đắc Tử dưỡng". Bản Thương vụ ấn thư quán và Tân lục thư cục đều chấm câu ở sau chữ Tiêu: mà chẳng chú thích gì cả, nên chúng tôi không đoán được nghĩa. Chúng tôi dịch như trên là theo Crump. Ông chấm câu: Ung Môn (Tử) dưỡng tiêu Diệc, Dương đắc tử dưỡng (...) và ông cho rằng thiếu một tên người ở phía sau chữ dưỡng. Ông còn bảo theo Tứ Bộ Tùng San thì có một tên là Ung Môn Tử Thu, và có một tên là Ung Môn Tử Chu.

(2) Tên các loại ngựa quý.

(3) Tên các mỹ nhân thời cổ.

Mỹ nhân và ngựa thì ông lựa ở thời này, vậy kẻ sĩ hà tất phải đợi người thời cổ! Cho nên tôi bảo rằng ông chưa thực trọng kẻ sĩ.

4

ĐÀM THẬP TỬ KHUYÊN MẠNH THƯỜNG QUÂN NÊN QUÊN OÁN (Mạnh Thường quân trực ư Tề)

Mạnh Thường quân bị đuổi ở Tề, sau lại trở về Tề (người nước Tề là) Đàm Thập Tử đi đón ở bờ cõi ⁽¹⁾, hỏi Mạnh Thường quân:

- Ông có lòng báo oán các sĩ, đại phu của Tề không ?

Mạnh Thường quân đáp:

- Oán !

- Ông có ý muốn giết họ ư ?

- Giết !

- Có những sự thể tất phải đến, có những tình lý cố nhiên bất biến, lẽ đó ông biết không ?

- Không.

1. Năm thứ ba mươi đời Tề Mẫn Vương. Diên Giáp làm phản, bắt cóc vua Tề tên là Tương. Mạnh Thường quân, phải trốn đi. Sau một xá nhân của Mạnh Thường quân dâng thư lên vua Tề minh oan cho ông, nên ông được vua Tề Mẫn vương gọi về.

Đàm Thập Tử bảo:

- Ai cũng phải chết, đó là một sự thể tất phải đến; mình giàu sang thì người ta bu lại, mình nghèo hèn thì người ta lảng ra, đó là một tình lý cố nhiên bất biến. Có những sự thể tất phải đến, những tình lý cố nhiên bất biến là vậy đó. Tôi xin lấy một ví dụ: Chợ buổi sáng sớm thì đông người, chiều tối thì vắng vẻ, không phải là vì lẽ buổi sáng người ta yêu chợ mà buổi chiều người ta ghét chợ; chỉ vì lẽ còn nhu cầu (mua bán) thì người ta còn tới chợ, hết nhu cầu (đó) thì người ta bỏ về. Vậy xin ông đừng oán.

Mạnh Thường quân bèn đem chẻ những bản tre khắc tên năm trăm người mà ông oán, rồi thôi không nói tới việc đó nữa.

5

NHAN XÚC THUYẾT TÊ TUYÊN VƯƠNG (Tê Tuyên vương kiến Nhan Xúc)

Tê Tuyên vương với Nhan Xúc (người nước Tê) lại bảo:

- Xúc lại đây !

Xúc cũng bảo:

- Vua lại đây !

Tuyên vương không vui. Kẻ tả hữu bảo Nhan Xúc:

- Vua là bậc quân thượng, Xúc là bề tôi. Vua bảo Xúc: lại đây, Xúc cũng bảo vua: lại đây, như vậy có phải lẽ không?

Xúc đáp:

- Vua bảo Xúc: “Lại đây” mà Xúc lại thì là Xúc mộ quyền thế; Xúc bảo vua “lại đây” mà vua lại thì là vua chuộng kẻ sĩ; để cho Xúc mang tiếng mộ quyền thế thì không bằng để cho vua được tiếng chuộng kẻ sĩ.

Tuyên vương giận tím mặt, bảo:

- Vua quý hay kẻ sĩ quý ?

- Kẻ sĩ quý chứ ! Vua đâu có quý.

- Có chứng cứ gì không ?

- Có chứ ! Xưa kia, Tần đánh Tề, ra lệnh: “Trong khoảng năm chục bước chung quanh mộ Liễu Hạ Quý, ai mà dám vô đốn củi thì bị tội chết, không tha ⁽¹⁾ Lại ra lệnh: “Ai mà chặt được đầu vua Tề thì được phong vạn hộ hầu, thưởng ngàn nén vàng”. Do đó mà xét thì cái đầu một ông vua còn sống, có khi không bằng năm mồ một kẻ sĩ đã chết.

Tuyên vương làm thinh, vẻ không vui. Kẻ tả hữu đều nói:

- Xúc lại đây ! Xúc lại đây ! Đại Vương chiếm cứ một nước ngàn cỗ xe, đúc những cái chuông nặng ngàn thạch ⁽²⁾ treo trên những cái giá nặng vạn thạch, kẻ sĩ trong thiên hạ người nào mà nhân nghĩa thì đều lại phục dịch, người nào mà minh trí thì cũng đều lại yết kiến để đàm luận; đông tây nam bắc, người bốn phương

(1) Túc Liễu Hạ Huệ, có khí tiết, họ Lỗ, tên là Triển Cẩm, không chịu làm quan, ngồi dưới gốc cây liễu, nhổ cỏ mà ăn, người đời sau gọi là liễu Hạ quý; khi ông mất rồi, người ta kính trọng ông, không hái củi ở gần. Lĩnh phái qua nước Lỗ, cho nên mới có lệnh đó.

(2) Mỗi thạch là 120 cân.

đều qui phục; vạn vật không thiếu thứ gì mà trăm họ đều kính mến. Nay có một kẻ sĩ dù có cao thượng cũng gọi là một kẻ sĩ “thất phu”, đi thì đi bộ, ở thì ở chỗ đồng ruộng, thô lậu quê mùa, nhà cửa tồi tàn, như vậy thì kẻ rất đổi là ti tiện vậy!

Xúc đáp:

- Không phải vậy. Xúc nghe hồi xưa, vua Đại Vũ làm chủ vạn nước chư hầu là nhờ đâu ? Nhờ vua Đại Vũ có đức dày và được kẻ sĩ giúp sức. Cho nên vua Thuấn ở chốn đồng ruộng dấy lên, xuất thân nơi thô lậu quê mùa mà sau làm thiên tử. Đến đời vua Thang. Chư hầu chỉ còn có ba ngàn nước. Hiện nay quay mặt về phía nam mà tự xưng là “quả nhân” chỉ còn hai mươi bốn người ⁽³⁾. Do đó mà xét thì chẳng phải là do chính sách khác nhau, người tốt kẻ xấu ư ? Lầm lẫn mà bị diệt vong, cái lúc mà bị diệt vong, không còn thân thuộc gì nữa thì dù muốn có một căn nhà tồi tàn, phỏng có được không ? Cho nên Dịch Truyện chẳng từng có câu này ấy ư ? “Ở ngôi cao không có cái thực mà thích cái danh, thì thế nào cũng có những hành động kiêu sa, ngạo mạn, mà hễ kiêu sa ngạo mạn thì cái hoạ tất sẽ theo sau”.

Thế cho nên không có cái thực mà thích cái danh thì tất bị tước đoạt, không có đức hạnh mà lại muốn có phước thì tất bị vướng mắc; không có công lao mà muốn hưởng lộc thì tất bị nhục, hoạ tất thâm ! Cho nên có câu rằng: “Khoe công thì không thành, nguyện vọng hão huyền thì không đạt”. Đó điều

(3) Vua Trung Hoa khi lâm triều đều quay mặt về phía nam; đều tự xưng là “quả nhân”. Câu này có nghĩa là hiện nay chỉ còn 24 nước.

là chỉ thích cái hư danh đẹp đẽ mà không có thực đức. Vì vậy mà vua Nghiêu có chín người phụ tá, vua Thuấn có bảy người bạn hiền, vua Vũ có năm vị trọng thần, vua Thang có ba vị phụ bật; từ xưa tới nay, không có ai không có thực đức mà thành danh trong thiên hạ bao giờ. Vì vậy các bậc quân vương không hổ thẹn vì phải hỏi kẻ dưới; nhờ học hỏi kẻ dưới mới hoàn thành được đạo đức mà lưu danh lại đời sau, đó là trường hợp vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ, vua Thang và Văn vương nhà Chu. Cho nên bảo rằng: “Cái không có hình thể là chủ của cái hình thể; cái không có đầu mối là gốc của mọi sự thể”. Trên thì xét được nguồn, dưới thì thông được dòng, bậc thánh nhân hiểu rõ đạo lý thì có gì mà chẳng là tốt lành! Lão Tử nói: “Tuy sang mà phải lấy hèn làm gốc, tuy cao mà phải lấy thấp làm nền; vì vậy bậc vương hầu mà tự xưng là “cô”, “quả”, “bất cốc” (4) là lấy sự ti tiện làm gốc đấy. Kẻ cô quả là kẻ ti tiện, khốn khổ, ở địa vị thấp, mà bậc vương hầu tự xưng như vậy, há chẳng phải tự hạ mình mà tôn quý kẻ sĩ đấy ư? Vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn, vua Thuấn truyền ngôi cho vua Vũ, vua Chu Thành vương trọng dụng ông Chu Công Đán mà đời đời được khen là minh quân, là vì các ông ấy hiểu rõ rằng kẻ sĩ đáng quý.

Tuyên vương nói:

- Ôi! người quân tử, có cách nào làm nhục được đâu, quả nhân đã tự chuốc lấy cái nhục. Nay đã được nghe lời người quân tử và nghe hành vi của kẻ tiểu nhân, xin được làm học trò

(4) *Cô, quả, bất cốc*: điều là những lời khiêm tốn của nhà vua tự xưng với người khác và đều có nghĩa là: ít tài đức.

của tiên sinh. Xin Nhan tiên sinh cùng đi chơi với quả nhân, ăn thì tất có thịt bò, thịt dê, thịt lợn, đi thì tất có xe, vợ con tiên sinh đều được tặng y phục đẹp đẽ.

Nhan Xúc từ tạ, đáp:

- Ngọc sinh ở núi, đem nó mà chế tạo thì nó tất vỡ, lúc đó không phải là nó không quý, nhưng không còn được vẹn cái mộc mạc tự nhiên của nó nữa. Kẻ sĩ sinh ở chỗ thô lậu quê mùa, được tuyển dụng làm quan, thì không phải là không vinh hiển, nhưng không còn được vẹn cái bản chân nữa. Xúc tôi xin được về, ăn trẽ thì cũng ngon như ăn thịt, thủng thủng đi bộ thì cũng thích như ngồi xe, không tội thì cũng sướng như kẻ tôn quý, lấy sự thanh tĩnh chính trực làm vui. Đặt ra hiệu lệnh là nhà vua, tận trung, trực ngôn là Xúc tôi; đạo lí gì cần nói thì Xúc tôi đã nói rồi, nay xin nhà vua cho phép lui ra, thông dong mà trở về nơi cố hương.

Nói rồi vái hai vái, từ biệt mà đi.

Xúc là người trí túc, phục hồi được thiên chân, như cục ngọc chưa đẽo, vì vậy mà suốt đời không bị nhục.

6

VƯƠNG ĐẤU YẾT KIẾN TÊ TUYÊN VƯƠNG (Tiên sinh Vương Đấu)

Ông Vương Đấu (người nước Tê) tiến tới cửa cung, đòi yết kiến Tê Tuyên Vương, Tê Tuyên Vương sai sứ giả ra mời vào, Vương Đấu bảo (sứ giả tái lại):

- Đấu tiến tới trước để ra mắt vua, là Đấu thích quyền lợi; vua tiến tới trước để đón Đấu là vua chuộng kẻ sĩ; ý vua ra sao?

Sứ giả trở vô báo Tề Tuyên Vương, Tuyên Vương bảo:

- Phiền tiên sinh đợi một chút, quả nhân xin ra đón !

Tề Tuyên Vương bèn tiến ra cửa cung để đón Vương Đấu rồi cùng vô. Vương bảo:

- Quả nhân được kế thừa tôn miếu của tiên vương mà giữ gìn xã tắc, nghe tiếng tiên sinh nói ngay, can thẳng mà không kiêng nể.

Wương Đấu đáp:

- Lời đồn đó quá. Đấu sinh ở thời loạn, thờ ông vua loạn, đâu dám nói ngay can thẳng.

Tuyên vương có sắc giận, không vui. Được một lát, Vương Đấu bảo:

- Xưa, tiên vương Hoàn Công chín lần hội hợp chư hầu ⁽¹⁾ khuông chính thiên hạ, được thiên tử phong đất, lập làm thái bá, nay sở thích của nhà vua có bốn điều giống tiên vương ⁽²⁾.

Tuyên vương vui vẻ hỏi:

- Quả nhân ngu xuẩn, giữ nước Tề mà chỉ lo giữ không nổi, sao mà có được bốn điểm giống tiên vương?

(1) Chín lần hội chư hầu. Nguyên văn Cửu hợp chư hầu nhưng Chu Tử trích giải Mạnh Tử bảo chữ cửu (chín) phải đọc là cử: cử hợp chư hầu là kết hợp chư hầu. Chu Tử có thể đúng vì Tề Hoàn Công hợp chư hầu hết thảy 11 lần chứ không phải 9 lần.

(2) Có bản thêm chữ ngũ. Tịch tiên vương Hoàn Công sở hiếu giả ngũ: xưa tiên vương Hoàn Công có năm điều thích, nay sở thích của nhà vua...

Vương Đẩu đáp:

- Không phải vậy. Tiên vương thích ngựa, nhà vua cũng thích ngựa; tiên vương thích chó, nhà vua cũng thích chó; tiên vương thích rượu, nhà vua cũng thích rượu; tiên vương ham sắc, nhà vua cũng ham sắc; duy có điều tiên vương thích kẻ sĩ, nhà vua không thích kẻ sĩ.

Tuyên Vương hỏi:

- Đời này không có kẻ sĩ thì làm sao quả nhân mền được kẻ sĩ được?

Vương Đẩu đáp:

- Đời này không có loài ngựa tốt kì Lân, lục nhĩ, mà xe của nhà vua cũng có đủ ngựa; đời này không có loài đông quách, tuần lư⁽³⁾ mà vua cũng đã có đủ chó săn; đời này không có Mao Tường, Tây Thi mà trong cung nhà vua cũng đã đầy mỹ nhân. Chẳng qua nhà vua không thích kẻ sĩ, nếu thích thì lo gì không có kẻ sĩ..

Vua bảo:

- Quả nhân lo việc nước mà yêu dân, vẫn mong được kẻ sĩ để trị nước.

Vương Đẩu đáp:

- Nhà vua lo việc nước và yêu dân không bằng yêu một thước sa mông.

Vua hỏi:

(3) Đông Quách có giống thỏ chạy nhanh, nước Hàn có giống chó lư chạy cũng nhanh.

– Ý muốn nói gì vậy?

Vương Đẩu đáp:

– Nhà vua sai người làm cái mũ thì không dùng kẻ tả hữu được sủng ái mà dùng một thợ làm mũ, là vì đâu? Là vì người thợ đó biết làm mũ. Nay nhà vua trị nước Tề, hễ ai không phải là kẻ tả hữu được sủng ái thì nhà vua không dùng, cho nên tôi bảo rằng nhà vua yêu nước không bằng yêu một thước sa mỏng.

Tuyên vương tạ lỗi, đáp:

– Quả nhân có tội với quốc gia.

Rồi lựa năm kẻ sĩ, cho làm quan. Nhờ vậy nước Tề rất bình trị.

7

TRIỆU UY HẬU HỎI THĂM NƯỚC TỀ

(Tề vương sử sứ giả)

Vua Tề (tên là Kiến) sai sứ giả qua thăm Triệu Uy hậu (vợ Triệu Huệ Văn vương). Thư chưa mở, Uy hậu hỏi sứ giả:

– Năm nay được mùa không? Dân chúng không sao chứ? nhà vua cũng không sao chứ?

Sứ giả không vui, bảo:

– Tôi phụng mệnh tới vấn an Thái hậu, Thái hậu không hỏi thăm vua trước mà hỏi thăm mùa màng và dân chúng trước, như vậy chẳng phải là hỏi thăm cái ti tiện trước, hỏi thăm ngôi tôn quý sau ư?

Uy hậu đáp:

– Không phải vậy. Không có mùa màng thì làm sao có dân? Không có dân thì làm sao có vua? Thế thì sao lại có cái bở gốc mà hỏi thăm ngọn trước.

Rồi lại hỏi thăm thêm:

– Tề có một vị xử sĩ là Chung Li Tử ⁽¹⁾, ông ấy mạnh giỏi chứ? Ai có lương thực thì ông ấy giúp lương thực cho, ai không có lương thực thì ông ấy cũng giúp lương thực cho: ai có quần áo thì giúp quần áo cho; ai không có quần áo thì cũng giúp quần áo cho; như vậy là ông ấy giúp vua Tề nuôi dân, sao mà đến bây giờ vẫn không giao chức vụ gì cho ông ấy? Ông Diệp Dương Tử ⁽²⁾ mạnh giỏi chứ? Ông ấy là người thương xót những kẻ quan, quả, cô, độc, giúp đỡ những kẻ khốn cùng, thiếu thốn, như vậy là giúp vua Tề cứu vớt, an ủi nhân dân, sao mà đến bây giờ vẫn không giao chức vụ gì cho ông ấy? Cô Bắc Cung Anh Nhi Tử ⁽³⁾ mạnh giỏi chứ? Cô ấy lột hết cả trâm, vòng, ở vậy cho tới già để nuôi cha mẹ, như vậy là làm gương cho dân chúng, cảm hoá dân chúng giữ đạo hiếu, sao mà đến bây giờ không phong cho cô ta làm mệnh phụ! Hai vị sĩ đó không được nhận chức vụ gì cả, một cô gái hiếu hạnh đó không được phong làm mệnh phụ thì làm sao vua Tề trị được nước, nuôi nấng được muôn dân? Tử Trọng ở Ô Lăng ⁽⁴⁾ còn sống không? Hấn

(1) Chung Li Tử: Chung là họ, Li tử là tên. Là một người có tài đức mà không làm quan (Xử sĩ).

(2) Diệp Dương Tử: Không rõ tên họ là gì. Diệp Dương là tên đất; ông ta ở Diệp Dương, nên gọi như vậy.

(3) Bắc Cung Anh Nhi Tử, Bắc Cung là họ, Anh Nhi Tử là tên. Có sách lại bảo Bắc Cung là tên đất.

(4) Ô Lăng Tử Trọng: Ô Lăng là tên đất, nay ở tỉnh Sơn Đông, Tử Trọng là tên người. Chính ra, phải chép là Trọng Tử mới đúng. Trọng Tử tức là Trần Trọng, một thế gia của Tề, khinh phú quý, ngạo vương hầu, không chịu thờ vua Tề vô đạo, mà ẩn ở đất Ô Lăng, rồi chết đói, có tiết tháo liêm khiết như Bá Di, bị Mạnh Tử chép trong chương Đằng Văn Công, hạ.

là người, trên thì không biết thờ vua, dưới thì không biết tể gia, ở giữa thì không biết kết giao với chư hầu, như vậy là thống suất nhân dân hoá ra vô dụng, sao mà đến bây giờ vẫn chưa giết hẳn đi?

9

QUẢN YÊN TRÁCH KÊ SĨ

(Quản Yên đắc tội)

Quản Yên (người nước Yên) bị tội với vua Tề Tuyên vương, hỏi kẻ tả hữu:

– Các ông có ai cùng với tôi trốn qua các nước chư hầu không?

Kẻ tả hữu làm thinh không đáp.

Quản Yên khóc ròng, bảo:

– Buồn thay ! Kẻ sĩ sao mà dễ được và khó dùng đến thế !

Diễn Nhu (1) đáp:

– Kẻ sĩ ba bữa ăn không được no, mà ông thì ngỗng vịt ăn không hết; mĩ nữ trong hậu cung, thì bện là lụa, phủ sa, the mà kẻ sĩ không có áo để mặc. Vả lại của cải là cái mà ông khinh (nghĩa là vung phí), còn sự chết là cái mà kẻ sĩ trọng. Ông đã không thể đem cái ông khinh để tặng kẻ sĩ mà lại đòi kẻ sĩ đem cái họ trọng để thờ ông. Đâu phải là kẻ sĩ dễ được mà khó dùng!

(1) Diễn Nhu là tể tướng nước Ngụy.

Tề V

1

TÔ TÂN THUYẾT TỀ MÃN VƯƠNG

(Tô Tân thuật Tề Mãn Vương)

Tô Tân bảo Tề Mãn vương:

– Tôi nghe rằng khởi binh mà muốn trước thiên hạ thì phải lo lắng; kết ước mà muốn làm chủ thiên hạ thì tất gây oán thù mà bị cô lập. Khởi binh sau thiên hạ thì được sự nương tựa, mà thừa thời cơ thì tránh được oán hận. Vì vậy thánh nhân hành động thì tất dùng phép quyền biến làm chỗ nương tựa, nhân thời cơ mà dấy lên. Nương tựa vào phép quyền biến thì thông suốt được vạn vật, lợi dụng được thời thế thì làm chủ được trăm việc. Cho nên không dùng phép quyền biến, làm trái với thời thế mà thành công được là điều rất hiếm.

Nay tuy có những cây kiếm quý Can Tương và Mạc Da ⁽¹⁾ mà không có nhân lực thì cũng không cắt được gì cả; tuy có tên cứng mũi nhọn mà không có nỏ và dây cung thích hợp thì cũng không bắn được xa mà giết được người. Không phải tại mũi tên không nhọn, lưỡi kiếm không bén. Thế thì tại cái gì vậy? Tại mất sự nương tựa. Tại sao biết được vậy? Xưa kia Triệu đánh úp Vệ, người đánh xe thông tin không ngừng, Vệ cắt thành cầu hòa ⁽²⁾, tám cửa thành đắp đất lên để chống cự, còn hai cửa thành đã bị phá, như vậy là cái thế mất nước rồi. Vua Vệ đi chân không, qua cầu viện vua Ngụy (Vũ hầu), vua Ngụy khoác áo giáp, mài lưỡi kiếm, đánh nhau với Triệu trong thành Hàm Đan, kị mã chạy mù, miền từ Hoàng Hà tới Thái Hàng Sơn náo loạn, Vệ nhờ vào đó mà thu thập binh lính, tiến lên phía Bắc, phá được cương Bình, hạ được ngoại thành ở Trung Mâu. Không phải là Vệ mạnh hơn Triệu, Vệ chỉ như mũi tên nhọn mà Ngụy là cây nỏ và dây cung, nhờ được sức của Ngụy mà chiếm được đất Hà Đông, làm cho Triệu phải sợ.

Người Sở cứu Triệu mà đánh Ngụy, khai chiến ở Châu Tây, tử Lương Môn tung ra, quân đóng ở Lâm Trung, ngựa uống nước sông lớn. Triệu nhờ được vậy cũng đánh úp miền Hà Bắc của Ngụy, đốt phá miền Cức Cấu, hạ được Hoàng thành, Cương

1. Can Tương vốn là tên một người đời cổ giỏi đúc kiếm. Lăn đó đúc kiếm không thành, người vợ tên là Mạc Da, bèn cắt tóc và móng tay, móng chân của mình bỏ vào lò đúc, nhờ vậy người chồng tạo được hai thanh kiếm quý, một chiếc tên là Can Tương một chiếc tên là Mạc Da.

2. Chúng tôi chấm câu theo bản Thương Vụ ấn thư quán Diệp Ngọc Lân chấm khác: xa xá nhân bất hưu, truyền Vệ quốc, thành cát binh; và dịch là: người điều khiển binh xa tiến không ngừng, binh đến Vệ, trong thành cát đất cầu hoà.

Bình bị Phá, Trung Mâu và Hoàng thành ⁽³⁾ bị hạ, Cửu cẩu bị đốt, đều không do ý muốn của Triệu, Ngụy. Thế là hai nước đó tận lực tiến quân là do lẽ gì vậy? Do vệ rõ được cái lẽ nương tựa vào thời thế và quyền biến.

Các người trị nước ngày nay thì không vậy. Binh yếu mà lại thích chống với nước mạnh, nước suy mà lại thích kết oán với người. Việc hỏng rồi mà lại thích tiếp tục, binh lực bạc nhược mà lại không chịu ở dưới người, đất hẹp mà lại chống với nước lớn, việc hỏng rồi mà lại thích dùng mưu gian. Có sáu hành động đó muốn làm bá chủ thì khó thay!

Tôi nghe nói người khéo trị nước thì thuận ý dân, mà liệu binh lực rồi sau mới theo sau thiên hạ ⁽⁴⁾. Cho nên kết ước thì không vì người mà chuốc lấy oán thù, chinh chiến thì không vì người mà toả chiết cường địch. Như vậy thì không hao binh, không dụng quyền mưu, đất đai có thể mở rộng mà nguyện vọng có thể đạt. Xưa Tề cùng Hàn, Ngụy đánh Tần, Sở; chiến tranh không phải là rất kịch liệt, cắt đất (của Tần, Sở) lại không nhiều gì hơn Hàn, Ngụy, vậy mà thiên hạ riêng đổ tội cho Tề (chứ không đổ tội cho Hàn, Ngụy) là tại sao? Chỉ tại Tề vì Hàn, Ngụy mà chuốc lấy oán. Khắp thiên hạ, nước nào cũng dụng binh, Tề với Yên đánh nhau mà Triệu thôn tính được Trung Sơn, Tần và Sở đánh nhau với Hàn, Ngụy không ngớt, Tống và Việt chuyên tâm dụng binh. Mười nước đó đều nghĩ tới việc đánh nhau, mà thiên hạ chỉ riêng chú ý tới Tề là tại sao?

(3) Có sách chép là Cao Thành.

(4) Ý nói là để các nước khác cử binh trước đi, mình đợi thời thì sẽ cử binh sau.

Là vì khi kết ước thì Tề thích đứng vào địa vị gây oán, đánh thì thích toả chiết cường địch.

Vả lại nước mạnh bị hoạ thường là do có ý muốn làm chủ các nước khác; nước yếu bị tai ách thường là do có ý muốn lừa gạt nước khác; vì vậy mà nước lớn thì nguy mà nước nhỏ thì bị diệt. Kế hoạch của nước lớn không gì bằng cử sự sau người ta và coi trọng sự thảo phạt những nước bất nghĩa. Cử sự sau người ta thì được cái lợi là có nhiều nước giúp mà binh của mình lại mạnh, như thế là lấy số quân đông và mạnh mà đánh số quân ít và mệt, nhất định phải thành công; việc làm của mình không ngăn tuyệt lòng quy phục của thiên hạ thì cái lợi tất dồn về mình. Nước lớn hành động như vậy thì cái danh chẳng phải cầu cũng tới, sự nghiệp bá vương chẳng phải làm cũng thành. Còn nước nhỏ thì không gì bằng cẩn, tĩnh, đừng nhẹ dạ vội tin chư hầu. Cẩn tĩnh thì các nước láng giềng không phản mình, ít tin chư hầu thì không bị chư hầu bán đứng mình. Ở ngoài không bị bán, ở trong không bị phản thì hoá vật chứa chất được nhiều tới hư thối mà không dùng tới, lụa vải súc tích đến mục nát mà không mặc tới ⁽⁵⁾. Nước nhỏ mà theo chính sách đó thì không cầu khẩn mà được phúc, không vay mượn mà tự túc được. Cho nên bảo: “Theo đạo nhân thì dựng được nghiệp vương; lập điều nghĩa thì làm được nghiệp bá; còn ham dùng binh thì bị diệt vong”.

Làm sao biết được điều đó? Xưa Ngô vương là Phù Sai, ý rằng nước mình mạnh lớn nhất thiên hạ, đánh úp nước Dĩnh (tức nước

(5) Ý nói dư nhiều quá, vì nước giàu.

Sở) mà cầm tù Việt vương, bắt các vua chư hầu phải phục tòng; vậy mà kết cục thân chết, nước mất, mà bị thiên hạ giết, là tại sao? Là tại Phù Sai bình thời tính chuyện làm chủ thiên hạ cậy nước mạnh và lớn mà thích thống lĩnh thiên hạ cho nên mới mang họa. Xưa kia, nước Lai, nước Cử thích dùng mưu kế, nước Tần, nước Thái thích dùng trá thuật; sau Cử ỷ vào Việt mà bị diệt, Thái ỷ vào Tấn mà bại vong. Đó là cái họa ở trong thì dùng trá thuật, ở ngoài thì tin ở chư hầu. Do đó mà xét thì cái họa của các nước mạnh, yếu, lớn, nhỏ đều thấy rõ ở việc trước rồi. Ngạn ngữ có câu: “Ngựa kì ngựa kí khi già yếu thì chạy thua cả con ngựa dõ; Mạnh Bôn lúc suy nhược thì sức thua cả đứa con gái”. Gân cốt sức mạnh của loài ngựa dõ, của hạng con gái đâu hơn được gân cốt, sức mạnh của loài kì, kí, của Mạnh Bôn; Thế thì tại sao lại thắng được? Chỉ tại cử sự sau thôi⁽⁶⁾.

Ngày nay, thế lực các nước trong thiên hạ ngang nhau, không thể diệt nhau được, nước nào biết án binh mà cử sự sau các nước khác, diệt kẻ không chính trực, mà quy oán cho nước khác, giấu cái ý dụng binh mà mượn cái chính nghĩa, như vậy thì các việc thôn tính thiên hạ có thể vắt chân mà đợi.

Hiểu rõ cái tình ý của chư hầu, xét kỹ cái hình thế đất đai, không kết thân, không trao đổi con tin mà lòng tin vẫn vững; không chạy mà vẫn tiến mau, cộng tác mà không phản phúc, cùng nhau cất đất của địch mà không ghen ghét lẫn nhau, cùng là cường quốc mà vẫn thân nhau, là nhờ đâu vậy? Nhờ cùng lo với nhau về hình thế đất đai và dùng binh để cùng tìm cái lợi.

(6) Ý nói: đợi khi người ta suy yếu rồi mà mình còn sung sức, cho nên thắng được.

Sao biết được như vậy? Xưa kia, Tề và Yên đánh nhau ở chỗ uốn khúc của núi Hoàn Sơn, Yên thua, chết mười vạn quân, rợ Hồ thừa cơ đánh úp các huyện Lô Phiên, bắt bò, ngựa. Rợ Hồ vốn có thân vờ với Tề dẫu mà lúc dùng binh cũng không kết ước hoặc trao đổi con tin gì với Tề để cướp Yên, mà cả hai nước đó đánh Yên, là tại sao? Tại hình thế đất đai làm cho hai nước đó cùng lo như nhau và họ dùng binh để tìm cái lợi như nhau. Do đó mà xét, kết ước với một nước hình thế đất đai giống nước mình thì cái lợi sẽ lâu dài; cử sự sau thì các nước khác hòa với ta và giúp ta. Cho nên bậc minh quân cùng hạng tể tướng giỏi mà thực có cái chí dựng nghiệp bá vương thì không coi chiến tranh là việc phải mưu tính trước hết, vì hễ chiến tranh thì nước đã suy tàn, đô thành quận huyện sẽ hao tổn; nước sẽ suy tàn, hao tổn mà có thể làm cho chư hầu tòng phục mình thì là điều ít thấy.

Chiến tranh là tàn mạt: nghe tin có chiến tranh, kẻ sĩ thì gom của riêng mà cấp cho binh đội; người ở chợ thì gom những đồ ăn uống mà cung cấp cho lính cảm tử; quan trên ra lệnh chặt đòn ngang của xe để làm củi, giết bò (cày) để đãi lính, như vậy là đưa binh đội đến chỗ suy nhược! Người thường thì cầu khẩn, vua chúa thì tế lễ các tử sĩ, từ kinh đô tới các huyện nhỏ đều đặt bàn thờ cúng kiếng, ấp nào có chợ thì cũng ngưng hoạt động mà phục vụ nhà vua, như vậy là làm cho nước hoá rỗng không. Hôm trước hết chiến tranh thì hôm sau lo chôn thây người, giúp đỡ kẻ bị thương, dù có công thắng trận nhưng hao tổn về quân phí, nhân dân bị thảm khóc lóc, cũng đau lòng cho vua. Nhà nào có người chết thì khuynh gia bại sản vì việc ma chay; nhà nào có người bị thương thì dốc hết tiền để lo việc thuốc thang; nhà nào không có người chết hoặc bị thương thì bày tiệc mừng, rượu chè chơi

bời, phí tổn cũng không kém những nhà có người chết hoặc bị thương. Phí tổn vào chiến tranh, mười năm thu lúa cũng chưa đủ bù, Quân đội mà chiến đấu xong thì mâu và kích gãy, vòng và dây cung đứt, nỗ hao tổn xe hư hỏng, ngựa mệt mỏi, tên mất đi già nửa, áo giáp cùng binh khí triều đình phát ra, kẻ sĩ và đại phu giấu đi một phần, sĩ tốt lấy trộm một phần, dù thu thuế ruộng mười năm cũng chưa đủ bù vào. Trong thiên hạ, nước nào hao phí đến hai lần ⁽⁷⁾ như vậy mà làm cho chư hầu từng phục mình thì là việc ít thấy.

Đánh thành là việc tốn kém, quần áo dân chúng rách hết, đem binh xa và chiến xa để phá thành; người dân ở nhà thì phải cùng nhau làm việc, trốn dưới hang, hầm, tiền của dùng hết ⁽⁸⁾; chiến sĩ khốn khổ vì công việc xây đắp, tướng thì không lúc nào bỏ áo giáp, một vài tháng mà hạ được thành, đã là mau rồi. Người trên mệt mỏi không còn lo việc giáo hoá dân được nữa, dân chúng thì vì chiến tranh mà bỏ cả việc làm ăn; cho nên ít khi hạ được ba thành mà thắng được địch ⁽⁹⁾. Cho nên nói: “Chiến tranh không phải là việc phải làm trước”.

Sao biết được vậy? Xưa kia Trí Bá Dao đánh Phạm và Trung Hàng, giết được vua, diệt được nước, rồi phía tây vây Tấn Dương, thôn tính hai nước ⁽¹⁰⁾, làm cho một ông vua (tức Triệu Tương

(7) Ý nói: trong chiến tranh đã hao phí mà sau chiến tranh lại hao phí hơn.

(8) Nguyên văn: đao kim, Tử Hải không có, Hứa Khiển Thiên giảng là binh khí. Thời cổ có thứ đao tiến, tức đồng tiến có hình con dao.

(9) Ý nói: hạ được ba thành rồi chưa chắc thắng được địch, thì sức mạnh đã suy nhiều, khó mà chiến thắng được nữa.

(10) Hai nước: tức Hàn, Ngụy chăng? Nhưng theo truyện Triệu 1, 2, Trí Bá chưa thôn tính được hai nước đó, chỉ mới cắt được ít đất thôi.

Tử) phải lo lắng, dùng binh mà như vậy là giỏi; nhưng kết quả là Trí Bá thân chết, nước mất, bị thiên hạ chê cười, là tại sao? Là vì bị cái nạn coi chiến tranh là việc phải làm trước mà giết Phạm và Trung Hàng.

Xưa Trung Sơn dốc hết binh mã nghênh chiến Yên và Triệu, phía nam đánh ở Trường Tử, thắng được Triệu, phía bắc đánh ở Trung Sơn, thắng được quân Yên, giết được tướng Yên; Trung Sơn là nước ngàn cỗ xe, mà đánh hai nước vạn cỗ xe hai lần đánh hai lần thắng, dùng binh như vậy là giỏi tuyệt. Vậy mà rồi nước cũng diệt vong, vua Trung Sơn phải thần phục Tề là tại sao? Tại không hạn chế cái họa của sự chinh chiến. Do đó mà xét thì sự suy bại do chiến tranh, có thể thấy ở các việc trước rồi.

Ngày nay người nào chiến tranh hoài không ngừng, thắng lợi liên tiếp, giữ thành không để cho địch công phá được như vậy thì được khen là khéo dùng binh. (Nhưng) nước nào được người như vậy để gìn giữ bờ cõi thì không phải là cái lợi cho quốc gia. Tôi nghe nói đánh nhau mà đại thắng, thì tướng sĩ chết nhiều mà binh lực càng yếu, giữ thành mà không cho địch công phá được thì trăm họ mệt mỏi mà thành quách phơi ra⁽¹¹⁾. Tướng sĩ chết ở ngoài, dân chúng tàn mạt ở trong, thành quách phơi ra, đâu phải là cái vui của vua. Cái đích để nhắm bắn kia, có tội gì với người đâu mà giương cung nỏ bắn vào, trúng thì được khen, không trúng thì xấu hổ. Lớn nhỏ, sang hèn đều đồng lòng bắn lủng nó, là vì sao vậy? Là vì ghét rằng

(11) Ý nói: địch tuy hạ không được thành nhưng thành cũng không còn gì để che chở nữa.

nó thách thức người ta. Nay người ta đánh nhau không ngừng, thắng lợi liên tiếp, giữ thành không chịu để cho công phá, không phải chỉ là thách thức người mà còn làm hại người nữa. Như vậy thì nhất định bị thiên hạ cừu thị. Làm cho binh sĩ mệt mỏi, quốc gia thành quách phơi ra mà gây sự oán cừu của nhiều nước trong thiên hạ, bậc minh quân tất không theo chính sách đó. Thường dùng binh thì binh mạnh sẽ hóa yếu, vị tể tướng giỏi tất không theo chính sách đó. Bậc minh quân và tể tướng giỏi thì không dùng tới năm thứ binh khí⁽¹²⁾ mà chư hầu phục tòng, thái độ khiêm nhượng mà của cải tới nhiều. Cho nên bậc minh quân tác chiến, không dùng đến giáp binh mà thắng được địch, không dùng tới chiến xa để công hãm thành mà thành ở biên cương phải đầu hàng, nhân dân không biết gì cả⁽¹³⁾ mà vua dựng được nghiệp. Bậc minh quân trị nước, dùng ít tiền bạc, tuy mất nhiều ngày giờ nhưng cái lợi được lâu dài. Cho nên bảo: “Dấy binh sau nước khác mà chư hầu ùa lại phục dịch cho ta”.

Tôi nghe nói rằng cái đạo chiến tranh không cần thầy dạy, vậy mà gặp quân đội trăm vạn, có thể ngồi ở trên thêm mưu tính mà đánh đuổi được giặc; tuy địch có những tướng như Hạp Lư, Ngô Khởi, có thể ngồi trong phòng mưu tính mà bắt sống được; cái thành cao ngàn trượng, có thể ngồi ở tiệc mưu tính mà hạ được; chiến xa dài trăm thước, có thể ngồi trên chiếu mưu tính mà phá gãy được. Cho nên tiếng chuông, tiếng trống, tiếng địch, tiếng

(12) Năm thứ binh khí là: cái cung, cây thù, cái mâu, cây qua, cây kích.

(13) Ý nói: không phải dùng đến sức nhân dân.

cầm không lúc nào ngắt, mà đất có thể mở rộng, nguyện vọng có thể đạt; tiếng ca tiếng cười của bọn con hát không ngừng mà trong một ngày có thể cầm tù được các vua chư hầu.

Cho nên danh tiếng ngang với trời đất mà không cho là quá tôn, lợi trùm cả hải nội mà không cho là quá hậu. Cho nên khéo dựng nghiệp vương thì làm cho thiên hạ lao khổ mà mình được thanh thoi, làm cho thiên hạ loạn lạc mà mình được yên ổn; làm cho sự thanh thoi yên trị về ta, sự khó nhọc, loạn lạc về thiên hạ, đó là cái đạo của bậc vương giả. Bình tinh nhuệ tới thì chống cự, mối lo lắng tới thì gỡ rối, khiến cho mưu mô của chư hầu không thành thì chư hầu không làm cho ta lo lắng lâu được.

Làm sao biết được vậy? Xưa kia đất Ngụy đất rộng ngàn dặm, binh nhiều ba mươi sáu vạn, cây mạnh mà đánh lấy Hàm Đan, phía tây vây Định Dương, lại cùng với mười hai chư hầu triều kiến thiên tử để mưu đánh nước Tần. Vua Tần lo lắng, ngủ không yên, ăn không ngon, ra lệnh trong nước, đặt chiến cụ ở trên tường các thành để đề phòng, lập bộ đội cảm tử, an bài binh tướng để đợi quân Ngụy. Vệ Ưởng bàn tính với vua Tần rằng: “Ngụy lập được công lớn mà hiệu lệnh được khắp thiên hạ theo, lại cùng với mười hai nước chư hầu triều kiến thiên tử, phe của Ngụy tất phải đông. Cho nên nước Tần mà địch với nước Ngụy lớn, e không đủ sức. Sao Đại Vương không sai tôi yết kiến vua Ngụy? Tôi xin làm cho quân Ngụy phải bỏ chạy”. Vua Tần bằng lòng. Vệ Ưởng bèn yết kiến vua Ngụy, tâu: “Công của Đại Vương lớn lắm! Mệnh lệnh của Đại Vương thi hành khắp trong thiên hạ! nay mười hai nước chư hầu theo Đại

(14) Ý nói: những nước chư hầu đó nhỏ, yếu.

Vương, nếu không phải Tống, Vệ, thì là Trâu, Lỗ, Trần, Thái, toàn là những chư hầu mà Đại Vương có thể dùng roi ngựa để sai khiến⁽¹⁴⁾, nhưng cũng chưa đủ cho Đại Vương làm chủ thiên hạ.

– Không bằng Đại Vương, phía bắc chiếm Yên, phía đông đánh Tề, như vậy Triệu tất phục tùng; phía tây chiếm Tần, phía nam đánh Sở, như vậy Hàn tất phục tùng. Đại Vương đã có ý đánh Tề, Sở mà lại thuận theo chí hướng của thiên hạ, thì vương nghiệp tất thành. Đại Vương trước hết nên dùng phục sức của bậc vương giả, rồi sau hãy mưu chiếm Tề, Sở”. Vua Ngụy vui vẻ theo lời Vệ Ưởng, nên mở rộng cung điện, may áo đỏ dựng cờ cứu du, cờ thất tinh⁽¹⁵⁾, toàn là những biểu hiệu mà thiên tử vua ngụy đem dùng; do đó Tề, Sở nổi giận, chư hầu chạy theo Tề hết. Tề bèn đánh Ngụy giết thái tử phá mười vạn quân Ngụy, vua Ngụy hoảng sợ, chạy chân không, trấn áp binh trong nước mà sang Tề rồi sau thiên hạ mới tha cho. Lúc đó vua Tần buông tà áo, chấp tay⁽¹⁶⁾ mà nhận những đất ở phía ngoài miền Hà Tây, không chịu phục vụ Ngụy. Cho nên bảo rằng: Vệ Ưởng khi cùng với vua Tần mưu việc, tính toán ở trên chiếu, bàn bạc ở trong tiệc rượu, mưu tính thành công ở chỗ thêm cung mà tướng Ngụy bị quân Tề bắt, chiến xa chưa ra mà những đất ở phía ngoài miền Hà Tây đã nhập vào Tần rồi. Như vậy gọi là: “Ngồi ở thêm mà đánh đuổi được địch, ngồi trong phòng mà bắt được tướng địch, ngồi trên tiệc rượu mà hạ được thành của địch, ngồi trên chiếu mà phá vỡ được chiến xa của địch”.

(15) *Cửu du, thất tinh là tên những cây cờ mà chỉ thiên tử mới được dùng. Có sách chú thích là: cửu du là chín cây cờ “du”, thứ cờ dài rộng.*

(16) *Ý nói: Ung dung ngồi một chỗ mà thành công.*

Tê VI

1

TÊ MÃN VƯƠNG TÀN BẠO, MÀ BỊ CHẾT (Tê phụ quách chi dân)

Ở ngoại ô thành nước Tê, có một người tên là Hồ Huyền ⁽¹⁾, chính nghị ⁽²⁾, Mãn vương sai chém ở Đan Cù (tên một con đường ở chợ) nên trăm họ không ưa; trong tôn thất nước Tê có một người tên là Trần ⁽³⁾ Cử hay trực ngôn, Mãn Vương sai giết ở cửa đông nên tôn tộc xa ghét; Tư Mã Nhược Thư ⁽⁴⁾ làm quan, Mãn vương sai giết đi, nên đại thần không tin nữa.

(1) Hồ Huyền có sách chép là Cô Huyền, hoặc Hồ Viên là người nước Tê.

(2) Chính nghị: bàn bạc, phê bình theo chính nghĩa.

(3) Có sách chép là Diển. Xưa hai chữ Trần và Diển dùng thay nhau.

(4) Tư Mã Nhược Thư, có sách chép là Nhược Tô, vốn là họ Diển, làm chức Tư Mã, nên lấy họ là Tư Mã.

Vì vậy mà Yên dấy binh, sai Xương Quốc quân ⁽⁵⁾ làm tướng đem quân đánh Tề. Tề sai Hươg Tử làm tướng cầm quân nghinh chiến. Quân Tề thua, Hươg Tử còn giữ được một chiếc binh xa, chạy trốn. Đạt Tử thu thập tàn binh, quân đội lại phấn phát lên, chiến đấu với Yên, xin Mẫn Vương cho thêm binh sĩ để báo thù, Mẫn Vương không cho thêm được, quân đội bị đánh tan, Mẫn Vương chạy trốn qua nước Cử.

(Tướng nước Sở là) Náo Xi ⁽⁶⁾ kể tội Mẫn Vương:

– Ở khoảng từ Thiên Thặng tới Bác Xương ⁽⁷⁾, vương vực mấy trăm dặm, mưa máu ướt áo, nhà vua có hay không?

Mẫn vương đáp:

– Không.

– Ở khoảng Doanh và Bác ⁽⁸⁾, đất nứt ra sâu tới mạch suối, nhà vua có hay không?

– Không.

– Có người khóc ở chỗ cửa khuyết, tìm thì không thấy người, mà bỏ đi thì nghe thấy tiếng khóc, vua có hay không?

– Không.

Náo Xi bảo:

– Trời mưa máu ướt áo là trời cảnh cáo nhà vua đấy; đất nứt

(5) Tức Nhạc Nghị, được phong làm Xương Quốc quân. - Xương Quốc là tên thành, nay ở Sơn Đông. Việc xảy vào năm 31 đời Chu Noãn Vương.

(6) Sở sai Náo Xi đem binh qua cứu Tề.

(7) Thiên Thặng và Bác Xương đều là tên đất, nay ở Sơn Đông.

(8) Doanh và Bác cũng là tên đất, nay ở Sơn Đông.

tới mạch suối là đất cảnh cáo nhà vua đấy; người khóc ở cửa khuyết là người cảnh cáo nhà vua đấy. Trời, đất, người đều cảnh cáo nhà vua mà nhà vua không biết răn mình, làm sao mà không đáng chết cho được?

Rồi giết Mẫn vương ở Cổ Lí. Thái Tử phải cởi bỏ y phục, trốn vào nhà quan thái sử, giả làm tên tưới vườn. Con gái quan thái sử - ⁽⁹⁾ sau làm hoàng hậu - biết thái tử là bậc quý nhân, đặc biệt đãi ngộ.

(Sau) Điền Đan dùng thành Tức Mặc và tàn binh của Tề đánh Yên, dùng mưu gạt Kị Kiếp ⁽¹⁰⁾, mà khôi phục được nước Tề, đón Thái Tử ở nước Cử về làm vua. Tương vương lên ngôi, phong Quân Vương hậu (tức con quan thái sử) làm hoàng hậu, hậu sinh ra Tề Vương Kiến ⁽¹¹⁾.

Vương Tôn Giả năm mươi lăm tuổi thờ Mẫn Vương, Mẫn vương trốn đi không biết tìm ở đâu. Người mẹ bảo:

– Sáng con ra đi mà chiều về thì mẹ tựa cửa ngóng con; chiều mà con ra đi mà không về thì mẹ tựa cửa ngóng con. Nay con thờ vua, vua trốn đi, con không biết tìm ở đâu thì con về nhà làm gì?

Vương Tôn Giả bèn lại giữa chợ, bảo:

(9) Nguyên văn: Quân vương thái tử thị nữ. Crump cho Quân Vương là tên thiếu nữ đó. Có sách thêm chữ hậu ở sau Quân Vương và cho Hậu đó là tên thiếu nữ.

(10) Kị Kiếp là tên tướng Yên, Điền Đan cho phao tin rằng ông chỉ sợ quân Yên cắt mũi quân Tề rồi xua ra trận mà quân Tề sẽ thua; quân Yên hay được, bắt được linh Tề nào cũng đem cắt mũi, quân Tề nổi giận... Ông lại phao tin rằng chỉ sợ quân Yên phá mố mà ở ngoài thành; quân Yên hay tin bèn đào mã ngoài thành; quân Tề thấy vậy khóc lóc, uất hận vô cùng, hăng tiết quyết chiến với quân Yên.

(11) Vương Kiến sau đầu hàng Tần và Tề mất nước từ đó, Crump chỉ dịch tới đây.

– Náo Xi làm loạn nước Tề, giết Mẫn Vương, ai muốn cùng tôi giết nó thì để hở cánh tay mặt đi!

Ở chợ, bốn trăm người đi theo, cùng vấn tội Náo Xi rồi đâm chết Náo Xi.

2

LỖ TRỌNG LIÊN THUYẾT TƯỚNG YÊN (Yên công Tề, thủ thất thập dư thành)

Yên đánh Tề, chiếm được trên bảy mươi thành, chỉ còn hai thành Cử và Tức Mặc là không hạ được. Tướng Tề là Điền Đan giữ Tức Mặc để đánh Yên, giết Kị Kiếp. Mới đầu, tướng Yên hạ được Liêu Thành, có người chê bai⁽¹⁾, tướng Yên sợ bị giết, giữ chặt lấy Liêu Thành mà không dám về nước. Điền Đan tấn công Liêu Thành, trên một năm, binh sĩ chết già nửa mà không hạ được. Lỗ Trọng Liên bèn viết thư, buộc vào mũi tên, bắn vào trong thành cho tướng Yên. Thư rằng.

– Tôi nghe nói, bậc trí giả không nghịch thời cơ mà bỏ lợi; bậc dũng sĩ không sợ chết mà huỷ danh; bậc trung thần không nghĩ đến thân mình trước mà nghĩ đến vua sau. Nay ông vì một buổi giận dữ⁽²⁾ mà không nghĩ rằng vua Yên sẽ mất bề tôi⁽³⁾, như vậy không phải là trung thần; ông chịu chết, làm tan

1. Có sách chú thích là: có người đặt ra lời hát để phản đối. Chưa tra được sự thực ra sao.

2. Crump dịch là: nay ông chịu sự oán hận của cả một triều đình Nguyên vận: hành nhất triều chi phẫn.

3. Ý nói: tướng Yên, sẽ chết nếu giữ Liêu Thành.

nát Liêu Thành, mà uy lực không được Tề nể⁽⁴⁾, như vậy không phải là dũng sĩ; sự nghiệp hồng, thanh danh tiêu, đời sau không ai khen, như vậy không phải là trí giả. Cho nên bậc trí giả không tính đi tính lại, bậc dũng sĩ không sợ chết⁽⁵⁾. Tử sinh, vinh nhục, tôn ti, quý tiện đều ở trong lúc này cả, xin ông mưu tính cho kĩ lưỡng, đừng theo thói thường nhân.

Sở đánh Nam Dương, Ngụy đánh Bình Lục, Tề không có ý hướng về phía Nam, cho rằng cái hại mất Nam Dương không bằng cái lợi được Tế Bắc⁽⁶⁾, cho nên quyết tâm chiếm được Liêu Thành. Hiện nay Tần đem binh cứu Tề, Ngụy không dám hướng qua phía đông đánh Bình Lục; Tần và Tề liên hoành với nhau mà hợp lực lại thì cái thế của Sở hoá nguy. Vả lại Tề bỏ Nam Dương, cắt Hữu Nhuơng⁽⁷⁾ (tức Bình Lục), để giữ Tế Bắc, kể đó thế nào cũng đem thực hành.

Nay Sở, Ngụy đều lui binh, cứu binh của Yên không tới, không nước nào mưu chiếm nước Tề; Tề với Liêu Thành cầm cự với nhau một năm thì, theo tôi thấy, ông không thế nào thắng được Tề đâu. Tề nhất định ăn thua với Liêu Thành, mà lỗi lầm của ông không sửa lại được nữa.

Nước Yên kia đại loạn, vua tôi tính lầm, trên dưới mê hoặc, Lật Phúc⁽⁸⁾ đem tới trăm vạn quân mà năm lần đánh bại ở

(4) Crump dịch là: uy danh không ra khỏi nước Tế, nguyên văn: uy bất tin ư Tế.

(5) Có bản chép là: dũng sĩ bất tái kiếp. Crump dịch là: dũng sĩ không bại tẩu hai lần.

(6) Nam Dương là đất của Tế, nay ở Sơn Đông. Tế Bắc là miền ở phía bắc sông Tế, tức miền Liêu Thành. Sở và Ngụy ở phía nam nước Tế. Tế không có ý hướng về phía Nam, nghĩa là không có ý đánh Sở và Ngụy.

(7) Hữu Nhuơng là đất ở phía mặt của Tế. Có bản chép là Thạch Nhuơng.

(8) Lật Phúc là tướng quốc Yên.

ngoài, nước ông là một nước vạn thặng mà bị Triệu vây, đất bị cắt, vua bị khốn, bị thiên hạ nguyên rủa, ông hay điều đó chứ? Nay vua Yên cô lập, dương sợ sệt, đại thần không đáng tin, quốc gia khốn đốn, tai hoạ thì nhiều, lòng dân hoang mang, mà ông lại đem số dân khốn đốn của Liêu Thành chống cự với binh hoàn chinh của Tề, một năm ròng mà không bỏ, đó là “lối giữ thành của Mặc Định⁽⁹⁾”! Ăn thịt người, đốt xương người làm củi, quân sĩ không có lòng làm phẩn, đó là “binh của Tôn Tần và Ngô Khởi!”. Bấy nhiêu có thể làm cho ông hiển danh trong thiên hạ rồi⁽¹⁰⁾.

Cho nên ở vào địa vị ông mà mưu tính thì không bằng bãi binh, hưu chiến, bảo toàn binh xa khí giới mà về báo tin cho vua Yên, vua Yên tất mừng, mà nhân dân nước Yên thấy ông mừng như thấy cha, mẹ; bạn bè gặp nhau, nắm tay nhau mà đàm luận thế sự, sự nghiệp của ông có thể là rõ ràng rồi. Trên thì thờ vua cô độc để khống chế quần thần, dưới thì nuôi trăm họ để giúp đỡ các biện sĩ, sửa đổi quốc chiến, cải cách phong tục trong thiên hạ, công danh ông có thể là vững vàng rồi.

Hoặc giả ông muốn làm suy tổn nước Yên, không kể tới sự phê phán của người đời, mà qua chơi phía đông là nước Tề ư? Nếu vậy thì Tề xin cắt đất để phong cho ông, ông sẽ giàu ngang họ Đào, họ Vệ,⁽¹¹⁾ đời đời xưng cô quả, cùng với Tề

(9) Mặc Định tức Mặc Tử. Công Thâu Ban đánh Tống, chín lần tấn công một thành, Mặc Tử chín lần đẩy được.

(10) Câu này có ý khen quân Yên bị vây, thiếu gạo, thiếu củi, thiếu đủ thứ mà vẫn một lòng cố cự.

(11) Họ Đào chỉ Ngụy Nhiễm ở đất Đào; họ Vệ chỉ Thương Ưởng.

trường tồn, đó cũng là một cách nữa. Hai cách đó đều là hiển danh, tăng lợi, xin ông xét kỹ rồi lựa một.

Tôi lại nghe: quá chú trọng tới tiểu tiết thì không làm được sự nghiệp lớn lao; hận về cái sỉ nhục nhỏ thì không lập được danh tiếng vẻ vang. Xưa Quản Trọng bắn Tề Hoàn Công⁽¹²⁾, trúng cái khoá dây lưng, vậy là phản nghịch; công tử Củ chết mà không biết chết theo, vậy là khiếp nhục, chân tay bị cùm, trói, vậy là nhục thân. Bị ba cái đó thì người trong làng xóm không giao du nữa, mà các vị quân vương không dùng làm bề tôi nữa. Nếu Quản Trọng suốt đời uất ức, tự giam trong nhà mà không ra ngoài vì xấu hổ sợ người ta thấy mặt như vậy tới khi chết, thì rốt cuộc chỉ là kẻ bị nhục, hành vi đê tiện mà thôi! Nhưng Quản Trọng tuy có đủ ba cái lỗi đó mà nắm chính quyền của Tề, khuông chính thiên hạ, chín lần họp chư hầu⁽¹³⁾, làm cho vua Tề đứng đầu hàng ngũ bá, danh tiếng cao nhất trong thiên hạ, vinh quang chiếu tới các nước láng giềng.

Tào Mạt⁽¹⁴⁾ làm tướng cho vua Lỗ, ba lần ra quân ba lần chạy dài, để mất cả ngàn dặm đất. Nhưng nếu Tào Tử chân không rời khỏi trận địa, mưu tính mà không nghĩ đến việc sau, ra trận (không thắng) thì nhất định chết chứ không chịu sống, thì rốt cuộc chỉ là một viên tướng bại trận bị bắt. Tào Tử cho rằng tướng bại trận bị bắt thì không phải là dũng; mà công

(12) Tề Hoàn Công tức là công tử Tiểu Bạch.

(13) Xem chú thích⁽¹⁾ trang 199.

(14) Có bản chép là Tào Muội.

nghiệp phải bỏ, thanh danh tiêu ma, thì không phải là trí. Cho nên ông ta chịu bỏ cái nhục ba lần thua chạy lui, về bàn tính với Lỗ, và Tào Tử có dịp lập công⁽¹⁵⁾. Tề Hoàn công gồm thiên hạ rồi, triều hội chư hầu, mà Tào Tử chỉ có một thanh kiếm, bức hiếp Hoàn công ở trên đàn, nhan sắc không đổi, lời nói, thần khí không loạn; thành thử những đất đai mất trong ba lần chiến bại kia chỉ trong một ngày mà thu hồi lại được, thiên hạ phải chấn động, chư hầu phải hoảng sợ, uy vọng lan tới Ngô, Sở, thanh danh truyền tới hậu thế.

Hai ông đó không phải là không giữ được những cái tiểu tiết, không phải là không biết chết vì cái nhục nhỏ; nhưng cho rằng thân chết, lia đời rồi mà công danh không thành thì không phải là trí. Cho nên bỏ cái lòng phần hận để lập cái danh cho suốt đời, nén cái phần uất vì nhục để lập sự nghiệp đời đời. Nhờ vậy sự nghiệp của họ mới cùng với tam vương tranh nhau hơn kém, danh vọng của họ mới cùng với trời đất trường tồn. Xin ông xét cho!

Tướng Yên đáp:

– Xin tuân lệnh ông.

Rồi bãi binh, đảo ngược cái bao cung⁽¹⁶⁾ mà lui quân. Vậy giải vây cho Tề, cứu sống cho trăm họ là nhờ lời biện thuyết của Trọng Liên.

(15) Nguyên văn; dĩ vi tao, Diệp Ngọc Lân dịch là : cho rằng trước kia thua chỉ tại không gặp may. Chúng tôi theo Crump.

(16) Crump theo Hoàn điển Duy Hiếu mà sửa là túi tên.

3

QUÁN CHÂU KHUYÊN TÊ TUYÊN VƯƠNG (Yên công Tê, Tê phá)

Yên đánh Tê, Tê thua, Mẫn vương trốn qua Cử, Náo Xỉ giết Mẫn Vương. Điền Đan cố giữ thành Tức Mặc, phá quân Yên, thu phục được đất cũ của Tê. Tương Vương làm thái tử, tỏ vẻ nghi rằng Tê đã phá Yên⁽¹⁾ thì Điền Đan muốn tự lên ngôi mà dân chúng nước Tê cũng cho rằng Điền Đan muốn tự lên ngôi.

Tương Vương lên ngôi rồi, Điền Đan làm tướng quốc. Có lần qua sông Tri, thấy một ông già lội qua sông bị lạnh cóng, lên bờ rồi không đi được nữa, ngồi ở bãi cát. Điền Đan thấy vậy, muốn bảo bọn tùy hành ở xe sau xẻ áo cho ông lão, nhưng không ai có áo để cho. Đan bèn cởi chiếc áo cừu đưa ông lão mặc. Tương vương có vẻ nghi kị, bảo:

– Điền Đan thi ân như vậy là tính chiếm nước của ta chăng? Ta không sớm liệu thì e trễ mất.

Nhìn chung quanh không thấy ai cả; chỉ thấy ở dưới chân núi có một người tên là Quán Châu⁽²⁾. Tương vương gọi người đó lại hỏi:

– Người nghe được lời ta nói không?

(1) Nguyên văn: chúng Tê dĩ phá Yên. Có học giả ngờ chữ Chúng phải sửa lại chữ vi. Diệp Ngọc Lân dịch là: Tương Vương làm thái tử, mới rõ sự thực Tê đã phá Yên, Crump dịch là: Thái tử tánh nhỏ mọn. Khi đã phá Yên.

– Thưa nghe.

– Theo ý người thì nên ra sao?

– Đại vương nhân đó mà coi như cái hay của mình. Đại Vương nên khen Đan rồi hạ lệnh bảo: “Quả nhân lo dân đói, Đan gom dân đói về nuôi; quả nhân lo dân rét, Đan cởi áo cừu mà cho dân mặc, quả nhân lo trăm họ phải khó nhọc. Đan cũng lo cho trăm họ thật hợp ý quả nhân”. Đan có chỗ nào tốt, nhà vua khen Đan là tốt, thì cái tốt của Đan cũng là cái tốt của vua.

Vua đáp:

– Phải.

Rồi tặng Đan thịt bò và rượu, khen hành vi của Đan.

Ít ngày sau, Quán Châu lại yết kiến vua, bảo:

– Ngày về triều⁽³⁾ Đại Vương nên vời Diên Đan tới rồi vái chào Diên Đan ở triều, uỷ lạo ông ta, và hạ lệnh tìm những kẻ đói rét trong nước, gom về mà nuôi nấng.

(Tương vương làm theo lời) rồi⁽⁴⁾ sai người nghe ngóng trong dân gian, thiên hạ nói với nhau rằng:

“Ông Diên Đan yêu dân, ha! đó là ân trạch của nhà vua đấy!”

(2) Chúng tôi theo bản *Thương vụ ấn thư quán*. Không rõ crump theo bản nào mà dịch là: thấy một người đang xỏ hạt châu ở dưới bao lơn. Có thể Crump đúng.

(3) Crump dịch là: lần sau họp triều.

(4) Crump dịch là: làm như vậy rồi, nhà vua sẽ sai người nghe ngóng trong dân gian và sẽ được nghe người ta nói với nhau...

4

ĐIỀU BỘT BINH VỰC ĐIỀN ĐAN
(Điều Bột thường ố Điền Đan)

Điều Bột thường huỷ báng Điền Đan: “An Bình quân⁽¹⁾ là hạng tiểu nhân!”

An Bình hay được, đặt tiệc rượu, mời Điều Bột tới, bảo:

– Đan có gì dẫu tội với tiên sinh mà thường bị tiên sinh chê ở triều đình?

Điều Bột đáp:

– Con chó của tên Chích⁽²⁾ cắn vua Nghiêu, không phải là yêu tên Chích mà ghét vua Nghiêu; loài chó hễ không phải chủ của nó thì nó cắn, thế thôi. Nay, ví phỏng Công Tôn Tử là người hiền mà Từ Tử là kẻ bất hiếu mà hai người đó đánh nhau thì con chó của Từ Tử tức khắc vồ lấy mà cắn bụng chân của Công Tôn Tử. Nếu nó rời ông chủ bất hiếu đi mà lại ở với ông chủ hiền thì há chỉ vồ lấy cắn bụng chân của ông mà thôi đâu!

An Bình quân bảo:

– Xin vâng lời chỉ giáo.

Hôm sau Điền Đan đề cử Điều Bột với Tương vương. Tương

(1) Điền Đan được phong là An Bình quân, An Bình là tên đất, nay ở Sơn Đông.

(2) Chích là tên giặc cướp đời Xuân Thu.

vương có chín người bề tôi được sủng ái, họ đều muốn hại An Bình quân, cùng nhau nói với vua:

– Khi Yên đánh Tề, vua Sở sai tướng đem vạn quân qua giúp Tề. Nay nước đã yên, xã tắc đã vững, sao không sai sứ sang tạ ơn vua Sở?

Vua hỏi:

– Trong số tả hữu, ai là người đi được?

Bọn chín người đều đáp:

– Diêu Bột đi được.

Diêu Bột đi sứ qua Sở, Vua Sở (Khoảnh Tương Vương) thết tiệc đãi. Mấy ngày không về. Bọn chín người kia cùng báo vua Tề:

– Một kẻ tầm thường (trở Diêu Bột) mà làm cho vua một nước vạn thặng lưu lại như vậy, chẳng phải là nhờ cậy ở một thế lực nào đó ư? (ám chỉ Điền Đan). Vả lại An Bình quân đối với nhà vua, không giữ lễ vua tôi, không phân biệt trên dưới; lại nuôi cái ý chẳng tốt (ý nói muốn làm phản), ở trong thì vỗ về bách tính, thu phục nhân tâm, giúp đỡ kẻ nghèo khổ, thiếu thốn, ban ân đức cho dân, ở ngoài thì chiêu nạp Nhung, Địch (Chỉ các người nước ngoài) cùng kẻ hiền sĩ trong thiên hạ, ngầm kết giao với các kẻ anh hùng tuấn kiệt ở các nước chư hầu là có ý muốn làm phản, xin nhà vua xét kĩ xem.

Một hôm Tương vương ra lệnh:

– Gọi tướng quốc Đan lại đây!

Điền Đan bỏ mũ, tụt giày, cởi áo để lộ thân thể mà vô; khi

lui ra, xin tội chết⁽³⁾.

Năm ngày sau, Tương vương bảo:

– Người không có tội gì với ta. Người giữ đúng cái lễ bề tôi của người, ta giữ đúng cái lễ quân vương của ta, chỉ có thể thôi! Điêu Bột từ Sở về, vua liền bày tiệc đãi. Trong lúc ngà ngà, vua ra lệnh:

– Gọi tướng quốc Điền Đan lại đây!

Điêu Bột rời chiếu, dập đầu xuống sàn, thưa:

– Nhà vua sao lại có giọng mất nước đó? Nhà vua, ở trên, so với Chu Văn vương thì ai hơn?

Vua đáp:

– Ta không bằng Chu Văn vương.

Điêu Bột bảo:

– Phải. Tôi vẫn biết rằng nhà vua không bằng. Ở dưới ⁽¹⁾ so với Tề Hoàn công thì ai hơn?

– Ta không bằng Tề Hoàn công.

– Phải. Tôi vẫn biết rằng nhà vua không bằng. Vậy mà Chu Văn vương được Lữ Thượng, gọi Lữ Thượng là Thái công, Tề Hoàn công được Quản Di Ngô, gọi Quản Di Ngô là Trọng Phủ⁽⁴⁾,

(3) Vì vô lễ, vào chầu vua mà y phục không chỉnh tề, Điền Đan biết Tương vương muốn coi mình như đầy tớ, nô lệ, muốn làm nhục mình, nên làm như vậy cho Tương vương hả dạ.

(4) Trên và dưới ở đây nói về tài đức; tài đức cao thì như Chu Văn Vương, coi Lữ Thượng như cha chú mình nên gọi như vậy. Trọng phủ có hai thuyết: một thuyết là Trọng phủ nghĩa là ông Trọng (Trọng là tên Quản Di Ngô); một thuyết là trọng phụ, cũng là tiếng tôn xưng, coi như cha chú mình.

nay nhà vua được An Bình quân mà chỉ gọi cộc lốc là “Đan”! Và lại từ buổi khai thiên lập địa, có loài người đến nay, làm kẻ bề tôi mà có công lớn thì có ai hơn được An Bình quân không? Mà nhà vua gọi “Đan! Đan!”, sao lại có cái giọng mất nước đó? Thử nghĩ coi, nhà vua không giữ được xā tắc của tiên vương, Yên dấy binh mà đánh úp đất Tề, nhà vua phải chạy trốn vào miền núi ở Thành Dương; thành Túc Mặc ở trong cơn nguy cấp khủng cự, An Bình quân dùng bảy ngàn tàn binh trong cái thành rộng ba dặm, quách dài năm dặm đó mà bắt được quan Tư mã của Yên, thu hồi được ngàn dặm đất cho Tề, đó là công của An Bình quân. Lúc đó ông ấy đóng cửa Thành Dương mà xưng vương ở Thành Dương thì trong thiên hạ có ai mà ngăn ông ấy được; nhưng ông ấy nghĩ tới đạo nghĩa, cho hành động như vậy là không phải, cho nên mới làm đường sạn đạo mộc các⁽⁵⁾ mà đón nhà vua cùng hoàng hậu ở trong núi miền Thành Dương về, nhờ vậy mà nhà vua mới được về triều mà cai trị trăm họ. Nay nước đã định, dân đã yên, thì vua gọi: “Đan!”; tới con nít cũng không có thái độ như vậy. Nhà vua không giết ngay bọn chín kẻ kia đi mà tạ tội với An Bình quân thì nước sẽ nguy mất!

Tương vương bèn giết chín người kia, đuổi hết cả nhà họ đi, lại phong An Bình quân một vạn nhà ở Dạ Ấp⁽⁶⁾.

(5) San đạo là đường trong núi, lấy cây gác qua gác lại mà đi.

Mộc các là cái gác bằng cây, cũng tức như lấy cây dựng thành thang để leo núi.

(6) Cũng gọi là Dịch Ấp.

5

TẠI SAO ĐIỀN ĐAN KHÔNG THẮNG RỢ ĐỊCH
(Điền Đan tương công Địch)

Điền Đan sắp đánh rợ Địch, lại thăm Lỗ Trọng Tử. Trọng Tử bảo:

-Tướng quân đánh rợ Địch, không thắng được đâu! Điền Đan đáp:

-Tôi trước kia chỉ dùng tàn quân của một cái thành rộng năm dặm, quách dài bảy dặm mà phá được quân của Yên là nước vạn thặng; khôi phục được đất của Tề; nay đánh rợ Địch mà không thắng là tại sao?

Nói xong, chẳng thèm cáo từ, lên xe mà đi, rồi đánh rợ Địch. Ba tháng mà không thắng được. Có một đứa trẻ Tề hát bài đồng dao này: “Mão lớn tẩy thúng, gươm dài tới cầm, đánh Địch không thắng, chỉ chiếm đôi cần”⁽¹⁾.

Điền Đan nghe vậy, hoảng sợ, hỏi Lỗ Trọng Liên:

-Tiên sinh bảo Đan không thắng được rợ Địch thì tại sao?

Lỗ Trọng Liên đáp:

-Tướng quân hồi ở Tức Mặc, ngồi thì đan sọt, đứng dậy thì cầm mai cuốc đất, ca bài này cho sĩ tốt nghe: “Phải tiến quân

(1) Nghĩa là gươm dài quá, đeo vào thì chuỗi gươm đưa lên tới cầm. Có nhà hiệu đính (Ngô Sư Đạo và Hoàng Diển Duy Hiếu) cho rằng chữ khô (khô hầu = đôi cần) Phải đối là Ngô (Ngô hầu = đối Ngô - Ngô là tên đất).

chứ, xã tắc mất rồi, hồn phách phiêu bạt, biết quay về đâu!”. Lúc đó tướng quân có lòng quyết tử mà sĩ tốt không có lòng tham sinh, nghe lời ca đó, không ai không rơi lệ, vung tay quyết chiến, nhờ vậy mà thắng được Yên. Ngày nay tướng quân, ở phía đông có Dạ Ấp cung phụng, phía tây có Tri Thượng giúp vui, đai vàng đeo ngang lưng, dong ruổi trong khoảng từ sông Tri tới sông Thăng, có tấm lòng vui sống, không có ý tứ quyết tử, vì vậy mà không thắng được rợ Địch.

Diễn Đan bảo:

-Đan tôi có con tâm, nhờ tiên sinh mà nó theo được đường chính!

Hôm sau, Diễn Đan kích lệ sĩ khí và đi tuần ở gần thành, phơi mình dưới mũi tên, hòn đạn, thân cầm dùi thúc trống; rợ Địch phải hàng.

CHƯƠNG IV

Sở sách

Chu Thành vương (1115-1078) phong Hùng Dịch ở đất Sở, đô ở Đan Dương (nay thuộc tỉnh Hồ Bắc). Thời Xuân Thu, Sở xưng vương, thời Chiến Quốc, thành một trong thất hùng, sau bị Tần diệt. Đất Sở nay nằm trên các tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam, Giang Tô, Giang Tây, Chiết Giang và phía nam tỉnh Hà Nam. Nước Sở cũng gọi là nước Kinh.

SỞ 1

1

TỬ TƯỢNG KHUYÊN TỔNG ĐỪNG GIÚP TÊ (Tê, Sở cầu nạn)

– Tê, Sở đánh nhau, Tống xin được trung lập. Nhưng bị Tê áp bức, Tống phải hứa giúp Tê. Tử Tượng vì Sở mà thuyết vua Tống.

– Nếu Sở vì hoà hoãn mà mất Tống (vì Tống đứng về phía Tê), thì Sở sẽ theo gương Tê mà áp bức Tống (để Tống đứng về phía Sở). Tê dùng áp lực mà được Tống giúp thì sau này tất (quen mưu) thường dùng áp lực. Như vậy Tống theo Tê mà đánh Sở, vị tất đã có lợi (cho Tống). Tê mà thắng Sở, thế tất nguy cho Tống; không thắng thì là nước Tống nhược tiểu mà dám phạm tới nước Sở hùng cường. Như vậy là Tống khiến cho hai nước vạn thặng có thói dùng áp lực (với Tống) để được toại nguyện, Tống tất nguy mất!

3

CÁO MUỖN OAI CỌP
(Tuyên vương vấn quần thần)

(kinh) Tuyên vương hỏi quần thần:

– Ta nghe nói các nước phương bắc sợ Chiêu Hề Tuất⁽¹⁾, thực sự là vì đâu?

Không ai trả lời. Giang Nhất⁽²⁾ thưa:

– Con hổ tìm các con thú để ăn thịt, gặp con cáo. Con cáo bảo:

“Mày không dám ăn thịt tao đâu! Thượng đế sai tao làm thú lãnh các loài thú, mày mà ăn thịt tao là trái lệnh Thượng Đế. Mày không tin lời tao thì tao đi trước, mày theo sau, xem các loài thú thấy tao có phải chạy trốn không.” Con hổ cho là phải, rồi cùng thử đi với con cáo. Các loài thú thấy đều chạy, con hổ không biết rằng chúng sợ mình mà chạy, tưởng rằng chúng sợ con cáo. Nay đất của Đại Vương vuông năm ngàn dặm, binh sĩ có trăm vạn mà riêng uỷ thác cả cho Chiêu Hề Tuất, cho nên các nước phương bắc sợ Chiêu Hề Tuất, thực ra là sợ quân của Đại Vương, cũng như các loài thú sợ hổ vậy.

(1) Chiêu Hề Tuất là tể tướng nước Sở.

(2) Giang nhất có chỗ viết Giang Ất là người nước Ngụy mà làm quan nước Sở. Xưa hai chữ ất và nhất dùng thay nhau được.

5

SỞ CỨU TRIỆU ĐỂ CHIẾM ĐẤT CỦA NGỤY (Hàm Đan chi nạn)

Trong trận Hàm Đan⁽¹⁾, Chiêu Hề Tuất bảo vua Sở:

– Đại vương đừng nên cứu Triệu, mà nên giúp cho Ngụy mạnh. Ngụy mạnh thì đòi cắt đất của Triệu nhiều hơn, Triệu không chịu, tất cố chống cự, rốt cuộc là hai nước đều mệt mỏi.

Cảnh Xá (người nước Sở) bảo:

– Không phải vậy! Chiêu Hề Tuất không hiểu gì cả. Ngụy đánh Triệu, thì sợ nhất là bị Sở tập hậu. Nay ta không cứu Triệu, thì Triệu sẽ nguy mà Ngụy nguy không phải lo Sở (tập hậu), thế cũng tức như Sở, Ngụy cùng đánh Triệu hại cho Triệu càng lớn, chứ làm sao mà “hai nước đều mệt mỏi” (như Chiêu Hề Tuất nói)?

Vả lại Ngụy đem binh⁽²⁾ thâm nhập Triệu mà chiếm đất, Triệu thấy cái thế nguy rồi, mà Sở lại không cứu mình, thì tất liên hợp với Ngụy để đánh Sở.

Cho nên tốt hơn, Đại Vương nên đem một ít quân cứu Triệu, Triệu cậy có Sở mạnh, tất chiến đấu với Ngụy. Ngụy thấy Triệu có thái độ đó, tất nổi giận; lại thấy cứu binh của Sở (ít) không đáng sợ, nhất định không tha Triệu. Như vậy Triệu và Ngụy đều mệt mỏi. Tề và Tần sẽ hưởng ứng Sở và Ngụy sẽ bị diệt.

(1) Hàm Đan, kinh đô nước Triệu, bị Ngụy vây.

(2) Có bản chép là hợp (chữ không phải linh), nghĩa là tập hợp binh lại.

Sở bèn sai Cảnh Xá đem binh cứu Triệu, Hàm Đan bị phá, và Sở chiếm được đất (của Ngụy) từ sông Tuy tới sông Hối.

7

GIANG ẤT GHÉT CHIÊU HỀ TUẤT

(Giang Ất ố Chiêu Hề Tuất)

Giang Ất ghét Chiêu Hề Tuất, bảo vua Sở:

- Một người có một con chó khéo giữ nhà nên cưng nó lắm. Con chó đó có lần đá vào giếng. Người hàng xóm thấy nó đá vào giếng, muốn vô mách chủ nhà. Con chó ghét người hàng xóm, đứng ở cửa mà sủa, người hàng xóm sợ, không vô mách được.

Trong trận Hàm Đan, Sở tiến quân mà chiếm được Đại Lương. Chiêu Hề Tuất chiếm được những bảo khí của Ngụy. Hối đó thần ở Ngụy nên biết được việc đó, vì vậy mà Chiêu Hề Tuất không muốn cho thần yết kiến Đại Vương.

8

GIANG ẤT GIỀM PHA CHIÊU HỀ TUẤT

(Giang ẤT dục ố Chiêu Hề Tuất)

Giang Ất muốn giềm pha Chiêu Hề Tuất, nói với vua Sở:

- Người dưới mà kết đảng thì người trên nguy, người dưới mà chia rẽ tranh nhau thì người trên yên, Đại Vương biết điều

đó chứ? Xin Đại Vương đừng quên. Có người thích khen cái hay của người khác thì Đại Vương xét người đó ra sao?

Vua đáp:

– Người đó là hạng quân tử, nên thân cận với.

Giang Ất hỏi:

– Có người ưa vạch cái xấu của người khác thì Đại Vương xét người đó ra sao?

Vua đáp:

– Người đó là hạng tiểu nhân, nên tránh xa ra.

Giang Ất bảo:

– Như vậy, nếu có đứa con giết cha, kẻ bề tôi giết vua, thì rồi rốt cuộc Đại Vương cũng không biết. Là tại sao? Tại Đại Vương chỉ thích nghe cái tốt mà không muốn nghe cái xấu của người.

Vua đáp:

– Phải. Quả nhân xin nghe cả hai.

9

AN LĂNG QUÂN XIN CHẾT THEO VUA (Giang Ất thuê ư An Lăng quân)

Giang Ất nói với An Lăng quân⁽¹⁾:

– Ông không có một thước đất, không có tình cốt nhục với

1. An Lăng quân tên là Triền, người nước Sở, được phong ở đất An Lăng, nay thuộc Hà Nam.

vua, mà được hưởng địa vị tôn quý, bổng lộc hậu hĩnh, người trong nước thấy ông, ai cũng xốc áo mà vái, cúi mình mà chào, là nhờ đâu?

Đáp:

- Nhờ vua quá dễ cử đẩy thôi, nếu không thì đâu được vậy.

Giang Ất bảo:

- Dùng tiền bạc mà kết giao, hết tiền thì hết tình; dùng nhan sắc mà kết hợp, sắc suy thì tình đổi. Cho nên người ái thiếp thì chưa nát chiếu mà bị chồng đuổi; kẻ sủng thần thì chưa hư xe mà đã bị vua bỏ. Nay riêng ông được quyền lớn ở Sở mà chưa có gì thăm thiết giao kết với vua, tôi trộm lấy làm nguy cho ông!

An Lăng quân hỏi:

- Vậy thì phải làm sao bây giờ?

Giang Ất đáp:

- Ông nên xin được chết với vua, đem thân mà tuấn táng với vua, như vậy thì được trọng dụng hoài ở Sở.

- Xin tuân lời dạy bảo.

Ba năm sau, An Lăng quân không hề nói gì với vua, Giang Ất lại tới thăm, bảo:

- Lời tôi nói với ông trước kia nay vẫn chưa làm ông không dùng kế của tôi, tôi xin từ nay không dám yết kiến ông nữa.

An Lăng quân đáp:

- Không dám quên lời dạy của tiên sinh, chỉ vì chưa có cơ hội đấy thôi.

Sau vua Sở đi săn ở Vân Mộng⁽²⁾, nghìn cỗ xe bốn ngựa nối tiếp nhau, cờ xí rợp trời, lửa đốt đồng nổi lên, như mây ráng, huỷ⁽³⁾ rống cộp gầm vang như sấm động. Có một con hủi cuồng nộ chạy theo xe vua, muốn đâm càn vào xe, vua giương cung bắn một phát chết. Vua rút ra một khúc cán cờ, đề lên đầu con huỷ rồi ngựa mặt lên trời, cười:

- Cuộc săn hôm nay vui quá! Quả nhân khi vạn tuổi rồi, còn vui với ai được như vậy nữa?

An Lăng quân nước mắt rùng rùng, tiến lên tâu:

- Thần ở trong cung, thì ngồi gần chiếu Đại Vương, ra ngoài thì ngồi hầu cùng xe với Đại Vương, Đại Vương vạn tuổi rồi, thần xin được tự đem thân xuống chốn suối vàng thử làm cái nệm che cho Đại Vương khỏi bị sâu kiến, cái vui đó so với cái vui này mới ra sao!

Vua Sở mừng, phong cho làm An Lăng quân⁽⁴⁾.

Người quân tử nghe chuyện đó, bảo:

- Giang Ất giỏi bày mưu thật, mà An Lăng quân giỏi lựa cơ hội thật.

(2) Vân Mộng là tên hai cái hồ, Vân hồ ở Giang Bắc và Mộng hồ ở Giang Nam. Lại thuyết rằng Vân Mộng tức Động Đình hồ. Ở đây nên theo thuyết sau.

(3) Hủi là con tê cái.

(4) Lúc đó Triều mới được phong là An Lăng quân.

15

VUA SỞ LỰA TẾ TƯỚNG CHO TẦN (Sở vương vấn ư Phạm Hoàn)

Vua Sở (Hoài vương) hỏi Phạm Hoàn:

– Quả nhân muốn cử một người làm tể tướng nước Tần, nên cử ai?

– Tôi không biết được.

– Ta cử Cam Mậu được không?

– Không được.

– Sao vậy?

– Sở Cử là người coi cửa ở Thượng Thái, việc lớn thì không biết thờ vua, việc nhỏ thì không biết trị gia, nhờ tánh hà khắc liêm khiết mà được nổi tiếng, Cam Mậu hầu hạ người đó mà rất hoà thuận. Cho nên sáng suốt như vua Huệ vương, xét nét như vua Vũ vương hay gièm pha người khác như Trương Nghi mà Cam Mậu thờ những người đó, mười lần được thăng quan, không hề bị tội lần nào, quả thực Mậu là người hiền, nhưng không thể làm tể tướng nước Tần được! Tần mà có ông tể tướng hiền, không phải là cái lợi cho Sở. Vả lại nhà vua đã từng cử Triệu Hoạt⁽¹⁾ làm quan ở Việt, sở dĩ gây cái nạn ở Cú Chương và Muội⁽²⁾, là vì Việt có nội loạn mà Sở mới chiếm

(1) Triệu Hoạt là người Sở.

(2) Có sách lại giải thích là: Gây cái nạn ở Chương Muội, tức Đường Muội.

được miền Lại Hồ ở phía Nam, biên giới mới mở rộng tới Giang Đông. Xét công của nhà vua được như vậy là vì Việt loạn mà Sở trị. Chính sách đó nhà vua dùng ở Việt, mà nay lại không dùng ở Tần, nên tôi cho rằng nhà vua mau quên quá! Nhà vua mà muốn đặt tể tướng ở Tần thì như Công Tôn Hác là được. Công Tôn Hác là người thân cận của vua Tần, hồi nhỏ mặc chung áo của nhau, lớn lên ngồi chung xe với nhau, bận y phục của vua mà trị nước, đúng là người mà nhà vua nên cử làm tể tướng. Nhà vua mà cử người ấy thì là cái lợi lớn cho Sở.

16

TÔ TẦN THUYẾT SỞ UY VƯƠNG THEO HỢP TUNG

(Tô Tần vị Triệu hợp tung)

Tô Tần thuyết vua Sở Uy vương theo chính sách hợp tung của Triệu:

– Sở là cường quốc trong thiên hạ; Đại Vương là hiền vương trong thiên hạ. Nước Sở, phía tây có Kiếm Trung, Vu Quận, phía Đông có Hạ Châu, Hải Dương, Phía Nam có hồ Động Đình, núi Thương Ngô, phía Bắc có sông Phần, núi Hình hiểm trở. Miền Tuân Dương⁽¹⁾ rộng năm ngàn dặm, binh sĩ được trăm vạn, chiến xa được ngàn cỗ, chiến mã được vạn con, thóc lúa đủ chi dùng mười năm như vậy đủ giúp Đại Vương lập sự

(1) Tuân Dương tức Tuấn Quan, nay ở tỉnh Thiểm Tây.

nghiệp bá vương. Nước Sở hùng cường mà Đại Vương hiền minh, thiên hạ không sao địch nổi, vậy mà nay Đại Vương muốn quay mặt qua phía Tây thờ Tần thì chư hầu không nước nào không quay mặt về phía Nam⁽²⁾ hướng về Chương Đài⁽³⁾ mà triều phục Tần.

Trong thiên hạ, Tần lo nhất vì nước Sở; Sở mạnh thì Tần yếu, Sở yếu thì Tần mạnh, thế hai nước phải một mất một còn, cho nên vì Đại Vương mà mưu tính thì không gì bằng hợp tung để cho Tần hoá cô lập. Đại Vương mà không hợp tung thì Tần tất dẫn hai đạo binh, một đạo ra khỏi Vũ Quan, một đạo xuống Kiếm Trung⁽⁴⁾ như vậy đất Yên, đất Dĩnh tất chấn động. Tôi nghe nói khi chưa loạn thì phải trị nước đi, việc chưa phát sinh thì nên lo trước đi chứ đợi tới rồi mới tính thì không kịp nữa; cho nên tôi xin Đại Vương tính sớm cho.

Đại Vương mà theo kế của tôi thì tôi xin khiến các nước ở Sơn Đông bốn mùa tiến cống Đại Vương, tuân theo pháp chế sáng suốt của Đại Vương, đem xã tắc tôn miếu phò thác cho Sở, thao luyện binh sĩ để tùy ý Đại Vương sử dụng. Nếu Đại Vương quả thực theo kế ngu của tôi thì những con gái hát hay, sắc đẹp của Hàn, Ngụy, Tề, Yên, Triệu, Vệ sẽ chập hậu cung của Đại Vương, những ngựa tốt và lạc đà của Triệu⁽⁵⁾ sẽ đầy chuồng ở sân của Đại Vương. Cho

(2) Cả ba cuốn chúng tôi dùng đều ghi là phía Nam, nhưng cuốn của Diệp Ngọc Lân khi dịch ra bạch thoại lại ghi là phía Tây, Tần chinh ở phía Tây.

(3) Chương Đài cũng gọi là Tần Đài ở Thiểm Tây.

(4) Tần đem quân ra khỏi Vũ Quan để chiếm đất Yên mà xuống Kiếm Trung để chiếm đất Dĩnh của Sở.

(5) Có sách chép là nước Yên.

nên kế hợp tung mà thành thì Sở lập nên vương nghiệp, kế liên hoành mà thành thì Tần dựng nên đế nghiệp. Nay Đại Vương bỏ cái nghiệp bá vương mà mang tiếng là thờ người, tôi trộm nghĩ rằng Đại Vương không lựa chính sách đó.

Tần là nước hổ lang, có ý thôn tính thiên hạ. Tần là kẻ thù của thiên hạ, các người theo chính sách liên hoành đều muốn cắt đất của chư hầu để thờ Tần, như vậy là phụng dưỡng kẻ thù địch. Làm bề tôi mà cắt đất của vua để giao kết với nước Tần cường bạo như hổ lang ở ngoài, cho Tần xâm chiếm thiên hạ thì rốt cuộc phải chịu cái họa của Tần. Cậy cái uy lực của Tần ở ngoài mà ở trong hiệp đáp vua của mình để đòi vua cắt đất cho Tần, đại nghịch, bất trung đến vậy là cùng cực. Cho nên hợp tung mà thành thì chư hầu cắt đất để thờ Sở, liên hoành mà thành thì Sở phải cắt đất thờ Tần, hai chính sách đó khác nhau rất xa, Đại Vương lựa chính sách nào?

Vì vậy mà vua Triệu của tề quốc sai tôi dâng Đại Vương ngu kế của tôi, xin Đại Vương ước định, nước tôi sẽ tuân lệnh Đại Vương.

Vua Sở đáp:

- Nước của quả nhân phía tây giáp với nước Tần, Tần có cái ý chiếm Ba Thục, thôn tính Hán Trung. Tần là nước hổ lang, không thể thân được. Mà Hán, Ngụy bị Tần uy hiếp, quả nhân không thể mưu tính thân thiết với hai nước đó, sợ họ phản quả nhân mà tố cáo với Tần, mà rồi mưu chưa thành, nước Sở đã lâm nguy. Quả nhân tự liệu đem Sở mà chống Tần, chưa chắc đã thắng được, mà ở trong triều mưu tính với quần thần, thì không biết ai đáng tin cậy, cho nên quả nhân ngủ không yên, ăn không ngon, lòng dao

động như ngọn cờ treo, không biết dựa vào đâu. Nay ông muốn thống nhất thiên hạ, vỗ về chư hầu, bảo tồn các nước lâm nguy, quả nhân xin kính cẩn đem xã tắc theo kế hoạch của ông.

17

TRƯƠNG NGHI VÌ TÂN MÀ PHÁ THẾ HỢP TUNG

(Trương Nghi vì Tân phá tung)

Trương Nghi vì Tân phá thế hợp tung, dựng thế liên hoành, thuyết với Sở (Hoài) vương:

- Nước Tân chiếm nửa thiên hạ, binh lực địch nổi bốn nước, có núi (Chung Nam và Thái Hoa) làm áo, có sông (Long Môn) làm đai, ⁽¹⁾bốn phía hiểm trở non sông vững vàng, binh sĩ hùng hổ trên trăm vạn, chiến xa ngàn cỗ, chiến mã vạn con, lúa thóc chất cao như núi, pháp lệnh đã nghiêm minh, quân lính lại không sợ gian nan, vui vẻ tử chiến, vua thì uy nghiêm, sáng suốt, tướng thì đã trí lại dũng; tuy không xuất binh mà chiếm được đất Thường Sơn ⁽²⁾ hiểm trở, dễ như cuốn chiếu, chặt gãy cái xương sống của thiên hạ, nước nào mà chậm phục tùng thì bị diệt liền. Vả lại những kẻ chủ trương hợp tung kia có khác gì đuổi một bầy dê để

(1) Ý nói núi che chở ở phía sau, sông uốn khúc chảy qua cõi.

(2) Thường Sơn cũng gọi là Đằng Sơn, Bắc Nhạc, nay ở tỉnh Trực Lệ, nó liền với Thái Hàng Sơn, như cái xương sống của Trung Quốc.

săn mãnh hổ, dê địch sao nổi hổ, lẽ đó minh bạch. Nay Đại Vương không kết thân với mãnh hổ mà ngược lại, kết thân với bầy dê, tôi trộm nghĩ rằng Đại Vương đã tính lầm rồi vậy!

Là cường quốc trong thiên hạ, không Tần thì Sở, không Sở thì Tần, hai nước đó thế lực ngang nhau mà tranh thì phải một mất một còn. Nếu Đại Vương không kết liên với Tần, Tần sẽ đem binh chiếm Nghi Dương, những miền ở phía trên nước Hàn sẽ bị gián cách; rồi Tần đem quân đánh Hàn Đông, chiếm thành Cao, Hàn tất phải thần phục Tần. Hàn thần phục Tần rồi thì Ngụy tất theo gót Hàn ngay. Tần đánh phía Tây của Sở; Hàn, Ngụy đánh phía Bắc, thì xã tắc Sở làm sao mà không nguy?

Vả lại bọn chủ trương hợp tung kia tụ tập một bầy yếu đuối để đánh một nước mạnh; dùng yếu mà đánh mạnh, không lượng sức mà nghinh chiến, nước thì nghèo mà lại cử binh gấp (không dự bị trước), thuật đó là thuật nguy vong. Tôi nghe nói rằng binh lực không bằng người thì đừng khiêu chiến, thóc lúa không bằng người thì đừng cầm cự với người. Bọn chủ trương hợp tung kia, mồm mép huênh hoang, đề cao tiết hạnh của vua chúa, chỉ bàn tới lợi mà không xét tới hại, rốt cuộc bị cái hoạ của Tần, cứu không kịp đã! Cho nên tôi xin Đại Vương suy tính kỹ cho.

Tần, phía Tây có Ba Thục, thuyền sắp hàng hai, chở lúa, khởi hành từ Ván Sơn, theo dòng mà xuôi tới Dĩnh, đường dài ba ngàn dặm. Gom thuyền chở lính, một chiếc chở được năm chục lính với ba tháng lương thực, trôi theo dòng một ngày được ba trăm dặm. Đường tuy dài mà không phải phí sức và mồ hôi của ngựa, không

đầy mười ngày đã tới Cản Quan. Làm cho Cản Quan kinh hoảng rồi⁽³⁾ mới theo cánh Lãng mà qua Đông, bao nhiêu thành sẽ chiếm hết mà đất Kiềm Trung và Vu Quận không còn thuộc Đại Vương nữa. Tần lại đem quân ra khỏi Vũ Quan, hướng về phía Nam mà tấn công, và cắt đứt được miền phía Bắc của Sở. Tần đánh Sở chỉ trong ba tháng là Sở nguy, mà Sở trông cậy vào sự cứu viện của chư hầu thì phải già nửa năm cứu viện mới tới, như vậy thế lực của Sở không địch được Tần rồi. Cứ trông cậy ở sự cứu viện của mấy nước yếu đuối mà quên cái hoạ cường Tần, điều đó tôi lấy làm lo cho Đại Vương!

Vả lại Đại Vương từng đánh nhau với Ngô năm lần, thắng được ba mà diệt Ngô, cựu binh chết hết rồi, mà lại phải rải rác đi giữ các thành mới chiếm được, thành thử dân chúng khốn khổ. Tôi nghe nói rằng đánh nước lớn thì sẽ nguy mà dân chúng khốn khổ sẽ oán hận người trên. Muốn lập cái công để nguy mà làm trái ý cường Tần, tôi trộm lấy làm nguy cho Đại Vương!

Vả lại Tần Sở dĩ mười lăm năm không xuất quân ra khỏi cửa Hàm Cốc là âm mưu muốn thôn tính thiên hạ. Sở đã từng gây hấn với Tần, đánh nhau ở Hán Trung, Sở không thắng được, chết mất trên bảy chục vị thông hầu cầm ngọc khuê⁽⁴⁾ rồi mất Hán Trung; vua Sở căm giận, khởi binh đánh úp Tần ở Lam Điền, lại thua nữa. Như vậy là hai con vật nhau. Tần, Sở tàn hại nhau, Hàn và Ngụy dùng toàn lực khống chế phía sau của Tần, Sở, như vậy không còn gì nguy hiểm bằng, cho nên Nhi tôi xin Đại Vương xét cho kỹ đi.

(3) Ý nói phá tan Cản Quan rồi.

Tần đem binh đánh Vệ và Dương Tấn, tất là đóng cái bụng của thiên hạ⁽⁵⁾; lúc đó Đại Vương tất đem quân đánh Tống, không tới vài tháng là chiếm được Tống, chiếm Tống rồi tiến binh qua phía Đông, và mười hai nước chư hầu ở trên con sông Tứ⁽⁶⁾ sẽ về Đại Vương.

Trong thiên hạ người tin và kiên quyết theo chính sách hợp tung là Tô Tần, Tô Tần được phong là Vũ An quân làm tướng quốc nước Yên, âm mưu với vua Yên để phá Tề rồi cùng chia đất của Tề. Hắn tính vậy rồi giả dò là có tội, trốn qua Tề, vua Tề dùng hắn làm tướng quốc trên hai năm sau âm mưu mới phát giác, vua Tề cả giận, dùng xe xé thây Tô Tần ở chợ. Một kẻ gian trá phản phúc như Tô Tần mà muốn kinh doanh⁽⁷⁾ thiên hạ, thống nhất chư hầu thì không thể thành công được, lẽ ấy rõ ràng quá.

Nay Tần với Sở sát vách nhau, về hình thế vốn là thân cận với nhau. Nếu Đại Vương theo mưu kế của tôi thì tôi xin cho thái tử của Tần làm con tin ở Sở, thái tử của Sở làm con tin ở Tần, xin đem con gái vua Tần gả cho Đại Vương để trông nom việc quét dọn, và dâng Đại Vương một đô ấp có

(4) Thông hầu là tên một chức tước để phong các tướng có công và được coi gần như người trong vương thất. Trước gọi là Triệu hầu, sau kiêng tên Hán Vũ Đế, đổi làm thông hầu.

(5) Thường Sơn là xương sống của Trung Quốc; mà nước Vệ và Dương Tấn là cái bụng của Trung Quốc vì miền đó ở chỗ giao nhau của biên giới các nước Tấn, Tấn, Tề, Sở, Ý nói Tấn mà chiếm được Vệ và Dương Tấn thì các nước kia mắc nghẽn, hết giao thông với nhau được.

(6) Chỉ các nước Tống, Lỗ Lữ...

(7) Tiếng kinh doanh này dùng theo nghĩa cổ là mưu tính việc nước, việc thiên hạ.

vạn nóc nhà để Đại Vương lấy thuế dùng vào việc tấi gọi (trước khi tế lễ), hai nước sẽ vĩnh viễn làm anh em với nhau, suốt đời không đánh nhau, tôi cho không có kế nào tiện lợi hơn kế đó. Vì vậy mà vua Tần của tậ quốc sai tôi đi sứ theo sau xa giá, dưới làn gió của Đại Vương mà dâng thư; dám mong Đại Vương quyết định.

Vua Sở đáp:

-Nước Sở có một nơi hẻo lánh, thô lậu, nhờ ở gần Đông Hải; quả nhân tuổi nhỏ, chưa quen tính kế lâu dài cho quốc gia; nay may được quý khách đem chính sách sáng suốt dạy bảo cho, quả nhân xin nghe lời, kính cẩn đem nước Sở theo Tần.

Rồi sai người thống lĩnh trăm cỗ binh xa, dâng vua Tần “sừng kê hẩ”⁽⁸⁾ cùng ngọc dạ quang⁽⁹⁾.

(8) Một thứ sừng tê có vân trắng, như sợi chỉ, đặt những hạt gạo lên sừng tê đó thì gà trông thấy, sợ, không dám mổ hạt gạo.

(9) Một thứ ngọc ban đêm tỏa ra ánh sáng.

19

MẠC NGAO TỬ HOA ĐÁP SỞ UY VƯƠNG

(Uy vương vấn ư Mạc Ngao Tử Hoa)

(Sở) Uy vương hỏi Mạc Ngao⁽¹⁾ Tử Hoa:

– Từ đời tiên quân là Văn vương đến đời quả nhân, phỏng có bề tôi nào không vì tước cao, lộc hậu mà hết lòng lo việc xã tắc không nhỉ?

Mạc Ngao Tử Hoa đáp:

– Hoa tôi không biết được.

– Nếu các đại phu cũng không biết thì quả nhân hỏi ai bây giờ?

– Nhưng Đại Vương muốn hỏi về hạng người nào? Có người chỉ nhận chức thấp, sống trong cảnh nghèo để lo việc xã tắc; có người muốn chức cao, lộc hậu để lo việc xã tắc; có người tự cửa cổ mổ bụng nhắm mắt luôn cho tới vạn đại, không biết làm như vậy có lợi gì không, để lo việc xã tắc; có người lao thân sấu tư để lo việc xã tắc; có người không vì tước cao lộc hậu mà lo việc xã tắc.

– Ông nói là những ai đấy?

(1) Theo Crump thì Mạc Ngao là một chức lớn ở Sở, theo Hứa Khiếu Thiên thì là tên họ. Có thể là tên chức, sau thành họ, như tiếng Tư Mã.

(2) Tử Văn tức Đấu Tử Văn, một vị quan nước Sở. Khi mới sanh, bị cha bỏ ở ngoài đồng, được một con hổ cái cho bú, ba ngày sau cha thấy vẫn còn sống mới đem về nuôi.

Mạc Ngao Tử Hoa đáp:

– Xưa kia, quan lệnh doãn Tử Văn⁽²⁾ vào triều thì bận áo lụa thâm, ở nhà thì bận áo lông bằng da hươu, từ mờ sáng đứng ở triều, sẩm tối mới về nhà ăn cơm, có bữa sáng không nghĩ tới bữa tối, không khi nào chứa thóc gạo đủ một tháng⁽³⁾. Nhận chức thấp, sống trong cảnh nghèo để lo việc xã tắc, tức là quan lệnh doãn Tử Văn đấy.

Xưa kia, Diệp Công Tử Cao⁽⁴⁾ giữ chức (lớn) ở triều⁽⁵⁾; lộc ngang chức trụ quốc⁽⁶⁾, giết được Bạch Công, làm yên được nước Sở, khôi phục được những đất ở phía ngoài Phương Thành thời tiên quân, bốn bờ cõi không bị xâm lược, không bị khuất nhục với các nước chư hầu. Lúc đó không nước nào dám đem binh hướng về phía Nam (tức Sở) và Diệp Công Tử Cao được hưởng sáu trăm khoảnh ruộng. Muốn chức cao và lộc hậu để lo việc xã tắc, tức là ông Diệp Công Tử Cao đấy.

Xưa kia, Ngô với Sở đánh nhau ở Bách Cử⁽⁷⁾, trong khi hai bên giao chiến, Mạc Ngao Đại Tâm vỗ vào tay người đánh xe, quay lại, thở dài than: “Hỡi ôi! nay anh, tới ngày⁽⁸⁾ nước Sở mất rồi! Tôi sắp tiến sâu vào quân Ngô đây, nếu anh đập được một tên giặc, đâm trúng được tên giặc cho Đại Tâm tôi thì xã tắc chưa đến

(3) Nguyên văn là nguyệt (tháng), Crump đổi là nhật (ngày) cho hợp với hàng trên.

(4) Diệp Văn Tử Cao làm chức Tả Tư Mã của Sở

(5) Nguyên văn là: thân hoạch ư biểu bạc. Chúng tôi theo chú thích của Hứa Khiếu Thiên. Crump cho là rất tốt nghĩa và dịch là: mặc dầu có thời nghèo ở quê hương.

(6) Cũng gọi là Thượng Trụ quốc, một chức cao ở triều đình.

(7) Bách Cử nay ở tỉnh Hồ Bắc, miền đó có núi Bách Tử và sông Cử thủy nên gọi là Bách Cử.

(8) Có sách chép là nguyệt (tháng).

nổi nào!⁽⁹⁾. Cửa cổ, mỗ bụng, nhắm mắt luôn cho tới vạn đại, không biết làm như vậy có lợi gì không để lo việc xã tắc, tức là ông Mạc Ngao Đại Tâm đấy.

Xưa kia, Ngô với Sở đánh ở Bách Cử, sau ba trận, Ngô vô được đất Dĩnh, vua Sở Chiêu vương phải chạy trốn, các quan đại phu đều chạy theo vua, trăm họ li tán, Phần Mạo Bột Tô⁽¹⁰⁾ bảo: “Nếu ta bận áo giáp cứng, cầm binh khí nhọn, qua nước địch hùng cường mà chết thì bất quá chỉ như một tên lính, không bằng chạy qua các nước chư hầu. “Rồi vác lương thực, lên đi, leo những ngọn núi cheo leo, lội những khe nước thăm thẳm, té chân, rách đầu gối, bảy ngày tới triều đình vua Tần, đứng như con chim tước⁽¹¹⁾, không nhúc nhích, sáng rên, chiều khóc bảy ngày mà không được tâu với vua Tần, không uống một giọt nước, tới té nhào chết giấc,⁽¹²⁾ không nhận được ra ai nữa. Vua Tần (Ai Công) hay tin, chạy vội lại, mào đai xốc xếch, tay trái đỡ đầu Phần Mạo Bột Tô, tay phải đổ nước vào miệng, Bột Tô mới hồi tỉnh lại. Vua Tần đích thân hỏi: “Ông là ai?” Phần Mạo Bột Tô đáp: “Tôi chính là sứ giả của Sở, mới đắc tội với Đại Vương, Phần Mạo Bột Tô đây chứ không ai khác. Ngô với Sở đánh nhau ở Bách Cử, sau ba trận, Ngô vô được đất Dĩnh, quốc quân của tôi phải chạy trốn, các quan đại phu đều theo vua, trăm họ li tán, sai tôi qua (Tần) báo tin mất nước và

(9) Mạc Ngao Đại Tam quyết chiến với quân địch và nghĩ rằng ai cũng một lòng như vậy thì có cơ cứu được nước.

(10) Phần Mạo Bột Tô trong Tả truyện gọi là Thân Bao Tư.

(11) Ta thường dịch là chim sủ. Crump theo Hoành Điển Duy Hiếu dịch là chim sến.

(12) Chúng tôi dịch thiếu chữ mao ở đây vì không hiểu nghĩa.

xin cứu viện”. Vua Tần cúi xuống bảo đừng ngồi dậy: “Quả nhân nghe nói rằng ông vua một nước vạn thặng đắc tội với một kẻ sĩ thì xã tắc lâm nguy, lời đó nói về lỗi của quả nhân bây giờ đây”. Rồi phát ngàn cỗ chiến xa, vạn binh sĩ, giao cho Tử Mãn và Tử Hồ⁽¹³⁾ vượt biên giới mà tiến sang phía đông, giao chiến với quân Ngô ở Trọc Thủy, đánh bại quân Ngô rồi lại đánh Toại phố. Lao thân, sâu tứ để lo việc xã tắc, tức là Phần Mạo Bột Tô vậy.

Ngô với Sở đánh nhau ở Bách Cử, sau ba trận, Ngô vô được đất Dĩnh, vua Sở chạy trốn, các quan đại phu đều chạy theo, trăm họ li tán. Mông Cốc⁽¹⁴⁾ cùng với binh sĩ hết lòng chiến đấu ở phía trên đất Cung Đường, rồi bỏ cuộc chiến đấu mà chạy về đất Dĩnh, bảo: “Nếu vua Chiêu Vương còn có con côi⁽¹⁵⁾ thì xã tắc của Sở không đến nỗi này!” Rồi vô trong cung, ôm những sổ sách thất tán ra, chở đường thủy, trốn vào đất Vân Mộng. Khi vua Chiêu vương trở về Dĩnh, năm quan⁽¹⁶⁾ mất hết pháp điển, trăm họ hỗn loạn. Mông Cốc dâng pháp điển, năm quan có được pháp điển mà trăm họ đại trị. Công của Mông Cốc lớn, ngang với công bảo tồn được quốc gia, vua phong cho tước cầm ngọc khuê” và sáu trăm khoảnh ruộng. Mông giận, bảo: “Cốc không phải là bề tôi của người mà là bề tôi của xã

(13) Tử Mãn và Tử Hồ đều là quan đại phu của Tần.

(14) Mông Cốc là người nước Sở.

(15) Lúc vua Chiêu Vương trốn qua nước Tụy, sống chết chưa biết ra sao, nếu chết mà còn con côi thì quốc dân sẽ lập con lên làm vua.

(16) Năm quan là các quan tư đồ, tư mã, tư thông, tư sĩ, tư khấu.

tắc, nếu xã tắc còn được cúng tế thì lo gì không có vua?" Nói rồi bỏ đi, vào trong núi Ma Sơn⁽¹⁷⁾. Không vì chức cao bổng hậu mà lo việc xã tắc, tức là Mông Cốc đấy.

Uy vương thở dài bảo:

- Những vị đó là người thời xưa! Người đời nay đâu được như vậy!

Mạc Ngao Tử Hoa đáp:

- Xưa kia, tiên quân là Linh vương thích những người lưng thon, mà những kẻ sĩ ở nước Sở đều phải nhịn ăn, yếu đến nỗi phải dựa rồi mới đứng được, Phải vịn rồi mới ngồi dậy được. Ăn thì ai chẳng muốn mà họ kiên tâm rán nhịn, chết thì ai chẳng sợ mà họ tìm tới cái chết chứ không tránh. Hoa tôi nghe nói rằng vua mà thích bắn thì bề tôi ráng luyện cung tên⁽¹⁸⁾. Đại vương không thích kẻ hiền đấy thôi, nếu thực tâm thích thì năm vị bề tôi thời cổ kia có thể tìm được lắm chứ.

(17) Ma Sơn nay ở tỉnh Hồ Bắc.

(18) Nguyên văn là quyết thập, chỉ những vật để bao ngón tay cái bên phải và đeo vào ngón tay trái trong khi bắn để khỏi đau hoặc bị thương.

SỞ II

1

VIỆC ĐỀ CỬ CAM MẬU LÀM TƯỚNG QUỐC NGỤY

(Ngụy tướng Địch Cường tử)

Tướng quốc nước Ngụy là Địch Cường chết. Có người vì Cam Mậu bảo vua Sở:

– Người có hy vọng làm tướng quốc Ngụy là Công tử Kính. Kính mà làm tướng quốc Ngụy thì Tần và Ngụy rất thân thiện với nhau; Tần và Ngụy hoà hảo với nhau; Tần và Ngụy hoà hảo với nhau thì địa vị của Sở tất kém. Cho nên nhà vua nên kết ước với Tề, cùng giúp cho Cam Mậu làm tướng quốc Ngụy. Vua Tề thích được tiếng ở trên người khác,⁽¹⁾ nay ta sai người xin vua Tề để cử Cam Mậu làm tướng quốc Ngụy, vua Tề tất mừng rỡ. Ngụy mà không chịu thì gây ác cảm với Tề; Tề Ngụy mà ghét nhau thì tất

(1) Nghĩa là: vua Tề thích được vua các chư hầu coi là bề trên mà hỏi ý kiến mình.

tranh nhau thờ Sở. Còn như Ngụy chịu dùng Cam Mậu làm tướng quốc, Cam Mậu với Xư Lý Tật (tướng quốc của Tần) là kẻ không đội trời chung với nhau⁽²⁾, sự bang giao giữa Ngụy và Tần tất gay cấn mà Ngụy tất phải nhờ cậy, kính trọng Sở.

4

CẢN THƯỢNG BÀY KẾ CỨU TRƯƠNG NGHI (Sở Hoài vương cầu Trương Nghi)

Sở Hoài vương giam Trương Nghi, tính đem giết⁽¹⁾ Cản Thượng⁽²⁾ vì Trương Nghi bảo vua Sở:

– Giam Trương Nghi thì vua Tần (Chiêu vương) tất giận, thiên hạ thấy Sở không được Tần ủng hộ tất coi rẻ Sở.

Rồi Cản Thượng lại bảo ái phi của vua Sở là nàng Trịnh Dữu:

– Bà cũng tự biết rằng sắp bị vua rẻ rúng chứ?

Trịnh Dữu hỏi:

– Sao vậy?

Thượng đáp:

(2) Nguyên văn là: có cái thù đối đầu của nhau (mậu thù chi thù): đem đầu của mình đối lấy đầu kẻ thù.

(1) Trương Nghi là người nước Ngụy, mới đầu khuyên vua Sở tuyệt giao với Tần thì Tần sẽ tặng Sở sáu trăm dặm ở Thương Ó, Vua Sở nghe lời Trương Nghi, nhưng rồi vua Tần nuốt lời, chỉ giao cho có sáu dặm, vì vậy vua Sở oán Trương Nghi, tới khi Trương Nghi qua Sở, vua Sở sai giam lại, tính đem giết. (Coi bài Tần II 1 trang 193).

(2) Cản Thượng là sủng thần của Sở Hoài vương, rất thân với Trương Nghi.

- Trương Nghi là bề tôi trung tính, có công lao của vua Tần. Nay Sở giam Trương Nghi, vua Tần muốn Sở phóng thích ông ta. Vua Tần có người ái nữ diễm lệ, lại lựa trong cung những mỹ nữ giỏi đàn ca để cho theo hầu, lại tặng vua Sở kim ngọc bảo vật cùng sáu huyện Thượng để vua thu thuế chi phí về việc tấ gọi, sai Trương Nghi dâng lên vua Sở, vua Sở tất yêu con gái vua Tần, con gái vua Tần sẽ dựa vào cha mà địa vị được tôn trọng, lại cậy vào bảo vật và đất đai⁽³⁾, tất sẽ được làm hoàng hậu mà giữ địa vị tôn quý ở Sở. Vua Sở ham vui mà hoá ra mê ám, tất rất tôn quý, yêu dấu con gái vua Tần mà bỏ rơi bà, bà sẽ bị coi rẻ mà mỗi ngày mỗi bị lơ là.

Trịnh Dữu bảo:

- Mọi sự nhờ ông, nên tính sao bây giờ?

Đáp:

- Sao bà không gấp nói với vua thả Trương Nghi ra? Trương Nghi được thả, mang ơn bà hoài, con gái vua Tần sẽ không tới⁽⁴⁾ mà vua Tần quý bà. Ở trong thì giữ được lòng yêu quý của vua Sở, ở ngoài thì kết giao với Tần, giữ Trương Nghi lại để mà dùng, như vậy con cháu của bà sau này tất làm Thái tử nước Sở, lợi đó không phải tầm thường đâu⁽⁵⁾.

Nàng Trịnh Dữu lập tức thuyết vua Sở thả Trương Nghi⁽⁶⁾.

(3) Tức bảo vật đất đai mà vua Tần tặng Sở khi gả con gái cho vua Sở.

(4) Vì Trương Nghi tìm cách ngăn cản vua Tần trong việc gả con gái cho vua Sở, để đáp ơn Trịnh Dữu.

(5) Nguyên văn: "Không phải là cái lợi của kẻ áo vải đâu" (phi bố ích chi lợi dã). Ý nói lợi đó là cái lợi lớn của bậc vua chúa.

(6) Việc này làm cho Khuất Nguyên rất uất hận. Lúc đó ông không có mặt ở triều không kịp can vua Sở.

7

THẬN TỬ GIẢI NẠN CHO SỞ
(Sở Tương vương vì thái tử)

Hồi xưa, Sở Tương vương còn là Thái tử, phải làm con tin ở Tề. Khi Sở Hoài vương (là cha) băng, thái tử từ biệt vua Tề để về nước. Vua Tề làm khó, bảo:

– Tặng ta năm trăm dặm ở miền Đông của Tề thì ta mới cho về, nếu không thì không được về.

Thái tử đáp:

– Tôi có quan sư phó là Thận Tử⁽¹⁾. Thận Tử khuyên:

– Cứ tặng đi! đất đai để giúp ích cho người. Vì tiếc đất mà không về tống táng cha là bất nghĩa, cho nên tôi khuyên nên tặng đất đi.

Thái tử vô ý kiến vua Tề, bảo:

– Tôi xin kính dâng trăm dặm đất.

Vua Tề bèn cho thái tử về nước.

Thái tử về nước rồi, lên ngôi vua, vua Tề sai người đem năm chục chiến xa tới Sở để tiếp thu đất ở miền Đông.

Vua Sở hỏi Thận Tử:

– Tề sai người tới đòi đất miền Đông, làm sao bây giờ?

(1) Tức Thận Đáo (3702-2907) người nước Triệu, trong phái pháp gia, được Thân Bất Hai, và Hàn Phi phục là giỏi.

Thận Tử đáp:

– Ngày mai, nhà vua triều kiến quần thần, hỏi kế hoạch của mỗi người xem sao.

(Hôm sau) quan Thượng Trụ quốc là Tử Lương vô yết kiến (trước). Vua hỏi:

– Quả nhân sở dĩ được về nước để tống táng tiên vương, gặp lại quần thần, làm chủ xā tắc là nhờ đã hứa tặng vua Tề năm trăm dặm ở miền Đông. Nay Tề sai người qua đòi đất, làm sao bây giờ?

Tử Lương đáp:

– Nhà vua không thể không tặng đất được. Lời nói của nhà vua tôn quý như tiếng ngọc, đã hứa với một nước mạnh có vạn cỗ xe là nước Tề mà rồi không giữ lời thì là bất tín, sau này làm sao kết ước với chư hầu được. Vậy xin trước tặng đất rồi sau tấn công. Tặng đất là để giữ lời hứa; tấn công là dùng vũ lực; vì vậy tôi bảo nên tặng đất.

Tử Lương lui ra, Chiêu Thường vô. Vua hỏi:

– Tề sai người qua đòi năm trăm dặm ở miền Đông, làm sao bây giờ?

Chiêu Thường đáp:

– Không cho. Một nước vạn cỗ xe, là nhờ có đất đai rộng mới có được vạn cỗ xe. Nay bỏ năm trăm dặm ở miền Đông tức là mất đi một nửa sức chiến đấu⁽¹⁾ của quốc gia, thành thử chỉ còn cái danh là một nước vạn cỗ xe mà thực sự không bằng một

(1) Diệp Ngọc Lân và Crump đều bỏ chữ chiến mà dịch là: mất đi một nửa quốc gia.

nước ngàn cỗ xe. Điều đó không nên, cho nên tôi bảo đừng cho đất. Thường tôi xin bảo vệ đất đó.

Chiêu Thường ra, Cảnh Lý vô. Vua hỏi:

– Tề sai người qua đòi năm trăm dặm ở miền Đông, làm sao bây giờ?

Cảnh Lý đáp:

– Không nên cho. Tuy nhiên nước Sở ta không thể một mình bảo vệ đất đó được. (Lời nhà vua nói quý như tiếng ngọc, đã hứa với một nước mạnh vạn cỗ xe là Tề mà rồi không giữ lời thì mang tiếng bất nghĩa trong thiên hạ. Mà Sở không thể một mình bảo vệ đất đó được)⁽²⁾ Tôi xin qua phía Tây cầu cứu với Tần.

Cảnh Lý ra, Thận Tử vô. Vua Sở kể lại mưu kế của ba vị đại phu kia cho Thận Tử nghe:

– Tử Lương vào yết kiến quả nhân bảo: “Không thể không cho được, nhưng cho rồi sẽ tấn công”. Thường vào yết kiến, bảo quả nhân: “Không nên cho, Thường tôi xin bảo vệ đất đó”. Lý yết kiến quả nhân, bảo: “Không nên cho, nhưng Sở không thể một mình bảo vệ đất đó được đất đó được, tôi xin qua Tần cầu cứu”. Ba kế đó, quả nhân nên dùng kế nào?

Thận Tử đáp:

– Dùng cả ba.

Vua Sở tỏ vẻ bực mình hỏi:

– Thế là nghĩa làm sao?

(2) Các nhà hiệu đính từ Tạng Cùng tới nay đều cho rằng mấy hàng này người trước chép dư.

Thận Tử đáp:

– Tôi xin giảng giải và nhà vua sẽ thấy rằng lời của tôi thành thực⁽³⁾. Nhà vua sai quan Thượng Trụ quốc là Tử Lương đem năm mươi cỗ xe lên phương Bắc dâng năm trăm dặm đất cho vua Tề: Tử Lương đi hôm trước thì hôm sau nhà vua sai Chiêu Thường làm Đại tư mã tới bảo vệ miền Đông; Chiêu Thường đi hôm trước thì hôm sau nhà vua sai Cảnh Lý đem năm mươi cỗ xe qua phía Tây cầu cứu với Tần.

Vua bảo: Phải đấy.

Rồi sai Tử Lương lên phía Bắc dâng đất cho vua Tề; Tử Lương đi hôm trước thì hôm sau phong Chiêu Thường làm Đại tư mã, sai bảo vệ miền Đông; lại sai Cảnh Lý qua phía Tây cầu cứu với Tần:

Tử Lương tới Tề, nước Tề sai người đem quân lính tới nhận đất miền Đông. Chiêu Thường nói với sứ giả Tề:

– Tôi có nhiệm vụ quản thủ đất miền Đông này, nguyện cùng sống chết với miền này dùng hết những quân lính từ trẻ tới già⁽⁴⁾ gồm trên ba mươi vạn người, bận áo giáp rách, cầm binh khí nhọn mà quyết giao chiến⁽⁵⁾ với quý quân đây.

(3) Crump dịch là: lời các ông đó đều thành thực.

(4) Nguyên văn: là từ những thanh niên cao năm thước tới những người sáu chục tuổi. Crump dịch là những người từ 16 đến 60 tuổi.

(5) Nguyên văn: nguyên thừa hạ trấn nghĩa là xin phủ phục ở trong đám bụi dưới chân chư vị mà tiếp đón chư vị. Hoành Diển Dư Hiếu ngỡ rằng chỗ này chép sai. Crump cũng cho là tối nghĩa và tạm dịch là: Chúng tôi xin nhận sự bất lợi của chúng tôi. Chúng tôi nghĩ rằng không có gì tối nghĩa: lời đó là lời làm nói nhưn.

Vua Tề (hay tin đó) hỏi Tử Lương:

- Ông tới dâng đất mà Thường tôi nghĩa là làm sao ?

Tử Lương đáp:

- Tôi thích thân nhận lệnh của vua tề quốc. Thường giả mạo lệnh của tề quốc đấy, xin Đại Vương cứ tấn công đi.

Vua Tề bèn cử hùng binh đánh miền Đông của Sở, thảo phạt Chiêu Thường; chưa kịp vượt biên giới, thì Tần đã đem năm mươi vạn quân xâm lăng miền đất phía hữu nước Tề, bảo:

- Làm khó thái tử nước Sở mà không cho về nước, là bất nhân; lại muốn cướp năm trăm dặm miền Đông của Sở, là bất nghĩa. Thu binh về đi thì còn được, nếu không thì đợi đó mà giao chiến với ta.

Vua Tề sợ hãi, xin Tử Lương trở về phía nam nói với Sở cho Tề giảng hoà, rồi qua phía Tây, nói giùm với vua Tần. Thế là Sở giải được nạn của Tề, không phải dụng binh mà bảo toàn được miền Đông.

SỞ III

1

TIẾN HIỀN LÀ VIỆC KHÓ NHẤT

(Tô Tử vị Sở vương)

Tô Tử bảo vua Sở:

- Người nhân từ đối với dân thì thực tâm yêu họ và khuyên họ điều phải; con có hiếu với cha mẹ thì thực tâm yêu cha mẹ và đem tiền của phụng dưỡng cha mẹ; bề tôi trung đối với vua thì tiến cử người hiền để giúp vua.

Nay bậc đại thần và thân thích của nhà vua ưa làm hại kẻ hiền để tự tiến thân, thu thuế nặng của các quan nhỏ và trăm họ, khiến cho vua bị dân ghét, như vậy không phải là bề tôi trung. Bậc đại thần vạch lỗi của vua với trăm họ, lấy đất của vua mà hối lộ các chư hầu, như vậy phản lại cái mà vua yêu, cũng không phải là bề tôi trung. Vì vậy mà nước nguy.

Tôi xin nhà vua đừng nghe lời huỷ báng lẫn nhau của quần thần, phải thận trọng khi đề cử các đại thần và quý thích, dùng những người mà dân khen là hiền, tiết chế bớt thị dục của mình đi. Vì việc khó làm nhất đối với trăm họ và các quan là đừng ganh ghét lẫn nhau mà biết tiến cử người hiền. Vì vua mà chết là việc dễ, như trong vụ Thù Sa ⁽¹⁾, kẻ chết (vì vua) có tới số ngàn; vì vua mà chịu nhục là việc dễ, từ chức lệnh doãn trở xuống, kẻ hầu hạ nhà vua có tới số ngàn.

Đến như không ganh ghét nhau mà biết tiến cử người hiền thì chưa thấy một ai. Cho nên bậc minh quân mà xét bề tôi tất phải xem họ có lòng ganh ghét nhau, có hay tiến cử người hiền không; mà bậc hiền thần thờ vua thì phải đừng ganh ghét nhau và phải tiến cử người hiền. Tiến cử người hiền là việc khó vì người hiền được dùng thì bị bãi, người hiền được tôn quý thì mình hoá ra mất tôn quý, vì vậy mà người ta cho việc đó là khó khăn.

2

GẶP VUA SỞ KHÓ NHƯ GẶP THƯỢNG ĐẾ

(Tô Tần chi Sở)

Tô Tần tới nước Sở, đợi ba ngày mới được yết kiến vua Sở, nói chuyện xong, xin từ biệt vua đi ngay. Vua Sở hỏi:

(1) Vụ Thù Sa: Năm thứ mười đời Chiêu vương, nước Ngô đào con sông Chương Hà, sông này chảy tới Xích Hồ (tên hồ) rồi đánh đất Đinh (kinh đô Sở); Ngô dùng con sông đó để đánh Sở; khi đào sông, số người chết rất nhiều. Thù Sa, cổ tự viết là Hoà Sa, mà Hoà Sa chính là hai chữ Xích Hồ viết làm; (Chữ Hoà hơi giống chữ Xích, chữ Sa cũng hơi giống chữ Hồ viết tháu).

– Quả nhân nghe tiếng tiên sinh như nghe tiếng hiền nhân thời cổ. Nay tiên sinh không ngại đường xa ngàn dặm, lại đây với quả nhân, mà không chịu ở lâu, xin tiên sinh cho biết vì lẽ gì vậy.

Đáp:

– Thức ăn ở Sở đất như ngọc, củi đất như quế, kẻ thông báo của nhà vua khó được thấy mặt như quỷ, mà nhà vua khó được yết kiến như Thượng Đế. Nay nhà vua (giữ tôi lại là) bảo tôi ăn ngọc, đốt quế, nhờ quỷ thông báo để xin hội kiến với Thượng Đế ư?

Vua Sở đáp:

– Xin tiên sinh về nghỉ ở khách quán, quả nhân đã hiểu ý tiên sinh.

4

THUẬT XOAY TIỀN CỦA TRƯƠNG NGHI (Trương Nghi chi Sở, bản)

Trương Nghi tới nước Sở, nghèo khổ, kẻ tả hữu giận, đòi về. Trương Nghi bảo họ:

– Anh em thấy áo mao rách cả mà đòi về chứ gì. Hãy đợi đó, vì anh em tôi vô yết kiến vua Sở (Hoài vương) đã.

Lúc đó bà Nam Hậu và nàng Trịnh Dữu ⁽¹⁾ đều được Sở sủng

(1) Nam Hậu là hoàng hậu của Sở. Trịnh Dữu là ái phi của vua Sở.

ái. Trương Nghi vô ý kiến vua Sở, vua Sở không vui. Trương Nghi bảo:

– Đại Vương không dùng tôi, tôi lên phương Bắc yết kiến vua Tần.

Vua Sở đáp:

– Được !

– Đại Vương có cần món gì ở Tần không ?

– Hoàng kim, châu ngọc, sừng tê, ngà voi đều sản xuất ở Sở, quả nhân không cần món gì ở Tần cả.

– Thì ra Đại Vương không hiếu sắc nhỉ !

– Sao vậy ?

Trương Nghi đáp:

– Bọn con gái nước Trịnh, nước Chu, thoa phấn tô mày ⁽¹⁾ rồi đứng ở bên đường, ai không biết mà thấy họ thì tưởng là tiên nữ.

Vua Sở nói:

– Sở là nước hẻo lánh, thô lậu, chưa từng thấy con gái trung nguyên ⁽²⁾ đẹp tới như vậy; sao lại chỉ riêng có quả nhân là không hiếu sắc?

(1) Có bản chép là: phấn bạch, mặc hắc và giải thích là mặt thoa phấn trắng, tóc đen như mực.

(2) Nguyên văn: trung quốc, trở miền trung ương của nước Tàu thời đó, tức miền ở hai bên bờ sông Hoàng Hà; miền đó văn minh sớm nhất đối với những miền ở chung quanh còn thô lậu, nên cũng gọi là Trung Hoa.

Nói rồi tặng Trương Nghi châu ngọc.

Bà Nam Hậu và nàng Trịnh Dữu hay tin đó, đâm hoảng, Nam Hậu sai người nói với Trương Nghi:

– Thiếp nghe nói tướng quân qua Tấn. Vừa may có được ngàn cân vàng đây, xin tặng bạn tả hữu của tướng quân để họ chi tiêu vào việc mua cỏ, lúa cho ngựa.

Trịnh Dữu cũng tặng năm trăm cân vàng.

Trương Nghi vô từ biệt vua Sở:

– Quan san cách trở, giao thông bất tiện, không biết bao giờ mới được tái ngộ, xin Đại Vương cho tôi một chén rượu.

Vua nói:

– Được.

Rồi bày rượu đãi Trương Nghi.

Trương Nghi uống đã nửa say, lạy hai lạy, xin vua Sở:

– Ở đây không có người ngoài, xin Đại Vương vời những người Đại vương sủng ái lại, chuốc rượu cho tôi.

Vua bảo:

– Được!

Rồi cho vời Nam Hậu và Trịnh Dữu ra chuốc rượu cho Trương Nghi. Trương Nghi lạy vua hai lạy, thưa:

– Nghi tôi đáng tội chết với Đại Vương.

– Sao vậy?

– Nghi tôi đã đi khắp thiên hạ rồi, chưa từng thấy ai đẹp

như hai bà này! Như vậy mà Nghi tôi xin đi tìm mỹ nhân cho Đại Vương thì quả là lừa dối Đại Vương rồi.

– Thôi, đừng bận tâm về chuyện đó, Ta vẫn biết rằng trong thiên hạ không có ai đẹp hơn hai bà này.

SỞ IV

2

TRỊNH DỮU GHEN

(Ngụy vương di Sở vương mĩ nhân)

Vua Ngụy tặng vua Sở (Hoài vương) một mĩ nữ, vua Sở thích. Bà Trịnh Dữu biết rằng vua quý người mới (tức mĩ nữ đó), cũng rất yêu người mới. Y phục cùng đồ trang sức, nàng thích thứ nào bà lựa cho thứ đó; cung thất cùng giường nệm, nàng thích thế nào thì bà trang bị cho thế ấy, bà yêu nàng còn hơn vua yêu nàng nữa.

Vua Sở nói:

– Đàn bà nhờ sắc mà được thờ chồng (được chồng yêu), thì ghen tuông là thường tình. Nay Trịnh Dữu biết rằng quả nhân yêu người mới, nàng cũng yêu người mới còn hơn quả nhân yêu nữa, như vậy là có lòng hiếu của người con thờ cha, lòng trung của bề tôi thờ vua.

Trịnh Dữu biết rằng vua tin mình, không ghen, mới bảo mỹ nữ kia:

– Vua yêu vẻ đẹp của em nhưng ghét cái mũi của em. Khi gặp vua thì em che mũi đi nhé.

Mỹ nữ nghe lời, gặp vua thì che mũi. Vua hỏi Trịnh Dữu:

– Người mới hề thấy quả nhân là che mũi, sao vậy ?

Trịnh Dữu đáp:

– Thiếp biết tại sao, nhưng...

Vua bảo:

– Có cái xấu cũng cứ nói đi.

Trịnh Dữu đáp:

– Cơ hồ như nó không ưa cái hơi thối của Đại Vương:

Vua Sở bảo:

– Hồn láo thật!

Rồi ra lệnh cắt mũi của nàng đó, không được trái lệnh.

4

TRANG TÂN DÙNG NGỰ NGÔN KHUYÊN SỞ TƯƠNG VƯƠNG

(Trang Tân vị Tương vương)

Trang Tân bảo Sở Tương vương ⁽¹⁾:

(1) Trong bộ *Tuân Tử chép* là *Sở Trang vương*, có lẽ sai. Vì *Trang Tân* là hậu duệ của *Trang vương*. Việc này xảy ra trong đời *Chu Noãn vương*.

– Nhà vua (ngồi xe) bên tả có Châu Hầu, bên hữu có Hạ Hầu, sau xe có Yên Lăng quân và Thọ Lăng quân ⁽²⁾. Bốn người đó chuyên dâm loạn, xa xỉ, không lo việc nước, Dĩnh đô ⁽³⁾ tất nguy mất.

Tương vương bảo:

– Tiên sinh già rồi lẫn chẳng ? Hay là muốn rửa nước Sở đây?

Trang Tân đáp:

– Tôi thực tâm thấy tất nhiên phải như vậy, không dám rửa nước Sở. Nếu nhà vua cứ sủng ái bốn người đó mãi như vậy, thì nước Sở tất mất ! Tôi xin được lánh qua Triệu, ở đó một thời gian để quan sát những biến cố của Sở.

Trang Tân qua Triệu ở năm tháng. Quả nhiên Tần chiếm những đất Yên, Dĩnh, Vu, Thượng Thái, Trần của Sở, Tương vương phải chạy trốn ⁽⁴⁾ tới Thành Dương, sai người kị mã dẫn đường qua Triệu đón Trang Tân. Trang Tân bằng lòng đi.

Trang Tân tới. Tương vương bảo:

– Quả nhân không biết dùng lời khuyên của tiên sinh, nay sự thế đã như vậy, làm sao bây giờ?

(2) Châu, Hạ là những nơi thuộc Hồ Bắc; Yên Lăng nay thuộc Hồ Nam, còn Lăng Thọ thì không biết ở đâu. Bốn nơi đó là đất phong cho bốn sủng thần của Sở Tương vương.

(3) Dĩnh đô chỉ kinh đô nước Sở.

(4) Nguyên văn: có chữ yểm là che. Crump dịch là chống giữ.

(*) Cổ văn quân chi trích từ đây.

* Trang Tân đáp:

– Tôi nghe tục ngữ có câu: “Thấy thỏ rồi mới nghĩ tới chó săn, cũng không phải là muộn; mất bò rồi mới lo rào chuồng cũng chưa phải là trễ”. Tôi nghe nói xưa kia vua Thang, vua Vũ chỉ có trăm dặm đất mà hưng thịnh lên được; vua Kiệt, vua Trụ có cả thiên hạ mà bị nguy vong. Hiện nay nước Sở tuy nhỏ, cắt chỗ dài bù vào chỗ ngắn thì cũng còn được vài ngàn dặm, chứ nào phải trăm dặm mà thôi.

(**) Nhà vua không thấy con chuồn chuồn kia ư? Nó có sáu chân, bốn cánh, bay lượn giữa khoảng trời đất, cúi mỏ(!) con muỗi, con ruồi để ăn, ngửa hứng nước sương ngọt ngào để uống, tự cho rằng chẳng lo lắng gì cả, vì không cạnh tranh gì với ai; có ngờ đâu một đứa nhỏ cao năm thước lấy mật làm keo bôi vào tơ, cột ở đầu cái gậy dài bốn nhẵn⁽⁵⁾ mà bắt được con chuồn chuồn, chuồn chuồn rớt xuống đất, bị kiến ăn thịt. Con chuồn chuồn còn là vật nhỏ.

Đến như con chim sẻ vàng kia, cúi thì mổ những hạt gạo trắng, ngửa⁽⁶⁾ thì đậu ở trên cây rậm rạp, hăng hái vỗ cánh, tự cho rằng chẳng lo lắng gì cả vì không cạnh tranh với ai; có ngờ đâu rằng có cậu công tử vương tôn nọ, tay trái giương ná, tay phải cầm đạn, bắn nó ở chỗ cao mười nhẵn, đem về làm chim mồi bắt chim sẻ khác; ban sáng nó còn chạy nhảy trên cây rậm mà tối đã bị xào nấu với muối dấm, chỉ trong khoảnh khắc

(**) Margouliès dịch từ đây.

(5) Mỗi nhẵn bằng tám thước.

(6) Chữ cúi, ngửa ở đây có nghĩa là ở dưới thấp, ở trên cao.

đã rớt vào tay cậu công tử nọ. Con sẽ còn là vật nhỏ.

Đến như con hộc⁽⁷⁾ vàng kia bay lượn trên sông biển, đậu ở cái đầm lớn, cúi thì mổ con lươn, con cá chép, ngửa thì ăn của ấu, cây hoành⁽⁸⁾, hăng hái vỗ cánh mà lướt luồng gió mát, bay lượn trên cao, tự cho rằng chẳng lo lắng gì cả vì không cạnh tranh với ai. Có ngờ đâu người thợ săn sửa soạn mũi tên và cây cung đen, buộc sợi dây tơ vào cây tên⁽⁹⁾, bắn nó ở chỗ cao trăm nhẵn, nó bị trúng mũi tên nhọn, bị sợi dây tơ kéo về (Phía người thợ săn) và rớt xuống đất trong luồng gió mát; ban sáng nó còn bơi lượn trên sông biển mà buổi tối đã bị nấu nướng trong cái đỉnh cái vạc rồi. Con hộc vàng còn nhỏ.

Đến như việc Thái Linh Hầu⁽¹⁰⁾ thì cũng vậy. Phía nam, ông ta đi chơi miền Cao Pha,⁽¹¹⁾ phía bắc ông ta leo núi Vu Sơn, uống nước suối Như Khê, ăn cá sông Tương, tay trái ôm hầu non, tay phải đỡ ái thiếp, cùng với họ giông ruổi ở trong miền Cao Thái mà không lo gì việc nước cả.

Có ngờ đâu rằng Tử Phát⁽¹²⁾ được lệnh của Sở Tuyên vương⁽¹³⁾, bắt trời ông ta bằng dây tơ đỏ, đem về cho Tuyên vương.

Việc của Thái Linh Hầu còn là nhỏ. Đến việc của nhà vua; ngồi xe, bên trái có Châu Hầu, bên phải có Hạ Hầu sau xe,

(7) Hộc là một loại chim giống con nhạn.

(8) Một loại cỏ thơm.

(9) Để kéo cây tên về, khi đã bắn xong.

(10) Không rõ là ai.

(11) Có sách giải thích là miền gò núi.

(12) Tử Phát là đại phu nước Sở. Trong tác truyện và sử kí gọi là công tử Khí Tật.

(13) Có lẽ là Sở Linh Vương thì phải hơn.

Yên Lăng quân và Thọ Lăng quân, ăn lúa gạo của đất được phong, chở vàng trong kho do bốn phương tiến cống, cùng với bọn đó giông ruổi ở miền Vân Mộng, mà không lo gì việc quốc gia thiên hạ cả. Có ngờ đâu rằng Nhượng Hầu Phụng mệnh của vua Tần⁽¹⁴⁾, đem binh lại đóng đầy trong thành Mãnh Tái mà nhà vua phải trốn ra khỏi thành đó.

Tương vương nghe xong, mặt tái mét, toàn thân run rẩy, rồi cầm viên ngọc khuê trao cho Trang Tân, phong Trang Tân làm Dương Lăng quân, và cho hưởng đất Hoài Bắc⁽¹⁵⁾.

7

DỌA CẮT ĐẤT ĐỂ ĐƯỢC GIÚP ĐỠ (Trường Sa chi nạn)

Trong vụ chiến tranh ở Trường Sa,⁽¹⁾ thái tử Hoành⁽²⁾ của Sở làm con tin ở Tề. Tới khi vua Sở mất, Tiết công cho thái tử về Sở, rồi nhân đó cùng với quân của Hàn, Ngụy theo thái tử để tấn công phía đông nước Sở. Thái tử sợ. Chiêu Cái bảo thái tử:

– Bất Nhược sai Khuất Thự đem tặng Tề miền đông mới

(14) Tức Tần Chiêu vương. Cổ văn quan chi và Margouliès trích tới đây.

(15) Nguyên văn: dũ Hoài Bắc chi địa dã. Diệp Ngọc Lân dịch là: dùng kế hoạch của Trang Tân mà khôi phục được miền Hoài Bắc.

(1) Năm thứ chín đời Tần Chiêu vương, Tần đánh Sở, chiếm được tám thành của Sở.

(2) Thái tử Hoành lên ngôi, hiệu là Khoảnh Tương vương.

chiếm được⁽³⁾ để giảng hoà với Tề; làm cho Tần náo động; Tần sợ Tề chiếm được miền đông, tất bảo (các nước khác trong) thiên hạ lại cứu nước ta.

Thái tử đáp:

– Phải.

Rồi sai Khuất Thự đem miền đông giảng hoà với Tề. Vua Tần hay tin đó, đâm sợ, sai Tân Nhung bảo Sở rằng:

– Đừng cho Tề miền đông, tôi sẽ đem quân giúp Sở.

8

THUỐC BẤT TỬ

(Hữu hiến bất tử chi dược)

Có người dâng thuốc bất tử lên vua Kinh⁽¹⁾. Viên thị thần đem thuốc vô cung⁽²⁾. Người lính (thị vệ) cầm cung tên hỏi:

– Uống được không?

Đáp:

– Được!

Rồi người lính giật lấy mà uống.

(3) Chúng tôi theo bản Thương Vụ ấn thư quán: dĩ tân đông quốc vi hoà ư Tề. Có học giả cho rằng chữ tân đó dư.

(1) Nước Sở còn có tên là kinh. Vua Kinh đây tức là vua Sở Khoảnh Tương Vương.

(2) Crump dịch là: dẫn người đó vô cung. Bài này có chép trong thiên Thuyết lâm thượng bộ Hàn Phi Tử.

Vua kinh giận, sai giết tên lính đó.

Người lính cậy người tâu với vua:

– Tôi hỏi viên thị thân, viên này đáp là uống được, cho nên tôi mới uống. Như vậy là tôi không có tội mà tội ở viên thị thân. Vả lại người khách nào đó dâng thuốc bất tử, tôi uống vào mà bị vua giết thì thuốc đó là thuốc tử. Vua giết một bề tôi vô tội mà lại tỏ rằng kẻ dâng thuốc đã gạt vua.

Vua bèn tha không giết.

10

CHIM KHÔNG BỊ TÊN CŨNG RỐT

(Thiên hạ hợp tung)

Các nước trong thiên hạ hợp tung (để cự Tần) Triệu sai Ngụy Gia lại yết kiến Xuân Thân quân ở Sở, hỏi:

– Ông có một tướng quân nào không?

Đáp:

– Có! Tôi định phái Lâm Vũ quân⁽¹⁾ làm tướng.

Ngụy Gia nói:

– Tôi hồi nhỏ ham bắn, xin đem việc bắn làm tỉ dụ, được chăng?

Xuân Thân quân đáp:

– Được.

(1) Lâm Vũ quân là tướng nước Sở, thường bàn về binh pháp với triết gia Tuân Tử.

Gia kể:

– Một hôm, Cánh Luy cùng với vua Ngụy ngồi ở dưới một cái đài cao, ngửa mặt nhìn chim bay. Cánh Luy tâu vua Ngụy:

“Tôi xin không dùng tên mà hạ được chim để nhà vua coi.” Vua bảo: “Bắn tài được đến vậy ư?” Cánh Luy đáp: “Thưa được”. Một lát sau, có con nhạn từ phương đông bay lại, Cánh Luy dùng cung không tên mà hạ được. Vua Ngụy khen “Bắn tài được đến vậy ư?” Cánh Luy đáp: “Con nhạn đó vốn bệnh sẵn.” Vua hỏi: “Làm sao tiên sinh biết được?” Đáp: “Nó bay chậm mà tiếng kêu bi thảm. Bay chậm là vì bị thương, tiếng kêu bi thảm là vì đã lạc bầy từ lâu. Vết thương chưa lành mà lòng sợ hãi chưa hết; nghe tiếng dây cung bật, hoảng hốt vội bay cao, vết thương vỡ ra, mà nó phải rớt xuống”. Nay Lâm Vũ quân từng bị Tần đánh bại, (vốn còn sợ Tần), không thể dùng làm tướng cự Tần được.

11

KẺ SĨ KHÔNG GẶP NGƯỜI BIẾT MÌNH

(Hàn Minh kiến Xuân Thân quân)

Hàn Minh muốn yết kiến Xuân Thân quân, đợi⁽¹⁾ ba tháng mới được tiếp. Đàm đạo xong, Xuân Thân quân thích lắm. Hàn Minh muốn bàn thêm, Xuân Thân quân bảo:

– Tôi đã hiểu tiên sinh rồi, xin tiên sinh nghỉ ngơi đã!

(1) Có sách chép là vấn: hỏi, tức xin đi vó yết kiến; có sách chép là chữ gián: cách, nghĩa là không được tiếp xúc. Hàn Minh là môn khách của Xuân Thân quân.

Hàn Minh buồn rầu⁽²⁾, đáp:

– Minh tôi muốn hỏi ngài một câu, ngài có vẻ như cố nài: tôi không biết ngài với ông Nghiêu, ai thánh triết hơn.

Xuân Thân quân bảo:

– Tiên sinh nói quá, làm sao tôi dám ví với ông Nghiêu được!

– Thế thì ngài xét tôi với ông Thuấn rồi, ai hơn?

– Tiên sinh tức là ông Thuấn rồi!

– Không phải. Tôi xin được giảng hết lời: ngài thực không hiền bằng ông Nghiêu, tôi cũng không bằng được ông Thuấn. Hiền như ông Thuấn mà thờ bậc thánh như ông Nghiêu, còn phải ba năm mới biết nhau được; nay ngài chỉ trong một lúc mà biết tôi rồi thì ngài quả là thánh hơn ông Nghiêu mà tôi cũng hiền hơn ông Thuấn rồi.

Xuân Thân quân đáp:

– Hay!

Rồi sai thư lại ghi tên Hàn Minh vào sổ các tân khách cứ năm ngày được vô yết kiến một lần.

Hàn Minh lại bảo:

– Ngài có biết chuyện con ngựa kí không? Khi nó tới tuổi già, người ta bắt nó kéo xe muối lên núi Thái Hàng, móng nó đuối ra⁽³⁾, đầu gối nó khuyu lại⁽⁴⁾, đuôi nó, chân nó mồ hôi đầm

(2) Các sách đều chép là xúc nghĩa là buồn rầu, bực tức (theo Từ Hải), Hứa Khiếu Thiên giảng là kinh hoàng; Ngô Sư Đạo bảo: chính là chữ, cũng đọc là xúc, nghĩa là bực tức.

(3) Nguyên văn là thân: 𠂇 Crump dịch ý là: suy nhược.

(4) Nguyên văn là: chiết 𠂇 Crump dịch ý là: run rẩy.

đĩa, rỏ giọt xuống đất trộn với mồ hôi trắng ⁽⁵⁾. Giữa dốc nó thụt lui ⁽⁶⁾, (rán) đội càng xe lên nhưng không leo lên được nữa. Bá Nhạc ⁽⁷⁾ gặp nó, xuống xe, vịn (ôm) đầu mà khóc, cởi áo mà phủ cho nó; nó cúi đầu xuống mà phì hơi, ngừng cổ lên mà hí, tiếng hí động tới trời, trong trẻo như tiếng kim tiếng thạch. Tại sao vậy? Là vì Bá Nhạc hiểu biết nó.

Tôi là kẻ bất hiếu, khốn đốn ở chỗ châu quận, sống trong hang cùng ngõ hẻm, bị vùi trong chỗ dơ dáy bị lậu đã từ lâu. Hôm nay mới riêng ngài vô tình rửa sạch cho, để bặt cho. Ngài có cho tôi được lớn tiếng gào lên cái nỗi khuất nhục của tôi ở Lương không?

12

XUÂN THÂN QUÂN MUỐN LÀM CHA VUA

(Sở Khảo Liệt vương vô tử)

Vua Sở Khảo Liệt vương không có con. Xuân Thân quân lấy làm lo, kiếm những phụ nữ có tướng mắn con để dâng, đã dùng nhiều người mà vẫn không có con. Người nước Triệu là Lý Viên muốn dâng em gái cho vua Sở, ngờ rằng tướng em không mắn con, sợ rồi cũng không được vua yêu, bèn xin được làm người

(5) Nguyên văn bạch hãm giao lưu: Chúng tôi không tra được ra bạch hãm nghĩa là gì: Crump dịch là: trộn với mồ hôi ngựa chảy từ vai xuống.

(6) Nguyên văn: trung bản thiên diên: giữa gò nó trùn lại. Crump dịch là: giữa đường nó nghỉ.

(7) Bá Nhạc, họ Tôn, tên Dương, người thời Tấn Mục Công, có tài coi tướng ngựa.

nhà hầu hạ Xuân Thân quân. Rồi một hôm Lý Viên xin về nhà, quá hẹn mới trở lại, vô tình bám với Xuân Thân quân. Xuân Thân quân hỏi nguyên do trở lại trễ; đáp:

– Vua Tề sai sứ giả lại xin cưới em gái tôi, tôi đãi tiệc sứ giả nên trễ hẹn.

Xuân Thân quân hỏi:

– Đã gả chưa?

– Thưa chưa.

– Cho tôi gặp mặt được không?

– Thưa được.

Lý Viên bèn đem em gái dâng Xuân Thân quân nàng được Xuân Thân quân sủng ái liền:

– Viên biết rằng em gái đã có mang, bày mưu cho nàng thừa dịp, nói với Xuân Thân quân:

– Vua Sở yêu quý ông hơn là anh em ruột, nay ông làm tướng quốc nước Sở đã trên hai chục năm, mà vua không có con, sau này vua trăm tuổi rồi, tất lập anh hoặc em. Vua sau lên ngôi rồi lại yêu quý người thân cận của mình, thì ông giữ sao được mãi sự sủng ái nữa? Chẳng những vậy, ông giữ chức đã lâu năm, chắc nhiều lần đã thất lễ với anh, em của vua, mấy người này mà được lên ngôi thì tất có họa cho ông. Làm sao còn giữ được tướng ấn cùng đất được phong ở Giang Đông nữa? Nay thiếp tự biết rằng đã có mang mà người khác thì không ai biết. Thiếp được hầu hạ ông chưa bao lâu, được ông quý, nay ông dâng thiếp cho vua Sở thì vua Sở tất sủng ái thiếp. Nhờ trời mà thiếp có con trai

thì con ông sẽ làm vua, ông có thể chiếm được hết đất Sở, so với cái hoạ có thể bị tội thành linh thì đằng nào hơn?

Xuân Thân quân cho rằng kế đó rất hay, bèn cho em gái Lý Viên ra ở một nhà riêng, rồi nói chuyện với vua Sở. Vua Sở với nàng vô cung, yêu quý nàng, nàng sinh con trai, lập làm thái tử, lập em gái Lý Viên làm hoàng hậu. Vua Sở yêu cả Lý Viên và Lý Viên được cầm quyền.

Khi em gái đã được làm hoàng hậu, cháu được lập làm thái tử, Lý Viên sợ Xuân Thân quân tiết lộ việc đó mà càng hoá kiêu ngạo, mới lên nuôi bọn thích khách, muốn giết Xuân Thân quân để trừ cái hoạ miệng. Chuyện đó nước Sở đã có một số người hay.

Xuân Thân quân làm tướng quốc nước Sở được hai mươi lăm năm, vua Khảo Liệt vương đau, Chu Anh bảo Xuân Thân quân:

Đời có cái phước bất kỳ, lại có cái hoạ bất kỳ. Nay ông ở vào cái đời biến đổi bất thường, lại thờ một ông vua phản phúc bất định, thì sao mà lại chẳng dung con người cuồng vọng? Xuân Thân quân hỏi:

Thế nào là cái phước bất kỳ?

Đáp:

- Ông làm tướng quốc nước Sở đã trên hai chục năm, danh tuy là tướng quốc mà sự thực là Sở vương. Năm người con của ông đều làm tướng quốc các nước chư hầu. Nay vua bị bệnh nặng có thể mất trong sớm tối, thái tử thì suy nhược, đau không dậy được, mà ông làm tướng quốc cho vua còn nhỏ tuổi,

nhân cơ hội này mà nhiếp chính, trị nước như Y Doãn, Chu Công thời xưa, đời vua lớn lên, giao trả lại chính quyền; nếu không vậy thì quay mặt về phía Nam xưng vương, rồi chiếm cả nước Sở; như vậy là cái hoạ bất kỳ đấy.

Xuân Thân quân lại hỏi:

– Thế nào là cái hoạ bất kỳ?

– Lý Viên không trị nước⁽¹⁾, nhưng là cậu của vua, không làm tướng quân, nhưng lén nuôi thích khách đã từ lâu. Vua Sở mà băng thì Lý Viên tất vô cung trước cả, chiếm địa vị then chốt, giả mạo vương lệnh mà chuyên quyền để giết ông mà diệt cái hoạ miệng; như vậy là cái hoạ bất kỳ đấy.

Xuân Thân quân hỏi:

– Còn thế nào là người cuồng vọng?

– Trước hết ông cho tôi làm chức lang trung, khi nào vua băng, Lý Viên vô cung trước, tôi xin vì ông mà đâm bụng hấn để kết liễu đời hấn; như vậy tôi là con người cuồng vọng đấy.

Xuân Thân quân bảo:

– Tiên sinh gác chuyện đó lại, đừng bàn tới nữa. Lý Viên là người nhu nhược, tôi với ông ta lại rất hoà hiếu với nhau, đâu tới nỗi như vậy?

Chu Ánh hoảng, bèn trốn mất.

Mười bảy ngày sau, Sở Khảo Liệt vương băng, quả nhiên Lý

(1) Ý nói không làm tướng quốc.

Viên vô cung trước cả, cho mai phục thích khách trong cửa Cức Môn, Xuân Thân quân vô sau, tới cửa Cức Môn, bị thích khách của viên đâm chết, chặt đầu liệng ra ngoài cửa Cức Môn rồi sai bộ hạ giết hết gia thuộc Xuân Thân mà người con của em gái Lý Viên – nàng trước kia được Xuân Thân quân yêu, có mang, rồi Xuân Thân quân đem dâng cho vua ⁽²⁾ thì được lập làm Sở U vương.

Năm đó Tần Thủy Hoàng đã lên ngôi được chín năm, Lạc Mục cũng làm loạn ở Tần, việc vỡ lở, bị tru di tam tộc, và vì vậy Lữ Bất Vi bị phế làm dân thường.

(2) Hai hàng chúng tôi đặt trong hai dấu gạch này, rõ ràng là thừa, làm cho văn rườm rà và hoá non.

CHƯƠNG V

Triệu sách

Tối tiên của Triệu họ Doanh, trước làm quan nước Tấn.

Nhà Chu, Ung Liệt vương (425-401) phong cho tước hầu, từ đó Triệu thành một nước chư hầu, đô ở Hàm Đan (nay thuộc tỉnh Trực Lệ), tới đời Triệu Tương tử dời đô qua Tấn Dương (Sơn Tây ngày nay), Truyền ngôi được 182 năm rồi bị Tần diệt. Thời Chiến Quốc cũng là một trong thất hùng.

Đất của Triệu nay nằm trên các tỉnh Hà Bắc, Sơn Tây và Hà Nam (Phía bắc sông Hoàng Hà).

Triệu I

TRÍ BÁ QUÁ THAM MÀ BỊ DIỆT

(Trí Bá suất Triệu, Hàn, Ngụy)

Trí Bá thống lĩnh quân của ba nước Triệu, Hàn, Ngụy, đánh hai họ Phạm và Trung Hàng và diệt được; vài năm sau sai người qua Hàn đòi đất. Hàn Khang tử định không cho, Đoàn Qui can:

- Không nên vậy. Trí Bá là con người ham lợi và hung bạo, hấn sai người lại đòi đất mà không cho thì hấn tất dấy binh đánh Hàn. Nhà vua nên cho hấn để hấn quen mùi, lại đòi đất của nước khác, nước khác không chịu, hấn tất đem binh đánh, như vậy Hàn tránh được họa mà đợi xem sự thể biến chuyển ra sao.

Khang tử đáp:

- Hay!

Rồi sai sứ giả đem một ấp một vạn nhà dâng Trí Bá. Trí Bá mừng, lại sai người đòi đất của Ngụy, Ngụy Tuyên tử định không cho. Triệu Gia can:

- Hấn đòi đất của Hàn, Hàn cho; nay đòi đất của Ngụy, Ngụy không cho thì Ngụy ở trong lòng tự thị thì mạnh, mà ở ngoài là chọc giận Trí Bá; như vậy Trí Bá tất đem quân đánh Ngụy! không bằng cho hấn đi.

Tuyên tử đáp:

- Phải.

Rồi sai người đem một ấp một vạn nhà cho Trí Bá. Trí Bá mừng, lại sai người qua Triệu; đòi đất Thái và Cao Lang⁽¹⁾. Triệu Tương tử không cho, Trí Bá bèn lén liên minh với Hàn, Ngụy định đánh Triệu.

Triệu Tương tử vời Trương Mạnh Đàm vô cho hay và bảo:

- Trí Bá là con người lá mặt lá trái, ba lần sai sứ giả đi đòi đất, Hàn, Ngụy cho mà quả nhân không cho, thế nào hấn cũng đem quân qua đánh Triệu, chúng ta nên đề phòng cách nào bây giờ?

Trương Mạnh Đàm đáp:

- Xưa Đổng Ất An Vu⁽²⁾ là bề tôi giỏi của Giản Chúa⁽³⁾. Ông ta cai trị đất Tân Dương, sau Doãn Trạch⁽⁴⁾ theo chính sách của ông ta, tới nay đất đó còn giữ được chính, giáo cũ nhà vua nên thiên đô lại Tấn Dương.

Vua đáp:

(1) Hai đất đó, đều của Triệu nay thuộc tỉnh Sơn Tây.

(2) Đổng Ất An Vu cũng gọi là Đổng An Vu là gia thần của Triệu Giản tử. Trong sách Hàn Phi Tử, gọi là Đổng Vu.

(3) Tức Triệu Giản Tử, cha của Tương Tử.

(4) Doãn Trạch cũng là gia thần của Triệu Giản tử. Trong sách Quốc ngữ gọi là Doãn Dục.

– Phải.

Rồi sai Diên Lăng Vương thống lĩnh chiến xa và kỵ binh, tới Tấn Dương Trước, còn mình theo sau. Tới nơi xem xét ngay thành quách, kho, phủ cùng lẫm lúa, rồi vời Trương Mạnh Đàm vô hỏi:

– Thành quách kiên cố, kho và phủ đủ dùng, lẫm đầy lúa, nhưng không có tên, làm sao bây giờ?

Trương Mạnh Đàm đáp:

– Tôi nghe nói Đổng tử khi xây dựng Tấn Dương, tường các cung và dinh thự đều làm bằng các loại cây cỏ địch, cỏ, hộ, sở⁽⁵⁾, và đều cao trên một trượng. Nhà vua nên phá ra mà dùng.

Vua bèn đem những thứ cây cỏ đó ra dùng thử thì thấy dầu đến tên bằng loại trúc quân lộ⁽⁶⁾ cũng không cứng hơn được.

Lại bảo:

– Tên như vậy là đủ rồi, nhưng đồng ít quá, làm sao bây giờ?

Trương Mạnh Đàm đáp:

– Tôi nghe nói khi xây dựng Tấn Dương, cột các phòng trong cung đều làm bằng đồng đã luyện, xin nhà vua phá ra mà dùng thì sẽ có dư đồng.

Vua đáp:

– Phải.

(5) Những cây cỏ đó đều làm tên.

(6) Hai loại trúc rất tốt.

Thế là hiệu lệnh đã ban, các khí cụ phòng bị đã đủ. Binh ba nước tới thành Tân Dương, quân Triệu nghênh chiến, ba tháng mà địch không phá được thành. Địch bèn nghĩ tấn công mà bao vây, đào sông Tấn tháo nước vô thành. Vây tới ba năm. Trong thành dân phải làm ổ trên cây mà ở, treo nồi lên mà đun nấu, thức ăn gần hết, quân lính đau ốm.

Tương Tử bảo Trương Mạnh Đàm:

– Lương thực cạn, sức chống cự hết, sĩ và đại phu đau, tôi không còn giữ thành được nữa, muốn xin hàng đây, ông nghĩ sao?

Trương Mạnh Đàm đáp:

– Tôi nghe nói: nước sắp diệt vong mà không bảo toàn được, thế muốn nguy mà không cứu được thì còn quý kẻ tài trí làm gì?⁽⁷⁾ Nhà vua nên bỏ cái kế đó đi ⁽⁸⁾, đừng nói nữa. Tôi xin đi yết kiến vua Hàn và vua Ngụy.

Tương Tử đáp:

– Vâng.

Trương Mạnh Đàm bèn lên yết kiến vua Hàn và vua Ngụy, bảo:

– Tôi nghe nói môi hở thì răng lạnh. Nay Trí Bá đem quân của hai nước (Hàn, Ngụy) mà đánh Triệu.

Triệu sắp mất rồi. Triệu mất thì sẽ đến phiên nước của hai vua đây.

Vua Hàn, vua Ngụy đáp:

(7) Ý nói: như vậy thì kẻ tài trí hoá ra vô dụng mất

(8) Tức ý định đầu hàng.

– Chúng tôi biết như vậy. Trí Bá là con người hung bạo, ít lòng nhân ái, nếu mưu kế của chúng tôi chưa kịp thực hành mà hắn đã biết được thì là hoạ lớn cho chúng tôi. Tính sao bây giờ?

Trương Mạnh Đàm đáp:

– Mưu kế từ miệng hai vua phát ra, đi thẳng vào tai tôi, không ai biết được.

Vua Hàn và vua Ngụy cùng với Trương Mạnh Đàm lên liên kết quân ba nước, hẹn nhau một ngày nào đó, đương thêm cho quân tới thành Tấn Dương. Trương Mạnh Đàm về báo với Tương Tử. Tương Tử vái Trương Mạnh Đàm hai vái. Rồi Trương Mạnh Đàm triệu kiến Trí Bá, khi ra gặp Trí Quá ở ngoài viên môn⁽⁹⁾. Trí Quá vô ý kiến Trí Bá, bảo:

– E rằng hai vua Hàn, Ngụy sẽ phản loạn. Trí Bá hỏi:

– Sao biết?

- Tôi gặp Trương Mạnh Đàm ở viên môn, thấy hắn ý chí tự đắc, hành vi ngạo mạn.

– Không phải. Ta đã kết ước với hai vua Hàn, Ngụy rồi; hễ phá Triệu xong thì chia đất làm ba phần đều nhau, ta thân thiện với hai vua đó, họ không lừa ta. Thôi đừng nói nữa.

Trí Quá ra, qua ý kiến hai vua Hàn, Ngụy, rồi lại vô nói với Trí Bá:

– Hai vua Hàn, Ngụy sắc diện và tâm ý đều biến động, thế nào cũng phản bội nhà vua, nên sai người giết đi.

(9) Viên môn là cửa ngoài các nha thự.

– Binh đóng ở Tấn Dương này đã ba năm. Chỉ trong sớm tối là phá được mà hưởng lợi, lúc này mà còn đổi tâm là việc không thể có⁽¹⁰⁾. Thôi, ông đừng nói thêm một lời nào nữa.

– Nếu không giết họ thì nên thân thiện với họ.

– Thân thiện làm sao?

– Mưu thần của Ngụy Hàn tử là Triệu Gia, mưu thần của Khang tử là Đoàn Qui, hai người đó đều có thể làm thay đổi mưu kế của chủ. Nhà vua kết ước với hai vua, hễ phá Triệu rồi thì nhà vua phong cho hai mưu thần đó mỗi người một huyện một vạn nhà. Như vậy lòng hai vua kia sẽ không thay đổi mà dục vọng của nhà vua sẽ đạt.

Trí Bá bảo:

– Phá Triệu rồi chia đất làm ba phần đều nhau, mà ta lại phải phong cho hai người đó mỗi người một huyện một vạn nhà, phần của ta nhỏ quá. Không được.

Trí Quá thấy vua không dùng mình, không nghe lời mình, ra về, đổi thành họ Phụ, rồi đi đâu mất biệt.

Trương Mạnh Đàm hay tin, vô ý kiến Tương Tử, bảo:

– Tôi gặp Trí Quá ở ngoài viên môn, hắn có vẻ nghi tôi, hắn vô ý kiến Trí Bá, rồi trở ra đổi tên họ. Tối nay mà không tấn công ngay thì lỡ mất cơ hội.

Tương Tử đáp:

– Vâng.

(10) Ý nói: vua Hàn và vua Ngụy đại gì mà phản Trí Bá lúc này.

Rồi sai Trương Mạnh Đàm yết kiến hai vua Hàn, Ngụy, hẹn nhau đem đó giết tên quan coi đập ⁽¹¹⁾, mà cho nước sông ùa vào chỗ quân Trí Bá đóng. Quân Trí Bá lo việc cứu thủy mà hỗn loạn; Hàn, Ngụy hai bên đánh vào hông, còn tướng sĩ của Trương tử đánh phía trước, phá tan quân Trí Bá, cầm tù Trí Bá.

Trí Bá chết rồi, nước mất, đất bị chia, thiên hạ cười là tham lam vô độ. Vì không nghe lời Trí Quá nên mới bị diệt vong. Họ Trí bị diệt hết, duy có họ Phụ là còn.

4

TRUYỆN DỰ NHƯỢNG

(Tấn Tất Dương chi tôn)

Cháu Tấn Tất Dương tên là Dự Nhượng, mới đầu thờ hai họ Phạm và Trung Hàng, không được như ý, mới qua thờ Trí Bá, được Trí Bá rất quý. Đến khi tam Tấn, phân chia đất của họ Trí, Triệu Tương tử rất oán Trí Bá, dùng đầu lâu Trí Bá làm tô đựng rượu. Dự Nhượng trốn vào trong núi, báo:

– Than ôi! “Kẻ sĩ hy sinh vì tri kỷ, đàn bà tô điểm vì người yêu”. Thế nào ta cũng báo thù cho họ Trí.

Rồi đổi họ, giả làm người bị tội, vô cung quét dọn⁽¹⁾ cầu tiêu để

(11) Cái đập ngăn nước sông Tấn để nước chảy vô thành Tấn Dương.

(1) Nguyên văn là đồ sĩ. Các nhà nho của ta thời trước và cả Diệp Ngọc Lân đều giảng là quét, dọn cầu tiêu. Crump dịch là trát cầu tiêu. Chữ đồ có nghĩa là bùn, nhớt, tô màu lên vật khác, lấp chỗ hở. Vậy hiểu theo nghĩa nào cũng được.

có cơ hội đâm Tương tử. Tương tử vô cầu tiêu, thấy tâm xao động, bắt người quét dọn cầu tiêu ra tra hỏi thì là Dự Nhượng. Dự Nhượng đã mài nhọn cái “thiên”⁽²⁾ đáp: “Muốn báo thù cho Trí Bá”.

Kẻ tả hữu muốn giết Dự Nhượng, Triệu Tương tử can:

– Hấn là nghĩa sĩ, ta nên cẩn thận tránh hấn thôi. Vả lại Trí Bá chết, không có kẻ nối dõi, bẽ tôi thay con cháu của chủ mà báo thù cho chủ thì là người hiền trong thiên hạ.

Rồi tha Dự Nhượng.

Dự Nhượng lại sơn mình thành người cùi, cạo hết râu và lông mày, tự hủy hoại thân thể để biến đổi dung mạo, giả trang làm kẻ ăn mày đi xin ăn. Vợ nhận không ra, bảo:

– Dong mạo thì khác chồng mình mà sao giọng nói thì rất giống?

Dự Nhượng nghe vậy bèn nuốt than để đổi giọng cho hoá khàn khàn. Một người bạn bảo Dự Nhượng:

– Việc anh làm đã rất khó khăn mà không công hiệu. Bảo rằng anh có chí thì đúng, còn bảo rằng anh có trí thì không. Dùng tài của anh mà thời Tương tử thì Tương tử tất thân tín anh, được thân tín rồi, mới thi hành việc anh muốn làm thì việc rất dễ mà công tất thành.

(2) Nguyên văn là *nhấn kỳ hãn*. Hứa Khiếu Thiên giảng *nhấn* là chặt, *hãn* là mũi nhọn của cây thương, (cũng gọi là *đặc*, nhưng trong *Tử Hải* về chữ *đặc* không thấy ghi nghĩa này). Diệp Ngọc Lân dịch: *nhấn kỳ hãn* là để lộ binh khí ra (lộ xuất binh khí) thì sai quá. Crump trên đã dịch đó là *trát*, nên dịch *hãn* là cái bay, và *nhấn kỳ hãn* là mài nhọn cái bay thành lưỡi đao. Nhưng tra *Tử Hải*, từ Nguyên chúng tôi không thấy *hãn* có nghĩa là cái bay. Chỉ thấy trong *Tử Hải* có chữ *thiên* (rất giống chữ *hãn*) nghĩa là một vật dài, nhọn hình như lá tre để nạo những vật dơ. Chúng tôi đoán có lẽ là chữ *thiên* nên dịch: “đã mài nhọn cái thiên”.

Dự Nhượng cười, đáp:

– Như vậy thì là vì báo thù cho người tri kỉ trước mà hại người tri kỉ sau, vì vua cũ mà giết vua mới, làm loạn cái nghĩa vua tôi đến vậy là cùng cực. Chí hướng của tôi là muốn làm sáng cái nghĩa vua tôi, chứ không phải là muốn lựa việc dễ mà làm. Vả lại đã làm lễ tương kiến (3) mà thờ người ta mà lại còn muốn giết người ta thì là ăn ở hai lòng với người ta. Tôi sợ dĩ lựa việc khó mà làm là cũng muốn cho những kẻ bề tôi trong thiên hạ sau này mà ăn ở hai lòng với vua thì phải xấu hổ.

Ít hôm sau, Tương tử có việc phải đi tuần thú, Dự Nhượng nép ở dưới một chiếc cầu mà Tương tử sẽ qua. Tương tử tới cầu thì con ngựa bỗng hoảng, Tương tử bảo:

– Tất có Dự Nhượng núp đâu đây.

Sai người tra vấn (4), quả nhiên là Dự Nhượng. Tương tử bèn vạch mặt Dự Nhượng, kể tội:

– Người đã từng thờ hai họ Phạm và Trung Hàng đấy chứ? Trí Bá diệt họ Phạm và Trung Hàng mà người không báo thù cho vua, lại làm lễ tương kiến thờ Trí Bá. Trí Bá đã chết, sao người riêng quyết tâm phục thù cho Trí Bá như vậy?

Dự Nhượng đáp:

– Tôi thờ hai họ Phạm và Trung Hàng, Phạm và Trung Hàng coi tôi như mọi người thường, cho nên tôi cũng lấy tư

(3) Nguyên văn: *ủy chi là giao lễ vật. Hồi xưa khi mới tương kiến, thường có vật tặng nhau; kẻ sĩ muốn xin làm bề tôi một người quyền quý nào cũng mang theo lễ vật.*

(4) Nguyên văn là vấn. Crump dịch là tìm kiếm.

cách của mọi người thường mà đáp lại. Trí Bá coi tôi như bậc quốc sĩ, cho nên tôi lấy tư cách quốc sĩ đáp lại.

Tương tử bùi ngùi, sa lệ, than:

– Ôi! Ông Dự! Ông vì Trí Bá mà hành động như vậy cũng đã là được tiếng rồi. Mà tôi tha ông một lần như vậy cũng là đủ rồi! Ông tự xử lấy đi⁽⁵⁾, tôi không tha ông nữa đâu.

Rồi sai lính vây Dự Nhượng. Dự Nhượng đáp:

– Tôi nghe nói bực mình quân không che lấp lòng trung nghĩa của người, mà bực trung thần không tiếc chết, miễn là thành danh. Ngài trước đã khoan dung phóng thích tôi, trong thiên hạ không ai không khen ngài hiền; việc hôm nay, tôi đành chịu tội chết, chỉ xin ngài cho tôi mượn chiếc áo của ngài để đâm vào, như vậy chết sẽ không hận. Tôi chỉ xin bày tỏ nguyện vọng như vậy, còn thì tùy lượng ngài.

Tương tử trọng nghĩa khí đó, sai người cầm áo của mình đưa cho Dự Nhượng. Dự Nhượng tuốt gươm ra, nhảy lên ba lần kêu trời chứng giám, vừa đâm vào áo vừa nói:

– Ha, có thể báo thù Trí Bá được rồi.

Rồi đâm cổ tự tử. Hôm mất, kẻ sĩ nước Triệu không ai là không nhỏ lệ.

(5) Nguyên văn là: Tử tự vi kế, Crump dịch là: ông tất phải biết rằng...

8

TÔ TẦN THUYẾT LÝ ĐOÁI

(Tô Tần thuật Lí Đoái)

Tô Tần thuyết Lí Đoái rằng:

– Tô Tần ở Lạc Dương (...) ⁽¹⁾, nhà nghèo, cha mẹ già, không có xe tồ ngựa hèn, không có xe bánh bằng gỗ dâu, tráp đương bằng sậy, nên dùng quần xà cạp, chân đi dép cỏ, đội sách, đeo dây, giẫm cát, đấm sương, qua sông Chương, chân thành chai, trăm ngày mới ngừng ⁽²⁾, tới cửa ngoài, xin được yết kiến ngài mà đàm đạo việc thiên hạ.

Lí Đoái đáp:

– Tiên sinh đem lời quý ma kể với tôi thì được, còn nhân sự thì Đoái tôi biết hết cả rồi.

Tô Tần nói:

– Tôi vốn có ý đem lời ma quý kể với ngài đây, không phải là kể những lời của người sống đâu.

Lí Đoái bèn cho yết kiến.

Tô Tần bảo:

(1) Nguyên văn có ba chữ: thừa hiên xa (ngồi xe có hiên, xe của đại phu), chúng tôi ngờ rằng dư. Crump cũng không dịch ba chữ đó, Muốn dịch từng chữ cho đủ thì có thể dịch: Ở Lạc Dương ta đi xe sang trọng, mà Tô Tần nhà nghèo...

(2) Nguyên văn có bốn chữ: "Nhật bách nhi xá", chúng tôi dịch như vậy không chắc đã đúng. Crump bỏ không dịch.

– Ngày tôi lại đây, trời đã tối mà còn ở ngoài cửa thành, kiếm một chiếc chiếu để nằm cũng không có, phải vô tá túc một trại ruộng. Bên cạnh trại đó có một bụi cây lớn. Nửa đêm, một hình bằng đất cãi nhau với một hình bằng gỗ, bảo: “Mày không bằng tao. Tao là đất, dù có gặp gió lớn, mưa dầm, ta có bị tan rã thì cũng trở về với đất. Còn mày, nếu không phải là rễ thì là cành cây, mày mà gặp gió lớn mưa dầm thì trôi vào sông Chương rồi phiêu bạt qua đông, tới bể, không biết ngừng ở đâu”.

Tôi trộm nghĩ rằng hình bằng đất thắng hình gỗ. Nay ngài giết chúa và diệt dòng dõi của chúa, địa vị của ngài trong thiên hạ nguy như trứng để đầu đấng⁽³⁾, ngài nghe kết của tôi thì sống, không nghe thì chết.

Lí Đoái đáp:

– Xin tiên sinh về nghỉ, ngày mai lại vô yết kiến Đoái tôi.

Tô Tần ra. Kể tả hữu của Lí Đoái bảo Lí Đoái:

– Tôi trộm nghĩ, chúa công và ông Tô bàn bạc với nhau thì tài biện bác của ông Tô hơn chúa công. Chúa công có chịu theo kế của ông Tô không?

Lí Đoái đáp:

– Không.

– Chúa công đã không chịu theo thì xin bịt kỹ hai lỗ tai lại, đừng nghe ông Tô nói nữa.

(3) Dịch đúng nguyên văn: trứng chất đồng (thế nào trứng ở trên ngọn cũng rớt xuống và vỡ tan).

Hôm sau Tô Tần lại vô ý kiến, đàm đạo suốt ngày rồi đi. Kể tả hữu của Lí Đoái tiễn Tô Tần ra cổng. Tô Tần hỏi người đó:

-Hôm qua lời bàn bạc của tôi thô bạo mà chúa công của ông động lòng; hôm nay lời của tôi tinh tế mà chúa công của ông không động lòng là tại sao?

- Là vì kế hoạch của tiên sinh lớn mà mục đích của tiên sinh lại cao, chúa công tôi không dùng được, cho nên tôi xin người bịt hai tai lại, không nghe lời tiên sinh bàn bạc. Nhưng ngày mai, tiên sinh cứ lại, tôi xin chúa công tôi trọng thưởng tiên sinh.

Hôm sau, Tô Tần lại vô, vỗ tay mà bàn bạc. Lí Đoái tặng Tô Tần một viên ngọc châu minh nguyệt⁽⁴⁾, một viên ngọc Hoà thị⁽⁵⁾, một chiếc áo bằng da điểu đen và trăm nén vàng. Tô Tần có số đó chi dùng, mà qua phía tây vô nước Tần.

(4) Minh nguyệt thứ ngọc châu ban đêm chiếu sáng dịu như ánh trăng.

(5) Ngọc Hoà là thứ ngọc quý ở nước Sở, do người họ Hoà kiếm được, dâng lên Lệ Vương. Một người thợ ngọc lại bảo Lệ vương: "Đá đấy, không phải ngọc". Lệ vương nổi giận, sai chặt chân trái của người họ Hoà. Người này lại dâng ngọc cho Vũ vương, cũng vì lẽ trên, bị chặt chân bên phải nữa. Khi Văn vương lên ngôi, họ Hoà cầm viên ngọc mà khóc ở chân núi tại Sở, luôn ba ngày ba đêm tới hết nước mắt rồi ra máu, Văn vương sai người hỏi duyên cớ; đáp rằng: "Không buồn vì chặt chân, mà buồn vì ngọc quý mà cho là đá, kẻ sĩ trong sạch mà cho là nói láo". Văn vương cho người coi kỹ lại viên ngọc, quả là quý, bèn gọi viên ngọc đó là viên ngọc Hoà thị (họ Hoà).

Ở trong bài này, không phải là viên ngọc ấy, mà chỉ là một thứ ngọc quý thôi.

Triệu II

1

TÔ TÂN THUYẾT TRIỆU TỨC HẦU THEO HỢP TUNG (Tô Tần tông Yên chi Triệu)

Tô Tần từ Yên qua Triệu để khởi xướng cho chính sách hợp tung, bảo vua Triệu:

- Trong thiên hạ, từ bậc khanh tướng nhân thần đến kẻ sĩ áo vải, không ai không phục hành vi, nghĩa khí của Đại Vương là cao cả, đã từ lâu không ai không mong được tới trước mặt Đại Vương bày tỏ hết lòng trung và xin Đại Vương dạy bảo cho. Nhưng vì phụng Dương quân⁽¹⁾ ghen ghét kẻ hiền năng mà Đại Vương lại không được chuyên quyền, cho nên những khách ở

(1) Phụng Dương quân là em vua Triệu. Mới đầu, Tô Tấn tới Triệu, không được Phụng Dương quân niềm nở tiếp, nên bỏ qua Yên, nay mới trở lại Triệu.

nước ngoài và những kẻ sĩ du thuyết không dám tới trước mặt Đại Vương để bày tỏ hết lòng trung. Phụng Dương quân đã chết, Đại Vương từ nay trở đi được tiếp xúc với nhân dân, cho nên tôi mới dám tới dâng ý nông cạn và hết sức bày tỏ lòng trung ngu muội. Tôi vì Đại Vương mà mưu tính, nghĩ rằng không gì bằng dùng chính sách an dân, dùng “hữu vi”⁽¹⁾ bày đặt việc này việc khác. Gốc của sự an dân ở chỗ chọn nước mà giao hảo; khéo chọn nước mà giao hảo thì dân được an nhàn, không khéo chọn nước mà giao hảo thì suốt đời lao đao.

Tôi xin bàn về cái họa của nước ngoài. Tề và Tần là hai địch thủ lớn của Triệu, nên dân Triệu không được an nhàn, dựa vào Tề mà đánh Tần thì dân cũng không được an nhàn. Cho nên tính chuyện với vua nước khác để đánh nước ngoài, thì lời nói thường vợi vàng mà đoạn tuyệt tình bang giao của người⁽²⁾, xin Đại Vương thận trọng đừng thốt ra những lời đó. Xin Đại Vương cho bọn tả hữu lui ra, để tôi phân biệt hai chính sách âm dương⁽³⁾.

Nếu Đại Vương quả thực nghe mưu kế của tôi thì nước Yên tất cống hiến những đất có dạ, áo lông, chó ngựa; Tề tất dâng những đất có cá, muối ở bờ biển; Sở tất dâng đất miền Vân, Mộng, có quất, bưởi; Hàn, Ngụy đều dâng những ấp mà thuế má dùng vào việc tắm gội; thân thích cha anh Đại Vương đều được những đất phong hầu. Việc cất đất và thu tiền tài hoá vật

(2) “Hữu vi” ở đây có nghĩa như “nhiều sự”.

(3) Chỉ những người theo chính sách liên hoành.

(4) Tức chính sách hợp tung và liên hoành, hai chính sách trái nhau như âm với dương.

như vậy, ngũ bá hồi xưa chịu hy sinh tướng sĩ mà làm cho được; để cho thân thích được phong hầu, vua Thang vua Vũ thời xưa phải giết kiệt, Trụ mà tranh lấy đất. Nay Đại Vương chỉ cần rủ áo chấp tay⁽⁵⁾ mà được cả hai⁽⁶⁾, đó là điều tôi vì Đại Vương mà mong mỏi.

Đại Vương mà thân thiện với Tần thì Tần tất xâm lược Hàn, Ngụy; thân thiện với Tề thì Tề tất xâm lược Sở, Ngụy. Ngụy suy yếu rồi thì tất phải cắt đất Hà Ngoại, Hàn suy yếu rồi thì tất phải dâng đất Nghi Dương, Nghi Dương dâng rồi thì Thượng Quận⁽⁷⁾ bị cách tuyệt. Hà Ngoại cắt rồi thì đường nghẽn⁽⁸⁾, Sở suy yếu rồi thì không còn ai cứu viện nữa. Ba kế sách đó không thể không tính cho kỹ⁽⁹⁾.

Tần đem binh chiếm Chỉ Đạo⁽¹⁰⁾ thì Nam Dương biến động, rồi cướp nước Hàn, vây nước Chu mà Triệu tự nhiên tan rã. Tần mà chiếm cứ nước Vệ, được đất Kì thì nước Tề tất triều kiến Tần. Tần đã tới được Sơn Đông rồi thì tất đem quân nhắm nước Triệu; quân Tần qua sông Hoàng Hà, vượt khỏi Lâm Chương, chiếm Phiên Ngô thì tất đem quân đánh nhau với Triệu ở dưới chân thành Hàm Đan; đó là điều mà tôi lo giùm Đại Vương.

(5) Ý nói: Ngồi không không, không phải khó nhọc.

(6) Tức: Vua Triệu đã chiếm được thêm đất của các nước kia, mà thân thích vua Triệu được lại được đất phong nữa.

(7) Có lẽ lầm: là Thượng Đảng thì phải hơn vì Thượng Đảng ở gần Nghi Dương, chỉ cách một con sông; còn Thượng Quận thì ở cách xa lắm.

(8) Ý nói: Ngụy suy rồi, phải cắt đất Hà Ngoại cho Tần và con đường tới Thượng Quận sẽ bị nghẽn.

(9) Đoạn này lý luận không minh bạch. Chủ ý Tô Tần là ngăn Triệu liên hiệp với Tần mà sao lại kể cái hại liên hợp với Tề? Mà ba kế sách đó là những kế sách nào?

(10) Chỉ Đạo nay ở Thiểm Tây.

Đương lúc này, các nước ở Sơn Đông, không nước nào mạnh bằng Triệu, đất Triệu rộng hai ngàn dặm, binh giáp được vài chục vạn, chiến xa được ngàn cỗ, chiến mã được vạn con, lúa chi dùng được mười năm. Phía Tây có Trường Sơn, Phía Nam có Hà Chương ⁽¹¹⁾, phía đông có Thanh Hà, phía bắc có nước Yên. Yên là một nước yếu, không đáng lo. Trong thiên hạ, Tần không hận nước nào bằng Triệu, mà Tần không dám cử binh đánh Triệu là vì sao? Là vì sợ có Hàn, Ngụy đánh lên ở phía sau Tần. Như vậy thì Hàn, Ngụy là cái phen che phía Nam của Triệu. Nhưng nếu Tần đánh Hàn, Ngụy thì tình hình sẽ khác; không có núi cao sông rộng ngăn cách, cứ lần lần tầm thực cho tới khi tới kinh đô mới ngừng; Hàn, Ngụy không chống được Tần tất xin thờ Tần. Hàn, Ngụy thờ Tần rồi, Triệu không có Hàn, Ngụy ngăn cách với Tần nữa mà hoạ sẽ tới Triệu; Đó là điều tôi lo giùm cho Đại Vương.

Tôi nghe nói vua Nghiêu không có được ba trăm mẫu ruộng, vua Thuấn không có được một tấc đất mà làm chủ được thiên hạ; Vua Vũ không có trăm người theo sau mà làm vua chư hầu, quân lính không quá ba ngàn người, chiến xa không quá ba trăm cỗ mà vua Thang, vua Võ lên ngôi thiên tử, chính là nhờ hiểu được cái đạo cường thịnh. Cho nên bậc minh quân, ở ngoài thì lượng sức mạnh yếu của nước địch, ở trong thì xét sĩ tốt nhiều ít, có hiền tài hay không, không đợi đến lúc quân mình với quân địch giao chiến mà cái lo thắng bại tồn vong đã thấy rõ từ trước ở trong lòng rồi, đâu có bị lời đại chúng làm mê muội, mà quyết đoán một cách hồ đồ.

(11) Hà Chương không rõ là một hay hai con sông, Từ Hải không có Hà Chương, chỉ có Chương Giang và Chương Hà.

Tôi xin trộm đem địa đồ trong thiên hạ ra xét, đất của chư hầu rộng khắp gấp năm Tần, tôi đoán phỏng binh sĩ của chư hầu nhiều gấp mười Tần. Sáu nước ⁽¹²⁾ đoàn kết làm một, quay về phía Tây đánh Tần thì Tần tất mất. Nay sáu nước để cho Tần đánh tan, hướng về phía Tây mà thờ Tần, làm bề tôi cho Tần. Phá tan nước người với bị nước người phá tan, người làm bề tôi mình với mình làm bề tôi người, hai cái đó khác nhau xa. Bọn người chủ trương liên hoành kia đều muốn cắt đất của chư hầu để cầu hoà với Tần. Họ cầu hoà với Tần thì có thể xây cất đài cao, sửa sang cung đẹp nghe tiếng sáo (đàn) sắt, nếm những món thơm ngon, phía trước có xe ngựa, phía sau có sân dài, có người đẹp cười duyên, nhưng rồi khi có cái hoạ vì Tần thì bỏ mặc vua. Thế nên bọn chủ trương liên hoành kia ngày đêm đem cái quyền uy của Tần dọa các chư hầu để chư hầu cắt đất cho Tần. Xin Đại Vương nghĩ kĩ về điều đó.

Tôi nghe nói rằng bậc minh quân không do dự. Không nghe lời gièm pha, mà gạt bỏ những lời không có chứng cứ, lập cái cửa bè đảng. Cho nên thần xin trung thành dâng lên Đại Vương cái kế làm cho vua được tôn quý, đất được mở rộng, binh được hùng cường. Tôi trộm vì Đại Vương mưu tính thì không gì bằng sáu nước Hàn, Ngụy, Tề, Sở, Yên, Triệu hợp tung thân thiện với nhau để chống đỡ với Tần; khiến cho các vị tướng quốc, tướng soái trong thiên hạ đều họp nhau ở trên bờ sông Viên, các nước trao đổi con tin với nhau, giết ngựa trắng, cùng thề với nhau rằng: “Tần mà đánh Sở thì Tề, Ngụy đem binh tinh nhuệ ra giúp Sở. Hàn sẽ cắt đứt đường vận lương của Tần.

(12) Tức: Hàn, Ngụy, Tề, Sở, Yên, Triệu.

Triệu sẽ đem quân qua sông Hà Chương. Yên sẽ giữ phía bắc miền Thương Sơn, Tần mà đánh Hàn, Ngụy thì Sở sẽ cắt đứt phía sau của Tần. Tề sẽ đem binh tinh nhuệ ra giúp Hàn, Ngụy. Triệu sẽ đem quân qua sông Hà Chương. Yên sẽ giữ miền Văn Trung. Tần mà đánh Tề thì Sở sẽ cắt đứt phía sau của Tần. Hàn sẽ giữ thành Cao. Ngụy sẽ chặn ở Ngộ Đạo. Triệu sẽ đem quân qua sông Hà Chương, đóng ở Bác Quan. Yên sẽ đem quân tinh nhuệ ra giúp Tề. Tần mà đánh Yên thì Triệu sẽ giữ Thương Sơn. Sở sẽ đem quân đóng ở Vũ Quan. Tề sẽ đem quân qua Bột Hải. Hàn và Ngụy sẽ đem quân tinh nhuệ ra giúp Yên. Tần mà đánh Triệu thì Hàn sẽ đem quân đóng ở Nghi Dương, Sở sẽ đem quân đóng ở Vũ Quan, Ngụy sẽ đem quân đóng ở Hà Ngoại, Tề sẽ đem quân qua Bột Hải, Yên sẽ đem quân tinh nhuệ ra giúp Triệu. Nước chư hầu nào mà bội ước trước thì năm nước kia sẽ cùng đem quân đánh. Sáu nước hợp tung, thân thiện với nhau để chống cự Tần thì Tần không dám đem quân ra khỏi cửa Hàm Cốc mà đánh phá Sơn Đông, như vậy thì nghiệp bá của Đại Vương sẽ thành.

Vua Triệu đáp:

Quả nhân tuổi nhỏ, cầm quyền mới được ít ngày, chưa từng được nghe kế hoạch trường cửu để trị nước; nay quý khách có ý bảo vệ thiên hạ, an định chư hầu, quả nhân xin kính cẩn đem nước Triệu ra theo kế hoạch của quý khách.

Rồi phong Tô Tần làm Vũ An quân, tặng trăm cỗ xe trang sức đẹp đẽ, ngàn nén vàng, trăm đôi bạch ngọc, ngàn tấm vóc để Tô Tần đi liên hiệp với chư hầu.

3

TRƯƠNG NGHI THUYẾT TRIỆU VŨ LINH
VƯƠNG THEO LIÊN HOÀNH
(Trương Nghi vị Tần liên hoành)

Trương Nghi vị Tần chủ trương kế hoạch liên hoành, bảo vua Triệu:

- Vua Tần của tề quốc sai tôi mạo muội dâng thư lên quan ngự sử của Đại Vương⁽¹⁾. Đại Vương thống lĩnh thiên hạ để chống Tần. Quân Tần không dám ra khỏi cửa Hàm Cốc đã mười lăm năm rồi. Uy quyền của Đại Vương đã lan ra khắp miền Sơn Đông, trong thiên hạ; tề quốc sợ sệt, cúi nép, chỉnh đốn binh khí, huấn luyện binh sĩ, sửa sang chiến xa, luyện tập kỹ xạ, gắng sức cày ruộng, trữ lúa, bảo vệ biên cảnh bốn bề, ở trong cảnh lo sầu, sợ sệt đó, không dám vọng động, chỉ vì Đại Vương có ý trách lỗi Tần vậy.

Nay. Trần vì thấy uy lực Đại Vương phía Tây chiếm Ba Thục, nước Hán Trung⁽²⁾, phía đông thu phục Đông Chu. Tây Chu mà đời chín đỉnh, giữ bến Bạch Mã, cho nên tuy ở hẻo lánh, xa xôi, mà lòng oán hận sâu muộn đã từ lâu rồi. Nay vua Tần tới đem binh giáp tôi tàn đóng ở Thành Trì, định qua Hà Chương, chiếm cứ phiên Ngô, nghênh chiến với Triệu ở dưới châu thành Hàm Đan. Định tới ngày giáp tí⁽³⁾, giao chiến với Triệu. Để noi gương

(1) Lời khiêm tốn: không dám dâng thẳng lên vua Triệu mà dâng lên quan ngự sử.

(2) Vậy là Triệu đã chiếm Sở mà uy hiếp Ba Thục ư? Hay là nước khác chiếm mà Trương Nghi trách Triệu như vậy vì Triệu mà tung trương?

(3) Ngày giáp tí là ngày Chu Vũ vương đánh bại vua Trụ.

(Chu vô vương), diệt Ân Trụ thời xưa, nên sai tôi cung kính lại báo trước cho kẻ tả hữu của Đại Vương hay.

Đại thế, Đại Vương sở dĩ tin chính sách hợp tung là trông cậy ở mưu kế của Tô Tần quyến rũ, mê hoặc được chư hầu, làm cho họ tin là phải trái, trái là phải. Nhưng Tô Tần muốn phản phúc nước Tề mà không được⁽⁴⁾. Khiến cho chính mình bị xé xác ở chợ nước Tề. Vậy thiên hạ không thể hợp nhất được, lẽ ấy đã rõ.

Nay Sở với Tần đã là hai nước anh em, mà Hàn, Ngụy đã là những nước phiên thuộc ở phía Đông. Tề đã dâng Tần những đất có muối, cá, như vậy là chặt mất cánh tay phải của Triệu rồi. Người đã mất cánh tay phải mà còn mong chiến đấu với kẻ khác, đảng đã tan mà mình bị cô lập, như vậy thì làm sao khỏi nguy được?

Nay Tần phải ba vị tướng thống suất quân sĩ: một đạo quân chặn lấp Ngộ Đạo⁽⁵⁾, rồi bảo Tề đem binh qua Thanh Hà⁽⁶⁾ đóng ở phía Đông Hàm Đan; một đạo quân đóng ở Thành Cao, đốc suất quân Hàn, Ngụy mà đóng ở Hà Ngoại; một đạo quân đóng ở Thằng Trì, cùng hẹn với nhau rằng: “Bốn nước liên kết như một để đánh Triệu, phá được Triệu rồi thì chia đất Triệu thành bốn phần”. Vì vậy tôi không dám giấu giếm tình ý, xin báo trước với người tả hữu của Đại Vương.

Tôi trộm vì Đại Vương mưu tính, không gì bằng hẹn với Tần ở Thằng Trì, hội kiến nhau rồi kết thân với nhau. Tôi xin án binh, không tấn công, xin Đại Vương quyết định đi.

(4) *Coi bài Sở I - 17*

(5) *Ngộ Đạo là tên đất ở phía đông nước Triệu phía Tây nước Tề.*

(6) *Thanh Hà nay ở Trực Lệ, qua khỏi Thanh Hà thì tới phía đông Hàm Đan.*

Vua Triệu đáp:

– Sinh thời của Tiên Vương, Phụng Dương quân làm tướng quốc, chuyên quyền, che lấp chí Tiên Vương, độc đoán việc nước. Quả nhân lúc đó ở trong cung, thuộc quyền quan sự phó, không được mưu tính việc nước. Khi Tiên Vương bỏ quần thần mà qui tiên, quả nhân tuổi còn nhỏ, tới nay coi việc tế tự chưa được bao ngày ⁽⁷⁾, nhưng lòng riêng vẫn trộm nghi ngờ, cho rằng kế hoạch hợp tung chống Tần không phải là cái lợi trường cửu của nước; cho nên đã có ý thay đổi kế hoạch, cắt đất để tạ tội cũ mà xin thờ Tần; đương cho sửa soạn xe để qua Tần vừa được tin sứ giả mang chiếu lệnh sáng suốt của vua Tần.

Rồi cho đánh trăm cỗ xe, tới Thăng Trì triều kiến vua Tần, cắt đất Hà Giang để thờ Tần.

4

VŨ LINH VƯƠNG MUỐN BẬN HỒ PHỤC

(Vũ Linh vương bình trú nhàn cư)

Vũ Linh vương gặp lúc ban ngày ngồi không, Phi Nghĩa ngồi hầu, tâu:

– Đại vương có nghĩ tới việc đời biến hoá, đến việc sử dụng

(7) Ý nói: Cấm quyền chưa được bao lâu.

vũ khí binh lính, hay nhớ đến sự nghiệp của Giản tử, Tương tử⁽¹⁾ để lại, tính đến cái lợi về phía Hồ, Địch⁽²⁾ không?

Vũ Linh vương đáp:

– Một ông vua nối nghiệp không quên công đức của tiên vương, đó là cái đạo của người làm vua; trao đổi ý tưởng và chứng minh để làm sáng tỏ cái sở trường của vua mình, đó là phép bàn luận của người làm tôi. Vì vậy mà bậc minh quân khi ngồi không thì có bốn phận dạy dân để dẫn dắt dân cho công việc trị nước được tiện lợi, khi hành động thì có bốn phận làm sáng tỏ một phần trong trăm phần sự nghiệp của các tiên vương đời trước. Làm bề tôi, lúc khốn cùng thì giữ cái lễ từ nhượng với người trên, lúc hiển đạt thì lập cái công cứu dân giúp chúa. Vua tôi khác nhau ở hai chỗ đó. Nay ta muốn kế tục sự nghiệp của Tương vương, mở mang đất đai của rợ Hồ, rợ Địch mà trọn đời không thành công. Địch quốc yếu thì ta dùng ít binh lực mà công được nhiều, có thể không bắt dân chúng hết sức lao khổ mà hưởng được công lao của cổ nhân. Hễ có cái công lao xuất thế thì tất chịu cái tai tiếng là không theo thế tục; hễ có những tư tưởng độc đáo, sáng suốt thì tất làm cho người đời lo ngại. Nay ta muốn bần y phục của người Hồ, dùng cách cười ngựa bán tên của họ để dạy dân, nhưng như vậy tất bị người đời dị nghị.

– Phi Nghĩa đáp:

(1) Giản tử, Tương tử trong bài này cũng gọi là Giản chúa, Tương chúa là hai vua nước Triệu thời trước.

(2) Hồ, Địch là các rợ ở phương Bắc.

– Tôi nghe nói: “Sự tình mà còn nghi hoặc thì không thành công, hành động mà còn nghi hoặc thì không thành danh”. Đại Vương nếu muốn có những tư tưởng khác đời thì xin đừng chú ý tới lời dị nghị của thiên hạ. “Người nào bàn đến cái đức cực cao siêu thì không hợp với thế tục; người nào lập được công lớn thì không mưu tính với thường nhân”. Xưa vua Thuấn mùa mà Hữu Miêu đầu hàng⁽³⁾; vua Vũ lỏa lồ vào một nước có tục khoả thân⁽⁴⁾, hai vị đó đâu phải là túng dụng cầu vui, mà là muốn luận đức và lập công vậy. “Kẻ ngu, việc thành rồi mà vẫn còn tối tăm chưa thấy; người khôn thì đã thấy trước từ khi việc chưa manh nha”. Xin Đại Vương cứ thi hành ý của mình.

Vũ Linh vương nói:

– Quả nhân không chê y phục người Hồ, chỉ sợ thiên hạ cười chê thôi. Thấy kẻ cuồng vui nhộn, bậc trí giả thương cho họ; thấy kẻ ngu cười giỡn kẻ hiền giả buồn cho họ. Nếu có người theo ta thì sự bận Hồ phục có kết quả tốt, chưa biết tới đâu. Dù người đời đều chê cười ta thì ta cũng không thể vì vậy mà bỏ đất Trung Sơn của rợ Hồ.

Vũ Linh vương bèn bận Hồ phục, sai Vương Tôn Tiết bảo công tử Thành:

(3) Rợ Hữu Miêu là dòng dõi rợ Tam Miêu, rợ Hữu Miêu không theo mệnh lệnh vua Thuấn. Vua Thuấn sai ông Vũ đánh ba tuần mà Hữu Miêu vẫn chưa chịu qui phục. Vua Thuấn sai thu binh vế, mở mang văn đức, cho mùa mọc và quạt vả ở hai bên thềm; bảy tuần sau chúa Hữu Miêu qui phục.

(4) Theo sách Hậu Hán Thư, Đông Di truyện, nước đó ở phía nam Trung Quốc, từ Chu Nho Quốc (?) đi thuyền về phía Đông nam một năm mới tới. Sách Hoài Nam Tử chép rằng vua Vũ khi vô nước đó thì cởi bỏ hết y phục, khi ra khỏi nước đó thì lại bận y phục lại, như vậy để theo phong tục thổ dân.

– Quả nhân bạn Hồ phục sắp lâm triều đây, muốn chú cùng bạn Hồ phục như ta. Ở trong nhà nghe lời cha mẹ, ở triều đình nghe lời vua, đó là cái đạo từ xưa đến nay; con không trái ý cha mẹ, bề tôi không trái ý vua, đó là cái phép chung của các tiên vương. Nay quả nhân đã ra lệnh đối y phục, nếu chú không tin thì sợ thiên hạ dị nghị. Trị nước có phép thường, là lấy lợi dân làm gốc, trị dân có phép nhất định, là trước hết lệnh ban ra phải thi hành. Cho nên muốn làm sáng cái đức thì phải giảng sao cho bọn ti tiểu đều hiểu rõ, muốn thi hành chính sách thì phải làm sao cho bọn quyền quý đều tin theo. Ta có cái ý bạn Hồ phục không phải là để tưng dục cầu vui; lý do là muốn làm nên sự nghiệp; việc nên công thành rồi thì sao mới thấy được cái đức của ta. Ta sợ chú không tuân lệnh, cho nên phải nói rõ để chú biết mà phán đoán. Ta nghe nói rằng việc nào có lợi cho nước thì không phải là việc bậy, mà nhân danh quý thích mà làm thì không mang tiếng, cho nên ta muốn mượn cái tiếng tầm đại nghĩa của chú để lập cái công nghiệp do Hồ phục gây nên, và sai Tiết lại yết kiến chú, xin chú bạn Hồ phục.

Công tử Thành lạy hai lạy, đáp:

Tôi đã được nghe nói nhà vua bạn Hồ phục, nhưng vì đau, không đi được, nên không tới sớm được, nay nhà vua ra lệnh, tôi xin đem hết lòng trung thành ngu muội ra bày tỏ. Tôi nghe nói Trung Quốc là nước của những người thông minh tài trí, chỗ tụ hợp của những tài sản vật dụng, là đất được các vị hiền, thánh giáo hoá, chỗ thi hành điều nhân điều nghĩa, chỗ mà Thi, Thư, Lễ, Nhạc được dùng, các kỹ nghệ mới mẻ được thí nghiệm; nó là nơi mà các người phương xa quan chiêm, các rợ

man di noi gương mà hành động. Nay nhà vua bỏ cả mà bần theo y phục của người phương xa, biến đổi giáo hoá cùng đạo lý cổ thời, làm trái lòng người, ngược với hạng trí thức, li khai với văn hoá Trung Quốc. Tôi xin Đại Vương xét kỹ cho.

Sứ giả về tâu lại với Vũ Linh vương. Vua đáp.

– Ta biết trước rằng chú không tán thành.

Rồi tới nhà Công Thúc Thành, đích thân giảng giải:

– Y phục cốt sao tiện cho việc sử dụng; lễ pháp cốt sao tiện cho việc thi hành. Vì vậy mà thánh nhân xem xét dân tình trong miền để hợp với phong tục, tùy sự tình mà đặt lễ pháp, cốt lợi cho dân mà ích cho nước. Cắt tóc, xăm mình, vẽ lên cánh tay, vạt áo lớn ở bên tả, đó là phong tục dân Âu Việt ⁽⁵⁾; nhuộm răng, sơn đầu, dùng da cá niêm lớn làm nón, may vá cực xấu xí, đó là phong tục dân Đại Ngô, lễ phục tuy khác nhau mà đều là tiện lợi cả. Vì vậy mà khác miền thì cách dùng cũng đổi, khác sự tình thì lễ pháp cũng biến. Cho nên thánh nhân chỉ cầu lợi dân, cách dùng bất tất phải nhất luật; chỉ cầu tiện việc, bất tất lễ pháp phải giống nhau. Những người học nho cùng một thầy mà lễ chế khác nhau. Trung Quốc cùng một phong tục mà giáo hoá khác nhau, như vậy thì nói chi đến miền sơn cốc, cốt tiện thì thôi. Cho nên tới lui biến hoá dù bậc trí giả cũng không thể cứ giữ một lối được, về cách phục sức ở các miền, dù thánh hiền cũng không thể bắt đều nhau được. Phong tục miền xa xôi có nhiều cái lạ, các học thuyết tà khúc

(5) Âu Việt tức miền từ Quảng Đông xuống tới Bắc Việt.

thường ham tranh biện; không biết thì vẫn nghi ngờ, thấy khác mình mà không chê, đó là công tâm cầu thiện. Lời của khanh là theo thói tục, lời của ta là muốn sửa phong tục. Nước ta phía đông có sông Hà, sông Bạc Lạc⁽⁶⁾, chung dòng với nước Trung Sơn, nước Tề mà chúng ta không biết dùng thuyền; từ Thường Sơn cho tới miền Đại, Thượng Đảng, cùng chung biên giới với miền Đông Hồ của Yên phía Tây có miền Lâu Phiến, giáp ranh với Tần, Hàn mà không có đủ lính kị biết bắn. Cho nên quả nhân mới đóng thuyền, chiêu mộ những dân ở miền sông nước để giữ sông Hà, sông Bạc Lạc, thay đổi y phục, dạy cưỡi ngựa bắn tên để phòng bị biên giới Tam Hồ, Lâu Phiến, Tần, Hàn.

Vả lại trước kia Giản vương không chen miền hiểm yếu từ Tần Dương đến Thượng Đảng⁽⁷⁾, Tương vương thộn tính Nhung, Đại rồi muốn đánh các rợ Hồ, điều đó dù kẻ ngu cũng thấy rõ. Hồi trước, Trung Sơn cậy có Tề mạnh, đem quân xâm lược nước ta, bắt trời dân ta, dẫn nước vô để vây thành Hạo, nếu thần linh xã tắc không phù hộ thì thành Hạo khó mà giữ được, cho nên tiên vương phần uất về việc đó, hận đó đến nay vẫn chưa báo. Nay đổi y phục, bận đồ lính kị bắn tên, cái lợi gần là hoàn bị được sự phòng vệ Thượng Đảng, cái lợi xa là báo được cái hận Trung Sơn, mà chú cứ theo cái tục Trung Quốc, làm trái cái ý Giản vương, Tương Vương, ghét cái tên biến đổi y phục, mà quên cái nhục của nước, quả nhân có ngờ đâu chú lại như vậy.

Công tử Thành lạy hai lạy, dập đầu đáp:

(6) Sông Hà, sông Bạc Lạc. Có sách chấm câu là: có sông Bạc, sông Lạc; lại có sách chấm là: sông Hà Bạc, sông Lạc. Từ Hải không có Bạc Lạc, Bạc Thủy, Hà Bạc, chỉ có Lạc Thủy, nhưng lại ở Thiểm Tây. Chưa rõ ra sao.

(7) Sự kiện này cũng chưa tra được.

– Tôi ngu muội, không hiểu được mưu kế của Đại Vương, cho nên chỉ bàn về thế tục. Nay Đại Vương muốn nối ý của Giản vương, Tương vương để theo chí của tiên vương, tôi đâu dám không tuân lệnh.

Nói xong, lạy hai lạy. Vũ Linh vương cấp cho Hồ phục.

* * *

Triệu Văn tiến lên can:

– Dân cày thì phải khó nhọc để nuôi người quân tử⁽⁸⁾, đó là lẽ thường trong việc trị nước; kẻ ngu thì bày tỏ ý kiến và bậc trí giả bàn luận, phê bình, đó là cái đạo của việc dạy dỗ. Bề tôi không giấu lòng trung, vua chúa không che lấp lời phải, đó là cái phúc của nước. Tôi tuy ngu, xin tỏ hết lòng trung.

Vũ Linh vương đáp:

– Suy nghĩ không phải là làm loạn, trung trực không phải là có cái tội, người cứ nói.

Triệu Văn đáp:

– Thời nào theo kỷ cương ấy; y phục có phép tắc, đó là sự chế định của lễ; sửa phép mà không lầm, đó là nghĩa vụ của dân. Ba cái đó là lời dạy bảo của thánh nhân ngày xưa. Nay Đại Vương bỏ ba cái ý đó mà theo y phục người phương xa, sửa đổi giáo huấn của cổ nhân, biến cái đạo của cổ nhân, cho nên tôi xin Đại Vương nghĩ kĩ lại.

Vũ Linh vương đáp:

(8) Quân tử ở đây không chỉ nhà cầm quyền.

– Lời người nói đó là lời thế tục. Hạng thường dân thì chìm đắm ở tập tục, hạng có học thì chìm đắm ở điều học được (ở sách vở); hai hạng đó chỉ để dùng làm quan tốt, theo chính lệnh, không có thể nhìn xa bàn sâu được. Đời Tam đại y phục không giống nhau mà đều giỏi trị nước cả; bậc trí giả lập ra giáo huấn mà kẻ ngu bị bó chặt vào giáo huấn; bậc hiền giả bàn về phong tục mà kẻ bất tiểu thì câu nệ hạng dân theo tục về y phục, không thể tỏ lòng với họ được; hạng dân câu nệ về phong tục, không thể tỏ hết ý với họ được. Cho nên thời thế phải cùng với phong tục mà biến hoá, lễ cũng phải theo biến theo, đó là cái đạo thánh nhân. Theo lời dạy bảo mà hành động, theo phép chứ không được riêng tư, đó là nghĩa vụ của dân. Người biết đọc, có thể tùy sự học hỏi mà biến đổi, người hiểu được sự biến hoá của lễ thì có thể tùy thời thay đổi; cho nên kẻ biết học (học để cho mình tiến ích) thì không trông đợi ở người, người qui định luật lệ cho đời nay thì không theo cổ. Người nên hiểu điều đó.

Triệu Tào can rằng:

– Giấu lòng trung mà không tận lực thì thuộc vào hạng gian tà, vì tư lợi mà làm hại nước thì thuộc vào hạng đạo tặc. Phạm tội gian thì phải chết, làm hại nước thì bị giết cả họ. Hai cái đó là hình pháp rõ ràng của bậc tiên thánh, và là cái tội lớn của kẻ bề tôi. Tôi tuy ngu, xin tỏ hết lòng trung mà không trốn tử tội.

Vũ Linh vương đáp:

– Bề tôi bày tỏ hết ý mà không kiêng nể là trung, vua không che lấp lời của bề tôi là sáng suốt. Trung thần không tránh cái nguy, minh quân không cự người thẳng, người cứ nói.

Triệu tào đáp:

– Tôi nghe nổi bậc thánh nhân không thay đổi thiên tính của dân khi dạy dỗ, bậc trí giả không biến cải phong tục khi hành động; tùy theo thiên tính của dân mà dạy thì không mệt mà thành công, căn cứ vào phong tục mà hành động thì suy nghĩ mau dễ thấy. Nay Đại Vương đổi cũ mà không theo tục, bần Hồ phục mà chẳng kể gì đến thế tục, đó không phải là dạy dân và giữ được lễ. Và lại ăn mặc mà kỳ dị thì lòng sinh ra phóng dăng, phong tục rắc rối thì làm cho dân sinh loạn. Cho nên người trị quốc không theo y phục kỳ dị, rắc rối; người Trung Quốc thì không có hành động giống với man di, vì cái đó không phải là dạy dân và giữ lễ. Vả lại theo phép cũ thì không mắc lỗi, theo lễ tục thì không có tà tâm (không cong queo). Tôi xin Đại Vương nghĩ kĩ lại.

Vũ Linh vương đáp:

– Mỗi đời phong tục không giống nhau, thế thì biết thời cổ nào? Các vị Đế Vương không theo lễ của nhau thế thì biết theo lễ nào? Phục Hi, Thần Nông dạy dân mà không dùng tử hình, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn dùng tử hình mà không giận lây. Đến đời Tam vương tùy thời mà định pháp lệnh, tùy việc mà đặt ra lễ, pháp lệnh chế độ đều tùy nghi cả, y phục khí giới đều tùy tiện cả. Cho nên muốn trị dân thì không nhất định phải theo đạo nào, muốn tiện lợi cho nước thì bất tất phải theo cổ. Bậc thánh nhân dựng nghiệp chẳng bắt chước nhau mà đều thành vương nghiệp; tới đời Hạ, đời Ân suy vi, không thay đổi lễ pháp mà bị diệt. Như vậy thì trái với cổ, chưa chắc đã đáng chê, mà theo lễ cổ, chưa đủ để khen. Vả lại y phục kỳ dị mà chí phóng dăng, là trường hợp nước Trâu, nước Lỗ, hai nước đó

không có những hành động khác thường; phong tục rắc rối mà lòng dân biến đổi, là trường hợp nước Ngô, nước Việt, hai nước đó không có những dân tài giỏi. Thế cho nên thánh nhân thấy có ích cho thân thể thì dùng làm y phục, thấy tiện cho việc trị dân thì đem làm giáo dục, biết tiến biết lui thì coi là có lễ tiết. Chế định y phục là để sửa dân thường, không phải là để xét bậc hiền giả, cho nên thánh nhân thì thông tục còn hiền giả thì tùy biến. Ngạn ngữ có câu: “Theo lời trong sách mà đánh xe thì là không hiểu thấu tình ý của ngựa; theo thời xưa mà chế định thời nay thì là không rõ sự biến đổi của sự tình”. Cho nên việc theo phép không đủ để hơn đời, cái học theo cổ không đủ để chế định thời nay. Thôi người đừng phản đối ta nữa.

Triệu III

1

TRIỆU XA GIẢNG TẠI SAO PHẢI TĂNG BINH LỰC

(Triệu Huệ Văn vương)

Năm thứ ba mươi đời Triệu Huệ Văn vương (con Vũ Linh), tướng quốc Đô Bình quân Diên Đan⁽¹⁾ hỏi Triệu Xa:

– Không phải là tôi không khen binh pháp của tướng quân, chỉ có một điều không phục là tướng quân dùng nhiều quân quá. Dùng nhiều quân quá thì dân không thể làm ruộng được, lương thực xấu thuế không đủ cung cấp; như vậy là cái lẽ ngồi đầy mà tự phá mình, Đan tôi không làm vậy. Đan nghe nói bực

(1) Đô Bình quân là chức phong cho Diên Đan.

đế vương dùng binh không quá ba vạn quân mà thiên hạ phải hàng phục. Nay tướng quân đòi có mười vạn, hai chục vạn rồi mới chịu dùng, đó là điều Điền Đan tôi không phục.

Mã Phục⁽²⁾ đáp:

– Ông không những không biết phép dụng binh mà lại không còn rõ thời thế nữa. Cây kiếm Can Tướng nước Ngô⁽³⁾ dùng thử để chặt thịt thì chặt đứt được đầu bò, đầu ngựa; dùng thử để chặt các đồ kim mà bẻ thì chặt đứt được mâm và chậu; nhưng dẫn nó vào cây cột thì nó gãy làm ba, chém nó vào mỏm đá thì nó bẻ ra làm trăm mảnh. Nay dùng ba vạn quân mà chống với binh các cường quốc thì không khác gì dẫn kiếm vào cột, đập kiếm vào đá. Vả lại cây kiếm Can Tướng nước Ngô khó có, sống nó không dày, mũi nó không nhọn, chỗ gần lưỡi nó không mỏng, mà lưỡi nó không mẻ; có đủ hai cái đó rồi mà thiếu cái vòng, cái chuỗi, cái đốc, cái dây, thiếu những tiện lợi đó thì cầm kiếm mà đâm, đâm chưa vô sâu mà tay mình đã đứt. Ông không có hai chục vạn quân thì cũng như kiếm không có cái vòng, cái chuỗi, cái đốc, cái dây, thiếu tất cả các tiện lợi; mà đem ba vạn quân đánh thiên hạ thì làm sao thành công được?

Vả lại xưa kia, khoảng đất trong bốn biển chia làm vạn nước; thành tuy lớn mà cao không quá ba trăm trượng, người tuy nhiều mà không quá ba ngàn nóc nhà. Như vậy mà gom ba vạn binh để đánh thì có gì mà khó? Nay vạn nước hồi xưa gom

(2) Mã phục quân là tước phong cho Triệu Xa.

(3) Vợ chồng Can Tướng là người nước Ngô, chế tạo được đôi kiếm rất tốt, cây "dương" gọi là Can Tướng, cây "âm" gọi là Mạc Da.

lại còn bảy nước, nước nào cũng có mười vạn binh; ông đem ba vạn quân mà chống thì mất ngày giờ cầm cự nhau bằng mấy năm, rồi sẽ lâm vào cảnh nước Tề thôi⁽⁴⁾. Tề đem hai chục vạn quân dẹp nước Kinh, năm năm mới xong; Triệu đem hai chục vạn quân đánh Trung Sơn, năm năm về. Nay Tề và Hàn thế lực ngang nhau, vậy mà khi chiến tranh còn phải đem toàn lực ra đánh thành, vây thành, chứ đâu có dám nói rằng: Ta đem ba vạn quân ra cứu viện! Ngày nay thành cao ngàn trượng, những áp vạn nóc nhà ngó thấy nhau⁽⁵⁾, mà chỉ đem ba vạn quân vây cái thành cao ngàn trượng, bất quá chỉ vây được một góc; còn đánh nhau ở giữa đồng thì binh không đủ dùng. Ông tính dùng binh đó để đánh ở đâu đây?

Đô Bình quân bùi ngùi thở dài, đáp

– Đan tôi kiến thức không bằng ông.

9

VUA TRIỆU DO DỰ KHÔNG BIẾT NÊN CẮT ĐẤT CHO TẦN HAY KHÔNG

(Trần công Triệu ư Trường Bình)

Tần đánh Triệu ở Trường Bình, đại thắng, kéo binh về rồi sai người qua Triệu đòi dâng sáu thành để giảng hòa. Vua Triệu (Hiếu Thành vương) còn do dự, thì Lâu Hoãn vừa ở Tần qua. Vua Triệu bán tính với Lâu Hoãn:

(4) Âm chỉ việc Tề đem mười vạn quân đánh nước Kinh. Có sách lại bảo âm chỉ việc Tề bị Yên Chiêu vương đánh thua.

(5) Ý nói áp nọ gần áp kia, vì dân đã đông đúc.

– Cho Tần sáu thành thì sẽ ra sao? Mà không cho thì sẽ ra sao?

Lâu Hoãn nhún nhường đáp:

– Điều đó tôi không thể biết được.

– Nhưng ông thử cho ý kiến đi.

– Nhà vua biết chuyện mẹ của Công Phủ Văn Bá không? Công Phủ Văn Bá làm quan ở Lỗ, đau rồi chết, mười sáu người đàn bà tự sát ở trong phòng để chết theo; bà mẹ hay chuyện đó, không hề khóc. Người vú nuôi bảo: “Người đâu con chết mà không khóc?” Bà mẹ đáp: “Khổng tử là người hiền, bị đuổi ở Lỗ, thằng đó không đi theo Khổng Tử, nay nó chết mà mười sáu người đàn bà chết theo nó, thế là bạc bẽo với bề trên mà hậu hĩnh với đàn bà”. Vậy lời đó xuất từ miệng người mẹ thì mẹ là hiền, nếu xuất từ miệng người vợ thì người vợ không khỏi mang tiếng là ghen tương. Cũng là một lời, người nói mà khác thì lòng người cũng khác. Nay tôi mới ở Tần qua mà bảo không nên cắt đất thì sợ nhà vua ngờ tôi là vị Tần, cho nên tôi không dám đáp. Tôi mà vì nhà vua mưu tính thì không gì bằng cho đi.

– Phải.

Ngu Khanh hay tin, vô ý kiến vua, vua kể lại lời của Lâu Hoãn. Ngu Khanh bảo:

– Đó là mượn cớ mà nói.

(Tần đã giải vây cho Hàm Đan, vua Triệu vô triều, sai Triệu Thích hứa thờ Tần và cắt sáu huyện để cầu hòa)⁽¹⁾.

(1) Câu này có vẻ như dư hoặc đặt không đúng chỗ (để ở đầu truyện thì phải hơn), nên chúng tôi cho vào trong dấu ngoặc.

Vua hỏi:

– Sao vậy?

– Tần đánh Triệu, nhà vua cho rằng vì mệt mỏi mà rút quân về, hay là vẫn còn sức để tiến, nhưng vì quý mến nhà vua mà không tiếp tục đánh?

– Tần đánh ta, không còn dư sức, tất là vì mệt mỏi mà rút quân về.

Tần dùng sức công phá mà không chiếm được, mệt mỏi mà phải về; nay nhà vua lại đem cái thành họ chiếm không nổi mà tặng họ, thế là giúp cho Tần mạnh để đánh lại mình. Sang năm Tần sẽ tấn công nhà vua nữa, lúc đó vô phương cứu.

Vua kể lại lời của Ngụ Khanh cho Lâu Hoãn hay. Lâu Hoãn bảo:

– Ngụ Khanh biết rõ hết lực lượng của Tần không?

Nếu quả thực biết rõ lực lượng của Tần không đủ thì dẫu chỉ là một hòn đất, cũng không cho. Đợi sang năm Tần lại tấn công, lúc đó nhà vua có thể không cắt đất trong nước để cầu hòa không?

Vua hỏi:

– Nghe lời ông mà cắt đất cho Tần, ông có thể cam đoan rằng sang năm Tần không tấn công ta nữa không?

Lâu Hoãn đáp:

– Điều đó, tôi không dám cam đoan. Xưa kia Tam Tấn giao thiệp với Tần, hai bên rất thân thiện. nay Tần phóng thích Hàn, Ngụy mà chỉ đánh nhà vua thì nhất định là nhà vua không thờ Tần như Hàn, Ngụy thờ. Muốn giải trừ cái hoạ vì trái ý Tần mà bị Tần đánh, thì mở cửa ải, lưu thông hóa tệ, cùng

thân thiện với Tần như Hàn, Ngụy. Sang năm, nếu nhà vua riêng không được Tần vừa lòng thì tất do nhà vua thờ Tần không bằng Hàn, Ngụy thờ Tần. Điều đó, tôi không dám cam đoan.

Vua đem lời Lâu Hoãn kể lại cho Ngụ Khanh.

Khanh bảo:

– Lâu Hoãn bảo: “Không cầu hòa thì sang năm Tần lại đánh và lúc đó nhà vua có thể không cắt đất mà cầu hòa được không?” Mà nay cầu hòa thì Lâu Hoãn lại không cam đoan rằng sang năm Tần sẽ không đánh. Như vậy, cắt đất có lợi ích gì? sang năm lại bị đánh, lại cắt đất mình không được để cầu hòa, đó là một cách tự tử, tốt hơn là không cầu hòa. Tần tuy giỏi đánh nhưng không chiếm được sáu thành; Triệu tuy không giữ được nhưng không đến nỗi mất cả sáu thành. Tần mệt mỏi mà rút quân về, tất phải giải binh; ta dùng năm thành mà thu lòng thiên hạ⁽²⁾, để đánh Tần vì mệt mà phải giải binh, như vậy ta có mất thành cho thiên hạ nhưng lại được bồi thường lại ở Tần, mà còn có lợi. So với cách ngồi yên cắt đất, tự làm cho mình yếu đi để cho Tần mạnh lên, thì cách nào hơn?

Lâu Hoãn bảo: “Tần thân thiện với Hàn, Ngụy mà đánh Triệu, nguyên do tất phải là vì nhà vua thờ Tần không bằng Hàn, Ngụy thờ Tần”. Kế ấy khiến cho nhà vua mỗi năm đem sáu thành dâng Tần, như vậy là ngồi đó mà trông đất đai mất dần cho tới hết! Sang năm Tần lại đòi cắt đất, nhà vua sẽ cho không? không cho thì mất toi công trước⁽³⁾ mà lại gây họa với

(2) nói: đem năm thành đó tặng cho nước khác để nước đó cùng với mình đánh Tần.

(3) Ý nói: trước cắt đất để được lòng Tần, nay Tần đòi nữa mà không cho thì sẽ mất lòng Tần, mà trước kia cắt đất hóa ra chẳng có lợi gì cả.

Tần; cho thì còn đất đâu mà cho? Tục ngữ có câu: “Kẻ mạnh thì giỏi tấn công, kẻ yếu thì không biết tự vệ”. Nay ngồi yên tuân lệnh Tần. Tần không làm mệt binh sĩ mà được nhiều đất, như vậy là làm cho Tần thêm mạnh mà Triệu thêm yếu. Tần đã mạnh lại làm cho nó mạnh thêm, Triệu đã yếu lại còn cắt đất cho nó yếu thêm, cứ như vậy, không biết tới đâu mà ngừng. Vả lại Tần là nước sài lang, không có lòng lễ nghĩa, đòi cắt đất hoài mà đất của nhà vua thì có hạn. Dem số đất có hạn để cung cấp lòng yêu sách vô cùng, nước Triệu thế tất bị diệt vong mất. Cho nên tôi bảo lời của Lâu Hoãn là mượn cớ mà nói, nhà vua nhất định đừng cắt đất cho Tần.

– Phải.

Lâu Hoãn hay được, vô ý kiến vua, vua lại kể lại lời của Ngụ Khanh. Lâu Hoãn bảo:

– Không phải vậy. Ngụ Khanh chỉ biết một mà không biết hai. Tần và Triệu gây chiến với nhau, mà thiên hạ đều vui là tại sao? Họ đều nói: “Ta sẽ nương thế kẻ mạnh mà xâm chiếm kẻ yếu” (4). Nay quân Triệu bị khốn vì quân Tần thì những nước trong thiên hạ mừng kẻ thắng tất đều đứng về phe Tần. Cho nên không gì bằng gấp cắt đất cầu hòa để nghi gián thiên hạ lấy lòng Tần. Không vậy thì thiên hạ sẽ nhân lúc Tần giận dữ mà Triệu thì khốn đốn, cùng nhau cắt xé đất Triệu. Triệu mất rồi thì còn mưu tính đánh Tần sao được nữa? Xin nhà vua nghĩ vậy mà quyết đoán đi, đừng bàn gì thêm nữa.

(4) Kẻ mạnh đây chỉ Tần.

Ngũ Khanh hay được, lại vô ý kiến vua, bảo:

– Ngụy mất! Lâu Tử làm tay sai cho Tần rồi! Binh Triệu đã bị khốn vì Tần, nay lại cắt đất cầu hòa thì lại càng làm cho thiên hạ thêm nghi, mà có làm cho Tần được chỗ nào đâu? Như vậy chẳng phải là tuyên bố với thiên hạ rằng mình yếu ư? Và lại khi tôi bảo đừng cho đất thì không phải là chỉ không cho đất mà thôi. Tần đòi sáu thành của nhà vua, nhà vua đem năm thành hối lộ nước Tề, Tề với Tần vốn thâm thù nhau, nay Tề được năm thành của nhà vua sẽ đem toàn lực qua phía Tây mà đánh Tần. Tề sẽ nghe liền, không đợi nhà vua nói hết lời nữa. Như vậy là nhà vua mất đất cho Tề mà được bù lại ở Tần, làm một việc mà kết thân được với ba nước⁽⁵⁾ mà lại cùng với Tần đối lẫn tình thế của nhau⁽⁶⁾.

Vua Triệu đáp:

– Phải.

Rồi sai Ngũ Khanh qua phía đông yết kiến vua Tề, bàn mưu đánh Tần. Ngũ Khanh đi chưa về thì Tần đã sai sứ tới Triệu. Lâu Hoãn hay tin vội bỏ trốn.

(5) Tứ Tế, Hàn, Ngụy.

(6) Ý nói: Tần đương Mạnh sẽ hóa yếu còn Triệu đương yếu sẽ hóa mạnh.

12

LỖ TRỌNG LIÊN KHÔNG CHỊU TÔN VUA TẦN LÀM ĐẾ

(Tần vi Triệu chi Hàm Đan)

Tần vây thành Hàm Đan của Triệu, Vua Ngụy là An Hi vương sai tướng là Tấn Bỉ cứu Triệu. Tấn Bỉ sợ Tần, đóng quân ở Thanh Âm, không tiến nữa. Vua Triệu sai một khách tướng⁽¹⁾ là Tân Viên Diễn lên vào Hàm Đan, nhờ Bình Nguyên quân tâu với vua Triệu:

– Tần sở dĩ gấp vây Triệu là vì trước kia tranh hùng với Tề Mẫn vương để lên ngôi đế, sau Tần bỏ đế hiệu cũng là tại Tề⁽²⁾. Nay Tề yếu hơn hồi Mẫn Vương, chỉ có Tần là xưng hùng trong thiên hạ. Tần đánh Triệu không nhất định là tham thành Hàm Đan đâu mà thâm ý là muốn được làm hoàng đế. Nếu Triệu sai sứ sang tôn Tần làm đế, Tần tất mừng và lui binh.

Bình Nguyên quân âm thầm do dự, chưa quyết định ra sao. Lúc đó Lỗ Trọng Liên vừa qua Triệu, gặp lúc quân Tần vây Triệu, nghe nói tướng Ngụy thuyết Triệu tôn Tần làm tướng hoàng đế, bèn vô ý kiến Bình Nguyên quân hỏi:

– Sự thể tính ra sao?

(1) Khách tướng là một người ở nước khác, lại nước Ngụy, được vua Ngụy dùng làm tướng lãnh. Chữ khách đó cũng như chữ khách trong khách khanh. Nước Lương tức nước Ngụy. Thời Ngụy Huệ Vương, đổi tên nước là Lương.

(2) Tô Đại thuyết Tề Mẫn vương bỏ đế hiệu, vì vậy Tấn cũng phải bỏ đế hiệu.

Bình Nguyên quân đáp:

– Thằng tôi đâu dám bàn về việc ấy! Cả trăm vạn quân Triệu thua trận ở ngoài, ngày nay Tần lại vô vây Hàm Đan, không có cách nào triệt họ được. Vua Ngụy sai tướng là Tân Viên Diễn bảo Triệu tôn Tần làm hoàng đế, người đó hiện còn ở đây. Thằng tôi đâu dám bàn về việc ấy!

Lỗ Trọng Liên bảo:

– Trước kia tôi cho ông là một vị công tử hiền năng trong thiên hạ, bây giờ tôi mới biết rằng ông không phải là một vị công tử hiền năng trong thiên hạ. Ông khách nước Lương là Tân Viên Diễn đó ở đâu? Tôi xin thay ông mà trách ông ta và bảo ông ta về nước đi.

– Thằng tôi xin mời ông ta lại yết kiến tiên sinh.

Nói xong Bình Nguyên quân đi kiếm Tân Viên Diễn, bảo:

– Nước phía Đông ⁽³⁾ có ông Lỗ Trọng Liên, ông có mặt ở đây, Thằng tôi xin giới thiệu với tướng quân để hai người hội kiến.

Tân Viên Diễn bảo:

– Tôi nghe ông Lỗ Trọng Liên là bậc cao sĩ nước Tề; Diễn tôi là bề tôi, vua sai đi có nhiệm vụ riêng, nên tôi muốn gặp ông Lỗ Trọng Liên.

Bình Nguyên quân đáp:

– Thằng tôi đã lỡ tiết lộ việc đó rồi.

Tân Viên Diễn bèn nhận lời.

(3) Tề ở phía đông, cho nên gọi như vậy.

Lỗ Trọng Liên gặp Tân Viên Diễn mà không nói gì cả. Tân Viên Diễn hỏi:

– Theo tôi thấy, những ai vô trong cái thành bị vây này cũng là muốn cầu cạnh ông Bình Nguyên quân một việc gì. Nay tôi thấy mặt ngọc của tiên sinh thì ra không phải có điều gì muốn cầu cạnh ông Bình Nguyên quân hết; thế thì sao tiên sinh ở lâu trong cái thành bị vây này mà không đi?

Lỗ Trọng Liên đáp:

– Người đời đều cho rằng Bào Tiêu không khoan dung với mình mà đến nỗi chết, lời đó sai. Người thường không biết, cho rằng ông ấy chết chỉ vì cái thân của ông ấy (sự thực thì ông ấy có hoài bão khác)⁽⁴⁾. Tần kia là nước bỏ lễ nghĩa, trọng cái công chặt đầu người⁽⁵⁾ dùng thủ đoạn mà sai khiến tướng sĩ, dùng chính sách nô lệ mà sai khiến dân chúng; nếu nó càn rỡ xưng đế, thậm chí thống trị thiên hạ⁽⁶⁾, thì Liên tôi gieo mình xuống biển đông mà chết thôi, chứ không can ngăn làm dân của nó! Tôi sở dĩ lại ý kiến tướng quân là muốn giúp Triệu đấy.

– Tiên sinh giúp cách nào?

– Tôi sẽ khuyên Ngụy và Yên giúp Triệu, Tề và Sở vốn sẵn lòng giúp Triệu rồi.

(4) Bào Tiêu là một ẩn sĩ đời Chu, chán đời, tự tử. Lỗ Trọng Liên đây muốn nói rằng: mình không rời thành bị vây này là vì không nghĩ tới thân mình mà có hoài bão khác. Diệp Ngọc Lân và Crump dịch là: ngày nay người ta không hiểu tôi mà cho rằng tôi hành động vì bản thân tôi.

(5) Theo phép luật của Tần, ai có công chặt được đầu giặc thì được thăng một cấp.

(6) Crump dịch là: nếu kẻ càn rỡ đó được tôn làm đế mà những hành động quả quyết của hắn được làm mục thước trong thiên hạ.

– Nói về nước Yên thì tôi xin đồng ý với tiên sinh⁽⁷⁾, còn nói về nước Lương thì tôi là người Lương đây, tiên sinh làm cách nào cho Lương giúp Triệu được?

– Là vì nước Lương chưa thấy cái hại Tần xung đế đấy, nếu Lương thấy được cái hại Tần xung đế thì tất sẽ giúp Triệu.

– Tần xung đế thì cái hại ra sao?

– Xưa Tề Uy vương từng làm những điều nhân nghĩa, thống lĩnh chư hầu lại triều kiến vua Chu. Thời đó nước Chu nghèo yếu, chư hầu không chịu triều kiến. Chỉ có một mình Tề lại triều kiến. Hơn một năm sau, vua Chu Liệt vương băng. Các chư hầu đều tới điếu tang, riêng có Tề là tới trễ, vua Chu An vương⁽⁸⁾ giận, mắng Tề rằng: “Thiên tử băng cũng như trời sụp đất lở, vị thiên tử mới nối ngôi phải nằm trên chiếu cỏ, ở nhà lá⁽⁹⁾, người, Điền Anh nước Tề, là bề tôi ở phía Đông, tới trễ, đáng tội chết chém!” Tề Uy vương cũng nổi giận mắng lại: “Hừ, hừ! Đồ con cái nữ tì kia!”. Vì vậy Chu An vương bị thiên hạ cười chê. Thành thử hồi Chu Liệt vương còn sống thì Tề Uy vương lại triều kiến, khi Chu Liệt vương mất thì lại chửi rửa Chu An vương, là vì nhịn không được thói khác khe của Chu An vương. Các vị thiên tử vốn có thói đó, không có gì là lạ⁽¹⁰⁾.

Tân Viên Diễn bảo:

(7) Crump dịch là: tôi đã có thể xin liên kết được rồi.

(8) Tức con Chu Liệt vương.

(9) Hồi đó, tục để đại tang như vậy.

(10) Trong đoạn này, Lỗ Trọng Liên muốn cho Tân Viên Diễn thấy rằng Tần mà làm thiên tử thì sẽ đối xử với chư hầu cũng khe khác, vênh vào như vậy.

– Tiên sinh không lẽ nào không thấy bọn đầy tớ kia! Mười người theo hầu một kẻ. Nào có phải vì mười người đó sức không hơn, trí không bằng kẻ kia, vì sợ đấy.

Lỗ Trọng Liên đáp:

– Vậy thì Lương đối với Tần như đầy tớ đối với chủ sao?

– Chính vậy.

– Nếu vậy thì tôi sẽ khiến vua Tần đem vua Lương nấu nường, làm mắm cho rồi!

Tần Viên Diễn tỏ vẻ không vui, than rằng:

– Ôi! Tiên sinh sao nói quá như vậy! Tiên sinh làm sao có thể khiến vua Tần đem vua Lương nấu nường, làm mắm được?

Lỗ Trọng Liên đáp:

– Có chứng cứ đấy, đợi tôi kể cho mà nghe! Xưa kia, Quý hầu, Ngạc hầu⁽¹¹⁾, Văn vương làm chức tam công⁽¹²⁾ cho vua Trụ, Quý hầu có một người con gái đẹp, đem dâng cho vua Trụ, vua Trụ không ưa nàng, đem Quý hầu làm mắm, Ngạc hầu vội biện hộ và can vua Trụ, mà bị vua Trụ sai xẻ thịt làm khô, Văn vương hay tin, buồn rầu than thở, nên bị giam vào ngục Dữu Lí trăm ngày, suýt bị tội chết nữa. Thế thì vì đâu tôn người ta làm đế vương mà rồi bị người ta đem ra làm mắm, làm khô thịt?

Khi vua Tể Mẫn vương muốn qua Lỗ, một người ở Di Duy⁽¹³⁾ Cầm roi ngựa theo hầu, hỏi người nước Lỗ: “Các ông dự bị gì để

(11) Quý hầu, Ngạc hầu đều là chư hầu của Chu.

(12) Tam công là ba chức quan lớn nhất thời đó: thái sư thái phó, thái bảo.

(13) Di Duy là tên đất, nay ở Sơn Đông.

đãi vua nước ta?” Người nước Lỗ đáp: “Chúng tôi sẽ làm lễ mười bò, dê, lợn⁽¹⁴⁾ để đãi vua nước ông”. Người ở Di Duy bảo: “Như vậy là ông theo cái lễ nào mà đãi vua của nước ta vậy? Vua của nước ta là thiên tử, thiên tử mà đi tuần thú thì chư hầu phải rời chính thất của mình, nộp khóa, chìa khóa, vén áo, ôm ghế⁽¹⁵⁾, đứng ở dưới thềm, hầu cơm thiên tử, đợi thiên tử ăn rồi mới lui mà thỉnh triều”⁽¹⁶⁾ Người nước Lỗ nghe vậy, liệng chìa khóa đi, không chịu nộp. Tề Mẫn vương không vô được nước Lỗ, định qua nước Tiết, Phải mượn đường nước Trâu. Lúc đó vua nước Trâu mới băng. Mẫn vương tính lại điếu tang. Người ở Di Duy nói với vua kế vị nước Trâu: “Thiên tử tới điếu tang thì chủ nhân⁽¹⁷⁾ phải quay lưng vào quan tài, đem linh vị đặt ở phía Nam hướng về phía Bắc, rồi sau thiên tử mới hướng về phía Nam mà điếu⁽¹⁸⁾, Quân thần nước Trâu bảo: “Nếu phải như vậy thì chúng tôi xin dùng gươm tự sát”. Thế là Mẫn vương không dám vô nước Trâu. Các bề tôi của Trâu và Lỗ, hồi vua của họ còn sống, không được phụng sự cung dưỡng vua, khi vua của họ mất, không được làm lễ phạn hàm⁽¹⁹⁾ mà Tề bắt họ phải dùng cái lễ thiên tử đãi vua Tề, họ còn không chịu thay⁽²⁰⁾. Tấn có vạn cỗ xe, Lương cũng có vạn cỗ xe, đều là

(14) Có sách giảng là mười xe thái lao.

(15) Ý nói phải hầu hạ như dầy tờ hầu chủ.

(16) Thỉnh triều là vô triều nghe các quan tâu mọi việc.

(17) Chỉ vua kế vị.

(18) Theo lễ nghi thời đó, thiên tử trong các buổi lễ, đều ngồi quay mặt về phía nam, chư hầu quay mặt về phía bắc.

(19) Lễ phạn hàm: khi liệm người chết, người ta cạy miệng ra bỏ ít hạt gạo và vài viên ngọc vào. Tục đó, đến gần đây, nước ta còn giữ.

(20) Ý nói: các bề tôi của Trâu và Lỗ đó, tình đối với vua không thực là thân thiết, không nhất thiết là những cận thần, chỉ như hạng tôi tớ của vua, mà còn biết giữ thể diện cho vua, cho nước như vậy, huống hồ là vua Lương mà lại chịu nhục với Tấn ư.

những nước vạn thặng, đều xưng vương, Lương mới thấy Tần thắng một trận mà đã muốn phục tòng, tôn Tần làm đế, thế thì ra các vị đại thần Tam Tấn không bằng bọn nô tì của Trâu, Lỗ ư?

Vả lại Tần không bỏ cái dã tâm, một ngày kia mà xưng đế thì thay đổi hết các vị đại thần của các nước chư hầu, họ sẽ triệt hết những người mà họ cho là bất hiếu, bổ nhiệm những kẻ họ cho là hiền năng, triệt hết những người họ ghét mà bổ nhiệm những kẻ họ yêu; họ lại sai con gái và hạng tì thiếp sàm nịnh, làm phi tần các vua chư hầu, vô ở trong cung nước Lương làm sao mà ở yên được? Và tướng quân làm sao mà còn được sủng ái như trước nữa?

Tân Viên Diễn nghe xong, đứng dậy, vái hai vái, tạ lỗi:

– Trước tôi cho tiên sinh là hạng phạm nhân, nay tôi mới biết rằng tiên sinh là bậc sĩ trong thiên hạ! Tôi xin về đây, không dám bàn về việc tôn Tần làm đế nữa.

Tướng Tần hay tin đó, bèn lui binh năm chục dặm. Vừa may gặp lúc công tử nước Ngụy là Vô Kỵ⁽²¹⁾ đoạt được binh của Tấn Bỉ⁽²²⁾, tới cứu Triệu, đánh Tần, Tần phải rút quân về.

Lúc đó, Bình Nguyên quân muốn phong Lỗ Trọng Liên, Lỗ Trọng Liên ba lần từ chối, tới cùng không chịu nhận Bình Nguyên quân bèn bày rượu mời, đương lúc vui chén, đứng dậy lấy ngàn vàng tặng Lỗ Trọng Liên, Lỗ Trọng Liên cười đáp:

– Kẻ sĩ sở dĩ đáng quý ở trong thiên hạ là vì giải trừ được hoạn nạn, cởi bỏ được mối rối loạn mà không nhận được chút

(21) Vô Kỵ tức Tín Lăng quân, con vua Ngụy.

(22) Tấn Bỉ sợ quân Tần, không dám tiến, Vô Kỵ giết Tấn Bỉ chiếm lấy quân đem đánh Tần.

báo đáp nào cả. Nếu nhận sự báo đáp thì thành con buôn rồi, Lỗ Trọng Liên không nỡ làm như vậy.

Rồi từ biệt Bình Nguyên quân, tới chết, không ai còn được thấy ông nữa.

15

COI QUỐC GIA KHÔNG BẰNG MỘT THƯỚC LỤA

(Kiến Tín quân quý ư Triệu)

Kiến Tín quân được vua Triệu (Hiếu Thành vương) sủng ái. Công tử Ngụy Mâu⁽¹⁾ qua Triệu, vua Triệu ra đón rồi trở về chỗ cũ ngồi, trước mặt có một thước lụa mà ông bảo thợ dùng làm mào. Người thợ làm mào thấy khách tới bèn lui ra.

Vua Triệu bảo Ngụy Mâu:

– Công tử cứ ngồi xe chậm⁽²⁾ tới thăm, quả nhân lấy làm hân hạnh, mong được công tử chỉ cho cách trị nước.

Ngụy Mâu đáp:

– Nếu Đại Vương biết quý nước của Đại Vương như thước lụa này thì nước của Đại Vương tất rất thịnh trị!

Vua Triệu không vui, về mặt bất bình bảo:

(1) Công tử nước Ngụy là tên Mâu.

(2) Nguyên văn: hậu xa là xe ở sau, nghĩa là đi chậm, sau những xe khác.

Tiên Vương không biết rằng quả nhân bất tiểu nên mới giao xā tắc cho quả nhân, nhưng quả nhân đâu dám khinh nước Triệu đến vậy!

Ngụy Mâu đáp:

– Xin Đại Vương đừng nhận, để tôi xin giảng. Đại Vương có thước lụa này sao không ra lệnh quan lang trung đây⁽³⁾ cắt làm chiếc mào?

– Quan lang trung đâu biết làm mào.

– Làm mào mà hỏng thì có hại gì cho nước Đại Vương đâu, vậy mà Đại Vương phải đợi có thợ rồi mới sai làm. Còn việc nước thì cơ hồ như khác: xā tắc⁽⁴⁾ hương tàn khói lạnh⁽⁵⁾, Tiên vương không được cúng tế⁽⁶⁾ vì Đại Vương không giao việc nước cho người tài giỏi, lại giao cho kẻ trẻ và đẹp⁽⁷⁾. Vả lại, Tiên Đế của Đại Vương cưới đầu tê, mà đánh xe ngựa⁽⁸⁾ chiến đấu với Tần, Tần phải tránh, không dám đương đầu. Nay Đại Vương lông bông ngồi xe⁽⁹⁾ Kiến Tín để chiến đấu với cường Tần, tôi e rằng Tần sẽ làm tan nát hông xe của Đại vương mất.

(3) Nguyên văn: tiền lang trung nghĩa là quan lang trung ở trước mặt hoặc ở phía sau.

(4) Xā là nền tế thần đất, tắc là nền tế Thần Nông.

(5) Nguyên văn: hư lệ la trống rỗng, sụp đổ.

(6) Nguyên văn: huyết thực là ăn huyết; hổi xưa giết các con bò, dê, lợn... lấy huyết tươi để cúng.

(7) Chỉ Kiến Tín quân.

(8) Nguyên văn: da tê thu nhi tham mã phục, Ngụy Mâu ở đây chơi chữ. Tê thú có nghĩa là con tê, lại có nghĩa là một chức quan lớn ở triều đình, đây ám chỉ Công Tôn Diễn; mã phục có nghĩa là ngựa và yên cương đóng vào ngựa, lại là tước phong của Triệu Sa (hoặc Triệu Quát), một vị tướng của Triệu thời trước.

(9) Vì đã chơi như trên, nên Ngụy Mâu ở đây dùng chữ tiền là ngồi chiếc xe của vua. Ngồi xe Kiến Tín là ngồi chiếc xe do Kiến Tín đánh.

16

NĂM MỘNG THẤY VUA TÁO

(Vệ Linh công cận Ung Thư)

Vệ Linh công gần gũi bọn Ung Thư, Di Tử Hà⁽¹⁾. Hai người đó chuyên quyền mà che lấp kẻ tả hữu của vua. Phục Đồ Trinh⁽²⁾ nói với vua:

– Đêm qua tôi nằm mộng thấy vua.

Vua hỏi:

– Mộng ra sao?

– Mộng thấy vua Táo.

Vua giận, hăm hăm bảo:

– Ta nghe nói mộng thấy mặt trời thì là mộng thấy vua; nay người nói mộng thấy Táo quân mà lại bảo là mộng thấy vua. Giảng được thì tha cho, không giảng được thì bị tội chết!

Đáp:

– Mặt trời thì chiếu thiên hạ, không vật gì che nổi; còn Táo quân thì không vậy, có người đứng trước che khuất thì người đứng sau không sao thấy được. Nay tôi ngờ rằng có người che khuất nhà vua, cho nên nằm mộng thấy vua Táo.

Vua bảo:

- Được!

Rồi đuổi bọn Ung Thư, Di Tử Hà mà dùng Tư không Cấu⁽³⁾.

(1) Ung Thư là sủng thần của Vệ Linh công; Hàn Thư chép là Ung Cừ, Di Tử Hà là một tên kép thời đó, rất đẹp trai, cũng rất được Vệ Linh Công yêu.

(2) Phục Đồ Trinh là người nước Vệ.

(3) Tư Không Cấu là người tên Cấu làm chức Tư Không. Có cách gọi là Sư Cấu hoặc Tư mã Cấu.

Triệu VI

1

TÊ THUYẾT TRIỆU NÊN THÂN THIỆN VỚI TÊ (Vị Tê hiến thư Triệu vương)

Có người thay vua Tê dâng thư lên vua Triệu (Hiếu Thành vương), báo vua Triệu:

– Tôi chỉ được yết kiến một lần là có thể khiến cho nhà vua ngồi đó mà hưởng được danh hiệu và đất đai trong thiên hạ (1), tôi trộm lấy làm lạ rằng sao mà nhà vua không thử cho tôi yết kiến, để cho tôi phải khốn cùng. Quần thần tất có nhiều người cho rằng tôi bất tài, cho nên nhà vua mới không cho tôi yết kiến. Những kẻ cho là bất tài, nguyên do không có gì lạ. Họ muốn dùng binh đội của nhà vua mà thực hiện lợi riêng của họ. Nếu không

(1) Ý nói; được là bá hay đế, đất đai các chư hầu thuộc quyền của mình hết.

vậy thì là trong giao tình có chỗ thiên lệch. Nếu không vậy nữa thì là trí lực của họ không đủ. Nếu không nữa thì họ muốn đem cái trọng trách trong thiên hạ ra dọa nhà vua để nhà vua làm theo ý họ. Tôi cho rằng nước Tề chịu theo thờ nhà vua thì nhà vua có thể tiêu diệt được Yên, có thể diệt được Hàn, Ngụy, có thể tấn công Tần, làm cho Tần cô lập. Tôi cho rằng Tề mà tặng nhà vua cái danh chí tôn thì còn nước nào dám không tặng nhà vua cái danh chí tôn? Tôi cho rằng Tề mà tặng nhà vua đất đai thì còn nước nào dám không tặng nhà vua đất đai? Tôi cho rằng Tề mà thay nhà vua cầu danh⁽²⁾ với Yên và Hàn, Ngụy thì nước nào mà dám chối từ? Cái tài của tôi coi việc trước cũng đủ thấy rồi. Tề có tôn trọng nhà vua rồi thì thiên hạ mới đều tôn trọng nhà vua; không có Tề thì thiên hạ mới đều tôn trọng nhà vua, không có Tề thì thiên hạ đều khinh nhà vua. Tần mạnh như vậy, vì không có Tề giúp nên mới tôn trọng nhà vua Yên, Ngụy vì không có Tề giúp nên mới tôn trọng nhà vua. Nay nếu nhà vua không có Tề giúp nên mới tôn trọng nhà vua; Yên, Ngụy vì không có Tề giúp nên mới tôn trọng nhà vua. Nay nếu nhà vua không có Tề giúp thì làm sao mà không mất lòng tôn trọng của thiên hạ cho được? Cho nên những kẻ khuyên nhà vua tuyệt giao với Tề, nếu không phải là trí lực bất túc thì là có lòng bất trung. Nếu không phải vậy thì là muốn dùng binh đội của nhà vua mà thực hiện lợi riêng của họ. Nếu không phải vậy nữa thì là họ muốn đem cái trọng trách trong thiên hạ ra dọa nhà vua để nhà vua theo họ. Nếu không phải vậy nữa thì là chức vị của họ cao mà tài năng của họ thấp. Xin nhà vua suy nghĩ kĩ về cái lợi hại không được Tề giúp.

(2) Có lẽ muốn nói: Tề có thể bảo Yên, Hàn, Ngụy tôn Triệu làm bá hay đế.

6

PHẠM TỌA SUÝT BỊ NGU KHANH HẨM HẠI (Ngu Khanh thính Triệu vương)

Ngu Khanh hỏi vua Triệu:

– Lòng con người là muốn được con người triều phục mình hay muốn triều phục người?

Vua Triệu đáp:

– Ai cũng muốn người khác triều phục mình chứ có lý gì lại muốn triều phục người.

Ngu Khanh bảo:

– Ngụy làm mình chủ các nước hợp tung mà người chống đối là Phạm Tọa ⁽¹⁾. Nay nhà vua đem trăm dặm đất hoặc một ấp vạn nóc nhà dâng vua Ngụy để vua Ngụy giết Phạm Tọa, Phạm Tọa chết rồi thì chức mình chủ các nước hợp tung sẽ dời về Triệu.

– Phải.

Rồi sai người đem trăm dặm đất đem dâng vua Ngụy để xin giết Phạm Tọa. Vua Ngụy bằng lòng sai quan tư đồ giam Phạm Tọa nhưng chưa giết.

(1) Các bản đều chép: "nhi vi giả Phạm Tọa dã" và chúng tôi đã dịch đúng ra như vậy; nhưng thú thật không hiểu rõ ý ra sao, Phạm Tọa chống đối ai? Chống đối cái gì? Có sách (Bạch thoại Chiến Quốc sách độc bản của nhà Quảng Ích thư cục - 1947) dịch ra bạch thoại là: chống đối nước Ngụy, nghe không xuôi vì Phạm Tọa là người nước Ngụy. Hay là chống đối chính sách hợp tung? Nhưng dù Phạm Tọa chống đối chính sách hợp tung thì giết Phạm Tọa rồi, vua Ngụy có thể làm mình chủ các nước hợp tung, chứ sao chức đó lại dời về Triệu được? Hay là Phạm Tọa chống Triệu?

Phạm Tọa dâng thư lên vua Ngụy, tâu:

– Tôi nghe vua Triệu dâng nhà vua trăm dặm đất, quả là lợi lớn, tôi xin trộm vì Đại Vương mừng về việc đó! Nhưng có điều này là trăm dặm đất đã không thể được mà kẻ bị giết cũng không sống lại được, mà Đại Vương tất bị thiên hạ cười chê. Tôi trộm nghĩ rằng dùng kẻ chết để cầu lợi không bằng dùng kẻ sống để cầu lợi.

Rồi lại gửi thư cho vị tướng quốc sau⁽²⁾ là Tín Lăng quân. Thư rằng.

– “Triệu và Ngụy hai nước ngang nhau. Vua Triệu gửi một bức thư ngắn tới⁽³⁾. Vua Ngụy khinh suất định giết kẻ vô tội là Tọa tôi. Tọa tuy bất tiểu nhưng đã từng làm tướng quốc cho Ngụy, đã từng vì Ngụy mà mang tội với Triệu. Trong nước mà không biết dùng bề tôi thì ở ngoài nước, tuy có được đất cũng không giữ được. Ngày nay, người giữ được nước Ngụy thì không ai bằng ông. Sau khi nhà vua nghe lời Triệu mà giết Tọa rồi, cường Tần tất đánh lên Triệu⁽⁴⁾, phản đối sự Triệu cắt đất cho Ngụy thì ông sẽ dùng kế gì để ngăn Tần? Đó là nỗi lo của ông đấy”.

Tín Lăng quân bảo: “Phải”. Rồi vội vô tâu với vua phóng thích Phạm Tọa.

(2) Có lẽ là Tín Lăng quân thay Phạm Tọa mà làm tướng quốc cho Ngụy.

(3) Nguyên văn: bức thư “dài một thước, một tấc”. Hối đó chắc còn viết trên thanh tre.

(4) Chỗ này cũng tối nghĩa. Nhiều bản chép: “Cường Tần tập Triệu chi dục”. (Dịch từng chữ: Cường Tần đánh lên cái ý muốn của Triệu) và có bản chú thích rằng chữ “dục” (ý muốn) đó nghĩa như chữ “tục” tức pháp chế cũ của Triệu. Chúng tôi đành theo hạ văn (Phản đối sự Triệu cắt đất cho Ngụy thì ông dùng kế gì để ngăn Tần?) mà đoán ý dịch ra như vậy.

12

PHÙNG KỊ YẾT KIẾN VUA TRIỆU

(Phùng Kị thỉnh kiến Triệu vương)

Phùng Kị xin yết kiến vua Triệu (Hiếu Thành vương), người hầu cho vô. Phùng Kị chấp tay, cúi đầu muốn nói mà không dám. Vua hỏi tại sao. Đáp:

– Khách (của Phục Tử) dẫn người vào yết kiến Phục Tử, khi người đó ra rồi, khách hỏi Phục Tử người đó có lỗi gì không. Phục Tử đáp:

– “Khách của ông chỉ có ba lỗi: ngó tôi mà cười, như vậy là nhờn; đàm luận mà không tâng bốc, như vậy là bội nghịch; giao tình còn sơ mà lời thâm thiết, như vậy là loạn.

“Khách đáp:

– “Không phải vậy. Ngó người mà cười là hòa khí; nói mà không thưa bẩm là lời bình thường, tự nhiên; giao tình còn sơ mà lời thâm thiết là có lòng trung. Xưa kia, vua Nghiêu gặp ông Thuấn ở chỗ nhà cỏ mái tranh, trải chiếu trên đất ruộng ở dưới bóng cây dâu, ngồi nói chuyện, tới khi bóng dâu ngả thì đã giao thiên hạ cho ông Thuấn rồi. Ông Y Doãn phải bưng đỉnh, mâm để gặp vua Thang ⁽¹⁾, lúc đó tên tuổi ông chưa ai biết mà ông được phong chức tam công. Nếu cứ giao tình còn sơ, không được nói lời thâm thiết thì ông Thuấn đâu được vua Nghiêu truyền cho thiên hạ mà ông Y Doãn đâu được phong chức tam công”.

(1) Y Doãn muốn gặp vua Thang, nhưng không có cách nào xin yết kiến được, phải làm chức đầu bếp cho họ Tán, rồi mượn việc nấu nướng, gia vị mà khuyên vua Thang về cách trị nước.

Vua Triệu khen:

– Rất đúng.

Phùng kị hỏi:

– Thế bây giờ kẻ ngoại thân ⁽²⁾ này, giao tình còn sơ muốn bàn việc thâm thiết, được không?

Vua đáp:

– Xin được nghe lời dạy bảo.

Như vậy rồi, Phùng Kị bèn đàm luận.

13

LỰA NGỰA VÀ LỰA TƯỚNG QUỐC

(Khách kiến Triệu vương)

Có người khách (tức người ngoại quốc) vô ý kiến vua Triệu, hỏi vua Triệu:

– Tôi nghe nói nhà vua muốn sai người đi mua ngựa, có chẳng?

Vua đáp:

– Có.

– Sao tới bây giờ vẫn chưa sai người ta đi?

– Chưa tìm được người biết coi tướng ngựa.

(2) Bề tôi nước này tự xưng với nước khác là ngoại thân.

- Sao nhà vua không sai Kiến Tín quân đi?
- Kiến Tín quân bàn việc nước, vả lại không biết coi tướng ngựa.
- Thế sao nhà vua không sai Kị Cơ⁽¹⁾ đi?
- Kị Cơ là đàn bà, không biết coi tướng ngựa.
- Mua được ngựa tốt có ích gì cho nước không?
- Không ích gì cho nước.
- Mua phải ngựa xấu thì có hại gì cho nước không?
- Không hại gì cho nước.
- Vậy thì mua được ngựa tốt hoặc mua phải ngựa xấu cũng vậy thôi, không ích mà cũng không hại cho nước. Thế mà nhà vua muốn mua ngựa phải đợi được người giỏi coi tướng ngựa rồi mới sai đi. Nay trị thiên hạ, hành động mà thất đáng thì quốc gia nguy tan, xã tắc tro tàn khói lạnh⁽²⁾, mà nhà vua không đợi tìm được người giỏi, đem giao phó Kiến Tín quân là sao vậy?

Vua Triệu chưa đáp ra sao thì khách đã hỏi tiếp:

- Yên Quách có phép gọi là “tang ung”⁽³⁾, nhà vua có biết không?

Vua đáp:

- Chưa hề nghe nói.

(1) Kị Cơ là một bà phi tấn được vua Triệu sủng ái.

(2) Nguyên văn: thần xã tắc không được cúng tế nữa. Thần xã tắc là thần đất và thần lúa. Ý nói: mất nước.

(3) Tang ung nghĩa là cây dâu bị sâu đục. Yên Quách, cũng gọi là Quách Yến, Cồ Yến hoặc Bốc Yến, là một vị quan coi việc bói ở nước Triệu.

Bảo:

– “Tang ung” trở những bề tôi thân cận, sủng ái và những phu nhân, những con gái trẻ đẹp được vua yêu, Bọn đó đều khéo nhân cái lúc nhà vua mê say mà xin nhà vua điều họ muốn. Bọn họ mà đắc sủng ở trong thì đại thần làm trái phép ở ngoài. Cho nên mặt trời mặt trăng⁽⁴⁾ sáng rõ ở ngoài đấy mà ở trong có bệnh; cẩn thận đề phòng cái mình ghét mà bị tai họa về cái mình yêu.

14

LƯỢNG NGHI ĐI SỨ TẦN (Tần, công Ngụy, thủ Ninh Ấp)

Tần đánh Ngụy, chiếm Ninh Ấp⁽¹⁾, các nước chư hầu đều chúc mừng Tần. Vua Triệu sai sứ tới mừng sứ ba lần đi về mà không được tiếp. Vua Triệu lo, bảo kẻ tả hữu:

– Tần mạnh mà lại được đất Ninh Ấp để khống chế Tề, Triệu. Các nước chư hầu đều chúc mừng. Ta sai người qua mừng mà riêng sứ ta không được tiếp. Như vậy tất Tần đem quân đánh ta, biết làm sao bây giờ.

Kẻ tả hữu đáp:

– Sứ giả tới mà ba lần không được tiếp thì nhất định là

(4) Người ta thường ví vua như mặt trời. Câu này ám chỉ vua Triệu.

(1) Ninh Ấp nay thuộc tỉnh Hà Nam.

người sai đi đó không khéo nói. Lương Nghị là bậc biện sĩ, Đại Vương sao không dùng thử ông ta.

Thế là Lương Nghị nhận mệnh ra đi. Tới Tần, dâng thư lên vua Tần (Chiêu vương), thưa:

– Đại Vương mở rộng đất tới Ninh Ấp, chư hầu đều chúc mừng; vua của tề quốc cũng trộm tự mừng không dám thờ ơ, nên sai bảy tôi đem lễ vật lại, ba lần tới triều đình Đại Vương mà không được yết kiến. Nếu sứ giả vô tội thì xin Đại Vương đừng làm mất cái vui của họ; nếu sứ giả có tội thì xin Đại Vương cho biết.

Vua Tần sai người hỏi đáp:

– Ta sai bảo Triệu điều gì, bất kỳ là lớn nhỏ, phải nghe lời ta thì ta mới nhận thư và lễ vật, nếu không theo lời ta thì sứ giả về đi!

Lương Nghị đáp:

– Hạ thần đến đây vốn là xin được vâng ý đại quốc, đâu có dám không theo; nếu Đại Vương muốn ban lệnh gì thì hạ thần xin phụng mệnh mà về phía tây⁽²⁾, không dám trì nghi.

Vua Tần bèn tiếp kiến sứ giả, bảo:

– Triệu Báo⁽³⁾ và Bình Nguyên quân mấy lần khinh lờn quả nhân. Nếu vua Triệu giết hai người đó thì êm; nếu không giết thì quả nhân xin thống lĩnh chư hầu mà đợi lệnh vua Triệu ở dưới chân thành Hàm Đan.

Lương Nghị đáp:

(2) Về phía tây (tây hành) nghĩa là làm sao, chúng tôi không hiểu.

(3) Triệu Báo tức là Bình Dương quân.

– Triệu Báo và Bình Nguyên quân là em ruột cùng mẹ vua tề quốc, cũng như Diệp Dương quân và Kinh Dương quân đối với Đại Vương vậy. Đại Vương có tiếng là dùng hiếu mà trị thiên hạ, y phục thứ nào thích hợp với thân thể, món ăn thứ nào hợp với khẩu vị, đều chia sót cho Diệp Dương quân và Kinh Dương quân. Xe ngựa, y phục của Diệp Dương quân và Kinh Dương quân đều là một thứ với xe ngựa, y phục của Đại Vương. Hạ thần nghe nói rằng “thấy có ổ chim bị phá, trứng chim bị đập bể thì phượng hoàng không bay ra: thấy có loài thú bị mổ thai, loài thú con bị thiêu đốt thì kỳ lân không hiện”; nay Đại Vương bảo hạ thần nhận mệnh lệnh Đại Vương về báo với tề quốc thì vua tề quốc sợ sệt, không dám không thi hành, nhưng như vậy chẳng làm thương tâm Diệp Dương quân và Kinh Dương Quân ư?

Vua Tần bảo:

– Phải. Vậy thì đừng cho hai kẻ đó tham chính.

Lương Nghị đáp:

– Vua tề quốc có em ruột cùng mẹ mà không biết dạy dỗ để đắc tội với tề quốc, xin biếm truất hai ông đó, không cho tham chính nữa để hợp ý đại quốc.

Vua Tần hoan hỉ, nhân lễ vật và hậu đãi sứ giả

XÚC CHIỆP THUYẾT THÁI HẬU NƯỚC TRIỆU (Triệu Thái hậu tân dụng sự)

Thái hậu nước Triệu mới cầm quyền, Tần đem quân tấn công liền. Triệu cầu cứu với Tề, Tề đáp: “Phải đưa Trường

An quân⁽¹⁾ qua đây làm con tin rồi mới xuất binh cứu viện”. Thái hậu không chịu, các quan đại thần cố khuyên. Thái hậu nói thẳng với kẻ tả hữu: “Ai mà còn nói đến chuyện Trường An quân đi làm con tin thì già này tát nhổ vào mặt!”.

Quan Tả sư là Xúc Chiệp⁽²⁾ xin vào yết kiến, Thái hậu có vẻ giận mà tiếp. Xúc Chiệp tiến vô, chậm chạp bước, tới trước mặt Thái hậu rồi tự tạ tội rằng:

– Lão thần có bệnh ở chân cho nên không bước nhanh được. Trộm phép Thái hậu tự thứ cho tội đó. Sợ ngọc thể không biết có sao không, nên hôm nay xin vào hầu⁽³⁾.

Thái hậu đáp:

- Già này nhờ xe mới đi được.
- Mỗi ngày ăn uống không giảm chứ?
- Chỉ nhờ cháo thôi.
- Lão thần gằn đây không muốn ăn, phải gắng sức đi bộ mỗi ngày ba bốn dặm mới hơi thềm ăn, nhờ vậy thân thể được điều hòa.
- Già này không gắng được như vậy.

(1) Trường An quân là con nhỏ của vua Triệu Thái hậu, và là em của Hiếu Thành vương, Triệu Thái hậu là vợ vua Huệ Văn vương nước Triệu; khi chống mắt bà lên cấm quyền vì con còn nhỏ. Tấn nhân dịp đó tấn công Trường An là hiệu thái hậu phong cho.

(2) Xúc Chiệp là một vị lão thần của Triệu.

(3) Chữ 𠄎 Cổ văn Quan chi chú thích là: “như chữ khích: 𠄎 là kẻ tường, chỗ hở: Xúc Chiệp không dám nói thẳng tên bệnh ra nên nói bóng như vậy” - Cổ văn bình chú giải nghĩa: “Độc là khước 𠄎, nghĩa là chân không đi được. Xúc Chiệp cùng bệnh già với Thái hậu nay đau chân, e rằng Thái hậu cũng đau, nên vào thăm”.

Sắc mặt Thái hậu đã hơi nguội. Quan Tả tư nói:

– Đứa con hèn của hạ thần là Thu kì còn nhỏ lắm mà chẳng có tài năng gì cả, nhưng thần suy yếu, nên yêu cầu nó, xin Thái hậu cho nó sung vào đoàn thị vệ ⁽⁴⁾ cho đủ số ⁽⁵⁾ để nó bảo vệ vương cung, thần sợ sệt mà tâu Thái hậu.

– Xin dâng. Tuổi nó bao nhiêu?

– Mười lăm. Tuy còn nhỏ, nhưng trong lúc thân thể chưa bị vùi lấp xuống hố, rãnh ⁽⁶⁾ lão thần xin phó thác Thái hậu.

– Bậc trượng phu mà cũng yêu thương con nhỏ sao?

– Còn hơn đàn bà nữa.

– Hơn cả đàn bà? Lạ nhỉ! ⁽⁷⁾

– Lão thần trộm nghĩ bà lão ⁽⁸⁾ yêu Yên hậu ⁽⁹⁾ hơn yêu Trường An quân.

– Ông lầm rồi. Kém xa Trường An quân.

– Cha mẹ yêu con thì tính kế lâu dài cho con. Bà lão lúc tiễn chân Yên hậu, níu lấy gót mà khóc, nghĩ thương cho cảnh xa xôi, thực là xót xa vô cùng. Khi Yên hậu đã đi rồi, không phải là không nhớ, vì lúc tế tự bà lão đều có cầu chúc cho Yên hậu, cầu

(4) Nguyên văn là hắc y: nhưng phục đen, dùng để chỉ chức thị vệ.

(5) Lời nói nhũn: Có bảo con trai mình không đáng được chức đó, vô làm cho đủ số lính thị vệ, chứ không được việc gì cả.

(6) Ý nói: vùi xuống huyết.

(7) Theo Cổ Văn Bình chú thì câu này nghĩa là: Đàn bà yêu con khác đàn ông và hơn đàn ông nhiều.

(8) Ta nhận thấy: giọng lúc này thân mật lắm rồi.

(9) Con gái của Triệu Thái hậu, gả cho vua Yên.

rằng: “Xin cho đừng trở về”. Như vậy há chẳng là tính chuyện lâu dài, mong cho Yên hậu có con cháu nối nhau làm vua ở Yên sao?

– Phải.

– Nay xét trở lui lại ba đời trước, từ hồi trước Triệu thành nước Triệu, con cháu các vị vua Triệu được phong hầu mà kế tiếp nhau giữ ngôi tới nay còn ai không?

– Không còn.

– Chẳng riêng gì nước Triệu, các nước chư hầu khác cũng vậy, tới nay còn ai không?

– Già này không nghe nói.

– Như vậy mà xét, họa gần thì xảy ngay trong đời mình, họa xa thì xảy ra trong đời con cháu. Có phải là tại con cháu các bậc vua chúa đều bất tiếu cả đâu; chỉ tại ngôi cao mà không có công, bổng lộc hậu mà không phải khó nhọc, lại ôm vàng ngọc quá nhiều đấy thôi. Nay bà lão tôn quý cái vị của Trường An quân, phong cho những đất phì nhiêu, lại cấp cho nhiều vàng ngọc mà không bảo Trường An quân nhân lúc này lập chút công lao với nước, thì rồi một ngày kia, gò núi sụp đổ⁽¹⁰⁾, Trường An quân biết lấy gì mà giữ thân mình ở nước Triệu? Lão thần cho rằng bà lão tính kế cho Trường An quân quả là ngắn ngủi, vì vậy mà bảo yêu Trường An quân không bằng yêu Yên hậu.

Thái hậu đáp:

– Phải. Tùy ý ông, tính sao cho nó thì tính.

(10) Ý nói: khi Thái hậu trăm tuổi rồi.

Thế là sửa soạn trăm cỗ xe, đưa Trường An quân qua làm con tin ở Tề, Tề mới xuất quân cứu Triệu.

Tử Nghi⁽¹¹⁾ nghe chuyện đó nói: “Con bậc vua chúa tình thân như cốt nhục kia, mà không thể cậy vào cái tước quý không công lao mà được, cậy vào cái bổng lộc không khó nhọc mà được, để giữ nổi những đồ vàng ngọc quý báu, hưởng chi là kẻ bề tôi!”.

(11) Tử Nghi là một người hiền của nước Triệu.

CHƯƠNG VI

Ngụy sách

Thời Xuân Thu vua Tấn phong Tất Vạn ở Ngụy, thành cũ nay thuộc tỉnh Sơn Tây, các đời sau làm đại phu ở Tấn. Đời Chu Liệt vương (425-401), Ngụy và Triệu chia nước Tấn, đứng vào hàng chư hầu, đóng đô ở An Ấp (nay thuộc tỉnh Sơn Tây). Thời Chiến Quốc, Ngụy là một trong thất hùng. Sau đời đô qua Đại Lương gọi là nước Lương. Cuối đời Chiến Quốc bị Tần diệt.

Nước Ngụy nằm một phần trên đỉnh Hà Nam, một phần trên tỉnh Sơn Tây ngày nay.

Ngụy I

1

TRÍ BÁ VÌ THAM VÀ KIÊU MÀ MẤT NƯỚC (Trí Bá sách địa ư Ngụy Hoàn tử)

Trí Bá đòi Ngụy Hoàn tử cắt đất cho mình, Ngụy Hoàn tử không cho. Nhiệm Chương ⁽¹⁾ hỏi:

– Sao không cho?

Hoàn tử đáp:

– Vô cố mà đòi đất, cho nên không cho.

– Hấn vô cố mà đòi đất thì các nước láng giềng sẽ sợ vì được rồi hấn muốn đòi nữa, không bao giờ cho là đủ, mà rồi thiên hạ sẽ hoảng. Nhà vua cứ cho đất đi, Trí Bá tất sẽ kiêu căng, kiêu

(1) Nhiệm Chương là tế tướng của Ngụy.

căng thì khinh địch; các nước láng giềng hoảng sợ thì sẽ kết thân với nhau mà đợi quân của một nước khinh địch, mạng của họ Trí không thọ đâu! Chu Thư có câu: “Muốn hại nó thì hãy tạm giúp nó; muốn chiếm lấy nó thì hãy tạm cho nó”. Nhà vua nên cho đi để Trí Bá hóa kiêu căng. Sao nhà vua lại bỏ lỡ cơ hội cùng với Thiên hạ diệt Trí Bá mà ngược lại để Trí Bá đem riêng nước ta ra làm cái đích⁽²⁾.

Vua bảo: “Phải”, rồi tặng Trí Bá một áp vạn nóc nhà. Trí Bá rất mừng rồi quen mui đòi Triệu những đất Thái, Cao, Lương. Triệu không cho, Trí Bá bèn vây Tấn Dương; Hàn, Ngụy phản Trí Bá ở ngoài, Triệu tiếp ứng ở trong, họ Trí bị diệt⁽³⁾.

Hàn, Triệu tranh chấp với nhau, Hàn đòi mượn binh của Ngụy, bảo:

- Xin cho mượn binh để đánh Triệu.

Ngụy Văn hầu đáp:

- Nước quả nhân và Triệu là anh em với nhau, nên không dám vâng lời.

Triệu cũng đòi mượn binh để đánh Hàn. Văn Hầu đáp:

- Nước quả nhân với Hàn là hai anh em với nhau, nên không dám dưng lời. Hàn, Triệu xin mượn binh mà không được, đều giận mà không đem binh về, sau mới biết rằng, Ngụy Văn Hầu ở giữa muốn giải hòa cho hai bên, nên đều triều phục Ngụy.

(2) Ý nói: nếu không cho thì Trí Bá đánh Ngụy. Ngụy phải chịu nguy một mình, không nước nào cứu; để tới lúc các nước khác cùng oán Trí Bá, lúc đó sẽ hợp lực nhau đánh Trí Bá thì hơn.

(3) Coi bài Triệu I 2. Phần trên bài này, (tới: họ Trí bị diệt) có chép trong thiên thuyết lâm thượng, bộ Hàn Phi Tử.

2

NHẠC DƯƠNG ĂN THỊT CON

(Nhạc Dương vị Ngụy tướng)

Nhạc Dương là tướng nước Ngụy, đem quân đánh nước Trung Sơn. Con ông ta ở Trung Sơn. Vua Trung Sơn đem mổ thịt người con đó, nấu canh, gọi cho Nhạc Dương. Nhạc Dương ngồi ở dưới trướng, húp hết một tô. Ngụy Văn hầu bảo Đồ Sư Tán:

– Nhạc Dương vì ta mà ăn thịt con.

Tán đáp:

– Thịt con mà ông ấy ăn còn được thì thịt ai, ông ấy không ăn?

Nhạc Dương đánh bại quân Trung Sơn rồi, Văn hầu thưởng công nhưng nghi lòng⁽¹⁾.

4

NGUY VĂN HẦU GIỮ LỜI HẸN

(Văn hầu dữ ngu nhân kì liệt)

Ngụy Văn Hầu hẹn với viên quan coi rừng núi một ngày để săn bắn. Đúng hôm ấy, Ngụy Văn Hầu uống rượu, rất vui, mà trời lại mưa, nhưng cũng sửa soạn ra đi kẻ tả hữu hỏi

– Hôm nay uống rượu vui, trời lại mưa nhà vua đi đâu?

(1) Bài này có chép trong thuyết lâm thượng, bộ Hàn Phi Tử.

Văn hầu đáp

– Ta đã hẹn với viên quan coi rừng núi hôm nay đi săn, mặc dầu uống rượu vui, đâu có bỏ được buổi hẹn.

Rồi đích thân đi lại viên quan coi rừng núi cho hay là bỏ cuộc săn bắn. Từ đó nước Ngụy bắt đầu mạnh.

6

ĐỊA THẾ KHÔNG QUAN TRỌNG BẰNG CHÍNH TRỊ

(Ngụy Vũ hầu dữ chư đại phu phù ư Tây Hà)

Ngụy Vũ hầu⁽¹⁾ cùng với các quan đại phu chơi thuyền ở Tây Hà⁽²⁾, khen rằng:

– Núi sông hiểm trở thế này; quả là kiên cố!

Vương Chung⁽³⁾ đứng hầu bảo:

– Nước Tần sở dĩ mạnh là nhờ địa thế hiểm trở; nếu khéo sửa sang thì sự nghiệp bá vương có thể thành được.

Ngô Khởi trách:

– Lời của vua chúng ta là cái cơ nguy cho quốc gia, mà ông còn phụ họa vào, làm cho quốc gia thêm nguy.

(1) Ngụy Vũ hầu là con Ngụy Văn hầu.

(2) Tây Hà ở phía bắc Kì Châu.

(3) Có sách chép là Vương Thác.

Vũ hầu nổi giận, hỏi:

– Ông nói như vậy có lý gì không?

Ngô khởi đáp:

– Núi sông hiểm trở, không đủ để giữ gìn quốc gia, sự nghiệp bá vương không nhờ vào đó mà thành. Xưa, đất đai của Tam Miêu phía trái có hồ Bành Lãi⁽⁴⁾, phía mặt có hồ Động Đình, núi Văn Sơn ở phía Nam, núi Hoành Sơn ở phía Bắc⁽⁵⁾, ỷ vào địa thế hiểm trở đó mà chính trị không tốt, nên bị vua Vũ đuổi đi. Nước của vua Kiệt nhà Hạ phía trái là mặt bắc của núi Thiên Môn⁽⁶⁾, phía phải là mặt nam của miền Thiên Khê⁽⁷⁾, núi Lư, núi Trạch ở phía Bắc, sông Y, sông Lạc⁽⁸⁾ chảy ở phía Nam, địa thế hiểm trở như vậy đó, nhưng chính trị nên vua Thang diệt được. Nước của vua Trụ nhà Ân phía trái có núi Mạnh Môn⁽⁹⁾, phía mặt có sông Chương, sông Phủ, mặt nhìn ra sông, lưng dựa vào núi, địa thế hiểm trở như vậy đó mà chính trị không tốt, cho nên vua Võ vương diệt được. Vả lại vua thân chính cùng với bề tôi chiếm được một thành đầu hàng nào đó thì có thành nào là không cao, dân chúng nào là không đông; sở dĩ thôn tính được cũng là do chính trị của địch xấu. Lấy đó

(4) Hồ Bành Lãi cũng gọi là hồ Bà Dương, ở Giang Tây, dài 200 dặm.

(5) Theo sách Hàn Thi ngoại truyện thì Hoành Sơn ở phía Nam; Văn Sơn, tức Kỳ Sơn ở phía Bắc. Kỳ Sơn nay thuộc tỉnh Thiểm Tây, Hoành Sơn ở Hồ Nam.

(6) Núi Thiên Môn ở tỉnh Hồ Nam.

(7) Miền Thiên Khê có lẽ là miền Thiên Trì ở Sơn Tây.

(8) sông Y xuất phát từ Hà Nam, chảy vào sông Lạc; sông Lạc xuất phát từ Thiểm Tây, chảy vào sông Hoàng Hà.

(9) Núi Mạnh Môn tức núi Thái Hàng Sơn (theo sách Phương dư kỷ yếu).

mà xét thì địa thế hiểm trở đâu có đủ để làm bá vương.

Vũ hầu khen:

- Phải. Hôm nay ta mới được nghe lời thánh nhân. Ta uỷ thác riêng cho ông mọi việc ở Tây Hà đấy.

9

TÔ TẦN THUYẾT VUA NGUY HỢP TUNG (Tô Tần vi Triệu hợp tung)

Tô Tử⁽¹⁾ mưu việc hợp tung cho Triệu, thuyết vua Ngụy (Tương vương):

– Nước của Đại Vương phía Nam có sông Hồng Cầu⁽²⁾ sông Nhữ⁽³⁾ của nước Trần, có Hứa, Yên, Côn Dương, Thiện Lăng, Vũ Dương và Tân Thê; Phía Đông có sông Hoài, sông Doãn^(*) sông Nghi, Hoàng, Chủ Tảo, Hải Diêm, Vô Sơ; phía tây có trường thành làm ranh giới; phía Bắc có đất Quyển, Diển và Toan Tảo; đất rộng ngàn dặm. Đất tiếng là nhỏ nhưng đều là nhà cửa vườn ruộng, ít có chỗ nào hoang dã chỉ để chăn ngựa, thả bò. Nhân dân đông, ngựa xe nhiều, ngày đêm qua lại không ngớt, nướm nượp không khác gì quân lính.

(1) Tức Tô Tấn.

(2) Sông Hồng Cầu cũng gọi là sông Lang Đãng ở tỉnh Hà Nam.

(3) Sông Nhữ cũng ở Hà Nam này ở nước Ngụy thời đó không phải ở nước Tấn. Theo Hứa Khiếu Thiên thì nói như vậy là khoe khoang(?)

(*) Ta quen đọc là Dĩnh.

Tôi trộm nghĩ rằng nước của Đại Vương không kém nước Sở. Vậy mà bọn người theo chính sách liên hoành, mưu tính việc nước, khiến cho nhà vua ở ngoài thì giao kết với nước Tần cường bạo như ở hổ lang, xâm lược thiên hạ; tới khi thành lĩnh nước gặp tai họa thì họ chẳng chịu tội vạ gì cả. Họ dựa vào cái thế của cường Tần, ở trong thì áp bách vua, không có tội nào nặng bằng tội đó. Vả Ngụy là nước mạnh trong thiên hạ. Đại Vương là bậc vua hiền minh, thế mà nay lại có ý muốn hướng về phía Tây mà thờ Tần, tự xưng là thân thuộc ở phía Đông, xây cất hành cung để đón Tần, nhận áo mũ, cân đai của Tần, xuân thu hai kì nộp cống để cung phụng việc tế tự cho Tần, tôi trộm lấy làm xấu hổ cho Đại Vương!

Tôi nghe Việt vương Câu Tiễn dùng có ba ngàn quân tán loạn mà bắt được Ngô Vương Phù Sai ở Can Toại; vua Võ vương nhà Chu chỉ có ba ngàn binh và năm trăm cỗ xe bằng da mà chém được vua Trụ ở Mỵ Dã, các ông đó đâu có cần quân lính cho nhiều, mà thực đã chấn phát được uy phong.

Nay tôi trộm nghe quân lính của Đại Vương, hạng võ sĩ có trên hai chục vạn, hàng đầu quân khăn xanh có hai chục vạn, hạng xung phong có hai chục vạn, hàng làm các việc vặt có mười vạn, binh xa có sáu trăm cỗ, chiến mã có năm ngàn con, nhiều hơn Việt vương Câu Tiễn và Võ vương nhà Chu xa mà!

Nay Đại Vương bị bọn sủng thần áp bách, mà nghe lời họ, muốn thờ Tần; muốn thờ Tần thì trước hết phải cắt đất dâng Tần, gửi vương tử làm con tin ở Tần, thế là chưa hề dùng binh mà nước đã bị hao tổn! Quân thần kẻ nào chủ trương thờ Tần đều là gian thần, không phải trung thần. Làm bề tôi cắt đất của vua để kết giao với nước ngoài, lấy trộm được cái công một ngày mà

không nghĩ đến sau này ra sao, phá hoại của công mà làm của riêng, ở ngoài thì dựa vào uy thế của cường Tần, để áp bách vua ở trong, bắt vua phải cắt đất, xin Đại Vương xét kỹ điều đó.

Sách Chu Thư có câu: “Liên miên, chẳng chịt bất tuyệt, gỡ cách nào đây? Khi nó mới manh nha mà không nhỏ đi thì nó lớn bằng cái cán búa. Không biết lo trước đi thì sau tất có họa lớn. Biết làm sao đây?” Nếu Đại Vương biết nghe tôi, sáu nước hợp tung kết thân với nhau, chuyên tâm góp sức thì sẽ không có cái họa cường Tần. Cho nên Triệu vương của tề quốc sai tôi dâng kế ngu lên Đại Vương, cùng nhau liên kết xin đợi lệnh Đại Vương.

Vua Ngụy đáp:

– Quả nhân bất tiểu chưa từng được nghe lời dạy bảo sáng suốt, nay ngài đem mệnh lệnh của Triệu vương lại bảo cho quả nhân, kính xin đem nước Ngụy mà theo lệnh.

10

TRƯƠNG NGHI THUYẾT VUA NGUY THEO LIÊN HOÀNH

(Trương Nghi vị Tần liên hoành)

Trương Nghi mưu việc liên hoành cho Tần, thuyết vua Ngụy
(Ai vương):

(1) Theo sử kí của Tư Mã Thiên thì là: từ Trịnh tới Lương trên hai trăm dặm; không có câu: từ Trần tới Lương chỉ được hai trăm dặm.

– Đất Ngụy vương không đầy ngàn dặm, binh không quá ba vạn người; bốn bề đều là đồng bằng thông với các nước chư hầu như các tay hoa tụ lại ở bầu xe, không có núi cao sông rộng ngăn cách. Từ Trịnh tới Vương không đầy trăm dặm từ Trần tới Lương chỉ được hai trăm dặm⁽¹⁾, rong ngựa mà chạy thì người ngựa chưa mệt đã tới Lương. Phía Nam Ngụy tiếp với Sở, phía Tây tiếp với Hàn, phía Bắc tiếp với Triệu, phía Đông tiếp với Tề, phải đặt lính thú ở bốn mặt. Những nơi hiểm yếu, phải xây thành đắp lũy liên tiếp nhau thành hàng, phải đào kinh để vận chuyển lương thực, phải cất lẫm để chứa lúa thóc, số lẫm không dưới mười vạn. Theo địa thế, Ngụy vốn là chiến trường; nếu ở phía Nam Ngụy liên hiệp với Sở mà không liên hiệp với Tề, thì Tề tất đánh Ngụy ở phía Đông; nếu ở phía Đông liên hiệp với Tề mà không liên hiệp với Triệu thì Triệu tất đánh Ngụy ở phía Bắc; không liên hiệp với Hàn thì Hàn đánh ở phía Tây; không thân với Sở thì Sở đánh ở phía Nam; thế gọi là thế chia bốn xẻ năm!

Vả lại chư hầu mưu tính việc hợp tung là để xã tắc được yên, vua được tôn quý, binh lực được cường thịnh, thanh danh được hiển dương. Hợp tung là hợp nhất thiên hạ, cùng thể với nhau làm anh em, giết ngựa trắng để ăn thề trên sông Viên Thủy mà giữ vững lòng tin. Đã thân với nhau như anh em ruột thịt mà còn tranh với nhau về tiền tài, muốn dùng gian trá để phản phúc, đó là mưu kế còn sót lại của Tô Tần⁽²⁾, không thể thành công được, lẽ đó rõ ràng quá.

Đại Vương mà không thờ Tần, thì Tần đem binh đánh Hà Ngoại,

(2) Lúc đó Tô Tần đã bị giết rồi cho nên nói vậy.

chiếm Quyển Diển, Yên và Toan Tảo, áp chế vệ mà cướp Tấn Dương, thì Triệu không xuống phía Nam được; Triệu không xuống phía Nam được thì Ngụy không lên phía Bắc được; Ngụy không lên phía Bắc được thì chính sách hợp tung hết thi hành được; chính sách hợp tung hết thi hành được thì nước của Đại Vương, muốn cầu cho khỏi nguy là điều không được. Tần kẹp cứng Hàn rồi mà đánh Ngụy, Hàn bị Tần áp chế, không dám không nghe lời Tần. Tần với Hàn đã hợp nhất thì sự diệt vong của Ngụy có thể ngồi đó mà đợi nó xảy ra. Đó là điều mà tôi lo giùm Đại Vương! Vì Đại Vương mà mưu tính thì không gì bằng thờ Tần. Thờ Tần thì Sở, Hàn không dám vọng động. Không lo về phía Sở, Hàn nữa thì Đại Vương gối cao ngủ kỹ, nhất định không có gì phải ưu tư cả.

Vả lại Tần muốn làm cho suy yếu nhất là nước Sở, mà có thể làm cho sở suy yếu thì không có gì bằng nước Ngụy. Sở tuy có tiếng là cường đại phú túc, kì thực là rỗng không, quân lính tuy nhiều nhưng chỉ ham nói, mà dễ đánh cho chạy dài, không dám quyết chiến. Binh của Ngụy mà tiến đánh về phía Nam thì nhất định là thắng Sở. Làm cho Sở suy tồn để cho Ngụy cường đại lên, đánh Sở để làm vui lòng Tần, đem cái họa của mình gán cho người để cho nước mình được yên, đó là một việc tốt.

Nếu Đại Vương không nghe tôi. Tần sẽ đem binh qua phía Đông, lúc đó dù muốn thờ Tần thì cũng không được nữa!

Vả lại bọn người chủ trương hợp tung kia phần lớn là ăn nói huênh hoang mà ít người đáng tin. Nhận đi thuyết phục một vua chư hầu thì được ban xe để đi du được một nước kết ước để phản Tần thì khi về được phong hầu. Vì vậy kẻ du sĩ trong thiên hạ không ai là không ngày đêm nắm tay, trợn mắt,

nghiến rằng bàn về cái lợi của chính sách hợp tung, để thuyết phục các vua chúa. Vua chúa nghe họ nói, bị lời họ lôi cuốn, làm sao mà không mê hoặc cho được. Tôi nghe nói rằng. “Chất lông nhiều quá có thể làm chìm thuyền”. “Vật nhẹ mà nhiều cũng làm cho gãy xe, nhiều người nói quá thì vàng cũng phải chảy” ⁽³⁾; cho nên tôi xin Đại Vương mưu tính kỹ đi.

Vua Ngụy đáp:

– Quả nhân ngu xuẩn, trước kia tính bậy. Nay xin làm thần thuộc của Tần ở phương Đông, xây cất hành cung để đón Tần, nhận áo mào cân đai của Tần, tuân thu nhị kỳ tiến công để cung phụng việc tế tự của Tần và xin nhượng cho Tần đất Hà Ngoại.

16

TRƯƠNG SỬU KHÔNG MUỐN CHO TRƯƠNG NGHI VÔ NGỤY

(Trương Nghi tẩu chi Ngụy)

Trương Nghi chạy qua Ngụy, vua Ngụy muốn đón. Trương Sứu can vua Ngụy đừng cho Trương Nghi vô nước, vua Ngụy không nghe, Trương Sứu lui ra rồi lại vô lần nữa:

– Nhà vua có biết người thiếp già thờ vợ cả ra sao không? Con đã lớn mà sắc mình thì suy, chỉ còn cách cải giá mà thôi. Nay tôi

(3) Ý nói hướng hổ là lòng người.

thờ nhà vua cũng như người thiếp già thờ vợ cả vậy thôi!

Vua Ngụy bèn không cho Trương Nghi vô nước.

18

UNG THƯ THUYẾT TÊ, SỞ ĐỪNG ĐÁNH NGỤY (Trương Nghi dĩ Tần tướng Ngụy)

Trương Nghi nhờ thế lực của vua Tần (Huệ vương) mà được làm tướng quốc nước Ngụy. Tề và Sở bất bình, muốn đánh Ngụy. Ung Thư bảo Trương Nghi:

- Nước Ngụy sở dĩ dùng ông làm tướng quốc vì nghĩ rằng ông làm tướng quốc thì nước yên và trăm họ khỏi lo. Nhưng nay ông làm tướng quốc mà Ngụy chịu binh họa, vậy là Ngụy đã tính lầm rồi. Tề, Sở đánh Ngụy thì ông sẽ nguy đấy.

Trương Nghi hỏi:

- Vậy thì phải làm sao?

Ung thư đáp:

- Xin cho tôi thuyết Tề, Sở để Tề, Sở bỏ việc tấn công Ngụy.

- (Trương Nghi bằng lòng và) Ung thư bảo vua Sở:

- Nhà vua có biết Trương Nghi kết ước với vua Tần ra sao không. Kết ước rằng: "Nếu Đại Vương sai tôi làm tướng quốc ở Ngụy thì Tề, Sở ghét Nghi tôi, tất đánh Ngụy, Ngụy mà thắng thì binh Tề, Sở tan tành, mà Nghi tôi sẽ làm tướng quốc ở Ngụy được hoài; nếu không thì Ngụy sẽ phải thờ Tần để bảo vệ quốc gia, sẽ phải cắt đất tặng Đại Vương; rồi sau dù có muốn đánh lại Tần thì

dã suy nhược, không đủ sức chống Tần nữa”. Nghi sợ dĩ ngầm kết ước với Tần là vậy đó. Nay Nghi làm tướng quốc Ngụy mà Tề, Sở đánh Ngụy thì làm cho mưu kế của Nghi thực hành được ở Tần, đó không phải là cách làm cho Trương Nghi khốn đốn đâu.

Vua Tề, vua Sở đều bảo: “Phải” rồi vội vàng ngưng việc tấn công Ngụy.

24

KẾ LI GIÁN CỦA CÔNG TÔN DIỄN

(Tề vương tương kiến Yên...)

Vua Tề sắp tương kiến với tướng quốc các nước Yên, Triệu, Sở ở nước Vệ, hẹn với nhau là gạt Ngụy ra ngoài. Vua Ngụy lo lắng, sợ họ tính đánh Ngụy, bàn với Công Tôn Diễn. Công Tôn Diễn bảo:

– Nhà vua cho tôi trăm nén vàng, tôi xin phá mưu của họ.

Vua bèn sai sửa soạn xe, tiễn đưa trăm nén vàng. Tề Thủ⁽¹⁾ đoán ngày vua Tề tới, trước hết đem năm chục cỗ xe tới Vệ để li gián Tề, dùng trăm nén vàng xin được yết kiến vua Tề trước, và được yết kiến. Rồi ngồi thật lâu, thung dung nói về việc ba nước oán lẫn nhau⁽²⁾.

Có kẻ (thấy vậy) bảo vua Tề:

– Nhà vua kết ước với ba nước, gạt Ngụy ra ngoài, mà sao sứ

(1) Tề Thủ là chức của Công Tôn Diễn.

(2) Ba nước đó tức Yên, Triệu, Sở.

giả của Ngụy là Công Tôn Diễn lại tới? Rồi hôm nay lại đàm đạo với hấn lâu như vậy.

Vua Tề đáp:

– Vua Ngụy nghe nói quả nhân tới sai Công Tôn Diễn thăm hỏi quả nhân, chứ quả nhân có nói gì với hấn đâu.

Tướng quốc ba nước kia không tin ở sự hội nghị với vua Tề nữa và việc hội nghị thất bại.

26

XEN BÒ VÀO VỚI NGỰA (Công Tôn Diễn vi Ngụy tướng)

Công Tôn Diễn làm tướng quốc nước Ngụy, bất hòa với tướng quốc Ngụy là Điền Nhu, Quý Tử vì Diễn mà bảo vua Lương ⁽¹⁾:

– Nhà vua có thấy đánh xe mà xen bò vào giữa hai con ngựa kị⁽²⁾ không? Như vậy dẫu chỉ muốn tiến trăm bước thôi cũng không được. Nay nhà vua cho Diễn có thể làm tướng quân được cho nên mới dùng, rồi lại nghe lời tướng quốc thì khác nào xen bò vào với ngựa; bò với ngựa đều chết cả mà công thì không thành. Nước của nhà vua sẽ bị tổn hại mất. Xin nhà vua xét kỹ đi.

(1) Nước Lương tức nước Ngụy.

(2) Nguyên văn: phục ngựa tham kị. Hỏi xưa mỗi xe dùng bốn con ngựa, hai con ở giữa gọi là phục, hai con ở bên gọi là tham. Kị là con ngựa hay.

Phục ngựa tham kị là xen hai con bò vào giữa hai con ngựa hay.

Ngụy II

4

TÊ THỦ TRẢ THÙ SỬ CỬ (Sử Cử phi Tê Thủ ư vương)

Vì Sử Cử chê Tê Thủ ⁽¹⁾ trước mặt vua nên Tê Thủ muốn làm khốn Sử Cử, nói với Trương Nghi:

– Tôi xin nói với vua Ngụy đem nước nhường tiên sinh. Vua Ngụy là bậc Nghiêu, Thuấn ⁽²⁾; nếu tiên sinh không nhận thì tiên sinh sẽ là bậc Hứa Do ⁽³⁾ và tôi khuyên vua đem một ấp vạn nóc nhà tặng tiên sinh.

(1) Chưa rõ là ai, nhưng chắc là Công Tôn Diễn.

(2) Nghiêu, Thuấn là những ông vua không truyền ngôi lại cho con mà truyền lại cho người hiền.

(3) Hứa Do là một ẩn sĩ đời vua Nghiêu, vua Nghiêu thấy Hứa Do có tài đức, muốn nhường ngôi cho; Hứa Do nghe được tin đó, cho là bấn tai mình, xuống sông rửa tai.

Trương Nghi Khoái quá, sai Sử Cử thưởng tới thăm Tê Thủ. Vua Ngụy hay vậy, không tin nhiệm Sử Cử nữa, Sử Cử không cáo từ vua Ngụy mà lẩn đi.

5

THÀNH KHÔI HÀN DỪNG VỘI ĐÁNH NGỤY (Sở vương công Lương nam)

Vua Sở đánh phía Nam nước Lương, (Ngụy); Hàn thừa thế vây đất Tường ⁽¹⁾. Thành Khôi ⁽²⁾ vì Tê Thủ bảo vua Hàn:

- Đánh gấp đất Tường thì Sở sẽ tiến binh đánh (mạnh nước) Ngụy. Ngụy không chống nổi tất phải khoanh tay mà nghe lệnh Sở; (Sở, Ngụy liên hiệp) thì Hàn tất nguy; cho nên vua đừng nên vây đất Tường. Ngụy khỏi lo về phía Hàn, tất đánh nhau với Sở, đánh nhau mà thua thì ngay cả nước Đại Lương cũng không giữ được, huống hồ là đất Tường. Còn như đánh mà thắng Sở thì binh sĩ mệt mỏi rồi, lúc đó Đại Vương đánh đất Tường sẽ dễ.

(1) Theo Sơn Hải kinh thì Tường là tên sông, xuất phát từ núi Cao Đổ (không biết ở đâu).

(2) Thành khôi là người nước Chu.

6

HOÃN LẠI NGÀY TÁNG
VUA NGỤY HUỆ VƯƠNG

(Ngụy Huệ vương tử)

Vua Ngụy Huệ vương mất, đã tới ngày táng thì trời đổ nhiều tuyết, tuyết ngập tới mắt bò, thành quách đều huỷ hoại. Thái tử muốn làm một đường san đạo để tống táng, quần thần nhiều người can:

– Tuyết đổ nhiều như vậy mà cử hành lễ tống táng thì dân sẽ rất cực khổ mà công phí rất nặng, e cung cấp không đủ, xin thái tử hoãn lại một ngày khác.

Thái tử đáp:

– Làm con mà vì lẽ dân phải lao khổ, công phí không đủ, không làm lễ tống táng cho Tiên Vương, như vậy là bất nghĩa. Thôi, ông đừng nói nữa.

Quần thần không ai dám can nữa, lại hỏi Tê Thủ. Tê Thủ bảo:

– Tôi chưa biết có cách gì khuyên đây, việc này chỉ có Huệ Công ⁽¹⁾ là khuyên được chăng? xin lại hỏi Huệ Công.

Huệ Công nghe rồi, đáp: “Vâng” và lên xe lại yết kiến thái tử, hỏi:

(1) Tức Huệ Thi; Cũng gọi là Huệ Tử, một triết gia đương thời.

– Ngày táng đã định rồi?

Thái tử đáp:

– Phải.

Huệ Công nói:

– Xưa Vương Quý Lịch ⁽²⁾ chôn ở đuôi núi Sở Sơn ⁽³⁾, mộ bị nước ở dưới ngấm xoi, để lộ ra phía đầu quan tài. Ông Văn vương bảo: “Ha! Tiên quân muốn được thấy quần thần và bách tính một lần nữa chẳng, cho nên khiến cho nước xoi để lộ quan tài như vậy”.

– Rồi kéo quan tài lên, giăng trướng chung quanh để tiếp kiến bách tính, bách tính đều lại yết kiến, ba ngày sau mới chôn lại, đó là ý nghĩa của ông Văn vương. Nay ngày táng đã tới mà tuyết đổ nhiều, ngập tới mắt bò, khó đi lại được, thái tử muốn tống táng cho kịp ngày, e rằng chẳng kịp quá ư? xin thái tử hoãn lại ngày khác. Chắc là Tiên vương muốn lưu lại ít bữa mà phù trì xã tắc, an định lê dân, cho nên mới khiến cho tuyết đổ nhiều như vậy, để thái tử có thể hoãn lại ngày tống táng; đó là ý nghĩa của ông Văn vương, nếu không theo thì chẳng hóa ra cho việc bất chước Văn vương là đáng xấu hổ ư?

Thái tử đáp:

– Rất phải. Xin hoãn lại và chọn ngày khác.

Huệ Công nào phải chỉ khéo làm cho lời mình được nghe

(2) Tức cha Văn vương.

(3) Sở Sơn cũng gọi là Chung Nam Sơn, hoặc Thái Sơn, nay ở Quan Trung đạo.

theo mà thái tử hoãn lại ngày tổng táng, ông lại còn nhân đó giảng ý nghĩa của Văn vương, giảng ý nghĩa của Văn vương là để răn thiên hạ, công đó đâu phải là nhỏ!

13

TRỒNG KHÓ, NHỎ DỄ (Điền Nhu quý ư Ngụy vương)

Điền Nhu được vua Ngụy (An Hi vương) quý mến. Huệ Tử ⁽¹⁾ bảo:

– Ông nên lấy lòng kẻ tả hữu của vua, Cây dương kia ⁽²⁾ trồng ngang nó cũng sống, trồng ngược nó cũng sống, cắt đi rồi cắm xuống nó vẫn sống; nhưng nếu mười người trồng dương mà một người nhổ thì không có cây dương nào sống được. Dùng tới mười người để trồng một loại cây dễ sống mà phải thua một người là tại sao? Là tại trồng thì khó mà nhổ thì lại dễ. Nay ông tuy tự trồng ông ở trước mặt vua nhưng kẻ muốn nhổ ông đi thì đông, cho nên ông sẽ nguy mất.

(1) Tức Huệ Thi.

(2) Dương là một cây lá dày và rộng, hoa trắng.

14

TÔ ĐẠI THUYẾT VUA NGỰ CHO THÁI TỬ LÀM TƯỚNG QUỐC

(Điền Nhu tử)

Điền Nhu chết. Chiêu Ngự ⁽¹⁾ bảo Tô Đại:

– Điền Nhu chết, tôi sợ Trương Nghi, hoặc Tiết Công, hoặc Tê Thủ sẽ làm tướng quốc nước Ngự.

Đại hỏi:

– Vậy, theo ông, ai làm tướng quốc thì có lợi hơn cả?

– Tôi muốn chính thái tử ⁽²⁾ làm tướng quốc.

– Tôi xin vì ông mà yết kiến vua Lương ⁽³⁾, vua Lương tất phong thái tử làm tướng quốc.

Chiêu Ngự hỏi:

– Ông sẽ thuyết cách nào?

– Giả sử ông là vua Lương, và tôi sẽ thuyết ông nhé.

– Thuyết ra sao?

– (Tôi sẽ thuyết như vậy) Đại tôi từ Sở lại, thấy Chiêu Ngự rất lo. Tôi hỏi: “Ông lo lắng cái gì đó?” Đáp: “Điền Nhu chết, tôi sợ Trương Nghi hoặc Tiết công hoặc Tê Thủ sẽ làm tướng

(1) Chiêu Ngự làm tướng quốc nước Sở.

(2) Tức Ngự Chiêu vương.

(3) Tức vua Ngự.

quốc nước Ngụy”; Đại bảo: “Ông đừng lo. Vua Lương là ông vua giỏi, tất không dùng Trương Nghi làm tướng quốc vì Trương Nghi làm tướng quốc nước Ngụy thì tất thân với Tần mà xa Ngụy; Tiết công mà làm tướng quốc nước Ngụy thì tất thân với Tề mà xa Ngụy; Tê Thủ mà làm tướng quốc nước Ngụy tất thân với Hàn mà xa Ngụy. Vua Lương là một ông vua giỏi, tất không dùng những người đó làm tướng quốc”. Tôi nói thêm: “Không gì bằng thái tử tự giữ chức tướng quốc. Thái tử mà giữ chức tướng quốc thì ba người kia cho rằng thái tử giữ chức đó không lâu, đều hết sức đem sức mình ra mà thờ Ngụy để sau được chiếc ấn thừa tướng⁽⁴⁾. Ngụy đã mạnh mà lại có ba nước vạ thặng⁽⁵⁾ giúp sức thì Ngụy tất yên. Cho nên tôi bảo rằng: không gì bằng thái tử tự giữ chức tướng quốc”.

Rồi Tô Đại đi về phía Bắc⁽⁶⁾ yết kiến vua Lương, đem những lời đó ra thuyết. Quả nhiên, thái tử tự giữ chức tướng quốc.

(4) Thừa tướng là chức tướng quốc của Tần.

(5) Tức ba cường quốc : Tần, Tề, Hàn. Trương Nghi sẽ đem Tần để giúp Ngụy; Tiết công sẽ đem Tề để giúp Ngụy; Tê Thủ sẽ đem Hàn giúp Ngụy.

(6) Câu chuyện này chắc xảy ra ở Sở vì Chiêu Ngự là tướng quốc nước Sở; mà Sở ở phía Nam, Cho nên Tô Đại đi sang Ngụy là đi về phía Bắc.

16

VUA SỞ PHẢN TẦN BỊ TẦN PHẢN LẠI (Tần, Sở công Ngụy)

Tần, Sở đánh Ngụy, vây Bì Thị ⁽¹⁾ Có người vì vua Ngụy mà bảo vua Sở:

Tần và Sở mà thắng Ngụy thì vua Ngụy sợ quốc gia bị diệt vong, tất liên hiệp với Tần. Sao nhà vua không phản Tần mà liên hiệp với Ngụy? Như vậy vua Ngụy sẽ mừng, sẽ cho thái tử qua làm con tin ở Sở, Tần sợ mất Sở, tất cắt đất và thành tặng nhà vua, rồi sau nhà vua có muốn lại liên hiệp với Tần để đánh Ngụy thì cũng được.

Vua Sở (Hoài vương) đáp: “Phải”, rồi phản bội Tần mà liên hiệp với Ngụy, vua Ngụy cho thái tử qua làm con tin ở Sở. Tần Sợ, hứa tặng đất và thành cho Sở để Sở cùng với Tần đánh Ngụy nữa, Xư Lý Tật ⁽²⁾ giận, muốn cùng với Ngụy đánh Sở, lại sợ nước Ngụy còn có thái tử làm con tin ở Sở, cho nên chưa đánh Sở được. Có người vì Xư Lý Tật mà nói với vua Sở: “Bề tôi nước Tần là Tật sai tôi thưa với Đại Vương rằng: “Vua tộ quốc muốn đem thành và đất dâng Đại Vương, nhưng vì thái tử nước Ngụy còn ở Sở, nên chưa dám, Đại Vương cho thái tử về Ngụy đi, thì vua tộ quốc sẽ xin dâng thành và đất, lại củng cố bang giao giữa Tần và Sở để gấp đánh Ngụy”.

Vua Sở nhận lời, rồi cho thái tử nước Ngụy về; Tần bèn liên hiệp với Ngụy đánh Sở.

(1) Bì Thị vốn là tên một họ. Sau lấy tên họ làm tên đất.

(2) Xư Lý Tật là bề tôi Tần

17

NGHE RIẾT RỒI THÌ TIN

(Bàng Thông giữ thái tử)

Bàng Thông ⁽¹⁾ sắp cùng với thái tử (nước Ngụy) qua Hàm Đan làm con tin, báo vua Ngụy (Huệ vương):

– Nay có một người nói rằng ở chợ có hổ xuất hiện, Đại Vương tin không?

Vua đáp:

– Không.

– Hai người nói ở chợ có hổ xuất hiện, Đại Vương tin không?

– Quả nhân tin chứ.

Bàng Thông bảo:

– Ở chợ làm gì có hổ, lẽ đó hiển nhiên. Nhưng hễ ba người nói thì thành ra có hổ. Nay Hàm Đan cách Đại Vương xa hơn là từ chợ tới đây mà những bề tôi hay bàn rằng thì không phải chỉ là ba người mà thôi.

Xin Đại Vương xét kĩ điều đó cho!

Vua đáp:

– Quả nhân tự biết điều rồi.

Như vậy Bàng Thông với thái tử mới tới Hàm Đan thì lời xâm báng đã tới tai vua Ngụy trước rồi. Quả nhiên về sau, khi thái tử khỏi phải làm con tin, Bàng Thông cũng không được gặp mặt vua Ngụy nữa.

(1) Trong sách Hàn Phi Tử gọi là Bàn Cung.

18

VUA LỖ KHUYÊN VUA LƯƠNG

(Lương vương Ngụy Anh trường chư hầu)

Vua Lương là Ngụy Anh đặt tiệc đãi chư hầu ở Phạm Đài ⁽¹⁾, đương lúc vui, mời vua Lỗ (Cung công) cạn một chén, vua Lỗ đứng dậy, rời chiếu rượu, lựa lời nói:

– Xưa, con gái vua Nghiêu sai Nghi Địch cất được rượu ngon, dâng lên ông Vũ, ông Vũ khen ngon, bèn sơ với Nghi Địch, chừa rượu ngon, bảo: “Đời sau tất có kẻ vì rượu mà mất nước”; Tề Hoàn công nửa đêm buồn miệng, Dịch Nha ⁽²⁾ nấu nướng chiên xào, điều hòa ngũ vị, dâng lên, Hoàn công no say, đến sáng vẫn chưa tỉnh, bảo: “Đời sau tất có kẻ vì miếng ngon mà mất nước”; Tấn Văn công ⁽³⁾ được nàng Nam Chi Uy ⁽⁴⁾, ba ngày không họp triều, bèn xa lánh nàng, bảo: “Đời sau tất có kẻ vì sắc đẹp mà mất nước”; Vua Sở lên Cương Đài ngắm núi Băng Sơn ⁽⁵⁾ bên trái là sông, phải là hồ, dưới mặt đều là cảnh làm cho la cà vui đến quên chết, bèn thể không lên Cương Đài nữa, bảo: “Đời sau tất có kẻ vì đài cao, gò đẹp, ao hồ mà mất nước”. Nay trong chén của chúa quân có rượu của Nghi Địch; thức ăn

(1) Phạm Đài là tên một cái đài danh tiếng ở nước Lương. Vua Lương đây là Lương Huệ vương.

(2) Dịch Nha: một bé gái được Tề Hoàn công sủng ái nhờ tài nấu nướng.

(3) Tấn Văn Công tên là Trùng Nhĩ, cũng là một trong ngũ bá như Tề Hoàn công.

(4) Có sách chép là Nam Uy.

(5) Băng Sơn, cũng gọi là Sùng Sơn, hoặc Liệp Sơn, hoặc Liệt Sơn.

của chúa quân là món chiên xào của Dịch Nha; bên trái có nàng Bạch Đài, bên phải có nàng Lữ Tu, đều diễm lệ như nàng Nam Chi Uy; trước mặt có cảnh Giáp Lâm ⁽⁶⁾ phía sau có Lan Đài, vui đẹp như Cương Đài có một trong bốn cái đó đã đủ để mất nước; nay chúa quân có đủ cả bốn, chẳng nên răn mình ư?

Vua Lương khen phải và nghe theo.

(6) Giáp Lâm là một thắng cảnh thời cổ có núi sông, hoặc cỏ.

Ngụy III

CHU HÂN CAN VUA NGỤY ĐỪNG VÔ TÂN (Tân bại Ngụy ư Hoa)

Tân đánh bại Ngụy ở Hoa (Dương), vua Ngụy (An Hi Vương) tính vô triều phục Tân thì Chu Hân bảo:

- Nước Tống có một người đi học ở nước ngoài, ba năm mới về nhà, kêu tên mẹ ra mà gọi. Người mẹ hỏi: “Mày đi học ở nước ngoài, ba năm mới về, mà kêu tên tao ra mà gọi là tại sao?” Người con đáp: “Con thấy hiền thì không ai bằng vua Nghiêu, vua Thuấn mà người ta đều gọi đích danh ông ấy; con thấy lớn thì không gì bằng Trời, Đất mà người ta gọi đích danh là Trời, Đất. Mẹ hiền không hơn vua Nghiêu, vua Thuấn, lớn không hơn Trời, Đất, vì vậy mà con gọi đích danh mẹ”. Người mẹ bảo: “Mày đem cái sở học của mày thực hành được hết không? Nếu được thì mày đổi cách gọi tên tao đi (chớ đừng gọi đích danh tao nữa); còn nếu như mày chưa đem cái sở học của mày thực hành hết được thì mày hãy khoan đã, đừng gọi đích danh tao vội”.

Nay Đại Vương thờ Tần, có thể nào thay cách triều phục Tần không? Nếu có thì xin Đại vương đổi cách đi mà hoãn việc vô triều phục Tần lại sau.

Vua Ngụy đáp:

– Ông lo rằng quả nhân vô Tần rồi thì không ra được chăng? Hứa Quán ⁽¹⁾ nguyện với ta rằng: “Nếu Đại Vương vô Tần mà không ra được thì hạ thần xin đem đầu hạ thần để tuần táng Đại Vương.

Chu Hàn bảo:

– Ti tiện như hạ thần đây, mà nếu có người bảo: “Ông vô cái vực sâu nguy hiểm không lường trước được kia, vô rồi mà không ra thì tôi xin lấy một cái đầu chuột để tuần táng ông” thì hạ thần tất không nghe kẻ đó. Tần là một nước bất trắc ra sao, cũng như một cái vực sâu nguy hiểm không lường trước được; mà cái đầu của Hứa Quán thì cũng như cái đầu chuột vậy. Đưa Đại Vương vô nước Tần bất trắc kia mà đem cái đầu chuột để tuần táng Đại Vương, hạ thần trộm nghĩ Đại Vương không theo lời đó. Vả lại không có nước Lương với không có đất Hà Nội thì đảng nào Ngụy hơn?

Vua đáp:

- Không có nước Lương nguy hơn.
- Không có nước Lương với không có bản thân thì đảng nào nguy hơn?
- Không có thân Ngụy hơn.

(1) Hứa Quán tức Trương Tín hầu.

– Vậy ba cái đó thì bản thân là khẩn yếu nhất, Hà Nội kém khẩn yếu nhất. Tần chưa đòi cái kém khẩn yếu nhất mà Đại Vương đã vội đem tặng họ cái di khẩn yếu nhất thì có nên không?

Vua Ngụy vẫn chưa chịu nghe. Chi Kỳ ⁽²⁾ bảo:

– Xin Đại Vương theo vua Sở (Khoảnh Tương vương). Vua Sở mà vô Tần thì Đại Vương dùng ba binh xa mà vô trước; nếu vua Sở không vô Tần thì Sở và Ngụy liên hiệp với nhau, còn đủ sức chống Tần mà!

Vua Ngụy bèn thôi không vô Tần nữa, bảo Chi Kỳ:

– Trước kia ta đã hứa với Ứng Hầu, nay không đi thì là gạt ông ta mất.

Chi Kỳ bảo:

– Xin Đại Vương đừng lo. Tôi xin với Trường Tín hầu xin Đại Vương đừng vô Tần. Đại Vương đợi tôi một chút.

Chi Kỳ bảo Trường Tín hầu:

– Vua sai tôi lại với tướng quốc.

– Vì chuyện gì vậy?

– Tôi không được biết. Vua vời ông vô gấp.

– Tôi khuyên vua vô Tần, đâu phải vì Tần, vì Ngụy đấy.

– Ông đừng mưu tính cho Ngụy, cứ mưu tính cho ông đi. Ông thích chết hay thích sống? Thích cảnh bản cùng hay thích cảnh phú quý? Ông cứ mưu tính cho ông trước đi, rồi sau hãy

(2) Chi kỳ là người nước Ngụy.

muu tính cho Ngụy.

– Lâu công sắp tới, tôi sẽ cùng đi với ông ấy ⁽³⁾.

– Vua vời ông gấp, ông không đi thì áo ông sẽ đầm máu đa!

Trương Tín hầu ra đi, Chi Kỳ theo sau, tới yết kiến vua Ngụy. Chi Kỳ vô trước nói với vua:

– Xin Đại Vương làm bộ đau mà tiếp ông ta, tôi đã dọa ông ta rồi.

Trương Tín hầu vô, Vua Ngụy bảo:

– Ta đau nặng, làm sao bây giờ? Trước ta đã hứa với Ứng hầu, dù có chết giữa đường thì cũng đi.

Trương Tín hầu đáp:

– Xin Đại Vương đừng đi nữa, tôi sẽ làm cho Ứng hầu không vời Đại Vương qua Tần nữa, xin Đại Vương đừng lo.

5

TÔN THẦN CAN VUA NGUY ĐỪNG CẮT ĐẤT CHO TẦN

(Hoa quân chi chiến)

Trong trận Hoa Dương, Ngụy thua Tần. Năm sau vua Ngụy (An Hi vương) tính sai sứ Đoàn Can Sùng cắt đất cho Tần để

(3) Lâu công tức Lâu Hoãn, người nước Triệu, làm quan ở Tần. Trương Tín hầu muốn nói: đợi Lâu công tới sẽ giảng hòa với Lâu công.

giảng hòa, Tôn Thần bảo vua Ngụy:

– Ngụy không cắt đất ngay khi mới thua Tần là khéo đối phó khi thua, mà Tần không cần cắt đất ngay khi mới thắng, là vụng đối phó khi thắng. Nay đã một năm rồi mới xin cắt đất cho Tần, đó là việc quân thần mưu tính riêng (vì lợi của họ), Đại Vương không biết gì cả. Vả lại cái kẻ được Tần phong trước kia là Đoàn Can Sùng, mà Đại Vương sai ông ta đi cắt đất; cái nước muốn được đất kia là Tần mà Đại Vương để cho Tần phong tước cho Đoàn Can Sùng; kẻ muốn được phong tước thì giữ đất mà kẻ muốn được đất thì giữ ấn (để phong tước) ở trong cái thế đó, nước Ngụy sẽ mất thôi. Bọn gian thần đều muốn cắt đất để thờ Tần; cắt đất để thờ Tần thì khác nào mà ôm củi mà cứu lửa; củi chưa hết thì lửa còn cháy. Đất của Đại Vương có hạn mà sự đòi hỏi của Tần thì vô cùng, đúng là cái việc ôm củi cứu lửa vậy.

Vua Ngụy bảo:

– Phải. nhưng ta đã hứa với Tần rồi, không thể đổi được.
– Đại Vương không thấy cái sự dùng con kiêu ⁽¹⁾ trong cờ bạc ư?

Muốn đánh con đó thì đánh, muốn ngừng thì ngừng chứ. Nay Đại Vương đã bị quân Tần áp bách mà phải hứa cắt đất cho Tần, rồi Đại Vương lại bảo rằng không thể đổi được; sao Đại Vương trị nước mà không dùng trí như kẻ đánh bạc đánh con kiêu vậy?

Vua Ngụy bảo: “Phải”, rồi không cho Đoàn Can Sùng qua Tần nữa ⁽²⁾.

(1) Một lối đánh bạc thời đó dùng năm khúc gỗ vẽ năm hình loại vật, hễ ra hình con kiêu (con cú) thì ăn hết những con kia.

(2) Theo sử kí của Tư Mã Thiên thì vua Ngụy không nghe lời Tôn Thần, cắt đất Nam Dương để giảng hòa.

THUẦN VU KHÔN CAN VUA TÊ ĐỪNG ĐÁNH NGỤY

(Tê dục phạt Ngụy)

Tê muốn đánh Ngụy. Ngụy sai người nói với Thuần Vu Khôn:

– Tê muốn đánh Ngụy, chỉ có tiên sinh là giải nguy cho Ngụy được. Tê quốc có hai đôi ngọc bích quý, hai con ngựa vằn xin tặng tiên sinh.

Thuần Vu Khôn nhận lời rồi vô thuyết vua Tê:

– Sở là nước cừ địch của Tê, Ngụy là nước liên kết với Tê. Đánh một nước liên kết để cho nước cừ địch thừa lúc mình mệt mỏi mà đánh mình, đã mang tiếng xấu mà lại còn nguy hại, tôi vì Đại Vương mà tính thì không nên.

Vua Tê đáp: “Phải”, rồi không đánh Ngụy nữa.

Có người khách báo vua Tê:

– Thuần Vu khôn ⁽¹⁾ sở dĩ khuyên đừng đánh Ngụy là vì nhận được ngọc bích và ngựa của Ngụy.

Vua Tê bèn hỏi Thuần Vu Khôn:

– Nghe nói tiên sinh nhận ngọc bích và ngựa của Ngụy, có không?

– Có.

– Vậy thì tiên sinh mưu tính dùm cho quả nhân ra sao đây?⁽²⁾

(1) Thuần Vu Khôn là người nước Tề, có tài biện thuyết, nhất là tài hoạt kê, nhiều lần đi sứ các nước chư hầu mà làm cho Tề được chư hầu phục.

(2) Vua Tê có ý trách: Thuần Vu Khôn ăn hối lộ của Ngụy tính cái lợi cho mình, chứ không tính cái lợi cho vua, cho nước.

– Việc đánh Ngụy mà không có lợi thì Ngụy dù có giết khôn tôi, phỏng có lợi ích cho Đại Vương không? Nếu việc đó thực có lợi thì Đại Vương dù phong tước cho Khôn tôi phỏng có thiệt gì cho Đại Vương đâu? Còn như Đại Vương không bị mang tiếng đánh một nước liên kết, Ngụy tránh được cái nguy mất nước, trăm họ khỏi bị cái lo binh đao, thì Khôn tôi được bảo vật ngọc bích và ngựa vằn, có hại gì cho Đại Vương đâu?

7

MẠNH THƯỜNG QUÂN THUYẾT CHƯ HẦU CỨU NGỤY

(Tần tương phạ Ngụy)

Tần sắp đánh Ngụy. Vua Ngụy hay tin, đương đêm hội kiến với Mạnh Thường quân, bảo:

– Tần sắp đánh Ngụy, làm sao bây giờ, ông tính giùm quả nhân.

Mạnh Thường quân đáp:

– Nếu được chư hầu giúp thì giữ được nước.

Vua Ngụy bảo:

– Quả nhân cậy ông đi giùm cho, xin cho sửa soạn trăm cỗ xe đưa ông.

Mạnh Thường quân qua Triệu, bảo vua Triệu:

– Vãn tôi mượn binh của Đại Vương để cứu Ngụy.

Vua Triệu đáp:

– Quả nhân không giúp được.

– Sở dĩ tôi dám lại mượn binh đây là vì trung với Đại Vương đấy.

Vì lẽ gì, cho nghe được chăng?

– Binh của Triệu không mạnh hơn binh của Ngụy, binh của Ngụy không yếu hơn binh của Triệu; mà đất của Triệu không phải năm nào cũng nguy, dân Triệu không phải năm nào cũng chết, còn đất của Ngụy năm nào cũng nguy, dân của Ngụy năm nào cũng chết, là tại sao? Là vì có Ngụy che cho Triệu ở phía Tây. Nay Triệu không cứu Ngụy, Ngụy phải uống máu ăn thề với Tần thì Triệu sẽ hóa ra giáp ranh với cường Tần mà đất cũng sẽ mỗi năm mỗi nguy, dân cũng sẽ mỗi năm mỗi chết! Văn tôi sở dĩ trung với Đại Vương là lẽ đó.

Vua Triệu bằng lòng giúp Ngụy mười vạn binh và trăm chiến xa.

Rồi Mạnh Thường quân lại lên phía Bắc yết kiến vua Yên, bảo:

– Ngày trước công tử thường hứa rằng hai vua kết giao với nhau; nay Tần sắp đánh Ngụy, xin Đại Vương cứu cho.

Vua Yên bảo:

– Nước tôi mất mùa đã hai năm rồi, nay lại đem quân đi xa mấy ngàn dặm để giúp Ngụy, làm sao được?

Diễn Văn bảo:

– Đem quân đi xa mấy ngàn dặm để cứu người, đó là cái lợi cho nước; nay vua Ngụy ra cửa ải mà ngóng trông quân tới cứu, như vậy dù muốn đem quân đi xa vài ngàn dặm để cứu người thì có được không?

Vua Yên còn chưa chịu, Diễn Văn nói thêm:

– Tôi gắng tính cái lợi cho Đại Vương, Đại Vương không dùng mưu kế trung thành của tôi thì tôi xin đi đây! Tôi e rằng thiên hạ sắp có chuyện đại biến!

Vua Yên hỏi:

– Đại biến ra sao, xin cho nghe được chăng?

Đáp:

– Tần đánh Ngụy, chưa thắng được Ngụy mà lâu đài (của Ngụy) đã bị đốt, những nơi du ngoạn đã bị chiếm; mà Yên không chịu cứu nguy thì vua Ngụy tất phải chịu khuất thân cắt đất tặng Tần một nửa nước Ngụy, Tần mới chịu rút đi. Tần rút ra khỏi Ngụy rồi thì vua Ngụy sẽ đem hết binh của Hàn, Ngụy lại mượn binh của Tần ở phía Tây rồi lại thêm binh của Triệu, đem binh bốn nước đánh Yên, thì có lợi gì cho Đại Vương không? Đem binh đi xa vài ngàn dặm mà cứu người là lợi, hay ra cửa Nam của nước Yên mà ngóng trông quân tới cứu viện là lợi? đường đã gần mà chuyên chở lại dễ. Đại Vương thấy bên nào lợi?

Vua Yên đáp:

– Ông về đi, quả nhân xin nghe ông.

Rồi xuất tám vạn binh và hai trăm chiến xa cho theo Điền Đan.

Vua Ngụy rất mừng, bảo:

– Ông được Yên, Triệu giúp cho nhiều quân mà lại rất mau.

Vua Tần hoảng sợ, cắt đất xin hòa với Ngụy, vì vậy vua Ngụy cho binh Yên, Triệu về nước và phong cho Điền Đan.

8

VÔ KỊ THUYẾT VUA NGỤY ĐỪNG NGHE LỜI TẦN MÀ ĐÁNH HÀN

(Ngụy tương dữ Tần Công Hán)

Ngụy tính cùng với Tần đánh Hàn. Vô Kị bảo vua Ngụy (An Hi vương):

– Phong tục Tần giống phong tục rợ Nhung Địch, có lòng hổ lang, tham lam, bạo ngược, hiếu lợi mà không có đức tin, không biết hiếu nghĩa, đức hạnh; hễ có lợi là chẳng đối hoà tới thân thích, anh em không khác gì cầm thú! Điều đó trong thiên hạ ai cũng biết. Họ chẳng thi ân tích đức gì đâu. Cho nên Thái hậu là mẹ mà rồi âu sấu tới chết; Nương hầu là cậu, công lao không ai lớn bằng mà cũng đuổi đi⁽¹⁾; hai người em vô tội mà bị tước mất quyền trị nước⁽²⁾. Đối với thân thích, anh em còn như vậy huống hồ là đối với cừu địch. Nay Đại Vương cùng tới Tần đánh Hàn, thêm thân cận với Tần, tôi lấy làm ngại lắm, mà Đại Vương không biết, thế là Đại Vương bất minh! Quân thần đều biết nhưng chẳng một ai can Đại Vương, thế là họ bất trung!

Nay ở nước Hàn kia, một người đàn bà chuyên quyền vì vua còn nhỏ⁽³⁾, trong nước có loạn lớn, làm sao ở ngoài chống nổi

(1) Năm thứ 49 đời Chu Noãn vương, vua Tần nghe lời Phạm Tuy truất phế Thái hậu và đuổi Nương hầu đi, do đó Thái hậu âu sấu mà chết. *Coi Tần III 9 quyển I.*

(2) Hai người em của Tần là Cao Lăng quân và Kinh Dương quân bị đuổi ra ngoài biên cảnh, cũng vào năm 49 đời Chu Noãn vương.

(3) Lúc đó, vua Hàn là Hoàn Huệ vương còn nhỏ, nên thái hậu chuyên quyền.

binh của Tần và Ngụy? Hay là Đại Vương cho rằng Hàn sẽ không mất nước? Hàn mà mất thì Tần sẽ chiếm hết đất của Trịnh, biên giới sẽ tiếp với Đại Lương (tức Ngụy), Đại Vương cho vậy là yên ổn ư? Đại Vương tưởng lấy lại được đất cũ⁽⁴⁾ mà hiện thời đã phải đeo cái họa của Tần rồi, Đại Vương cho vậy là lợi ư? Tần không phải là nước ưa hòa bình (không gây sự), sau khi Hàn mất, tất sẽ gây sự; gây sự thì tất tìm việc dễ làm mà có lợi; tìm việc dễ làm mà có lợi tất không đánh Sở và Triệu. Tại sao vậy? Là vì vượt núi, qua sông ngăn cách đất Thượng Đảng của Hàn để đánh nước Triệu hùng cường, thì tất sẽ như việc đánh Át Du⁽⁵⁾ hồi trước, Tần tất không làm. Còn như qua Hà Nội, quay lưng lại đất nghiệp và Triệu Ca, cắt đứt Chương Thủy và Phủ Thủy, mà cùng với binh Triệu quyết thắng ở ngoài thành Hàm Đan thì sẽ bị cái họa của Trí Bá⁽⁶⁾, Tần cũng không dám.

Đánh Sở thì qua Thiệp Cốc⁽⁷⁾ vượt ba ngàn dặm để tấn công nơi quan tái hiểm yếu; đường đã rất xa mà việc tấn công lại rất khó, Tần cũng không làm đâu. Còn như qua miền Hà Ngoại, quay lưng với Đại Lương, phía mặt hướng về Thượng Thái, Triệu Lăng, để quyết thắng với quân Sở ở ngoài đồng

(4) Trước Ngụy mất đất cho Hàn, nên nay Ngụy cùng với Tần đánh Hàn để lấy lại đất.

(5) Tần có lần đánh đất Át Du của Triệu, Triệu Xa đem binh lại cứu, đúng lúc đó công tử nước Ngụy cũng đem binh lại tiếp mà quân Tần phải thua.

(6) Triệu Tương tử ngầm mưu với vua hai nước Hàn, Ngụy ngăn sông để làm ngập chỗ Trí Bá đóng quân, quân Trí Bá hỗn loạn, binh Hàn, và Ngụy đánh hai bên hông, Triệu Tương tử đánh ở phía trước, binh Trí Bá đại bại, bắt được Trí Bá.

(7) Thiệp Cốc là một nơi hiểm trở; từ Tấn qua Sở có hai đường, đường phía Tây phải qua Thiệp Cốc, đường phía Đông phải qua Hà Ngoại.

nước Trần⁽⁸⁾ thì Tần cũng không dám nữa. Cho nên tôi bảo rằng Tần tất không dám đánh Sở và Triệu, cũng không đánh Vệ và Tề⁽⁹⁾ sau khi Hàn bị diệt, ngày mà Tần xuất binh nếu không phải là đánh Ngụy thì không đánh nước nào khác. (...)*

(...) Trước kia hợp tung mà không thành công, Sở và Ngụy đều hoài nghi, Hàn không kết ước với họ được. Nay Hàn bị Tần tấn công đã ba năm rồi; Tần muốn khuất phục Hàn, bắt cắt đất cầu hòa, Hàn biết rằng như vậy sẽ bị diệt vong, không chịu nghe, cho thái tử qua Triệu làm con tin, xin cùng với các nước trong thiên hạ nối tiếp nhau mà tiến quân giao chiến với Tần. Theo ý tôi thì Sở và Triệu tất cùng đánh Tần. Tại sao? Tại hai nước đó đều biết Tần tham lam vô cùng, hễ không diệt được hết quân trong thiên hạ, ngự trị được hết dân trong hải nội, tất không chịu ngừng. Cho nên tôi xin khuyên Đại Vương hợp tung, gáp kết ước với Sở, Triệu, nắm vật làm tin của Hàn, Ngụy, lấy việc bảo tồn làm nghĩa vụ; nhân đó xin Hàn trả lại cho đất cũ, Hàn tất phải dâng trả. Như vậy thì quân và dân không phải khó nhọc, mà đất cũ lấy lại được, kết quả còn hơn là cùng với Tần đánh Hàn, mà lại khỏi bị cái họa cường Tần ở giáp biên giới. Bảo tồn nước Hàn, an định nước Ngụy mà làm lợi cho thiên hạ, đó là thời cơ rất tốt cho Đại Vương đấy. Dem đất Thượng Đảng của Hàn thông với đất Cộng, đất Mạc, đường sá thông hành, rồi đặt cửa quan tra xét người qua lại, ai ra vào

(8) Nước Trần nay ở Hà Nam, huyện Hoài Dương.

(9) Vệ và Tề đều ở phía Đông ba nước Hàn, Ngụy, Triệu; Tấn ở phía Tây; Tấn không đánh Hàn, Triệu thì tất cũng không đánh Vệ, Tề.

* Bỏ một đoạn.

phải đóng thuế, như vậy Ngụy được đất Thượng Đảng làm của tin, cùng thu thuế với Hàn, dù cho nước hóa giàu, Hàn tất sẽ cảm kích Ngụy, yêu Ngụy, trọng Ngụy, sợ Ngụy, Hàn tất không dám phản Ngụy, Hàn sẽ là một quận huyện của Ngụy; Ngụy có Hàn làm quận huyện thì Vệ, Đại Lương và Hà Ngoại được yên. Nay không bảo tồn Hàn thì hai nước Chu⁽¹⁰⁾ tất nguy, nước An Lăng tất đổi chủ ⁽¹¹⁾, Sở, Triệu tất bị Tần đánh tan, Vệ, Tề rất hoảng sợ, các nước trong thiên hạ đều hướng về phía Tây mà vô triều kiến Tần, xin làm bề tôi của Tần, ngày đó không xa đâu.

(10) Hai nước Chu tức Đông Chu và Tây Chu.

(11) Ý nói: bị Tần chiếm.

Ngụy IV

CÓ NGƯỜI KHUYÊN TẦN ĐỪNG ĐÁNH
LƯƠNG MÀ ĐÁNH SỞ
(Hiến thư Tần vương)

(Mất mấy chữ) dâng lên vua Tần (Chiêu vương):

- Trước kia tôi trộm nghe nói Đại Vương đánh Lương, tôi e rằng việc đó lắm, xin Đại Vương tính kỹ lại. Lương là chỗ lợi hại của Sơn Đông. Thấy con rắn, nếu ta đập cái đuôi thì đầu nó quay lại cứu, đập cái đầu thì đuôi nó quật lại cứu, đập khúc giữa thì đầu và đuôi đều cứu. Nay vua Lương là khúc giữa của thiên hạ. Tần đánh Lương thì là tỏ rõ cho thiên hạ thấy rằng Tần muốn chặt cái xương sống của Sơn Đông, lúc đó khúc đầu và khúc đuôi của Sơn Đông đều cứu khúc giữa. Sơn Đông thấy nguy cơ sẽ mất thì tất sợ, sợ thì tất liên hiệp với nhau làm một; các nước Sơn Đông còn mạnh, và tôi cho rằng cái mối lo lớn của Tần có thể đứng mà đợi nó tới được.

Tôi trộm mưu tính giùm Đại Vương, thấy rằng nên xuất binh đánh phương Nam⁽¹⁾ thì hơn. Binh nước đó yếu, các nước trong thiên hạ tất không thể cứu được; Đại Vương (chiếm được nước đó thì) có thể mở mang đất đai, làm cho binh lực mạnh lên, uy thế của Đại Vương tôn quý lên. Đại Vương không nghe chuyện vua Thang diệt Kiệt đấy ư? Mới đầu hãy thử một nước yếu là Mật Tu Thị⁽²⁾ để dạy quân sĩ chiến đấu, chiếm được Mật Tu Thị rồi mới chinh phục Kiệt. Nay Tần với Sơn Đông là thù địch, nếu không thử đánh một nước yếu trước để dạy quân sĩ chiến đấu thì tất sẽ đại bại mà Tần sẽ nguy to.

Quả nhiên Tần đánh Lam Điền và Yên, Dĩnh⁽³⁾.

2

ĐỪNG NÊN TRÔNG CẬY Ở NƯỚC KHÁC

(Bát niên.... vị Ngụy vương)

Năm thứ tám (mất mấy chữ) bảo vua Ngụy (An Hi vương):

– Xưa nước Tào⁽¹⁾ cậy có Tề mà khinh Tần. Tề đánh Ly⁽²⁾, Cử Tần mà diệt Tào; Tăng⁽³⁾ cậy có Tề mà nghịch với Việt, khi Tề có loạn Hòa Tử⁽⁴⁾ thì Việt diệt Tăng; Trịnh cậy có Ngụy mà

(1) Chỉ nước Sở.

(2) Mật Tu Thị là một nước nhỏ đời Thương, nay thuộc tỉnh Cam Túc.

(3) Tức những đất của Sở.

(1) Nước Tào thuộc tỉnh Sơn Đông; Tống Cảnh công đánh Tào mà Tấn không cứu.

(2) Nước Ly nay thuộc tỉnh Sơn Đông.

(3) Nước Tăng nay thuộc tỉnh Sơn Đông.

(4) Hòa Tử tức Diển Hòa.

khinh Hàn, Ngụy đánh Du Quan ⁽⁵⁾ mà Hàn diệt Trịnh; Nguyên ⁽⁶⁾ cậy có Tần Địch mà khinh Tấn, Tần Địch gặp năm mất mùa, mà Tấn diệt Nguyên; Trung Sơn cậy có Tề, Ngụy mà khinh Triệu, Tề Ngụy đánh Sở mà Triệu diệt Trung Sơn, năm nước đó sở dĩ bị diệt vong là vì cậy nước khác. Mà chẳng riêng gì năm nước đó như vậy, hết thấy các nước bị diệt vong trong thiên hạ đều như vậy!

Sở dĩ không thể cậy ở nước khác được vì có những biến hóa không thể lường hết được, hoặc việc chính trị, giáo dục không chính đốn, trên dưới không một lòng, nên không trông cậy được; hoặc có nạn chur hầu và lân bang nên không trông cậy được; hoặc gặp năm mất mùa, vật súc tích hết nhẵn nên không thể trông cậy được; hoặc thấy lợi mà đổi lòng, hoặc phải tiếp cận với những hoả hoạn, vì vậy tôi biết rằng không nên trông cậy vào nước khác. Nay Đại Vương cậy có Sở mạnh mà tin lời Xuân Thân quân, chống với Tần, không thể biết được bao lâu; tới khi Xuân Thân quân gặp biến, thì Đại Vương sẽ một mình chịu cái họa của Tần đa. Như vậy là Đại Vương có một nước vạn cỗ xe mà đem để cho lòng một cá nhân định đoạt, tôi cho rằng chính sách đó không hoàn thiện, xin Đại Vương tính kỹ đi.

(5) Du Quan nay thuộc tỉnh Hà Nam.

(6) Nước Nguyên nay thuộc tỉnh Hà Nam.

3

TRƯƠNG MAO KHUYÊN VUA
ĐỪNG ĐÁNH HÀN

(Ngụy vương vấn Trương Mao)

Vua Ngụy hỏi Trương Mao:

– Ta cùng với Tần đánh Hàn, ông nghĩ thế nào?

Trương Mao đáp:

– Hàn sẽ ngồi đó mà đợi lúc bị diệt vong chăng?

Hay là sẽ cắt đất mà theo nước khác? ⁽¹⁾

– Hàn sẽ cắt đất mà theo nước khác.

– Hàn oán Ngụy hay oán Tần?

– Oán Ngụy.

– Hàn cho là Tần mạnh hay Ngụy mạnh?

– Cho Tần là mạnh.

– Hàn sẽ cắt đất theo nước mạnh mà mình không oán hay cắt đất theo nước không mạnh mà mình oán.

Trương Mao bảo.

– Vậy thì cái việc đánh Hàn, Đại Vương tự biết được rồi.

(1) Ý nói cắt đất cho Tần hoặc Ngụy để cầu hòa.

7

KHÔNG CẤM ĐƯỢC CHÓ SỬA

(Bạch Khuê vị Tân Thành quân)

Bạch Khuê (người triều đình Chu) bảo Tân Thành quân⁽¹⁾:

– Người đi đêm có thể là không làm điều gian nhưng không thể cấm chó sửa được. Cho nên tôi có thể là không nói xấu ông với vua nhưng không thể cấm người khác nói xấu tôi với ông được.

10

BINH ĐÔ KHUYÊN NGỤY ĐỪNG TIN TẦN

(Trường Bình chi dịch)

Trong trận Trường Bình, Bình Đô quân bảo vua Ngụy (An Hi vương):

– Sao Đại Vương không theo chính sách hợp tung (để cự Tần)?

– Vua Ngụy đáp:

– Vì Tần hứa cắt đất Viên Ung cho quả nhân.

– Tôi cho rằng chuyện cắt đất Viên Ung là chuyện hão.

(1) Ngờ là Tân Nhung (?).

– Tại sao vậy?

– Tần và Triệu cầm cự nhau từ lâu ở Trường Bình mà bất phân thắng bại; nếu thiên hạ liên hiệp với Tần thì Triệu mất, liên hiệp với Triệu thì Tần mất, Tần sợ Đại Vương đổi lòng nên đem đất Viên Ung ra làm mồi nhử Đại Vương. Tần thắng Triệu rồi, Đại Vương dám đòi Tần cắt đất Viên Ung không?

– Không dám.

– Tần mà không thắng Triệu thì Đại Vương có thể khiến cho Hàn cắt đất Viên Ung cho Đại Vương không?

– Không.

– Vì vậy tôi cho rằng cắt đất Viên Ung là chuyện hảo.

– Phải.

16

CÀNG HÀNH ĐỘNG CÀNG XA MỤC ĐÍCH

(Ngụy vương dục công Hàm Đan)

Vua Ngụy muốn đánh Hàm Đan, Quý Lương hay tin, đương đi xa, vội quay về, áo quần xóc xếch, đầu tóc cát bụi, vô ý kiến vua bảo:

– Hôm nay khi lại đây, tôi gặp một người trên đường cái, hướng về phía Bắc mà đánh xe, bảo tôi: “Tôi muốn qua nước Sở”. Tôi bảo: “Ông qua nước Sở mà sao lại đi về hướng Bắc?” Đáp: “Ngựa tôi chạy hay”. Tôi bảo: “Ngựa tuy hay nhưng đó không phải là đường qua Sở”.

Đáp: “Tôi có nhiều lương thực”. Tôi bảo: “Lương thực tuy nhiều nhưng đó không phải là đường qua Sở”. Đáp: “Người đánh xe của tôi giỏi”. Mấy cái đó càng giỏi, càng nhiều thì càng cách xa nước Sở. Nay Đại Vương muốn lập được nghiệp bá, hành động muốn được thiên hạ tin; mà lại cậy có nước rộng lớn, quân tinh nhuệ mà đánh Hàm Đan để mở rộng đất đai, nâng cao uy danh, thì càng hành động nhiều càng cách xa mục đích của Đại Vương, cũng như muốn qua Sở mà tiến về phương Bắc vậy.

20

ĐƯỜNG THƯ THUYẾT VUA TẦN CỨU NGUY (Tần Ngụy vi dĩ quốc)

Tần và Ngụy liên minh với nhau, Tề và Sở kết hợp nhau, muốn đánh Ngụy. Ngụy sai người qua cầu cứu Tần, sứ giả qua lại nườm nượp ⁽¹⁾ mà Tần không phát binh cứu viện. Nước Ngụy có một người tên là Đường Thư ⁽²⁾ đã ngoài chín chục tuổi, bảo vua Ngụy (An Hi vương):

– Lão thần xin qua phía Tây thuyết vua Tần (Chiêu vương).
Khiến cho Tần xuất binh cứu viện trước khi thần về, Đại Vương nghĩ sao?

Vua Ngụy đáp:

(1) Nguyên văn là: mao và lộng qua lại không dứt.

(2) Đường Thư là người nước Ngụy, sử kí chép là Đường Tuy.

– Xin vâng.

Rồi cho sửa soạn xe đưa Đường Thư qua Tần, Đường Thư yết kiến vua Tần. Vua Tần bảo:

– Ông lão mệt mỏi từ xa lại đây, cực khổ quá! nước Ngụy đã cầu cứu mấy lần rồi, quả nhân biết Ngụy nguy cấp lắm!

Đường Thư đáp:

– Đại Vương đã biết Ngụy nguy cấp mà không phát binh cứu viện thế là những người trù tính việc cho Đại Vương không làm tròn nhiệm vụ. Vả lại Ngụy là nước có vạn cỗ xe mà tự xưng là phiên thuộc phía Đông của Tần, chịu nhận mao áo cân đai, xuân thu tiến cống Tần các đồ cúng tế, là vì cho rằng Tần mạnh đáng làm đồng minh của mình. Nay quân Tề, Sở đã tới cõi ngoài của Ngụy, mà quân cứu viện của Đại Vương không tới, cấp bách quá, Ngụy sẽ phải cắt đất liên hiệp với Tề, Sở, lúc đó Đại Vương có muốn cứu Ngụy, đâu còn kịp nữa. Như vậy là mất một nước vạn cỗ xe là Ngụy mà làm cho hai địch quốc là Tề, Sở mạnh thêm. Cho nên tôi trộm nghĩ rằng những người trù tính việc cho Đại Vương không làm tròn nhiệm vụ.

Vua Tần bùi ngùi, tỉnh ngộ. Vội phát quân ngày đêm gấp qua Ngụy; Tề, Sở hay tin bèn thu quân kéo về. Nước Ngụy được bảo toàn là nhờ lời biện thuyết của Đường Thư.

21

NÊN QUÊN RẰNG MÌNH CÓ
ÂN ĐỨC VỚI NGƯỜI

(Tín Lăng quân sát Tấn Bỉ)

Tín Lăng quân giết Tấn Bỉ, cứu Hàm Đan, phá quân Tần, bảo toàn nước Triệu, vua Triệu (Hiển Thành vương) ra tận ngoài thành để đón, Đường Thư bảo Tín Lăng quân:

– Tôi nghe nói: “Sự tình có cái không nên biết, có cái không nên không biết, có cái không nên quên, có cái không nên không quên”.

Tín Lăng quân hỏi:

– Ông muốn nói những sự tính gì vậy?

Đường Thư đáp:

– Người khác ghét ta, điều đó ta không thể không biết; ta ghét người, điều đó không nên để cho người biết; người có ân đức với ta, điều đó không nên quên; ta có ân đức với người, điều đó không nên không quên. Nay ông giết Tấn Bỉ, cứu Hàm Đan, phá quân Tần, bảo toàn nước Triệu, đó là ân đức lớn. Vua Triệu thân hành ra ngoài thành đón ông thì lúc hốt nhiên thấy vua Triệu, tôi xin ông quên ân đức đó đi.

Tín Lăng quân đáp: Vô Kỵ tôi xin kính cẩn thụ giáo.

22

SÚC CAO VÀ AN LĂNG QUÂN KHÔNG CHỊU NHỤC

(Ngụy công Quân nhi bất hạ)

Ngụy đánh thành Quân mà hạ không được, Súc Cao, người nước An Lăng ⁽¹⁾, có một người con giữ thành Quân. Tín Lăng quân sai người bảo An Lăng quân:

– Bảo Súc Cao (nghe lời tôi) ⁽²⁾ thì tôi sẽ cho làm một trong những chức ngũ đại phu ⁽³⁾, làm Trì Tiết Úy ⁽⁴⁾.

An Lăng quân đáp:

– An Lăng là một nước nhỏ, vua không sai bảo dân được, sứ giả lại mà nói với Súc Cao.

Rồi sai người dẫn sứ giả tới chỗ của Súc Cao. Sứ giả lặp lại lệnh của Tín Lăng quân.

Súc Cao đáp:

– Ông ⁽⁵⁾ mền Cao tôi, nên bảo Cao tôi đánh thành Quân, cái việc cha đánh thành, con giữ thành, người ta chê cười lắm, làm bẽ

(1) An Lăng quân vốn là đất của Ngụy, vua Ngụy Tương vương đem phong cho một người em.

(2) Cõi đoạn dưới sẽ hiểu.

(3) Đại phu là một chức quan, ở dưới bậc khanh và trên bậc sĩ. Mỗi thời mỗi khác. Thời tam đại có ba hạng đại phu; thượng, trung, hạ. Không rõ năm chức đại phu ở đây là những chức nào.

(4) Trì Tiết Úy là chức úy cầm cái tiết (chiếc thẻ làm tin) để đi sứ.

(5) Chỉ Tín Lăng quân.

tôi mà dâng thành của vua, là phản vua, cha dạy con phản vua, điều đó chắc ông cũng không thích. Tôi xin lạy hai lạy mà từ chối.

Sứ giả về nói lại với Tín Lăng quân, Tín Lăng quân cả giận, sai một vị sứ giả quan trọng của An Lăng, bảo:

– An Lăng (do Ngụy quản trị) thì cũng là đất của Ngụy; nay ta đánh thành Quán mà không hạ được thì Tần sẽ đánh ta, xã tắc nguy mất; xin nhà vua trời sống Súc Cao lại nạp cho ta, nếu không nạp thì Vô Kị này sẽ đem mười vạn quân chiếm thành An Lăng.

An Lăng quân đáp:

– Trên quân là Thành Hầu, nhận chiếu của (Ngụy) Tương vương là giữ đất này, tay cầm hiến chương của chức đại phu⁽⁶⁾. Thiên đầu của hiến chương có câu: “Con giết cha, bề tôi giết vua, thì theo phép (nước mà trị), không tha”. Dù trong nước có dịp đại xá thì kẻ giữ thành mà hàng giặc và kẻ giết con người khác cũng không được tha. Súc Cao kính cẩn bỏ địa vị cao để bảo toàn nghĩa cha con, mà ông bảo phải bắt sống nộp cho ông; như vậy là khiến cho tôi phụ tờ chiếu của Tương vương, bỏ hiến chương của chức đại phủ. Dù chết, tôi cũng không dám thi hành lệnh đó.

Súc Cao nghe vậy, bảo:

– Tín Lăng quân là người hung dữ mà độc đoán; lời đó mà tới tai ông ta thì nước mình tất có tai họa, ta bảo toàn lấy thân ta, đã không phải là nghĩa vua tôi, có đâu lại khiến cho vua ta bị cái vạ của Ngụy.

Rồi lại chõ cư xá của sứ giả, đâm cổ tự tử.

(6) Chức quan đứng đầu của một miền lớn.

Tín Lãng quân hay tin Súc Cao chết, bận đồ trắng (đồ tang) rời chỗ ở⁽⁷⁾, sai sứ giả lại tạ lỗi An Lãng quân:

– Vô Kỵ là kẻ tiểu nhân, vì lo lắng quả nhân mà quẫn chí, đã lỡ lời với ông, xin lạy hai lạy để tạ tội cho.

23

KHÉO TON HÓT

(Ngụy vương dữ Long Dương quân

Vua Ngụy ngồi chung thuyền với Long Dương quân ⁽¹⁾, đi câu.

Long Dương quân câu được mười con cá, rồi mà nước mắt ròng ròng. Vua hỏi:

– Có cái gì không vui đấy? Sao không cho nhau hay?

Đáp:

– Hạ thần đâu dám không vui.

– Vậy thì tại sao lại khóc?

– Hạ thần khóc vì con cá Đại Vương câu được.

– Nghĩa là thế nào?

– Khi hạ thần mới câu được con cá thì hạ thần rất mừng, sau càng câu càng được cá lớn; bây giờ hạ thần muốn liệng phất mấy con cá câu được lúc đầu đi. Nay hạ thần hung ác mà

(7) Có lẽ là cách cư tang thời đó.

(1) Long Dương quân là một kẻ bé tội nhờ dung nhan đẹp đẽ mà được vua Ngụy sủng ái.

được quét giường trải chiếu cho Đại Vương, chúc tước trên mọi người, sai khiến cả bách quan, đi đâu thì có kẻ dẹp đường. Trong bốn bề, có rất nhiều người dong mạo đẹp đẽ, biết rằng hạ thần được Đại Vương sủng ái như vậy tất vén xiêm mà chạy lại với Đại Vương. Hạ thần rồi cũng như con cá câu được lúc đầu kia thôi, cũng sẽ bị Đại Vương vứt bỏ đi thôi! Nghĩ nông nổi đó, hạ thần làm sao mà không nhỏ lệ được!

Vua Ngụy bảo:

– Bậy nào! Có nỗi lòng như vậy sao không cho nhau hay?

Rồi sai bố cáo khắp nước rằng: “Ai mà dám nói rằng có người đẹp thì giết cả họ”.

Do đó mà xét, những kẻ thân cận bọn vua chúa, từ xưa vốn có cái tật ton hót rất mực chảnh? Họ bảo, cột cái tình yêu của vua chúa thật là hoàn bị. Kẻ ở ngoài, ngàn dặm mà muốn dâng mĩ nhân cho vua chúa, thì kẻ được tiến cử kia chắc đã được vua yêu không? Giả sử kẻ đó được vua yêu thì chắc có giúp ta được không? Mà ta bị người thân cận của vua thêm oán. Chỉ thấy họa chứ không thấy phúc, chỉ thấy oán chứ chưa thấy ân, đó không phải là thuật dùng trí.

25

ĐƯỜNG THU KHÔNG LÀM NHỤC SỬ MỆNH

(Tần vương sử nhân vị An Lăng quân)

Vua Tần (Thuỷ Hoàng) sai người bảo An Lăng quân:

- Quả nhân muốn đem năm trăm dặm đất đổi lấy nước An

Lăng, An Lăng quân thiên tử giận thì ra sao không? bằng lòng đổi cho quả nhân đi?

An Lăng quân đáp:

– Đại Vương gia ân, đem đất lớn đổi lấy đất nhỏ, thật là quý hóa. Tuy nhiên tôi nhận đất của Tiên Vương, xin giữ nó tới cùng, không dám đổi.

Vua Tần không vui, An Lăng quân bèn sai Đường Thư đi sứ Tần, Vua Tần bảo Đường Thư:

– Quả nhân đem năm trăm dặm đất đổi lấy nước An Lăng, An Lăng quân không nghe lời quả nhân là tại sao? Tần đã diệt Hàn, chiếm Ngụy; An Lăng quân chỉ có năm chục dặm đất mà bảo tồn được là vì quả nhân trọng An Lăng quân là bậc trưởng giả⁽¹⁾ mà để yên cho đó. Nay ta đem một khu đất rộng gấp mười xin đổi để làm rộng đất của An Lăng quân mà An Lăng quân trái ý quả nhân, bộ khinh quả nhân chăng?

Đường Thư đáp:

– Không, không phải vậy. An Lăng quân nhận đất của Tiên vương mà gìn giữ, dẫn ngàn dặm cũng không đánh đổi, nói chi là năm trăm dặm!

Vua Tần nổi giận, bảo Đường Thư

– Ông đã từng nghe nói thiên tử giận thì ra sao không?

Đường Thư đáp:

– Hạ thần chưa từng được nghe.

– Thiên tử mà nổi giận thì thây năm trăm vạn, máu chảy ngàn dặm...

– Thế Đại Vương đã từng nghe nói hạng áo vải nổi giận thì ra sao không?

– Tụi áo vải mà nổi giận thì cũng chỉ lột mào, tuột dép mà đập đầu xuống đất chứ gì?

Đường Thư bảo:

– Bọn thất phu nổi giận thì như thế, kẻ sĩ nổi giận thì khác. Lúc Chuyên Chư đâm Vương Liêu ⁽²⁾ thì sao chổi át mặt trăng; lúc Nhiếp Chính đâm Hàn Khôi ⁽³⁾ thì cầu vồng trắng xuyên qua mặt trời; lúc Yên Li đâm Khánh Kị ⁽⁴⁾ thì chim ưng xanh mổ nhau ⁽⁵⁾ ở trên điện, ba vị đó đều là những kẻ sĩ áo vải cả, trong lòng nén giận chưa cho nó phát tiết mà trên trời đã lộ ra những hiện tượng đó. Nay sắp thêm có tôi nữa là bốn. Kẻ sĩ mà phải nổi giận lên thì thầy nằm hai cái, máu chảy năm bước, thiên hạ phải để tang, tức như ngày hôm nay đây!

Rồi tuốt gươm, đứng dậy. Vua Tần hóa nhũn, quì mọp xuống tạ lỗi:

– Mời tiên sinh ngồi xuống, làm gì tới nổi đó! Quả nhân hiểu rồi. Hàn, Ngụy bị diệt vong, An Lăng chỉ có năm chục dặm mà còn được, chỉ là nhờ có tiên sinh vậy!

(2) Vương Liêu là vua nước Ngô, Chuyên Chư là thích khách nước Ngô, Ngô Vương là Hạp Lư sai Chuyên Chư giết Vương Liêu. Vương Liêu thích ăn cá nướng. Chuyên Chư giấu lưỡi dao trong bụng con cá, khi dâng cá, dùng dao đâm Vương Liêu.

(3) Nhiếp Chính là người đời Chiến Quốc; Nghiêm Trọng tử có hiềm khích với Hàn Khôi, cậu Nhiếp Chính giết (Coi truyện Hàn II, 18 ở sau).

(4) Yên Li là người nước Ngô, Ngô Vương là Hạp Lư sau khi đã sai Chuyên Chư giết Vương Liêu rồi, lại sai Yên Li giết con Vương Liêu và Khánh Kị.

(5) Có sách chú thích là: xấn vẩn ở trên điện, hoặc sà xuống cung điện.

CHƯƠNG VII

Hàn sách

Thời Xuân Thu, vua Tấn phong Hàn Vũ tử ở đất Hàn Nguyên (Nay thuộc tỉnh Thiểm Tây) các đời sau, họ Hàn làm quan đại phu cho Tấn.

Tới đời Chu Uy Liệt vương (425-401), Hàn cùng với Triệu, Ngụy chia ba nước Tấn, xưng làm vua chư hầu, (cho nên gọi là Tam Tấn). Thời Chiến Quốc, Hàn là một trong thất hùng, đóng đô ở Bình Dương (nay thuộc tỉnh Sơn Tây), sau dời đô qua Dương Dịch (Nay thuộc tỉnh Hà Nam), rồi qua Tân Trịnh (cũng thuộc tỉnh Hà Nam), cho nên có chỗ gọi Hàn là Trịnh. Thời thịnh nhất, đất Hàn gồm một phần tỉnh Thiểm Tây và một phần tỉnh Hà Nam ngày nay.

Sau cùng bị Tần diệt.

Hàn I

5

TÔ TẦN THUYẾT VUA HÀN THEO HỢP TUNG (Tô Tần vị Sở hợp tung)

Tô Tần thay vua Sở thuyết vua Hàn (Tuyên Ngụy vương) theo kế hoạch hợp tung:

– Hàn, Phía Bắc có các miền Củng, Lạc⁽¹⁾ thành cao kiên cố, phía Tây có Nghi Dương và Trường Bản⁽²⁾ hiểm yếu, Phía Đông có đất Uyển, đất Nhượng⁽³⁾ và sông Vị, phía Nam có núi Hình; đất rộng ngàn dặm, binh số tới mười vạn. Cung cứng nỗ mạnh trong thiên hạ đều sản xuất ở Hàn; các loại tên Khê tử, Thiếu Phủ, Thời Lực và Cự lai⁽⁴⁾ đều bán được xa ngoài sáu trăm bước. Quân Hàn đưa chân mà đạp nỗ⁽⁵⁾ thì liên tiếp trăm phát không ngừng, xa

(1) Củng và Lạc là những đất hiểm yếu nay thuộc Hà Nam.

(2) Trường Bản cũng gọi là Thương Bản, hoặc Thương Sơn, Thương Lạc Sơn, là một nhánh của Chung Nam Sơn, nay thuộc Thiểm Tây.

(3) Nhượng là tên đất nay ở Hà Nam.

(4) Bốn loại tên đó đều rất tốt, có danh tiếng.

(5) Có sách giảng là: Khi bắn tên đưa chân ra phía sau để lấy đà.

thì bắn trúng bụng, gấn thì xuyên qua tim. Kiếm và kích của Hàn đều sản xuất ở Minh Sơn, Thường Khê⁽⁶⁾, Mặc Dương và Hợp Bá⁽⁷⁾: những kiếm Đặng Sư⁽⁸⁾, Uyển Phùng⁽⁹⁾ chế tạo, những cây Long Uyên, Thái A⁽¹⁰⁾ đều có thể ở trên cạn thì chém đứt ngựa, bò, ở dưới nước thì chém đứt những chiếc giáp cứng, những chiếc mộc, chiếc ủng bằng da, những giáp sắt che cánh tay, những áo da che vai, lườn, những dây, đai cột mộc, (như vậy khí giới) không có gì là không đủ.

Quân Hàn dùng cảm mà bận áo giáp cứng, đập nỗ mạnh, đeo kiếm sắc, thì một người chống nổi trăm người, điều đó chẳng cần phải nói nữa. Hàn cường thịnh mà Đại Vương lại hiền năng, vậy mà muốn hướng về phía Tây thờ Tần, tự xưng là thần thuộc ở phía Đông, xây cất hành cung cho Tần, chịu nhận áo mao cân đai của Tần, mùa xuân và mùa xuân tiến cống, cung cấp đồ tế tự cho Tần, chấp tay đứng hầu Tần, làm nhục xã tắc mà bị thiên hạ cười chê, tới vậy là cùng cực, cho nên tôi xin Đại Vương nghĩ kỹ lại xem.

(6) Thường Khê nay ở Hà Nam.

(7) Bốn nơi đó đều sản xuất những thứ kiếm rất quý, Mặc Dương sản xuất loại kiếm "mạc da".

(8) Đặng Sư: Đặng là tên nước, nay ở Hà Nam, Đặng Sư là tên một người giỏi chế tạo kiếm ở nước Đặng.

(9) Uyển Phùng: Uyển là tên một nước nay ở Hà Nam; nước đó có một người tên là Phùng Tri giỏi chế tạo kiếm, nên người ta gọi đó là Uyển Phùng.

(10) Long Uyên, Thái A: Vua Sở nghe tiếng ở nước Ngô có một người tên là Can Tương, nước Việt có một người tên là Âu Dã, đều giỏi chế tạo kiếm, bèn sai người đi mời hai người đó lại chế tạo cho hai cây kiếm tốt, tức cây Long Uyên và Thái A.

Đại Vương chịu thờ Tần thì Tần tất đòi đất Nghi Dương, Thành Cao, nay đem dâng hẳn thì sang năm hẳn lại đòi cắt thêm đất nữa cho tới khi hết đất mới thôi; nếu không cho thì công trước của mình ⁽¹¹⁾ sẽ mất toi mà còn chịu thêm họa về sau nữa. Vả lại đất của Đại Vương có hạn mà lòng tham của Tần thì vô cùng. Lấy số đất có hạn để đáp sự đòi hỏi vô cùng, như vậy là “chước oán mua họa”, rốt cuộc là chẳng có chiến tranh mà đất cũng bị chiếm đoạt hết! Tôi nghe tục ngữ có câu: “Thà làm mỏ gà còn hơn là làm mông bò”. Nay Đại Vương hướng về phía Tây, khoanh tay mà thờ Tần, thì có khác gì làm mông con bò đâu. Hiền minh như Đại Vương, có quân đội cường thịnh như Hàn mà chịu mang cái tiếng làm mông con bò, tôi trộm xấu hổ thay cho Đại Vương!

Vua Hàn tím mặt, nổi giận, vung tay, nắm chặt cây kiếm, ngửa mặt lên trời, than:

– Quả nhân dù chết chứ nhất định không chịu thờ Tần; nay ông lại cho quả nhân hay lời chỉ giáo của vua Sở ⁽¹²⁾, xin kính cẩn đem xă tặc để theo.

(11) Ý nói: công tặng đất trước kia cho Tần.

(12) Tức Sở Uy vương.

6

TRƯƠNG NGHI THUYẾT VUA TẦN THEO LIÊN HOÀNH

(Trương Nghi vị Tần liên hoành)

Trương Nghi thay vua Tần thuyết vua Hàn (Tương vương) theo kế hoạch liên hoành:

- Đất Hàn hiếm ác ⁽¹⁾ dân phần nhiều ở trên núi, ngũ cốc sản xuất, nếu không phải là lúa mạch thì là đậu, thức ăn của dân đại để là cơm đậu và canh lá đậu, gặp năm mất mùa thì dân chỉ ăn bã rượu và cám mà cũng không được ăn no. Đất rộng không đầy chín trăm dặm, lương thực không trữ được đủ ăn hai năm. Tôi tính phỏng quân số của Đại Vương hết thấy không quá ba chục vạn, mà trong số đó kể cả những kẻ làm tạp dịch, khổ công; những lính hiện dịch giữ gìn đồn trại cửa ải, che chở biên giới, bất quá chỉ có hai chục vạn mà thôi.

Tần thì binh lính đeo giáp có trên trăm vạn, chiến xa có ngàn cỗ, chiến mã có vạn con, quân mạnh như cọp, đầu trần nhảy nhót, nắm tay thoi địch, vung kích đâm địch thì không biết bao nhiêu mà kể. Ngựa của Tần rất tốt, binh lính lại đông, ngựa bốn chân sải ra chồm một cái vượt được ba tầm ⁽²⁾, hạng ngựa đó không biết bao nhiêu mà kể, hạng ngựa ấy không biết bao nhiêu mà kể. Quân các nước Sơn Đông phải bận áo giáp, đội

(1) Hiếm ác khác hiếm yếu: hiếm trở mà lại cần cối nghèo nàn.

(2) Mỗi tầm là bảy hay tám thước Trung Hoa.

mũ sắt để giao chiến; quân Tần thì cởi áo giáp, ở trần mà xung phong, tay trái nắm đầu địch, tay phải kẹp tù binh. Quân Tần so với quân Sơn Đông cũng như Mạnh Bôn ⁽¹⁾ so với một đứa nhát gan vậy; dùng sức mạnh mà áp đảo thì như Ô Hoạch ⁽²⁾ chế phục một đứa con nít vậy. Dùng những binh sĩ như Mạnh Bôn, Ô Hoạch để đánh những nước yếu không chịu phục tùng, không khác gì liệng vật nặng ngàn cân lên trên một đồng trứng chim vậy, nhất định là không thoát được! Các nước chư hầu không lượng binh lực mình yếu, lương thực mình ít, nghe những lời đường mật của bọn chủ trương hợp tung mà liên kết với nhau, gạt găm lẫn nhau, đồng thanh bảo: "Theo kế của ta thì có thể làm bá chủ trong thiên hạ". Họ không xét cái lợi lâu dài của xã tắc, mà nghe cái thuyết hảo huyền nhất thời, lừa dối vua chúa đến như vậy là cùng.

Đại Vương không thờ Tần thì Tần xuất binh chiếm Nghi Dương, cắt đứt đất Thương của Hàn, phía Đông chiếm Thành Cao, Nghi Dương thì cung điện Hồng Đài, vườn tược Tang Lâm không còn thuộc về Đại Vương nữa đâu. Thành Cao bị phong tỏa, đất Thương bị cắt đứt thì nước của Đại Vương sẽ bị chia xẻ. Sớm thờ Tần thì được yên, không thờ Tần thì nguy. Hướng về cái họa mà cầu phúc, kế đã nông mà oán lại sâu; nghịch với Tần mà theo Sở, dù muốn không mất cũng không thể được. Cho nên vì Đại Vương mà mưu tính thì không gì bằng thờ Tần. Tần chỉ muốn một điều là làm cho Sở yếu, mà làm cho Sở yếu thì không nước nào bằng Hàn; không phải vì Hàn mạnh hơn Sở đâu mà vì địa thế như vậy. Nay Đại Vương hướng về phía

(1) - (2) Mạnh Bôn, Ô Hoạch đều là những lực sĩ thời cổ.

Tây mà thờ Tần, đánh Sở để giúp tề quốc thì vua Tần tất mừng. Đánh Sở để chiếm đất của Sở, chuyển họa thành phúc, làm vui lòng Tần, không kể nào lợi bằng kể đó. Cho nên vua Tần sai sứ thần dâng thư lên quan ngự sử của Đại Vương đợi Đại Vương quyết định:

Vua Hàn đáp:

- Quý khách vui lòng chỉ bảo cho, tề quốc xin làm quận huyện của Tần, xây cất hành cung cho Tần, mùa xuân mùa thu tiến cống để cung phụng vào việc tế tự, tự xưng là nước thần thuộc ở phía Đông của Tần, và cất Nghi Dương tặng Tần.

11

NGỤY THUẬN CỨU NƯỚC THỊ KHÂU

(Ngũ quốc ước chi công Tần)

Năm nước (Sở, Triệu, Hàn, Ngụy, Yên) liên minh với nhau để đánh Tần, vua Sở (Hoài vương) làm tung trưởng ⁽¹⁾, không thể thắng được Tần, bèn bãi binh mà lưu lại ở Thành Cao. Ngụy Thuận bảo vua Thị Khâu ⁽²⁾.

- Năm nước bãi binh, tất sẽ đánh Thị Khâu để bù vào binh phí, nhà vua cung cấp phương tiện cho tôi, tôi xin vì nhà vua làm cho các nước đó không đánh Thị Khâu.

Vua Thị Khâu bằng lòng và sai Ngụy Thuận đi sứ. Ngụy

(1) Tung trưởng tức là nước cầm đầu các nước theo hợp tung.

(2) Thị Khâu là một nước nhỏ, nay thuộc tỉnh Hà Nam. Nơi đó xưa là một cái huyện chợ.

Thuận xuống phương Nam, yết kiến vua Sở, bảo:

– Đại Vương liên minh năm nước để qua phía Tây đánh Tần, không thắng được Tần, các nước kia thấy vậy sẽ khinh Đại Vương mà trọng Tần. Sao Đại Vương không dò xét ý tứ các nước đó xem giao tình của họ với Sở ra sao?

Vua Sở hỏi:

– Dò xét cách nào?

Ngụy Thuận đáp:

– Năm nước đã bãi binh, tất sẽ đánh Thị Khâu để bù vào binh phí; Đại Vương ra lệnh đừng đánh Thị Khâu; nếu năm nước (3) trọng Đại Vương thì tất nghe lời Đại Vương mà không đánh Thị Khâu; nếu không trọng Đại Vương thì sẽ làm trái lời Đại Vương, mà đánh Thị Khâu. Như vậy thì rõ được họ khinh hay trọng Đại Vương.

Vì vậy mà vua Sở (theo lời), dò xét giao tình của các nước kia, và Thị Khâu được bảo tồn.

16

HÀN MẮC MÙU SỞ

(Tần, Hàn chiến ư Trọc Trạch)

Tần và Hàn đánh nhau ở đất Trọc Trạch ⁽¹⁾, Hàn ở trong tình thế nguy cấp, Công Trọng Bằng bảo vua Hàn (Tuyên Huệ vương):

(3) Bốn nước thì phải hơn: vì không nên kể Sở còn lại các nước Triệu, Hàn, Ngụy, Yên.

(1) Trọc Trạch là tên đất nay thuộc tỉnh Hà Nam.

– Không thể trông cậy được vào các nước đồng minh. Nay Tần bản tâm muốn đánh Sở, Đại Vương nên nhờ Trương Nghi nói giùm để cầu hòa với Tần, tặng cho Tần một thành ấp lớn, rồi cùng với Tần đánh Sở; đó là cái kế “đem một mà đổi lấy hai” (2).

Vua Hàn cho là phải rồi theo lời Công Trọng mà thi hành, sửa soạn qua phía Tây để cầu hòa với Tần. Vua Sở (Hoài vương) hay tin, hoảng sợ, với Trần Chấn kể lại cho hay sự tình. Trần Chấn bảo:

– Tần đã muốn đánh ta từ lâu, nay được Hàn tặng một thành ấp lớn, cung cấp khí giới; Tần và Hàn cùng đem binh xuống phía Nam đánh Sở, đó là điều mà Tần cầu nguyện mỗi ngày, nay có cơ hội rồi thì Sở tất bị đánh. Xin Đại Vương theo mưu kế của hạ thần: cảnh giới nhân dân trong bốn cõi, tuyển binh nói là cứu Hàn (3), bố trí binh xa dầy các đường sá, phái sứ thần, cho họ nhiều xe và nhiều tiền, làm cho Hàn tin rằng Đại Vương sẽ cứu Hàn. Ví phỏng Hàn không nghe ta thì cũng cảm kích Đại Vương, tất không cùng tiến binh một lượt với Tần để đánh ta. Như vậy, Tần và Hàn bất hòa với nhau mà dù binh có tới, Sở cũng không đến nỗi nào. Còn nếu như Hàn nghe lời ta thì sẽ tuyệt giao với Tần, Tần sẽ nổi giận, thêm oán Hàn; Hàn được Sở cứu tất khinh thị Tần, đối đãi với Tần không cung kính nữa. Như vậy, ta làm cho binh của Tần và Hàn bị khốn đốn mà giải được cái họa cho Sở.

(2) *Dem một đổi lấy hai, có nghĩa là: chịu thiệt ít rồi sau thu lợi nhiều.*

(3) *Có sách chú thích là: tuyển lựa kế hoạch hay để cứu Hàn.*

Vua Sở rất mừng, bèn cảnh giới nhân dân trong bốn cõi, tuyển binh nói là để cứu Hàn, phái sứ thần, cho họ nhiều xe và nhiều tiền, nói với vua Hàn:

– Tệ quốc tuy nhỏ, đã đem hết binh sang giúp đại quốc, xin đại quốc tự ý sử dụng để đối phó với Tần, tệ quốc xin chết theo với Hàn.

Vua Hàn cả mừng bảo Công Trọng đừng qua Tần nữa. Công Trọng đáp:

– Không nên. Tần lấy thực tình mà nói với ta còn Sở nói giúp ta, chỉ là hứa hão thôi. Cậy vào lời hứa hão mà nhẹ dạ cự tuyệt cường Tần, tất bị thiên hạ cười chê. Vả lại Sở với Hàn không phải là hai nước anh em, cũng không hề có ước hẹn trước với nhau để đánh Tần; vì Tần muốn đánh Sở mà Sở mới khởi binh, nói là để cứu Hàn, đó nhất định là mưu kế của Trần Chấn. Lại thêm Đại Vương đã sai người báo với Tần rồi, nay không thi hành thì là gạt Tần. Khinh thị cái họa cường Tần mà tin lời mưu thần nước Sở, Đại Vương sau này tất hối hận đấy.

Vua Hàn không nghe, tuyệt giao với Tần, Tần quả nhiên nổi giận, khởi binh khai chiến với Hàn ở Ngạn Môn ⁽⁴⁾, cứu binh của Sở không tới, quân Hàn đại bại.

Quân Hàn không phải là yếu, dân không phải là ngu mà binh sĩ thì bị Tần bắt, mưu trí thì bị Sở cười, chỉ vì lằm nghe lời Trần Chấn, mà mắc mưu Hàn Bằng ⁽⁵⁾ vậy.

(4) Ngạn Môn: có hai nơi mang tên đó, một ở Sơn Tây, một ở Hà Nam, không rõ ở đây chỉ nơi nào.

(5) Hàn Bằng (sách chép là Hàn Minh - chữ bằng hơi giống chữ minh), tức Công Trọng Bằng.

Hàn II

1

TRƯỜNG THÚY XIN TẦN GIÚP HÀN ĐÁNH SỞ

(Sở vi Ung Thị)

Sở vây Ung Thị đã năm tháng, Hàn sai sứ giả cầu cứu với Tần, sứ giả qua lại nườm nượp (mão lọng qua không ngớt), mà quân vẫn không xuống đất Hào, Hàn lại sai Thượng Cận đi sứ Tần, tâu với vua Tần (Chiêu vương):

- Hàn đối với Tần, lúc yên tĩnh thì che cho Tần, lúc xuất binh thì cùng nối hàng nhau kẻ trước người sau. Nay Hàn lâm nguy mà quân Tần không xuống đất Hào. Hạ thần nghe rằng môi hở thì răng lạnh, xin Đại Vương xét kỹ cho.

Tuyên Thái hậu bảo:

– Sứ giả đã tới nhiều mà chỉ có lời Thượng tử là đúng.

Rồi Thượng tử vô, bảo:

– Thiếp thờ Tiên vương (tức Tần Huệ vương), Tiên vương gác đùi lên mình thiếp thì thiếp không chịu nổi; mà đê cả người lên thiếp thì thiếp không thấy nặng là tại sao? Tại như vậy còn có chút lợi. Nay giúp Hàn, nếu binh lính không đông, lương thực không nhiều thì không đủ để cứu Hàn, Cứu Hàn có cái hại là mỗi ngày phí ngàn vàng mà chẳng làm cho thiếp được chút lợi gì cả.

Thượng Cận gửi thư về báo cho vua Hàn hay, vua Hàn sai Trương Thúy đi sứ. Trương Thúy cáo bệnh, mỗi ngày chỉ đi được một huyện. Khi Trương Thúy tới, Cam Mậu bảo:

– Tình cảnh của Hàn chắc nguy ngập lắm rồi. Cho nên tiên sinh đau mà vẫn phải tới.

Trương Thúy đáp:

– Hàn chưa nguy cấp mà lại nguy cấp!

– Tần là nước mạnh, vua Tần là bậc minh trí, tình cảnh của Hàn gấp hay hoãn, vua Tần đều biết hết; nay tiên sinh bảo không nguy cấp, phỏng có nghe được không?

– Hàn mà nguy cấp thì đã cúi mình mà xin sáp nhập với Sở rồi, như vậy tôi đâu còn dám tới đây.

Cam Mậu bảo:

– Thôi, tiên sinh đừng nói thêm nữa.

Cam Mậu vô tâu vua Tần:

– Công Trọng cầm quyền ở Hàn, tin rằng được quân Tần giúp nên mới dám chống Sở; nay Ung Thị bị vây mà quân Tần không xuống đất Hào, như vậy sẽ mất Hàn. Công Trọng sẽ cúi đầu mà không vô triều nữa, Công Thúc sẽ (thay Công Trọng làm tướng quốc) đem Hàn hợp với Sở; Sở, Hàn hợp nhất thì Ngụy không dám không theo hai nước đó, thế là Sở sẽ đem ba nước mà chiếm Tần. Như vậy cái việc đánh Tần sẽ thành hình. Không hiểu ngòi mà đợi người ta đánh mình với đem quân đánh người thì đằng nào hơn?

Vua Tần đáp: “Phải”, rồi cho đem quân xuống đất Hào để cứu Hàn.

6

ĐỪNG KHINH TẦN

(Vị Công Thúc)

Có kẻ bảo Công Thúc:

– Đi thuyền, thuyền vô nước mà không trét lại thì thuyền chìm, trét chỗ rỉ nước rồi mà khinh sóng của thần Dương Hâu⁽¹⁾ thì thuyền đắm. Nay ông thường cậy được Tiết công tin cẩn mà khinh thị Tần thì cũng như trét chỗ rỉ nước rồi mà khinh sóng của thần Dương Hâu vậy, xin ông nghĩ lại.

(1) Dương Hâu là thủy thần. Hối xưa các chư hầu có tội thì nhảy xuống sông tự tử, linh thiêng mà thành thần, thường gây sóng lớn, người ta gọi là Dương Hâu.

11

CÔNG THỨC MUỐN GIẾT KI SẮT (Công Thức tương sát Ki Sắt)

Công Thức muốn giết Ki Sắt. Có kẻ bảo Công Thức:

- Thái tử sở dĩ trọng ông là vì sợ Ki Sắt mà chết thì thái tử không lo nữa, tất khinh rẻ ông. Các đại phu nước Hàn thấy vua đã già, mong rằng thái tử sẽ cầm quyền nên đều muốn thờ thái tử. Thái tử, ở ngoài không phải lo về Ki Sắt, ở trong kết nạp được các đại phu để giúp mình, thì tất sẽ khinh rẻ ông. Vậy đừng nên giết Ki Sắt, để thái tử phải lo sợ hoài mà tất sẽ trọng dụng ông suốt đời.

17

PHÉP CHÍNH DANH (Sử Tật vị Hàn sử Sở)

Sử Tật vị Hàn mà đi sứ qua Sở. Vua Sở hỏi:

- Ông khách theo chính sách nào?

Đáp:

- Tôi theo lời ông Liệt Ngữ Khấu ⁽¹⁾.

(1) Liệt Ngữ khấu: các sách thường chép là Liệt Ngữ Khấu, tác giả một bộ sách gọi là Liệt Tử. Nhưng theo một số học giả gần đây thì Liệt Tử là một bộ sách do nhiều người đời Hán viết, và Liệt Ngữ Khấu chưa chắc là một nhân vật có thật.

– Ông Liệt Ngữ Khấu trọng cái gì?

Đáp:

Trọng phép chính danh.

– Phép chính danh có thể dùng để trị nước được ư?

– Được.

Vua hỏi:

– Nước Sở có nhiều trộm cướp. Phép chính danh có thể ngăn trộm cướp được không?

– Được.

– Muốn dùng phép chính danh để ngăn trộm cướp thì phải làm sao?

Vừa hỏi xong một chút thì có con chim khách lại đậu trên nóc nhà. Sử Tật hỏi:

– Xin hỏi Đại Vương người Sở đó gọi con chim đó là chim gì?

– Gọi là con chim khách.

– Gọi là con quạ được không.

– không được.

– Nay nước của Đại Vương có các quan trụ quốc, lệnh doãn, tư mã, điển lệnh để cất đặt, giao phó công việc cho các quan lại; họ phải liêm khiết, làm tròn nhiệm vụ. Thế mà giặc cướp lộng hành mà không ngăn được, thì họ không phải là con quạ, cũng không phải là chim khách.

19

TRUYỆN HIỆP SĨ NHIẾP CHÍNH
(Hàn Khôi tướng Hàn)

Hàn Khôi làm tướng quốc nước Hàn, lúc đó Nghiêm Toại được vua Hàn trọng dụng, nên hai người muốn hại lẫn nhau. Nghiêm Toại nghị luận chính trực, vạch những lỗi của Hàn Khôi. Hàn Khôi mắng Nghiêm Toại ở giữa triều, Nghiêm Toại rút gươm đâm, may có người chạy lại cứu Hàn Khôi. Sau vụ đó, Nghiêm Toại sợ bị xử tử chạy trốn ra ngoài tìm người để nhờ báo thù cho. Tới nước Tề, có người báo: “Nhiếp Chính người làng Chi, xóm Thâm Tỉnh ⁽¹⁾, là một dũng sĩ, vì trốn kẻ thù, phải ẩn cư làm đồ tể”. Nghiêm Toại bèn ngầm kết giao với Nhiếp Chính, cực kỳ hậu đãi Nhiếp Chính.

Nhiếp Chính hỏi:

– Ông muốn dùng tôi vào việc gì đây?

Nghiêm Toại đáp:

– Tôi mới hầu hạ ông được có mấy ngày mà việc lại bức bách ⁽²⁾, cho nên đâu đã dám nhờ cậy ông.

Rồi Nghiêm Toại bày tiệc rượu dâng lên mẹ Nhiếp Chính, thêm một trăm nén vàng để chúc thọ bà lão. Nhiếp Chính

(1) Theo Hứa Khiếu Thiên thì chỉ là tên một làng, Thâm Tỉnh Lý là tên xóm, hiện nay thuộc tỉnh Hà Nam.

(2) Bức Bách đây nên hiểu là rất quan trọng.

kinh hoảng, càng lấy làm lạ rằng sao Nghiêm Toại hậu đãi như vậy nên nhất định từ tạ không dám nhận, nhưng Nghiêm Toại nhất định không nghe. Nhiếp Chính từ tạ rằng:

– Tôi có mẹ già, nhà thì nghèo, phải lưu lạc tha phương làm nghề đồ tể, để sớm tối có miếng ngọt bùi nuôi mẹ; mẹ tôi được cung dưỡng đủ rồi không dám nhận vật tặng của Trọng tử⁽³⁾, e trái với điều nghĩa.

Nghiêm Trọng tử đuổi các người chung quanh ra, nói với Nhiếp Chính:

– Tôi có một mối thù mà chu du nhiều nước chư hầu, tới Tề, nghe tiếng túc hạ là người có nghĩa khí rất cao, cho nên xin dâng túc hạ trăm nén vàng mua gạo xấu cung phụng cụ bà, mong túc hạ được vui lòng, chứ có dám cầu gì đâu.

Nhiếp Chính đáp:

– Tôi sở dĩ phải nén chí khí, chịu nhục ở chốn chợ búa này là để nuôi mẹ già, mẹ già còn sống ngày nào thì cái thân của Chính tôi không dám cho ai hết.

Nghiêm Trọng tử hết sức nói mà Nhiếp Chính không chịu nhận, nhưng sau cùng Nghiêm Toại cũng giữ được đủ cái lễ chủ khách rồi mới đi.

Ít lâu sau, mẹ Nhiếp Chính mất, chôn cất xong rồi tới lúc đoạn tang. Nhiếp Chính bảo:

– Ôi! Chính này là kẻ buôn bán ở chợ, cầm dao mổ chó, ông Nghiêm Trọng tử là bậc khanh tướng nước chư hầu, vậy mà

(3) Tức Nghiêm Toại, Trọng Tử là tên hiệu.

ông không ngại xa ngàn dặm, khuất thân cao quý, kết giao với tôi, mà tôi đãi ông rất bạc, chưa có chút công lớn nào để đáp lại. Ông đem trăm nén vàng để chúc thọ mẹ tôi, tôi tuy không nhận, nhưng ông quả là biết rõ Chính tôi vậy. Bạc hiền nhân vì có cái giận “ngó nhau trừng trừng” (4) mà lại kết thân với kẻ ở nơi hẻo lánh, mà sao riêng Chính tôi cứ trầm lặng không đáp lại? Ngày trước ông ấy cậy Chính tôi báo thù giùm, tôi viện cớ là còn mẹ già; nay mẹ già trăm tuổi, thì Chính tôi đem thân mình cho người tri kỷ dùng chứ”.

Nói rồi đi qua phía Tây, tới Bộc Dương thăm Nghiêm Trọng tử, bảo:

– Trước kia tôi không nhận lời Trọng tử chỉ vì còn mẹ già, nay mẹ già đã mất, thì xin Trọng tử cho tôi biết muốn báo thù kẻ nào đó?

Nghiêm Trọng tử kể lại đầu đuôi, bảo:

– Kẻ thù của tôi là tướng quốc nước Hàn tên là Khôi, Khôi lại là chú vua Hàn (5), tôn thất đã cường thịnh mà lại có vệ binh nghiêm mật, tôi đã sai người ám sát mà không được. Nay may mà túc hạ không bỏ tôi, tôi xin dự bị thêm xe ngựa, tráng sĩ để phụ tá túc hạ.

Chính đáp:

– Hàn và Vệ cách nhau không xa, nay đi giết tướng quốc của Hàn, mà tướng quốc đó lại là người chí thân của vua Hàn, thì

(4) Nghĩa là giận đến nỗi muốn giết nhau.

(5) Tức Liệt hầu.

cái thế không nên đi nhiều người. Đi nhiều người thì không sao trốn về hết được, thế nào cũng có kẻ bị bắt thì việc sẽ tiết lộ, việc tiết lộ thì hết thấy nước Hàn sẽ coi Trọng tử là kẻ thù, như vậy chẳng nguy ư?

Rồi từ chối hết xe ngựa và người tùy tùng, từ biệt Trọng tử, một mình ra đi, vác kiếm mà tới Hàn. Vừa lúc Hàn có hội họp ở Đông Mạnh, vua Hàn và tướng quốc đều ở lại đó; những kẻ cầm binh khí hộ vệ rất đông. Nhiếp Chính tiến thẳng vô, bước lên thêm đâm Hàn Khôi, Hàn Khôi chạy, ôm chầm lấy Ai hầu ⁽⁶⁾, Nhiếp Chính đâm trúng Hàn Khôi, trúng cả Ai hầu; kẻ thị vệ tả hữu náo động lên, Nhiếp Chính hét lớn đâm chết vài chục người, rồi tự rạch mặt, đâm mắt, đâm bụng lòi ruột ra mà chết.

Nước Hàn đem thây Nhiếp Chính phơi ở chợ, treo giải thưởng ngàn vàng cho người nào nhận diện được: thây phơi đã lâu mà không ai nhận diện được. Người chị của Nhiếp Chính hay tin, bảo:

- Em tôi là người hiền, không nên vì tiếc tấm thân của tôi mà làm mai một cái danh của em tôi, em tôi chắc không muốn vậy ⁽⁷⁾.

Rồi qua nước Hàn, nhìn thây Nhiếp Chính, bảo:

- Dững cảm thay! Khí phách hùng vĩ còn hơn cả Bôn, Dục, vượt hẳn Thành Kinh! ⁽⁸⁾ Nay em chết mà không thành danh;

(6) Tức Liệt hầu (theo Hứa Khiếu Thiên).

(7) Ý nói: không muốn danh bị mai một.

(8) (Mạnh) Bôn, (Hạ) Dục và Thành Kinh đều là những dũng sĩ thời cổ. Có sách cho Thành, Kinh là hai người. Theo Hứa Khiếu Thiên thì là một người; không rõ sách nào đúng.

cha mẹ đã mất, anh em trái lại không có ai; thế thì chính là vì chị mà em chết như vậy ⁽⁹⁾. Tiếc cái thân mình mà không dương danh cho em, chị nữ lòng nào mà làm như vậy!

Rồi ôm thây em mà khóc, bảo:

– Người này là em tôi, tên là Nhiếp Chính ở làng Chi, xóm Thâm Tỉnh đây.

Và cũng tự sát ở bên cạnh thây em.

Người các nước Tấn, Sở, Tề, Vệ hay tin đó đều khen:

– Không phải chỉ riêng Chính là có dũng khí, người chị cũng là liệt nữ nữa!

Danh của Nhiếp Chính sử dĩ truyền lại đời sau là nhờ người chị không sợ bị bầm thây làm mất mà dương danh cho em vậy.

(9) Nghĩa là vì chị mà tự huỷ để không ai nhận ra được tên tuổi mình nữa, sợ nhận ra được thì liên lụy tới chị.

Hàn III

1

CÁI LỢI LÀM TRUNG GIAN TRONG CÁC HÒA ƯỚC (Hoặc vị Hàn Công Trọng)

Có người bảo Hàn Công Trọng:

- Trẻ sinh đôi rất giống nhau, chỉ người mẹ mới nhận ra được; cái lợi và cái hại rất giống nhau chỉ bậc trí giả mới phân biệt được. Hiện nay, ở nước ông, cái lợi và cái hại giống nhau y như trẻ sinh đôi giống nhau vậy, nếu theo chính đạo mà hành động thì vua được tôn hiển mà thân ông được an ổn, nếu không theo chính đạo thì vua bị khinh rẻ mà thân ông bị nguy hại. Hiện nay hòa ước giữa Tần và Ngụy sắp thành, nếu ông không kết thúc nó thì Hàn tất sẽ giảng hòa với hai nước đó ⁽¹⁾. Nếu Hàn theo

(1) Vì Hàn ở giữa Tần và Ngụy thân nhau thì Hàn không thể đứng một mình được.

Ngụy mà kết thân với Tần thì thành nước phụ tòng của Ngụy, mà Hàn bị khinh, vua hóa ti tiện. Tần đã thân thiện với Hàn, tất sẽ sai người tín cẩn, sủng ái quan cầm quyền nước Hàn để cho thế lực được trọn vẹn, mà sẽ nguy hại cho ông. Nếu ông cùng với An Thành quân ⁽²⁾ làm chủ hòa ước giữa Tần và Ngụy, việc mà thành thì nhất định là tốt rồi, mà việc không thành cũng là tốt nữa. Hòa ước giữa Tần, Ngụy mà thành và ông lại có công kết thúc nó thì Hàn sẽ thành cửa ngõ của Tần, Ngụy; địa vị của Hàn sẽ quan trọng mà vua Hàn sẽ được tôn hiển. An Thành quân, phía Đông được Ngụy trọng, Phía Tây được Tần quý, như cầm phía mặt tở khoán ⁽³⁾ vì ông mà đòi Tần và Ngụy đền ơn, cắt đất mà phong ông làm chư hầu. Làm cho Hàn, Ngụy được yên chung thân làm tướng quốc, chịu nhún mà phụng sự vua ⁽⁴⁾, như vậy là vua được tôn hiển mà thân ông được an ổn.

Nếu Tần và Ngụy không tin nhau đến cùng, Tần ⁽⁵⁾ giận vì không được Ngụy viện trợ thì tất muốn kết thân với Hàn để tuyệt giao với Ngụy; Ngụy không theo Tần tất tìm cách kết thân với Hàn để đề phòng Tần, thì ông tha hồ “lựa vải mà cắt” ⁽⁶⁾. Vậy Tần và Ngụy giảng hòa với nhau thì hai nước đều tranh nhau chiều chuộng ông; cho nên việc thành thì là tốt rồi mà không thành cũng tốt, xin ông đừng nghi ngờ gì nữa.

(2) Chưa rõ là ai.

(3) Hối xưa mỗi tờ bằng khoán chia làm bên phải và bên trái, đương sự mỗi người giữ một bên. Ở đây ý là cầm chắc về phần mình.

(4) Nghĩa là: uy thế của ông quan trọng hơn vua, ông chịu làm tướng quốc, phụng sự vua là chịu nhún đấy. Có sách chú thích là: vua Hàn phải nhún mình mà phục vụ ông.

(5) Chúng tôi theo Diệp Ngọc Lân. Các bản khác chép Tế là điều, xét ra vô lý.

(6) “Vải” ở đây chỉ Tần và Ngụy. Ý nói: tha hồ mà chế ngự cả Tần lẫn Ngụy.

2

CÓ NGƯỜI KHUYÊN HÀN HỢP VỚI TẦN (Hoặc vị Công Trọng)

Có người báo Công Trọng:

– Có một việc có thể trung với vua, ích cho nước và lợi cho thân, xin ông thi hành đi. Nay các nước trong thiên hạ li tán nhau mà thờ Tần thì địa vị của Hàn sẽ rất nhỏ; các nước kết hợp với nhau mà xa Tần thì cái thế của Hàn sẽ rất yếu; cứ hợp rồi li, li rồi hợp thì tình trạng của Hàn rất nguy và nguy trước nhất; đó là điều lo âu lớn của người làm vua và trị dân.

Nay ông đem Hàn kết hợp trước với Tần, rồi thiên hạ sẽ theo ông; thế là Hàn đem thiên hạ mà thờ Tần, Tần sẽ mang ơn Hàn rất sâu; thành thử Hàn cùng với thiên hạ thờ Tần mà riêng Hàn được nhận cái ơn sâu của Tần. Ông thi hành kết đó thì đối với vua là rất trung.

Nếu thiên hạ không kết hợp với Tần, Tần ra lệnh mà thiên hạ không nghe, thì tất dấy binh để diệt kẻ không phục tùng. Tần kết oán, gây khó với thiên hạ mà lâu không quyết thắng được, trong khi đó Hàn cho binh sĩ, dân chúng nghỉ ngơi để rình kẻ hở⁽¹⁾ của Tần. Ông thi hành kế đó thì đối với nước có ích lớn.

Xưa kia Chu Giảo⁽²⁾ đem Tây Chu kết thân với Tần mà được

(1) Nghĩa là rình lúc này Tần lăm lăm mà đánh Tần.

(2) Một bề tôi của Chu.

phong ở Ngạch Dương ⁽³⁾, Chu Khải ⁽⁴⁾ đem Đông Chu kết thân với Tần mà được phong ở Bình Nguyên ⁽⁵⁾. Nay Hàn quan trọng hơn hai nước Chu biết bao, mà Tần lại cấp bách lợi dụng cơ hội gấp vạn lần thời Chu trước kia, nếu ông đem Hàn kết hợp trước với Tần thì Tần tất phong ông làm chư hầu để tỏ rõ cho thiên hạ thấy. Ông thi hành kế đó thì rất có lợi cho thân ông. Xin ông gắng sức làm việc ấy đi.

3

TÔ TẦN BIỆN HỘ CHO HÀN (Hàn nhân công Tống)

Hàn đánh Tống, vua Tần (Chiêu vương) cả giận, bảo:

– Ta yêu nước Tống ngang với Tân Thành, Dương Tần, Hàn Mân giao hảo với ta mà lại đánh nước ta rất yếu, là tại sao?

Tô Tần vì Hàn bảo vua Tần:

– Hàn Mâu đánh Tống là vì Đại Vương đấy. Mạnh như Hàn mà có thêm nước Tống thì Sở, Ngụy tất sợ; sợ tất hướng về phía Tây mà thờ Tần, thế là Đại Vương chẳng phải gãy một mũi tên, mất một người lính, ngồi không mà được đất An Ấp, Hàn Mân cầu phúc cho Tần là nghĩa vậy.

(3) Tên đất, hiện nay thuộc tỉnh Sơn Tây.

(4) Một bé tôi của Đông Chu.

(5) Tên đất ở nước Triệu, nay thuộc tỉnh Sơn Đông.

Vua Tần hỏi:

– Ta vẫn lo khó dò được lòng Hàn, lúc liên hoành, lúc hợp tung, thế là nghĩa làm sao?

Đáp:

– Xem tình hình thiên hạ thì vẫn có thể biết được lòng Hàn. Vì Hàn đã đánh Tống rồi thì tất phải quay mặt về phía Tây mà thờ Tần, để dựa, để dựa vào một nước vạn thặng ⁽¹⁾, không quay mặt về phía Tây mà thờ Tần thì dù chiếm được Tống cũng không yên. Các kẻ sĩ bạc đầu ở Trung Quốc đi ngao du khắp nơi, đều vắt óc tính chuyện li tán Tần và Hàn; những kẻ đánh xe ⁽²⁾ rong ruổi qua phía Tây, chưa thấy có người nào nói tốt cho Hàn, còn những kẻ đánh xe rong ruổi qua phía Đông thì chưa thấy có người nào nói tốt cho Tần cả. Họ không muốn cho Tần và Hàn kết hợp với nhau tại sao? Tại họ cho là Tấn, Sở mới khôn mà Hàn, Tần là dại. Tấn, Sở mà kết hợp với nhau thì tất dòm ngó Hàn, Tần; Hàn, Tần mà kết hợp với nhau thì tất mưu đánh Tấn, Sở, xin Đại Vương quyết định lấy.

Vua Tần bảo: “Phải”.

(1) Chi Tấn.

(2) Nguyên văn là những kẻ buộc ngựa (hay bò) vào cây ngang, vào cái ách ở phía trước xe.

4

LÀM SAO CỨU ĐƯỢC SƠN ĐÔNG?

(Hoặc vị Hàn vương)

Có kẻ bảo vua Hàn:

– Vua Tần muốn xuất quân đánh Lương và muốn đánh ấp Giáng An ⁽¹⁾, Hàn tính sao bây giờ? Tần muốn đánh Hàn để dòm ngó nhà Chu ở phía Đông, họ muốn quá lắm rồi, chỉ lúc ngủ mới quên thôi. Nay Hàn không xét mà muốn kết thân với Tần thì tất gây họa lớn cho Sơn Đông. Tần muốn đánh Lương là tính chiếm được Lương rồi thì xâm lăng Hàn; sợ Lương không chịu nên làm hại Lương để bắt Lương kết giao thân thiết với mình ⁽²⁾. Đại Vương không xét lẽ đó mà muốn trung lập, Lương tất giận Hàn không giúp mình và sẽ uốn mình để cho Tần sai bảo; và lúc đó Hàn tất bị chiếm, xin Đại Vương tính kỹ cho.

Không bằng gấp sai một viên sứ quan trọng qua Triệu, Lương kết ước với nhau, lại làm anh em, khiến cho các nước ở Sơn Đông đều đem binh tinh nhuệ lại đóng giữ biên cương phía Tây của Hàn, Lương ⁽³⁾, không vậy thì không thể cứu Sơn Đông được, đó là cái kế vạn đời đấy. Tần muốn thôn tính thiên hạ để làm chủ cả thiên hạ khác với các vua đời xưa ⁽⁴⁾: thờ nó dù có

(1) Tên đất, nay thuộc tỉnh Sơn Đông.

(2) Ý muốn nói: Tần đem binh đánh Lương để Lương phục tùng mình, bảo sao cũng phải nghe.

(3) Tức chỗ giáp ranh với Tần.

(4) Ý nói Tần tàn bạo, không dùng nhân nghĩa như các vị thiên tử đầu đời Chu.

như con thờ cha thì nó cũng diệt; hành động dù có như Bá Di thì nó cũng diệt, hoặc dù có như Kiệt, Trụ thì nó cũng diệt. Khéo thờ nó thì cũng vô ích, không thể nhờ vậy mà tự bảo tồn được đâu, mà chính là khiến cho mình càng mau chết thôi. Vậy các nước ở Sơn Đông không biết hợp tung, kết thân với nhau thành như một khối cứng thì tất sẽ đều bị diệt vong hết.

5

MUỐN DỰNG NGHIỆP BÁ THÌ NÊN SỚM THỜ TÂN

(Vị Trịnh vương)

Có người bảo vua Trịnh: ⁽¹⁾

- Chiêu Li hầu ⁽²⁾ là minh quân trong một đời, Thân Bất Hại ⁽³⁾ là hiền sĩ trong một đời. Hàn và Ngụy là hai nước ngang hàng nhau, mà Thân Bất Hại cùng với Chiêu Li hầu cầm ngọc khuê lại yết kiến vua Lương ⁽⁴⁾, không phải là thích sự ti tiện mà ghét sự tôn quý, cũng không phải là vụng suy mà tính lầm.

(1) Tức vua Hàn vì Trịnh lúc này đã bị Hàn diệt rồi.

(2) Tức Hàn Chiêu hầu.

(3) Thân Bất Hại là tổ của bọn Pháp gia, tức bọn chính trị gia chủ trương dùng hình pháp để trị dân, trái với bọn nho gia chủ trương dùng nhân nghĩa để trị dân; Thân làm tướng quốc cho Hàn Chiêu hầu, giúp Hàn trở nên mạnh.

(4) Tức Lương Huệ vương. Hối đó để vương phong chư hầu thì cấp cho một viên ngọc khuê để làm bằng; khi chư hầu tới triều kiến đế vương thì cầm viên ngọc đó. Vậy là Chiêu Li hầu chịu cúi mình thần phục vua Ngụy (tức Lương)

Thân Bất Hại mưu tính như vậy: “Ta cầm ngọc khuê yết kiến vua Ngụy, vua Ngụy tất tự đắc rằng Hàn phải thần phục mình tất sẽ miệt thị thiên hạ, thế là nguy cho Ngụy vì chư hầu ghét Ngụy tất sẽ thờ Hàn, mà ta chịu khuất thân ở dưới một người để được duỗi mình ở trên vạn người. Làm cho binh lực của Ngụy suy nhược đi và làm cho quyền thế của Hàn mạnh lớn lên, thì không làm cho quyền thế của Hàn mạnh lớn lên, thì không gì bằng triều phục Ngụy.

Chiêu Li hầu thi hành kế đó, quả là một vị minh quân; Thân Bất Hại mưu tính việc nước mà bày kế đó ra, quả là một kẻ trung thần. Nước Hàn ngày nay yếu hơn nước Hàn hồi đầu mà nước Tần ngày nay mạnh hơn nước Tần hồi đầu; Tần có cái lòng của vua Lương (tức Ngụy) ⁽⁵⁾ mà Đại Vương cùng các quan không tính việc tôn Tần để cho Hàn được yên ổn, tôi trộm nghĩ rằng Đại Vương hành động không sáng suốt bằng Chiêu Li hầu, mà các bề tôi của Đại Vương trung không bằng Thân Bất Hại ⁽⁶⁾ (...)

Trong cuộc hội nghị ở Đông Mạnh, Nhiếp Chính và Dương Kiên ⁽⁷⁾ đâm chết tướng quốc và đâm nhằm cả vua Hàn. Hứa Di

(5) Nghĩ là muốn được nước khác phục mình.

(6) Bài này với bài sau, theo bản Diệp Ngọc Lân (Quảng Ích thư cục) gom lại làm một, mà theo bản Cao Dụ (Thương vụ ấn Thư quán) và bản Hứa Khiếu Thiên (Tân lục thư cục) chép rời làm hai. bài sau bắt đầu từ câu: “Trong hội nghị ở Đông Mạnh...”.

Chúng tôi càng tách rời làm hai, nhưng theo một cách khác: tách một đoạn ở giữa ra - tức ở chỗ có đánh dấu này (...) - Cho vào bài sau vì nội dung của nó khác hẳn nội dung hai đoạn trên nó và dưới nó. (Đại ý trong đoạn giữa đó là: có hai cách tấn công; còn đại ý hai đoạn đầu và cuối là khuyên nên sớm thờ Tần).

(7) Dương Kiên là người giúp Nhiếp Chính để giết Hàn Khôi (coi bài Vệ II, 18). Có sách chép là Dương Thụ vì chữ Thụ hơi giống chữ kiên.

ngầm đá Hàn Ai hầu, có ý khuyên Ai hầu giả đồ chết, nhờ vậy Ai hầu thoát nạn. Được lập làm Trịnh quân ⁽⁸⁾ và được dân Hàn đều tuân lệnh thì Hứa Dị là người đầu tiên. Ai hầu làm vua mà Hứa Dị suốt đời làm tướng quốc, dân Hàn tôn trọng Hứa Dị cũng bằng tôn trọng Ai hầu. Hiện nay ta không có cái thể làm được như Trịnh quân (tức Hứa Dị) nhưng vẫn còn có thể suốt đời được làm tướng quốc ở Hàn, vậy mà ta không làm, há chẳng là tính lười ư ⁽⁹⁾.

Xưa Tể Hoàn công chín lần họp chư hầu ⁽¹⁰⁾ mà chưa hề không theo lệnh Chu Tương vương; vậy thì tuy tôn trọng Chu Tương vương mà đã dựng được nghiệp bá. Chư hầu chín lần hội họp ⁽¹¹⁾ tôn Hoàn công cũng như tôn Tương vương vậy. Ngày nay không thể làm được thiên tử, nhưng còn làm được như Hoàn công, mà ta không làm như Hoàn công, thì há không phải là tính lười, không biết cái gì là tôn quý ư?

Nhân sĩ nước Hàn được vài chục vạn, đều tôn thờ Ai hầu làm vua, mà riêng Hứa Dị được giữ chức tướng quốc, nguyên do có gì lạ đâu; các vua chư hầu đều làm quan cho nhà Chu mà riêng Hoàn công được làm bá chủ, nguyên do cũng không có gì khác. Hiện nay cường quốc (tức Tần) muốn có cái uy thế đế vương, nếu ta đem nước qui phục cường quốc đó trước hết thì có khác gì Hoàn công, Hứa Dị, như vậy chẳng là khéo tính ư?

(8) Kinh đô của Hàn ở nước Trịnh (lúc đó Hàn đã chiếm được Trịnh), cho nên gọi Hàn là Trịnh.

(9) Ý nói, ta nên noi gương Hứa Dị giúp một cường quốc để hệ cường quốc đó thành công thì ta được hưởng tước lộc của cường quốc đó mãi mãi.

(10) Xem chú thích các trang bên.

(11) Xem chú thích các trang bên.

Là nước đầu tiên giúp cường quốc, ta được cái lợi là nếu cường quốc lập được vương nghiệp thì ta tất sẽ làm bá; nếu cường quốc không lập được vương nghiệp thì ta cũng tránh được họa binh đao vì nước đó sẽ không đánh ta. Vậy cường quốc mà thành công thì ta tôn nước đó làm đế mà ta xưng là bá; cường quốc mà không thành công thì sẽ mang ơn ta rất sâu. Kết thân với cường quốc, cường quốc mưu việc mà thành thì ta có lợi, chẳng thành thì ta cũng khỏi lo. Vậy thì nước nào đầu tiên giúp cường quốc là biết cái kế hoạch của thánh nhân đấy.

6

HAI CÁCH TẤN CÔNG

(Tích giả, Tần Mục công nhất thống ư Hán Nguyên)

(Có người bảo vua Trịnh): ⁽¹⁾

Xưa kia Tần Mục công một lần thắng ở Hàn Nguyên ⁽²⁾; mà xưng bá ở Tây Châu ⁽³⁾ Tấn Văn công một lần thắng ở Thành Bộc mà an định được thiên hạ; như vậy là một lần thắng mà lập được pháp lệnh tôn nghiêm, gây được công danh sự nghiệp. Nay Tần đã mấy đời cường thịnh, đại thắng

(1) Vì bài này là đoạn giữa của bài trước tách rời ra - coi chú thích (2) trang 430 - nên chúng tôi thêm năm chữ: "Có người bảo vua Trịnh" này.

(2) Hàn Nguyên nay thuộc tỉnh Sơn Tây.

(3) Tây Châu tức Tây Nhung, chỉ các rợ ở phía Tây.

các nước khác cả ngàn lần, tiểu thắng cả trăm lần, lớn thì không thành vương nghiệp mà nhỏ cũng không thành bá nghiệp, cái danh vị tôn nghiêm không lập nên được, cái chế độ pháp lệnh không thi hành được. Nhưng mà thời Xuân Thu dùng binh không phải là để cho vua được tôn nghiêm, thành danh trong thiên hạ ⁽⁴⁾.

Xưa kia tiên vương đánh đâu thì hoặc là danh hoặc là thực. Vì danh thì tấn công cái lòng của địch (bắt phải hàn phục thôi); vì thực thì tấn công về hình thể (để chiếm của địch).

Xưa kia Ngô và Việt đánh nhau, Việt đại bại, còn giữ được phía trên miền Cối Kê, người Ngô vô nước Việt, vớ về dân Việt, vua Việt (Câu Tiễn) sai quan đại phu là Chung xin đầu hàng Ngô, đàn ông thì làm nô bộc cho Ngô, đàn bà thì làm tì thiếp cho Ngô, vua Việt thân hành cầm lễ vật mà theo sau kẻ tùy tùng vua Ngô (Phù Sai). Ngô bằng lòng giảng hòa với Việt mà không bắt kết ước ăn thề, như vậy là tấn công cái lòng của địch.

Sau Việt đánh nhau với Ngô, Ngô đại bại, cũng xin đàn ông thì làm nô bộc cho Việt, đàn bà thì phải làm tì thiếp cho Việt, dùng lại cái lễ trước kia Việt thờ Ngô để đem thờ Việt. Việt không chịu, rồi diệt nước Ngô, cầm tù vua Ngô là Phù Sai, như vậy là tấn công về hình thể.

(4) Nguyên văn : Xuân Thu dụng binh giả. Chúng tôi theo Diệp Ngọc Lân dịch là: thời Xuân Thu dùng binh... Hứa Khiếu Thiên cho chữ xuân thu đó nghĩa là mùa xuân, mùa thu, tức: mỗi năm dùng binh...

Đoạn này nghĩa tốt, chúng tôi không nhân ra được mạch văn ra sao.

Nay Đại vương tính tấn công⁽⁵⁾ về lòng ư? Thì nên làm như Ngô. Tính tấn công về hình thể ư? Thì nên làm như Việt. Tấn công về hình thể không làm như Việt mà tấn công về lòng lại cũng không làm như Ngô, mà vua tôi, trên dưới, già trẻ, sang hèn đều hô lớn là muốn lập sự nghiệp bá vương thì tôi trộm nghĩ rằng không khác chi kẻ ở đáy giếng mà bảo: “Tôi đi kiếm lửa cho ông đây”.

23

KHÔNG BIẾT DÙNG SỞ TRƯỜNG

(Đoàn Can Việt Nhân vị Tân Thành quân)

Đoàn Can Việt Nhân⁽¹⁾ bảo Tân Thành quân⁽²⁾:

- Học trò của Trương Lương đánh xe mà dùng ngựa thiên lí, gặp học trò của Tháo Phủ. Học trò của Tháo Phủ bảo: “Ngựa đó không phải là ngựa thiên lí”. Học trò của Vương Lương bảo: “Ngựa đó là ngựa thiên lí, hai con ở giữa cũng là ngựa thiên lí, không chạy được ngàn dặm, là tại sao?” Đáp: “Là vì không biết dùng sở trường của ngựa”. Không biết dùng cái sở trường vào việc, dù chỉ là một phần trong vạn phần, cũng khó mà đi được ngàn dặm; nay tôi bất tiểu cũng là một phần trong vạn phần của nước Tần, mà tướng quốc không cởi mở những chương ngại cho tôi tức không biết dùng chỗ sở trường của tôi vậy.

(1) Không rõ lúc đó Trịnh tính tấn công nước nào.

(1) Đoàn Can Việt Nhân là nước người Ngụy, lúc đó ở tại nước Tấn. Đoàn Can là họ, Việt Nhân là tên.

(2) Tân Thành quân tức Hoa Dương quân là người thân tin của Tuyên Thái hậu nước Tấn.

CHƯƠNG VIII

Yên sách

Tổ tiên vua Yên họ Ki, đời Chu được phong tước Bá, thành nước chư hầu, đô ở đất Tô, nay thuộc tỉnh Hà Bắc. Truyền ngôi được chín trăm năm, sau bị Tần diệt.

Yên I

1

TÔ TẦN THUYẾT VUA YÊN THEO HỢP TUNG (Tô Tần tương vi Tung)

Tô Tần muốn hợp tung các chư hầu, lên phía Bắc thuyết vua Yên Văn hầu:

– Nước Yên phía Đông có Triều Tiên, Liêu Đông ⁽¹⁾, phía Bắc có Lâm Hồ, Lâu Phiến ⁽²⁾, phía Tây có Vân Trung, Cửu Nguyên, phía Nam có Hô Đà, Dịch Thủy ⁽³⁾, đất vuông trên hai trăm dặm, quân lính được vài chục vạn, binh xa được bảy trăm cỗ, chiến mã được sáu ngàn con, lúa thóc đủ chi dùng trong mười năm. Phía Nam có kệ thạch, Nhạn Môn ⁽⁴⁾ phì nhiêu, phía Bắc sản xuất táo và lật ⁽⁵⁾, nhân dân tuy không cày ruộng mà trồng táo và lật cũng đủ ăn, như vậy gọi là cái kho của Trời.

(1) Triều Tiên tức Cao Ly (Hàn Quốc) ngày nay, Liêu Đông đây là miền đông sông Liên Hà, nay thuộc Phụng Thiện, Liêu Thẩm. Liêu Hà ở trên biên giới của Triều Tiên thời đó.

(2) Lâm Hồ và Lâu Phiến là những nước nhỏ ở phương Bắc thời đó.

(3) Dịch Thủy có ba nguồn, gọi là Trung Dịch, Nam Dịch, Bắc Dịch. Nam Dịch chảy vào Đông Hải.

(4) Kệ Thạch là tên núi, nay ở Trực Lệ.

Nhạn Môn cũng là tên núi, nay ở Sơn Tây.

(5) Lật là một loại cây, trái lớn mà có gai, ăn được.

Cái cảnh quốc gia an lạc khỏi phải lo lắng thấy quân bị diệt, tướng bị giết, không đâu hơn nước Yên. Đại Vương hiểu tại sao được vậy không? Yên sở dĩ không bị giặc cướp xâm phạm, là nhờ có Triệu che chở ở phía Nam. Tần và Triệu đánh nhau năm lần, Tần thắng hai lần, Triệu thắng ba lần; Tần và Triệu đều mệt mỏi, khốn đốn mà Đại Vương dùng toàn lực của Yên khống chế họ ở phía sau, Yên không bị xâm phạm, nguyên do ở đó. Và lại Tần muốn đánh Yên thì phải vượt Văn Trung, Cửu Nguyên, qua miền Đại và Thượng Cốc, toàn là những đất xa xôi, đi liên tiếp mấy ngàn dặm, dù có chiếm được thành của Yên thì Tần cũng không có cách nào giữ được. Vậy Tần không thể hại Yên được lẽ ấy cũng đã rõ. (Trái lại, nếu) nay Triệu đánh Yên, lệnh xuất quân ban bố rồi thì không đầy mười ngày sau vài chục vạn quân đã tới Đông Viên, qua Hồ Đà và sông Dịch rồi thì không đầy bốn năm ngày sau đã tới sát kinh đô của Yên; Cho nên tôi bảo rằng Tần mà đánh Yên thì chiến trường ở ngoài ngàn dặm, còn Triệu mà đánh Yên thì chiến trường ở trong trăm dặm. Không lo cái họa ở trong trăm dặm mà coi nặng cái họa ở ngoài ngàn dặm, không còn gì lắm lớn hơn thế nữa. Cho nên tôi xin Đại Vương hợp tung, kết thân với Triệu để xin các nước trong thiên hạ hợp nhất, như vậy nước Yên tất không khỏi lo lắng gì cả.

Vua Yên bảo:

– Nước của quả nhân nhỏ, phía Tây bị cường Tần áp bách ⁽⁶⁾, phía Nam giáp Tề và Triệu, hai nước này đều là cường quốc. Nay chủ quân ⁽⁷⁾ vui vẻ chỉ giáo cho chính sách hợp tung để nước được an, quả nhân xin đem nước Yên để hợp tung.

Rồi tặng Tô Tần xe ngựa, vàng lụa để Tô Tần về Triệu.

(6) Phía Tây, Yên giáp Triệu và Trung Sơn chứ đâu có giáp Tần.

(7) Chỉ Tô Tần.

4

TÔ TẦN THUYẾT VUA TÊ TRẢ
MƯỜI THÀNH CHO YÊN

(Yên Văn công thời)

Thời Yên Văn công, Tần Huệ vương gả con gái cho thái tử Yên; Khi Văn công mất, thái tử lên ngôi, tức Dịch vương. Tề Tuyên vương thừa lúc Yên có tang mà tấn công, chiếm được mười thành của Yên. Vũ An quân là Tô Tần vì Yên mà yết kiến Tề Tuyên vương, lạy hai lạy chúc mừng rồi đứng dậy điếu.

Tề Tuyên vương chống cây qua ⁽¹⁾, cho Tô Tần lui ra rồi hỏi:

– Tại sao mới chúc mừng xong rồi lại điếu mau như vậy?

Đáp:

– Người ta tuy đói cũng không ăn củ ô-chác ⁽²⁾ là vì tuy tạm đỡ đói lòng, nhưng rồi bị độc mà cũng chết thôi. Nay Yên tuy nhược tiểu nhưng vua Yên là con rể cường Tần. Đại Vương tham cái lợi được mười thành của Yên mà gây thâm thù với cường Tần. Nếu nay nước Yên nhược tiểu tiến quân thành hàng mà cường Tần lại giúp sức ở phía sau, đem hết cả tinh binh trong thiên hạ tấn công Tề, thì Đại Vương có khác gì ăn của Ô-chác đâu.

Tề Tuyên vương hỏi:

(1) Một thứ binh khí.

(2) Ô-chác là một thứ độc dược, củ giống mỏ con quạ. Theo sách Quảng nhĩ thì nó là thứ phụ - tử còn non, mới được một năm; già ba năm thì gọi là phụ - tử, bốn năm thì gọi là ô - đầu, năm năm thì gọi là thiên - hùng.

– Vậy thì phải làm sao?

Đáp:

– Thánh nhân hành động có thể chuyển họa thành phúc, do thất bại mà thành công. Cho nên Tề Hoàn công vì một người đàn bà mà danh càng được tôn quý ⁽³⁾; Hàn Hiến tử đắc tội mà địa vị càng vững vàng ⁽³⁾, hai vị đó đều là chuyển họa thành phúc, do thất bại mà thành công. Nếu Đại Vương nghe kế của tôi thì nên trả lại mười thành cho Yên rồi nhún mình tạ lỗi với Tần. Tần biết rằng Đại Vương nể Tần mà trả lại thành cho Yên, tất cảm kích Đại Vương; mà Yên khi không lấy lại được mười thành, tất cũng cảm kích Đại Vương. Như vậy là cởi được cái oán của cường Tần mà gây được tình thâm giao. Vả lại Yên và Tần đều thờ Tề thì hiệu lệnh của Đại Vương ban ra, khắp thiên hạ đều nghe, thế là Đại Vương chỉ dùng lời suông mà làm cho Tần qui phục; bỏ mười thành để chiếm được thiên hạ, sự nghiệp đó là sự nghiệp bá vương. Như vậy là chuyển họa thành phúc, do thất bại mà thành công.

Vua Tề rất mừng, bèn trả lại mười thành cho Yên, lại dâng ngàn cân vàng để tạ tội, dập đầu trong đám đất cát tình nguyện làm nước anh em với Yên, lại còn tạ tội với Tần nữa.

(3) Tề Hoàn công có một nàng cung phi tên là Thái Cơ, một hôm ngồi thuyền coi hoa với Thái Cơ, Thái Cơ lắc thuyền, Hoàn Công sợ, bảo thôi đi, Thái Cơ không nghe, Hoàn công nổi giận đuổi nàng về nước Thái chứ chưa đoạn tuyệt hẳn. Người nước Thái đem Thái Cơ gả cho người khác, Hoàn Công bèn đem quân chư hầu đánh Thái, chiếm được Thái rồi luôn tiện đánh luôn cả Sở và làm minh chủ các nước chư hầu, dựng nên nghiệp bá.

(3) Triệu Tuyên tử tiến cử Hàn Hiến tử qua làm quan tư mã cho Linh công. Trong vụ ở Hà khúc, Hàn Hiến tử bắt và giết một tên đánh xe của Triệu Mạnh, ai cũng cho rằng như vậy là đắc tội với vua Triệu; nhưng vua Triệu đã không oán, lại còn mời về Triệu và trọng đãi thêm vì biết Hàn Hiến tử là người tốt, có tư cách làm vua nước Tấn sau này được.

5

TÔ TẦN BIỆN HỘ

(Hữu nhân Ớ Tô Tần ư Yên vương giả)

Có người gièm pha Tô Tần với vua Yên (Dịch vương):

- Vũ An quân ⁽¹⁾ là người bất tín trong thiên hạ. Đại Vương làm vua một nước vạn thặng mà tự hạ mình với ông ta, suy tôn ông ta ở triều đình, tỏ cho thiên hạ thấy mình cùng bọn với tiểu nhân!

Vũ An quân từ Tề về mà vua Yên không cho sửa soạn quán xá. Tô Tần bảo vua Yên:

- Tôi là kẻ thô bỉ ở Đông Chu, lúc mới gặp túc hạ ⁽²⁾ thì chưa có chút công lao nào cả, mà túc hạ ra ngoài thành để đón, hiển dương tôi ở triều đình. Nay tôi vì túc hạ đi sứ (qua Tề), làm lợi cho túc hạ được mười thành, có công bảo tồn nước Yên cho khỏi bị nguy vong; mà túc hạ ngược lại không tin tôi, thì chắc là có kẻ bảo tôi là bất tín, gièm pha tôi với Đại Vương. Tôi mà bất tín là cái phúc của túc hạ đấy. Giả sử tôi mà tín nghĩa như Vĩ Sinh, liêm khiết như Bá Di, hiếu thuận như Tăng Sâm, có đủ cái đức hạnh cao đẹp của ba vị đó trong thiên hạ mà phụng sự túc hạ thì phỏng có được không?

Vua Yên đáp:

(1) Vũ An quân là tước phong của Tô Tấn.

(2) Thời đó, bề tôi gọi vua là túc hạ, thời sau mới gọi là bệ hạ.

- Được chứ.

Tô Tần nói:

- Có đức hạnh như vậy thì tôi đâu có phụng sự túc hạ!

Tô Tần nói thêm:

- Và lại, hiếu thuận như Tăng Sâm, không đêm nào rời cha mẹ mà ngủ ở nhà khác, thì túc hạ làm sao sai ông ấy đi sứ qua Tề được? Liêm khiết như Bá Di, không bao giờ ăn không ⁽³⁾, chê Chu Võ vương là bất nghĩa mà không chịu làm bề tôi, từ bỏ ngôi vua Cô Trúc, chịu chết đói ở núi Thú Dương ⁽⁴⁾; liêm khiết như vậy thì có chịu đi bộ mấy ngàn dặm lại đây mà thờ ông vua nguy vong của một nước nhược tiểu là nước Yên không? Tín nghĩa như Vĩ Sinh, hẹn với một người con gái ở dưới chân cầu, người con gái không tới mà cứ ôm chân cầu chịu chết, tín nghĩa như vậy thì có chịu tới nước Tề để khoe khoang uy lực của Yên, Tần ⁽⁵⁾ mà lập được công lớn không?

Vả lại kẻ tín thực là kẻ vì mình, chứ không phải vì người; đó là cái thuật tự che chở cho mình (giữ lo để khỏi bị trách) không phải là cái đạo tiến thủ. Tam vương thay nhau hưng khởi, ngũ

(3) Nghĩa là không làm mà ăn.

(4) Bá Di (và Thúc Tế) là con vua Cô Trúc (tên một nước thời cổ, nay thuộc tỉnh Trực Lệ). Bá Di là anh, Thúc Tế là em. Người cha dặn khi mất thì truyền ngôi lại cho Thúc Tế. Thúc Tế không chịu nhận ngôi, nhường lại cho anh; Bá Di cũng không chịu, bảo phải tuân di chúc của cha; rồi cả hai cùng bỏ nước Cô Trúc mà đi, người Cô Trúc phải lập người con giữa làm vua. Khi Võ Vương phạt Trụ, Bá Di và Thúc Tế can, Võ vương không nghe. Khi Võ vương thay Trụ lên ngôi, Bá Di và Thúc Tế chê Võ vương là bất trung, bất hiếu (vì cha mới chết mà đã dấy binh), không thêm ăn thóc của nhà Chu, lên ẩn trên núi Thú Dương, hái rau vi mà sống. Sau có người chê rằng không ăn thóc nhà Chu mà lại ăn rau nhà Chu; Bá Di và Thúc Tế nghe lời trách đó, nhịn đói mà chết. Núi Thú Dương nay thuộc tỉnh Sơn Tây.

(5) Crump theo Tử bộ tuần san, bỏ chữ Tần này.

bá tiếp nhau cường thịnh, đều không dùng cái thuật tự che chở. Đại Vương cho rằng tự che chở là được chăng? Nếu vậy thì Tề không tiến được tới Doanh Khâu⁽⁶⁾, túc hạ không vượt được cõi nước Sở⁽⁷⁾, không dòm ngó được phía ngoài những thành ở biên giới.

Vả lại tôi còn mẹ già ở Chu mà lại đây phụng sự túc hạ, như vậy là bỏ cái thuật che chở cho mình mà tính cái đạo tiến thủ; mục đích của tôi không hợp với mục đích của túc hạ, túc hạ là một ông vua theo cái thuật tự che chở, còn tôi là kẻ bề tôi theo cái đạo tiến thủ, vậy là vì trung tín mà đắc tội với vua.

Vua Yên hỏi:

– Trung tín sao mà lại đắc tội?

Tô Tần đáp:

– Túc hạ không biết đấy. Hàng xóm của tôi có một người đi làm quan ở xa, người vợ cả ở nhà tư thông với kẻ khác. Khi người chồng sắp về, nhân tình của người vợ lo, người vợ bảo: “Anh đừng lo, em đã chế một thứ rượu độc để sẵn cho hấn rồi”. Hai ngày sau người chồng về, người vợ cả sai người vợ bé bung chén rượu dâng cho chồng. Người vợ bé biết là có thuốc độc, dâng cho chồng thì là giết chồng, mà nếu cho chồng hay thì người vợ cả sẽ bị đuổi, bèn cố ý trượt chân té, rượu đổ hết. Người chồng cả giận, lấy roi quất người vợ bé. Vậy người vợ bé cố ý té đánh đổ rượu, công lớn thì đã cứu sống được cho chồng,

(6) Nay thuộc tỉnh Sơn Đông, huyện Lâm Tri.

(7) Crump theo Hoàn Diễn Duy Hiếu, bỏ chữ Sở này, và dịch là: túc hạ không vượt khỏi bờ cõi (Yên). Có lý.

nhỏ thì làm cho người vợ cả khỏi bị đuổi, trung thành đến vậy mà không tránh được đòn, rõ là trung tín mà bị tội vậy. Cảnh của tôi chẳng may cũng giống cảnh người vợ bé cố ý đánh đổ rượu đó. Tôi phụng sự túc hạ, đề cao danh nghĩa túc hạ mà làm lợi cho quốc gia, nay bị tội, thì tôi e rằng sau này những người trong thiên hạ phụng sự túc hạ, không ai dám hết lòng như tôi nữa.

Vả lại tôi qua Tể du thuyết, không hề dùng thủ đoạn dối trá, người sau qua du thuyết Tể mà không dùng lời lẽ của tôi, thì dù họ sáng suốt Như Nghiêu, Thuấn, Tể cũng không nghe.

6

TRƯƠNG NGHI THUYẾT VUA YÊN THEO LIÊN HOÀNH

(Trương Nghi vị Tần phá tung)

Trương Nghi vì Tần mà phá thế hợp tung, lập thế liên hoành, bảo vua Yên (Chiêu vương):

– Không nước nào thân với Đại Vương bằng nước Triệu xưa, vua Triệu (Tương tử) đem chị gả cho vua Đại, muốn thôn tính Đại, hẹn với vua Đại họp nhau ở một nơi hiểm yếu núi Câu chú, rồi sai người chế tạo một cái đấu bằng kim khí, cán rất dài, để có thể cầm mà đập người khác được. Vua Triệu cùng uống rượu với vua Đại, ngầm bảo người làm bếp: “Đợi lúc rượu đang vui, thì dâng lên món canh nóng rồi quay đấu lại, đập chết hẳn đi”. Thế là trong lúc uống rượu đang vui, dâng canh nóng lên, người bếp múc canh nóng rồi thình lình quay đấu lại,

đập bể đầu vua Đại, óc vấy đầy đất. Chì vua Triệu hay tin đó, mài một chiếc trâm nhọn tính tự đâm chết mình; vì vậy mà nay còn núi Ma Kê (mài trâm): việc đó không ai không biết. Vua tham tàn, không thân với ai, Đại Vương sáng suốt đã biết rồi mà còn có thể thân với vua Triệu được không? Triệu dấy binh đánh Yên, hai lần vây kinh đô Yên, áp bách Đại Vương, Đại Vương phải cắt mười thành tạ tội với Triệu, Triệu mới lui binh. Nay vua Triệu (Vũ Linh vương) đã vô Thành Trì triều phục Tần, đem đất Hà Gian dâng Tần; Đại Vương mà không thờ Tần, Tần đem quân tới Vân Trung, Cửu Nguyên, đuổi Triệu, đánh Yên; như vậy thì Dịch Thủy và Trường Thành sẽ không còn là đất của Đại Vương nữa. Lại thêm hiện nay Triệu đối với Tần chỉ như một quận, huyện của Tần, không dám làm càn dấy binh đánh nước khác; nếu Đại Vương thờ Tần thì vua Tần (Huệ vương) tất vui mà Triệu không dám vọng động. Như vậy ở phía Tây được cường Tần viện trợ, phía Nam khỏi phải lo vì Tề, Triệu, xin Đại Vương tính kỹ đi.

Vua Yên đáp:

– Nước quả nhân là nước man di ở nơi hẻo lánh, dân thì tuy là đàn ông lớn mà chỉ như con nít: lời nói của họ không đủ làm phép tắc, mưu kế của họ không đủ để quyết đoán sự thế. Nay may được quý khách ⁽¹⁾ dạy bảo cho, quả nhân xin đem xā tắc hướng về phía Tây mà thờ Tần.

Rồi dâng Tần năm thành ở phía đuôi núi Thường Sơn ⁽²⁾.

(1) Nguyên văn: đại khách, chỉ Trương Nghi.

(2) Câu cuối cùng này có bản coi là lời của vua Yên mà cho đi liền với câu trên.

9

VUA YÊN NHƯỜNG NGÔI CHO TỬ CHI

(Yên vương Khoái tức vị)

Vua Yên là Khoái ⁽¹⁾ tức vị, Tô Tần đã bị đâm chết ở Tề. Hồi Tô Tần ở nước Yên, kết thân ⁽²⁾ với tướng quốc của nước Yên là Tử Chi, Tô Đại giao du với Tử Chi. Khi Tô Tần chết, Tề Tuyên vương lại dùng Tô Đại. Năm thứ ba triều đại Yên Khoái, Yên cùng với Sở, Triệu, Hàn, Ngụy đánh Tần, không thắng được rồi về, lúc đó Tử Chi là tướng quốc nước Yên, quyền rất cao, quyết đoán mọi việc. Tô Đại vì Tề đi sứ qua Yên ⁽³⁾, vua Yên hỏi:

– Tề Tuyên vương là người ra sao?

Đáp:

– Không dựng nghiệp bá được.

– Tại sao?

– Vì không tín nhiệm bề tôi.

Tô Đại đáp như vậy là muốn kích phát vua Yên để Yên trọng nhiệm Tử Chi. Tử Chi Tặng Tô Đại trăm nén vàng để tiêu dùng.

Lộc Mao Thọ ⁽⁴⁾ báo vua Yên:

(1) Khoái là con của Dịch vương.

(2) Kết thân với nhau là một bên hoặc làm thông gia hoặc làm rể, làm dâu của bên kia.

(3) Tô Đại vì Tề mà đi sứ qua Yên: tướng quốc nước Yên là Tử Chi sai Tô Đại qua Tề hầu hạ thái tử Yên đương làm con tin ở Tề. Và thái tử sai Tô Đại về Yên báo tin cho vua cha.

(4) Cũng gọi là Thố Mao Thọ hoặc Phan Thọ.

- Nên đem nước nhường Tử Chi đi. Người ta khen vua Nghiêu là hiền vì đã nhường thiên hạ cho Hứa Do, tất nhiên là Do không nhận, như vậy được cái danh là đã nhường thiên hạ cho người khác mà thực sự không mất thiên hạ. Nay Đại Vương đem nước nhường cho Tử Chi, Tử Chi tất không dám nhận, như vậy hành vi của Đại Vương y như của vua Nghiêu.

Vua Yên bèn đem nước nhường Tử Chi, quyền thế của Tử Chi càng lớn.

Có kẻ lại bảo vua Yên:

- Vua Vũ hứa đem thiên hạ giao cho ông Ích mà dùng ông Khải ⁽⁵⁾ làm quan. Tới khi già, thấy ông Khải trị nước không được mới truyền ngôi cho ông Ích; ông Khải và bè đảng tấn công ông Ích mà chiếm được thiên hạ. Như vậy là ông Vũ có cái danh truyền ngôi cho ông Ích mà thực là khiến cho ông Khải tự chiếm lấy ngôi vua. Nay Đại Vương nói rằng giao phó quốc gia cho ông Tử Chi mà các quan lại đều là người của thái tử, như vậy là chỉ có cái danh phó thác quốc gia cho ông Tử Chi mà thực thái tử vẫn nắm quyền.

Vua Yên bèn thu ấn của các quan bồng lộc từ ba trăm thạch ⁽⁶⁾ trở lên, giao cả cho Tử Chi, Tử Chi quay mặt về phía Nam ⁽⁷⁾ mà cầm quyền quốc vương, còn Khoái thì già rồi, không màng tới chính sự nữa, tự nguyện làm bề tôi, mọi việc nước đều do Tử Chi quyết đoán.

(5) Khải là con vua Vũ.

(6) Một thạch là 120 cân.

(7) Vua Trung Hoa thời xưa lâm triều thì quay mặt về hướng Nam.

Tử Chi cầm quyền được ba năm, nước Yên đại loạn, trăm họ thống hận; tướng quan là Thị Bi và thái tử là Bình tính tấn công Tử Chi. Trữ Tử ⁽⁸⁾ bảo vua Tề Tuyên vương:

- Nhân cơ hội này đánh Yên thì Yên tất tan tành.

Tề Tuyên vương bèn sai người bảo thái tử Bình;

- Quả nhân nghe nói thái tử có nghĩa khí, muốn dẹp lòng riêng mà lập ích công, sửa lại danh nghĩa vua tôi, phân vị cha con. Nước của quả nhân nhỏ, không thể cung cấp hết được, nhưng xin thái tử tùy tiện sử dụng.

Thái tử bèn tụ tập bè đảng, tướng quân là Thị Bị vây cung thất, tấn công Tử Chi, không thắng; tướng quân Thị Bị với trăm họ quay lại tấn công thái tử Bình, và tướng quân Thị Bị chết trận. Nước loạn mấy tháng, người chết mấy vạn. Dân Yên thống hận, trăm họ có ý phản bội.

Mạnh Kha bảo Tề Tuyên vương:

- Lúc này mà đánh Yên là đúng cái thời cơ của vua Văn vua Võ ⁽⁹⁾, không nên bỏ lỡ!

Vua Tề bèn sai Chương Tử thống lãnh binh sĩ năm thành, nhân đất phía Bắc tiếp cận với đất Yên, dân chúng đông đúc, đem quân đánh Yên, Quân lính Yên không chiến đấu; cửa thành bỏ ngõ, vua Yên là Khoái chết, quân Tề đại thắng, Tử Chi bỏ trốn **. Hai năm sau người Yên lập thái tử Bình làm vua, tức Yên Chiêu vương.

(8) Trữ Tử lúc đó làm tướng quốc nước Tề.

(9) Võ Vương nhà Chu, nối sự nghiệp của Văn vương, diệt vua Trụ tàn bạo. Theo sách Mạnh tử thì Mạnh tử không hề nói vậy.

** Nhưng rồi bị Tề bắt được và giết.

Trước kia em Tô Tần là Lệ, nhân lúc vua Yên cho thái tử qua làm con tin ở Tề, mà xin được yết kiến vua Tề. Vua Tề oán Tần, muốn bỏ tù Lệ, thái tử Yên làm con tin, phải tạ tội thay cho Lệ, Tề mới thôi, rồi Lệ dâng lễ làm bề tôi ở Tề.

Tướng quốc nước Yên là Tử Chi kết thân với Tô Đại mà muốn được cầm quyền nước Yên, mới sai Tô Đại qua Tề hầu hạ thái tử Yên làm con tin ở Tề. Tề sai Tô Đại về báo tin (về thái tử) cho Yên. Vua Yên là Khoái, hỏi:

– Vua Tề có thể lập được nghiệp bá không?

Đáp:

– Không được.

Hỏi:

– Tại sao?

Đáp:

– Không tin nhiệm bề tôi.

Vì vậy mà vua Yên chuyên tin dùng Tử Chi, rồi lại nhường ngôi cho và Yên hóa ra đại loạn, Tề đánh Yên, giết Vương Khoái, Tử Chi; nước Yên bèn lập Chiêu vương lên ngôi. Tô Đại và Tô Lệ đều không dám vô nước Yên nữa, đều quay về với Tề, được Tề ưu đãi. Tô Đại qua Ngụy, Vua Ngụy (Ai vương) vì Yên mà bắt giam Tô Đại. Tề sai người báo vua Ngụy:

– Tề xin đem đất Tống phong cho Kinh Dương quân mà Tần không nhận, Tần không phải là không ham được Tề giúp sức và được thêm đất của Tống, chính là vì Tần không tin vua Tề và Tô Đại đấy. Nay Tề, Ngụy bất hòa với nhau, như vậy quá

lắm thì Tề tất không lừa gạt Tần và Tần sẽ tin Tề, Tề và Tần sẽ liên hợp với nhau, Kinh Dương quân sẽ được đất Tống, điều đó không phải là cái lợi cho Ngụy. Cho nên Đại Vương nên thả Tô Đại cho về phía Đông (tức là Tống), Tần sẽ sinh nghi mà không tin Tô Đại. Tề Tần không liên hiệp với nhau thì thiên hạ sẽ yên, và việc đánh Tề có thể thành công được.

Nhờ vậy, Tô Đại được vua Ngụy thả, cho qua Tống và được Tống ưu đãi.

10

YÊN CHIÊU VƯƠNG CHIÊU HIỀN (Yên Chiêu vương thu phá Yên)

Vua Yên Chiêu vương, sau khi khôi phục được nước Yên đã bị tàn phá, lên ngôi, hạ mình và dùng lễ vật cực hậu để chiêu hiền, ý muốn báo thù, cho nên lại thăm Quách Ngỗi, Quách tiên sinh báo:

– Tề thừa lúc nước tôi có nội loạn mà đánh úp và phá nước Yên; tôi biết rõ rằng nước Yên nhỏ, sức yếu không thể báo thù được, nhưng tôi vẫn mong được người hiền giúp sức cùng trị nước để rửa hận thù cho Tiên Vương. Xin hỏi tiên sinh báo thù cho nước thì phải làm sao?

Quách Ngỗi tiên sinh đáp:

– Bậc đế thân cận với bậc sư phó, bậc vương thân cận với bạn bè, bậc bá thân cận với bề tôi, còn ông vua vong quốc thì

thân cận với bọn đầy tớ (1). Chịu khuất tiết mà thờ người hiền (2), quay mặt về hướng Bắc (3) mà thụ giáo, thì những người giỏi gấp trăm mình sẽ tìm tới với mình; tiến trước người ta (4), nghỉ sau người ta, chịu hỏi người ta trước rồi lặng im nghe người ta thì những người giỏi gấp mười mình sẽ tới với mình; người ta tiến trước, mình tiến sau (5) thì những người bằng mình sẽ tới với mình; dựa cái kỳ, cầm cái trượng, liếc mắt mà sai bảo người ta thì những kẻ tội tớ sẽ tới với mình; còn như tàn bạo đánh đập người ta, giậm chân, nhảy nhót, la hét, mắng mỏ người ta thì bọn đê tiện, nô lệ mới tới với mình. Đó là phép hành đạo và chiêu hiền của người xưa. Nếu nhà vua thực tâm muốn chọn những bậc hiền giả khắp nước, mà đích thân từ cửa bước xuống tiếp đón họ thì thiên hạ sẽ nghe danh nhà vua triều kiến hiền thần, mà tất cả các sĩ sẽ đến nước Yên.

Vua Chiêu vương hỏi:

– Quả nhân nên triều kiến ai bây giờ?

Quách Ngỗi tiên sinh đáp:

– Tôi nghe nói thời xưa một ông vua bỏ ra một ngàn giạt vàng để tìm mua một con thiên lí mã, ba năm không được.

(1) Đế là chỉ những ông vua dựng được nghiệp đế; vương bá chỉ những ông vua dựng nghiệp vương hay bá. Theo quan niệm nhà Nho thì trị dân phải dùng nhân, nghĩa và người có đức lớn mới dựng được nghiệp đế; đức kém một chút thì dựng được nghiệp vương; kém nữa thì dựng nghiệp bá.

(2) Nguyên văn là khuất chỉ có thể hiểu như Crump là cong ngón tay, tức chấp tay.

(3) Vua mà chịu quay mặt về phương Bắc - chứ không quay mặt về phía Nam - là tự coi mình không phải là vua nữa, tự hạ mình thờ người hiền như bậc thầy.

(4) Crump dịch là để người ta tiến trước mình.

(5) Crump dịch là tiến ngang hàng với người ta.

Viên quan giữ việc truyền đạt mệnh lệnh ⁽⁶⁾, tâu với vua:

– Tôi xin đi tìm ngựa.

Ông vua đó bèn sai đi, ba tháng tìm được một con thiên lý mã, nó đã chết, nhưng cũng bỏ ra năm trăm giạt vàng mua cái đầu ⁽⁷⁾ nó đem về cho vua. Ông vua cả giận bảo:

– Ta muốn mua là mua ngựa sống, chứ ngựa chết thì dùng được việc gì mà mua về cho phí năm trăm giạt vàng.

Viên quan đó đáp:

– Ngựa chết mà còn chịu mua với giá năm trăm giạt vàng, huống hồ là ngựa sống. Trong thiên hạ hay tin tất cho rằng nhà vua biết mua ngựa, và người ta sẽ dắt ngựa tới.

Quả nhiên, không đầy một năm, người ta dắt ba con ngựa thiên lý tới.

Nay nhà vua mà thành tâm cầu hiền sĩ thì nên bắt đầu từ Ngõi tôi. Ngõi tôi mà còn được nhà vua trọng dụng huống hồ là những người hiền tài hơn Ngõi tôi, họ đâu có ngại xa ngàn dặm mà không tới Yên.

Vua Chiêu vương bèn xây cất cung thất, đón Ngõi về và đãi như tôn sư.

Nhạc Nghị từ Ngụy qua Yên, Trâu Diễn ⁽⁸⁾ từ Tề qua, Kịch Tân ⁽⁹⁾ từ Triệu qua, các kẻ sĩ tranh nhau tới Yên. Vua Yên

(6) Tức viên hầu cận trong cung, đời sau là chức thái giám (hoạn quan).

(7) Nguyên văn là thủ (đầu), Crump dịch là di hài.

(8) Trâu Diễn là người nước Tề, giỏi về thiên văn địa lý.

(9) Kịch Tân không rõ là ai.

phúng diếu kẻ chết, thăm hỏi kẻ sống, cùng chia vui chia khổ với trăm họ. Hai mươi tám năm sau, nước Yên hóa phong phú, quân lính vui vẻ, tình nguyện xuất chiến. Lúc đó, vua Yên mới dùng Nhạc Nghị làm thượng tướng quân, cùng bàn mưu với Tần, Sở, Tam Tấn để đánh Tề. Tề thua, vua Tề là Mẫn vương phải trốn ra nước ngoài. Riêng quân Yên đuổi theo quân Tề, vô tới Lâm Tri ⁽¹⁰⁾ vét hết châu báu của Tề, đốt hết cung thất tôn miếu của Tề. Chỉ có hai thành của Tề không bị hạ, là thành Cử và thành Tức Mặc.

13

ÍCH LỢI CỦA BỌN TRUNG GIAN (Yên vương vị Tô Đại)

Vua Yên (Chiêu vương) bảo Tô Đại:

– Quả nhân rất không ưa những lời của bọn lừa gạt.

Tô Đại đáp:

– Người đất Chu khinh bọn mai mối vì họ nói hay cho cả hai bên: tới nhà con trai thì khen “cô ấy đẹp”, tới nhà con gái thì khen “cậu ấy giàu”. Nhưng theo tục nước Chu. Không ai tự không kiếm vợ cả; mà con gái nếu không nhờ bà mai thì phải ở vậy cho tới già. Không dùng người môi giới mà tự khoe món

(10) Tức kinh đô của Tề.

hàng của mình, thì dù khó nhọc, cũng không bán được món hàng; còn như muốn cho dễ dàng mà không thất bại, bán được mà không khó nhọc thì phải dùng bợn môi giới mới xong. Về việc trị nước nếu không có quyền và thế thì không thành; cho nên muốn được ngồi không mà hưởng sự thành công thì phải nhờ bợn trung gian lừa gạt.

Vua Yên đáp:

- Đúng lắm.

Yên II

1

TÔ ĐẠI CAN VUA YÊN ĐỪNG THỜ TẦN (Tần triệu Yên vương)

Nước Tần với vua Yên (Chiêu vương) qua. Vua Yên muốn đi.
Tô Đại can:

- Sở chiếm đất Chi ⁽¹⁾ mà mất nước, Tề chiếm đất Tống mà mất nước. Tề và Sở chiếm đất Chi và Tống mà không làm đẹp lòng Tần là vì đâu? Là vì nước nào có công với mình thì Tần ghét lắm. Tần chiếm được thiên hạ không phải dùng nhân nghĩa mà dùng bạo lực, Tần tàn bạo với thiên hạ, chính thức cảnh cáo Sở rằng:

(1) Đất Chi nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên Theo Hứa Khiêu Thiên thì năm thứ 36 triều Chu Noãn vương. Tần chiếm đất Yên. Tây Lăng của Sở.

- Quân đất Thục ngồi những chiếc thuyền nhẹ trôi theo dòng sông Vấn ⁽²⁾ nhân nước lũ mùa hè mà xuống sông Trường Giang, chỉ năm ngày là tới đất Đinh. Quân đất Hán Trung, ngồi thuyền mà ra khỏi Ba Lăng Sơn ⁽³⁾ nhân nước lũ mùa hè mà xuống sông Hán, chỉ bốn ngày là tới Ngũ Chử. Quả nhân gom binh ở phía Đông ở đất Uyển, mà xuống đất Tuý ⁽⁴⁾ thì (mau tới nổi) kẻ trí giả không kịp mưu tính, kẻ dũng cảm không kịp nổi giận ⁽⁵⁾. quả nhân sẽ chiếm được Sở dễ dàng như bắn rớt con ung vậy; mà nhà vua đợi các nước chư hầu trong thiên hạ tới đánh cửa Hàm Cốc, chẳng phải là quá xa vời chăng?⁽⁶⁾

Vua Sở (Khoảnh Tương vương) tin như vậy mà thờ Tần mười bảy năm.

Tần lại chính thức cảnh cáo Hàn rằng:

- Ta khởi binh từ Thiếu Khúc, chỉ nội một ngày là cắt đứt Thái Hàng; ta khởi binh ở Nghi Dương để đánh Bình Dương thì chỉ nội hai ngày là các miền ở đó không chỗ nào không dao động; ta băng qua hai nước Chu mà đánh Trịnh thì chỉ năm ngày là Hàn ⁽⁷⁾ bị chiếm.

Vua Hàn tin như vậy nên phải thờ Tần.

(2) Theo nghĩa chính văn thì Vấn phải là con sông. Theo Từ Hải và Từ Nguyên thì sông Vấn tức là con sông Mân ở Tứ Xuyên. Nhưng theo Hứa Khiếu Thiên thì Vấn đây là tên núi và dịch là: "trôi theo dòng từ núi Vấn". Diệp Ngọc Lân trong bản dịch ra bạch thoại (Quảng Ích thư cục), bỏ không dịch đó, mà chỉ dịch rằng: "ngồi thuyền nhẹ, nhân nước lũ mùa hè...".

(3) Ba Lăng Sơn cũng gọi là Đại Ba Sơn, nay thuộc Thiểm Tây.

(4) Theo Hứa Khiếu Thiên thì Hạ Tuý là tên đất, nay ở Hồ Bắc. Theo Diệp Ngọc Lân thì Tuý là tên đất, hạ là động từ.

(5) Nghĩa là bất ngờ tới nổi hoảng hốt, không kịp trở tay.

(6) Ý nói đợi các nước khác tới đánh Hàm Cốc của Tần để cứu Sở thì trễ quá rồi.

(7) Trịnh là kinh đô của Hàn, nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Tần lại chính thức cảnh cáo Ngụy:

– Ta chiếm An Ấp, Nhữ Kịch thì đất Thái Nguyên của Hàn bị cách tuyệt; ta đem quân xuống Chỉ Đạo, Nam Dương, Phong Lăng, Kí Đình, bao vây hai nước Chu, nhân nước lũ mùa hè, ngồi thuyền nhẹ mà trôi theo dòng, nỏ cứng giương phía trước, qua nhọn dàn phía sau, khai vằm Huỳnh Thuỷ thì Ngụy sẽ mất Đại Lương ⁽⁸⁾, khai vằm Túc Tư thì Ngụy sẽ mất đất Hư và Đốn Khâu; dùng lục quân mà đánh Hà Nội, dùng thuỷ quân mà diệt Đại Lương.

Vua Ngụy tin như vậy, nên phải thờ Tần.

Tần muốn đánh An Ấp mà ngại Tề đem binh lại cứu mới đem đất Tống giao phó cho Tề, bảo:

– Vua Tống vô đạo, làm tượng gỗ giống hình quả nhân rồi bắn vào mặt. Quả nhân đất thì cách trở, binh thì xa, không thể tấn công Tống được. Nếu nhà vua đánh Tống mà chiếm được thì cũng như quả nhân chiếm được vậy.

Tần chiếm được An Ấp. Nhữ Kịch rồi lại kể tội Tề rằng đã phá Tống.

Tần muốn đánh Tề, ngại thiên hạ đem binh lại cứu, mới đem đất Tề giao phó cho thiên hạ ⁽⁹⁾, bảo:

– Vua Tề bốn lần kết ước với quả nhân, bốn lần lừa gạt quả nhân; ba lần muốn thống lãnh quân trong thiên hạ để đánh quả nhân. Có Tề thì không có Tần, có Tần thì không có Tề, nhất định phải đánh Tề, diệt Tề mới được!

(8) Vằm Huỳnh Thuỷ cũng gọi là Thạch Cừ Môn, nước sâu, khai vằm đó thì có thể làm cho Đại Lương bị ngập.

(9) Tức các nước chư hầu.

Đã chiếm được Nghi Dương, Thiều Khúc và Lận Thạch rồi lại kể tội thiên hạ rằng đã phá Tề.

Tần muốn đánh Ngụy, nên tôn trọng Sở, đem đất Nam Dương giao phó cho Sở, bảo:

– Quả nhân vốn đã tuyệt giao với Hàn, cho nên phá hoại Quân Lăng, phong tỏa Mạnh Ai, việc gì có lợi cho Sở thì cũng như có lợi cho quả nhân.

Ngụy vì vậy phải bội ước với đồng minh mà liên hiệp với Tần; rồi Tần lại lại kể tội Sở là phong tỏa Mạnh Ai.

Quân Tần bị khốn ở Lâm Trung, Tần phải tôn trọng Yên, Triệu, đem đất Giao Đông giao phó cho Yên, đem đất Tế Tây giao phó cho Triệu. Khi đã giảng hòa với Ngụy rồi, cho công tử Diên làm con tin rồi sai Tề thủ tiến binh đánh Triệu. Binh bị tổn thương ở Li Thạch, thua trận ở Mã Lăng, nên Tần phải tôn trọng Ngụy. Đã giảng hòa với Triệu rồi thì liền áp bách Ngụy; Ngụy không chịu cắt đất; nếu thất bại thì sai Thái hậu và Vương hầu cầu hòa, nếu thắng lợi thì Tần lừa gạt cả cậu ⁽¹⁰⁾ lẫn mẹ.

Dem việc Giao Đông ra trách Yên, đem việc Tế Tây ra trách Triệu, đem việc Diệp, Thái ra trách Ngụy, đem việc phong tỏa Mạnh Ai ra trách Sở, đem việc Tống ra trách Tề; như vậy lời của vua Tần viên hoạt như hội trong một chuỗi châu, sự cử binh của Tần lan dần ra như thêu trên lụa (từ đường thêu này qua đường thêu khác) vậy ⁽¹¹⁾, mẹ hấn không chế phục được hấn, cậu hấn cũng không ngăn cản được hấn. Trận Long Cổ,

(10) Chỉ Vương hầu.

(11) Nguyên văn: thích phi: (thích là dằm, phi là loài sâu nhỏ như con muỗi, ăn cánh hoa) Hứa Khiếu Thiên chú thích là: việc dễ dàng, Diệp Ngọc Lân dịch là thêu trên lụa trở đi trở lại đến vô cùng.

trận Ngạn Môn, trận Phong Lăng, trận Cao Thương, trận đánh với Triệu Trang ⁽¹²⁾, Tần giết dân Tam Tấn mấy trăm vạn, các nơi đó kẻ nào nay còn sống đều là con côi của những người bị Tần giết. Những đất ở phía ngoài Tây Hà, ở Thượng Lạc, cái họa Tam Xuyên nước Tấn ⁽¹³⁾ một nửa đất của Tam Tấn, Tần chiếm hết; cái họa Tần lớn như vậy mà các quan của Yên, Triệu qua Tần, đều khuyên vua mình tranh nhau thờ Tần, điều đó tôi lấy làm lo lắng.

Vua Yên Chiêu vương bèn thôi không qua Tần, Tô Đại lại được trọng dụng ở Yên, Yên, ngược lại, ước với chư hầu hợp tung với nhau, như thời Tô Tần. Có nước theo hợp tung, có nước không, nhưng từ đó thiên hạ đều tôn họ Tô là người chủ xướng chính sách hợp tung. Tô Đại và Tô Lệ đều chết già, hiển danh ở chư hầu.

4

TÔ ĐẠI NHỜ THẦN VU KHÔN GIỚI THIỆU VỚI VUA TÊ (Tô Đại vị Yên thuế Tê)

Tô Đại vì Yên mà qua thuyết vua Tê; trước khi yết kiến vua Tê (Mẫn vương), lại nói với Thuần Vũ Khôn:

(12) Trận Long Cổ, vào năm 36 đời Chu Hiến vương, Tấn đánh Ngụy, Trận Ngạn Môn, vào năm đời Chu Noãn vương, Tấn đánh Hàn, Trận Phong Lăng vào năm 12 đời Chu Noãn vương Tấn đánh Ngụy. Năm 41 đời Chu Hiến vương, Tấn đánh Triệu Trang và giết Triệu Trang ở Hà Tây.

(13) Tam Xuyên thời Tây Chu là các sông kinh, Vi, Lạc; thời Đông Chu là các sông Y, Lạc, Hà; đời Tần có quận Tam Xuyên nay ở Hà Nam. Chỗ này chúng tôi dịch đúng nguyên văn (Tam xuyên Tấn quốc chi họa) nhưng thú thực không hiểu ra sao.

– Có người muốn bán ngựa tốt, ba ngày liền đứng ở chợ mà không ai để ý tới, bèn lại thăm Bá Nhạc bảo: “Tôi có ngựa tốt muốn bán ba ngày liền đứng ở chợ mà không ai hỏi. Xin ông đi vòng quanh mà ngó nó, khi đi rồi thì quay lại nhìn. Tôi xin biếu ông tiền chi dùng trong một ngày”. Bá Nhạc bèn đi vòng quanh con ngựa mà ngó, khi đi rồi còn quay lại nhìn; và chỉ trong một buổi sáng, giá ngựa tăng lên gấp mười.

Nay tôi muốn dâng vua Tề “con ngựa tốt”, nhưng không có ai giới thiệu cho tôi cả. Ông muốn làm Bá Nhạc giúp tôi không? Tôi xin biếu ông một đôi ngọc trắng ngàn giạt vàng để mua thức ăn cho ngựa.

Thuần Vu Khôn đáp:

– Xin vâng lời.

Rồi vô nói với vua Tề. Vua Tề tiếp Tô Đại và rất vui lòng về Tô Đại.

5

TÔ ĐẠI PHẢN TỀ

(Tô Đại tự Tề sử nhân vị Yên Chiêu vương)

Tô Đại từ nước Tề sai người về nói với Yên Chiêu vương:

– Tôi đã li gián Tề, Triệu. Tề, Triệu cô lập rồi, sao Đại Vương không đem quân đánh Tề? Tôi xin Đại Vương mà làm cho Tề yếu.

Yên bèn đánh Tề, tấn công đất Tấn, sai người báo Tề Mẫn vương:

– Yên sở dĩ đánh Tề là muốn thu phục lại đất cũ. Quân Yên đóng ở Tấn mà không tiến là vì binh yếu mà còn hoài nghi về kế hoạch. Sao Đại Vương không sai Tô Đại làm tướng mà nghênh địch? Tô Đại hiền tài, lãnh quân chống quân Yên yếu ớt thì quân Yên tất phải thua. Yên thua rồi thì Triệu không dám phục tòng. Thế là Đại Vương vừa thắng được Yên vừa hàng phục được Triệu.

Mẫn vương khen phải, rồi bảo Tô Đại:

Quân Yên đóng ở Tấn, nay quả nhân phát quân chống cự, xin ông vì quả nhân mà cầm quân.

Đáp:

– Tôi cầm quân làm sao chống được binh Yên? Đại Vương nên phái người khác. Nếu Đại Vương sai tôi thì binh của Đại Vương sẽ thua mà có khác gì Đại Vương đem tôi tặng cho Yên không. Đã thua thì không thể phấn khởi lên được nữa.

Vua Tề bảo:

– Ông đi đi, quả nhân biết ông mà!

Tô Tử bèn phải lãnh quân, giao chiến với binh Yên ở Tấn. Quân Tề thua. Yên chém được hai vạn đầu quân Tề bần áo giáp. Tô Tử thu tàn quân để bảo thủ Dương Thành, và báo với Mẫn vương:

– Đại Vương để cử tôi làm, sai tôi chống quân Yên. Nay thua trận, mất hai vạn quân, tôi đáng tội chết, xin tự nạp thân cho pháp quan để chịu hình phạt đao búa.

Mẫn vương bảo:

– Đó là lỗi của quả nhân! Ông đừng coi đó là tội của ông.

Hôm sau. Tô Đại lại xúi Yên đánh Dương Thành và đất Li, rồi lại phái người nói với Tề Mẫn vương:

– Hôm trước, Tề thua ở đất Tấn, không phải vì lỗi dùng binh, mà vì Tề gặp vận rủi, còn Yên thì được Trời giúp. Nay Yên lại đánh Dương Thành và đất Li, thế là có ý coi sự Trời giúp là công của mình. Xin Đại Vương lại sai Tô Đại đem quân nghinh chiến, lần trước Tô Đại thua thì lần nay tất thắng để báo đáp lòng của Đại Vương.

Tề Mẫn vương khen phải, rồi lại sai Tô Đại cầm quân. Tô Đại hết sức từ chối, vua Tề không chịu, bèn đem quân chiến đấu với Yên ở Dương Thành; quân Yên đại thắng, chém đầu được ba vạn quân Tề, Do đó mà vua tôi nước Tề bất bình với nhau, trăm họ có lòng phản loạn. Yên thừa cơ sai Nhạc Nghị đem đại binh đánh Tề, phá tan được Tề.

7

TRẦN THÚY THUYẾT YÊN THÁI HẬU

(Trần Thúy hợp Tề, Yên)

Trần Thúy liên hiệp Tề, Yên, muốn cho em của Yên vương làm con tin ở Tề, vua Yên bằng lòng, nhưng Thái hậu hay tin, nổi giận, bảo:

– Trần công không giúp được nước cho người ta thì thôi, làm sao cho mẹ con người ta lìa nhau? Gái già này muốn giết ông ta cho thỏa lòng!

Trần Thuý muốn yết kiến Thái hậu, vua Yên bảo:

– Thái hậu đương giận ông, ông nên đợi lúc nguôi giận đã.

Trần Thuý đáp:

– Không sao.

Rồi vô yết kiến Thái hậu, hỏi:

– Sao Thái hậu lúc này gầy như vậy?

Thái hậu đáp:

– Nhờ ăn được những con ngỗng trời và le le của Tiên vương để lại, đáng lý thì không gầy; sở dĩ gầy là vì buồn rầu về nỗi công tử sắp phải làm con tin ở Tề.

Trần Thuý bảo:

– Bậc vua chúa yêu không bằng hạng áo vải. Chẳng những không yêu con mà lại còn không yêu cả chồng nữa ⁽¹⁾.

– Tại sao?

– Thái hậu gả con cho chư hầu thì cấp cho ngàn vàng và trăm dặm đất để chi dùng suốt đời. Nay nhà vua muốn phong cho công tử, nhưng các quan giữ chức phận, các bề tôi tận trung đều bảo: “Công tử không có công lao gì, không nên phong tước cho”. Nhà vua muốn cho công tử qua làm con tin ở Tề là để cho công tử lập công mà sau có thể phong tước được; Thái hậu lại không chịu, cho nên tôi nghĩ rằng bậc nhân chủ không yêu chồng. Thái hậu và nhà vua may mà còn đây, nên công tử mới được tôn quý; đến khi Thái hậu trăm tuổi rồi, nhà vua bỏ quốc gia mà qui tiên rồi, thái tử sẽ nối ngôi, lúc đó công tử sẽ bị coi

(1) Nguyên văn: *bất ái trượng phu tử độc thâm, Diệp Ngọc Lân dịch là:... không yêu cả chồng nữa. Thái hậu lại càng quá lắm. Chúng tôi ngờ rằng sai.*

rẻ như một kẻ áo vải, chứ khác gì. Không nhân cái lúc Thái hậu và nhà vua còn sống mà phong tước cho công tử, thì suốt đời, công tử sẽ không được phong nữa.

Thái hậu đáp:

– Già này quả là không biết tính chuyện lâu dài.

Rồi sai công tử sửa soạn xe ngựa, y phục dự bị hành lý.

10

THƯ NHẠC NGHỊ ĐÁP YÊN CHIÊU VƯƠNG (Xương Quốc công Nhạc Nghị)

Xương Quốc công là Nhạc Nghị thay Yên Chiêu vương liên hiệp năm nước ⁽¹⁾ để đánh Tề. Chiếm trên bảy mươi thành, đổi hết làm huyện phụ thuộc vào Yên, chỉ còn ba thành ⁽²⁾ là chưa hạ được thì Yên Chiêu vương mất. Yên Huệ vương ⁽³⁾ nối ngôi, mắc kế li gián của Tề ⁽⁴⁾, nghi ngờ Nhạc Nghị và sai Kị Kiếp thay Nhạc Nghị làm tướng. Nhạc Nghị chạy trốn qua Triệu, được Triệu phong làm Vọng Chư quân ⁽⁵⁾ Tướng Tề là Điền Đan lừa gạt Kị Kiếp, rút cuộc đánh bại quân Yên, thu hồi được trên

(1) Tức Yên, Tấn, Ngụy, Hàn, Triệu (theo Hứa Khiếu Thiên).

(2) Tức các thành Liêu, Tức Mặc và Cư, nay đều thuộc tỉnh Sơn Đông.

(3) Tức con Chiêu vương.

(4) Tướng Tề là Điền Đan bảo: "Con có mấy thành mà Nhạc Nghị không chiếm nổi là vì có ý bắt Tề đầu hàng rồi tự mình làm quốc vương".

(5) Vọng chũ vốn là tên một cái hồ ở Tề. Vua Triệu phong cho Nhạc Nghị ở đất Quân Tân (nay thuộc Trục Lệ), tước là Vọng Chư quân.

bảy mươi thành, phục hưng được Tề. Vua Yên hối hận, sợ Triệu dùng Nhạc Nghị, thừa lúc Yên suy nhược mà đánh Yên, nên sai người trách Nhạc Nghị vừa tạ lỗi:

– Tiên vương đem quốc gia uỷ thác tướng quân, tướng quân vì Yên mà phá Tề, báo được thù cho Tiên Vương, làm cho cả thiên hạ chấn động, quả nhân có ngày nào dám quên công lao tướng quân đâu. Gặp lúc Tiên Vương bỏ quần thần mà qui tiên, quả nhân mới lên ngôi, kẻ tả hữu lừa gạt quả nhân, quả nhân sai Kị Kiếp thay tướng quân là nghĩ tướng quân phơi sương dãi nắng ở ngoài đã lâu, nên vời tướng quân về triều để tướng quân được nghỉ ngơi và bàn việc nước với quả nhân có điều gì hiềm khích với tướng quân, nên bỏ Yên qua Triệu. Nếu tướng quân chỉ nghĩ tới bản thân thì như vậy là phải; nhưng lấy gì mà báo đáp hậu tình dãi ngộ của Tiên Vương đây?

Vọng Chư quân bèn sai người dâng thư vua Yên đáp rằng:

– Kẻ hạ thần bất tài này không theo được lời giáo huấn của Tiên Vương để chiêu lòng kẻ tả hữu của túc hạ. Sợ bị tội dao búa mà làm thương tổn sự hiển minh của Tiên Vương, mà làm hại lòng trung (6) nghĩa của túc hạ, cho nên phải chạy trốn qua Triệu, đã tự chuốc lấy cái tiếng xấu là kẻ có tội nên không dám biện bạch gì cả.

Nay Đại Vương sai sứ giả trách tội tôi, tôi sợ kẻ tả hữu của Đại Vương không hiểu cái lẽ tại sao Tiên Vương nuôi nấng yêu mến kẻ bề tôi này mà cũng không rõ tấm lòng tôi thờ Tiên Vương ra sao, nên mới dám dâng thư này để trả lời Đại Vương.

(6) Ý nói: tránh cho vua Yên cái tiếng bất nghĩa giết bề tôi của vua cha.

Tôi nghe rằng bậc vua hiền minh thánh đức không đem tước lộc ban riêng cho kẻ thân cận mà ban cho kẻ có công nhiều, không đem quan chức giao cho kẻ mình yêu mà giao cho kẻ xứng đáng được việc. Cho nên xét tài năng rồi mới giao cho quan chức thì là bậc quân chủ thành công; xét phẩm hạnh rồi mới kết giao thì là kẻ sĩ thành danh.

Tôi đem cái sở học của tôi ra xét thì Tiên Vương khi cử dụng hoặc bãi chức bề tôi, đều có cái lòng hơn đời, cho nên tôi mới đi sứ ⁽⁷⁾ cho vua Ngụy ⁽⁸⁾ để được qua Yên mà tự giới thiệu với Yên. Tiên vương quá để bạt tôi, từ hàng tân khách mà cho tôi nhảy lên đứng trên quần thần, không bàn bạc với bậc cha anh ⁽⁹⁾ mà phong tôi chức á khanh. Tôi nghĩ rằng nếu cứ tuân lệnh và theo lời dạy bảo của Tiên Vương thì có thể may ra khỏi bị tội, nên mới nhận chức mà không từ chối.

Tiên vương ra lệnh cho tôi rằng: “Ta với Tề có cái thâm oán chất chứa đã lâu, không lượng sức mình nhỏ yếu, muốn tính việc đánh Tề”. Tôi đáp: “Tề thừa hưởng được giáo lệnh của một bá quốc, lại còn lưu lại được cái công nghiệp mấy lần chiến thắng, binh giáp tinh nhuệ, luyện tập kỹ lưỡng Đại Vương nếu muốn đánh Tề, thì tất phải liên hiệp cả thiên hạ mà cùng tấn công. Muốn liên hiệp cả thiên hạ để cùng tấn công Tề, thì không gì tiện bằng liên kết với Triệu. Và lại hoài Bắc và Tống là những đất mà Sở, Ngụy đều muốn chiếm. Nếu Triệu bằng lòng, thì Đại Vương sẽ liên kết với Sở, Ngụy, Tống ⁽¹⁰⁾, bốn nước tận lực đánh Tề thì Tề tất phải tan”.

(7) Có sách chú thích là giả danh đi sứ.

(8) Thời đó vua sai ai đi sứ thì cho một cái “tiết” để làm bằng cấm cái tiết đó thì người giữ cửa ải mới cho qua, Nhạc Nghị cầm cái tiết giả để đi ra khỏi Ngụy mà qua Yên.

(9) Chỉ những người trong thôn thất mà làm quan lớn.

(10) Các bản đều chép chữ “Tống” này, nhưng khi dịch ra bạch thoại thì Diệp Ngọc Lân bỏ đi. Theo chú thích (1) trang 461 thì Tống không cùng với Yên đánh Tề.

Tiên vương khen phải. Tôi bèn nhận lệnh miệng, cầm phù tiết ⁽¹¹⁾ đi sứ sang Triệu ở phía Nam, khi sứ đi về rồi, mới dấy binh theo các nước kia mà cùng đánh Tề. Nhờ Trời phù hộ, nhờ uy linh của Tiên Vương, nhờ địa lợi Hà Bắc, tôi theo Tiên Vương mà đánh quân Tề tới trên bờ sông Tế, quân ở trên bờ sông Tế tuân lệnh xung phong, đại thắng quân Tề. Rồi những khinh binh tinh nhuệ đuổi riết địch quân tới quốc đô của Tề, vua (Mẫn vương) chạy trốn qua đất Cử, chỉ kịp thoát thân; châu ngọc, tiền của, bảo vật, xe ngựa, khí giới, cùng mọi vật trân kì đều thu hết về Yên, Chuông Đại lữ ⁽¹²⁾ bày ở cung Nguyên Anh, đỉnh cũ của Yên lại trở về cung Lịch Thất ⁽¹³⁾, bảo khí của Tề bày ở Ninh Đài ⁽¹⁴⁾, các cây quý ở Kế Khâu ⁽¹⁵⁾ đem lại trồng ở vườn trúc bên dòng sông Vấn ⁽¹⁶⁾. Từ đời Ngũ Bá tới nay, chưa ai lập được công lớn như Tiên Vương, Tiên Vương tha lỗi, cho là tôi không bỏ bê sứ mạng, cho nên cất đất phong cho tôi, coi tôi ngang hàng với một chư hầu nước nhỏ. Tôi bất tài, nghĩ rằng nếu cứ tuân lệnh và theo lời dạy bảo của Tiên Vương thì có thể may ra khỏi bị tội, nên mới nhận tước mà không từ chối.

Tôi nghe nói bậc quân chủ hiển minh công thành rồi mà không sa đoạ, nên mới lưu danh trong sử sách; kẻ sĩ có tiên kiến, danh thành rồi mà không bị tội, nên mới để tiếng lại đời sau. Như Tiên Vương báo thù rửa hận, diệt được một cường quốc vạn thặng, thu được những của xức tích trong tám trăm năm của Tề, mà đến

(11) *Coi chú thích (8) trang trước.*

(12) *Tên một cái chuông lớn của Tế.*

(13) *Tên một cung điện của Yên.*

(14) *Tên một cái đài của Yên.*

(15) *Kế Khâu là đô thành của Yên.*

(16) *Sông Vấn thuộc về Tế.*

ngày bỏ quần thần để qui tiên, còn để di mệnh lại cho tư quân ⁽¹⁷⁾ về cách trị nước. Cho nên các bề tôi chấp chính nhiệm sự mới theo được pháp lệnh; (Tiên vương) lại sắp đặt cho con cái các bà cung phi đầu vào đấy, thi ân cho cả bọn ti tiện, đó là những pháp lệnh có thể dạy cho đời sau.

Tôi nghe nói: khéo sáng tạo chưa nhất định là khéo thành công, khéo mở đầu chưa nhất định là khéo giữ được chung cục. Xưa, Ngũ Tử Tư ⁽¹⁸⁾ mưu tính việc gì, Hạp Lư đều nghe cho nên Ngô vương mới tiến sâu được vào đất Đinh của Sở. Phù Sai thì không vậy, giết Ngũ Tử Tư, bỏ vào cái túi da, liệng xuống sông. Ngô vương Phù Sai vì không hiểu rằng nghe lời tiên đoán của Ngũ Tử Tư thì có thể thành công được nên mới liệng thầy Tử Tư xuống sông mà không hối; Tử Tư không tiên liệu rằng độ lượng của Phù Sai khác với độ lượng của Hạp Lư, nên mới bị liệng thầy xuống sông mà không kịp đổi hành động (trốn qua nước khác) ⁽¹⁹⁾. Giữ thân cho khỏi bị giết để làm sáng tỏ chính của Tiên Vương, đó là thượng sách của tôi; để cho thân thể bị huỷ hoại ô nhục mà làm cho danh vọng của Tiên Vương bị sa sút, đó là nỗi lo sợ nhất của tôi; còn như đã mắc vào cái tội không ngờ, mà còn cầu may làm

(17) Tư quân là vua nối ngôi.

(18) Ngũ Tử Tư tên là Viên, văn võ toàn tài. Vì Sở Bình vương giết cha là Ngũ Xa và anh là Ngũ Thượng, nên trốn qua nước ngoài tìm cách báo thù, giúp vua Hạp Lư nước Ngô, kéo quân về Sở đào mả Sở Bình Vương để trả thù. Hạp Lư mất, Ngũ Tử Tư phò vua Phù Sai, lập được nhiều chiến công, đánh bại nước Việt. Nhưng sau vì can ngăn Phù Sai nhiều lần không được, bị Phù Sai ghét, ngờ là có ý làm phản, bảo người đem một thanh kiếm cho Tử Tư, Tử Tư hiểu ý, tự tử. Theo sử thì Phù Sai cắt đầu Tử Tư treo ở cửa Bàn Môn.

(19) Theo Hứa Khiếu Thiên thì là : "Mới bị liệng thầy xuống sông mà âm hồn còn lẩn khuất, không tan được" (nhập giang nhi bất hóa).

lợi cho mình thì người trọng tiết nghĩa không dám làm ⁽²⁰⁾.

Tôi nghe nói bậc quân tử thời xưa tuyệt giao rồi không nói xấu người ta, bậc trung thần bỏ nước đi rồi không chê bai vua cũ để cầu tiếng tốt (biện hộ) cho mình. Tôi tuy bất tài, đã từng theo học các bậc quân tử, chỉ sợ các quan hầu cận tin lời kẻ tả hữu, không xét đến uy khúc hành động của tôi, nên dám dâng thư này để đáp Đại Vương, xin Đại Vương lưu ý.

11

CÁC NƯỚC YẾU NÊN ĐOÀN KẾT VỚI NHAU (Hoặc hiến thư Yên Vương)

Có người dâng thư lên vua Yên, thư rằng:

– Đại Vương không biết trông cậy ở mình, không ghét cái tiếng là ti tiện mà đi thờ nước mạnh. Thờ nước mạnh mà có thể làm cho quốc gia an ổn lâu dài thì đó là một chính sách vạn đại. Còn như thờ nước mạnh mà không an ổn được vạn đại thì không bằng kết hợp các nước yếu.

Làm sao kết hợp các nước yếu mà không làm cho họ đoàn kết như một, tôi cho đó là cái nguy khốn của các nước Sơn Đông. Loài cá tỉ mục vì tương đặc với nhau mà lợi được ⁽¹⁾, cho nên cổ nhân khen loài đó là hai con biết hợp với nhau như một.

(20) Ý nói không khi nào nhân lúc Yên suy nhược làm hại Yên để lập công với Triệu đẩu.

(1) Loại cá này, hai con dính liền làm một, mỗi con chỉ có một mắt, con thì có ,một mắt bên trái, con thì có một mắt bên phải, nhờ vậy mà thấy đường.

Nay các nước yếu ở Sơn Đông kết hợp nhau mà không được như một, thế là các nước Sơn Đông không khôn bằng loài cá.

Lại như việc quân sĩ đánh xe, ba người đánh thì xe không đi được, thêm hai người nữa, là năm người thì xe đi được. Nay ba nước yếu ở Sơn Đông không địch nổi Tần, thêm hai nước nữa thì có thể thắng được Tần; vậy mà các nước Sơn Đông không biết kết hợp với nhau, thế là sáng suốt không bằng kẻ đánh xe.

Người Hồ và người Việt ngôn ngữ bất đồng, chí ý không hòa nhau, vậy mà ngồi chung thuyền để lướt sóng, đến cái mức tương trợ nhau như một. Nay các nước ở Sơn Đông thân với nhau như ngồi chung một thuyền để qua sông, quân Tần tới mà không tương trợ nhau như một, thế là sáng suốt không bằng người Hồ người Việt.

Ba việc đó ⁽²⁾, ai cũng có thể làm được, mà vua các nước ở Sơn Đông không hiểu, tôi cho sự nguy khốn của Sơn Đông là do đó! Xin Đại Vương nghĩ kỹ đi. Vua các nước Sơn Đông mà kết hợp với nhau thì cái danh của họ không ti tiện mà nước của họ có thể trường tồn, quân sĩ của họ có thể đem ra canh phòng biên giới phía Tây ⁽³⁾, của Hàn, Lương; đó là thượng sách của nước Yên, nếu không làm ngay như vậy thì các nước sẽ nguy mất, mà các vua sẽ phải lo lắng. Nay ba nước Hàn, Lương, Triệu đã liên hiệp với nhau, Tần thấy Tam Tấn đã vững, tất đem quân xuống phía Nam đánh Sở; Triệu thấy Tần đánh Sở, tất đem quân lên phía Bắc đánh Yên. Sự thế tuy khác nhưng

(2) Ba việc đó chỉ ba tỉ dụ ở trên: loại cá kết hợp với nhau, Năm người đánh xe góp sức với nhau, người Hồ và người Việt tương trợ nhau.

(3) Tức chỗ giáp với Tần.

mối lo thì như nhau, Tần trước kia chiếm Hàn lâu, nên Trung Sơn mất, nay chiếm Sở lâu thì Yên cũng sẽ mất. Tôi trộm mưu tính thay Đại Vương thì không gì bằng đem binh xuống phía Nam hợp với Tam Tấn, cùng với nhau canh phòng biên giới phía Tây của Hàn, Lương. Các nước Sơn Đông mà không kiên quyết làm như vậy thì tất sẽ bị diệt hết.

Quả nhiên Yên đem quân xuống phía Nam hợp với Tam Tấn.

13

TRAI CÒ GĂNG NHAU, CHỈ LỢI ÔNG CHÀI (Triệu thả phạt Yên)

Triệu dự bị ⁽¹⁾ đánh Yên, Tô Đại vì Yên mà bảo vua Huệ Văn vương (nước Triệu):

– Hôm nay tôi tới đây, đi qua sông Dịch, thấy một con trai mới há miệng ra phơi nắng thì một con cò mổ ngay thịt của nó. Con trai bèn khép miệng lại và kẹp chặt lấy mỏ con cò. Cò bảo: “Hôm nay không mưa ngày mai không mưa thì con Trai phải chết”. Trai cũng bảo cò: “Hôm nay không rút được mỏ ra, ngày mai không rút được mỏ ra, tất có con cò phải chết”. Hai con đều không chịu buông thả cho nhau, mà ông chài bắt được cả hai. Triệu dự bị đánh Yên. Yên, Triệu chống cự nhau lâu, thì dân chúng mỗi mệt; tôi sợ rằng cường Tần sẽ làm ông chài mất, xin Đại Vương nghĩ kĩ đi.

Huệ Vương bảo: “Phải”, rồi thôi không đánh Yên nữa.

(1) Theo Hứa Khiếu Thiên thì Triệu Thư là tướng quân của Triệu. Theo Diệp Ngọc Lân thì chữ này đọc là Thả và câu đó có nghĩa là: Triệu dự bị đánh Yên.

Yên III

5

THÁI TỬ ĐAN VÀ KINH KHA

(Yên Thái tử Đan)

Thái tử Đan ⁽¹⁾ nước Yên làm con tin ở Tần, trốn được về nước thấy Tần sắp diệt lục quốc, đã đem quân tới sông Dịch, sợ tai họa tới nơi, nên lo lắng, bảo quan thái phó là Cúc Vũ:

- Thế của Yên và Tần một mất một còn xin thái phó tính giùm cho sao bây giờ.

Vũ đáp:

- Đất của Tần lan khắp thiên hạ, nếu Tần uy hiếp Triệu, Hàn, Ngụy thì phía Bắc sông Dịch vị tất đã yên được. Do oán hận bị Tần khinh ⁽²⁾ mà đụng tới vấy ngược ⁽³⁾ của họ làm gì?

(1) Đan là con của vua Yên tên là Hi.

(2) Hối thái tử Đan làm con tin ở Tần, bị Tần coi rẻ.

(3) Người Trung Hoa tin rằng ở dưới cổ con rồng có những vẩy ngược, dài khoảng một thước, ai đụng tới những vẩy ngược đó thì bị nó cắn chết.

Thái tử hỏi:

– Vậy tôi làm sao bây giờ?

Thái phó đáp:

– Thái tử vô phòng đi nghỉ đi, để tôi suy tính.

Ít lâu sau, Phàn tướng quân (4) trốn Tần qua Yên, thái tử dung nạp. Thái phó Cúc Vũ can:

– Không nên. Vua Tần (5) tàn bạo, oán hận Yên đã lâu, bấy nhiêu đủ ớn rồi, huống hồ nay Tần lại hay tin Phàn tướng quân ở nước mình, như vậy có khác gì đem thịt đặt trên đường đi của con hổ đói, tai họa tất không thể cứu được. Dù có tài như Quản Trọng, Yến Anh (6) cũng vô kế khả thi. Xin thái tử gấp đưa Phàn tướng quân qua Hung Nô đi để Tần hết chỗ tạ khẩu. Lại xin qua phía Tây liên hiệp với Tam Tấn (tức Hàn triệt Ngụy), xuống phía Nam liên hiệp với Tề, Sở, lên phía Bắc kết giao với Thiên Vu (7), rồi sau mới tính chuyện đánh Tần được.

Thái tử Đan bảo:

- Mưu kế của thái phó mất nhiều thì giờ lắm; lòng tôi lo lắng, rối loạn, sợ không đợi được một khoảnh khắc nữa. Vả lại không phải chỉ riêng có nguyên do đó, mà còn nguyên do này nữa: Phàn tướng quân gặp cảnh khốn cùng trong thiên hạ mới phải lại đây nhờ cậy Đan tôi, Đan tôi quyết không vì bị cưỡng

(4) Phàn Ô kỳ là tướng quân của Tấn, phạm tội, phải trốn qua Yên.

(5) Tức Tấn Thủy Hoàng.

(6) Quản Trọng làm tướng quốc cho Tề Hoàn Công. Yến Anh làm tướng quốc nước Tề, trải ba đời Linh công, Trang công và Cảnh công. Cả hai đều là những chính trị gia có tài.

(7) Người Hung Nô gọi vua của họ là Thiên Vu. Thiên Vu, tiếng Hung Nô, có nghĩa là lớn như Trời.

Tần ước hiệp mà bỏ người bạn đáng thương đó, đưa ông ta qua Hung Nô. Gấp quá rồi, đời Đan tôi kể như hết rồi, xin thái phó tính lại cho.

– Nước Yên mình có Điền Quang tiên sinh ⁽⁸⁾ mưu sâu, dũng khí trăm, có thể bàn tính với ông ấy được.

– Muốn nhờ thái phó cho gặp Điền tiên sinh được chăng?

Cúc Vũ nhận lời rồi đi thăm Điền Quang, bảo:

– Thái tử ngó ý được bàn quốc sự với tiên sinh.

Điền Quang đáp: “Xin vâng lệnh”, rồi lại yết kiến thái tử.

Thái tử quì xuống mà nghênh tiếp, đi giật lùi để dẫn đường, rồi quì xuống phủ chiếu. Điền tiên sinh ngồi yên rồi, chung quanh không có ai, thái tử mới rời chiếu mà thưa:

– Yên và Tần ở vào cái thế một mất một còn, xin tiên sinh lưu ý cho.

Điền Quang đáp:

– Tôi nghe nói Ngựa Kì, ngựa Kí đương lúc sung sức, một ngày chạy ngàn dặm, mà đến khi suy nhược thì thua cả loài ngựa hèn. Nay thái tử nghe danh của Quang tôi hỏi còn cường tráng, chứ không biết rằng tinh lực tôi đã tiêu ma rồi. Nhưng Quang tôi không dám để cho việc nước thiếu mưu tính. Bạn của tôi là Kinh Kha ⁽⁹⁾ có thể dùng được.

Thái tử hỏi:

(8) Điền Quang là một hiệp sĩ nước Yên.

(9) Kinh Kha tên hiệu là Thứ phi, là người nước Vệ. Người nước Vệ gọi ông là Khánh Khanh, khi qua nước Yên thì người nước Yên gọi là Kinh Khanh (Khanh là tiếng tôn xưng), Kinh Kha ham đọc sách, giỏi đường kiếm, gặp những việc bất bình thường can thiệp.

– Xin nhờ tiên sinh giới thiệu cho tôi kết giao với Kinh Kha được chăng?

Điền Quang đáp: “Xin vâng”, rồi vội vàng đi ra. Thái tử tiễn tới cửa, căn dặn:

- Những lời Đan tôi thưa với tiên sinh và những lời tiên sinh nói với tôi, đều là quốc gia đại sự, xin tiên sinh giữ kín cho.

Điền Quang cúi đầu, cười đáp:

– Vâng.

Rồi lẹm khộm đi lại thăm Kinh Kha, bảo:

– Tôi với ông thân thiết với nhau, người Yên không ai không biết điều đó. Nay thái tử nghe danh tôi hỏi tôi cường tráng, không biết rằng thân hình không được như trước nữa, mà bảo tôi: “Yên và Tần ở vào thế một mất một còn, xin tiên sinh lưu ý cho”. Quang trộm nghĩ không cần giữ kẽ, nên đã giới thiệu ông với thái tử, xin ông vô cùng yết kiến thái tử.

Kinh Kha đáp

– Xin vâng lệnh.

Điền Quang bảo:

– Quang nghe nói rằng hành vi của kẻ trưởng giả⁽¹⁰⁾ không nên để cho người ta ngờ. Nay thái tử có dặn tôi: “Điều nói ra là quốc gia đại sự, xin tiên sinh giữ kín cho”. Thế là thái tử nghi ngờ Quang. Hành động mà để người ta nghi ngờ thì không phải là kẻ có tiết tháo.

Điền Quang muốn tự sát để kích thích Kinh Kha nên nói thêm:

(10) Tiếng trưởng giả ở đây có nghĩa là người lớn tuổi, có tư cách, được người khác tôn trọng.

– Xin ông gấp lại yết kiến Thái tử đi, bảo Quang đã chết để tỏ rằng Quang này đã giữ kín.

Nói rồi tự đâm cổ mà chết.

Kinh Kha vô yết kiến thái tử, cho hay Điền Quang đã chết để tỏ rằng không hề tiết lộ lời Thái tử. Thái tử lạ hai lạ, quì xuống, lết tới, nước mắt ròng ròng. Một lát sau mới nói:

– Đan tôi sợ dĩ xin Điền tiên sinh đừng tiết lộ ra là muốn cho đại sự được thành, mà nay Điền tiên sinh dùng cái chết để tỏ rằng không hề tiết lộ lời của tôi! Bản tâm Đan tôi đâu có muốn vậy!

Kinh kha ngồi yên, rồi thái tử rời chiếu, cúi đầu, bảo:

– Điền tiên sinh không biết rằng Đan tôi bất tiểu, mà cho tôi được gặp mặt tiên sinh (trở Kinh Kha) để giải bày; đó là lòng Trời còn thương nước Yên, không đến nỗi bỏ kẻ ít đức này⁽¹¹⁾. Nay vua Tần có lòng tham lam vô cùng, không làm sao thoả mãn dục vọng của hấn được; hấn không chiếm hết được đất trong thiên hạ, bắt hết các quốc vương trong thiên hạ phải thân phục hấn thì không mãn ý. Nay Tần đã bắt sống được vua Hàn, thôn tính hết đất của Hàn, lại cử binh xuống phía Nam đánh Sở, lên phía Bắc sát Triệu; Vương Tiễn đem mấy chục vạn binh tới sát Chương, Nghiệp, mà Lý Tín lại xuất quân ở Thái Nguyên và Vân Trung. Triệu không chống nổi Tần, tất phải thờ Tần, Triệu

(11) Nguyên văn: bất khi kỳ cô, Hứa Khiếu Thiên chú thích; lúc đó cha của Đan là Hi còn sống; thái tử Đan tự xưng là "cô", chỉ là theo tục thời đó, con các vua chư hầu cũng không bắt chước giọng các quốc vương, tự xưng là "cô", cho được khiêm tốn. Diệp Ngọc Lân dịch là: không bỏ kẻ hậu sinh này của Yên.

mà thờ Tần thì họa tất lây đến Yên. Yên, Tần, Triệu mà thờ Tần thì họa tất lây đến Yên. Yên là nước nhỏ, thường khốn đốn về chiến tranh, nay có cử hết binh trong nước cũng không đủ để chống Tần, còn chư hầu thì đã thần phục Tần cả rồi, không nước nào dám hợp tung.

Theo ngụ ý của Đan tôi thì nếu được một bậc dũng sĩ trong thiên hạ, sai qua Tần, dùng cái lợi lớn để dụ Tần, vua Tần tham lợi thì sở nguyện của chúng ta tất thành. Nếu uy hiếp được vua Tần, bắt hẳn trả lại chư hầu các đất đai hẳn đã chiếm được, như Tào Mạt * đã uy hiếp Tề Hoàn công ⁽¹²⁾ thì là tốt nhất; không được vậy thì thừa cơ đâm chết hẳn, Đại tướng của Tần đương cầm quân ở ngoài, mà trong nước có đại loạn thì vua tôi nghi ngờ lẫn nhau, thừa cơ đó ta liên hợp các chư hầu, các chư hầu tất hợp tung, tất phá được Tần để báo thù xưa. Đó là nguyện vọng lớn của Đan tôi, mà Đan tôi chưa biết nên giao phó tính mệnh ⁽¹³⁾ cho ai, xin Kinh Kha lưu ý.

Suy nghĩ một lúc lâu, Kinh Kha đáp:

– Đó là quốc gia đại sự, tôi tài hèn, sợ không gánh vác nổi.

Thái tử, hướng tới trước, cúi đầu, van nài Kinh Kha đừng chối từ, mãi sau Kinh Kha mới nhận lời. Rồi Điền Đan tôn Kinh Kha làm thượng khanh, cấp khách xá thượng đẳng cho

* Có sách chép là Tào Muội.

(12) Tào Mạt (hay Tào Muội) làm tướng quân nước Lỗ; Lỗ thua Tề, phải dâng đất Toại Ấp cho Tề. Trong khi vua Tề là Hoàn công hội kiến với Lỗ Trang công ở đất Kha, Tào Mạt theo hầu vua Lỗ, dùng một đoạn dao, uy hiếp Tề Hoàn công, bắt Hoàn công phải trả lại Toại Ấp cho Lỗ.

(13) Ý nói: coi việc đó quan trọng như tính mệnh của mình: việc mà thành thì mình sống, bại thì mình chết.

Kinh Kha ở, đích thân ngày ngày tới vấn an, dâng cỗ thái lao (thịt bò, thịt dê, thịt heo) cùng các của quý vật lạ, thỉnh thoảng lại dâng xe ngựa cùng mỹ nữ, hễ Kinh Kha thích cái gì cũng làm thoả ý hết.

Qua một thời gian khá lâu, Kinh Kha vẫn chưa có ý sang Tần mà tướng Tần là Vương Tiễn đã phá Triệu, cầm tù vua Triệu, thu hết đất của Triệu, tiến binh xâm chiếm phía Bắc, tới biên giới phía Nam của Yên. Thái tử Đan sợ, nói với Kinh Khanh:

– Binh Tần chỉ trong sớm tối là sẽ qua sông Dịch, lúc đó dù tôi có muốn được hầu hạ túc hạ hoài hoài, phỏng còn được chăng?

Kinh Khanh đáp:

– Thái tử không nhắc thì tôi cũng đã có ý xin đi. Nhưng nay đi mà không có tin vật thì Tần chưa chắc đã tin mình. Vua Tần treo giá đầu Phàn tướng quân là một ngàn cân vàng và một áp vạn nóc nhà; nếu tôi được cái đầu của Phàn tướng quân và địa đồ đất Đốc Cang của Yên để dâng vua Tần thì vua Tần tất vui vẻ tiếp kiến tôi mà tôi mới có thể báo đáp được thái tử.

Thái tử đáp:

– Phàn tướng quân cùng khốn lại nhờ cậy Đan tôi, Đan tôi không nỡ vì việc riêng của mình mà làm thương tổn cái ý của bậc trưởng giả ⁽¹⁴⁾, xin túc hạ tính lại cho.

Kinh Kha biết thái tử không nhẫn tâm, mới lại thăm riêng Phàn Ô Kỳ, bảo:

(14) Chỉ Phàn Ô Kỳ. Cũng có thể hiểu là: làm trái cái ý của các bậc trưởng giả sẽ bị chê, một điều bất nghĩa, bất nhân;

– Tàn đối với tướng quân, có thể nói là tàn nhẫn; cha mẹ và họ hàng tướng quân đều bị Tàn giết cả rồi. Nay nghe nói Tàn treo giá đầu tướng quân là ngàn cân vàng và một ấp vạn nóc nhà, tướng quân tính sao?

Phan Ô Kì ngửa mặt lên Trời, thở dài, nước mắt rùng rùng, đáp:

– Mỗi lần nhớ tới điều đó, tôi đều đau xót tới xương tủy, mà suy nghĩ vẫn chưa ra kế gì.

Kha bảo:

– Nay có một kế có thể cứu nguy được cho vua Yên mà lại báo thù được cho tướng quân, tướng quân nghĩ sao?

– Kế đó ra sao?

– Xin được cái đầu tướng quân để dâng vua Tần, vua Tần tất mừng mà vui vẻ tiếp tôi, tay trái tôi níu lấy tay áo của hắn, tay phải tôi sẽ đâm vào ngực hắn; như vậy cái thù của tướng quân báo được mà cái nhục bị xâm lăng của Yên trừ được, tướng quân nghĩ thế nào?

Phan Ô Kì bèn vạch áo để hở một bả vai, tay này nắm chặt cổ tay kia, tiến lại, đáp:

– Đó là điều làm cho tôi ngày đêm nghiền răng dấm ngực, tới nay mới được nghe ông chỉ giáo.

Nói rồi liền tự đâm cổ mà chết.

Thái tử nghe tin, rong xe tới, ôm thây mà khóc cực thể thảm. Việc đã lỡ rồi, không biết làm sao, đành lượm thủ cấp Phan Ô Kì cho vào cái hòm, đẩy lại.

Sau đó, thái tử cho tìm những chiếc chũy thủ bén ⁽¹⁵⁾ trong

thiên hạ, được một chiếc của một người nước Triệu tên là Từ Phu nhân ⁽¹⁶⁾, bỏ trăm giạt vàng để mua, sai thợ tẩm thuốc độc, đem thử vào người, chỉ mới (chạm vào da), rớm máu như sợi tơ nhỏ, cũng đủ chết tức khắc. Rồi sửa soạn hành trang cho Kinh Kha lên đường.

Nước Yên có một võ sĩ tên là Tần Vũ Dương ⁽¹⁷⁾, mười hai tuổi đã giết người, không dám ngạo ngược ngó thẳng vào mắt; Thái tử bèn sai Tần Vũ Dương phụ tá Kinh Kha qua Tần. Kinh Kha đợi một người nữa cùng đi, người đó rất ở xa, còn chưa tới. Kinh Kha nán lại đợi. Một lát sau mà vẫn chưa đi, thái tử thấy chậm trễ, ngờ Kinh Kha đã hối hận làm cho Phàn tử tiết mà đổi ý, nên nhắc Kinh Kha lần nữa:

– Mặt trời sắp lặn rồi, Kinh Khanh không có ý muốn đi chẳng? Nếu vậy thì Đan tôi sẽ sai Tần Vũ Dương đi trước.

Kinh Kha giận, mắng thái tử:

– Lần này đi mà không trở về được là tại thằng con nít này đây ⁽¹⁸⁾. Cầm một chiếc chủy thủ mà vào nước cường Tần bất trắc kia, tôi sợ dĩ nán lại chưa đi là còn đợi ông bạn của tôi để cùng đi. Nay thái tử cho là dùng dằng thì tôi xin từ biệt!

Rồi đi, Thái tử cùng với khách khứa hay việc đó đều khăn trắng, áo trắng tiễn đưa. Tới bờ sông Dịch, tế thần Đường sá

(15) Chủy thủ là một chiếc gươm mà lưỡi ngắn, tựa như chiếc thìa.

(16) Từ phu nhân là một người đàn ông.

(17) Tần Vũ Dương (thường đọc là Tần Vu Dương) là một dũng sĩ nước Yên, rất mạnh, nhưng có tật là lúc xúc động thì sắc mắt biến đi, hóa ra trắng nhạt.

(18) Chỉ Tần Vũ Dương, Kinh Kha cho rằng Tần Vũ Dương không đủ gan dạ, sẽ làm hỏng việc.

rồi, Cao Tiệm Li gảy cây đàn “trúc”⁽¹⁹⁾, Kinh Kha ca để họa theo, thanh âm thâm thúy, ai nghe cũng nhỏ lệ, sụt sùi. Rồi lại tiến trước mà ca rằng:

 Gió vi vút chừ sông Dịch lạnh tê,
 Tráng sĩ một đi chừ không trở về.

Lại ca một điệu khảng khái bi tráng, ai nấy đều trợn mắt, tóc dựng đứng, đâm lên mào, rồi mới lên xe đi, không hề ngoái cổ lại.

Tới Tần rồi, đem lễ vật đáng giá ngàn giạt vàng dát lót viên Trung thứ tử⁽²⁰⁾ Mông Gia, một sủng thần của vua Tần. Gia vô tâu trước với vua Tần:

– Vua Yên thực tâm khiếp sợ cái uy của Đại Vương, không dám cử binh chống quân của Đại Vương, xin đem nước dâng Đại Vương để làm bề tôi, đứng ngang hàng các chư hầu, xin tiến công, phục vụ như một quận huyện của Tần giữ được tôn miếu của Tiên Vương. Nhưng vua Yên sợ sệt, không dám qua để tự bày tỏ, nên xin chặt đầu Phan Ô Kì và dâng địa đồ đất Đốc Cang của Yên; cho vào trong hòm đậy kín, vua Yên làm lễ kính dâng ở triều đình, rồi sai sứ giả yết kiến Đại Vương, chờ lệnh của Đại Vương.

Vua Tần nghe vậy, rất mừng bèn bần triệu phục bày lễ cửu tân⁽²¹⁾ để tiếp sứ giả nước Yên ở cung Hàm Dương. Kinh Kha bưng cái hòm chứa đầu lâu Phan Ô Kì tiến lên trước, còn Tần

(19) Cao Tiệm Li là một hiệp sĩ, bạn của Kinh Kha, bán thịt chó. Cao có tài gảy cây “trúc”.

(20) Trung thứ tử là một chức quan của Tần.

(21) Khi tiếp khách quý, để tỏ vẻ trọng khách, vua chúa thời đó dùng tới chín người để truyền lệnh (gọi là cửu tân); lại có thuyết cho rằng cửu tân là chín bậc: Công, hầu, bá, tử, nam, cô, khanh, đại phu, sĩ; hễ gặp lễ lớn thì hội đủ các hạng chức tước đó.

Vũ Dương bung cái hộp đựng địa đồ tiến theo sau. Tới chân bệ, Tần Vũ Dương biến sắc, run sợ, các quan Tần đều lấy làm lạ. Kinh Kha quay cười Vũ Dương, rồi hướng lên phía trước mà tạ tội cho Vũ Dương.

Vua Tần bảo Kha:

– Đứng dậy, đem bản địa đồ trong tay Vũ Dương lại đây.

Kha đỡ lấy bản đồ rồi, dâng lên, mở bản đồ ra, vừa hết thì ló ra cây chủ thủ. Rồi tay trái nắm lấy tay áo vua Tần, còn tay phải cầm cây chủ thủ đâm vua Tần, chưa đâm tới mình vua, vua Tần kinh hoảng, giăng ra đứng dậy chạy, tay áo rách toạc, gập tuốt kiếm ra. Cây kiếm quá dài, chỉ nắm được cái vỏ. Lúc đó vừa sợ vừa gập, cây kiếm lại kẹt trong vỏ, không thể tuốt ngay ra được. Kinh Kha đuổi ngay theo vua Tần, vua Tần chạy quanh cây cột, quần thần kinh ngạc vì việc xảy ra bất ngờ, lúnh quýnh không biết làm sao.

Theo pháp lệnh của Tần thì quần thần đứng hầu trên điện không được đeo một thước binh khí, các viên lang trung ⁽²²⁾ cầm binh khí đều phải đứng dưới điện không có chiếu đòi thì không được lên điện, cho nên Kinh Kha đuổi bắt vua Tần, mà quần thần hoảng hốt, gập gáp không có gì để đánh Kha, phải dùng tay không mà đập Kha. Lúc đó quan ngự y là Hạ Vô Thư lấy cái túi đựng thuốc liệng vào Kha. Vua Tần vẫn chạy chung quanh cột, hoảng hốt không biết làm sao, kẻ tả hữu nhắc:

– Đại Vương đẩy kiếm ra phía sau lưng.

(22) Tức các quan giữ trật tự trong cung.

Vua Tần bèn đẩy kiếm ra phía sau lưng (rồi tuốt ra được), chém đứt vế trái của Kinh Kha, Kinh Kha té, phóng cây chủy thủ vào vua Tần, không trúng, mà trúng cột. Vua Tần lại chém Kha, Kha bị hết thầy tám nhát, tự biết là việc không thành, dựa cột mà cười, ngồi xoạc chân ra mắng vua Tần:

- Sở dĩ việc không thành là vì ta muốn bắt sống mi, buộc mi phải trả lại những khế ước chiếm đất đem về báo đáp thái tử.

Kẻ tả hữu đã tiến lên chém chết Kinh Kha rồi, vua Tần còn bàng hoàng một lúc lâu, rồi mới luận công, kể tội quần thần, thưởng phạt tùy người, cho Hạ Vô Thư hai trăm giạt vàng, bảo:

- Vô Thư yêu ta, mới lấy túi thuốc mà đánh Kha.

Do việc đó, vua Tần thêm hận Yên, gọi thêm quân đánh Triệu, xuống chiếu sai Vương Tiễn đánh Yên. Mười tháng sau chiếm được thành Kế⁽²³⁾ của Yên. Vua Yên là Hỉ và Thái tử là Đan đều đem hết tinh binh ra phía Đông để giữ Liêu Đông, tướng Tần là Lí Tín truy kích vua Yên, vua Yên nguy cấp, nghe kế của vua Đại là Gia⁽²⁴⁾, giết thái tử Đan để dâng vua Tần, Tần vẫn tiến binh đánh, năm năm thì diệt trọn nước Yên, bắt sống vua Yên là Hỉ, mà thôn tính được hết thiên hạ.

Về sau bạn của Kinh Kha là Cao Tiệm Li, gảy cây đàn trúc vào yết kiến Tần Hoàng Đế, lấy cây đàn đập Tần Hoàng Đế để báo thù cho Yên, đập không trúng, bị giết.

(23) Kế thành là kinh đô của Yên.

(24) Sau khi nước Triệu bị diệt, một vị công tử của Triệu tên là Gia, dắt vài trăm người trong họ qua đất Đại, tự lập làm Đại Vương (vua ước Đại).

CHƯƠNG IX

Tống, Vệ sách

Nước Tống nay thuộc tỉnh Hà Nam. Đời Thương, một bà thái mẫu của vua Trụ (1154-1123) có một người con tên là Khải (Vi tử) được phong đất ở đó, đô thành ở Thương Khâu (nay thuộc tỉnh Hà Nam). Tới đời Tống vương tên là Yến, Tề, Ngụy và Sở chiếm Tống, mỗi nước chia một phần, và Tống diệt vong từ đó.

* * *

Nước Vệ là đất phong của Khang Thúc, em Chu Võ cương, (1134 - 1115), đô thành ở Triệu Ca (nay thuộc tỉnh Hà Nam). Đến đời Vệ Văn công, dời đô qua Sở Khâu (nay cũng thuộc tỉnh Hà Nam), đời Vệ thành công lại dời đô qua Đế Khâu (nay thuộc tỉnh Trực Lệ); cuối cùng bị Tần diệt. Nước Vệ nằm trên một phần tỉnh Trực Lệ và một phần tỉnh Hà Nam hiện nay.

Tống

1

KINH HỨA HẢO VỚI TỐNG (Tề công Tống)

Tề đánh Tống, Tống sai Tạng tử ⁽¹⁾ qua cầu với nước Kinh ⁽²⁾. Vua Kinh rất mừng, cực lực hứa giúp. Tạng tử lo lắng quay về; người đánh xe hỏi:

– Cầu cứu mà được, mà lại có vẻ lo là tại sao?

Tạng tử đáp:

– Tống nhỏ mà Tề lớn. Cứu nước nhỏ là Tống để bị nước lớn là Tề ghét, đáng lẽ vua Kinh phải lo lắng về điều đó, vậy mà Kinh rất vui vẻ thì tất là có ý hứa hảo để ta kiên nhẫn chống Tề; ta kiên nhẫn chống Tề, Tề sẽ mệt mỏi, suy nhược, thế là có lợi cho Kinh.

Tạng tử về tới Tống, vua Tề (Tuyên vương) đánh Tống, chiếm được năm thành; quả nhiên cứu binh của vua Kinh không tới.

(1) Tạng tử, cũng gọi là Tạng Tôn tử, là người nước Tống.

(2) Nước Kinh tức nước Sở. Vua Kinh ở đây là Sở Uy vương.

2

MẶC TỬ CAN VUA SỞ ĐỪNG ĐÁNH TỔNG

(Công Thâu Ban vị Sở thiết cơ)

Công Thâu Ban ⁽¹⁾ vì Sở chế tạo một cái máy để dự bị đánh Tống. Mặc tử ⁽²⁾ hay tin, đi một vạn dặm, chân chai rộp lên như cái kén, lại thăm Công Thâu Ban, bảo:

- Tôi ở Tống nghe tiếng ông, muốn lại giúp ông giết vua Tống (Cảnh công).

Công Thâu Ban đáp:

- Tôi tuyệt nhiên không có ý muốn giết vua Tống.

Mặc tử bảo:

- Nghe nói ông chế tạo một kiểu thang mây ⁽³⁾ để dự bị đánh Tống. Nước Tống có tội gì? Bản ý của ông đã không phải là giết vua Tống, mà ông lại (chế tạo thang để) đánh nước Tống, như vậy là ông không muốn giết ít người mà muốn giết nhiều người. Xin hỏi ông: đánh Tống là có nghĩa gì?

Công Thâu Ban chịu phục lời của Mặc tử, dẫn Mặc tử vô yết kiến vua Sở. Mặc tử yết kiến vua Sở, bảo:

- Nay có một người không thích chiếc xe đẹp đẽ của mình,

(1) Công Thâu Ban là một người rất thông minh của nước Lỗ, Có sách lại cho rằng Công Thâu Ban là tên hiệu của Lỗ Ban, tổ sư của nghề thợ mộc.

(2) Mặc tử tức Mặc Dịch, triết gia chủ trương thuyết kiêm ái (yêu mọi người như người thân của mình).

(3) Tức một kiểu thang rất cao (như dụng mây) do xe chở đi để tấn công các thành thời xưa.

thấy nhà hàng xóm có chiếc tồi tàn mà muốn lấy trộm; không thích những quần áo gấm vóc của mình, thấy nhà hàng xóm có chiếc áo cộc bằng vải thô mà muốn lấy trộm; không thích gạo thơm thịt béo của nhà mình, thấy nhà hàng xóm có tấm cám mà muốn lấy trộm, như vậy là hạng người ra sao?

Vua Sở đáp:

– Nhất định là kẻ đó có tật ăn cắp rồi!

Mặc tử bảo:

– Nước Kinh đất vuông năm ngàn dặm, nước Tống vuông năm trăm dặm, như vậy không khác gì chiếc xe đẹp đẽ so với chiếc xe tồi tàn, nước Kinh có đất Vân Mộng đầy các loài tê, loài hủy⁽⁴⁾, hươu nai, có sông Trường Giang và sông Hán Thủy đầy ba ba, giải, kì đà, là nước phong phú trong thiên hạ, còn Tống là nước không có tới con trĩ, con thỏ, con giếc, như vậy không khác gì gạo thơm thịt béo so với tấm cám; nước Kinh có loại tùng cao, loại tử có vân, loại nam lớn, loại dự, loại chương⁽⁵⁾, còn nước Tống thì không có loại cây lớn, như vậy không khác gì áo quần bằng gấm so với áo cộc bằng vải thô. Tôi cho rằng Đại Vương sai người đánh Tống thì có khác gì hành động của kẻ tôi mới nói đó không?

Vua Sở đáp:

– Phải lắm! Tôi xin thôi không đánh Tống.

(4) Hủy là con tê cái.

(5) Tử, nam, dự chương đều là những loại cây quý.

5

MUỐN KHỎI MẤT ĐỊA VỊ (Vị Đại Doãn viết)

Có kẻ bảo Đại Doãn: ⁽¹⁾

– Vua mỗi ngày một lớn, rồi sẽ tự biết điều khiển việc nước, lúc đó ông sẽ không được dùng nữa. Ông nên làm sao cho vua Sở khen vua là có hiếu, như vậy vua sẽ không đoạt quyền của Thái hậu mà ông sẽ được dùng hoài ở Tống.

6

TÔ TẦN KHUYÊN TÊ CHO TỐNG CẦU HÒA (Tống dữ Sở vi huynh đệ)

Tống với Sở kết thân làm nước anh em; Tề đánh Tống, vua Sở hứa cứu Tống, Tống dựa vào uy thế của Sở mà cầu hòa với Tề, Tề không nghe, Tô Tần thay Tống mà bảo tướng quốc nước Tề:

– Nên cho Tống cầu hòa để biểu thị rằng Tống dựa vào uy thế của Sở để xin hòa với Tề. Như vậy Sở tất giận, sẽ tuyệt giao với Tống mà thân phục Tề; Tề, Sở liên hợp với nhau rồi, lúc đó đánh Tống sẽ dễ.

(1) Đại Doãn là một ông quan của Tống. Lúc đó vua Tống còn nhỏ, Thái hậu cầm quyền, tin dùng Đại Doãn.

7

THUẬT BÁCH CHIẾN BÁCH THẮNG

(Ngụy Thái tử tự tướng)

Thái tử nước Ngụy (tên là Thân) tự cầm quân đánh Tề, đi qua đất Ngoại Hoàng của Tống. Một người ở Ngoại Hoàng tên là Từ tử báo thái tử:

– Tôi có thuật bách chiến bách thắng, Thái tử chịu nghe tôi không?

Thái tử đáp:

– Xin nghe.

Khách (tức Từ tư) báo:

– Tôi sẵn sàng xin gắng sức. Nay thái tử tự cầm quân đánh Tề, như đại thắng, thôn tính được đất Cử, thì giàu bất quá là có nước Ngụy, sang bất quá là làm vua; nếu không thắng thì vạn đời sau không còn nước Ngụy ⁽¹⁾. Đó là cái thuật bách chiến bách thắng của tôi.

Thái tử đáp:

– Phải. Tôi nhất định xin nghe lời ông mà đem binh về.

Từ tử báo:

– Thái tử tuy muốn đem binh về, mà tôi sợ không về được đâu! Có những chiến sĩ của Ngụy muốn lợi dụng chiến công của thái tử để thoả mãn ý riêng của họ, bọn họ rất đông. Thái tử tuy muốn đem binh về mà tôi sợ không về được đâu!

(1) Theo Hứa Khiếu Thiên thì có nghĩa là: Ngụy không thắng được Tề thì thái tử chết, mà vua Ngụy sẽ không còn người nối dõi.

Thái tử lên xe, đòi trở về nước. Người đánh xe bảo:

– Mới xuất quân, vô cố quay về, thì bị tội cũng như là thua chạy, không bằng cứ tiến lên.

Rồi tiến lên, giao chiến với Tề, thái tử tử trận, rốt cuộc là không giữ được nước Ngụy.

8

TRUYỆN CON SẼ ĐỂ CON NHẬN (Tống Khang vương chi thời)

Thời Tống Khang vương (tên là Yển) có một con sẽ để một con nhận con ở góc tường một tòa thánh. Vua Tống sai quan Thái sử bói xem cát hung ra sao. Quan Thái Sử đáp:

– Nhỏ mà sanh lớn, Đại Vương tất làm bá chủ thiên hạ.

Khang vương rất mừng, bèn diệt nước Đằng, đánh nước Tiết⁽¹⁾, chiếm đất Hoài Bắc. Rồi lại càng tự tin, muốn thành ngay nghiệp bá, cho nên lấy tên bắn Trời, lấy roi quất đất, phá nền xã tắc mà đốt rụi hết, bảo rằng “Thiên địa quỷ thần phải phục tòng uy lực ta”, chửi mắng các vị quốc lão nào lên tiếng can gián, chế ra một kiểu mào không che tới trán⁽²⁾ để biểu thị uy dũng của mình, bữa

(1) Đằng là nước nhỏ, nay thuộc tỉnh Sơn Đông. Tiết cũng vậy. Hai nước đó ở gần nhau.

(2) Bản Thương Vụ ấn thư quán và bản của Quảng Ích thư cục đều chép: mạ quốc lão gián viết vi vô nhan chi quan, Thương Vụ chấm câu sau chữ viết Quảng Ích chấm câu sau chữ gián Bản Tân Lục thư cục chép là : mạ quốc lão gián giả. Crump ngờ rằng nguyên văn ở đây chép lộn, tạm dịch là: mắng các vị quốc lão là những vị đầu tóc không có mặt (faceless headdresses). Chúng tôi tạm theo lời giải thích của Hứa Khiếu Thiên và Diệp Ngọc Lân mà dịch như trong bài.

những cái lưng gù, chặt cẳng những kẻ sáng sớm qua sông ⁽³⁾, dân chúng kinh hoàng.

Tề hay tin, đem quân đánh Tống, dân Tống tán loạn, thành không ai giữ, Khang vương phải trốn vào quan Nghệ hầu, rồi bị bắt được ⁽⁴⁾ giết chết.

Thấy điềm lành mà không làm điều lành thì điềm lành trở ngược lại thành tai họa ⁽⁵⁾.

(3) Nguyên văn các bản đều chép: triệu thiệp (sáng sớm lội qua sông). Nhưng sau lại chặt chân những kẻ sáng sớm qua sông. Nguyên văn cũng đáng ngờ lắm. Crump ngờ là triệu bộ và giảng là những bàn chân quay mặt vào nhau (Soles of the feet facing each other) tức những chân đi chữ bát (?); nhưng khi dịch thì ông vẫn theo lời giải thích từ xưa tới nay là: sáng sớm qua sông.

(4) Nguyên văn: toại đắc nhi tử. Chúng tôi theo Hứa Khiếu Thiên và Diệp Ngọc Lân mà dịch như vậy. Crump dịch là: đau rồi chết.

(5) Năm thứ 29 đời Chu Noãn vương, Tề, Sở và Ngụy diệt Tống, chia làm ba, mỗi nước chiếm một phần.

Vệ

9

NAM VĂN TỬ ĐOÁN ĐƯỢC DẤ TÂM CỦA TRÍ BÁ

(Trí Bá dục phạt Vệ)

Trí Bá muốn đánh Vệ, gởi tặng vua Vệ bốn trăm con ngựa tốt và một đôi bạch bích ⁽¹⁾. Vua Vệ rất vui, quần thần đều chúc mừng, mà Nam Văn tử có vẻ lo. Vua Vệ hỏi:

- Cả nước đều rất vui mà riêng ông có vẻ lo là tại sao?

Văn tử đáp:

- Không có công mà được thưởng, không phí sức mà được lễ

(1) Bích là một thứ ngọc màu xanh lợt. Bạch bích là thứ ngọc trắng xanh. Nguyên văn là "bạch bích nhất"; có sách giải thích là một đôi ngọc bích; có sách lại giải thích là một chiếc vòng ngọc bích.

vật, điều đó không thể không xét được. Bốn trăm con ngựa tốt và một đôi bạch bích, đó là lễ vật của một nước nhỏ dâng một nước lớn, mà ngược lại, nước lớn đem gởi tặng nước nhỏ, xin nhà vua suy nghĩ xem.

Vua Vệ đem lời đó báo cáo cho các quan ở biên cương biết (để đề phòng). Quý nhiên Trí Bá dấy binh đánh úp nước Vệ, tới biên giới Vệ rồi quay về, bảo:

- Nước Vệ có người hiền, đã đoán trước được mưu của ta.

10

NAM VĂN TỬ MỘT LẦN NỮA ĐOÁN ĐƯỢC DÃ TÂM CỦA TRÍ BÁ

(Trí Bá dục tập Vệ)

Trí Bá muốn đánh úp Vệ, làm bộ đuổi thái tử đi, bảo thái tử trốn qua Vệ, Nam Văn tử bảo:

- Thái tử Nhan là con của Trí Bá, được Trí Bá rất sủng ái, không phạm tội lớn nào mà bị đuổi, tất có nguyên do gì khác đây.

Rồi sai người tiếp đón thái tử ở biên giới, dặn bảo người đó:

- Nếu thấy thái tử có trên năm cỗ binh xa thì phải cẩn thận, không cho vô côi đấy.

Trí Bá hay tin, bèn ngưng việc đánh úp nước Vệ

12

NGÔ HẠ TIÊN SINH NÓI GIÚP KHÁCH NƯỚC VỆ

(Vệ sử khách sứ Ngụy)

Nước Vệ sai người “khách” ⁽¹⁾ qua phụng sự Ngụy, ba năm mà người đó không được yết kiến vua Ngụy, nên đâm lo, lại thăm Ngô hạ tiên sinh ⁽²⁾, hứa hễ nói giúp thì sẽ tặng trăm giạt vàng. Ngô hạ tiên sinh nhận lời, rồi vô yết kiến vua Ngụy, bảo:

– Tôi nghe nói Tần xuất binh, chưa biết tiến về phía nào. Tần và Ngụy tuy giao thiệp với nhau mà đã lơ là từ lâu rồi. Xin Đại Vương chuyên phụng sự Tần, đừng tính kế gì khác.

Vua Ngụy đáp: Phải.

Ngô hạ tiên sinh đi ra, tới cửa quách (cửa ngoài) rồi quay lại, bảo:

– Tôi sợ Đại Vương thờ Tần bây giờ trễ rồi.

Vua Ngụy hỏi:

– Tại sao?

– Thường tình là người ta chậm chạp trong việc phụng sự người. Nay Đại Vương chậm trễ việc phụng sự mình thì làm sao có thể mau mắn trong việc phụng sự người được?

(1) Khách là người nước khác lại giúp việc cho nước mình. Ở đây là người nước Vệ qua làm quan cho Ngụy.

(2) Ngô hạ tiên sinh, chính nghĩa là “ông có nhà ở dưới gốc cây ngô đồng”.

– Sao ông biết vậy?

– Ông khách nước Vệ bảo: “Qua đây để phụng sự Đại Vương ba năm rồi mà không được yết kiến Đại Vương”. Do đó mà tôi biết rằng Đại Vương chậm trễ về việc phụng sự mình.

Vua Ngụy bèn ra tiếp khách của nước Vệ.

14

NÓI KHÔNG NHẪM LÚC

(Vệ tự quân thời)

Thời tự quân (ông vua nối ngôi - không rõ là ai) của Vệ, có một tội nhân làm khổ dịch xây thành trốn qua Ngụy. Vua Vệ bỏ ra trăm giạt vàng để chuộc, Ngụy không chịu; Vua Vệ lại xin đem đất Tả để chuộc. Quân thần can:

– Đem một khu đất đáng giá trăm nén vàng chuộc một tội nhân làm khổ dịch, phỏng có nên chăng?

Vua đáp:

– Việc nước, nếu không trị cái nhỏ thì sẽ gây cái họa lớn. Giáo hóa, hiểu dụ rõ ràng cho dân thì dù chỉ có một thành ba trăm nóc nhà, nước cũng gọi là trị; còn nếu như dân mà không còn liêm sỉ thì dù có mười đất Tả, phỏng dùng được việc gì? ⁽¹⁾

* * *

(1) Bài Tân lục thư cục và bản Quảng Ích thư cục đều tách đoạn trên đó với đoạn dưới, thành hai bài. Bản Thương Vụ ấn thư quán gom lại là một. Chúng tôi nghĩ gom lại thì phải hơn. Vì phần dưới tác giả dẫn thêm câu chuyện nữa để tỏ rằng tự quân của Vệ nói không nhầm lúc, cũng nực cười như có dâu nước Vệ vậy.

Có người nước Vệ đón dâu. Cô dâu lên xe, hỏi:

– Hai con ngựa hai bên là của ai?

Người đánh xe đáp:

– Mượn của người ta.

Cô dâu bảo người đẩy tở:

– Có người đánh thì đánh hai con hai bên, đừng quất hai con ở giữa ⁽²⁾.

Xe tới cửa, lúc xuống xe dặn người theo hầu:

– Tắt bếp đi kéo cháy nhà.

Vô phòng rồi thấy cái cối đá, bảo:

– Dời nó lại dưới cửa sổ kia, kéo vướng chân người qua lại.

Chủ nhân cười. Ba lời đó của cô dâu đều là những lời nên nói cả, nhưng nói ra không khỏi làm cho người ta cười chỉ vì nói không nhằm lúc ⁽³⁾.

(2) Một cỗ xe thời xưa đánh bốn ngựa, hai con ở hai bên gọi là "tham", hai con ở giữa gọi là "phục". Nguyên văn là "phụ tham": chữ "phụ" này các từ điển giảng là vỗ về; Diệp Ngọc Lân lại dịch là "đả" = đánh, Cao Dụ (bản của Thương vụ ấn thư quán) cũng chú thích là "kích" = đánh. "Đánh" hợp với nghĩa trong bài hơn.

(3) Vì cô dâu mới về nhà chồng mà đã có giọng bà chủ.

CHƯƠNG X

Trung Sơn sách

Trung Sơn là nước của một giống người Bạch Địch (một rợ ở phương Bắc), đất nay thuộc tỉnh Trực Lệ. Năm 20 đời Chu Noãn vương (295 trước T.L) bị nước Triệu diệt.

2

TRƯƠNG ĐĂNG DÙNG MÙU GẠT TÊ (Tê Thủ lập ngũ vương)

Tê Thủ ⁽¹⁾ lập vua năm nước ⁽²⁾ làm vương, mà vua Trung Sơn được lập sau cùng. Vua Tê bảo vua Triệu và vua Ngụy:

– Quả nhân xấu hổ phải cùng nhận tước vương với vua Trung Sơn, xin cùng với quý quốc đánh vua Trung Sơn để phế cái tước vương của hắn.

Vua Trung Sơn nghe tin, hoảng sợ, vời Trương Đăng ⁽³⁾ lại bảo:

– Quả nhân mới nhận tước vương mà vua Tê bảo vua Triệu và vua Ngụy rằng xấu hổ vì cùng nhận vương với quả nhân, nên muốn đánh quả nhân. Quả nhân sợ nước sẽ bị diệt, không ham gì làm vương; ngoài ông ra thì không ai cứu được quả nhân.

Đăng đáp:

– Nhà vua cấp cho tôi nhiều xe và tiền, tôi xin đi yết kiến Điền Anh ⁽⁴⁾.

Vua Trung Sơn bèn sai Trương Đăng qua Tê, Trương Đăng yết kiến Điền Anh, bảo:

(1) Tê Thủ: không biết rõ là ai, ngờ là Công Tôn Diễn. Tê thủ có quyền hành gì mà cho vua năm nước xưng vương?

(2) Năm nước đó là Tế, Triệu, Ngụy, Yên và Trung Sơn.

(3) Trương Đăng là một bề tôi của vua Trung Sơn.

(4) Điền Anh tức là Tiết Công, hiệu là Tinh Quách quân.

– Tôi nghe nói nhà vua muốn phế tước vương của vua Trung Sơn, sẽ cùng với Triệu và Ngụy đánh Trung Sơn, kế đó lắm rồi! Trung Sơn là nước nhỏ mà ba nước lớn cùng đánh thì dù là điều quan trọng hơn sự bỏ tước vương, vua Trung Sơn cũng phải nghe. Vua Trung Sơn hoảng sợ, tất bỏ tước vương mà xin phụ thuộc Triệu, Ngụy, như vậy là nhà vua đuổi dê cho Triệu, Ngụy bắt về ăn thịt, không phải là cái lợi cho Tề. Sao bằng bảo Trung Sơn bỏ tước vương đi mà qui phục Tề?

Diễn Anh hỏi:

– Muốn vậy thì làm sao bây giờ?

Trương Đãng đáp:

– Nay nhà vua vờ Trung Sơn lại, cùng hội kiến, hứa cho xưng vương, như vậy vua Trung Sơn tất mừng mà tuyệt giao với Triệu và Ngụy, Triệu và Ngụy tất giận mà đánh Trung Sơn, Trung Sơn gặp nguy cấp, lại biết rằng nhà vua xấu hổ vì cùng mang tước vương với vua Trung Sơn, thì tất hoảng sợ, bỏ phát tước vương đi để phụng sự Tề. Vua Trung Sơn vốn lo mất nước; nay nhà vua phế được tước vương lại chiếm được Trung Sơn, kế đó hay hơn kế đuổi dê cho Triệu và Ngụy.

Diễn Anh bảo:

– Vâng.

Trương Sửu ⁽⁵⁾ can:

– Không nên. Tôi nghe nói: đục vọng giống nhau thì ghét lẫn nhau, lo lắng như nhau thì thân thiết với nhau. Nay năm

(5) Trương Sửu là bề tôi của vua Tề.

nước đều được lập làm vương, riêng có Tề ⁽⁶⁾ không chịu cùng nhận tước vương với Trung Sơn, như vậy là dục vọng đều giống nhau ở chỗ là xưng vương mà lo lắng thì ở chỗ ngại Tề can thiệp. Nay nếu vờ vua Trung Sơn lại hội kiến, hứa cho ông ta xưng vương, như vậy là cướp đoạt của năm nước ⁽⁷⁾ mà làm lợi cho Tề, dung nạp Trung Sơn mà cách tuyệt với bốn nước kia ⁽⁸⁾, bốn nước kia tất sợ, hứa trước cho Trung Sơn xưng vương mà cố ý thân cận với Trung Sơn mà mất bốn nước kia. Vả lại Trương Đẳng là người khéo dùng âm mưu giúp cho Trung Sơn từ lâu rồi, khó tin được lời ông ta mà cho rằng kế đó có lợi cho Tề.

Diễn Anh không nghe, quả nhiên mời vua Trung Sơn lại, hứa cho xưng vương. Trương Đẳng bèn báo vua Triệu và vua Ngụy:

- Tề muốn đánh Hà Đông.

- Sao biết?

- Tề rất xấu hổ là phải mang tước vương cùng với Trung Sơn. Nay vờ vua Trung Sơn qua hội kiến, hứa cho xưng vương, như vậy tất là có ý muốn dùng quân của Trung Sơn. Quý quốc nên cho Trung Sơn xưng vương trước đi, để ngăn cản sự hội ngộ của Tề và Trung Sơn.

Triệu và Ngụy bằng lòng, quả nhiên cho vua Trung Sơn tước vương và thân thiện với Trung Sơn; quả nhiên Trung Sơn tuyệt giao với Tề mà phục tùng Triệu, Ngụy.

(6) Nguyên văn: "phụ hải", chỉ nước Tề vì Tề ở gần bể (phụ là cây vào, dựa vào).

(7) Năm nước hay bốn nước?

(8) Bốn nước hay ba nước?

4

CÔNG TÔN HOÀNG NÓI THỰC MÀ BỊ NGHI
(Tư Mã Hi sứ Triệu)

Tư Mã Hi đi sứ qua Triệu, nhờ Triệu nói giúp để mình được làm tướng quốc nước Trung Sơn. Công Tôn Hoằng ⁽¹⁾ ngầm biết được. Vua Trung Sơn đi ra khỏi cung, Tư Mã Hi đánh xe, Công Tôn Hoằng ngồi chung xe với vua. Hoằng hỏi:

– Làm bẽ tôi mà mượn cái uy thế của một ngoại quốc cường thịnh để xin giùm cho mình được làm tướng quốc, nhà vua cho hạng người đó ra sao?

Vua Trung Sơn đáp:

– Ta sẽ ăn thịt kẻ đó cho kỳ hết, không nhường cho ai.

Tư Mã Hi dập đầu xuống cây đòn dựa ở trước xe, bảo:

– Kẻ hạ thần tự biết là sắp chết đến nơi!

Vua hỏi:

– Sao vậy?

– Thần đáng tội chết.

Vua bảo:

– Cho xe chạy đi, ta hiểu rồi!

Ít lâu sau, sứ giả nước Triệu tới, xin Trung Sơn cho Tư Mã Hi làm tướng quốc, vua Trung Sơn ngờ rằng Công Tôn Hoằng bày mưu hại Tư Mã Hi, Công Tôn Hoằng phải chạy trốn ra nước ngoài.

(1) Tư Mã Hi và Công Tôn Hoằng đều là bẽ tôi Trung Sơn.

5

ĐIỀN GIẢN GIÚP TƯ MÃ HI (Tư Mã Hi tam tướng Trung Sơn)

Tư Mã Hi ba lần làm tướng quốc ở Trung Sơn; nàng Âm Giản ⁽¹⁾ ghét ông ta. Điền Giản bảo Tư Mã Hi

– Sứ giả nước Triệu tới dò xét tình hình Trung Sơn, sao ông không bảo họ rằng nàng Âm Giản rất đẹp. Vua Triệu biết được, tất xin cho được nàng, vua mình mà cho thì ông không lo gì ở phía trong nữa ⁽²⁾; còn như vua mình không cho vua Triệu thì ông nhân đó khuyên vua lập nàng Âm Giản làm chính cung, nàng sẽ mang ơn ông vô cùng.

Tư Mã Hi làm theo kế đó, quả nhiên vua Triệu xin nàng Âm Giản, vua Trung Sơn không cho. Tư Mã Hi bảo vua:

– Nhà vua từ chối vua Triệu, vua Triệu tất cả giận, mà cả giận thì nhà vua tất nguy. Nhưng nếu lập nàng Âm Giản làm chánh cung thì không có lý gì vua Triệu đi xin vợ của người không được mà rồi oán người.

Điền Giản tự khoe rằng: làm theo như vậy có thể khiến cho sứ thần của Triệu (vô tình) giúp Tư Mã Hi ⁽³⁾, lại có lợi cho Âm Giản, lại làm cho vua Triệu không xin nàng Âm Giản nữa.

(1) Âm Giản là một cung phi của vua Trung Sơn, được vua Trung Sơn rất sủng ái vì nàng rất đẹp.

(2) Nghĩa là khỏi lo bị Âm Giản hại.

(3) Nguyên văn: Điền Giản tự vị thủ sử, khả dĩ vị Tư Mã Hi... Diệp Ngọc Lân không dịch hai chữ thủ sử; Hứa Khiếu Thiên giảng hai chữ đó là nhiệm dùng được sứ thần của Triệu; Chúng tôi phỏng theo Crump.

6

TƯ MÃ HI NGẦM GIÚP ÂM CƠ
(Âm Cơ dữ Giang Cơ tranh vi hậu)

Âm Cơ và Giang Cơ ⁽¹⁾ tranh nhau ngôi vương hậu. Tư Mã Hi bảo thân phụ ⁽²⁾ Âm Cơ:

– Việc mà thành ⁽³⁾ thì ông được phong đất và được trị dân, không thành thì sợ tới thân ông cũng không bảo toàn được. Muốn thành công, sao không lại kiếm tôi?

Thân phụ nàng Âm Cơ cúi đầu đáp:

– Đúng như lời ông nói; việc này phải tính sao?

Tư Mã Hi bèn dâng thư lên vua Trung Sơn, Thư rằng:

– Kẻ hạ thần có một kế làm cho Triệu yếu đi mà Trung Sơn mạnh lên.

Vua Trung Sơn mừng, cho vào yết kiến, bảo:

– Cho nghe kế làm sao cho Triệu yếu đi mà Trung Sơn mạnh lên?

Tư Mã Hi đáp:

– Kẻ hạ thần xin qua Triệu, xem xét địa thế hiểm trở ra sao,

(1) Âm Cơ và Giang Cơ đều là hai cung phi đẹp của vua Trung Sơn.

(2) Nguyên văn: "Âm Cơ công", Hứa Khiếu Thiên chú thích: "công" trở người cha. Diệp Ngọc Lân bỏ chữ "công" đó mà không dịch, cho rằng Tư Mã Hi nói thẳng với nàng Âm Cơ, Diệp sai.

(3) Nghĩa là nếu con gái ông được làm vương hậu.

nhân dân giàu nghèo ra sao, vua tôi hiền hay bất hiếu ra sao, rồi tùy tình hình, mà bày mưu ⁽⁴⁾, chưa thể bày tỏ với nhà vua được.

Vua Trung Sơn bèn sai Tư Mã Hi qua Triệu. Tư Mã Hi yết kiến vua Triệu, nói:

– Tôi nghe tiếng Triệu là nơi có nhiều con gái rất đẹp và hát hay. Nay tôi tới Triệu, vô kinh đô, xem xét phong tục, dung mạo, nhan sắc của nhân dân, tuyệt nhiên không thấy một người đàn bà nào đẹp. Tôi đã đi nhiều nơi, chu du khắp xứ, không đâu không tới, chưa từng thấy người đàn bà nào đẹp như nàng Âm Cơ ở nước Trung Sơn. Người nào không biết nàng tất cho nàng là tiên nữ, đẹp không sao tả nổi: từ dung mạo đến nhan sắc ăn đứt hạng tuyệt thế giai nhân rồi. Đến như lông mày, sống mũi, gò má, đầu, trán, đều đáng là bậc vương hậu của đế vương, chứ không phải là hạng cung phi của vua chư hầu.

Vua Triệu xao xuyên trong lòng, mừng rỡ, hỏi:

– Ta muốn hỏi xin nàng, ông nghĩ sao?

Tư Mã Hi đáp:

– Tôi trộm thấy nàng tuyệt đẹp nên buột miệng khen nàng như vậy; còn như cái việc Đại Vương muốn xin nàng thì tôi không dám bàn tới. Xin Đại Vương đừng tiết lộ việc đó ra nhé.

Tư Mã Hi từ biệt rồi về nước, báo cáo với Trung Sơn:

(4) Nguyên văn: "thương địch vi tư" Hứa Khiếu Thiên chú thích là: so sánh địch với mình rồi có thể được sự giúp đỡ của Triệu (hòa tha tỉ giáo, tài khả dĩ đắc. Triệu quốc bang trợ). Chúng tôi theo bản dịch của Diệp Ngọc Lân.

– Vua Triệu không phải là bậc hiền vương, không trọng đạo đức mà chỉ thích thanh sắc, không ưa nhân nghĩa mà chỉ thích dưng lực. Hạ thần nghe nói ông ta muốn hỏi xin một nàng nào đó tên là Âm Cơ.

Vua Trung Sơn nổi giận, không vui.

Tư Mã Hi bảo:

– Triệu là một cường quốc, hễ đòi thì tất được, Đại Vương không cho thì xã tắc lâm nguy, cho thì bị chư hầu cười chê.

Vua Trung Sơn hỏi:

– Vậy làm sao bây giờ?

Tư Mã Hi đáp:

– Đại Vương lập nàng làm vương hậu đi để làm tuyệt ý muốn của vua Triệu. Thế gian không ai đi hỏi xin vương hậu của một nước khác, dù có hỏi xin thì nước láng giềng cũng không bao giờ cho.

Vua Trung Sơn bèn lập Âm Cơ làm vương hậu. Triệu không hỏi xin nàng nữa.

7

TRỌNG KẺ HIỀN THÌ NGUY CHO NƯỚC

(Chú phụ dục phạt Trung Sơn)

Chú phụ (tức Triệu Vũ Linh vương) muốn đánh Trung Sơn, sai Lí Tì dò xét tình hình Trung Sơn. Lí Tì (dò xét rồi về), đáp:

- Nên đánh. Nếu nhà vua không đánh, sợ thiên hạ đánh trước mắt.

- Vì lẽ gì (mà nên đánh)?
- Vua Trung Sơn nghiêng lọng ngừng xe ⁽¹⁾, vờ bảy chục hiền sĩ từ hàng cùng ngõ hẻm về triều.
- Như vậy là hiền quân, sao lại nên đánh?
- Không phải vậy. Đề cử kẻ sĩ thì dân vụ danh mà bỏ cái gốc (tức cái thực); với kẻ hiền về triều thì kẻ làm ruộng sẽ làm biếng, mà chiến sĩ sẽ hèn yếu. Như vậy mà không mất thì là việc chưa từng thấy.

8

ÂN VÀ OÁN

(Trung Sơn quân hưởng đô sĩ đại phu)

Vua Trung Sơn thết yến đãi các quan đại phu ở đô ấp, Tư Mã Tử Ki được dự nhưng không được chia món canh thịt dê, nên nổi giận, bỏ trốn qua Sở, thuyết vua Sở đánh Trung Sơn, vua Trung Sơn phải bôn đào. (Trong lúc bôn đào) thấy có hai người cầm cây qua đi theo phía sau, vua Trung Sơn quay lại hỏi:

- Các anh theo ta làm gì?

Hai người đó đáp:

- Cha chúng tôi có lần đói gần chết, nhà vua cấp cho một vò thức ăn. Khi sắp mất, cha chúng tôi bảo: "Nếu vua Trung

(1) Dịch đúng nguyên văn: khuyh cái dũ xa. Hối xưa gặp nhau thì người ta ngừng xe lại, nghiêng lọng để chào hỏi. Đây có nghĩa là tỏ ý kính trọng kẻ sĩ.

Sơn gặp tai nạn thì các con phải đem cái chết ra mà đền đáp”. Vì vậy chúng tôi lại đây xin chết vì nhà vua.

Vua Trung Sơn bùi ngùi, ngửa mặt lên trời thở dài, bảo:

- Thi ân cho người thì không cần nhiều hay ít, mà cần đúng lúc người ta gặp tai ách; gây cho người thì không kể là lớn hay nhỏ, ngại nhất là làm thương tổn tấm lòng (tự ái) của người ta. Ta vì một chén canh thịt dê mà mất nước, và vì một vò thức ăn mà được hai bậc nghĩa sĩ.

10

BẠCH KHỞI KHUYÊN CHIÊU VƯƠNG ĐỪNG ĐÁNH TRIỆU (Chiêu vương ký tức dân)

Vua (Tần) Chiêu vương⁽¹⁾ đã cho dân nghỉ ngơi và chỉnh đốn binh sĩ, lại muốn đánh Triệu, Vũ An quân⁽²⁾ bảo:

- Không nên.

Vua bảo:

- Năm trước nước nghèo dân đói, ông không lượng sức bách tính, xin được thêm quân sĩ, lương thực để diệt Triệu. Nay quả

(1) Chúng tôi nghĩ bài này không liên quan tới Trung Sơn, đặt vào Tần sách mới phải.

(2) Tức Bạch Khởi, danh tướng của Tần, có lần chiếm được 70 thành, được phong làm Vũ An quân. Trong trận Trường Bình, quân Triệu đầu hàng hơn 40 vạn. Bạch Khởi sợ họ nổi loạn, đương đêm lập mưu giết hết.

nhân đã cho dân nghỉ ngơi để nuôi binh sĩ, súc tích lương thực, lương của tam quân gấp mấy hồi trước, mà ông lại bảo rằng “không nên”, là nghĩa làm sao?

Vũ An quân đáp:

– Trận Trường Bình, quân Tần đại thắng, quân Triệu đại bại; người Tần hoan hỉ, người Triệu sợ sệt. Dân Tần chết thì được hậu táng, bị thương thì được hậu dưỡng, kẻ khó nhọc thì được hậu đãi, cung cấp thức ăn thức uống đầy đủ, rất tốn hao tiền bạc ⁽³⁾. Dân Triệu chết thì không được thu táng, bị thương thì không được săn sóc, họ khóc lóc thương cảm lẫn nhau, gắng gượng cùng chịu cực với nhau, cày ruộng, làm việc vất vả để kiếm tiền.

Nay Đại Vương xuất quân tuy nhiều gấp mấy ngày trước, nhưng theo tôi đoán thì Triệu phòng bị kỹ cũng gấp mười ngày trước. Từ trận Trần Bình tới nay, vua tôi nước Triệu lo lắng, sáng sớm họp triều, chiều tối mới về, (trong sự ngoại giao) ngôn ngữ nhũn nhặn mà lễ vật hậu hĩnh, bên tấu bốn phương với Yên, Ngụy, liên hiệp với Tề, Sở, suy tính, khép nép, chỉ lo việc đề phòng Tần. Nước họ ở trong thì vững mạnh mà ở ngoài thì ngoại giao thành công. Đương lúc này chưa nên đánh Triệu.

Vua Chiêu vương bảo:

– Quả nhân đã phát quân rồi.

Rồi sai quan đại phu Vương Lăng ở trong quân doanh ⁽⁴⁾ cầm quân đánh Triệu. Lăng chiến đấu thất lợi, mất chức trong quân doanh. Vua Chiêu vương muốn sai Vũ An quân, Vũ An quân cáo

(3) Có sách chú thích là: đối dào tiến bạc, như vậy e ngược với ý của Vũ An quân.

(4) Có sách chú thích là: nằm lẩn ở trong quân doanh.

bệnh không đi, vua bèn sai Ứng hầu lại thăm Vũ An quân, trách rằng:

– Đất Sở vuông năm ngàn dặm, kẻ cầm kích có tới trăm vạn; trước kia ông thống suất có vài vạn quân mà vô đất Sở, hạ được thành Yên, thành Dĩnh, đốt tôn miếu của Sở, phía đông tiến tới Cánh Lăng, dân ở Sở chấn động hoảng sợ, tản cư qua phía đông ⁽⁵⁾ mà không dám đi về phía tây. Hàn, Ngụy cùng hưng binh, quân số rất đông, hơn gấp đôi quân số của ông, mà ông chiến đấu với họ ở Y Khuyết, đại phá hai quân nước đó, máu chảy trôi cả hai cái mộc lớn, chặt hai mươi bốn vạn đầu người, vì vậy mà Hàn và Ngụy đến nay còn phải xưng là phiên thuộc ở phía đông. Công đó của ông, thiên hạ không ai không biết. Nay quân Triệu đã chết ở Trường Bình mười phần đến bảy tám, nước Triệu đã hư nhược, cho nên quả nhân phát đại quân để diệt Triệu. Ông đã từng dùng số ít đánh số đông mà thắng được như thần; huống hồ nay dùng mạnh đánh yếu, dùng số nhiều đánh số ít.

Vũ An quân đáp:

– Thời đó, vua Sở (Khoảnh Tương vương) cậy nước lớn, không nghĩ đến nhân chính, mà quần thần ghen ghét nhau, kiếm cách tâng công, gièm pha nhau để được tin dùng, kẻ lương thần bị gạt bỏ, trăm họ oán ghét, thành trì không tu bổ; đã không có lương thần lại không có kẻ đề phòng, giữ thành, cho nên Khởi tôi mới kéo binh vô sâu nước họ được,

(5) Tức qua nước Tấn.

chiếm thêm nhiều thành ấp, phá cầu, đốt thuyền, để quân sĩ hết đường về mà quyết tâm thắng địch, rồi cướp bóc ngoài thành, trong đồng để có lương thực cho quân; đương lúc đó sĩ tốt của Tần coi quân ngũ là gia đình của mình, coi tướng soái là cha mẹ của mình, không hện mà thân thiết với nhau, không tính toán mà cùng tin nhau, một lòng gắng sức với nhau, chết chứ không chịu quay gót. Người Sở đánh lẻ loi cho đất của riêng mình, không ai có chí chiến đấu, vì vậy mà tôi thành công được.

Trong trận Y Khuyết, Hàn thế cô, trông cậy vào Ngụy, không muốn dùng binh trước; Ngụy lại trông vào sự tinh nhuệ của quân Hàn, muốn đẩy quân Hàn đi tiên phong. Quân hai nước đó tranh nhau phần hơn, cho nên tôi mới dùng được kế nghi binh để cầm chân quân Hàn, rồi dồn hết quân tinh nhuệ để đánh Ngụy trong lúc bất ngờ. Quân Ngụy thua rồi, quân Hàn tự nhiên tan, tôi thừa thắng đuổi theo, vì vậy mà lập được công. Đó đều là cái lẽ tự nhiên mưu tính, lợi dụng hình thế, chứ có gì là phép thần đâu!

Tần đã thắng quân Triệu ở Trường Bình, không nhân cái lúc họ chấn động hoảng sợ mà diệt đi, thấy họ sợ uy mình mà tha cho họ; khiến cho họ được cày bừa súc tích, nuôi nấng trẻ nhỏ và con côi để dân số tăng lên, sửa sang chỉnh đốn binh giáp để quân lực mạnh lên, cất thêm thành, đào thêm hào để củng cố thêm lên. Vua của họ chịu giao phó thân mình để tôn trọng kẻ sĩ cảm tử; đến nỗi kẻ thuộc hạ của Bình Nguyên quân đều sai thê thiếp may vá cho quân đội trong hàng ngũ. Bề tôi và dân chúng họ một lòng trên dưới chung sức, không khác gì

cái thời vua Việt là Câu Tiễn bị khốn ở Cối Kê. Bây giờ mà đánh Triệu tất Triệu cố thủ, khiêu khích cho họ giao chiến thì họ tất không ra, vây quốc đô của họ thì tất không hạ nổi, đánh các thành của họ thì chưa chắc đã chiếm được, cướp phá các miền ngoài thành và đồng ruộng của họ thì tất chẳng được gì. Mình xuất binh mà không thắng được thì các chư hầu tất sẽ đổi lòng, đem quân từ ngoài vào cứu; tôi thấy hại chứ chưa thấy lợi. Vả lại tôi đau, chưa đi được.

Ứng hầu xấu hổ ra về, thuật lại với Chiêu vương. Chiêu vương bảo:

– Không có Bạch Khởi thì ta không diệt được Triệu chẳng?

Rồi lại xuất quân nhiều hơn nữa, sai Vương Hột thay Vương Lăng, vây Hàm Đan tám chín tháng, quân lính chết và bị thương nhiều mà không hạ được. Vua Triệu (Hiển Thành vương) đem khinh binh tinh nhuệ đánh cướp phía sau quân Tần, Tần mấy lần bị bất lợi.

Vũ An quân bảo: không nghe kể của tôi, nay quả nhiên ra sao!

– Chiêu Vương nghe vậy, nổi giận, bèn lại thăm Vũ An quân, cố thuyết phục, bảo:

– Ông tuy đau, hãy gượng vì quả nhân nằm mà chỉ huy quân sĩ. Có công, làm mãn nguyện được quả nhân thì sẽ được trọng thưởng; còn như nếu ông không chịu đi thì quả nhân hận ông đấy!

Vũ An quân cúi đầu đáp:

– Tôi biết rằng đi thì tuy không thành công cũng tránh được tội; còn như không đi thì tuy chẳng có tội gì cũng không

tránh được bị giết. Nhưng xin Đại Vương xét kế ngu của tôi: tha cho Triệu mà nuôi dân mình, để ý tới sự biến động ở các nước chư hầu, vua nước nào sợ sệt thì vỗ về, vua nước nào kiêu ngạo thì đánh, vua nước nào vô đạo thì diệt, ra lệnh cho chư hầu, như vậy thiên hạ có thể yên được. Hà tất phải coi việc diệt Triệu là phải làm trước hết? Như vậy là “chịu khuất một kẻ bề tôi mà thắng được thiên hạ”. Nếu Đại Vương không xét kế ngu của tôi, cứ nhất định quyết tâm với Triệu, đến nỗi bắt tội tôi, như vậy là “thắng kẻ bề tôi mà phải khuất phục thiên hạ”. Cái nghiêm nghị thắng được một kẻ bề tôi đâu bằng cái uy thế thắng được thiên hạ ⁽⁶⁾. Tôi nghe rằng bậc minh quân yêu nước mình, nước đã tan rồi thì không còn phục hưng lại được nữa; người đã chết rồi thì không còn sống lại được nữa. Tôi thà cúi mình chịu tội chết chém chứ không chịu mang cái nhục làm tướng mà thua địch! Xin Đại Vương xét cho.

Chiêu Vương không đáp mà ra đi.

(6) Ý nói: Đại Vương nhất định bắt tôi phải nghe lời, nhất định muốn thắng tôi, thì có tiếng là nghiêm nghị thật, nhưng sau bằng chịu nghe lời tôi mà sau thắng được cả thiên hạ, thì cái uy thế đó mới lớn.

PHỤ LỤC

NIÊN BIỂU ĐỜI CHIẾN QUỐC

(Theo Từ Hải)

Trước	Đời Chu	
T.L	Uy Liệt vương	
403	23	Vua (Uy Liệt vương) phong ba đại phu nước Tấn là Ngụy Tư, Triệu Tịch, Hàn Kiến làm chư hầu.
	An vương	
401	1	An vương nối ngôi Uy Liệt vương.
387	15	Ngụy Văn hầu mất. Tướng Ngụy là Ngô Khởi trốn qua Sở, Sở dùng làm tướng.
386	16	Vua phong đại phu nước Tề là Điền Hòa làm chư hầu.
381	21	Sở Điệu vương mất, Ngô Khởi bị giết.
379	23	Tề Khang công mất, Điền thị thôn tính Tề.
376	26	Tam Tấn (tức Ngụy, Triệu, Hàn) phế vua Tấn là Tĩnh công, chia ba đất Tấn, Tấn mất.
375	1	Liệt vương nối ngôi An vương - Hàn diệt Trịnh.
372	4	Mạnh Tử sinh con (có thuyết khác 371-289)

Hiển vương		
368	1	Tề đánh Ngụy.
362	7	Tần Hiến công lên ngôi. Yên Văn Công lên ngôi
359	10	Tần Hiến công dùng Vệ Ưởng để biến pháp.
354	15	Tần phá được Ngụy - Ngụy vây Hàm Đan của Triệu.
353	16	Tề đánh Ngụy để cứu Triệu.
351	18	Hàn dùng Thân Bất Hại làm tướng quốc.
350	19	Tần Hiến công dời đô lại Hàm Dương, bắt đầu bỏ chính sách tinh điền.
343	26	Tần Hiến công xưng bá. Các chư hầu đều tới mừng.
341	28	Ngụy đánh Hàn, Tề đánh Ngụy, quân Ngụy thua to.
340	29	Tần đánh Ngụy, Ngụy dâng Tần đất Hà Tây, dời đô qua Đại Lương.
338	31	Tần Hiến công chết, Huệ Văn vương nối ngôi, giết Vệ Ưởng.
334	35	Tề, Ngụy xưng vương - Sở diệt Việt,
333	36	Yên, Hàn, Triệu, Ngụy, Tề, Sở hợp tung để chống Tần, Tô Tần làm tung trưởng (chỉ huy phe hợp tung).

332	37	Tô Tần bỏ Triệu, phe hợp tung tan.
325	44	Tần xưng vương.
323	46	Trương Nghi của Tần qua làm tướng quốc Ngụy. Hàn, Yên đều xưng vương.
321	48	Tề phong Điền Văn làm Mạnh Thường quân.
Thận Cấu vương		
318	3	Sở, Triệu, Hàn, Ngụy, Yên, năm nước đánh Tần, thua.
317	4	Tần đại thắng Hàn ở Tu Ngự. Tề giết Tô Tần - Trương Nghi lại làm tướng quốc Tần.
316	5	Tần chiếm đất Thục - Vua Yên Khoái nhường nước cho tướng quốc là Tử Chi.
Noãn vương		
314	1	Tề Tuyên vương diệt Yên.
312	3	Sở đánh Tần, thua to, Tần chiếm được Hán Trung. Người nước Yên lập Chiêu vương lên ngôi.
311	4	Trương Nghi đề xướng thuyết liên hoành.
307	8	Triệu Vũ Linh vương bắt đầu bận y phục rợ Hồ cho tiện cưỡi ngựa, bắn tên.

- 299 16 Tần giam cầm Sở Hoài vương, Khất Nguyên đâm đầu xuống sông Mịch La. Triệu Vũ Linh vương truyền ngôi cho con là nhỏ là Hà, tự xưng là Chủ phụ. Mạnh Thường quân làm tướng quốc Tần.
- 298 17 Mạnh Thường quân từ Tần trốn về Tề. Tề, Hàn, Ngụy hợp lực phá quân Tần ở Cửa Hàm Cốc. Triệu Huệ Văn vương phong em là thắng làm Bình Nguyên quân.
- 296 19 Sở Hoài vương chết ở Tần.
- 295 20 Triệu diệt Trung Sơn. Triệu chủ phụ (tức Triệu Vũ Linh vương) bị giết.
- 293 22 Ngụy Hàn đánh Tần, tướng Tần là Bạch Khởi đại thắng.
- 288 27 Tần Chiêu Tương vương xưng là Tây Đế, sai sứ lập vua Tề làm Đông Đế.
- 286 29 Tề diệt Tống.
- 284 31 Tướng Yên là Nhạc Nghị hạ trên 70 thành của Tề.
- 283 32 Lạn Tương Như ở Triệu dâng ngọc bích lên vua Trần.
- 279 36 Yên Chiêu vương chết, Nhạc Nghị trốn qua Triệu - Điền Đan trở về Tề. Mạnh Thường quân chết.

- 278 37 Tướng Tần là Bạch Khởi đánh Sở, hạ được đất Dĩnh, Sở dời đô qua Tần.
- 276 39 Vua Ngụy phong công tử Vô kị làm Tín Lăng quân.
- 275 40 Tần đánh Ngụy vây Đại Lương.
- 266 49 Phạm Tuy làm tể tướng Tần.
- 263 52 Sở Khảo Liệt vương lên ngôi, phong Hoàng Hiết làm Xuân Thân quân.
- 260 55 Tướng Tần là Bạch Khởi chôn bốn chục vạn quân Triệu đã đầu hàng.
- 257 58 Tần giết Bạch Khởi - Ngụy Tín Lăng quân đại thắng quân Tần.
- 256 59 Tần vô nước Chu, vua Chu dâng hết đất cho Tần.
Tới đây hết đời Chu.
- 255 Tần Ứng hầu thôi không làm tể tướng.
Sở dùng Tuân Huống (tức Tuân Tử) làm Lan Lăng lệnh.
- 254 Vua Hàn triều phục Tần.
Vua Ngụy cũng theo lệnh Tần.
- 250 Tần Hiếu Văn vương lên ngôi, được ba ngày thì chết. Trang Tương vương lên thay.
- 249 Tần dùng Lữ Bất Vi làm tể tướng. Sở diệt Lỗ.

- 247 Tần đánh Ngụy, Tín Lăng quân cầm quân năm nước thắng được Tần.
- Đời Tấn
Thủy
Hoàng đế
- 242 1 Tần Thủy Hoàng giao việc trị nước cho Văn Tín hầu Lữ Bất Vi.
- 244 3 Lý Mục, tướng nước Triệu, đánh Yên.
- 237 10 Bãi chức Lữ Bất Vi. - Thủy Hoàng nghe lời can của Lý Tư mà đuổi các khách ra khỏi Tần.
- 228 19 Triệu giết tướng Lý Mục. Vương Tiễn diệt Triệu. Công tử Triệu tên là Gia tự lập làm Đại vương (vua nước Đại).
- 227 20 Thái tử Yên tên là Đan sai Kinh Kha đâm vua Tần không trúng, Tần đánh Yên.
- 225 22 Vương Bôn diệt Ngụy.
- 224 23 Vương Tiễn đại phá quân Sở, giết tướng Sở là Hạng Yên.
- 223 24 Vương Bôn diệt Yên và Đại.
- 222 25 Vương Tiễn bình định được Giang Nam và Bách Việt.
- 221 26 Vương Bôn diệt Tề, Tần thống nhất được Trung Hoa.

TÊN MỘT SỐ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM
KÊ TRONG PHẦN I ⁽¹⁾

Bạch thoại dịch giải Chiến Quốc sách độc bản.

Bão Bư

Cao Dự

Cổ văn bình chu

Cổ văn quan chỉ

Cổ văn tích nghĩa

Cổ văn từ loại toán

Cổ văn uyên giám

Cửu thán

Chiến Quốc sách bố chú

Chiến Quốc sách Cao chú bố chính

Chiến Quốc sách chính giải

Chiến Quốc sách dật văn khảo

Chiến Quốc sách khảo thông

Chiến Quốc sách hiệu chú

Chiến Quốc sách tuyển giảng

Chiến Quốc sách tường chú

Chu Nguyên Thiện

Chung Phượng Niên

Chư Tố Canh

(1) Chúng tôi chỉ ghi những tên liên quan tới Chiến Quốc Sách và tên ít tác phẩm của Lưu Hưởng. - Tên tác phẩm in chữ ngả.

Diệp Ngọc Lân

Diêu Bá Thanh

Diêu Nãi

Dương Khoan

Đoản trường

Hoành Điền Duy Hiếu

Hộ Kỳ Đạm Viên

Hồng Phạm ngũ hành truyện luận

Khoái Thông

La Căn Trạch

Lâm Vân Minh - Lâm Tây Trọng

Liệt nữ truyện

Liệt tiên truyện

Lưu Hương - Tử Chính - Cánh Sinh

- Lưu Úc

Lương Ngọc Thăng

Mã Quốc Hàn

Ngô Sư Đạo

- Quan quân Trường

Quách Hi Phần

Quận trai độc thư chí

Quốc ngữ

Quốc sách

Quốc sự

Quốc sách khám nghiên

Sáp đồ bán Trung Quốc văn học sử

Sử kí

Sự ngữ

Tả truyện - Tả thị Xuân Thu

Tăng Cung - Tử Cổ

Tân tự

Tề tư Hòa

Tiền Mục

Tu thư

Tư Mã Thiên

Từ Càn Học

Thuyết uyển

Triệu Công Vũ

Trịnh Chấn Đạc

Trung Quốc văn học gia liệt truyện

Trung Tinh Lý Hiên

Trùng khắc Diễm Xuyên Diêu thị bán Chiến Quốc sách

Trường Văn Hồ

Trương Thư

Vu Hương Thảo

Vương Mậu

Vương Tăng Kỳ

Xuân Thu

NHÂN DANH VÀ ĐỊA DANH
TRONG PHẦN TRUYỆN

Tên đất in nghiêng. Chúng tôi đã bỏ bớt một ít nhân danh và nhiều địa danh chúng tôi cho là không quan trọng.

A

An Hi vương
An Lăng quân
Âm Cơ
Âm Giản
Âu Dã

B

Ba thực
Bào Tiêu
Bá Di
Bá Nhạc
Bách Lý Hề
Bạch Khởi
Bàng Thông (Bàng cung)
Bành Lãi
Bắc cung Anh Nhi
Biện Thù
Biển Thước
Bình Đô quân
Bình Nguyên quân
Bồ Toại

C

Cam La
Cam Mậu
Can tướng
Can Truy
Cánh Luy
Cảnh Thúy
Cao Lăng quân
Cảnh Xá
Cao Tiệm Li
Cẩn Thượng 267
Câu Tiễn
Cô Trúc
Cối kê
Công Phủ Văn Bá
Công Sư Tạ
Công Tôn Diễn
Công Tôn Hãn
Công Tôn Hoàng
Công Tôn Ưng
Công Thâu Ban

Công Thúc	Chuyên Chư
Công Trọng Bằng	<i>Chương Đài</i>
Cơ Mẫu Khôi	
Cúc Vũ	D
Cung Công	Di Lãng
Cung Tha (coi Xương Tha)	Di Tử Hà
	Dị Nhân
CH	Dịch Nha
Chi Kỳ	<i>Dịch Thúy</i>
Chích	Diệp Dương quân
Chiêu Dương	Diệp Văn Tử Cao
Chiêu Hề Tuất	<i>Dĩnh</i>
Chiêu Li hầu (Coi Hàn Chiêu hầu)	Diêu Cỗ
Chiêu Ngư	Doãn Trạch
Chu An vương	<i>Du Thứ</i>
Chu Công Đán	Dự Nhượng
Chu Hân	Dương Kiên
Chu Hiền vương	Dương Do Cơ
Chu Liệt vương	Dương Thu
Chu Noãn vương	<i>Dương Trường</i>
Chu Văn vương	Đ
Chu Tối	Đan (thái tử)
Chu Tương vương	Đằng
Chung Li tử	Đặng Sư
Chủng (đại phu)	Điền Anh

Điền Đan	Hạ Vô Thư
Điền Giản	<i>Hàm Cốc</i>
Điền Kị	<i>Hàm Đan</i>
Điền Nhu	Hàn Ai hầu
Điền Quang	Hàn Bằng (Hàn Minh)
Điền Văn (coi Mạnh Thường quân)	Hàn Công Trọng
Điêu Bột	Hàn Chiêu hầu
Đoàn Can Luân	Hàn Hiến Tử
Đoàn Can Sùng	Hàn Khang tử
Đoàn Can Việt Nhân 434	Hàn Khôi
Đoàn Qui	Hàn Liệt hầu (Ai hầu)
Đoàn Thập tử	Hàn Mân
Đốn Nhược	Hàn Phi
Đổng Ất An Vu	Hàn Tuyên Huệ vương
Động Đình	Hàn Tuyên Ngụy vương
Đường Thư (Đường Tuy)	Hàn Tương vương
	<i>Hãn Trung</i>
	Hán Minh
GI	Hào Sơn
Giang Ất (Giang Nhất)	Hạp Lư
Giang Cơ	Hiếu Kỳ
	<i>Hoa Dương</i>
H	Hoa Dương quận
<i>Hà gian</i>	Hòa Thị (ngục)
<i>Hà ngoại</i>	Hoan Mâu
Hạ Dục	Hoàn Huệ vương

Hoàng Đế

Hoàng Yết

Hoàng Yêu

Huệ Thị

Hứa Dị Hứa Do

Hứa Quán

I

Ích

K

Ké Khâu

Kệ Thạch

Ki Sắt

Ki Tử

Kì Cơ

Kị Kiếp

Kiểm Trung

Kiến Tín quân

Kiệt (vua)

Kinh Dương quân

Kinh Kha

KH

Khải

Khánh Kị

Khê Cốc

Khuất Nguyên

Khương Thái công (coi Lữ
Vọng)

L

Lão Tử

Lâm Hồ

Lâm Tri

Lâm Vũ quân

Lâu Hoãn

Lâu Phiền

Liêm Pha

Liệt Ngũ Khẩu (Liệt Tử)

Liêu Hà

Liêu Thành

Liễu Hạ Huệ

Long Dương quân

Long uyên (cây kiếm)

Lỗ Cung công

Lỗ Trọng Liên

Lương Huệ vương

Lượng Nghị

Lữ Bất Vi

Lữ Thương

Lữ Vọng (Lữ thượng)

Lý Đoái

(Nghiêm Toại)

Lý tín

Nghiêu (vua)

Lý Viên

Ngọ đạo

Ngô Hạ tiên sinh

M

Ngô Khởi

Mạc Da (Cây kiếm)

Ngũ Khanh

Mạc Ngao Đại Tâm

Ngũ Bá

Mạc Ngao Tử Hoa

Ngũ Đế

Mặc Địch (Mặc Tử)

Ngũ Tử Tư (Ngũ Viên)

Mạnh Bôn

Ngụy Ai vương

Mạnh Kha (Mạnh Tử)

Ngụy An Hi vương

Mạnh Thường quân

Ngụy Anh

Mao Tường

Ngụy Gia

Mật Tu Thị

Ngụy Huệ vương

Mông Cốc

Ngụy Mâu

Ngụy Tuyên tử

N

Ngụy Tuyên vương

Nam Chi Uy

Ngụy Văn hầu (Ngụy Hoàn Tử)

Nam Văn Tử

Ngụy Vũ Hầu

Náo Xi

Ngụy Xú phu

N.G

NH

Ngạc hầu

Nhạc Dương

Nghi Dương

Nhạc Nghị

Nghi Địch

Nhan Suất

Nghiêm Trọng tử

Nhan Xúc

Nhạn Môn

Nhiệm Chương

Ô

Ô Hoạch

PH

Phạm Hoàn

Phạm Lãi

Phạm Tọa

Phạm Tuy

Phàn Ô Kỳ

Phần Mao Bột Tô (coi Thân
Bao Tư)

Phì Nghĩa

Phù Sai

Phùng Đán (Phùng Tuy)

Phùng Huyền

Phùng Kị

Phùng Dương quân

S

Sô Kị (coi Trâu Kị)

Sở Bình vương

Sở Hạng Tương vương

Sở Hoài vương

Sở Khảo Liệt vương

Sở Khoảnh Tương vương

Sở Tuyên vương

Sở Tương vương

Sở U vương

Sở Uy vương

Súc Cao

Sử Cử

Sử Tật

Q

Quách Ngôi

Quách Yển

Quảng Yên

Quảng Trọng

Quý Hầu

Quý Khâu

Quý Lương

T

Tam Tấn

Tam vương

Tam Xuyên

Tào Mạt (Tào Muội)

Tạng Tử

Tăng Sâm

Tân Thành quân (coi Hoa
Dương quân)

Tân Viên Diễn	Tống Cảnh công
Tân Chiêu vương	Tống Khanh vương
Tân Hiếu công	Tuyên thái hậu
Tân Huệ vương	Tư Mã Hi
Tân Mục công	Tư Mã Tử Kỳ
Tân Thuỷ Hoàng	Tư Mã Thác
Tân Vũ Dương	Từ Tử
Tân Vũ Vương	Tứ (sông)
Tấn Bỉ 3	Tử Chi
Tấn Dương	Tử Hãn
Tấn Văn công	<i>Túc mặc</i>
Tây Thi	<i>Túc nhượng</i>
Tề Hoàn công	
Tề Mạo Biện	TH
Tề Mẫn vương	<i>Thạch Cừ môn</i>
Tề Tuyên vương	Thái A (cây kiếm)
Tề Uy vương	Thái Cơ
Tê Vũ	<i>Thái Hàng</i>
Tê Vương Kiến	Thái Trạch
Tỉ Can	Thang (vua) Thành Thang
Tiếp Dư	<i>Thanh hà</i>
<i>Tiết</i>	<i>Thành Cao</i>
Tín Lăng quân	Thành Kinh
<i>Toan tảo</i>	Thành Khôi
Tô Đại	Tháo Phủ
Tô Lệ	Thân Bao Tư
Tô Tần	
Tôn Thần	

Thân Đồ Dịch	Triệu Bá
Thân Bất Hại	Triệu Giản tử
Thần Nông	Triệu Hiến Thành vương
Thận Đáo	Triệu Huệ vương
<i>Thị Khâu</i>	Triệu Luỹ
<i>Thiếp Cốc</i>	Triệu Mạnh
<i>Thú Dương</i>	Triệu Tuyên tử
Thuần Vu Khôn	Triệu Túc hầu
Thuấn (vua)	Triệu Tương tử
Thúc Tề	Triệu Thích
<i>Thùy Sa</i>	Triệu Uy hậu
<i>Thương Ô</i>	Triệu Vũ linh vương
Thương Ưởng	Triệu Xa
<i>Thường Sơn (Thường Bản,</i>	Trịnh Dữu
<i>Thường Lạc Sơn)</i>	Trịnh Triều
Thượng Cận	Trọc Trạch
<i>Thượng Đẳng</i>	Trụ (vua)
TR	Trùng Nhĩ (coi Tấn Văn công)
Trang Tân	Trương Đẳng
Trần Chấn	Trương Đường
Trần Thần Tư	Trương Mạnh Đàm
Trần Thuý	Trương Mao
Trâu Diễn	Trương Nghi
Trâu Kị	Trương Sửu
Trí Bá	Trương Thuý
Trí Quá	Trường An quân
	<i>Trường Bình</i>

Trường sa

Trường Tín hầu (coi Hứa Quán)

U

Ung Thư

Uyển Phùng

V

Văn vương

Vân Mộng

Vệ Linh công

Vệ Ưởng (coi Thương Ưởng)

Vi tử

Võ vương

Vọng Chư quân (coi Nhạc Nghị)

Vô Kị (coi Tín Lăng quân)

Vu Sơn

Vũ (vua)

Vũ An quân coi Tô Tần hoặc Bạch Khởi vì hai người đó đều được phong là Vũ An quân

Vụ Quang

Vương Chung (Vương Thác)

Vương Đẩu

Vương Hột

Vương Lăng

Vương Liêu

Vương Lương

Vương Quý Lịch

Vương Tiễn

Vương Tôn Giả

Vương Tử Kiều

X

Xích Tùng tử

Xuân Thân quân

Xư Lý Tật

Xương Tha (Cung Tha)

Y

Y Doãn

Yến Anh

Yên Chiêu vương

Yên Dịch vương

Yên Huệ vương

Yên Quách

Yên Văn hầu

Yên vương Hỉ

Yên vương Khoái

Yên Lệ

MỤC LỤC

PHẦN I

GIỚI THIỆU	5
THỜI CHIẾN QUỐC	7
NGUỒN GỐC CHIẾN QUỐC SÁCH	16
GIÁ TRỊ VỀ TÀI LIỆU LỊCH SỬ	23
XÃ HỘI TRUNG HOA TRONG CHIẾN QUỐC SÁCH	31
GIÁ TRỊ CHIẾN QUỐC SÁCH VỀ PHƯƠNG DIỆN VĂN HỌC	52

PHẦN II

TRÍCH DỊCH	77
LỜI DẪN	78

CHƯƠNG I

<i>CHU SÁCH</i>	84
<i>ĐÔNG CHU</i>	86
1. TẦN ĐÒI CHÍN CÁI ĐỈNH CỦA CHU (Tần cầu Chu cứu đỉnh)	86
2. TẦN TẤN CÔNG NGHI DƯƠNG (Tần công Nghi Dương)	89
4. TÔ TỬ THUYẾT VUA TÂY CHU THÁO NƯỚC CHO ĐÔNG CHU TRỒNG LÚA NẾP (Đông Chu dục vi đạo)	92
5. TÔ LỆ NÓI GIÙM CHO TƯỚNG QUỐC CHU (Chiêu Hiến tại Dương Địch)	93

6. TẦN MƯỢN ĐƯỜNG CỦA CHU ĐỂ ĐÁNH HÀN
(Tần giả đạo ư Chu di phạt Hàn) 94
7. SỞ GIẬN CHU
(Sở công Ung Thị) 95
9. KHỎI BỊ CÁCH CHỨC
(Chu tướng Lữ Thương kiến khách ư Chu quân) 95
10. NGƯỜI ĐẤT ÔN KHÉO ĐỐI ĐÁP MÀ KHỎI BỊ GIAM
(Ôn nhân chi Chu) 97
17. TRIỆU LẤY TẾ ĐIỀN CỦA CHU
(Triệu thủ Chu chi tế địa) 98
18. VUA NƯỚC NGHÈO NÊN LỰA BỀ TÔI RA SAO?
(Đỗ Hách dục trọng Cảnh Thuý ư Chu) 98
20. TƯỚNG QUỐC CHU KHÔNG MUỐN QUA TẦN
(Tam quốc ải Tần) 99
21. XƯƠNG THA BỊ GIẾT
(Xương Tha vong Tây Chu) 100
23. CHU SỢ HÀN GIẬN VỀ VỤ NGHIÊM THỊ
(Nghiêm Thị vi tặc) 101
- TÂY CHU* 102
1. HÀN KHÁNH THUYẾT TIẾT CÔNG
(Tiết Công dị Tề vị Hàn công Sở) 102
3. DU ĐẰNG BIỆN HỘ CHO VUA CHU
(Tần linh Xư Lý Tật nhập Chu) 104
4. TÔ ĐẠI THUYẾT CÔNG TRỌNG
(Ung Thị chí dịch). 105

6.	TÔ LỆ BÀY KẾ CHO VUA CHU KHUYÊN BẠCH KHỞI ĐỪNG ĐÁNH HÀN (Tô Lệ vị Chu quân)	107
10.	TẦN VỜI VUA CHU QUA ĐỂ ĐÁNH NGỤY (Tần chiêu chu quân)	108
11.	CƠ MẪU KHÔI THUYẾT VUA NGỤY (Tê Vũ bại ự Y Khuyết)	109
14.	CUNG THA KHUYÊN CHU ĐỀ PHÒNG TẦN (Cung Tha vị Chu quân)	111

CHƯƠNG II

	<i>TẦN SÁCH</i>	112
1.	TRUYỆN VỆ ỬNG (Vệ Ửng vong Ngụy nhập Tần)	113
2.	TRUYỆN TÔ TẦN (*) (Tô Tần Thủy tương liên hoành)	115
3.	TẦN HUỆ VƯƠNG MUỐN PHÁ KẾT HỢP TUNG CỦA TÔ TẦN (Tần Huệ Vương vị Hàn Tuyên Tử)	122
5.	TRƯỞNG NGHI THUYẾT TẦN HUỆ VƯƠNG (Trương Nghi thuế Tần Huệ Vương)	123
7.	TƯ MÃ THÁC BÀN VỀ LỄ ĐÁNH THỤC (Tư Mã Thác thỉnh phạt Thục)	131
10.	TẦN GIÚP NGỤY ĐỂ NUỐT NGỤY (Sở công Ngụy)	134
11.	TẦN CHẨN ĐÁP VUA TẦN (Điền Tân chi vị Trần Chấn thuế Tần Huệ vương)	134

12.	TRẦN CHẨN LẠI ĐÁP VUA TẦN (Trần Chẩn khứ Sở chi Tần)	137
	TẦN II	140
1.	SỞ MẮC MƯU TRƯỞNG NGHI (Tê trợ Sở công Tần)	140
2.	TRẦN CHẨN THUYẾT VUA TẦN (Sở tuyệt Tần)	144
5.	BIỂN THUỐC MẮNG VUA TẦN (Y Biển Thuốc kiến Tần Vương)	146
6.	CAM MẬU SỢ TẦN VŨ VƯƠNG NGHE LỜI GIỀM PHA (Tần Vũ Vương vị Cam Mậu)	147
7.	PHÙNG CHƯƠNG GẠT VUA SỞ (Nghị Dương chi địch)	149
8.		150
9.	CAM MẬU ĐÁNH NGHI DƯƠNG (Nghị Dương vị đắc)	151
10.	HÀN, SỞ ĐỂ PHÒNG NHAU (Nghị Dương chi địch)	151
11.	CAM MẬU KHUYÊN VUA TẦN (Tần Vương vị Cam Mậu)	152
12.	TÔ ĐẠI GIÚP CAM MẬU (Cam Mậu vong Tần)	153
13.	VUA TẦN ĐUỐI CÔNG TÔN DIỄN (Cam Mậu tướng Tần)	155

16. TUYÊN THÁI HẬU BẤT NGUY XÚ PHU
CHẾT THEO MÌNH
(Tần Tuyên Thái Hậu ái Ngụy Xú Phu) 156
TẦN III
2. KHUYÊN YÊN ĐÁNH TÊ
(Tần khách khanh tạo thuế Nuơng Hâu) 158
8. PHẠM TUY DÂNG THƯ LÊN TẦN CHIÊU VƯƠNG
(Phạm Tử nhân Vương Kê nhập Tần) 160
9. PHẠM TUY THUYẾT VUA TẦN
(Phạm Tuy chí) 162
10. BỀ TÔI MẠNH QUÁ THÌ NGUY CHO VUA
(Ứng hầu vị Chiêu Vương) 170
11. ĐỪNG TẤN CÔNG ĐẤT MÀ NÊN
TẤN CÔNG NGƯỜI
(Tấn công Hàn) 173
13. CÁC KẺ SĨ TRONG THIÊN HẠ TRANH NHAU ĂN
(Thiên hạ chi sĩ hợp tung) 174
17. THÁI TRẠCH THUYẾT PHẠM TUY
(Thái Trạch kiến trực ư Triệu) 175
TẦN IV
- VUA TẦN QUYẾT ĐỊNH CẮT ĐẤT
(Tam quốc công Tần) 184
7. ĐỐN NHƯỢC THUYẾT VUA TẦN
(Tần Vương dục kiến Đốn Nhược) 186
8. HOÀNG YẾT THUYẾT VUA TẦN
THÂN THIỆN VỚI SỞ
(Khoảnh Tương Vương nhị thập niên) 188

TÂN V

- | | | |
|----|--|-----|
| 5. | LỮ BẤT VI BUÔN VUA
(Bộc Dương nhân Lữ Bất Vi) | 195 |
| 6. | CAM LA THUYẾT TRƯỞNG ĐƯỜNG
VÀ VUA TRIỆU
(Văn Tín Hầu dục công Triệu) | 199 |
| 8. | DIÊU CỖ ĐÁP VUA TÂN
(Tử quốc vi nhất) | 202 |

CHƯƠNG III

- | | | |
|-----|---|-----|
| | TÊ SÁCH | 206 |
| | TÊ I | 207 |
| 3. | NƯỚC VỚI CÁ
(Tĩnh Quách quân tương thành tiết) | 207 |
| 5. | TÊ MẠO BIÊN CỨU TRI KỶ
(Tĩnh Quách quân thiện Tê Mạo Biên) | 208 |
| 6. | TÊ CỨU TRIỆU MÀ HẠI TRIỆU LÃN NGỤY
(Hàm Đan chi nạn) | 211 |
| 8. | CÔNG TÔN HÃN MƯU HẠI ĐIỀN KỶ
(Thành hầu Trâu Kị vị tể tướng) | 212 |
| 12. | TRÂU KỶ KHUYÊN VUA TÊ NGHE LỜI CAN GIÁN
(Trâu Kị tu bát xích) | 213 |
| 16. | TÔ TÂN THUYẾT VUA TÊ THEO HỢP TUNG
(Tô Tân vị Triệu hợp tung) | 215 |
| 17. | TRƯƠNG NGHI THUYẾT VUA TÊ
THEO LIÊN HOÀNH
(Trương Nghi vị Tân liên hoành) | 218 |

TÊ II

2. TRƯƠNG NGHI LẬP MƯU ĐỂ
VỮ VƯƠNG TIN DỪNG
(Trương Nghi sự Tần Huệ vương) 220
4. VỄ RẮN THÊM CHÂN
(Chiêu Dương vị Sở phạt Ngụy) 223
7. TÔ TÂN THUYẾT VUA TÊ GIÚP TRIỆU
(Tân công Triệu Trường Bình) 224

TÊ III

1. MƯU MÔ TÔ TÂN
(Sở vương tử) 226
2. ĐOÁN TÂM LÝ VUA
(Tê vương phu nhân tử) 232
3. TÔ ĐẠI CAN MẠNH THƯỜNG QUÂN
(Mạnh Thường quân nhập Tần) 232
10. THUẦN VU KHÔN VỚI KẺ SĨ
(Thuần Vu Khôn nhất nhật nhi kiến thất sĩ) 233
11. CHÓ ĐUỐI THỎ; NÔNG PHU BẮT ĐƯỢC CẢ HAI
(Tê dục phạt Ngụy) 235

TÊ IV

1. PHÙNG HUYÊN LÀM THỰC KHÁCH
NHÀ MẠNH THƯỜNG QUÂN
(Tê nhân hữu Phùng Huyền) 236
2. CÔNG TÔN HOÀNG ĐI SỬ TÂN
(Mạnh Thường quân vi tung) 240
3. MẠNH THƯỜNG QUÂN CHƯA BIẾT TRỌNG KẺ SĨ
(Lỗ Trọng Liên vị Mạnh Thường quân) 243

4.	ĐÀM THẬP TỬ KHUYÊN MẠNH THƯỜNG QUÂN NÊN QUÊN OÁN (Mạnh Thường quân trực ư Tề)	244
5.	NHAN XÚC THUYẾT TỀ TUYÊN VƯƠNG (Tề Tuyên vương kiến Nhan Xúc)	245
6.	VƯƠNG ĐẤU YẾT KIẾN TỀ TUYÊN VƯƠNG (Tiên sinh Vương Đấu)	249
7.	TRIỆU UY HẬU HỎI THĂM NƯỚC TỀ (Tề vương sử sử giả)	252
9.	QUẢN YÊN TRÁCH KÊ SĨ (Quản Yên đắc tội)	254
	<i>TỀ V</i>	
1.	TÔ TẦN THUYẾT TỀ MẶN VƯƠNG (Tô Tần thuế Tề MẶn Vương)	255
	<i>TỀ VI</i>	
1.	TỀ MẶN VƯƠNG TÀN BẠO, MÀ BỊ CHẾT (Tề phụ quách chi dân)	266
2.	LỖ TRỌNG LIÊN THUYẾT TƯỚNG YÊN (Yên công Tề, thủ thất thập dư thành)	269
3.	QUÁN CHÂU KHUYÊN TỀ TUYÊN VƯƠNG (Yên công Tề, Tề phá)	274
4.	ĐIỀU BỘT BỆNH VỰC ĐIỀN ĐAN (Điều Bột thường ố Điền Đan)	276
5.	TẠI SAO ĐIỀN ĐAN KHÔNG THẮNG RỢ ĐỊCH (Điền Đan tương công Địch)	280

CHƯƠNG IV

	SỞ SÁCH	282
	SỞ I	
1.	TỬ TƯỢNG KHUYÊN TỔNG ĐỪNG GIÚP TÊ (Tê, Sở cầu nạn)	283
3.	CÁO MƯỢN OAI CỘP (Tuyên vương vấn quân thân)	284
5.	SỞ CỨU TRIỆU ĐỂ CHIẾM ĐẤT CỦA NGỤY (Hàm Đan chi nạn)	285
7.	GIANG ẤT GHÉT CHIÊU HỀ TUẤT (Giang Ất ở Chiêu Hề Tuất)	
8.	GIANG ẤT GIỀM PHA CHIÊU HỀ TUẤT (Giang Ất dục ở Chiêu Hề Tuất)	286
9.	AN LÃNG QUÂN XIN CHẾT THEO VUA (Giang Ất thuế ư An Lăng quân)	287
15.	VUA SỞ LỰA TỂ TƯỚNG CHO TÂN (Sở vương vấn ư Phạm Hoàn)	290
16.	TÔ TÂN THUYẾT SỞ UY VƯƠNG THEO HỢP TUNG (Tô Tân vị Triệu hợp tung)	291
17.	TRƯƠNG NGHI VÌ TÂN MÀ PHÁ THẾ HỢP TUNG (Trương Nghi vị Tân phá tung)	294
19.	MẠC NGAO TỬ HOA ĐÁP SỞ UY VƯƠNG (Uy vương vấn ư Mạc Ngao Tử Hoa)	299
	SỞ II	
1.	VIỆC ĐỀ CỬ CAM MẬU LÀM TƯỚNG QUỐC NGỤY (Ngụy tướng Địch Cường tử)	304

4. CẢN THƯỢNG BÀY KẾ CỨU TRƯỞNG NGHI
(Sở Hoài vương câu Trương Nghi) 305
7. THẬN TỬ GIẢI NẠN CHO SỞ
(Sở Tương vương vì thái tử) 307
- SỞ III
1. TIỀN HIẾN LÀ VIỆC KHÓ NHẤT
(Tô Tử vị Sở vương) 312
2. GẶP VUA SỞ KHÓ NHƯ GẶP THƯỢNG ĐẾ
(Tô Tần chi Sở) 313
4. THUẬT XOAY TIỀN CỦA TRƯỞNG NGHI
(Trương Nghi chi Sở, bản) 314
- SỞ IV
2. TRỊNH DỮ GHEN
(Ngụy vương di Sở Vương mĩ nhân) 318
4. TRANG TÂN DỪNG NGỤ NGÔN KHUYÊN
SỞ TƯƠNG VƯƠNG
(Trang Tân vị Tương vương) 319
7. DOẠ CẮT ĐẤT ĐỂ ĐƯỢC GIÚP ĐỠ
(Trường Sa chi nạn) 323
8. THUỐC BẮT TỬ
(Hữu hiến bắt tử chi dược) 324
10. CHIM KHÔNG BỊ TÊN CŨNG RỚT
(Thiên hạ hợp tung) 325
11. KẸ SĨ KHÔNG GẶP NGƯỜI BIẾT MÌNH
(Hàn Minh kiến Xuân Thân quân) 326
12. XUÂN THÂN QUÂN MUỐN LÀM CHA VUA
(Sở Khảo Liệt vương vô tử) 328

CHƯƠNG V

	TRIỆU SÁCH	333
	<i>TRIỆU I</i>	
	TRÍ BÁ QUÁ THAM MÀ BỊ DIỆT (Trí Bá suất Triệu, Hàn, Ngụy)	334
4.	TRUYỆN DỰ NHƯỢNG (Tấn tất Dương chi tôn)	340
8.	TÔ TÂN THUYẾT LÍ ĐOÀI (Tô Tân thuế Lí Đoái)	344
	<i>TRIỆU II</i>	
1.	TÔ TÂN THUYẾT TRIỆU TỨC HẦU THEO HỢP TUNG (Tô Tân tông Yên chi Triệu)	347
3.	TRƯƠNG NGHI THUYẾT TRIỆU VŨ LINH VƯƠNG THEO LIÊN HOÀNH (Trương Nghi vị Tân liên hoành)	353
4.	VŨ LINH VƯƠNG MUỐN BẠN HỒ PHỤC (Vũ Linh vương bình trú nhàn cư)	355
	<i>TRIỆU III</i>	
1.	TRIỆU XA GIẢNG TẠI SAO PHẢI TẶNG BINH LỰC (Triệu Huệ Văn vương)	365
9.	VUA TRIỆU DO DỰ KHÔNG BIẾT NÊN CẮT ĐẤT CHO TÂN HAY KHÔNG (Trần công Triệu ư Trường Bình)	367
12.	LỖ TRỌNG LIÊN CHỊU TÔN VUA TÂN LÀM ĐẾ (Tân vi Triệu chi Hàm Đan)	373

15. COI QUỐC GIA KHÔNG BẰNG MỘT THƯỚC LỰA
(Kiến tìn quân quý ư Triệu) 380
16. NẪM MỘNG THẤY VUA TÁO
(Vệ Linh công cận Ung Thư) 382
- TRIỆU VI*
1. TÊ THUYẾT TRIỆU NÊN THÂN THIỆN VỚI TÊ
(Vị Tê hiến thư Triệu vương) 383
6. PHẠM TOA SUÝT BỊ NGU KHANH HẨM HẠI
(Ngu khanh thỉnh Triệu vương) 385
12. PHÙNG KỊ YẾT KIẾN VUA TRIỆU
(Phùng Kị thỉnh kiến Triệu vương) 387
13. LỰA NGỰA VÀ LỰA TƯỚNG QUỐC
(Khách kiến Triệu Vương) 388
14. LƯƠNG NGHI ĐI SỬ TÂN
(Tân, công Ngụy, Thủ Ninh Ấp) 390
- XÚC CHIỆP THUYẾT THÁI HẬU NƯỚC TRIỆU
(Triệu Thái hậu tân dụng sự) 392

CHƯƠNG VI

NGỤY SÁCH 397

NGỤY I

1. TRÍ BÁ VÌ THAM VÀ KÊU MÀ MẮT NƯỚC
(Trí Bá sách địa ư Ngụy Hoàn tử) 398
2. NHẠC DƯƠNG ĂN THỊT CON
(Nhạc Dương vị Ngụy tướng) 400
4. NGỤY VĂN HẦU GIỮ LỜI HẸN
(Văn Hầu dữ ngu nhân kì liệp) 400

6. ĐỊA THẾ KHÔNG QUAN TRỌNG BẰNG CHÍNH TRỊ
(Ngụy Vũ hầu dữ chư đại phu ư Tây Hà) 401
9. TÔ TẦN THUYẾT VUA NGỤY HỢP TUNG
(Tô Tần vi Triệu hợp tung) 403
10. TRƯƠNG NGHI THUYẾT VUA NGỤY
THEO LIÊN HOÀNH
(Trương Nghi vị Tần liên hoành) 405
16. TRƯƠNG SỬU KHÔNG MUỐN CHO
TRƯƠNG NGHI VÔ NGỤY
(Trương Nghi tấu chi Ngụy) 408
18. UNG THỨ THUYẾT TÊ, SỞ ĐỪNG ĐÁNH NGỤY
(Trương Nghi dĩ Tần tướng Ngụy) 409
24. KẾ LI GIÁN CỦA CÔNG TÔN DIỄN
(Tể vương tương kiến Yên ...) 410
26. XEN BO, VÀO VỚI NGỰA
(Công Tôn Diễn vi Ngụy Tướng) 411
- NGỤY II*
4. TÊ THỦ TRẢ THÙ SỬ CỬ
(Sử Cử phi Tê Thủ ư vương) 412
5. THÀNH KHÔI KHUYÊN HÀN
ĐỪNG VỘI ĐÁNH NGỤY
(Sử vương công Lương nam) 413
6. HOÃN LẠI NGÀY TÁNG VUA NGỤY HUỆ VƯƠNG
(Ngụy Huệ vương tử) 414
13. TRÔNG KHÓ, NHỔ DỄ
(Diễn Nhu quý ư Ngụy vương) 416

- 14 TÔ ĐẠI THUYẾT VUA NGỤY CHO
THÁI TỬ LÀM TƯỚNG QUỐC
(Điền Nhu tử) 417
- 16 VUA SỞ PHẢN TÂN BỊ TÂN PHẢN LẠI
(Tân, Sở công Ngụy) 419
- 17 NGHE RIẾT RỒI THÌ TIN
(Bàng Thông dữ Thái tử) 420
- 18 VUA LỖ KHUYÊN VUA LƯƠNG
(Lương vương Ngụy Anh trường chư hầu) 421
- NGỤY III*
- CHU HÂN CAN VUA NGỤY ĐỪNG VỘI VÔ TÂN
(Tân bại Ngụy ư Hoa) 423
- 5 TÔN THẦN CAN VUA NGỤY ĐỪNG
CẮT ĐẤT CHO TÂN
(Hoa quân chi chiến) 426
- 6 THUẬN VU KHÔN CAN VUA TÊ
ĐỪNG ĐÁNH NGỤY
(Tê dục phạt Ngụy) 428
7. MẠNH THƯỜNG QUÂN THUYẾT
CHƯ HẦU CỨU NGỤY
(Tân Tương phạt Ngụy) 429
- 8 VÔ KỊ THUYẾT VUA NGỤY ĐỪNG NGHE
LỜI TÂN MÀ ĐÁNH HÀN
(Ngụy tương dữ Tân Công Hán) 432
- NGỤY IV*
- CÓ NGƯỜI KHUYÊN TÂN ĐỪNG ĐÁNH
LƯƠNG MÀ ĐÁNH SỞ
(Hiến thư Tân vương) 436

- 2 ĐỪNG NÊN TRÔNG CẬY Ở NƯỚC KHÁC
(Bát niên... vị Ngụy vương) 437
- 3 TRƯỞNG MAO KHUYÊN VUA ĐỪNG ĐÁNH HÀN
(Ngụy vương vấn Trương Mao) 439
- 7 KHÔNG CẤM ĐƯỢC CHÓ SỬA
(Bạch Khuê vị Tân Thành quân) 440
- 10 BINH ĐÔ QUÂN KHUYÊN NGUY ĐỪNG TIN TẦN
(Trương Bình chi dịch) 440
- 16 CÀNG HÀNH ĐỘNG CÀNG XA MỤC ĐÍCH
(Ngụy vương dục công Hàn Đan) 441
- 20 ĐƯỜNG THƯ THUYẾT VUA TẦN CỨU NGUY
(Tần Ngụy vi dữ quốc) 442
- 21 NÊN QUÊN RẰNG MÌNH CÓ ÂN ĐỨC VỚI NGƯỜI
(Tín Lăng quân sát Tấn Bỉ) 444
- 22 SỨC CAO VÀ AN LĂNG QUÂN KHÔNG CHỊU NHỤC
(Ngụy công Quán nhi bất hạ) 445
- 23 KHÉO TON HÓT
(Ngụy vương dữ Long Dương quân) 447
- 25 ĐƯỜNG THƯ KHÔNG LÀM NHỤC SỬ MỆNH
(Tần vương sử nhân vị An Lăng quân) 448

CHƯƠNG VII

- HÀN SÁCH 451
- HÀN I*
- 5 TÔ TẦN THUYẾT VUA HÀN THEO HỢP TUNG
(Tô Tần vị Sở hợp tung) 452

- 6 TRƯỞNG NGHI THUYẾT VUA HÀN
THEO LIÊN HOÀNH
(Trương Nghi vị Tần liên hoành) 455
- 11 NGỤY THUẬN CỨU NƯỚC THỊ KHÂU
(Ngũ quốc ước nhi công Tần) 457
- 16 HÀN MẮC MƯU SỞ
(Tần, Hàn chiến ư Trọc Trạch) 458
- HÀN II*
- 1 TRƯỞNG THÚY XIN TẦN GIÚP HÀN ĐÁNH SỞ
(Sở vi Ung Thị) 461
- 6 ĐỪNG KHINH TẦN
(Vị công Thúc) 463
- 11 CÔNG THỨC MUỐN GIẾT KI SẮT
(Công Thúc tương sát Ki Sắt) 464
- 17 PHÉP CHÍNH DANH
(Sử Tật vị Hàn sứ Sở) 464
- 19 TRUYỆN HIỆP SĨ NHIẾP CHÍNH
(Hàn Khôi tướng Hàn) 466
- HÀN III*
- 1 CÁI LỢI LÀM TRUNG GIAN TRONG CÁC HOÀ ƯỚC
(Hoặc vị Hàn công Trọng) 471
- 2 CÓ NGƯỜI KHUYÊN HÀN HỢP VỚI TẦN
(Hoặc vị Công Trọng) 473
- 3 TÔI TẦN BIỆN HỘ CHO HÀN
(Hàn nhân công Tống) 474
- 4 LÀM SAO CỨU ĐƯỢC SƠN ĐÔNG?
(Hoặc vị Hàn vương) 476

- 5 MUỐN DỰNG NGHIỆP BÁ THÌ NÊN SỚM THỜ TẦN
(Vị Trịnh vương) 477
- 6 HAI CÁCH TẤN CÔNG
(Tích giả, Tần Mục Công nhất thống ư Hán Nguyên) 480
- 23 KHÔNG BIẾT DỪNG SỞ TRƯỜNG
(Đoàn Can Việt Nhân vị Tân Thành quân) 482

CHƯƠNG VIII

YÊN SÁCH 483

YÊN I

- 1 TÔ TẦN THUYẾT VUA YÊN THEO HỢP TUNG
(Tô Tần tương vi Tung) 484
- 4 TÔ TẦN THUYẾT VUA TÊ TRẢ
MƯỜI THÀNH CHO YÊN
(Yên Văn công thời) 486
- 5 TÔ TẦN BIỆN HỘ
(Hữu nhân ố Tô Tần ư Yên vương giả) 488
- 6 TRƯƠNG NGHI THUYẾT VUA YÊN
THEO LIÊN HOÀNH
(Trương Nghi vị Tần phá tung) 491
- 9 VUA YÊN NHƯỜNG NGÔI CHO TỬ CHI
(Yên vương khoái tức vị) 493
- 10 YÊN CHIÊU VƯƠNG CHIÊU HIỀN
(Yên Chiêu vương thu phá Yên) 497
- 13 ÍCH LỢI CỦA BỌN TRUNG GIAN
(Yên vương vị Tô Đại) 500

YÊN II

- | | | |
|----|--|-----|
| 1 | TÔ ĐẠI CAN VUA YÊN ĐỪNG THỜ TẦN
(Tần triệu Yên vương) | 502 |
| 4 | TÔ ĐẠI NHỜ THUẦN VU KHÔN
GIỚI THIỆU VỚI VUA TÊ
(Tô Đại vị Yên thuế Tê) | 506 |
| 5 | TÔ ĐẠI PHẢN TÊ
(Tô Đại tự Tê Sử nhân vị Yên Chiêu vương) | 507 |
| 7 | TRẦN THÚY THUYẾT YÊN THÁI HẬU
(Trần Thúy hợp Tê, Yên) | 509 |
| 10 | THƯ NHẠC NGHỊ ĐÁP YÊN CHIÊU VƯƠNG
(Xương Quốc công Nhạc Nghị) | 511 |
| 11 | CÁC NƯỚC YẾU NÊN ĐOÀN KẾT VỚI NHAU
(Hoặc hiến thư Yên vương) | 516 |
| 13 | TRAI CÒ GĂNG NHAU, CHỈ LỢI ÔNG CHÀI
(Triệu thả phạt Yên) | 518 |

YÊN III

- | | | |
|---|---|-----|
| 5 | THÁI TỬ ĐAN VÀ KINH KHA
(Yên, Thái tử Đan) | 519 |
|---|---|-----|

CHƯƠNG IX

- | | | |
|---|--|-----|
| | TỔNG, VỆ SÁCH | 531 |
| | <i>TỔNG</i> | |
| 1 | KINH HỨA HẢO VỚI TỔNG
(Tê công Tống) | 532 |
| 2 | MẠC TỬ CAN VUA SỞ ĐỪNG ĐÁNH TỔNG
(Công Thâu Ban vị Sở thiết cơ) | 533 |

5	MUỐN KHỎI MẤT ĐỊA VỊ (Vị Đại Doãn viết)	535
6	TÔ TÂN KHUYÊN TỀ CHO TỔNG CẦU HÒA (Tổng dũ Sở vi huynh đệ)	535
7	THUẬT BÁCH CHIẾN BÁCH THẮNG (Ngụy Thái tử tự tướng)	536
8	TRUYỆN CON SẼ ĐỂ CON NHẬN (Tổng Khang vương chi thời)	537
	<i>VỆ</i>	
9	NAM VĂN TỬ ĐOÁN ĐƯỢC DÃ TÂM CỦA TRÍ BÁ (Trí Bá dục phạt Vệ)	539
10	NAM VĂN TỬ MỘT LẦN NỮA ĐOÁN ĐƯỢC DÃ TÂM CỦA TRÍ BÁ (Trí Bá dục tập Vệ)	540
12	NGÔ HẠ TIÊN SINH NÓI GIÚP KHÁCH NƯỚC VỆ (Vệ sử khách sư Ngụy)	541
14	NÓI KHÔNG NHẦM LÚC (Vệ tự quân thời)	542
	CHƯƠNG X	
	<i>TRUNG SƠN SÁCH</i>	544
2	TRƯƠNG ĐĂNG DỪNG MƯU GẠT TỀ (Tề Thủ lập ngũ vương)	545
4	CÔNG TÔN HOÀNG NÓI THỰC MÀ BỊ NGHI (Tư Mã Hi sứ Triệu)	548
5	ĐIỀN GIẢN GIÚP TƯ MÃ HI (Tư Mã Hi tam tướng Trung Sơn)	549

6	TƯ MÃ HI NGÂM GIÚP ÂM CƠ (Âm Cơ dữ Giang Cơ tranh vi hậu)	550
7	TRỌNG KẺ HIỀN THÌ NGUY CHO NƯỚC (Chủ phụ dục phạt Trung Sơn)	552
8	ÂN VÀ OÁN (Trung Sơn quân hưởng đô sĩ đại phu)	553
10	BẠCH KHỞI KHUYÊN CHIÊU VƯƠNG ĐỪNG ĐÁNH TRIỆU (Chiêu vương ký tức dân)	554
	PHỤ LỤC	560
	NIÊN BIỂU ĐỜI CHIẾN QUỐC (Theo Từ Hải)	560
	TÊN MỘT SỐ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM KỂ TRONG PHẦN I (1)	566
	NHÂN DANH VÀ ĐỊA DANH TRONG PHẦN TRUYỆN	569
	MỤC LỤC	578
	PHẦN I	578
	GIỚI THIỆU	578
	PHẦN II	578
	TRÍCH DỊCH	597
	CHIẾN QUỐC SÁCH	597

CHIẾN QUỐC SÁCH

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN VĂN LỮU
Chịu trách nhiệm bản thảo: TRIỆU XUÂN
Biên tập: Chi nhánh NXB Văn Học
Trình bày: LẠC VIỆT Design
Sửa bản in: LÊ XUÂN HẠNH

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Hà Nội

ĐT: (84.4) 8294685 - Fax: (84.4) 8294781

CHI NHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP.HCM

ĐT: (84.8) 8483481; 8469858 - Fax: (84.8) 8483481

E-mail: trieuxuan@yahoo.com

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm, tại Xí nghiệp in FAHASA. Giấy phép đăng ký xuất bản số 808/55 CXB Cục Xuất bản cấp ngày 25/7/2000. Trích ngang kế hoạch xuất bản số 222/VHGP do Nhà xuất bản Văn Học cấp ngày 3/4/2001. In xong nộp lưu chiểu tháng 6/2001.

XNĐKXB số: 1414-2012/CXB/46-145/THTPHCM ngày 22/11/2014.
QĐXB số: 677/QĐ-THTPHCM-2014 ngày 28/12/2014.

Trịnh Chấn Đạc trong *Sáp đồ bản Trung Quốc Văn học sử* (Bắc Kinh, 1959) viết:

"Thời đại của **Chiến Quốc Sách** là một thời đại mới, mà thời đại cũ đã hoàn toàn bị lật đổ, bị hủy diệt rồi (cho nên) ngôn luận (trong **Quốc Sách**) độc sáng, trực tiếp, gồm những mưu cơ cảnh ngữ và những hùng biện lý thú. Những hành động (trong truyện) đều dưng cảm, không có cái thói thủ cựu... Nhờ vậy mà **Chiến Quốc Sách** có một nội dung đặc sáng, không khác gì những bộ truyền kì của Châu Âu thời trung cổ."

Trung Quốc Văn học sử (Đại học Bắc Kinh 1959) khen:

"Mỗi đoạn trong **Chiến Quốc Sách** là một cố sự hoàn chỉnh. Tình tiết, kết cấu nhân vật chạm trổ rất linh động ; tuy chỉ là phiến đoạn nhưng hoàn chỉnh, có cái phong vị tiểu thuyết".

Các học giả phương Tây như Margouliès, Crump... đều nhận rằng "**Chiến Quốc Sách** có nhiều truyện nghệ thuật rất cao"

(Lời dẫn của Nguyễn Hiến Lê)